ĐỨC PHANXICÔ
NĂM 2013

VŨ VĂN AN
Thu thập và Chuyển ngữ

Đức Phanxicô và bộ áo chùng trắng đơn giản

(Ngày,13-03-2013)

Linh tính cho tôi thấy rất có thể có khói trắng lần này, nên tôi thức dậy sớm, vào lúc 4 giờ 50 sáng giờ Sydney. Một mình ra ngồi ở phòng TV, không dám bật đèn sợ các cháu thức giấc, tôi rón rén mở TV, Đài CNN. Màn ảnh rực sáng với hàng chữ Vatican City 18.55. Lúc ấy, CNN đang chiếu một số chương trình quảng cáo. Kiên nhẫn nằm chờ. Khởi đầu là ống khói với bản tin sơ khởi. Khói chưa phun. Nhưng rồi sự chờ đợi của tôi được tưởng thưởng hả hê, sau bản tin về Syria: đúng lúc 5 giờ 07 giờ Sydney, khói tuôn ra từ ống khói, một mầu trắng không thể nào lầm lẫn được. Không như năm 2005, mầu khói lần này được tôi chắc mẩm là trắng ngay từ phút đầu tiên. Tôi vào phòng gọi bà xã ra coi: khói trắng rồi, em ơi! Trước khi chuông Nhà Thờ Thánh Phêrô xác nhận sự chắc mẩm của mình.

Và rồi kiên nhẫn nằm chờ hơn một giờ nữa, mãi lúc 6 giờ 11 phút, Đức Hồng Y Louis Tauran mới xuất hiện ở bancông để công bố "Habemus Papam". Lời ngài không được truyền thanh rõ như năm 2005, nên chính CNN cũng không biết là vị hồng y nào được bầu làm giáo hoàng, mãi một hai phút sau, họ mới xác nhận là Đức Hồng Y Bergoglio của Buones Aires, Argentina, vị hồng y từng đứng thứ nhì sau Đức HY Ratzinger về số phiếu được bầu. Nhớ lại lời một người bạn mấy ngày hôm trước, tôi biết vị hồng y này thuộc Dòng Tên. Nhưng sao lại chọn tên Phanxicô, một cái tên lạ hoắc, phải chăng ngài không phải là Dòng Tên mà là Dòng Phanxicô. Đến khi CNN nhắc đến việc ngài không ngụ tại tòa giám mục lộng lẫy mà ngụ tại một căn hộ đơn giản và nổi tiếng về lòng khiêm nhường, thì tôi hiểu tu sĩ Dòng Tên vẫn có quyền chọn Thánh Phanxicô làm người hướng dẫn, làm đuốc soi đường cho hành trình giáo hoàng đầy cam go của mình.

Rồi tân giáo hoàng xuất hiện trong bộ áo chùng trắng đơn giản, không có cả dây stola, cử chỉ đơn giản, dơ cao một tay như để ban phép lành. Nhưng không phải, ngài chỉ ban phép lành sau khi xin dân chúng ban phép lành cho ngài. Cả Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô như nhôn nhao cả lên. Giáo hoàng xin tín hữu chúc lành trước khi giáo hoàng chúc lành cho họ. Một điều chưa bao giờ xẩy ra trong lịch sử Giáo Hội. Và ngài cũng là vị giáo hoàng đầu tiên đọc đủ kinh Lạy Cha, Kính Mừng và Sáng Danh cùng với cộng đoàn nay trở thành đoàn chiên của mình trước khi cùng ban phép lành cho nhau. Phần cầu nguyện kéo dài hơn cả phần diễn văn, trong lần xuất hiện đầu tiên của Đức Phanxicô. Chúc lành xong rồi, Đức Phanxicô I lại cởi dây Stola ra, trở thành vị giáo hoàng với bộ áo chùng trắng đơn giản. Giáo Hội trong những ngày tới chắc chắn sẽ loại bỏ nhiều điều rườm rà không cần thiết, để nắm lấy điều căn bản, điều cần thiết duy nhất như Chúa Giêsu đã nói với Marta xưa: em con đã chọn phần tốt hơn!

Cám ơn Chúa đã cho chúng con một giáo hoàng đúng lúc để đem chúng con lại gần Chúa hơn, chứ không gần trần gian hơn, như nhiều người tưởng tượng.

Vài hàng ghi vội về vị tân giáo hoàng: Jorge Bergoglio sinh tại Buenos Aitres, một trong 5 người con của một công nhân hoả xa Ý. Sau khi học ở chủng viện Villa Devoto, ngài vào Dòng Tên năm 1958, đậu thạc sĩ triết học tại Colegio Máximo San José ở San Miguel, rồi dạy văn chương và tâm lý học tại Colegio de la Inmaculada ở Santa Fe, và Colegio del Salvador ở Buenos Aires. Được thụ phong linh mục năm 1969, ngài theo học tại Phân Khoa Triết và Thần Học San Miguel, rồi làm giám tập và giáo sư thần học.

Cảm phục trước tài lãnh đạo của ngài, Dòng Tên đã cử ngài làm giám tỉnh Argentina trong các năm 1973 tới 1979. Năm 1980, ngài trở thành giám đốc chủng viện San Miguel, cho tới năm 1986. Ngài hoàn tất luận án tiến sĩ tại Đức, rồi về nước làm cha giải tội và linh hướng tại Córdoba.

Ngài kế nhiệm Đức HY Quarracino vào ngày 28 tháng Hai năm 1998. Đức Gioan Phaolô II phong ngài lên hồng y linh mục ngày 21 tháng Hai, năm 2001. Trong tư cách hồng y, ngài nổi tiếng về lòng

khiêm nhường, bảo thủ về tín lý nhưng dấn thân cho công bằng xã hội. Lối sống đơn giản càng làm lòng khiêm nhường của ngài được biết đến nhiều hơn. Ngài sống trong một căn hộ nhỏ, chứ không sống tại toà giám mục lộng lẫy, không dùng xe riêng mà dùng phương tiện giao thông công cộng, và có người còn cho là ngài nấu ăn lấy.

Lúc Đức Gioan Phaolô II băng hà, ngài được coi là một trong những *papabili*. Và trong cơ mật viện năm 2005, có lời đồn là số phiếu bầu ngài sít sao với số phiếu bầu Đức HY Ratzinger cho tới lúc ngài khóc lóc xin các hồng y anh em đừng bỏ phiếu cho ngài.

Henry Chu, viết trên Los Angeles Times ngày 13 tháng 3, nhận định rằng: vận tốc cuộc bầu cử, chỉ vài giờ lâu hơn thời gian cơ mật viện lần trước nhằm bầu Đức Bênêđíctô năm 2005, cho thấy các vị hồng y đã nhanh chóng kết hợp sau một ứng viên bất chấp các phúc trình cho rằng có sự chia rẽ gia tăng giữa các hồng y trong việc lựa chọn. Báo chí thế tục quả có nhiều điều cần học hỏi qua việc chọn bầu Đức Phanxicô.

Đức Phanxicô: không thay đổi mà thay đổi thật nhiều

(Ngày 14/03/2013)

Đúng như nhận định của linh mục Matt Malone, S.J., chủ bút tạp chí America, phát biểu vào ngày đầu tiên của Cơ Mật Viện, các hồng y của Giáo Hội đã chọn một vị giáo hoàng với ba đặc điểm: quản trị, truyền giảng Tin Mừng và trên hết thánh thiện. Ngài là một hồng y càng ngày càng nổi tiếng về tâm linh và tài lãnh đạo mục vụ tại một vùng có số tín hữu Công Giáo đông đảo nhất thế giới. Từ năm 1998, ngài là tổng giám mục của Buenos Aires, nơi tác phong của ngài khá khiêm nhường và gần gũi dân. Ngài sử dụng xe buýt, thăm viếng người nghèo, sống trong một căn hộ đơn giản và tự nấu lấy các bữa ăn. Với nhiều người tại Buenos Aires, ngài đơn giản chỉ là "Cha Jorge".

Ngài từng thành lập nhiều giáo xứ mới, tái tổ chức các văn phòng quản trị, đưa ra nhiều sáng kiến phò sự sống và khởi sự nhiều chương trình mục vụ mới như một ủy ban cho người ly dị. Ngài từng đóng vai đồng chủ tịch Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 2001 và được bầu vào ủy ban thường trực của thượng hội đồng, nên không xa lạ gì với các giám mục thế giới.

Ngài cũng soạn tác nhiều cuốn sách về linh đạo và suy niệm và là người mạnh dạn lên tiếng chống phá thai và hôn nhân đồng tính. Năm 2010, khi Argentina trở thành quốc gia Châu Mỹ Latinh đầu tiên hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính, ngài khuyến khích hàng giáo sĩ toàn quốc thúc giục tín hữu biểu tình chống lại luật này vì nếu đem ra thi hành, nó sẽ trấn thương gia đình một cách trầm trọng. Ngài cũng cho rằng việc các cặp đồng tính được nhận con nuôi sẽ "tước đoạt khỏi trẻ em quyền được lớn lên một cách nhân bản, quyền mà Thiên Chúa muốn chúng được hưởng qua một người cha và một người mẹ".

Năm 2006, ngài chỉ trích một dự luật của Argentina nhằm hợp pháp hóa việc phá thai trong một số hoàn cảnh, cho đó là bất kính đối với các giá trị được đa số người Argentina tôn trọng, và nhằm thuyết phục Giáo Hội Công Giáo "dao động trong việc bảo vệ phẩm giá con người".

Vai trò của ngài cũng buộc ngài phải công khai nói tới kinh tế, các vấn đề xã hội và chính trị mà xứ sở ngài đang phải đối phó. Các bài giảng và diễn văn của ngài luôn nhắc tới sự kiện: mọi người đều là anh chị em với nhau và Giáo Hội cũng như xứ sở phải làm hết sức sao cho mọi người cảm thấy mình được chào đón, kính trọng và chăm sóc. Dù không quá chính trị, Đức HY Bergoglio không tránh né tác động chính trị và xã hội của sứ điệp Tin Mừng.

Không thay đổi mà thay đổi thật nhiều

Từ lúc được bầu làm giáo hoàng và trong suốt ngày đầu tiên, Đức Phanxicô gây hết từ ngạc nhiên thú vị này tới ngạc nhiên thú vị khác mà theo Giám Đốc Tin Tức của EWTN, thì chẳng có gì thay đổi đối với ngài nhưng là thay đổi rất nhiều đối với người khác, và những người lo lắng hơn cả đối với sự thay đổi này là đa số chức sắc trong Giáo Triều.

Ngạc nhiên đầu tiên, như lời Đức Hồng Y Dolan của New York kể lại là việc ngài đứng để nhận sự "thần phục" của các hồng y anh em, chứ không "ngự" trên ngai tại Nhà Nguyện Sistine, một việc mà ngài nhận thấy rất bình thường. Thái độ tự nhiên quay qua quay lại ngay trên bancông đầy nghi lễ của Vatican, trước hàng nửa triệu tín hữu và "quân cách" phía dưới cũng là một hình thức lạ với nhiều người, nhưng với ngài, thì chẳng có gì lạ cả. Hình như nửa triệu tín hữu kia cũng vẫn chỉ là anh chị em của ngài, như những anh chị em của ngài tại Buenos Aires. Ngoài bộ áo chùng trắng ra, chưa có gì khác chứng tỏ ngài ra khác, không biết chiếc nhẫn ra sao, nhưng cây thánh giá trên ngực thì, theo Cha Lombardi, vẫn là cây thánh giá khi còn là Tổng Giám Mục Buenos Aires. Không ai không chú ý tới cử chỉ cuối cùng trước khi ngài tạm biệt đám đông tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô khi ban phép lành đầu tiên cho họ: các chức sắc nghi lễ nhắc ngài rời khỏi khán đài, nhưng ngài quay qua phụ tá đòi mang micro tới để ngài chúc họ ngủ ngon và hứa cầu nguyện cho họ vào ngày hôm sau. Với người khác, đó là phá lệ, nhưng với ngài, đó là việc bình thường, không có gì thay đổi.

Người ta nhắc đến chuyện ngài "bông đùa" trên bancông Vatican về việc các hồng y anh em phải lặn lội vượt trùng dương, tới tận chân trời góc bể, để tìm ra ngài. Nhưng chuyện "bông đùa" còn vui hơn, được Đức Hồng Y Dolan kể lại, là lúc trở lại Nhà Thánh Marta, bằng minibus quen dùng lúc dự cơ mật viện chứ không phải "limousine" của giáo hoàng, ngài nói với các hồng y anh em: "Xin Chúa tha tội cho anh em (vì đã dại chọn tôi làm giáo hoàng)!" Vẫn như xưa, chẳng có gì thay đổi.

Nhưng sự không thay đổi này hiện đang làm đau đầu nhiều giới chức Vatican, cụ thể là các người có nhiệm vụ tháp tùng ngài và các nhân viên an ninh. Về việc này, có người so sánh ngài với Đức Gioan Phaolô I, vị giáo hoàng là chính mình đến độ một mình ra khỏi khuôn viên Vatican. Quả tình nụ cười của Đức Phanxicô không khác bao nhiêu so với nụ cười của vị Giáo Hoàng Mỉm Cười. Giám Đốc Tin Tức của EWTN phúc trình rằng Đức Phanxicô muốn đi đâu thì đi, đi thế nào thì đi, ngài là người của chính ngài, khiến giới chức an ninh không biết đâu mà mò. Về điểm này, phát viên ngôn viên Tòa Thánh Là Cha Lombardi xác nhận: các nhân viên an ninh đang tìm cách thích ứng với phong cách đi đứng hết sức đặc trưng của Đức Phanxicô. Ngài vẫn là ngài, không thay đổi. Nhưng sự không thay đổi này đang làm thay đổi nhiều người.

Ngài không theo cửa chính của Đền Thờ Đức Bà Cả, vì lúc đó, chưa mở cửa, thì "ta" vào theo lối phòng áo, rất tự nhiên, không thắc mắc, tay tự mang bó bông "con thảo" từ ngoài, vòng hết gian chính nhà thờ, tới tượng Mẹ, bằng một nhịp bước không cần chờ ai, tự đặt bó bông đơn giản trước tượng Mẹ để cầu cho anh chị em mình. Nếu để ý, thì đây là một bó bông hết sức tầm thường, một bó bông mà bất cứ bà nội trợ nào cũng có thể ngắt từ thửa vườn sau nhà.

Điều gây ngạc nhiên hơn cả là sau một đêm ngủ ngon, như ngài nói với các hồng y anh em, mọi sự xem ra cũng vẫn không có gì thay đổi đối với ngài. Rời Vatican lần đầu tiên trong tư cách giáo hoàng, ngài vẫn không dùng "limousine" giáo hoàng, mà dùng một trong các xe của cảnh sát Vatican để kính viếng Đền Thờ Đức Bà Cả. Lúc đến cũng như lúc đi, chỉ vỏn vẹn mấy chức sắc tháp tùng. Trên đường trở về, ngài làm mọi người ngạc nhiên khi gửi lời chào tới các trẻ em của một ngôi trường gần đó, rồi bắt tài xế dừng lại Domus Internationalis Paulus VI, gần Piazza Navona, nơi ngài cư ngụ trước khi tham dự cơ mật viện, để lấy đồ đoàn gửi tại đó và nhất là trả tiền trọ! Điều này không biết có phá bỏ mọi nghi thức liên quan tới vị giáo hoàng tân cử hay không, nhưng nhất định đánh đổ câu trả lời của linh mục Matt Malone, S.J., chủ bút tạp chí America khi ngài trả lời một câu hỏi của độc giả rằng: khi

được bầu, đức giáo hoàng có đi lấy đồ đoàn của mình và mang tới Rôma hay không? Linh mục Malone nói như "đinh đóng cột" rằng: vị tân giáo hoàng sẽ ở lại Vatican, mọi đồ đoàn sẽ được mang tới cho ngài bằng bất cứ giá nào! Câu trả lời này ít nhất không đúng đối với Đức Phanxicô.

Con đường dẫn tới Phục Sinh

Sự thay đổi mà Đức Phanxicô, trong những ngày tới sẽ mang lại, chắc chắn rất sâu xa không phải chỉ là cung cách bề ngoài mà còn cả trong tư duy con người nữa. Sự thay đổi này đã được ngài vạch ra cho anh chị em ngài ở Buenos Aires nhân dịp đầu Mùa Chay vừa qua (cách nay mới có một tháng thôi). Trong sứ điệp này, Đức tổng giám mục Bergoglio khẩn khoản nói với anh chị em của ngài rằng: "Nước Thiên Chúa cần trái tim anh chị em bị xé nát bởi ý nguyện hồi tâm và yêu thương, ngập tràn ơn thánh và các cử chỉ hữu hiệu để thoa dịu nỗi đau của anh chị em vốn đang cùng đồng hành với chúng ta".

Sứ điệp ấy khẩn thiết kêu mời mọi người chống lại tác phong dửng dưng và cái ác xã hội do tội lỗi tạo nên. Chính tội lỗi tạo ra sự suy đồi trong xã hội, một suy đồi đang phá hoại các gia đình, khu xóm, cộng đồng và nói chung toàn bộ nền văn hóa của ta. Chống lại thứ văn hóa lạnh lùng với người yếu thế hơn cả, ta phải để thân phận của anh chị em ta đâm thấu trái tim ta bằng cách trở về với Thiên Chúa. Ta không thể gần gũi Chúa Kitô mà lại dửng dưng trước cảnh thối nát và tha hóa xã hội mà tội lỗi đã gây ra trên bình diện cơ bản nhất của xã hội là gia đình, liên hệ vợ chồng, liên hệ giữa cha mẹ và con cái.

Cái vết thương do tội lỗi gây ra trên sâu đến độ không thể chữa chạy bằng những hành vi và cử chỉ bên ngoài. Nếu ta biết quan tâm tới xã hội, thẳm sâu tâm hồn ta phải tan nát vì sự kiện ta phạm tội. Tội lỗi làm trái tim ra ra cứng cỏi. Chính cái trái tim ra cứng cỏi ấy khiến ta coi trẻ chưa sinh, hôn nhân truyền thống, người già, người bệnh và người nghèo như những bất tiện cần tránh né. Ta không bảo vệ và yêu thương người yếu thế nhất trong xã hội đủ vì ta không đếm xỉa gì tới thực tại tội lỗi trong đời ta. Hãy xé nát trái tim, đừng xé nát quần áo. Hãy trở về với Thiên Chúa, Đấng từ bi nhân hậu, chậm nổi giận và thật giầu xót thương (Ge 2:13).

Chỉ khi nào trở về với tình yêu Thiên Chúa, ta mới bắt đầu thực sự yêu thương nhau, trong gia đình, chòm xóm, cộng đồng và xa hơn thế. Sự hồi tâm này là đường dẫn tới sự sống, dẫn tới Phục Sinh. Ta diễm phúc có được một nhà truyền giảng như thế trên Ngai Tòa Phêrô.

Đức Phanxicô: các phát biểu trước khi làm giáo hoàng

(Ngày 15/03/2013)

Trước khi được bầu làm giáo hoàng, các nhận định đáng lưu ý nhất của Đức Phanxicô, tức Đức HY Jorge Mario Bergoglio, đã được phát biểu trong hai cuộc phỏng vấn, một với Sefania Falasa năm 2007 và một với Antonea Tornielli năm 2012, cả hai cuộc đều nhân dịp Đức Hồng Y tham dự mật viện hồng y do Đức Bênêđíctô XVI triệu tập.

Từ dưới đi lên

Trong mật viện hồng y năm 2007, ngài nhận rằng ngài có đề cập tới Hội Nghị Toàn Thể lần thứ 5 của các giám mục Châu Mỹ La Tinh tại Aparecida, Brazil, một hội nghị được ngài mô tả là giây phút hồng ân đối với Giáo Hội tại đó. Văn bản đúc kết cuối cùng của hội nghị dài 100 trang được ngài coi là văn kiện huấn quyền của giáo hội vùng này, một văn kiện được

hoàn thành trong bầu khí hợp tác chân thực và huynh đệ, tôn trọng lẫn nhau. Đặc biệt, đây là một công trình chuyển dịch *từ dưới lên trên*, chứ không ngược lại. Điều này có nghĩa: lần đầu tiên có một hội nghị toàn thể không khởi đầu từ một bản văn soạn sẵn mà từ một cuộc đối thoại cởi mở giữa CELAM và các hội đồng giám mục.

Đã đành, Đức Bênêđíctô XVI, trong diễn văn khai mạc, có đưa ra các chỉ dẫn tổng quát về các vấn đề của Châu Mỹ La Tinh. Nhưng ngài để các giám mục tự do thảo luận. Các nhận định của 23 chủ tịch hội đồng giám mục đã mở ra nhiều cuộc thảo luận tại các nhóm khác nhau. Giai đoạn đúc kết các đóng góp cũng có sự hợp tác của mọi người: Đến lần đúc kết thứ ba, 2,240 đóng góp đã được thu nhận. Chủ trương của Hội Nghị là tiếp nhận mọi đóng góp từ bên dưới, từ Dân Chúa và cố gắng tạo nên không hẳn một tổng hợp (synthesis) mà là một hoà hợp (harmony). Vì theo Đức Hồng Y, hòa hợp mới là chữ đúng: trong Giáo Hội, hòa hợp mới là công trình của Chúa Thánh Thần. Một trong các giáo phụ tiên khởi từng nói rằng Chúa Thánh Thần "ipse harmonia est". Chỉ có Người mới là tác giả đồng thời của đa nguyên và hợp nhất. Chỉ có Người mới khởi động được dị biệt, đa phức, đa nguyên và đồng thời tạo nên hợp nhất. Còn ta, khi tạo dị biệt ta thường chỉ tạo ra ly giáo, khi tạo hợp nhất ta thường chỉ tạo ra độc dạng.

(Điều đáng lưu ý là ngày 15 tháng Ba vừa qua, khi gặp gỡ các hồng y tại Rôma, Đức Phanxicô đã nhắc lại y nguyên nhận định trên, khi ngài nói: Chúa Thánh Thần là cội nguồn của đa nguyên và hợp nhất trong Giáo Hội. Một đàng Chúa Thánh Thần là tác giả mọi dị biệt trong Giáo Hội, như thể Người là tông đồ của Babel. Nhưng mặt khác, Người chính là Đấng đã tạo hợp nhất từ chính các dị biệt này, không phải trong bình đẳng mà là trong hoà hợp)

Điểm thứ hai được Đức Hồng Y trình bày với mật viện hồng y là Hội Nghị Aparecida là hội nghị đầu tiên được tổ chức tại một Đền Thờ Đức Mẹ. Cử hành Thánh Thể hàng ngày với dân thật khác với việc cử hành Thánh Thể giữa các giám mục với nhau. Nó cho các vị giám mục một cảm thức sống động được thuộc về dân, một cảm thức sống động về Giáo Hội đang đồng hành trong tư cách Dân Chúa, mà giám mục là các đầy tớ. Rồi các buổi thảo luận diễn ra ngay tại một phòng họp nằm dưới đền thờ. Từ đó, các giám mục tiếp tục được nghe lời kinh, giọng hát của tín hữu. Chính vì thế mà trong văn kiện cuối cùng có phần nói tới lòng đạo đức bình dân. Đây là những lời lẽ thật tươi đẹp mà Đức Hồng Y tin rằng không thể có được nếu không có bầu khí cầu nguyện cộng đồng kia. Theo ngài, sau các đoạn tuyệt vời của Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, đây là những trang viết hay nhất về lòng đạo đức bình dân trong văn bản của Giáo Hội.

Về một phương diện, Đức Hồng Y Bergoglio ví văn kiện đúc kết tại Aparecida với Tông Huấn vừa kể của Đức Phaolô VI, bởi nó dành hẳn phần lớn để nói về truyền giáo. Đối với ngài, muốn trung thành, ta phải đi ra ngoài. Tâm điểm truyền giáo là đấy. Ngài bảo: trung thành bao giờ cũng hàm nghĩa ra ngoài. Bởi nếu muốn trung thành với Chúa, ta phải ra ngoài chính bản thân ta. Ở điểm này, những người duy truyền thống hay cực đoan đã sai lầm, khi cứ khư khư ở lại, không ra ngoài, không thay đổi. Trung thành, trái lại, luôn luôn thay đổi, trung thành là triển nở, là lớn lên. Chúa đem thay đổi lại cho những người trung thành với Người. Đó chính là tín lý Công Giáo. Thánh Vincent Lerins so sánh việc phát triển sinh học của một con người: họ phải lớn lên, với Thánh Truyền, khi chuyển giao kho tàng đức tin từ thế hệ này cho thế hệ nọ, cũng lớn lên và tự củng cố với thời gian.

Đức Hồng Y nhấn mạnh tới vai trò của Chúa Thánh Thần. Nhiệm vụ của ta là can đảm gieo vãi Lời Chúa, rồi để Chúa Thánh Thần lo những việc còn lại. Tin Mừng dạy ta: chính Chúa sẽ làm hạt giống nẩy mầm và sinh hoa trái. Ngài trích dẫn các thần học gia tiên khởi ví linh hồn người ta như thuyền buồm, Chúa Thánh Thần là gió thổi buồm căng khiến thuyền lướt sóng. Sự thúc đẩy, sức mạnh của gió chính là các ơn Chúa Thánh Thần. Không có sự thúc đẩy ấy, không có các ơn thánh ấy, ta không đi tới đâu hết. Chính Người giúp ta bước vào mầu nhiệm Thiên Chúa và cứu ta thoát khỏi nguy cơ của một Giáo Hội ngộ đạo, nhất là nguy cơ một Giáo Hội tự qui chiếu vào chính mình (self-referential Church), để dẫn ta đi truyền giáo.

Garage thay vì nhà thờ

Điều trên không khiến ta vứt bỏ mọi giải pháp có tính chức năng, mọi kế hoạch và hệ thống mục vụ. Ngược lại, bất cứ điều gì dẫn tới Thiên Chúa đều tốt cả. Ngài bảo, các nhà xã hội học tôn giáo thường cho rằng ảnh hưởng của một xứ đạo có bán kính 6 trăm mét. Nhưng ở Buenos Aires, các giáo xứ cách nhau tới 2 nghìn mét, nên ngài bảo các linh mục của ngài nếu cần thì thuê một garage (chứ không phải nhà thờ) rồi kiếm một giáo dân có thiện chí tới đó, để giao tiếp với dân chúng, dạy giáo lý qua loa và nếu cần cho rước lễ! Các linh mục thưa lại: nhưng như thế thì còn ai tới nhà thờ nữa? Ngài bảo: "Các cha nói sao? Hiện nay họ có đến nhà thờ hay không?" Các ngài thưa: "Không". Thế đó, ra ngoài chính mình còn là ra ngoài chính thửa vườn rào kín của xác tín riêng, vốn được coi là không thể chuyển rời, nếu chúng trở thành chướng ngại, nếu chúng đóng kín chân trời vốn là chính Thiên Chúa.

Ngài cũng chỉ trích chủ nghĩa giáo sĩ hóa. Các linh mục đang giáo sĩ hóa giáo dân, các giáo dân đang nài xin được giáo sĩ hóa. Thật khác xa kinh nghiệm của Nhật Bản xưa: cả một cộng đoàn còn nguyên vẹn là Kitô Giáo dù không có linh mục cả hơn hai trăm năm. Khi trở lại đó, các nhà truyền giáo thấy mọi người đều được rửa tội, mọi người đều kết hôn thành sự, và mọi người chết đều được tống táng theo nghi lễ Công Giáo. Đức tin vẫn nguyên vẹn với hồng ân ơn thánh làm vui cuộc sống của người giáo dân vốn chỉ lãnh nhận phép rửa và vốn chỉ sống sứ mệnh tông đồ của họ nhờ đã lãnh phép rửa mà thôi…

Tiên tri Giôna

Nhân dịp này, Đức Hồng Y Bergoglio kể cho Falasa nghe câu truyện tiên tri Giôna. Vị tiên tri này hiểu rõ mọi chuyện. Ông hiểu rõ về Chúa, ông hiểu rõ thế nào là thiện thế nào là ác, Thiên Chúa làm gì, Thiên Chúa muốn gì, ai trung thành với Giao Ước và ai đi trệch ra ngoài Giao Ước. Ông còn có cả công thức để trở thành một tiên tri tốt. Thiên Chúa bước vào đời ông như một cơn nước lũ. Người sai ông tới Ninivê, vốn là biểu tượng của những gì cách biệt, sa ngã, của những gì ngoại vi, bên lề, của những kẻ ở bên ngoài, xa cách. Giôna thấy nhiệm vụ trao cho ông chỉ là nói cho dân ấy biết cánh tay Thiên Chúa vẫn rộng mở, lòng kiên nhẫn của Người vẫn còn đó và chờ đợi để chữa lành họ với ơn tha thứ và nuôi họ bằng tình âu yếm. Thiên Chúa sai ông tới đó chỉ có thế. Người sai ông tới Ninivê, nhưng thay vào đó, ông đã trốn chạy theo hướng đối nghịch, tới Tarsis.

Theo Đức Hồng Y, Giôna trốn chạy không phải vì lòng nhân hậu vô bờ của Thiên Chúa đối với Ninivê. Mà vì việc ấy không nằm trong kế hoạch của ông. Ông muốn hành động theo

cách riêng, ông muốn tự lái lấy hướng đi. Tính bướng bỉnh của ông đã khóa kín ông trong các cấu trúc lượng giá của riêng ông, trong các phương pháp đã sắp xếp trước, trong các ý kiến mà ông cho là chính trực. Ông đã rào kín linh hồn mình bằng dây kẽm gai chắc mẩm thay vì để Thiên Chúa tự do ra vào và mở ra nhiều chân trời phục vụ rộng lớn hơn đối với tha nhân, nên cuối cùng đã chai đá hóa tâm hồn mình. Ôi cái lương tâm cô lập đã chai đá hóa tâm hồn con người xiết bao! Giôna không còn thấy rằng Thiên Chúa hướng dẫn Dân Người bằng trái tim của một Người Cha.

Đức HY Bergoglio cho rằng các chắc mẩm của ta có thể trở thành một bức tường, một nhà tù giam hãm Chúa Thánh Thần. Những ai cô lập lương tâm mình khỏi đường đi của Dân Chúa không nếm được niềm vui của Chúa Thánh Thần, một niềm vui nuôi sống hy vọng ta. Đó chính là nguy cơ của một lương tâm cô lập. Những ai, từ thế giới Tarsis khép kín, chỉ biết than van mọi sự hay thấy bản sắc mình bị đe dọa, cuối cùng sẽ càng tự quan tâm và qui chiếu vào chính mình hơn mà thôi. Đây là tên khác của điều De Lubac gọi là "tính thế gian trong giới tâm linh" (spiritual worldliness). Nhà thần học trứ danh của Vatican II cho rằng căn bệnh này nguy hiểm hơn cả bệnh phong cùi, từng tàn hại khuôn mặt nàng dâu yêu quí của Chúa Kitô vào thời các giáo hoàng sa đọa. Tính thế gian này tự đặt mình làm tâm điểm, như bọn Biệt Phái xưa, và đã bị Chúa Kitô cực lực lên án: "… Các ông tự quang vinh chính mình. Các ông tự ban vinh quang cho nhau".

Muốn chống lại xu hướng cô lập ấy, ta nên nhìn người khác không theo điều họ phải là mà là theo điều họ đang là. Không với tiền niệm hay công thức mà là đại lượng cởi mở. Thiên Chúa nói tới thương tích và yếu đuối. Hãy để Thiên Chúa nói… Điều đáng lưu ý không phải là điều ta nói, mà là sự hiện diện của Đấng yêu thương, cứu vớt ta. Lòng sốt sắng tông đồ sẽ tự đổi mới để ta làm chứng cho Người, Đấng đã yêu thương ta từ nguyên thủy.

Thành lễ tại công trường

Ngày 24 tháng 2 năm 2012, trong một cuộc phỏng vấn của Andrea Tornielli, đại diện của tờ Vatican Insider, Đức HY Bergoglio đã nói về tân phúc âm hóa mà trước đó trong mật viện hồng y, Đức Bênêđíctô XVI đã chính thức phát động. Tornielli sở dĩ phỏng vấn ngài vì tại Buenos Aires, Giáo Hội vốn đã ra ngoài phố, công trường và trạm xá để phúc âm hóa và cử hành các bí tích. Ông yêu cầu ngài bình luận về các cuộc thảo luận trước đó trong mật viện và lời lẽ của Đức Giáo Hoàng.

Đức Hồng Y cho rằng việc Đức Bênêđíctô XVI nhấn mạnh tới Tân Phúc Âm Hóa và mở ra Năm Đức Tin rất tương hợp với bối cảnh của Châu Mỹ La Tinh, nơi mà Hội Nghị Toàn Thể các giám mục của châu lục họp tại Aparecida năm 2007 đã quyết định gọi châu của mình là châu lục truyền giáo, mà đỉnh cao là việc đòi mọi hoạt động bình thường của Giáo Hội phải được tiến hành theo quan điểm truyền giáo. Điều này có nghĩa phải có một căng thẳng rất mạnh giữa trung tâm và ngoại vi, giữa xứ đạo và khu phố. Ta cần phải ra ngoài chính ta và hướng ra ngoại vi (periphery). Ta cần xa lánh cơn bệnh tâm linh của Giáo Hội, một cơn bệnh tự gói mình trong chính thế giới của mình: Khi một giáo hội trở nên như thế, nó sẽ mang bệnh. "Dĩ nhiên, ra ngoài phố có cái nguy gặp tai nạn, như bất cứ người đàn ông đàn bà bình thường nào khác. Nhưng một giáo hội tự bó mình trong chính mình, sẽ già nua đi. Và nếu phải chọn giữa một giáo hội bị thương tích vì ra ngoài phố và một giáo hội đau yếu vì cứ ở

mãi trong nhà, chắc chắn tôi sẽ chọn thứ giáo hội đầu".

Tại Buenos Aires, giáo hội tìm cách tiếp xúc với các gia đình không còn liên hệ gì với giáo xứ. Thay vì làm một giáo hội chỉ biết đứng đó chào mời và tiếp rước, giáo hội tại đó cố gắng làm một giáo hội chịu ra khỏi mình và đi gặp gỡ những người đàn ông đàn bà không còn tham dự sinh hoạt giáo xứ nữa, không còn biết nhiều về giáo xứ và tỏ ra dửng dưng với giáo xứ. Giáo hội tổ chức những buổi đại phúc ngay tại các công trường, nơi dân chúng hay tụ tập: để cầu nguyện, cử hành Thánh Lễ, rửa tội sau một chuẩn bị ngắn. Đó là phong cách sinh hoạt của giáo xứ và của cả giáo phận nữa. Ngoài ra, giáo hội còn cố gắng vươn tay ra với những người ở xa, bằng các phương tiện kỹ thuật số, liên mạng và tin nhắn.

Ai đứng nhất

Nhận định về lời Đức Bênêđíctô XVI nhấn mạnh tới tinh thần phục vụ, Đức HY Bergoglio cho rằng ngài rất có ấn tượng về hình ảnh được Đức Giáo Hoàng đưa ra về Thánh Giacôbê, Thánh Gioan và các căng thẳng của các tông đồ quanh việc ai là người đứng nhất. Điều này cho thấy một số thái độ và luận điểm tiêu cực đã có ngay từ thuở ban đầu của Giáo Hội. Không có gì đáng ngạc nhiên cả. Tuy nhiên, chức hồng y, hay bất cứ chức tước nào trong Giáo Hội, là để phục vụ, chứ không phải một huân công để khoe khoang.

Theo Đức Hồng Y, hư danh, khoe mẽ là một thái độ rút gọn tâm linh thành một thứ trần đời. Đây là tội lỗi lớn nhất trong Giáo Hội. Một lần nữa, ngài lại nhắc tới kiểu nói "tính thế gian trong giới tâm linh" trong cuốn Méditation sur l'Église (Suy Niệm Về Giáo Hội) của Henri De Lubac. Tính thế gian này là một hình thức của chủ nghĩa lấy con người làm tâm điểm ngay trong tôn giáo, một chủ nghĩa có rất nhiều yếu tố Ngộ Đạo. Say mê nghề nghiệp (careerism) và mưu tìm thăng thưởng chính là tính thế gian này. Ngài ví nó với con công: nhìn đàng trước thì thấy đẹp mà nhìn đàng sau, thì chả còn gì là đẹp nữa. Ai chiều theo những hư danh tự phụ đó đều có những đáng thương vô vàn ẩn nấp phía sau.

Các chức sắc của Giáo Hội không phải là các đại diện phi chính phủ (NGO) mà là đầy tớ của Chúa, được Chúa Thánh Thần soi dẫn, Đấng thực sự có khả năng dị biệt hóa các đặc sủng, đồng thời kết hợp các đặc sủng này trong Giáo Hội. Phải xác tín rằng Đấng tạo ra dị biệt và hợp nhất chính là Chúa Thánh Thần. Chức sắc nào không có cái khung tâm thức ấy không phải là chức sắc của Giáo Hội theo quan điểm của Đức Bênêđíctô XVI.

Giáo Hội là mẹ tôi

Sự kiện mật nghị hồng y lần này diễn ra giữa cảnh khó khăn và căng thẳng của Giáo Hội đang bị tai tiếng rò rỉ không làm cho Đức HY Bergoglio nao núng. Đối với ngài, nó càng làm cho ta sống thực tại ấy theo quan điểm hồi tâm nhiều hơn. Nó mời ta nhìn Giáo Hội vừa thánh thiện vừa tội lỗi cùng một lúc, nhìn cả những thiếu sót và tội lỗi của Giáo Hội mà vẫn nhận ra sự thánh thiện của biết bao nhiêu người đàn ông đàn bà đang làm việc trong Giáo Hội hiện nay. "Tôi không nên cảm thấy bị nhục vì sự kiện Giáo Hội là mẹ tôi: tôi phải nhìn tội lỗi và thiếu sót của Giáo Hội như nhìn tội lỗi và thiếu sót của mẹ tôi. Và mỗi khi nghĩ đến mẹ, tôi nhớ những điều tốt, những điều đẹp mẹ làm hơn là các yếu đuối và thiếu sót của mẹ. Người mẹ bảo vệ mình bằng một con tim đầy tình yêu trước khi làm thế bằng lời. Tôi tự hỏi

ngày nay có còn tình yêu nào dành cho Giáo Hội trong trái tim những người chỉ biết chú ý tới các tai tiếng của Giáo Hội hay không".

Nhận định về Giáo Triều Rôma, Đức Hồng Y cho rằng đó là cơ phận phục vụ, "nó đang giúp tôi và phục vụ tôi. Đôi khi có những tin tiêu cực từ đó phát sinh, nhưng những tin này thường bị cường điệu và thao túng để truyền lan tai tiếng. Các nhà báo đôi khi có nguy cơ mắc chứng thích bẩn (coprophilia, đúng là thích phân) và do đó làm tăng thêm chứng ăn bẩn (coprophagia, đúng là ăn phân). Tội này đang làm hoen ố nhiều người đàn ông đàn bà, nó khiến họ chỉ tập chú vào những khía cạnh tiêu cực hơn là tích cực. Giáo Triều Rôma có những tệ hại của nó, nhưng tôi nghĩ người ta đã quá nhấn mạnh tới các khía cạnh tiêu cực của nó, và không nhấn mạnh tới sự thánh thiện của nhiều tu sĩ và giáo dân đang làm việc trong đó".

Đức Phanxicô: nhìn từ trong và nhìn từ ngoài

(Ngày 17/03/2013)

Đức Phanxicô tiếp tục gây ngạc nhiên trong bộ áo chùng trắng và đôi dầy đen đơn giản. Người ta ghi nhận nhiều câu chuyện thật nhỏ mà thật to của ngài, như vụ trực tiếp gọi điện thoại cho cha bề trên cả Dòng Tên nhưng không được nói với ngài ngay mà phải nói với một người canh cửa, một người lầm tưởng ngài với một anh chàng *lunatic* (điên, sống trên cung trăng) nào đó. Nhiều Youtube gần đây cho thấy ngài vui đùa thoải mái như thế nào với các hồng y anh em. Nội cái tên Phanxicô cũng gây nhiều ngạc nhiên, cho tới khi ngài trả lời báo chí ngày 15 tháng 3 vừa qua. Tên ấy nguyên tuyền là của Thánh Phanxicô Assisi. Nhưng trong khi người ta chỉ chú trọng tới tinh thần nghèo khó của vị sáng lập Dòng Anh Em Hèn Mọn, thì ngài tìm thấy nơi vị thánh này đến 3 đức tính sáng ngời, đủ làm cương lãnh cho triều Giáo Hoàng của ngài, và bất cứ triều giáo hoàng nào của thế kỷ 21: yêu nghèo khó, yêu hòa bình và yêu sáng thế.

Ngoài việc gán cho ngài tội đồng loã với độc tài quân sự Argentina trong biến cố bạo hành hai người anh em trong Dòng lúc còn là một giám tỉnh trẻ tuổi, báo chí thế giới đều chào mừng và ca tụng Đức Phanxicô và coi ngài xứng đáng lãnh đạo 1.2 tỷ người Công Giáo trong hành trình độc đáo của họ. Nơi quảng đại quần chúng, các phản ứng đối với việc bầu cử này đại đa số là tích cực, ngoại trừ một số "tweets" của những kẻ chuyên đùa dai hay coi thần thánh như đồ phế thải. Ở đây, chúng tôi chỉ dám dừng lại xem phản ứng của một số người bên trong và bên ngoài nghĩ gì về cuộc bầu cử này. Cụ thể những người anh em Dòng Tên của Đức Phanxicô nghĩ gì về ngài và những người Tin Lành nghĩ gì về vị tân giáo hoàng của Giáo Hội Công Giáo.

No way! Không cách gì được bầu!

Viết cho tạp chí Time ngày 15 tháng 3, linh mục James Martin, S.J., chủ bút ngoại biên (editor at Large) của tờ America, cho rằng khi được hỏi về triển vọng Đức HY Bergoglio, người anh em cùng dòng với mình, có thể được bầu làm giáo hoàng hay không, đã trả lời: No way! Không cách chi được bầu. Cha Martin nhấn mạnh thêm, không phải riêng ngài, mà đa số anh em trong Dòng đều nghĩ vậy.

Dĩ nhiên không phải vì tu sĩ Dòng Tên không xứng đáng "ngự" trên Tòa Phêrô, mà vì họ khác quá, khác đến độ trở thành ngoại biên. Cha Martin kể lại 25 năm trước, lúc ngài thông báo quyết định gia nhập Dòng Tên với một vài người bạn, ai cũng gãi đầu hỏi "vào dòng gì?". Đối với họ Dòng Tên đâu phải Công Giáo, dù họ biết rõ Dòng này đã sáng lập nhiều đại học như Georgetown, Boston College và Fordham và rất nhiều cao đẳng mang tên Loyola…

Cái khác của các linh mục Dòng Tên là cái khác chung so với các linh mục triều, những vị chuyên lo việc giáo xứ: cử hành Thánh Lễ, chủ tọa các buổi rửa tội, cưới xin và an táng; trông coi trường học và thăm viếng giáo dân. Giống các dòng tu khác, ngoài công tác giáo dục, linh mục Dòng Tên là giám đốc tĩnh tâm, tuyên úy bệnh viện và nhà tù, và đảm nhiệm nhiều chức vụ đa dạng khác như địa chất gia, nhạc sĩ, thiên văn gia, nhà tranh đấu xã hội, nhà vật lý và nhà văn…

Tất cả đều là ý hướng ban đầu của Dòng, một ý hướng không hẳn để trở thành "Phản Cải Cách" như có người lầm tưởng nhưng là để "giúp linh hồn" người ta. Tuy nhiên, có bao nhiêu tu sĩ Dòng Tên thì có bấy nhiêu cách giúp đỡ linh hồn người khác. Thành thử, theo Cha Martin, cuộc sống của tu sĩ Dòng Tên thường đem họ ra bên lề, tới những nơi mà các linh mục khác thường không được phái tới.

Đó chính là yếu tố giải thích việc khó có thể có việc bầu một tu sĩ Dòng Tên làm giáo hoàng. Họ khác với đa số các vị trong hồng y đoàn. Nhưng bây giờ nhìn lại, hình như Đức Hồng Y Bergoglio có khác với các tu sĩ Dòng Tên khác! Trước khi được phong giám mục, Jorge Bergoglio đã không phải chỉ là một tu sĩ Dòng Tên khấn giữ nghèo khó, khiết tịnh và vâng lời, mà còn là một nhà lãnh đạo của Dòng. Sau khi thụ phong linh mục, ngài làm giám tập tại Argentina, một chức vụ chủ yếu được tu sĩ Dòng coi là chức vụ quan trọng nhất, vì vị này chịu trách nhiệm huấn luyện linh đạo cho các tập sinh. Người được chọn vào chức vụ này thường có tiếng về đạo đức và phán đoán.

Sau đó, Cha Bergoglio được Cha Bề Trên Cả tại Rôma chọn làm giám tỉnh Argentina, coi sóc mọi tu sĩ của Dòng trong vùng, không những có trách nhiệm chỉ định thừa tác vụ cho họ mà còn phải chăm lo cho họ như những cá thể nữa. Thánh Inhaxiô thành Loyola muốn giám tập và giám tỉnh phải là người, trước nhất, yêu thương anh em Dòng Tên của mình và hết lòng chăm lo cho họ từ lúc còn trẻ tới lúc về già. Giám tỉnh phải chăm lo cho một tu sĩ 20 tuổi đang nghi ngại về ơn gọi của mình cũng như một linh mục 90 tuổi đang hấp hối tại một bệnh xá của Dòng sau một đời phục vụ. Vì thế, theo Cha Martin, Đức Phanxicô có kinh nghiệm tuyệt vời về quản trị cả trong lãnh vực thực tiễn và thiêng liêng.

Niềm vui giữa các tu sĩ Dòng Tên là điều hiển hiện. Mấy giờ sau cuộc bầu cử, Bề Trên Cả viết thư cho anh em mình trên khắp thế giới và hứa hẹn sẽ cầu nguyện cho "người anh em của chúng ta". Nhưng việc khó có thể được bầu làm giáo hoàng vẫn là điều làm ngạc nhiên mọi người trong Dòng, cho tới tận ngày 15 tháng 3: "tôi không thể tin được!", đó là điều đa số anh em trong Dòng phát biểu. "Chúng mình quá khác!". Phải chăng các hồng y đi kiếm một điều gì đó, một ai đó khác biệt, nên "cái khác" của Bergoglio đã lôi cuốn các ngài. Nhất là trong bầu khí rò rỉ hiện nay, có lẽ các hồng y muốn tìm một ai đó có cái nhìn khác về sự việc để chuyển nền bàn giấy đi theo hướng mới. Hình như câu bông đùa của Đức Phanxicô trên bancông Nhà Thờ Thánh Phêrô đêm nào cũng muốn xác nhận nhận định vừa kể: Một ai

đó ở bên lề, "ở tận cùng trái đất", có thể cần cho tâm điểm Giáo Hội.

Khuôn mặt mới của Đạo Công Giáo hoàn cầu

Một linh mục Dòng Tên khác là Matt Malone, chủ bút tạp chí America, người suốt tuần qua có mặt tại Vatican để theo dõi cuộc bầu tân giáo hoàng, đã cho đăng tải bức hình Đức Phanxicô đang tươi cười dùng cả hai tay nắm lấy tay của nhiều người bên đường trước cái nhìn đầy lo lắng của nhân viên an ninh. Một hình ảnh nữa nói lên "khuôn mặt mới của Đạo Công Giáo hoàn cầu". Cha Malone nói thế.

Giải thích về tấm hình trên, Cha Malone cho hay: cuộc cách mạng trong những cử chỉ nhỏ của Đức Giáo Hoàng Phanxicô vẫn tiếp diễn. Sáng Chúa Nhật, sau khi cử hành Thánh Lễ tại một xứ đạo của Vatican, ngài đã đứng bên ngoài cửa trước của nhà thờ để chào hỏi mọi người như thói quen của một cha xứ. Rồi sau đó, ngài đã "tự phát" ra gặp đám đông đang đứng chật bên hè phố, bắt tay họ, hôn trẻ thơ và ban phép lành.

Sau đó, trong buổi đọc kinh Truyền Tin, đức tân giáo hoàng đã ra ngoài bản văn soạn sẵn để khuyên tín hữu đọc cuốn sách sắp xuất bản của Đức Hồng Y Kasper về lòng thương xót và sau đó, chúc mọi người một bữa ăn trưa ngon. Nói một cách khách quan, những cử chỉ này không lớn lao chi, nhưng trong bối cảnh hiện nay, chúng rất có giá trị. Ta đã tiến tới chỗ có quyền chờ mong nơi các vị giáo hoàng một thái độ ít mầu mè hơn.

Cha Malone cũng cho rằng trong mấy ngày đầu tiên đầy tự phát năng động này đã giúp người ta khỏi lo lắng về tuổi tác của Đức Phanxicô: kỳ diệu thay, nơi ông già 76 tuổi này, người ta khám phá được một sức tươi trẻ trong mọi điều ngài làm. Và dường như ngài đang tạo ra một thế hệ mới: trong số rất nhiều người có mặt tại công trường Nhà Thờ Thánh Phêrô để cùng nguyện kinh Truyền Tin với Đức Phanxicô, nhiều thiếu và thanh niên đã theo dõi kinh đó bằng tiếng La Tinh trên Iphone để có thể thưa lại cho đúng. Nếu không phải là tân phúc âm hóa, thì Cha Malone không biết đó là gì nữa!

Và trong bầu khí bất phân thắng bại của cuộc tổng tuyển cử tại Ý hiện nay, Cha Malone cho rằng: việc Giáo Hội Công Giáo chỉ cần 48 tiếng đồng hồ đã chọn được vị thủ lãnh mới cho thấy việc báo chí thế tục đòi Giáo Hội Công Giáo phải dân chủ hơn dường như không còn thích đáng nữa!

Uống trà Maté với người Tin Lành

Trang mạng của hệ phái tin lành của mục sư Billy Graham, www.christianitytoday.com, ngày 14 tháng 3, có đăng bài của Melissa Steffan phỏng vấn nhà truyền giảng trứ danh người Argentina là Luis Palau. Ông này cho hay rất xúc động khi nghe tin Đức Hồng Y Bergoglio được bầu làm giáo hoàng, xúc động vì Argentian, xúc động vì nhân cách của ngài, xúc động vì sự cởi mở của ngài đối với Kitô Hữu Tin Lành, và xúc động vì ngài là bạn thân của ông.

Sau cơ mật viện 2005, ông tỏ ý tiếc Bergoglio không được bầu, và nói với ngài: hy vọng lần sau. Nhưng Bergoglio bảo ông: không, tôi đã quá già. Thành thử, kết quả cuộc bầu ngày 13 tháng 3 hết sức ngạc nhiên, vì ông nghĩ Bergoglio đã quá tuổi, hơn nữa vì lần trước còn chưa

thắng thì lần này đâu thắng nổi. Không ngờ: ngài vẫn đã thắng! Ngài đâu có quá già.

Nhận dịnh về nhân cách, Palau cho hay: Bergoglio biết Thiên Chúa trong chính bản thân ngài. Cách ngài cầu nguyện, cách ngài thân thưa với Chúa là cách của một người quen biết Chúa Giêsu Kitô và hết sức thân thiết với Người. Cầu nguyện không khó khăn gì đối với ngài. Ngài không cần phải đọc gì mới cầu nguyện được; ngài cầu nguyện với Chúa một cách hoàn toàn tự phát. Đây là dấu chỉ mọi sự sẽ diễn ra tốt đẹp dưới triều giáo hoàng của ngài.

Ngài rất ấm áp, lịch thiệp và tâm linh. Không hẳn ngài luôn mỉm cười ở mọi nơi, nhưng quả ngài rất ấm áp; không ai thấy lạnh lùng hay xa cách từ ngài, luôn ấm áp, hoà mình với người khác. Nói năng lúc nào cũng hòa nhã, luôn luôn xin người ta cầu nguyện cho mình. Gặp ai, ngài cũng xin họ cầu nguyện cho mình. Thành thử không lạ, trên ban công Nhà Thờ Thánh Phêrô, ngài đã xin mọi người cầu nguyện cho mình.

Nhận định về tài lãnh đạo của Đức Phanxicô, mục sư Palau cho rằng Đức Hy Bergoglio là người lấy Thánh Kinh làm trọng tâm, lấy Chúa Kitô làm tâm điểm đời mình. Ngài thiên về tâm linh hơn quản trị. Thực thế, trên bình diện bản thân, ngài nổi về tình yêu bản thân đối với Chúa Kitô, đời ngài thực sự xoay quanh Chúa Giêsu và Tin Mừng. Về tương giao giữa người với người, ngài không phải là người quen thao túng, rất thẳng thắn, nói điều mình nghĩ và làm điều mình nói một cách chân thành.

Dù là người hòa nhã, ngài có những xác tín luân lý rất mạnh và sẵn sàng bảo vệ các xác tín ấy dù phải đương đầu với chính phủ. Đối với cộng đồng Tin Lành, đây là một ngày trọng đại vì "chúng tôi nhận thấy ngài thực sự cởi mở, hết lòng tôn trọng các Kitô hữu tin Thánh Kinh; ngài thực sự đứng về phía họ… Điều này đòi nhiều can đảm và xác tín. Bởi thế, các nhà lãnh đạo Tin Lành ở Argentina rất kính trọng ngài vì lối sống bản thân của ngài, vì lòng kính trọng của ngài và vì việc ngài vươn tay ra và dành thì giờ cho họ cách tư riêng.

Về tình yêu đối với người nghèo của Đức Hồng Y Bergoglio, mục sư Palau cho hay: điều này không có nghĩa ngài là một nhà lãnh đạo tôn giáo có tính cách mạng. Ngài không tham gia cuộc chiến tranh giai cấp… Ngài phục vụ người nghèo, làm việc cho họ, nhưng không vụ xúc cảm quá trớn như thần học giải phóng. Ngài cũng là người chú ý tới tuổi trẻ, một tuổi trẻ càng ngày càng thế tục hơn. Mỗi lần nói đến tình thế của Kitô Giáo trên thế giới, bao giờ ngài cũng nói tới việc thế tục hóa và khuynh hướng tách ly khỏi Giáo Hội của thế hệ trẻ. Nhất định ngài sẽ tích cực thúc đẩy kế hoạch tân phúc âm hóa hiện nay vì ngài hiểu rõ và dấn thân cho việc này.

Riêng đối với giới Tin Lành, dưới triều giáo hoàng của Đức Phanxicô, các liên hệ sẽ tốt hơn, các căng thẳng sẽ dịu bớt. Dĩ nhiên không ai chờ mong người Tin Lành và người Công Giáo sẽ đồng ý với nhau về mọi khía cạnh. Các dị biệt tín lý vẫn còn đó, nhưng khi có các thái độ thích đáng đối với nhau và đối với lời Chúa, thì ánh sáng của Chúa sẽ đến, chấm dứt các đụng độ chạm trán, một điều đã được chứng tỏ khi ngài còn là tổng giám mục tại Buenos Aires. Nhiều cây cầu hơn đã được bắc, nhiều lòng tôn trọng lẫn nhau hơn, hiểu biết các dị biệt nhiều hơn và nhấn mạnh nhiều hơn tới những điểm đồng thuận: thần tính của Chúa Giêsu, được sinh ra bởi một trinh nữ, sống lại và tái lâm…

Nói về kỷ niệm bản thân, mục sư Palau nhớ có lần Đức Hồng Y Bergoglio tâm sự: "Anh biết giám đốc tài chánh của tổng giáo phận Buenos Aires chúng tôi là một Kitô hữu Tin Lành". Được hỏi điều đó có nghĩa gì, ngài trả lời: "tôi tin tưởng ông ta, chúng tôi dành thì giờ đọc Sách Thánh, cầu nguyện với nhau, và uống *maté* (một thứ trà xanh của Argentina) với nhau nữa". Tin tưởng nhau và bằng hữu với nhau, trọng điểm là đấy.

Một trong những khuôn mặt công cộng nhất của Kitô Giáo

Trong một bài nhận định đăng ngày 14 tháng 3 trên trang mạng Tin Lành nói trên, Ruth Moon cho rằng ngoài việc là người Nam Mỹ và Dòng Tên ra, Đức Phanxicô được người Tin Lành chú ý vì ngài đóng vai trò quan trọng của một trong những khuôn mặt công cộng nhất của Kitô Giáo. Trên khắp thế giới, có hàng triệu người không hề biết các dị biệt giữa người Thệ Phản và người Công Giáo. Đối với họ, Kitô hữu là Kitô hữu, do đó, đức giáo hoàng là người nói thay cho các Kitô hữu nói chung.

Dù sao, người Tin Lành Mỹ cũng phải biết ơn quan điểm bảo thủ của Đức Phanxicô về các vấn đề như phá thai và hôn nhân đồng tính. Trong khi ấy, tập chú của đức tân giáo hoàng về người nghèo và lối sống khắc khổ của ngài cũng đáng được họ thảo luận. Tại Hoa Kỳ, người ta nói nhiều tới giai cấp trung lưu và giai cấp giầu có, ít ai nói tới người nghèo. Nên Đức Phanxicô chắc chắn sẽ đem họ trở lại với việc chăm sóc người nghèo và người yếu thế của Thánh Kinh và của Kitô Giáo ban đầu.

Một giáo hoàng cho mọi Kitô hữu

Trong một bài xã luận ngày 13 tháng 3 của trang mạng, Timothy C. Morgan có đặt câu hỏi: tại sao các tín hữu của mọi hệ phái nên quan tâm tới người cầm đầu Giáo Hội Công Giáo? Ông trả lời vì thất bại hay thành công của Giáo Hội Công Giáo có ảnh hưởng lớn lao đối với giáo hội hoàn cầu gồm 2.1 tỷ Kitô hữu thuộc mọi tuyên tín. Điều xẩy ra ở Rôma không chỉ quanh quẩn trong biên giới Vatican, bởi các bức tường phân cách người Công Giáo với người Chính Thống, người Thệ Phản, người Tin Lành, người Ngũ Tuần đang dần dần bị sói mòn. Tất cả cái tai tiếng mà người ta nói Vatican đang vướng phải càng làm Kitô hữu nhận ra sự thật này: một Giáo Hội Công Giáo lành mạnh, chú tâm truyền giảng Tin Mừng có lợi cho mọi giáo hội và chính nghĩa của Chúa Kitô.

Ai cũng biết các Đức Gioan Phaolô II và Bênêđíctô XVI đều đã sử dụng chức vụ dạy dỗ của mình một cách tuyệt điệu. Các ngài cổ vũ tính thánh thiêng của sự sống chống lại thứ văn hóa phá thai và giết người cách êm ái. Các ngài lên tiếng chống lại chủ nghĩa duy tục đầy sói mòn. Cả hai vị đều đã triệu tập nhiều cuộc thảo luận giữa các Kitô hữu và tín hữu Hồi Giáo và giữa các quốc gia có chiến tranh với nhau. Các ngài khuyến khích cuộc thảo luận thần học liên tục giữa các học giả Công Giáo và Thệ Phản về công chính hóa, thẩm quyền giáo hội, và cái hiểu đúng về Trinh Nữ Maria.

Timothy cho rằng ít có định chế Kitô Giáo nào có tầm cỡ lịch sử như Giáo Hội Công Giáo trong các lãnh vực chăm sóc sức khỏe, giáo dục và việc bác ái. Tầm cỡ này đáng được mọi giáo hội Kitô hợp tác. Ông cũng cho rằng các liên hệ đại kết chưa bao giờ nồng ấm như ngày nay: Giáo Hội Công Giáo, khi chào mừng anh chị em Anh Giáo trở về, đã tôn trọng căn tính

Anh Giáo của họ. Tuy căng thẳng vẫn còn nhiều, nhưng Timothy nhấn mạnh rằng dù người Thệ Phản muốn hay không, chỉ có một người ở Rôma mới có thể gây ảnh hưởng đối với Kitô hữu của mọi hệ phái để họ sẵn sàng làm việc sốt sắng hơn cho chính nghĩa của Chúa Kitô, đôi khi với nhau và đôi khi trung thành trong chính truyền thống riêng của mình. Chính vì thế, mọi Kitô hữu phải cầu nguyện cho vị tân giáo hoàng.

Đức Phanxicô: đi với ma mặc áo giấy

(Ngày 18/03/2013)

Đức Phanxicô tiếp tục mang lại ngạc nhiên cho mọi người và ở chỗ nào sự ngạc nhiên này cũng đều là sự ngạc nhiên của lý thú, của sáng tạo. Và cuộc gặp gỡ với hơn 5 ngàn ký giả năm châu của ngài trong ngày 15 tháng 3 vừa lý thú vừa thật sáng tạo mà có người cho rằng đúng là ngài đã mặc áo giấy khi đi với ma. Chỉ có điều ma đây không nên hiểu chỉ là tinh quái và áo giấy đây không nên hiểu chỉ là hời hợt, giả tạo, phỉnh lừa.

Thực vậy, nói với giới truyền thông hiện đại, Đức Phanxicô đã áp dụng mọi kỹ thuật thông tin của họ. Thông tin ngày nay không phải chỉ là đưa tin tức, nhận định, mà còn phải có giải trí nữa. Nhận định xưa nay vẫn là sở trường của các vị giáo hoàng, và các ngài đã thi hành sở trường này một cách thâm thúy. Tin tức hay thông tri hình như các ngài để cho các tùy viên, nhất là từ ngày có phòng báo chí, có sở thông tin, có đài phát thanh, có đài truyền hình, có phát ngôn viên chính, phát ngôn viên phụ. Còn giải trí thì gần như không thích hợp với ngôi vị giáo hoàng. Nên hầu như bị các ngài cho ra rìa.

Nơi Đức Phanxicô, người ta thấy cả ba khía cạnh thông tin hiện đại ấy. Tất nhiên nhận định bao giờ cũng là khía cạnh hàng đầu của ngôi vị giáo hoàng nhằm giáo huấn, khuyến khích, cổ vũ, thuyết phục hay ít nhất cũng là trình bày quan điểm của định chế mà ngài là người chịu trách nhiệm. Trong bài nói chuyện với các ký giả năm châu, phần này ít nhất cũng chiếm quá nửa. Cốt chính dĩ nhiên là quan điểm của ngài về vai trò chân thực của báo chí, tức "nhìn và trình bày các biến cố trong lịch sử Giáo Hội một cách nhậy cảm đối với bối cảnh đích thực mà người ta cần phải đọc chúng, tức bối cảnh đức tin". Nghĩa là: nếu có giải thích các biến cố lịch sử thì hầu như lúc nào cũng cần một giải thích thận trọng, lưu ý tới chiều kích đức tin. Theo ngài, các biến cố xảy ra trong Giáo Hội không hẳn là đơn giản, chúng cũng phức tạp, rắc rối chẳng kém các biến cố chính trị hay kinh tế!

Các biến cố này có nét hết sức đặc thù: chúng theo một mẫu thức không hoàn toàn tương ứng với các phạm trù "thế gian" mà "chúng ta" quen sử dụng. Bởi thế, không dễ gì giải thích và thông đạt chúng cho quảng đại quần chúng đa dạng.

Ngài giải thích thêm: Giáo Hội chắc chắn là một định chế phàm nhân và có tính lịch sử, nhưng bản chất của Giáo Hội, trong yếu tính, không phải là chính trị, mà là tâm linh: Giáo Hội là Dân Thiên Chúa, là Dân Thánh của Người, một Dân Thánh đang lữ hành tìm gặp Chúa Giêsu Kitô. Chỉ với một nhãn quan như thế, người ta mới tường trình đời sống và sinh hoạt của Giáo Hội một cách thoả đáng mà thôi.

Cái định chế phàm nhân và lịch sử kia có Mục Tử là Chúa Kitô nhưng sự hiện diện của Người trong lịch sử kinh qua tự do của con người, mà giữa họ, Người chọn ra một người để phục vụ trong tư cách Đại Diện Người, thừa nhiệm Thánh Phêrô. Tuy nhiên, Người vẫn ở giữa Giáo Hội, Người vẫn là trung tâm của Giáo Hội, chứ không phải vị đại diện kia. Vì không có Người, vị đại diện kia chỉ là số không, không hiện hữu.

Ngài ngầm cho hiểu những biến cố như việc Đức Bênêđíctô XVI từ nhiệm và việc bầu chọn người

thay thế ngài, tất cả đều dưới sự hiện diện của Chúa Kitô, qua Chúa Thánh Thần. Bởi thế, điều cần là các nhà báo phải nắm được lối nhìn sự việc ấy và lối giải thích ấy mới mong tập chú đúng vào những gì thực sự xẩy ra trong Giáo Hội. Tóm lại, ngoài việc chuẩn bị cẩn thận, có nhậy cảm và kinh nghiệm ra, báo chí cần quan tâm tới chân, thiện, mỹ. Giáo Hội cũng chỉ làm có thế, đó là truyền đạt Đấng Chân, Thiện, Mỹ. Giáo Hội và báo chí không truyền đạt chính mình mà là truyền đạt bộ ba chân, thiện, mỹ ấy.

Đức Phanxicô khiêm nhường đủ để so sánh vai trò của Giáo Hội và vai trò của báo chí. Và để chứng tỏ sự song hành ấy, ngài không ngại sử dụng kỹ thuật tin tức bằng cách kể truyện, kể về một điều ai cũng muốn nghe. Nên để ý: khi ngài bắt đầu kể truyện, các ký giả đã nhất loạt vỗ tay tán thưởng như thế nào. Ngài quả đã đi vào thế giới của họ. Ngài kể lại nguyên lai của việc lấy Thánh Phanxicô Assisi làm danh hiệu cho triều đại của ngài. Nguyên lai ấy là chữ nghèo. Các ký giả vỗ tay nồng nhiệt. Ngài nhắc lại chữ nghèo hai lần và câu nói bất hủ: "Ôi, tôi muốn có một Giáo Hội nghèo, và một Giáo Hội cho người nghèo xiết bao!". Ngài cũng khiêm nhường đủ để ghi công Đức Hồng Y Claudio Hummes, TGM hưu trí của Sao Paolo, Ba Tây về việc này.

Chưa hết, kỹ thuật giải trí cũng đã được ngài sử dụng hết sức duyên dáng trong dịp này, dịp hiếm hoi gặp gỡ hơn 5 ngàn ký giả khắp năm châu, như một câu truyện làm quà: ngài cho hay một trong các hồng y đề nghị ngài nên lấy danh hiệu Clêmentê XV để "trả đũa" vị giáo hoàng đã dẹp bỏ Dòng Tên, là Dòng ngài gia nhập từ hồi còn niên thiếu, tức Đức Clêmentê XIV (1769-1774). Nhiều người tin chắc câu truyện này ngài tự đặt ra để mua vui với báo chí, chứ lúc ngài được bầu làm giáo hoàng, phải lấy danh hiệu ngay, đâu có thì giờ tham khảo ý kiến các hồng y khác. Vả lại trong bầu khí đầy xúc động lẫn phấn khích của Cơ Mật Viện lúc ấy, không ai nghĩ đến chuyện vui đùa cho được. Hiệu quả là các ký giả được một trận cười hả hê.

Tuy nhiên, "đi với ma mặc áo giấy" đã lên tới tột đỉnh trong cuộc gặp gỡ các nhà báo hoàn cầu lần này, đó là lúc ngài phải ban Phép Lành Tòa Thánh như thông lệ của bất cứ vị giáo hoàng nào, một thông lệ mà ngài cũng sẽ không phá bỏ, tuy ngài sẽ thực hiện nó cách đặc biệt. Tiến sĩ Robert Moynihan, trên www.themoynihanletters.com, khi thuật lại cách ban phép lành này đã ghi rằng nó "làm ngạc nhiên mọi người, làm vui lòng nhiều người, và làm một ít người ngỡ ngàng": ngài không giơ tay lên, không làm cử điệu chúc lành, không đọc to câu "nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần" dù ngài nói bằng tiếng Ý rõ ràng rằng: "tôi thân ái ban phép lành cho tất cả quí vị".

Đối với những người ngỡ ngàng, ngài vội giải thích bằng tiếng Tây Ban Nha (tại sao lại bằng tiếng Tây Ban Nha, thì không hiểu, có thể đó là tiếng mẹ đẻ của ngài?) rằng: "Tôi đã thưa với quí vị rằng tôi sẽ thân ái ban phép lành cho quí vị. Nhưng vì nhiều người trong quí vị không phải là thành viên của Giáo Hội Công Giáo, và nhiều quí vị khác không phải là người có tín ngưỡng, nên tôi sẽ thân ái ban phép lành cách thầm lặng, cho từng người trong quí vị, vì tôn trọng lương tâm của mỗi người, nhưng vẫn ý thức rằng mỗi người trong quí vị đều là con cái Thiên Chúa. Xin Người chúc lành cho quí vị!". Sau đó, ngài quay lưng và đi thẳng.

Đã đành đây không hẳn là một buổi tụ họp hoàn toàn có tính tôn giáo, nhưng nó vẫn là buổi tụ họp do Đức Giáo Hoàng chủ xướng. Tác phong của ngài, do đó, khiến nhiều người thấy thiếu một điều gì. Nhưng nếu đọc lại đoạn nhận định của ngài, thì ngài chỉ là người nhất quán. Ngài yêu cầu báo giới tôn trọng ngữ cảnh đức tin trong mọi biến cố của Giáo Hội được họ nhìn và giải thích, thì chính ngài hẳn nhiên phải tôn trọng ngữ cảnh của họ. Có điều, đây là một tín hiệu không mấy khích lệ cho những người duy truyền thống, nhất là các đồ đệ của Tổng Giám Mục Lefèbre

Đức Phanxicô: tuy bất đồng, anh em vẫn thương yêu nhau

(Ngày 20/03/2013)

Càng ngày càng có nhiều chuyện lý thú về Đức Phanxicô. Trên trang mạng http://reflectionsofaparalytic.com của Chelsea Zimmerman, có giai thoại sau đây trích từ ấn bản trực tuyến của tờ La Nacion, tờ báo lâu đời nhất và danh tiếng nhất của thủ đô Argentina: buổi sáng nào, Đức Hồng Y Jorge Mario Bergoglio cũng tới một sạp báo gần nhà thờ chính tòa Buenos Aires để mua báo đọc. Gần tới ngày Cơ Mật Viện bầu tân giáo hoàng, người chủ sạp báo nói đùa với ngài: "phải Cha sắp đi Rôma để lãnh gậy chỉ huy phải không?". Ngài trả lời: "Gậy chỉ huy cái gì, roi sắt nung đỏ thì có! Đừng có ngưng giữ báo cho tôi đó, tôi sẽ trở lại trong ba tuần". Bởi vậy, sau khi được bầu làm giáo hoàng, Đức Phanxicô đã điện thoại cho người chủ sạp báo để từ biệt và yêu cầu đừng giữ số báo cho ngài nữa!

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyện lý thú ấy vẫn đang dai dẳng lời tố cáo ngài đồng loã với độc tài quân sự Argentina trong thập niên 1970, lúc còn là giám tỉnh Argentina của Dòng Tên. Số là năm 2005, một luật sư nhân quyền đã chính thức khởi tố Đức Hồng Y Bergoglio, lúc còn là giám tỉnh Dòng Tên, đã liên lụy tới việc Hải Quân bắt cóc hai linh mục Dòng Tên vào năm 1976, giữa thời có Cuộc Chiến Bẩn Thỉu. Lời khởi tố của luật sư này không nói rõ bản chất việc liên lụy của Đức Hồng Y, và phát ngôn viên của Đức Hồng Y đã cực lực phản bác lời tố cáo này. Bởi thế, vụ án đã bị hủy bỏ.

Hai linh mục ở đây chính là hai cha Orlando Yorio và Franz Jalics. Hai cha bị tra tấn, nhưng 5 tháng sau, người ta thấy các ngài còn sống, bị đánh thuốc mê và gần như trần truồng. Cha Yorio tố cáo rằng trên thực tế, giám tỉnh Bergoglio đã nộp các ngài cho lý hình bằng cách không chịu nói với chế độ là mình ủng hộ việc làm của các ngài. Yorio sau đó đã bỏ Dòng, và qua đời năm 2000, nhưng trong một cuộc phỏng vấn năm 1999, ông cho hay: ông tin giám tỉnh Bergoglio đã không làm gì "để giải cứu chúng tôi, thực tế, ngài đã làm ngược lại". Cha Jalics thì từ chối thảo luận về lời tố cáo này, sau khi vào sống ẩn dật tại một đan viện Đức. Tuy nhiên, ngày 15 tháng 3, sau khi Đức HY Bergoglio được bầu làm giáo hoàng, ngài đã đưa ra lời tuyên bố xác nhận vụ bắt cóc và qui nguyên nhân cho một đồng nghiệp giáo dân. Anh này trở thành một du kích quân, rồi bị bắt và đã khai Yorio và Jalics với nhà cầm quyền khi bị tra vấn đã man. Cha Jalics còn cho rằng "Tôi không thể bình luận gì về vai trò của Cha Bergoglio trong các diễn trình này" và cho hay đã làm hòa với ngài. Cha cũng coi như vụ việc đã được xếp lại.

Ấy thế, nhưng một số báo chí vẫn trì chí nhắc lại chuyện cũ với ẩn ý bôi lô vị giáo hoàng mà không phải chỉ có người Công Giáo mới hết lời ca tụng. Sự thực là chính phủ quân sự trước đây của Argentina đã để lại cho người dân nước này một vết thương sâu xa đến nỗi nay vẫn chưa lành. Hầu như ngày nào cũng có một vụ án xử các viên chức cũ về tội vi phạm nhân quyền. Hơn 600 người đã bị kết án về các tội ác như tra tấn, đánh cướp trẻ thơ, giam cầm trái phép và sát nhân. Đức Hồng Y Bergoglio từng ra làm chứng cho hai vụ, nhưng không bao giờ bị điều tra cả. Hiện không có chứng cớ gì cho thấy ngài hợp tác với chế độ quân phiệt ấy, dù gần đây, cơ quan tư pháp của Argentina cho rằng Giáo Hội có đồng lõa trong nhiều lạm dụng. Có điều, Đức HY Bergoglio hồi ấy không phải là thành viên của hàng giáo phẩm.

Tuy nhiên, có lẽ để trả lời cho hai cuộc điều tra của báo chí năm 1986 và 2005 với kết luận cho rằng ngài gần gũi với chế độ quân phiệt, trong một cuộc phỏng vấn hiếm hoi vào năm 2010 với các người viết tiểu sử của ngài, Đức HY Bergoglio hoàn toàn bác bỏ các lời tố cáo thuộc loại này. "Trái lại, tôi đã cố gắng giúp đỡ nhiều người vào lúc đó". Thậm chí, ngài còn đưa cả căn cước cho một người trông giống ngài để họ có thể trốn khỏi Argentina.

Chính Alicia Oliveira, một cựu chánh án Argentina, cũng cho biết: "Ngài phê phán kịch liệt chế độ độc tài. Tuần nào, ngài cũng tới nhà tôi hai lần, cho tôi thấy mối quan tâm của ngài đối với các linh mục đang hoạt động xã hội trong các vùng ổ chuột. Khi hai linh mục bị bắt cóc, ngài gặp Emilio Massera, lúc đó đang chỉ huy Hải Quân, để xin thả hai vị này ra". Và sự thực nữa là hai Cha Yorio và Jalics đã được thả hồi tháng Mười năm 1976.

Graciela Fernández Meijide, một thành viên của Nghị Hội Thường Trực cho Nhân Quyền, cũng cho rằng không có chứng cớ nào liên kết Bergoglio với chế độ độc tài. Bà cho hay: "không có một tư liệu nào và Bộ Tư Pháp không thể chứng minh được điều đó. Tôi đã ở trong Nghị Hội suốt các năm của chế độ độc tài và từng tiếp nhận hàng trăm lời chứng. Nhưng không lời nào nhắc đến Bergoglio. Điều này cũng đúng đối với Ủy Ban Quốc Gia về Người Mất Tích. Không ai nhắc đến ngài như người xúi giục hay chủ mưu cả".

Một nhân chứng giá trị khác là Adolfo Perez Esquivel, người được giải Nobel về Hòa Bình năm 1980, và rất am tường thời kỳ này trong lịch sử Argentina. Lúc đó, ông là một nhà tranh đấu cho nhân quyền và bị chế độ quân sự bắt giam năm 1977, bị giam bí mật 14 tháng và bị tra tấn rất dã man. Ông cho Mundo của Đài BBC hay: "có một số giám mục đồng loã với chế độ quân sự, nhưng Bergoglio thì không. Ngài bị tố cáo không cố gắng đủ trong việc đưa hai linh mục ra khỏi tù, nhưng đích thân tôi biết có nhiều giám mục yêu cầu độc tài quân sự thả tự do cho một số tù nhân mà nào có được. Nhất định không có liên hệ nào giữa Bergoglio và độc tài".

Dĩ nhiên, ngài cũng chẳng thân thiện gì với các nhóm cấp tiến, đấu tranh xã hội. Đơn giản vì ngài là người dứt khoát bác bỏ các chủ trương ủng hộ hôn nhân đồng tính hay cho phép phá thai. Dù phát ngôn viên của Tòa Thánh cho rằng những lời tố cáo chống lại Đức Hồng Y Bergoglio phát xuất từ "một số thành phần phe tả chống giáo sĩ", nhưng như Raymond Arroyo, giám đốc tin tức của hệ thống EWTN, phát biểu trên Đài CNN ngày 13 tháng 3, phe tả này không hẳn chỉ là chống giáo sĩ mà còn phát xuất từ chính hàng ngũ giáo sĩ nữa, những giáo sĩ Dòng Tên cấp tiến, quá khích, ngả theo Thần Học Giải Phóng, rất nhiều hồi ấy.

Về điều trên, linh mục "cấp tiến" Thomas Reese, Dòng Tên, nguyên chủ bút tạp chí America, phải từ chức vì áp lực của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, nay là chuyên viên tại Trung Tâm Thần Học Woodstock tại Washington D.C., nhận định trên tờ National Catholic Reporter, ngày 17 tháng 3, rằng Dòng Tên đầy những người thông minh, hết sức nồng nhiệt đối với các suy nghĩ và việc làm của mình, nên lẽ dĩ nhiên họ có những tranh luận và bất đồng với nhau như bất cứ gia đình nào. Tôi từng có những cuộc tranh luận to tiếng với các tu sĩ Dòng Tên khác trong cả các bữa ăn, nhưng điều ấy *không có nghĩa tôi không yêu thương họ và không sẵn sàng chết cho họ. Chúng tôi là một gia đình*". Huống hồ, Bergoglio còn là cha giám tỉnh lúc Yorio và Jalics bị bắt cóc!

Một trong các bất đồng trên là Thần Học Giải Phóng mà hồi ấy "được nhiều tu sĩ Dòng Tên Châu Mỹ La Tinh ủng hộ". Nhưng linh mục Reese cho rằng bất đồng gì thì bất đồng, cả hai "phe" trong Đạo Công Giáo ở Nam Mỹ đều đã tranh đấu cho người nghèo. Jorge Mario Bergoglio là một điển hình như thế nào trong lãnh vực này, bất luận ai cũng phải thừa nhận.

Bất đồng nữa là phản ứng đối với chế độ quân sự tại Argentina. Theo linh mục Reese, là một giám tỉnh, dĩ nhiên Bergoglio chịu trách nhiệm về sự an toàn của anh em mình. Ngài sợ Yorio và Jalics gặp nguy hiểm, nên muốn hai người rời bỏ khu hoạt động. Dĩ nhiên, họ không nghe theo. Rồi họ bị bắt cóc, do một đồng nghiệp giáo dân tố cáo. "Độc tài quân phiệt không nhận tin tức gì từ Bergoglio. Trái với tin đồn, ngài không xóa tên họ khỏi Dòng, họ vẫn được Dòng che chở, vì họ là tu sĩ Dòng Tên khi bị bắt".

Nhà sử học Dòng Tên là Cha Jeff Klaiber có phỏng vấn một linh mục Dòng Tên là Cha Juan Luis

Moyano, người từng bị chế độ quân sự Argentina cầm tù và trục xuất. Klaiber cho hay: Bergoglio quả có vận động cho hai tu sĩ Dòng bị bắt.

Linh Mục Reese cũng kể một tố cáo khác cho rằng Bergoglio cung cấp tư liệu về các tu sĩ Dòng Tên cho chế độ quân phiệt. Nhưng thực ra việc cung cấp tư liệu này diễn ra nhân dịp Bergoglio xin gia hạn thông hành cho một trong các tu sĩ Dòng Tên. Việc này không những xảy ra sau khi các tu sĩ này đã bị bắt, mà còn đã được thả ra và đã an toàn ở ngoài xứ sở. Ngài không nói bất cứ điều gì có hại cho họ, và không nói bất cứ điều gì mà chính quyền chưa biết. Ngài chỉ cố gắng thuyết phục nhà cầm quyền gia hạn thông hành cho tu sĩ đó để ông tiếp tục ở lại Đức mà thôi, khỏi phải trở về Argentina.

Mary Anastasia O'Grady, một phóng viên kỳ cựu và là một chủ bút của tờ Wall Street Journal, trong một bài ngày 17 tháng 3, thì cho rằng những con chó săn của chính phủ Argentina hiện nay chính là người đã mở ra chiến dịch bôi lọ Đức Phanxicô. Điều gây ngạc nhiên, là ngài đã hôn má người cầm đầu chính phủ ấy, bà Cristina Fernandez de Kirchner, khiến bà ta phải kêu lên "Trời đất, tôi chưa bao giờ được một giáo hoàng hôn má". Về điều này hình như báo chí thế tục khó có thể hiểu nổi, bởi họ vẫn lên tiếng dè bỉu việc ngài tiếp đón tên cùng đinh chính trị (pariah) của Âu Châu: Tổng Thống Robert Mugabe của Zimbabwe.

Đức Phanxicô: nội trị và ngoại giao

(Ngày 21/03/2013)

Hơn một tuần lễ đã qua kể từ ngày Đức Hồng Y Jorge Mario Bergoglio được bầu làm giáo hoàng, lấy hiệu là Phanxicô. Điều đặc biệt là ngài vẫn còn cư ngụ tại Nhà Thánh Marta, chưa dọn vào Tông Tòa, và có người cho rằng ngài rất thận trọng trong việc bổ nhiệm các chức vụ trọng yếu cho giáo triều, nhất là chức vụ quốc vụ khanh. Cho đến nay, toàn bộ giáo triều dưới thời Đức Bênêđíctô XVI vẫn được lưu dụng cho tới khi có chỉ thị mới.

Nội trị

Sự thận trọng của Đức Phanxicô, theo Sandro Magister, một phần do ngài muốn người ta thấy các nguyên tắc hướng dẫn việc cải tổ trước đã. Điều này thấy rõ ngay từ lần ngài xuất hiện đầu tiên tại bancông Nhà Thờ Thánh Phêrô sau khi được bầu: ngài muốn hai vị hồng y đứng bên cạnh ngài. Đó là Đức HY Agostino Vallini, đại diện của ngài coi sóc Giáo Phận Rôma, và Đức Hồng Y Cláudio Hummes, Dòng Phanxicô, cặp bài trùng nhân cách hóa chương trình của ngài.

Đức Tân Giáo Hoàng muốn trước nhất là giám mục Rôma. Điều này thấy rõ ngay từ Chúa Nhật đầu tiên trong triều đại ngài: Ngài cử hành thánh lễ tại giáo xứ Thánh Anna, giữa số giáo dân hân hoan của mình. Ngài sẽ đi hết giáo xứ này tới giáo xứ nọ, thăm viếng từ trung tâm ra ngoại biên, "để phúc âm hóa thành phố hết sức tươi đẹp này". Ngài sẽ tiếp xúc trực tiếp với mọi thành phần của giáo phận mà nay đã trở nên "nàng dâu" của ngài.

Rõ ràng, ngài muốn tự gọi mình là "giám mục Rôma" trước nhất. Nhưng ngay sau đó, ngài nói thêm rằng "Giáo Hội Rôma là giáo hội chủ trì mọi giáo hội khác trong yêu thương". Đây là câu nói của Thánh Inhaxiô thành Antiôkia, giám mục tử đạo thế kỷ thứ hai, một câu nói vốn được dùng làm kim chỉ nam cho thế cân bằng quyền lực hết sức khó khăn giữa vị kế nhiệm Thánh Phêrô, giám mục Rôma, và các vị kế nhiệm của đoàn tông đồ, tức các giám mục thế giới, giữa việc thừa hành quyền tối thượng giáo hoàng và việc thừa hành tính hợp đoàn giám mục. Vào đầu thiên niên kỷ thứ hai, thế cân bằng này đã bị đánh đổ bằng cuộc ly giáo tách lìa các giáo hội Phương Đông ra khỏi Giáo Hội Rôma.

Nhưng trong nội bộ Giáo Hội Công Giáo, quyền tối thượng giáo hoàng đang chờ được cân bằng bởi

hiệp đoàn giám mục. Việc này vốn đã được Công Đồng Vatican II tha thiết kêu gọi, nhưng ít được áp dụng trên thực tế. Và gần đây, vấn đề ấy đã được Đức Bênêđíctô XVI mạnh mẽ đặt ra trong một bài diễn văn chỉ trước khi ngài tuyên bố từ nhiệm ít lâu. Đức Phanxicô đã cho thấy rõ đó là điều ngài có ý định thực hiện.

Và để làm việc đó, ngài đã có sẵn thượng hội đồng giám mục thế giới. Nó gồm khoảng 2 trăm giám mục, đại diện cho khoảng gần 5 ngàn giám mục khắp thế giới. Các giám mục đại diện này họp 2 năm một lần ở Rôma để thảo luận một vấn đề khẩn trương đặc thù đối với đời sống Giáo Hội.

Thẩm quyền của nó chỉ có tính cách tư vấn và 28 lần họp xưa nay kể từ lần đầu tiên năm 1967, nó chỉ mới thoát được sự tẻ nhạt mà thôi. Đức Phanxicô rất có thể biến nó thành tham nghị (deliberative), dĩ nhiên "cùng với và dưới" thẩm quyền tối thượng của ngài. Nhưng trên hết, ngài có thể biến nhóm giám mục hạn chế gồm 3 giám mục cho mỗi châu lục được thượng hội đồng bầu lên để chuẩn bị cho thượng hội đồng kế tiếp thành một "hội đồng hoàng gia" (council of the crown) đích danh và thường trực.

Đối với một vị giáo hoàng như Đức Phanxicô, người muốn cảm nhận nhịp đập của Giáo Hội hoàn vũ từ Rôma, thì cơ chế này hẳn phải là khí cụ lý tưởng. Cũng cần ghi nhận rằng 12 vị được thượng hội đồng mới đây bầu lên đều là những tên tuổi sáng ngời như Timothy Dolan của New York, Odilo Scherer của São Paulo, Christoph Schönborn của Vienna, Peter Erdö của Budapest, George Pell của Sydney, Luis Antonio Gokim Tagle của Manila.

Tụ họp quanh mình các đại diện tối cao của giám mục đoàn thế giới ấy, mỗi tháng một lần, thậm chí thường xuyên hơn, bằng sự hiện diện thể lý ngay tại Rôma hay bằng hội nghị viễn liên (videoconference), hẳn Đức Phanxicô sẽ cai quản Giáo Hội như lòng mong muốn của Vatican II: nghĩa là với sự hỗ trợ hiệp đoàn thường trực trong các quyết định tối hậu với tư cách người kế nhiệm của Thánh Phêrô.

Sau đó, mới tới giáo triều. Đem nó trở lại với các trách vụ phục vụ khiêm tốn hơn, thay vì vai trò quyết định vốn không thuộc trách nhiệm của nó. Đức Hồng Y Hummes đã ngầm diễn tả điều này hai ngày sau khi Đức Phanxicô được bầu làm giáo hoàng: "Rất nhiều người đang chờ đợi một cuộc cải tổ giáo triều và tôi chắc chắn ngài sẽ thực hiện điều đó, dưới các nguyên tắc cốt yếu, đơn giản và khiêm nhường như Tin Mừng đòi hỏi. Luôn luôn theo chân vị thánh mà ngài nhận tên. Thánh Phanxicô có lòng yêu mến cao độ đối với Giáo Hội phẩm trật, đối với đức giáo hoàng: ngài muốn các tu sĩ của ngài phải Công Giáo và vâng lời 'ngài giáo hoàng' (Lord pope) như ngài quen gọi".

Nhắc đến Thánh Phanxicô ở đây không phải là việc tầm thường, đối với một vị giáo hoàng được chờ mong "sẽ sửa chữa lại Giáo Hội". Trong cái huyền thoại giả tạo và duy bần về Phanxicô mà mấy ngày nay, nhiều người vốn áp đặt lên vị tân giáo hoàng, người ta tưởng tượng ra một Giáo Hội tháo bỏ mọi quyền lực, cơ cấu và giầu có để biến mình hoàn toàn thành tâm linh. Thực ra, đó không hẳn là lý tưởng sống của Thánh Phanxicô. Trong giấc mơ của Đức Innocentê III do Giotto vẽ, Thánh Phanxicô đâu có phá đổ Giáo Hội, trái lại ngài cõng Giáo Hội trên vai. Và chính Nhà Thờ Gioan Latêranô, tức nhà thờ chính tòa của Rôma, lúc đó vừa được trùng tu và trang hoàng tráng lệ, nhưng ra sấu xa do tội lỗi con người, cần được thanh tẩy. Rất ít môn đệ của Thánh Phanxicô rơi vào chủ nghĩa duy linh và lạc giáo.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô được trường phái Dòng Tên cổ kính đào luyện vững chắc. Ngài chưa bao giờ nghĩ tới việc phá sập giáo triều. Nhưng dọn sạch nó thì có. Trong bài giảng lễ vào buổi sáng hai ngày sau khi được bầu, ngài có nhấn mạnh tới chữ "không thể quở trách được" với một số ít hồng y. Ngài luôn thận trọng giữ một khoảng cách đối với giáo triều, nhưng ngài hiểu rõ các bất trật tự và tội lỗi của nó. Ngài sẽ đòi sự trung thành hữu hiệu của mọi nhân viên giáo triều, một sự trung thành từng

bị vi phạm một cách đầy tai tiếng trong mấy năm gần đây với việc rò rỉ những tài liệu cơ mật nhất, kể cả tài liệu riêng của Đức Bênêđíctô XVI. Ngài sẽ đòi một thi hành trung tín và nhanh chóng mọi chỉ thị của ngài. Ngài sẽ yêu cầu việc tái duyệt chi tiêu vì ngân sách năm 2012 có nguy cơ thâm thủng trở lại, theo các dự phóng được trình bày cho các hồng y trước khi dự cơ mật viện.

Khởi đầu, Đức Bênêđíctô XVI đã cố gắng đơn giản hóa giáo triều như phối hợp hai hội đồng văn hóa và đối thoại liên tôn, cả các hội đồng công lý và hoà bình, cũng như di dân nữa. Nhưng rồi, mọi sự trở lại như cũ khi nhiều bộ sở khác được tạo ra, như bộ tân phúc âm hóa do TGM Rino Fisichella đứng đầu. Tuy nhiên, bất đoàn kết mới là điều tồi tệ hơn cả. Mọi sở bộ đều tự tranh đấu cho mình, đôi khi sau lưng của Đức Giáo Hoàng. Vụ mưu toan xin Đức Bênêđíctô chấp thuận nghi thức phụng vụ quái dị của Neocatechumenals là một. Rất may khám phá ra, Đức Bênêđíctô đã yêu cầu Bộ Giáo Lý Đức Tin duyệt lại nghi thức đó.

Ngoại giao

Về ngoại giao, người ta tin rằng các ưu tiên của Đức Phanxicô sẽ không khác chi nhiều so với vị tiền nhiệm, chỉ khác ở phong cách mà thôi.

Giống các vị tiền nhiệm, Đức Phanxicô sẽ tiếp tục tranh đấu cho các Kitô hữu bị bách hại, cho tự do tôn giáo và tự do lương tâm. Ngài sẽ tiếp tục nhắc nhở thế giới không được loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi khu vực công cộng.

Ngài sẽ tiếp tục bồi đắp các mối liên hệ với Do Thái Giáo, Hồi Giáo và các tôn giáo khác, tìm ra các cơ sở chung để hợp tác. Có thể ngài sẽ tìm cách mở liên hệ ngoại giao với những quốc gia chưa có liên hệ chính thức với Tòa Thánh như Trung Quốc và Saudi Arabia.

Việc ngài nhấn mạnh tới Thánh Phanxicô hứa hẹn sẽ là một lôi cuốn lớn: che chở người nghèo, cổ vũ hòa bình, bảo vệ môi sinh và trên hết trình bày với thế giới một viễn kiến thực sự có tính Công Giáo về công lý và hòa bình. Mặt khác, tính đơn thành mà Đức Phanxicô sử dụng để áp dụng các giá trị này vào việc giải quyết các vấn đề thế giới, nghĩa là lấy Chúa Kitô làm tâm điểm, chắc chắn sẽ rất hữu hiệu.

Tuy nhiên, sự cởi mở của ngài, sự ấm áp và tự phát của ngài cộng với việc tuyệt đối trung thành với Huấn Quyền nhất định có ảnh hưởng nhiều hơn cả. Một nhà ngoại giao ẩn danh của Vatican mới đây cho Hãng Tin Zenit hay: vị này thấy trước sự liên tục đối với ý muốn khôn nguôi của Đức Bênêđíctô trong việc truyền bá sứ điệp Tin Mừng và giúp người ta nhận biết Chúa Kitô; nhưng tin rằng nhờ tính ấm áp và gần gũi đối với dân chúng của Đức Phanxicô, người ta càng trở nên "ý thức hơn đối với ơn thánh đã tiếp nhận".

Vị chức sắc này nói thêm: "Đức Phanxicô có đủ mọi đức tính để trở thành nhà ngoại giao rất tốt vì điều quan trọng hơn cả nơi một nhà ngoại giao là yêu dân chúng và yêu Thiên Chúa. Nhưng ngài cũng mạnh mẽ về tín lý mà không mất đi sự cởi mở và gần gũi đối với dân chúng". Vì nếu không gần gũi dân chúng, thì chỉ còn là giả tạo hay ngạo mạn mà thôi.

Trong tư cách giáo hoàng, Đức Phanxicô đã loại bỏ nhiều cái vướng vít trông thấy của quyền lực giáo hoàng và đặt mình về phía dân chúng. Vào ngày thứ Tư, khi nói chuyện với các đại biểu anh em, ngài đã tỏ lòng hết sức kính trọng, gọi Thượng Phụ Đại Kết Bartholomew là "em Anrê của tôi", vì Thượng Phụ vốn là người kế nhiệm của Thánh Anrê, em Thánh Phêrô. Nhưng nhân dịp này, Đức Phanxicô cũng nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc duy trì liên hệ với các tín hữu ngoài Kitô Giáo. Cách tiếp cận này vốn là đặc điểm rõ rệt thời ngài còn là TGM tại Buenos Aires. Người ta đã chứng kiến cảnh các đại biểu Do Thái Giáo và Hồi Giáo ôm hôn ngài thắm thiết như thế nào vào ngày thứ Tư qua. Sự

thắm thiết ấy cũng thấy rõ trong cái hôn của ngài với Nữ Tổng Thống Argentina, Cristina Kirchner, dù hai bên từng "sống mái' trong cuộc tranh đấu về hôn nhân đồng tính.

Chắc chắn ngài sẽ tiếp nối truyền thống tốt đẹp khởi đầu từ Đức Phaolô VI là tông du ngoại quốc, trong đó, chuyến đi đầu tiên, chắc chắn là Ba Tây để chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới. Nhiều nước đã đặt lời mời ngài sang thăm viếng, như Argentina, Zimbabwe…

Về các tranh chấp hiện nay như tranh chấp Falkland chẳng hạn, chắc chắn Đức Phanxicô sẽ theo đường lối ngoại giao của các vị tiền nhiệm bằng cách giữ trung lập. Chính Phủ Anh đang rất quan tâm về lập trường của ngài lúc còn là TGM Buenos Aires. Nhưng thiển nghĩ lúc ấy, là một công dân Argentina, ngài không thể phát biểu khác hơn được. Và khi tình thế trở nên nghiêm trọng khiến đôi bên đi tới chiến tranh, chắc chắn ngài sẽ sử dụng một viên chức ngoại giao trung lập của Vatican để môi giới, như chân phúc Gioan Phaolô II từng làm lúc xảy ra cuộc chiến Falkland trong thập niên 1980. Giống Đức Bênêđictô XVI, chắc chắn ngài sẽ cố gắng lập liên hệ ngoại giao với những quốc gia như Saudi Arabia và Trung Quốc. Phong thái dễ dãi và kỹ năng ngoại giao tự nhiên của ngài chắc chắn sẽ đem lại nhiều thành công hơn trong lãnh vực này.

Tuy nhiên, các nguồn tin của Vatican cho hay đây không hẳn là ưu tiên số một của ngài, đúng hơn ưu tiên ấy là tình hình nội bộ của Giáo Hội. Việc này dĩ nhiên bao gồm liên hệ với đoàn ngũ giám mục hoàn cầu và giáo triều như trên đã nói.

Về nội bộ giáo triều, tuy các câu truyện tranh dành quyền lực, tham vọng trần tục thường bị báo chí thế tục cường điệu hóa, nhưng các viên chức Tòa Thánh nhìn nhận có sự thiếu thông đạt giữa các bộ sở với nhau. Cụ thể là các rò rỉ có tên Vatileaks phần lớn chỉ được các viên chức này biết đến qua báo chí thế tục. Nội bộ giáo triều không biết gì cả. "Chúng tôi chỉ biết tới các bề trên của mình, chứ hàng ngang thì không biết chi hết… không biết điều gì xảy ra ở sở bộ bên cạnh".

Đúng như nhận định của Đức Phanxicô lúc còn là TGM ở Buenos Aires, phần đông giáo triều gồm những người có nhiệt tâm. Phần đông các nhân viên này cho Zenit hay họ không thấy thối nát ở đâu cả và họ không hề coi việc làm tại giáo triều như một nghề nghiệp, mà là một ơn gọi, nên lúc nào cũng cố gắng hồi tâm với ơn gọi ấy. Ngoài giờ làm, họ tới các giáo xứ lân cận để phụ giúp về mục vụ.

Đức Phanxicô: người bắc cầu

(Ngày 22/03/2013)

Lên tiếng với ngoại giao đoàn ngày 22 tháng 3 vừa qua, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới vai trò bắc cầu của ngôi vị giáo hoàng. Bởi lẽ theo nghĩa từ nguyên, giáo hoàng là người bắc cầu (pontifex). Nhờ thừa tác vụ bắc cầu này của các vị tiền nhiệm, ngày nay giáo hoàng đã có thể "bắt tay với mọi công dân của quí vị, với mọi hân hoan, lắng lo, kỳ vọng và mong ước của họ". Ngài hy vọng thừa tác vụ này sẽ nối ngài với "một số ít quốc gia chưa có liên hệ ngoại giao với Tòa Thánh".

Theo ngài, vai trò của giáo hoàng là mở ra cuộc đối thoại, giúp mọi người có cơ hội nhận ra nơi người khác, không phải một kẻ thù, mà là "người anh em hay chị em để nghinh đón và ôm hôn". Đối với ngài, tôn giáo đóng vai chủ yếu trong nỗ lực này bởi "người ta không thể bắc được những cây cầu giữa người với người nếu quên mất Thiên Chúa. Điều ngược lại cũng đúng, vì người ta không thể thiết lập được các mối dây liên hệ chân thực với Thiên Chúa, nếu họ lãng quên người khác".

Tuy nhiên, ngài cũng nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc bắt tay với người vô tín ngưỡng bởi chỉ có thế, các dị biệt hiện đang chia rẽ và làm chúng ta thương tổn sẽ không bao giờ thắng thế, mà là ước muốn bồi đắp những mối dây bằng hữu đích thực giữa mọi dân tộc, bất chấp tính đa dạng của họ.

Ngài cho rằng chống nghèo đói về vật chất và tinh thần, bồi đắp hòa bình và bắc cầu chính là các điểm qui chiếu "cho cuộc hành trình mà tôi muốn mời gọi từng mỗi quốc gia có đại diện ở đây tiếp nhận". Đây là một hành trình gian khổ "nếu ta không học cách thăng tiến tình yêu đối với thế giới của ta". Thế giới đây bao gồm mọi tạo vật, như tinh thần của Thánh Phanxicô.

Cai quản Tòa Thánh trong một thế giới đa nguyên và hoàn cầu hóa

Trong bài "Bắc Cầu" đăng trên tạp chí America số 1 tháng 4, 2013, Miguel Díaz, nguyên đại sứ Mỹ bên cạnh Tòa Thánh và hiện là giáo sư về Đức Tin và Văn Hóa tại Đại Học Dayton, Ohio, bàn về việc cai quản Tòa Thánh trong một thế giới đa nguyên và hoàn cầu hóa.

Theo ông, hiện đang có sự chia rẽ trầm trọng giữa những con người và giữa các quốc gia có những kinh nghiệm nhân bản khác nhau, giữa thế giới lý tính thế tục và thế giới niềm tin tôn giáo. Trong cuộc tông du Mỹ năm 2008, Đức Bênêđíctô XVI nói tới thời hiện đại như là ngã ba đường: một mặt càng ngày càng có sự liên lập nhiều hơn giữa con người và giữa các quốc gia với nhau, nhưng oái oăm thay ở mặt khác, thời hiện đại quả đang bị phân cực, tranh chấp và chia rẽ. Bởi thế, trong bài diễn văn đọc tạiWestminster Hall năm 2010, một trong những bài diễn văn quan trọng nhất về chính sách ngoại giao của Tòa Thánh, vị tiền nhiệm của Đức Phanxicô cho rằng Giáo Hội và xã hội cần bước vào "một cuộc đối thoại sâu sắc và liên tục vì lợi ích của nền văn minh chúng ta".

Tất nhiên, bối cảnh hoàn cầu và thách thức trên đang được Đức Phanxicô tiếp nhận. Ngoài vai trò mục tử toàn thể Giáo Hội ra, ngài cũng là một nhà ngoại giao nữa. Trong tư cách này, chắc chắn ngài sẽ bồi đắp kỹ năng lắng nghe sâu sắc để có thể nắm bắt tính đa dạng càng ngày càng lớn hơn trong công luận và bản chất phức hợp, đa tạp và hay thay đổi của căn tính nhân bản vốn xác định ra các dấu chỉ thời đại. Chọn lựa các cộng tác viên có khả năng sẽ là bước đầu tiên tái lập niềm tin của quốc tế đối với nền ngoại giao của Vatican mà mấy năm gần đây bị tai tiếng kém cỏi về quản trị. Dù đức giáo hoàng tiếp tục cai quản từ kinh thành muôn thuở, nhưng ngài cần bớt nhìn về quá khứ và các vị cai trị Rôma thuở xưa, để càng ngày càng nhìn vào hiện tại và tương lai, vì ngày nay, chia sẻ và hợp tác càng ngày càng trở nên khuôn thước cho các nhà lãnh đạo thế giới có tinh thần phục vụ.

Cộng đồng các quốc gia

Đức tân giáo hoàng chắc chắn sẽ làm việc gần gũi hơn với cộng đồng các quốc gia để duy trì và phát huy các nền dân chủ bền vững và bảo vệ các nhân quyền căn bản đã được ghi trong Tuyên Ngôn Chung về Nhân Quyền năm 1948. Hùn hạp với các quốc gia khác trong các mục tiêu đặc thù của chính sách ngoại giao đòi nơi Toà Thánh nhiều kỹ năng ngoại giao lớn lao, xét vì tính đa dạng và đôi khi trái ngược nhau trong các quyền lợi văn hóa, xã hội, chính trị, tôn giáo và kinh tế. Tuy nhiên, không nên quên, Tòa Thánh từng can dự vào hoạt động ngoại giao ít nhất từ thời Công Đồng Nixêa năm 325. Với cân sức lịch sử và truyền thống này, cộng với sự khôn ngoan thực tiễn và với sự phụ giúp đầy khả năng của Văn Phòng Quốc Vụ Khanh, đức tân giáo hoàng chắc chắn sẽ dành được vị trí dẫn đạo trong 5 lãnh vực sau đây của chính sách ngoại giao.

1. Bảo vệ nhân phẩm và các nhân quyền căn bản: Việc Toà Thánh nhấn mạnh tới tính phổ quát và bất khả phân của nhân quyền và việc Tòa Thánh bác bỏ điều bị coi là "quyền mới" buộc Tòa Thánh phải thâm hậu hóa các cam kết ngoại giao của mình. Khi theo đuổi các cuộc nói chuyện liên quan tới vấn đề nền tảng này: nhân quyền là phổ quát vì đa số các quốc gia nhìn nhận chúng hay vì giá trị đạo đức có sẵn trước khi có việc nhìn nhận này, vị tân giáo hoàng chắc chắn sẽ phải giáp mặt với nhiều sóng gió. Thanh thỏa được sự căng thẳng giữa truyền thống mạnh mẽ và đáng kính của mình trong việc bảo vệ phẩm giá nền tảng của mọi con người nhân bản và điều bị Tòa Thánh coi là các "quyền mới" nhất là liên hệ tới phái tính và tính dục nhân bản, là điều không dễ dàng.

Ngay trong các cố gắng đối chất với đau khổ nhân bản, cổ vũ chính nghĩa công lý, bảo vệ và che chở phẩm giá nền tảng của những con người bị đẩy ra bên lề cũng đòi Tòa Thánh phải không ngừng thương thảo với cộng đồng các quốc gia. Một đàng, Tòa Thánh tiếp tục quan tâm tới việc chấp nhận "quyền được hưởng quá mức" (right to excess) tức việc leo thang các nhu cầu đang mỗi ngày một trở nên vô giới hạn và bất phân biệt hơn, nhưng đàng khác, Toà Thánh phải tôn trọng và lưu ý tới con số mỗi ngày một gia tăng các người ủng hộ nhân quyền có chủ trương cho rằng minh nhiên cổ vũ các quyền mới này sẽ mở ra nhiều khả thể mới để giảng hòa các dị biệt chính sách hiện nay. Ngoài các quan tâm này, nhiều người mong vị tân giáo hoàng sẽ tiếp tục việc làm của vị tiền nhiệm trong việc lên tiếng bảo vệ tự do tôn giáo trên khắp thế giới, phẩm giá sự sống con người ở mọi giai đoạn và trong bất cứ hoàn cảnh xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị nào, cũng như bảo vệ những người yếu thế chống lại việc buôn bán người.

2. Phát triển và trợ giúp nhân đạo: Hàng loạt các thách thức hoàn cầu đang xuất hiện ở chân trời: khủng hoảng kinh tế hoàn cầu, chiến tranh và tranh chấp, y tế hoàn cầu và nhiều thiên tai hơn. Với hệ thống hoàn cầu gồm nhiều nhà giáo dục, nhiều cơ quan nhân đạo và cung cấp y tế, Giáo Hội có vị trí chiến lược để hợp tác trong việc giải quyết các nhu cầu hiện nay của gia đình nhân loại. Qua các tổ chức như Caritas Quốc Tế, các bệnh viện Công Giáo, các đại học Công Giáo và rất nhiều cộng đồng do giáo dân lãnh đạo, vị tân giáo hoàng sẽ gia tăng gấp bội khả năng lắng nghe nhu cầu của gia đình nhân loại và đáp ứng các tai họa do thiên nhiên hay do con người tạo ra trong tương lai.

3. Kinh nghiệm di dân hoàn cầu: Thời nay thường được mô tả là thời di dân. Cơ Quan Di Dân Quốc Tế ước lượng hiện có khoảng 214 triệu di dân trên khắp thế giới; 1 trong 33 người trên thế giới là di dân. Qua các hội đồng giáo hoàng của mình, nhất là những hội đồng về chăm sóc người di dân hay hoạt động văn hóa và đối thoại liên tôn, vị tân giáo hoàng sẽ có nhiều tài nguyên quí gía để hiểu được tính đa dạng nhan nhản khắp nơi trên thế giới, những nơi thường có liên hệ với bạo lực và tranh chấp. Trong những lúc khi các dị biệt văn hóa, tôn giáo v.v… trở thành tường ngăn cách các cộng đồng thay vì cầu bắc may mắn để gặp nhau, vị tân giáo hoàng chắc chắn sẽ dành nhiều cố gắng hơn nữa để cổ vũ tính hợp nhất vốn phát sinh từ tính công giáo của mình.

4. Giải quyết tranh chấp: Nhiều nơi tại Phi Châu, Trung Đông, Âu Châu, Á Châu và Bắc cũng như Nam Mỹ, đang diễn ra một chu kỳ tranh chấp và bạo lực triền miên. Đặc biệt, bạo lực chống phụ nữ và trẻ gái đã đạt đến mức kỷ lục. Các nghiên cứu gần đây ước lượng rằng có tới 70 phần trăm phụ nữ kinh qua bạo lực thể lý hay sinh lý do đàn ông gây ra trong đời họ. Phụ nữ và trẻ gái cũng dễ là nạn nhân của nạn buôn người, sát nhân và cắt bỏ cơ quan sinh dục. Tăng cường việc Tòa Thánh bênh vực phụ nữ và trẻ gái và hỗ trợ hơn nữa các chính sách nhằm cổ vũ phẩm giá họ, cổ vũ việc họ tham dự vào việc lãnh đạo Giáo Hội cũng như xã hội chắc chắn sẽ nhận được lời hoan hô của quốc tế ngay tức khắc.

Thêm vào đó, Giáo Hội hoàn toàn có lý khi quan tâm tới tương lai các cộng đồng Kitô hữu thiểu số tại Trung Đông. Vị tân giáo hoàng phải chạm trán với các căng thẳng chưa được giải quyết tại Syria và một số quốc gia Phi Châu, khả năng thế giới phải đương đầu với một Iran hạch nhân và sự thất bại xưa nay trong việc cổ vũ nền hòa bình lâu dài tại Trung Đông qua thỏa hiệp Do Thái Palestine. Nhân thừa các cố gắng đối thoại liên tôn và phát huy các liên hệ chân chính giữa Kitô hữu, tín đồ Hồi Giáo và tín đồ Do Thái Giáo để cổ vũ hoà bình và ích chung hẳn sẽ là đối tượng hàng đầu trong chính sách ngoại giao của vị tân giáo hoàng.

5. Bảo vệ môi sinh: Như chính lời ngài nói với ngoại giao đoàn, bảo vệ môi sinh trong tinh thần Thánh Phanxicô vốn là ưu tiên của Đức Tân Giáo Hoàng. Vị tiền nhiệm của ngài là Đức Bênêđictô XVI, trong Sứ Điệp Hòa Bình năm 2010, từng cho rằng; vun sới hòa bình và bảo vệ môi sinh luôn luôn đi đôi với nhau. Vatican xưa nay vốn nhất quán lên tiếng quan tâm đến việc thay đổi khí hậu, nhu cầu

tạo nên những nguồn năng lượng lâu bền, việc thiếu nước uống, việc hủy hoại rừng và sa mạc hóa. Đạt được đồng thuận về luật lệ cần thiết để bảo vệ môi sinh xưa nay không phải là chuyện dễ dàng do các quyền lợi chính trị, xã hội và kinh tế gặp nhiều chống chọi nhau. Nếu vị tân giáo hoàng sử dụng quyền giáo hoàng của mình qua các hệ thống định chế Công Giáo để kêu gọi các nhà lãnh đạo tôn giáo khác cùng thúc đẩy cộng đồng quốc tế ra các luật lệ kịp thời về môi sinh, các tiến bộ thực sự trong lãnh vực này chắc chắn sẽ xảy ra.

Với việc gia tăng mạnh mẽ dân số Công Giáo ở vùng Hạ Sahara Phi Châu, với việc gia tăng đều đặn dân số ấy ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mỹ (nhất là người Mỹ Châu La Tinh tại Hoa Kỳ) và với việc Mỹ Châu La Tinh đã vượt Âu Châu về dân số Công Giáo, vị tân giáo hoàng vừa nhậm chức chắc chắn sẽ vượt cam kết của vị tiền nhiệm và của giáo triều đối với Nam Bán Cầu. Các vấn đề công bằng xã hội, nhất là sự cách biệt liên tục giữa người nghèo và nước nghèo với người giầu và nước giầu cần được giải quyết ngay. Việc thi hành quyền lực, đặc ân và ảnh hưởng bất cân xứng của một số nhóm quyền lợi trong Giáo Hội cũng cần được ngài xem sét phê phán.

Đức Phanxicô: Đức Mẹ Khiêm Nhường và cuộc gặp gỡ giữa hai vị giáo hoàng

Ngày 25/3/2013

Đã từ 600 năm, nay mới lại có một lần lịch sử nữa trong đó hai vị giáo hoàng gặp nhau. Việc này được đại đa số tín hữu và dư luận thế giới hoan hô nhiệt liệt. Tuy nhiên, trước đó, nhiều người lo ngại không biết việc này diễn tiến ra sao, theo một nghi thức như thế nào, vì quả thực, cho đến nay, chưa có một qui định nào về việc này. Nhưng tất cả những lo ngại ấy đều tan biến, khi hai vị giáo hoàng gặp nhau tại bãi trực thăng, rồi cùng lên xe để rồi cùng quì cầu nguyện trên một ghế quì. Trước mặt Thiên Chúa và trước mặt con người, các ngài là anh em và đả xử sự như anh em với nhau. Điều này chắc chắn sẽ là lời nhắn mạnh mẽ nhất nói lên mối liên hệ giữa hai vị giáo hoàng, đánh tan mọi lo ngại kiểu Hans Kung về một "giáo hoàng trong bóng tối" (a shadow pope). Nhưng đây còn là lời nhắn rõ rệt nhất về cái hiểu thực tiễn đối với tính hợp đoàn giám mục dưới triều tân giáo hoàng Phanxicô. Không riêng Đức Bênêđíctô, tất cả các giám mục đều sẽ chỉ còn là anh em và sẽ xử sự với nhau như anh em.

Nhờ đâu, Giáo Hội có được hồng ân này, hồng ân hiểu biết như mới tình hợp đoàn giám mục mà Vatican II đã chính thức tiếp nối mạch sống Vatican I để phục hồi. Tiến sĩ Robert Moynihan, trên blog của ông ngày 23 tháng này, cho ta một cầu nối có thể là vô tình nhưng vô cùng hiệu nghiệm. Đó là Tổng Giám Mục Chính Thống Giáo của Mạc Tư Khoa.

Thực vậy, trong cuộc gặp gỡ trực diện lịch sử, Đức Phanxicô đã tặng Đức Bênêđíctô bức ảnh Đức Mẹ Bổng Chúa Hài Đồng rất quen thuộc của các giáo hội Đông Phương, bức ảnh mà người Công Giáo Việt Nam nhận diện là Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. Nhưng không phải, tước hiệu bức ảnh này được chính Đức Phanxicô xác nhận là Đức Mệ Khiêm Nhường. Khi tặng bức ảnh này, Đức Phanxicô nói với vị tiền nhiệm của mình nguyên văn như sau: "Họ bảo tôi rằng đây là bức ảnh Đức Mẹ Khiêm Nhường. Xin cho tôi thêm rằng: khi họ nói thế, tôi liền nghĩ đến ngài, đến biết bao gương sáng tuyệt vời về lòng khiêm nhường và dịu dàng mà ngài đã ban cho chúng tôi trong suốt triều giáo hoàng của ngài".

Nhưng "họ" đây là ai? Là ai nói mà được vị tân giáo hoàng "nghe ra" ý nghĩa để nối nó với một người khiêm nhường khác? Mà người khiêm nhường khác này thực ra không phải ai khác mà chính là biểu tượng của sự tiếp nối mãi mãi trong Giáo Hội. Moynihan quả quyết rằng "họ" đây chính là các đại diện của Tòa Thượng Phụ Chính Thống Giáo Nga, những người đã đem tặng phẩm này kính dâng

Đức Phanxicô vào ngày 20 tháng Ba.

Tại sao ông biết được điều này? Vì ngày 23 tháng Ba, ông nhận được một e-mail từ Tổng Giám Mục Hilarion, 46 tuổi, một người bạn cũ của ông, đồng thời là "ngoại trưởng" của Toà Thượng Phụ Mạc Tư Khoa, cánh tay mặt của Thượng Phụ Kirill. Nguyên văn e-mail viết như thế này: "Đây là hình bức ảnh Đức Mẹ Khiêm Nhường mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô hôm nay trao tặng Đức Giáo Hoàng Bênêđictô Hưu Trí. Đức Giáo Hoàng Phanxicô trao tặng Đức Giáo Hoàng Bênêđictô Hưu Trí bức ảnh đã được Tổng Giám Mục Hilarion nhân danh Thượng Phụ Kirill kính tặng Đức Giáo Hoàng Phanxicô sau cuộc yết kiến riêng vào ngày 20 tháng Ba. Gửi từ Iphone của tôi".

Quả là biến cố kỳ diệu, đến Thượng Phụ Kirill và Tổng Giám Mục Hilarion cũng không thể ngờ được: các vị đã trở thành cầu nối cho sự thành công tuyệt vời của cuộc gặp gỡ lịch sử giữa "hai vị giáo hoàng" của Giáo Hội Công Giáo Rôma. Hay nói đúng hơn, chính bức ảnh Mẹ Đồng Trinh Maria, Mẹ Khiêm Nhường, từ Nga mang tới và trao tặng Đức Phanxicô vào ngày 20 tháng Ba, đã khiến ngài lập tức nghĩ tới vị tiền nhiệm của mình và mang trao tặng vị này trong buổi gặp mặt đầu tiên.

Người ta không thể nào giải thích cách khác hơn là nhìn nhận rằng chính Đức Maria, Mẹ Giáo Hội, đang âu yếm chăm sóc Giáo Hội trong thời điểm khó khăn và nguy hiểm này, chính ngài đã đem hai vị giáo hoàng đến với nhau trong tình anh em không hề một vết tích lễ nghi nào.

Ngoài tình hợp đoàn giám mục ra, đây cũng là thời điểm của hồng ân đại kết, một điều gì đó vượt trên cái hiểu bình thường của ta về nguyên lý nhân quả, một kế sách siêu việt để Kitô hữu, để Giáo Hội Kitô quay về với một hiệp thông lớn lao hơn giữa Đông và Tây, Giữa Hy Lạp và La Tinh, giữa Chính Thống và Công Giáo, chỉ nhờ "cái điểm bản lề" là… Giáo Hội Chính Thống Nga.

Đức Mẹ Khiêm Nhường… vâng chính sự khiêm nhường đã đem hai vị giáo hoàng đến với nhau. Một vị thì hết sức đơn giản và khiêm nhường. Còn vị kia cũng rất đơn giản và khiêm nhường như thế. Một vị hiến đời mình cho suy tư, cho thần học. Còn vị kia thì hiến đời mình cho hành động, cho mục vụ đối với người nghèo. Con đường tiến tới hợp đoàn giám mục và tiến tới hợp nhất Kitô Giáo chắc chắn là con đường này, con đường đã được Mẹ Maria đi qua, con đường khiêm nhường.

Trong bài giảng ngày bắt đầu thừa tác vụ Phêrô, Đức Phanxicô đã kết thúc bằng những lời sau đây: "Che chở Chúa Giêsu và Mẹ Maria, che chở toàn bộ sáng thế, che chở mỗi người, nhất là những người nghèo khổ nhất, che chở chúng ta: đó là một phục vụ mà Giám Mục Rôma được mời gọi đảm nhiệm, tuy nhiên đó cũng là một phục vụ mà tất cả chúng ta đều được mời gọi, để sao sáng hy vọng được rạng chiếu. Ta hãy yêu thương che chở tất cả những gì Thiên Chúa đã ban cho ta!". Giám mục Rôma cũng có một ơn gọi như mọi người! Mọi người đều có cùng một ơn gọi như Giám Mục Rôma!

Đức Phanxicô: những người tầm thường mà "cao siêu"

(Ngày 27/03/2013)

Truyền thông tiếp tục cho ta nhiều câu truyện lý thú về Đức Tân Giáo Hoàng Phanxicô. Nhưng không gì cảm kích bằng những câu truyện liên quan đến gia đình ngài.

Cô em gái gần gũi

Maria Elena Bergoglio là em gái út và là người anh chị em duy nhất còn sống sót của Đức Phanxicô. Năm nay 65 tuổi và dù rất gần gũi anh trai, nhưng ngày 19 tháng 3 vừa qua, bà và gia đình vẫn đã ở lại Ituzaingo, gần Buenos Aires, để theo dõi Lễ Khởi Đầu Thừa Tác Vụ Phêrô của anh mình. Bà làm thế để tôn trọng lời ngài yêu cầu dân chúng Argentina thay vì tới Rôma dự lễ hãy dùng tiền đó cho người nghèo. Bà cho rằng, người nghèo đối với ngài bao giờ cũng đứng hàng đầu trong các ưu tư lo lắng của Ngài. Lúc còn là bề trên tỉnh Dòng Tên và sau này làm tổng giám mục Buenos Aires, dù tình

gia đình rất gần gũi, nhưng ngài sẵn sàng bỏ các bữa "asado" (thịt nướng) của anh chị em để phục vụ các khu ổ chuột trong thành phố. "Jorge dạy tôi phải luôn luôn hiện diện với người nghèo, luôn luôn chào đón họ, dù có vì thế mà phải hy sinh".

Maria cho rằng sự gần gũi gắn bó giữa bà và anh trai là do cha mẹ họ hay nhấn mạnh tới "giá trị của yêu thương. Chúng tôi luôn có mối liên hệ hết sức gần gũi, dù cách nhau 12 tuổi. Tôi bé nhất trong nhà, còn Jorge thì luôn nuông chiều và che chở tôi. Mỗi lần có vấn đề, tôi đều chạy tới anh và anh luôn ở đó". Dù thừa tác vụ bề trên tỉnh Dòng Tên và sau đó tổng giám mục Buenos Aires khiến anh trai bận bịu, không thể lui tới viếng thăm, nhưng hai anh em bao giờ cũng nói với nhau trên điện thoại hàng tuần.

Maria cho hay bà đặt tên cho đứa con trai đầu lòng của mình là Jorge, "để tỏ lòng tôn kính người anh đặc biệt của tôi". Ngài rất cảm động được làm cha đỡ đầu của thằng nhỏ. 'Thằng nhỏ' Jorge này, nay đã 37 tuổi, nói với báo chí rằng ông bác của anh là "người rất cởi mở, chúng tôi trò truyện với nhau về mọi điều và nói rất lâu".

Maria nhân dịp này cũng tiết lộ rằng báo chí thường nói đến lòng say mê tango, kịch nghệ và túc cầu của anh trai mình, nhưng thực ra rất ít người biết tài nấu nướng tuyệt vời của ngài. Món mà ngài sở trường là mực nhồi tuyệt diệu.

Dịp anh trai chính thức khởi đầu thừa tác vụ Phêrô, Maria và chồng cho sơn cổng nhà với mầu trắng vàng, mầu của Vatican. Ngày 14 tháng 3, một ngày sau khi được bầu làm giáo hoàng, hai anh em có dịp nói truyện với nhau trên điện thoại. "Tôi chẳng nói được gì và anh tôi cũng chẳng nói được gì. Anh chỉ nhắc đi nhắc lại: em đừng lo, anh không sao, hãy cầu nguyện cho anh".

Người bà 'thần học gia'

Đó là bà nội Đức Phanxicô, Rosa Margherita, người bà được ngài nhắc đến trong bài giảng Lễ Lá ở Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô trước đám đông 250,000 tín hữu. Vừa đọc đến chỗ "các vết thương giáng xuống nhân loại" và "lòng tham tiền bạc", ngài rời mắt khỏi bản văn soạn sẵn để dí dỏm nói: "bà chúng tôi quen nói: khăn liệm đâu có túi". Dù tích góp bao nhiêu của cải đi chăng nữa, nào có mang theo được chút gì trên đoạn hành trình cuối đời. Ngay trong thánh lễ đại trào của giáo hoàng tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, người bà của Đức Phanxicô cũng đã được nhắc tới.

Rosa Margherita Vasallo là thân mẫu của cha ngài. Bà sinh năm 1881 tại Val Bormida, miền bắc Nước Ý, và kết hôn với Ông Giovanni Bergoglio ở Turin. Năm 1908, bà sinh hạ thân phụ Đức Phanxicô là Mario. Tháng Giêng năm 1929, gia đình Bergoglio rời Portacomaro và xuống thuyền qua Buenos Aires để đoàn tụ với các thân nhân đã tới đó từ trước. Bất chấp khí hậu nóng bức và ẩm thấp (tháng Giêng Nam Bán Cầu đang là mùa hè), Bà Rosa vẫn cứ mặc cái áo khoác với cổ lông cáo, không thích hợp chút nào với thứ thời tiết ấy.

Cậu nhỏ Jorge sinh tháng Mười Hai năm 1936. Cậu lớn lên bên cạnh ông bà; các ngài dạy cậu vốn liếng thổ ngữ vùng Piedmont và quan trọng hơn nữa là đức tin Kitô. Trong một buổi phỏng vấn truyền thanh hồi tháng Mười Một năm ngoái trên đài giáo xứ của khu ổ chuột Villa 21 tại Barracas, vị giáo hoàng tương lai tâm sự như sau: "chính bà nội tôi dạy tôi cầu nguyện. Bà để lại trong tôi dấu ấn thiêng liêng rất sâu xa và thường kể cho tôi nghe nhiều truyện các thánh".

Khoảng một năm trước, trong một buổi phỏng vấn truyền hình của EWTN (có thể xem lại trên trang mạng cantualeantonianum.com), Đức Hồng Y Bergoglio thuật lại: "có một lần, lúc tôi còn ở chủng viện, bà tôi bảo tôi: con đừng quên rằng con sắp trở thành linh mục và việc cử hành Thánh Lễ là điều quan trọng nhất đối với một vị linh mục". Bà kể cho tôi nghe lời một bà mẹ khác nói với con trai, một linh mục thánh thiện, rằng "Con hãy cử hành Thánh Lễ, mọi Thánh Lễ, như thể là Thánh Lễ đầu tiên và cuối cùng của đời con".

Trong một cuộc phỏng vấn in thành sách tựa là "El Jesuita", Đức Hồng Y Bergoglio cho hay ngài giữ

một tờ giấy gấp ghi lại lời của bà ngài trong cuốn sách nguyện, cuốn sách mà ngài luôn mang theo mình dù là lúc đi du hành. Tờ giấy này ghi lại chúc thư ngắn bà gửi cho các cháu với những lời như sau: "Ước chi các cháu của tôi, những đứa cháu mà tôi đã trọn lòng yêu thương, có được cuộc sống lâu dài và hạnh phúc, nhưng nếu đau khổ, bệnh hoạn hay mất người thân đem đến đau buồn cho chúng, thì mong chúng nhớ rằng một hơi thở hít vào từ Nhà Tạm, nơi có Đấng Tử Đạo vĩ đại nhất và uy nghi nhất hiện diện, và một thoáng nhìn lên Đức Maria dưới chân Thánh Giá sẽ là thuốc thoa có sức chữa lành các vết thương sâu xa nhất và đau đớn nhất".

Lúc đó, ngài quên không khoác danh hiệu thần học gia cho người bà thân thương của mình. Nhưng Chúa Nhật, ngày 17 tháng Ba vừa qua, trong buổi đọc kinh Truyền Tin, ngài đã không quên truyện đó với một bà già khác, tuy không phải là bà ruột của ngài, nhưng ngài vẫn gọi là bà theo tập quán Argentina. Đó là một bà lão đến xưng tội với giám mục Bergoglio. Bà nói với vị giám mục: "nếu Chúa không tha thứ cho mọi người, thì thế giới này đâu còn hiện hữu". Thuật lại câu nói "thời danh" ấy, Đức Phanxicô cho hay ngài rất muốn hỏi bà lão: "Hãy cho tôi biết có phải bà đã từng học ở Đại Học Grêgoriana phải không?".

Thế giới sẽ còn phải làm quen với lối nói tự phát đầy thú vị của Đức Phanxicô, lối nói pha nhiều câu trích dẫn rất gần với niềm tin của những người tầm thường. Chúng hết sức hữu hiệu và ai ai cũng có thể hiểu được. Chúng cũng cho thấy Đức Phanxicô mãi mãi là chính ngài, bất chấp vai trò giáo hoàng có đòi hỏi ra sao nơi ngài.

Quá ư tốt bụng

Trở về với cái nét đơn thành của những người tầm thường mà thật "cao siêu", Đức Phanxicô cho thấy một hướng đi khác. Nhưng có người lại không tán thành. Người đó là Magdi Cristiano Allam, một tín đồ Hồi Giáo gốc Ai Cập, trở lại Công Giáo và được Đức Bênêđíctô XVI đích thân rửa tội năm 2008 tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô.

Trên tờ báo hữu khuynh Il Giornale ở Milan, hôm thứ Hai vừa qua, Magdi cho hay ông quyết định rời bỏ Giáo Hội Công Giáo, sau 5 năm gia nhập, vì Giáo Hội này nay đã đi theo một hướng quá mềm đối với Hồi Giáo: "Việc tôi trở lại Công Giáo, diễn ra dưới bàn tay của Đức Bênêđíctô XVI vào đêm Vọng Phục Sinh 22 tháng Ba, 2008, nay được tôi coi là kết thúc cùng với sự kết thúc triều giáo hoàng của ngài".

Ký giả 61 tuổi và là một chính khách hữu khuynh này từ lâu đã trở thành công dân Ý. Ông cho hay: ông vốn cân nhắc việc rời bỏ Giáo Hội Công Giáo từ lâu, tuy nhiên "cọng rơm cuối cùng" chính là việc bầu Đức Phanxicô, vì điều này chứng tỏ Giáo Hội "troppo buonista", quá ư tốt bụng. Ông cho hay "việc 'ngẫu tượng hóa giáo hoàng' (papolatry) để thổi phồng sự phấn khởi dành cho Đức Phanxicô và mau chóng cho Đức Bênêđíctô XVI vào văn khố là cộng rơm cuối cùng trong cái khung toàn diện cho thấy nhiều điều không chắc chắn và đáng nghi ngại về Giáo Hội. Điều khiến tôi càng ngày càng rời xa Giáo Hội, hơn bất cứ nhân tố nào khác, chính là chủ nghĩa duy tương đối tôn giáo, nhất là việc hợp pháp hóa Hồi Giáo thành một tôn giáo đích thực". Theo ông, Hồi Giáo là một "ý thức hệ bạo động ngay từ bên trong" mà người ta cần phải mạnh mẽ chống lại, coi nó như "bất tương xứng với nền văn minh của ta và với các nhân quyền căn bản. Tôi xác tín hơn bao giờ hết rằng Âu Châu cuối cùng sẽ bị Hồi Giáo khuất phục giống như điều đã xảy ra vào đầu thế kỷ thứ bảy ở phía bên kia Địa Trung Hải".

Chỉ với thời gian, người ta mới thấy "chiến thuật" của ai hữu hiệu hơn, tình thương hay hận thù, đối thoại hay đối kháng. Trong khi đó, thì việc đi sâu vào lòng người tầm thường bên trong hay bên ngoài Giáo Hội Công Giáo chỉ có thể làm ấm lòng người, bất luận họ ở đâu.

Đức Phanxicô và giám mục Myriel của Victor Hugo: hư thực gặp nhau
(Ngày 28/03/2013)

Cuốn phim phỏng theo Les Misérables của Victor Hugo, dù rất có giá trị về phương diện giải trí, nhưng vì nội dung của nó chỉ vỏn vẹn tóm gọn trong hai tiếng đồng hồ, nên không thể nói hết được những gì văn hào vĩ đại của Pháp muốn nói, như trong cuốn tiểu thuyết cùng tên không bị giản lược. Và bị phim giản lược hơn cả là phần nói về Đức Cha Myriel, giám mục một giáo phận vô danh (Hugo gọi là giáo phận "D----").

Trong cảnh then chốt khi vị giám mục đồng ý với câu truyện Jean Valjean "bịa" ra để cho rằng anh ta không đánh cắp hai đế nến mà là được người ta tặng, do đó đã biến dối trá thành sự thật và kẻ phạm tội thành người công chính, cuốn sách và cuốn phim giản lược cố tình biến tình tiết ấy thành một ngạc nhiên. Quả tình, đó là một ngạc nhiên đối với Valjean, nhưng đối với người đọc cuốn tiểu thuyết không bị giản lược, thì tác phong của vị giám mục chẳng có chi đáng ngạc nhiên cả, bởi trước đó, đã có tới 14 chương nói về tác phong đầy ngạc nhiên của vị giám mục này rồi.

Thiển nghĩ, các vị giám mục mới thụ phong nên dùng 14 chương này làm "sách thiêng liêng", để biết làm giám mục phải nên như thế nào. Người ta có cảm tưởng dường như đó là điều Giám Mục Jorge Mario Bergoglio đã làm khi mới thụ phong!

Kiệt tác của Hugo bắt đầu như sau: "Năm 1815, M. Charles-Francois-Bienvenu Myriel là giám mục giáo phận D---- Ngài là một ông già khoảng 75 tuổi; và đã giữ toà D---- từ năm 1806". Ai cũng biết, năm 2013, Đức Hồng Y Jorge Mario Bergoglio trở thành giáo hoàng. Ngài là một ông già 76 tuổi, từng là hồng y từ năm 2001. Các con số trên ít nhiều có tính sóng đôi.

Dĩ nhiên những tương tự bên ngoài ấy không quan trọng bằng những tương tự bên trong giữa "Đức Cha Nghinh Đón" và vị tân giáo hoàng thân thương của chúng ta, những tương tự trong phong thái mục vụ, trong phong thái giảng dạy, trong cách ngài được tiếp nhận và trong tập chú của ngài đối với lòng cảm thương.

1. Phong thái mục vụ

Chương ba của Les Misérables có tựa đề là "Một Tòa Giám Mục Khó Khăn cho Một Vị Giám Mục Tốt Lành". Điều này thật đúng đối với cả Buenos Aires, lẫn Rôma, và nói chung với cả thế giới ngày nay nữa. Ấy thế nhưng Đức Cha Myriel vẫn cương quyết đi thăm hết. Trong tương lai, người ta sẽ thấy Đức Phanxicô đi thăm mọi giáo xứ trong giáo phận Rôma của ngài. Thánh Lễ Chúa Nhật đầu tiên trong đời giáo hoàng của ngài đã được cử hành tại giáo xứ Thánh Anna, nơi sau Thánh Lễ, ngài đã tiếp đón các tín hữu như một cha xứ khiêm nhu như thế nào, khiến nhân viên an ninh phải ngỡ ngàng và lo lắng xiết bao. Ta hãy nghe mẩu đối thoại sau đây trong Les Misérables:

-Thưa Đức Cha, Đức Cha đừng có đi. Nhân danh Chúa đấy! Đức Cha liều mình nguy đến tính mạng đấy!
- Thưa Ông Thị Trưởng, chỉ có thế thôi sao? Tôi ở trên thế gian này đâu phải để giữ mạng sống mình, mà là để giữ các linh hồn.

Đức Cha Myriel dùng tòa giám mục làm bệnh viện, và sống khiêm nhường với bà chị ruột cao niên và một bà bếp, người mà ngài không nỡ cho thôi việc. Đức Hồng Y Bergoglio cũng đã không dùng Toà Giám Mục Buenos Aires làm nơi cư trú mà sống trong một căn hộ nhỏ, với một vị giám mục cao niên đã về hưu. Chính ngài nấu nướng lấy. Vị giám mục của Hugo bán cỗ xe của ngài để du hành trên lưng lừa, kiểu đi lại của người nghèo. Ở Buenos Aires, vị giáo hoàng tương lai của chúng ta thích sử dụng phương tiện đi lại của người nghèo: cỡi xe buýt!

Trong ngân sách và trong kế hoạch mục vụ của giáo phận D----, người nghèo được xếp hàng đầu. Vị giáo hoàng của chúng ta, lấy tên theo Người Nghèo Assisi, xưa nay vốn cho thấy: người nghèo và

người bị bỏ rơi luôn là ưu tiên số một. Thánh Lễ Thứ Năm Tuần Thánh của ngài sẽ được cử hành tại một trại tù thiếu niên.

Đức Phanxicô sẽ không chiếm trọn phủ giáo hoàng. Nơi ở của ngài sẽ đơn giản và khắc khổ. Các phòng ốc của Vatican sẽ làm ngài khó mà ganh đua với Đức Cha Myriel về sự khắc khổ, nhưng chắc chắn sự đơn giản sẽ trổi vượt. Còn nhiều điển hình khác mà bạn đọc có thể đọc tiếp trong tác phẩm trọn vẹn của Hugo.

2. Phong thái giảng dạy

Nhiều người đã viết về phong thái thích nói tự phát của Đức Phanxicô. Ngài thích giảng giải một cách trực tiếp, trích dẫn Tin Mừng và các giáo phụ đã đành, mà còn dùng các thí dụ đơn giản, rất quen thuộc như người cha nói với con cái mình.

Đức Cha Muriel của Hugo đi thăm khắp giáo phận của mình, và *trong các dịp thăm viếng này, ngài rất nhân từ và dễ dãi, nói chuyện chứ không giảng thuyết. Ngài không bao giờ phải đi xa để kiếm luận chứng hay điển hình. Ngài trích dẫn cho cư dân ở một nơi nghe điển hình của một nơi kế cận* . Nói chuyện chứ không giảng thuyết. Điều này rõ ràng là sở trường của đức tân giáo hoàng.

Trong sự đơn giản, người ta thấy cả một sức mạnh lớn lao. Những vị như Thánh Phanxicô, trong giảng thuyết, cũng dùng lời lẽ. Nhưng lời lẽ của ngài hết sức đơn giản, trực tiếp và mạnh mẽ. *Nhờ thế, ngài ăn nói trịnh trọng nhưng như một người cha; không có thí dụ, ngài tạo ra dụ ngôn, đi thẳng vào trọng điểm, bằng một ít câu nhưng nhiều hình ảnh, là những đặc điểm từng tạo nên sự hùng biện thực sự của Chúa Giêsu Kitô. Và vì ngài tự xác tín bên trong, nên ngài thuyết phục được người ta*.

Tính thuyết phục của Đức Phanxicô cũng thế, cũng đã phát xuất từ chính xác tín trong tâm hồn ngài. Và ngài quen ký các sứ điệp mục vụ của ngài bằng chữ paternalmente (trong tình cha con). Lối giảng của ngài nghiêm chỉnh y như trong Hugo, vì Đức Cha Myriel cũng nghiêm chỉnh, nhưng không theo nghĩa ảm đạm. Có người đã nhận xét như sau về Đức Phanxicô: "khi ngài cười, đó là cái cười của một cậu học trò".

Tiếng Ý của Đức Phanxicô có giọng Tây Ban Nha, nhưng tiếng Tây Ban Nha của ngài lại có giọng Argentina, một giọng đặc porteño, vùng Buenos Aires. Đức Cha Myriel nói giọng Provençal, và rất thoải mái khi ở vùng cao nguyên. *Điều này làm dân chúng cực kỳ thích thú, và góp phần không nhỏ vào việc giúp ngài đi vào lòng mọi người. Ngài hoàn toàn thoải mái ở vùng thôn dã và ở vùng cao nguyên. Ngài biết cách nói những điều trang trọng nhất bằng những thành ngữ thông thường nhất. Vì ngài nói được mọi thứ tiếng nên ngài vào được mọi cõi lòng. Đàng khác, đối với các vị vọng của thế giới hay đối với giai cấp cùng đinh, ngài vẫn chỉ là một. Ngài không vội vã kết án bất cứ điều gì mà không xét đến các hoàn cảnh khác nhau. Ngài hay nói: hãy khảo sát con đường mà lỗi lầm đã bước qua*.

Nếu sự đơn giản trong ngôn từ và giọng nói của Đức Phanxicô chưa được chú ý nhiều, thì nay mai nó sẽ được nhiều người nhận định. Điều được nhiều người chú ý hơn là ngài không ngừng nhắc đến lòng thương xót. Ngài nhắc đến nó trước mặt tín hữu nói chung và cả trước mặt các nhà cầm quyền trên thế giới nữa. Chỉ có điều, với những nhà cầm quyền, ngài nghiêm nghị hơn khi khiến họ ý thức được trách nhiệm lớn lao của họ. Họ tiếp nhận ngài ra sao, lại là chuyện khác.

3. Ngài được tiếp nhận ra sao

Cả Đức Phanxicô lẫn vị giám mục giả tưởng của ta đều được người nghèo và người đơn sơ trong tâm hồn tiếp đón hân hoan và cởi mở, nhưng bị người kiêu căng và quyền thế tiếp đón nghi ngờ và phê phán. *Bất cứ ngài xuất hiện ở đâu thì đó là ngày hội tuyệt hảo. Người ta dám nói: sự hiện diện của ngài có điều gì đó rất ấm áp và sáng láng. Trẻ em và bô lão tuôn ra khỏi cửa để đón Đức Giám Mục như đón ánh mặt trời. Ngài ban phép lành, và họ chúc tụng ngài. Họ chỉ nhà ngài cho bất cứ ai cần bất cứ điều gì. Ngài ngừng hết chỗ này tới chỗ kia, tới sát các bé trai bé gái và mỉm cười với các bà*

mẹ. Ngài tới thăm người nghèo bất cứ khi nào có chút tiền; khi không có đồng nào, ngài tới viếng người giầu.

Hẳn ai cũng đã thấy Đức Phanxicô xuất hiện trên bancông Nhà Thờ Thánh Phêrô tối ngày 13 tháng 3 và không thể không nghe người ta bình luận: "Ngài ban phép lành và người ta cầu nguyện cho ngài". Mưa vừa mới ngưng, và khi tân giáo hoàng xuất hiện, họ có cảm giác mặt trời như mới mọc lại vào lúc 8 giờ tối.

Có một tình tiết hết sức cảm động ở Chương IV trong đó Đức Giám Mục giúp một tội nhân cứng lòng trở lại trước khi bị hành hình vì tội sát nhân. Ngài tháp tùng anh ta tới đoạn đầu đài. *Vì những điều cao cả nhất thường là những điều ít được hiểu biết nhất, nên có những người trong thành, khi bình luận về tác phong của vị giám mục, đã nói rằng: mầu mè chi rứa! Tuy nhiên, đây hẳn chỉ là nhận xét của những người giam mình trong các phòng khách. Chứ quảng đại quần chúng, những người không đùa bỡn với những việc làm thánh thiện, thấy đều xúc động và ca ngợi ngài*.

Ngày nay, những nhận xét như trên không còn bị giới hạn trong các phòng khách nữa, mà xuất hiện công khai tại các phòng tin tức, trên các blog to nhỏ và trong nhận định của rất nhiều người không bao giờ hiểu được Giáo Hội vì họ không bao giờ biết tôn trọng sự thánh thiện, và cả của những người trong Giáo Hội không biết trân quí những gì là nhân bản.

Hậu cảnh của Đức Phanxicô vốn từng bị phê phán. Một số người mưu toan kéo ngài vào những tai tiếng mà ngài chưa bao giờ mắc phải, từ chủ trương về "hôn nhân đồng tính" và việc họ nhận con nuôi (một chủ trương mà ngài thừa hưởng từ hơn 250 vị tiền nhiệm và từ giáo huấn Công Giáo 2 ngàn năm nay), tới tác phong "đồng lõa" trong Cuộc Chiến Bẩn Thỉu trước đây tại Argentina.

Người duy thế tục than phiền rằng ngài không chịu bán mọi bức tranh của Vatican. Người duy truyền thống thì than van việc ngài mang giầy đen, thay vì mang giầy đỏ, sẽ phá bỏ nghi lễ và là dấu báo hiệu sắp nổ ra ly giáo. Nhưng người đơn giản sẽ tôn trọng ý định của các nghệ sĩ khi họ hiến tặng nghệ phẩm cho Giáo Hội, và người nghèo thì không bao giờ mua giầy mới khi giầy cũ vẫn còn tốt và vừa vặn. Cám ơn Chúa vẫn còn những người "không đùa bỡn với những việc làm thánh thiện". Họ chính là người hiểu được Đức Phanxicô nhiều hơn cả.

4. Tập chú của ngài đối với lòng cảm thương

Đoàn chiên của Đức Phanxicô, trên hết, là những người bị đẩy ra bên lề, những người nghèo về vật chất và cả những người nghèo về tinh thần đo điều được Đức Bênêđíctô gọi là "nền độc tài của chủ nghĩa duy tương đối" gây ra. Thái độ của ngài đối với họ là thái độ cảm thương sâu sắc.

Chương X trong Les Misérables kể lại câu truyện rất cảm động về việc Đức Cha Myriel tới thăm một người đàn ông hấp hối, được Hugo mô tả là "thành viên của Nghị Hội G---," có thể là một lãnh tụ thời Cách Mạng Pháp. Hai người tranh luận sôi nổi về cách mạng, các ý tưởng và các thảm họa của nó.

Điều đáng nói ở đây là khi cái chết tới gần và theo như cuốn phim hồi thập niên 1950 diễn lại, thì người đàn ông này ăn năn trở lại và xin được xưng tội. Đây là lời "thú tội" của ông ta: "*Con đã cứu giúp người bị áp bức, con đã an ủi người đau khổ. Con đã xé nát khăn bàn thờ, đúng như vậy; nhưng là để băng bó các vết thương của đất nước con. Con luôn luôn ủng hộ bước tiến lên của loài người, bước tiến lên ánh sáng của họ, nhưng cũng có lúc cưỡng lại tiến bộ một cách không thương tiếc. Khi có dịp, con đã che chở thù địch của con, những người theo nghề của cha. (...) Con đã làm nhiệm vụ theo quyền lực của mình, và mọi điều thiện theo khả năng. Để đáp lại, con đã bị săn đuổi, lùng bắt, bách hại, bầm dập, chế nhạo, mắng nhiếc, nguyền rủa, đặt vòng ngoài pháp luật. Trong nhiều năm qua, với mớ tóc bạc này, con biết rõ rất nhiều người nghĩ rằng họ có quyền khinh bỉ con; đối với quần chúng ngu dại đáng thương, con biểu tượng cho khuôn mặt của một người bị nguyền rủa. Và con chấp nhận sự cô lập đầy hận thù này mà không hề ghét chính mình. Bây giờ con đã 86 tuổi; con đã gần chết. Vậy cha tới đây để yêu cầu con điều gì?*.

Vị giám mục đáp lại: '*sự chúc lành của con' và ngài qùy gối xuống. Khi ngài ngửng đầu lên, thì khuôn mặt của nghị hội viên đã trở thành uy nghi. Ông vừa trút hơi thở cuối cùng. Vị giám mục trở về nhà, trầm ngâm suy nghĩ những gì ta không thể biết. Ngài cầu nguyện suốt đêm đó. Sáng hôm sau, một số người mạnh bạo và tò mò cố gắng nói với ngài về người thành viên của Nghị Hội G---; ngài chỉ lặng lẽ chỉ tay lên trời.*

Thời gian sẽ cho ta biết thái độ của Đức Phanxicô đối với một lãnh tụ thời nay, một người vốn tranh đấu, nhưng tranh đấu ở phía bên kia và chống lại Giáo Hội. Loại người mà ta thường dễ dãi gọi là tội lỗi. Và nhiều người trong Giáo Hội sẽ xé áo mình vì đức giáo hoàng dám cúi đầu xin sự chúc lành của người này, vì tôn trọng phẩm giá làm người của anh ta và vì dù sao đây cũng là một linh hồn mà Chúa Kitô đã chết cho. Magdi Cristiano Allam, người được Đức Bênêđictô đích thân rửa tội, nhưng vừa từ bỏ đức tin Công Giáo, coi việc bầu Đức Phanxicô là một lầm lẫn, có thể là một trong những người này.

Ước mong sao, lòng nhân từ ấy không là gương mù đối với ta và ta đừng là người con cả trong dụ ngôn. Đức Cha Myriel của Victor Hugo đã có lời suy niệm hết sức ý nghĩa như sau: *Sách Giảng Viên gọi Ngài là Đấng Toàn Năng; Sách Macabê gọi Ngài là Đấng Tạo Hóa; Thư Êphêsô gọi Ngài là Tự Do; Sách Barúc gọi Ngài là Mênh Mông; Thánh Vịnh gọi Ngài là Khôn Ngoan và Chân Lý; Tin Mừng Gioan gọi Ngài là Ánh Sáng; Sách Các Vua gọi Ngài là Chúa; Sách Xuất Hành gọi Ngài là Quan Phòng; Sách Lêvi gọi Ngài là Thánh Thiện; Sách Esdra gọi Ngài là Công Lý; tạo vật gọi Ngài là Thiên Chúa; con người gọi Ngài là Cha; nhưng Salômôn gọi Ngài là Cảm Thương, và tên này quả là tên đẹp nhất trong mọi tên của Ngài* (1).

Đức Phanxicô quả là hiện thân của vị giám mục tưởng tượng trong Les Misérables vì cả hai vị, một vị có thực một vị giả tưởng, đều đặt trọng tâm tâm hồn mình nơi Đấng Thiên Chúa xót thương và đầy cảm thương. Ta sẽ không lấy làm lạ nếu một ngày nào đó ngài cho cả đế nến của mình.

Viết theo Edward Mulholland, http://www.ncregister.com/blog/edward-mulholland/pope-francis-and-les-mis-fiction-meets-fact.

---

(1) Các đoạn viết nghiêng được trích từ Les Misérables.

Đức Phanxicô và tính tối thượng của ngôi vị giáo hoàng

(Ngày 29/03/2013)

Trong những ngày đầu triều đại của mình, Đức Phanxicô ít khi dùng chữ "giáo hoàng" để chỉ về mình. Ngài cũng không dùng chữ này để chỉ về vị tiền nhiệm hiện còn sống là Đức Bênêđictô, người mà ngài mới gặp hôm thứ Bẩy vừa qua. Thay vào đó, ngài quen dùng tước hiệu "giám mục" không thôi, "giám mục Rôma".

Lần đầu tiên ban phép lành tại Bancông Nhà Thờ Thánh Phêrô, tối ngày 13 tháng Ba, trích dẫn lời Thánh Inhaxiô thành Antiốc, Đức Tân Giáo Hoàng nói rõ rằng Giáo Hội Rôma "là giáo hội chủ trì mọi giáo hội khác trong bác ái". Nhưng trong những ngày kế tiếp, ngài chưa bao giờ nhắc lại lời ấy cũng như khai triển gì thêm về đặc tính tối thượng của Toà Phêrô, áp dụng cho toàn thế giới Kitô Giáo.

Tuy nhiên, cùng thời gian ấy, trong sinh hoạt thường nhật, ngài đã thi hành các thẩm quyền thuộc ngôi vị giáo hoàng một cách trọn vẹn và mạnh dạn, không tùy thuộc bất cứ thẩm quyền nào khác, ngoại trừ thẩm quyền Thiên Chúa. Và ngài biết rõ: các quyết định được ngài đưa ra, dù nhỏ nhặt nhất, cũng không phải chỉ giới hạn trong giáo phận Rôma, nhưng có hiệu lực đối với Giáo Hội khắp nơi trên thế giới.

Đức Phanxicô là một vị giáo hoàng có nhiều nhận định hết sức bất ngờ. Chẳng chóng thì chầy, người

ta cho rằng ngài sẽ lên tiếng, minh nhiên nói rõ viễn kiến của ngài về vai trò của mình. Trong khi ấy, đối với những người bên trong và bên ngoài Giáo Hội vốn mong có sự giảm thiểu, nếu không muốn nói là hủy bỏ, quyền tối thượng của giáo hoàng, thì ngài quả là người đáp ứng hoài mong ấy, những hoài mong họ thường đặt căn bản trên điều họ cho là "tinh thần" của Vatican II.

Trên thực tế, Vatican II không hề làm yếu quyền hành của giáo hoàng đối với toàn thể Giáo Hội. Cái mới của Công Đồng này là hoà nhập quyền tối thượng của giáo hoàng với quyền của hợp đoàn giám mục mà ngài vốn là thành phần. Chương III "Lumen Gentium", tức hiến chế tín lý về Giáo Hội của Vatican II, có đoạn viết như sau:

"Do chức vụ của mình, tức chức vụ Đại Diện Chúa Kitô và mục tử toàn thể Giáo Hội, Giám Mục Rôma có quyền hành trọn vẹn, tối cao và phổ quát đối với Giáo Hội. Và ngài luôn được tự do thi hành quyền hành này. Hàng ngũ giám mục, tức hàng ngũ kế nhiệm hợp đoàn tông đồ và ban cho cơ phận tông truyền này quyền tiếp tục hiện diện, cũng là chủ thể nắm quyền hành tối cao và trọn vẹn đối với Giáo Hội hoàn vũ, miễn là phải hiểu cơ phận này với đầu của nó là Giám Mục Rôma và không bao giờ không có cái đầu ấy"

Bởi thế, một mặt, chờ mong bất cứ canh tân nào từ Đức Phanxicô, thì những canh tân này vẫn không thể làm giảm đi các thẩm quyền tối thượng vốn thuộc về ngài trong tư cách kế nhiệm Thánh Phêrô, đã được Vatican II long trọng xác quyết một cách trọn vẹn và khúc chiết.

Nhưng mặt khác, các canh tân này vẫn có thể lưu tâm tới hình thức vị giáo hoàng thi hành quyền ấy song hành với toàn bộ cơ phận giám mục, như đang xẩy ra tại các công đồng, các thượng hội đồng, hoặc những hình thức cai trị hợp đoàn chưa có tiền lệ khác, hoặc nới rộng hoặc giới hạn, và dù gì cũng phải luôn được ngài triệu tập, chủ tọa, và xác nhận, như Vatican II và nhiều văn kiện huấn quyền khác vốn qui định.

Trong số mới nhất, tạp chí "La Civiltà Cattolica", phân phối ngày 21 tháng Ba, nhà giáo luật Gianfranco Ghirlanda, Dòng Tên, cựu viện trưởng Giáo Hoàng Đại Học Gregorian, đã có một khảo luận dài 14 trang tựa là "Thừa Tác Vụ Phêrô" trong đó ngài bàn tới các quyền hành tối thượng của giáo hoàng, như đã được huấn quyền Giáo Hội xác quyết từ Vatican I tới nay. Cùng một lúc, Cha Ghirlanda cũng đề cập tới các triển khai có thể có về việc thi hành cụ thể quyền hành giáo hoàng này, được sự cộng tác của các giám mục khiến nó phong phú hơn.

Và ở cuối bài khảo luận, khi dự phóng một "tương lai mà tín hữu nào cũng muốn được thể hiện" nơi thừa tác vụ giáo hoàng, một tương lai dám thành hình dưới thời Đức Phanxicô, Cha Ghirlanda đề cập tới "Văn Kiện Ravenna", ký năm 2007 giữa Công Giáo và Chính Thống Giáo. Đây là bước quan trọng trong hành trình đại kết giữa Rôma và Đông Phương.

Về phương diện này, triều giáo hoàng của Đức Phanxicô đã bắt đầu dưới ngôi sao sáng đầy hứa hẹn. Trong Thánh Lễ Khai Mạc Thừa Tác Vụ Phêrô, lần đầu tiên trong lịch sử có sự hiện diện của Thượng Phụ Đại Kết Barthomew I của Constantinople.

Và rất có thể vào năm tới, hai vị, Đức Phanxicô và Đức Bartholomew, sẽ gặp nhau lần nữa tại Giêrusalem, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 cái ôm hôn giữa Đức Phaolô VI và Thượng Phụ Athenagoras. Sau đây là phần chót trong bài khảo luận của Cha Ghirlanda:

Thi hành quyền tối thượng và "Các Tình Thế Mới"

Chức vụ của Giám Mục Rôma phải luôn được xem sét bên trong Giáo Hội và bên trong hợp đoàn giám mục, và do đó, luôn trong liên hệ chặt chẽ với Giáo Hội và các giám mục, hiểu trong toàn thể như một hợp đoàn và các cá nhân mục tử các giáo hội đã được ủy thác cho họ.

Thực vậy, quyền tối thượng của Giám Mục Rôma là một định chế thần linh như thế nào, thì hợp đoàn giám mục và người đứng đầu các giám mục trong các giáo hội đặc thù cũng là một định chế thần linh

như thế.

Chức vụ của Giám Mục Rôma là một thừa tác vụ vì, như một dụng cụ Chúa Kitô dùng, để nhờ hành động của Chúa Thánh Thần, Người giữ cho hợp đoàn giám mục luôn gắn bó và bất phân chia, chức vụ này đảm bảo sự hợp nhất của toàn bộ dân Chúa trong một đức tin tông truyền và trong các bí tích, tức các phương tiện cứu rỗi hữu hiệu.

Đức Gioan Phaolô II, trong thông điệp "Ut Unum Sint", sau khi nhắc ta nhớ rằng những gì liên quan tới việc hợp nhất mọi Cộng Đồng Kitô hữu đều thuộc lãnh vực liên quan tới quyền tối thượng, đã tuyên bố rằng ngài cảm nhận được lời kêu gọi "tìm ra phương cách thi hành quyền tối thượng, tuy không hề bác bỏ các điều cốt yếu đối với sứ mệnh của nó, nhưng sẵn sàng cởi mở đối với tình thế mới". Rồi, bằng cách nhắc lại các lời lẽ đã thưa cùng Thượng Phụ Đại Kết Demetrius I vào ngày 6 tháng Mười Hai, năm 1987, ngài kêu gọi "Tôi luôn khẩn cầu Chúa Thánh Thần dõi ánh sáng của Người trên chúng ta, soi dẫn mọi mục tử và thần học gia của các giáo hội chúng ta, để chúng ta tìm được, lẽ dĩ nhiên với nhau, các hình thức trong đó thừa tác vụ này có thể chu toàn được sự phục vụ trong yêu thương được mọi phía thừa nhận" (số 95).

Vấn đề liên hệ giữa điều cốt yếu và các hình thức có tính lịch sử mà mọi định chế giáo hội đang khoác lên mình bao gồm mối liên hệ giữa yếu tính của Giáo Hội, hiểu như một thực tại huyền nhiệm được mạc khải, và hình thức lịch sử của nó, hiểu như một thực tại ngẫu thể, được phát biểu qua các định chế qui điển.

Song song với vấn đề đó là vấn đề liên hệ giữa thiên luật mạc khải và luật thực định của giáo hội nhằm điều hòa các liên hệ cụ thể giữa các tín hữu.

Yếu tính của Giáo Hội luôn được thể hiện dưới một hình thức lịch sử; chính vì vậy, yếu tính này không bao giờ có thể tách biệt khỏi hình thức định chế và ngược lại. Bất chấp mọi điều tương đối trong hình thức định chế này, không bao giờ người ta được coi nó như không liên quan gì tới mầu nhiệm Giáo Hội. Nghĩ ngược lại là liều mình rơi vào quan điểm vô thực (unreal) về Giáo Hội.

Tuy nhiên, không được coi yếu tính và hình thức là đồng nhất với nhau, phải phân biệt giữa chúng với nhau, nếu không ta sẽ không có bất cứ tiêu chuẩn phán đoán nào đối với các hình thức lịch sử mà Giáo Hội từng khóac lên mình.

Đàng khác, ta phải nhớ sự kiện này: không hình thức lịch sử nào phản ảnh hoàn toàn và thấu đáo được yếu tính của Giáo Hội, vì ngẫu thể (contingent) không bao giờ diễn tả hoàn toàn được mầu nhiệm.

Khi nói tới yếu tính của thừa tác vụ Phêrô và hình thức lịch sử nó khoác lấy, ta có ý nhắc tới việc lên hình dạng thực định có tính luật lệ cần thiết cho các liên hệ do việc thi hành thừa tác vụ này phát sinh ra.

Tuy nhiên, ta nên lưu ý đến sự khó khăn trong việc xác định ranh giới rõ rệt giữa một bên là thiên luật mạc khải, và do đó hết sức chủ yếu đối với thừa tác vụ này, và một bên là luật con người, kết quả của những ngẫu thể lịch sử kia, và tới mức nào luật con người có thể diễn tả được thiên luật một cách ít nhiều có tính cận kề.

Như thế, không dễ gì có thể xác định được đâu là các hình thức lịch sử trong đó việc thi hành thừa tác vụ Phêrô phải được hiện thực hóa, nếu không nó sẽ không có bất cứ nội dung nào. Thực vậy, Giáo Hội không thể võ đoán tự xác định được việc thi hành thừa tác vụ Phêrô, vì việc này phải được coi là do khách quan tính của nó qui định, một khách quan tính, một đàng, lệ thuộc ý muốn của Chúa Giêsu Kitô, và đàng khác, lệ thuộc hoàn cảnh lịch sử (xem G. Colombo, "Tesi per la revisione dell'esercizio del ministero petrino" trong "Teologia" 21, 1996, tr. 325).

Dữ kiện đức tin đi trước bất cứ thảo luận nào về hình thức thi hành quyền tối thượng của Giám Mục Rôma, và do đó, nó là tiền đề phải hướng dẫn chính cuộc thảo luận, và về phía Công Giáo, tiền xác

định ra nó, dù cần phải nói ngay rằng giải pháp cho vấn đề không nhất thiết phải là độc đạo (univocal), theo nghĩa "nếu đức tin là một, thì thần học là đa nguyên, nghĩa là thần học có khả năng đề xuất nhiều giải pháp khác nhau cho các vấn đề do đức tin đặt ra" (đã trích, tr. 322).

Các quan tâm đại kết của Đức Gioan Phaolô II đã được đề cập một lần nữa trong tông thư "Novo Millennio Ineunte" ngày 6 tháng 1, 2001, trong đó, ngài phân biệt cuộc hành trình cần phải thực hiện, một đàng, với Giáo Hội Đông Phương, và đàng kia, với Hiệp Thông Anh Giáo và các cộng đồng giáo hội do Phong Trào Cải Cách tạo ra (số 48), vì trong các thực thể sau, cần phải có một hành trình phức tạp hơn nhằm dẫn tới một hiệp thông sơ đẳng trong đức tin và các bí tích trước đã.

Phiên họp toàn thể lần thứ 10 của ủy ban hỗn hợp quốc tế nhằm đối thoại thần học giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo Hội Chính Thống (Ravenna, 8-15 tháng 10, 2007), được đúc kết bằng văn kiện "Ecclesiological and canonical consequences of the sacramental nature of the Church. Ecclesial communion, conciliarity and authority" (Các hậu quả giáo hội học và luật học của bản chất bí tích của Giáo Hội. Hiệp thông giáo hội, tính công đồng và thẩm quyền), đã cho thấy sự liên lập hỗ tương giữa tính tối thượng và tính công đồng (conciliarity) trên bình diện địa phương, miền và hoàn vũ. Theo sự liên lập này, "người ta phải luôn xem sét tính tối thượng trong ngữ cảnh tính công đồng, và tính công đồng cũng thế, phải luôn được xem sét trong ngữ cảnh tính tối thượng" (số 43).

Viễn kiến này của "văn kiện Ravenna" đem lại một năng động tính cho cung cách ta quan niệm thừa tác vụ giáo hoàng với dự phóng hướng về một tương lai mà mọi tín hữu đều muốn thấy được thể hiện.

Đức Phanxicô và mùi chiên

(Ngày 01/04/2013)

Tin Mừng nói Chúa Giêsu sinh ra trong một chuồng chiên, đặt trong một máng cỏ, do đó, chắc chắn Người rất quen thuộc với mùi của chiên. Không lạ gì, khi bước vào tác vụ công khai, người khác và cả Người nữa đã tự ví mình như chiên, Chiên Thiên Chúa, và người chăn chiên.

Thứ Năm Tuần Thánh vừa qua, tại Đền Thờ Thánh Phêrô, vị đại diện của Người nơi trần gian cũng đã nói tới chiên và mùi chiên và nghĩa vụ của người chăn chiên là phải mang vào người cả cái mùi của chiên nữa để đi tới với đoàn chiên và cả những người chưa thuộc đoàn chiên.

Đọc bản dịch huấn từ của Đức Phanxicô với các linh mục tại Đền Thờ Thánh Phêrô đăng trên Vietcatholic, người ta không thấy đoạn nào nói rõ phần cuối của câu trên. Nhưng Stephen White, một chuyên viên nghiên cứu về Công Giáo Học tại Trung Tâm Đạo Đức và Chính Sách Công ở Washington D.C., trong bài "Eau de Sheep", thì cho rằng: sau khi khuyên các linh mục ra khỏi mình, đem ít dầu thơm Chúa xức cho để làm thơm và giữ thơm cho tín hữu, Đức Phanxicô đã nói với các linh mục hiện diện rằng "Cha mời gọi các con điều này: các con hãy là những người chăn chiên có mùi của chiên!".

Tưởng Stephen White bịa chuyện giống CNN, ngày Đức Phanxicô "ra mắt" quần chúng tín hữu tại công trường Nhà Thờ Thánh Phêrô tối ngày 13 tháng 3, đã tường thuật rằng trước khi chúc lành cho tín hữu, vị tân giáo hoàng xin tín hữu chúc lành cho mình! Thực ra, ngài chỉ xin họ cầu cùng Chúa chúc lành cho ngài, trước khi ngài chúc lành cho họ. Nhưng đọc kỹ lại trọn bài huấn từ của Đức Phanxicô hôm đó nói với các linh mục đăng trên trang mạng chính thức của Vatican, thì thấy Stephen White không sai. Đức Thánh Cha quả có phân biệt giữa người chăn chiên và người mối lái, người quản lý chuyên thu tích đồ cổ đồ mới. Điểm khác nhau: người chăn chiên thì sống với "mùi chiên". "Đó là điều cha xin nơi các con: các con hãy trở thành những người chăn chiên, có 'mùi chiên', làm cho cái mùi ấy thành cái mùi thực, giống các người chăn chiên ở giữa đoàn chiên của các con".

Phải là cái mùi của chiên, nói theo Stephen White, phải là mùi "Eau de Sheep", chứ không phải "Eau de Cologne", càng không phải "Eau de Channel Five"! Mùi của chiên chỉ có được bằng cách sống các thực tại đời sống hàng ngày của họ, các bối rối khó khăn của họ, các niềm vui của họ, các gánh nặng

và các hy vọng của họ. Đức Thánh Cha nhấn mạnh thêm rằng mùi ấy cũng có thể phát sinh từ những yêu cầu bất tiện, đôi lúc hoàn toàn vật chất hay hoàn toàn tầm phào. Người chăn chiên phải nhận thức và đồng cảm với ý muốn của đoàn chiên, như Chúa Giêsu đã nhận thức và đồng cảm cái đau ra huyết trắng của người đàn bà khốn khổ trong Tin Mừng. Muốn có cái mùi ấy, người mục tử phải ra khỏi con người mình, phóng mình tới những vùng ngoại biên nơi có đau khổ, đổ máu, mù lòa, giam cầm đủ loại. Mục tử phải cảm nhận được các gánh nặng và bộ mặt của quần chúng giáo dân, trên vai và trong trái tim mình.

Ngài tới đây làm gì?

Theo tiến sĩ Edward Mulholland, thuộc Viện Gregorian của Trường Cao Đẳng Benedictine, Đức Phanxicô đã làm gương về phương diện trên khi cử hành Bữa Tiệc Ly vào Thứ Năm Tuần Thánh tại Casal del Marmo, một trại giam thiếu niên tại Rôma.

Thực vậy, sau Thánh Lễ, trước khi trở lại Vatican, Đức Phanxicô đã tới phòng thể dục thể thao của trại giam để gặp mặt các thiếu niên cùng với bộ trưởng tư pháp Ý, trưởng ngành tư pháp Ý về thiếu niên phạm pháp và các viên chức cao cấp khác của trại giam. Các thiếu niên của trại kính tặng ngài cây thánh giá và một bàn qùy bằng gỗ do chính họ chế tạo. Trong buổi gặp mặt này, một thiếu niên đã hỏi Đức Phanxicô như sau: Cám ơn Đức Thánh Cha đã tới đây. Nhưng con muốn biết một điều: tại sao hôm nay, ngài lại tới Casal del Marmo?

Ngài cho hay: ngài sẵn sàng đến bất cứ nơi nào có người giúp ngài khiêm nhường hơn, trở thành đầy tớ nhiều hơn. Và vì có người cho hay nơi đó là Casal del Marmo, nên ngài tới. Chỉ có thế. Nhưng không phải chỉ có thế. Vì quyết định này phát xuất từ trái tim. Mà những điều phát xuất từ trái tim thì làm sao giải thích được. Chúng đến thì chúng đến, thế thôi.

Nói cách khác, chỉ có thế, ngài mới là người chăn chiên đích thực, người có đủ mùi chiên. Và ở đây, chiên quả đủ mầu đen trắng, đủ giống nam nữ, đủ cả tín ngưỡng ngược xuôi. Điều này gây ấn tượng mạnh mẽ nơi giới thiếu niên phạm pháp. Trên *National Review Online*, ngày 28 tháng 3, Kathryn Jean Lopez ghi nhận một số phản ứng của thiếu niên phạm pháp Los Angeles, dưới hình thức tweets đối với cuộc viếng thăm lịch sử của Đức Phanxicô tại Casal del Marmo:

* Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu quí, cám ơn Đức Giáo Hoàng đã rửa chân cho các thiếu niên như chúng con tại Ý. Chúng con cũng trẻ người non dạ và từng mắc nhiều lầm lỗi. Xã hội đã bỏ rơi chúng con, xin cám ơn Đức Giáo Hoàng vì ngài không bỏ rơi chúng con.

* Quả khó khăn khi phải làm người trẻ và bị bủa vây bởi bóng tối. Xin Đức Giáo Hoàng cầu nguyện cho con để một ngày kia con được tự do và có thể giúp đỡ những người trẻ khác như Đức Giáo Hoàng đang làm.

* Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu quí, đêm nay, con cầu nguyện cho mọi nạn nhân của bạo lực. Gia đình những người chúng con gây thương tổn cần được chữa lành. Gia đình chúng con cần được chữa lành. Tất cả chúng con đều đau khổ. Đêm nay, tất cả chúng ta hãy cảm nhận được ơn chữa lành của Chúa.

* Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu quí,… con vốn là người Công Giáo và vui mừng vẫn còn là người Công Giáo vì con có được một vị giáo hoàng như ngài. Mỗi ngày con sẽ cầu nguyện cho ngài vì chúng con cần các gương mẫu của Chúa như ngài trong thế giới đầy bạo lực ngày nay.

Nhíu mày

Tuy nhiên hành vi trên của Đức Phanxicô không khỏi làm nhiều người nhíu mày hay, ít nhất, thắc mắc tại sao ngài lại rửa chân cho hai phụ nữ và cho cả người không phải là Công Giáo? Nói cho cùng thì không có qui định nào buộc chỉ rửa chân cho người Công Giáo. Nhưng rửa chân cho nam giới thì có qui định đàng hoàng.

Thực thế, Jimmy Akin, trên *National Catholic Register*, ngày 28 tháng 3, cho rằng qui định đó tìm thấy trong hai văn kiện. Một là văn kiện qui định việc cử hành Tuần Thánh gọi là *Paschales Solemnitatis*. Theo văn kiện này, những người được chọn để được rửa chân là "đàn ông". Văn kiện thứ hai, là Sách Lễ Rôma, cũng qui định như thế: những người được chọn để được rửa chân là "đàn ông" (*viri*)

Đức Phanxicô, khi rửa chân cho phụ nữ, đã không theo qui định này. Ngài có quyền làm thế hay không? Akin cho rằng có, ngài có quyền làm thế. Vì một vị giáo hoàng không cần bất cứ ai cho phép thực hiện các ngoại lệ đối với giáo luật liên quan tới ngài. Ngài là nhà lập pháp, người giải thích và thi hành tối cao của giáo luật. Ít nhất trong mấy thập niên gần đây, các vị giáo hoàng từng thực hiện nhiều ngoại lệ trong lúc cử hành nghi lễ. Đức Gioan Phaolô II, chẳng hạn, từng ra ngoài các bản văn phụng vụ của Giáo Hội nhất là khi ngài muốn vươn ra bắt tay với người khác.

Nhưng nếu Đức Giáo Hoàng làm thế, thì người khác có làm như thế được hay không? Akin trả lời: về phương diện kỹ thuật thì không. Khi, vì một hoàn cảnh đặc thù nào đó khiến vị giáo hoàng thấy cần phải thực hiện một ngoại lệ cho việc cử hành của mình, thì điều này không tạo ra một tiền lệ luật pháp khiến người khác cũng được phép làm như vậy.

Đây có lẽ cũng là nhận định của phát ngôn viên Tòa Thánh, tuy có bao quát hơn. Ngày 29 tháng 3, Cha Thomas Rosica, nhân danh cha Federico Lombardi, đã phân phối một thông cáo báo chí nói về nghi thức rửa chân cho cả nữ tù nhân tại Casal del Marmo của Đức Phanxicô. Thông cáo báo chí cho hay: để trả lời cho "nhiều câu hỏi và lo âu" liên quan tới nghi thức này, phòng báo chí Tòa Thánh cho hay: "trong một cử hành lớn lao, nam giới thường được chọn cho việc rửa chân vì Chúa Giêsu đã rửa chân cho mười hai tông đồ là những người đàn ông. Tuy nhiên, nghi thức rửa chân vào tối ngày Thứ Năm Tuần Thánh tại Trung Tâm Giam Giữ Thiếu Niên ở Rôma diễn ra trong một cộng đoàn đặc biệt và nhỏ bé bao gồm cả thiếu nữ nữa". Thông cáo ngầm cho thấy Chúa Giêsu cũng thế, Người đã bao gồm mọi thành phần của cộng đoàn rửa chân nhỏ bé, có ai trong cộng đoàn ấy bị Người loại bỏ đâu?

Và tuy có nhắc đến việc Đức Hồng Y Jorge Bergoglio, khi còn là Tổng Giám Mục Buenos Aires, từng rửa chân cho cả phụ nữ, thông báo vẫn nhấn mạnh tới hoàn cảnh đặc biệt "để chứng tỏ một cử chỉ yêu thương, trìu mến, tha thứ và xót thương của Giám Mục Rôma", chứ không hẳn để tạo ra "cuộc tranh luận về luật lệ, phụng vụ hay giáo luật". Nói cách khác, không tạo ra tiền lệ cho phép người khác cũng làm như vậy một cách tổng quát.

Dù gì, Akin vẫn chờ mong Thánh Bộ Phụng Tự Thánh và Kỷ Luật Bí Tích sẽ minh giải nhiều hơn trong tương lai. Thực ra, trong một bài khác, cũng trên tờ *National Catholic Register*, ngày 27 tháng 3, Akin cho hay, Thánh Bộ này từng cho Đức Hồng Y O'Malley của Boston hay: luật phụng vụ đòi chỉ rửa chân cho nam giới trong nghi thức Thứ Năm Tuần Thánh, tuy nhiên Thánh Bộ dành cho Đức Hồng Y quyền được quyết định mục vụ trong phạm vi này. Do đó, Đức Hồng Y O'Malley đã rửa chân cho cả phụ nữ nữa.

Như thế, ngoại lệ rửa chân cho phụ nữ của Đức Phanxicô, cả lúc ngài còn là Hồng Y Bergoglio, vẫn nằm trong qui định của Giáo Hội, chứ không hẳn vượt ra ngoài các qui định ấy. Và thiển nghĩ, trong hoàn cảnh đặc thù, bất cứ giám mục hay linh mục nào cũng có quyền bao gồm phụ nữ trong nghi thức rửa chân ngày Thứ Năm Tuần Thánh, miễn là thực hành việc này trong ngữ cảnh "ngoại lệ" như vừa nói.

Một đe dọa thầm lặng

Biến cố trên nói lên một nguy cơ: quá chú trọng tới Đức Phanxicô khiến nhiều người không nhìn ra trọng điểm. Đó là nhận định của Elizabeth Scalia, ngày 27 tháng 3 (www.patheos.com).

Scalia nhắc đến một số những lệch lạc hiện nay của dư luận đối với Đức Phanxicô. Như có người cho rằng Đức Phanxicô (người tốt) từ khước không dọn vào "các phòng ốc sang trọng của Đức

Bênêđíctô" (người xấu). Thực ra, Đức Bênêđíctô có sở hữu phòng ốc sang trọng nào đâu! Các phòng ốc thuộc Tông Tòa chỉ là những căn phòng mà vị nào được bầu làm giáo hoàng đều cư ngụ từ năm 1906 cho tới nay. Việc Đức Phanxicô không dọn vào đó là điều tốt thôi, nhưng đâu có phải là một hành vi chống lại vị tiền nhiệm.

Báo chí cũng làm như thể trước đây, người nghèo chưa bao giờ là tập chú của Giáo Hội hay của các vị giáo hoàng. Họ làm thế để làm gì? Phần lớn để bẻ cong sự thật và gieo rắc hận thù, một hận thù bắt nguồn từ hợm hĩnh và ngu dốt. Có ai trong số họ sẵn sàng từ bỏ mọi xa xỉ hay không, vì xa xỉ rõ ràng là vô cảm đối với người nghèo? Có ai đòi tổng thống Mỹ phải thôi không chơi golf, hay một bữa ăn thịnh soạn hoặc một cuộc nghỉ hè "xa xỉ" chỉ vì trong nước, người nghèo còn nhiều quá hay không?

Thực ra, theo Scalia, Đức Phanxicô chỉ đem ra thực hành những điều đã được vị tiền nhiệm của ngài giảng dạy. Đức Bênêđíctô thấy thế gian thôi không còn chú ý nữa, nên ngài đã tuyên bố từ nhiệm để kéo sự chú ý của họ, sự chú ý đúng nghĩa. Làm thế, ngài đã dành chỗ để Chúa Thánh Thần hành động. Giờ đây, khi Giáo Hội đã có được sự chú ý của thế gian, nghĩa là Chúa Thánh Thần đã có chỗ để hành động, thì Đức Phanxicô nhanh chóng loại bỏ mọi chống đối phiến diện đối với Giáo Hội, vạch trần các than vãn vô cớ, rỗng tuếch xưa nay của thế gian. "Ngươi không thích Phêrô trong đôi giầy đỏ ư? Thì đây là Phêrô trong đôi giầy đen. Ngươi không thích Phêrô e thẹn và xa cách ư? Thì đây là Phêrô xông xáo sẵn sàng hôn người tàng tật mà sự hiện hữu vốn làm cho ngươi khó chịu, mà sự sống vốn bị ngươi coi là vô dụng, chẳng cần phải duy trì! Cầu được ước thấy nhá, bây giờ, chịu khó mà giải quyết vấn đề đi khi ta đưa ra những giáo huấn mà ngươi vẫn còn rất ghét, rất khinh bạc, chỉ lúc đó, ngươi mới hết ẩn mình đàng sau những "giận dữ công chính" nhân danh người nghèo; đến lúc đó, ngươi sẽ phải thừa nhận thực tại mà ngươi vốn hận thù; đến lúc đó, ngươi sẽ phải nhìn vào nội tâm, thấy được nỗi nghèo nàn cơ cực trong chính tâm hồn ngươi, và ngươi sẽ phải quyết định phải phục vụ ai và phục vụ điều gì, một cách tỉnh táo, không còn bị che phủ bởi những câu truyện tự bịa đặt hay thổi phồng xưa nay".

Cũng theo Scalia, thực ra, Phêrô vẫn là Phêrô dù ở trong tông tòa hay không, dù ngài có gọi ngài là Giám Mục Rôma hay không. Phêrô vẫn là Phêrô dù ngự trên ngai hay đi lại giữa những người cần đến ơn chữa lành bằng cái bóng của mình. Thấy giáo triều, và Giáo Hội gặp khủng hoảng, giống một võ sĩ bị thế gian dồn vào góc quá lâu, Đức Bênêđíctô hiểu rõ nếu muốn sống còn, Giáo Hội cần phải lui vào một góc để giải lao và phục sức, sau đó sẽ tái xuất thi đấu. Ngài đã rung chuông và dành cho Giáo Hội cơ may ấy.

Ngay từ giây phút đầu tiên khi Đức Phanxicô xuất hiện trên bancông chính Nhà Thờ Thánh Phêrô, thế giới đã biết rõ vị giáo hoàng này là một võ sĩ thiêng liêng, một đe dọa thầm lặng, một võ sĩ có nụ cười và không đưa ra điều gì khác ngoài sự dịu dàng "đáng sợ", một sự dịu dàng sẽ không ngừng đánh vào mạng lưới thần kinh ở bụng cho đến khi bạn nghẹt thở và cầu xin sự khoan hồng. Thế giới cần thứ thế đấm liên hồi này để hết còn phòng ngự. Mọi người, ít nhiều, đều sẽ thấy một điều gì đó đáng yêu nơi Đức Phanxicô nhưng đồng thời cũng một điều gì đó để bực mình nổi giận. Tất cả chúng ta đều bị thách thức phải ra khỏi vùng an toàn của mình.

Đức Phanxicô: dưới cái nhìn của người em gái

(Ngày 05/04/2013)

Từ lúc Đức Phanxicô ban phép lành đầu tiên cho công chúng trên bancông chính Nhà Thờ Thánh Phêrô, chuông điện thoại tại nhà bà Maria Elena Bergoglio đã bắt đầu liên tục réo lên rồi. John L. Allen của tờ *National Catholic Reporter* cho rằng: dù không có con số để hỗ trợ, nhưng người ta tin chắc rằng: kể từ ngày 13 tháng 3, người được phỏng vấn nhiều nhất trên hành tinh này là bà nội trợ 64 tuổi ở thành phố Ituzaingó của Argentina. Người đàn bà đó chính là Maria Elena Bergoglio, người em gái duy nhất còn sống của Đức Phanxicô, một người em y hệt anh trai ở điểm khiêm nhường, không một chút khoa trương, nhưng khi cần nói lên quan điểm của mình thì lại không chút sợ hãi.

Như khi người ta bảo sở dĩ Jorge đi tu làm linh mục là vì bị người tình nhỏ bé từ khước lời cầu hôn,

Maria lớn tiếng cho hay: lúc ấy Jorge chỉ là một cậu bé, làm sao nghiêm túc với chuyện vợ chồng được. Nhất là khi người ta tố cáo anh trai bà hợp tác với chế độ quân phiệt Argentina, Maria bèn "vặn lại": gia đình bà rời cư khỏi Ý năm 1929 vì chống lại chủ nghĩa Phátxít, thì làm sao người con hiếu thảo là Jorge lại có thể hợp tác với độc tài?

Về điểm trên, trong cuốn "Francis, Pope of a New World" vừa xuất bản của Andrea Tornielli, Maria có kể rằng: "bà nội Rosa là một nữ anh hùng đối với chúng tôi, một mệnh phụ hết sức can đảm. Tôi không bao giờ quên câu truyện bà kể cho chúng tôi nghe hồi còn ở Ý bà đã lên bục giảng của nhà thờ để lên án độc tài phát xít Mussolini ra sao". Ai cũng biết Jorge thương mến và cảm phục bà xiết bao nên mới luôn lưu giữ di chúc tinh thần của bà trong sách nguyện mang theo bên mình đi khắp nơi.

Dù đã trả lời không biết bao nhiêu câu hỏi về vị tân giáo hoàng, Maria vẫn còn dành cho Allen nhiều điều thú vị. Như việc bà vẫn nghĩ Đức Hồng Y Odilo Pedro Scherer của Brazil sẽ được bầu làm giáo hoàng, vì ngài luôn đứng về phía người nghèo, chứ không phải anh mình, người mà bà luôn "muốn trở về!".

Bà thú thực rằng từ ngày trở thành giáo hoàng, người anh trai bình thường hay e lệ và dè dặt của mình xem ra "có khả năng nhiều hơn trong việc phát biểu cảm quan của mình" nơi công chúng, một điều bà cho là nhờ ơn Chúa Thánh Thần. Đối với những ai thắc mắc không hiểu anh trai bà có mạnh mẽ đủ để cai quản Vatican hay không, Maria quả quyết: anh ấy dư mạnh mẽ: "Bản thân anh ấy là người có cá tính mạnh mẽ, và anh ấy có một lòng tin sâu xa vào các xác tín của mình, không gì lay chuyển được đâu". Bà rất tôn trọng lịch trình của anh trai, chỉ mong có được hai phút ôm ông anh một lần thôi.

Sau đây là cuộc phỏng vấn của Allen

Cho đến sáng nay (3 tháng 4), bà đã có bao nhiêu cuộc phỏng vấn?

Tôi không có ý niệm gì cả! Làm sao mà đếm cho xuể. Từ khi ngài được bầu, mỗi ngày điện thoại (nhà tôi) đều bắt đầu reo vào lúc 5 giờ 30 sáng, và người đến gõ cửa bắt đầu từ 6 giờ sáng, và chuyện này không bao giờ ngưng cho tới tận 8 hay 9 giờ tối. Lúc nào cũng thế. Bác sĩ thực sự đã khuyên tôi nên cắt bớt, vì tôi cũng chỉ là một bà nội trợ bình thường có một đời sống bình thường, như mọi người, và chưa quen với thứ sóng thần đổ xuống trên đầu chúng tôi này. Không hẳn tôi có bất cứ vấn đề sức khỏe gì đặc biệt, nhưng bác sĩ bảo tôi đang bị mệt mỏi và căng thẳng hơi quá một chút. Tuy nhiên, tôi nghĩ mình không nên cắt giảm vì tôi cảm thấy như thể mình có bổn phận phải chia sẻ anh trai mình với mọi người. Tôi cảm thấy đây là điều tôi phải làm, cho dù nó sẽ làm tôi mệt mỏi.

Điều tôi khiếp sợ là khi ngài về thăm Argentina lần đầu, vì tôi tưởng tượng ra cảnh các nhà báo, vì nghĩ rằng thế nào ngài cũng về nhà chúng tôi, nên sẽ có cả một đạo quân đóng trại ở ngoài đây để chờ gặp ngài. Ngài chắc chắn không đến nhà chúng tôi đâu! Có đến, thì phải là một cuộc thăm viếng mục vụ, chứ không phải đoàn tụ gia đình hay nghỉ hè. Chắc chắn một điều tôi sẽ phải tới gặp ngài. Bất cứ ở đâu, ngài cũng phải cho tôi 2 phút, tôi đáng được như thế! Tôi chỉ muốn 2 phút để được ôm ngài thôi. Tôi chẳng mong gì khác ngoài điều đó.

Bà có cảm thấy như mất một người anh hay không?

Thú thực, đúng hơn (phải nói) tôi vừa có được hàng triệu anh chị em mới, nên tôi cố gắng tìm cách chia sẻ anh trai tôi với mọi thành viên mới của gia đình này.

Bà đã nói chuyện với anh trai bà mấy lần từ ngày ngài làm giáo hoàng?

Ngài điện thoại ngay khi có thể sau khi được bầu, và đó là cuộc nói chuyện rất xúc động. Tôi không thể nào giải thích được xúc cảm của mình lúc đó. Sau lần đó, ngài còn gọi một lần nữa, và lần này, chúng tôi nói như anh trai nói với em gái. Một cuộc tán gẫu rất bình thường như vẫn thường xảy ra. Thí dụ, ngài muốn biết tôi đang nấu món gì!

Bà vẫn gọi ngài là "Jorge" hay đã gọi là "Phanxicô" hay "Đức Thánh Cha"?

Jorge, Jorge! Bao lâu tôi còn biết đó là tên anh trai tôi, thì tôi còn gọi ngài là Jorge. Có lẽ một ngày kia, tôi sẽ gọi ngài là Phanxicô, nhưng bây giờ thì vẫn là Jorge thôi.

Khi bà nói chuyện với ngài, xem ra ngài có bị lo lắng đến tràn ngập không?

Tôi rất biết ơn vì cho đến nay, Phanxicô vẫn là Jorge. Xem ra ngài chẳng thay đổi gì, và mặc dù ý thức rõ trách nhiệm phải gánh vác hiện nay, nhưng ngài không có vẻ gì là căng thẳng hay lo lắng.

Nhiều người ở Argentina cho tôi hay khi còn ở đây, Đức Hồng Y Bergoglio hình như hơi e lệ và dè dặt trước công chúng, và họ ngạc nhiên thấy ngài hứng khởi và nói năng lưu loát trong tư cách giáo hoàng. Bà có để ý điều đó không?

Khi tôi thấy ngài xuất hiện trên bancông, tôi thấy ngài vẫn là con người tôi từng biết xưa nay, vẫn là Jorge thuở nào. Lẽ dĩ nhiên, lúc đó, tôi không có nhiều thì giờ nghĩ đến chuyện đó, vì ngay khi tên ngài được xướng lên, căn nhà của chúng tôi đã trở thành như một nhà thương điên, ai ai cũng gọi tới cho chúng tôi, khắp nơi thật ồn ào bừa bãi. Khi có thì giờ suy nghĩ và ngắm nhìn ngài kỹ hơn, tôi có cảm giác ngài rất hạnh phúc, và điều đó khiến tôi nghĩ Chúa Thánh Thần hẳn đang ở ngay tại đó với ngài. Ngài tỏ ra hạnh phúc, tròn đầy. Ngài vốn gần gũi với dân chúng ở đây, ở Argentina này, nhưng hôm ấy xem ra ngài còn gần gũi hơn nữa và có thể phát biểu các cảm nghĩ của ngài nhiều hơn nữa, điều mà tôi cho là Chúa Thánh Thần nâng đỡ ngài. Tôi phải thú thực rằng tôi rất sung sướng khi thấy anh trai tôi thích ứng tốt đối với vai trò mới của mình.

Bà có nghĩ ngài sung sướng được làm giáo hoàng không?

Tôi không nghĩ đó là chữ đúng để diễn tả. Có lẽ chỉ có thể nói thế này: tôi nghĩ ngài hạnh phúc, nhưng là một thứ hạnh phúc khác hẳn. Không hẳn theo như ông và tôi nghĩ khi chúng ta nói chúng ta hạnh phúc có ngài làm giáo hoàng. Theo tôi, ngài hạnh phúc với trách nhiệm được trao cho, nhưng cũng hiểu rõ gánh nặng ngài phải gánh.

Bà có dự tính qua Rôma để gặp ngài không?

Hiện tôi chưa có dự tính đi đâu cả. Nói cho ngay, tôi đã quen với việc không sống quá gần gũi Jorge rồi, đã quen với việc không có ngài ở bên về phương diện vật lý. Điều tôi tiếc chỉ là những cú điện thoại hàng tuần của chúng tôi thôi, nếu ngài không thể thực hiện việc ấy thường xuyên nữa. Chúng tôi đã quen nói với nhau hằng tuần rồi, nói thật lâu, và đó là điều tôi tiếc nếu ngài không thể tiếp tục như trước nữa. Dĩ nhiên, tôi hy vọng ngài sẽ về đây thăm!

Chỉ có một người khác nữa ở trên đời có thể thực sự hiểu được điều anh trai bà đang trải qua, và người đó là Đức Bênêđíctô XVI. Hai vị đã truyện trò với nhau một vài lần. Cũng thế, có lẽ chỉ có một người khác nữa có thể đánh giá đúng điều bà đang trải qua, và người đó là anh trai Georg của Đức Bênêđíctô. Có bao giờ bà nghĩ đến việc điện thoại cho ngài để vấn kế không?

Ông biết đấy, chưa ai hỏi tôi câu này trước đây. Quả thật, có lẽ không ai hiểu cảm quan của anh trai tôi bằng Đức Bênêđíctô. Tôi chưa bao giờ nghĩ tới việc gọi điện thoại cho anh trai ngài, nhưng tôi chắc chắn đó là cú điện thoại rất lý thú.

Nếu gọi cú điện thoại đó, bà muốn hỏi ngài điều gì?

Không hẳn tôi muốn có điều gì để hỏi ngài, nhưng tôi muốn chúc mừng ngài vì đã có người em trai như thế. Đức Bênêđictô XVI là một người cực kỳ khiêm nhường và cực kỳ trung thực, và quả thực phải đảm lược lắm mới dám từ bỏ quyền lực như ngài đã làm. Tôi cũng muốn tỏ bày với Đức Bênêđíctô XVI lòng biết ơn sâu xa của tôi, vì ngài đã làm mọi điều khó làm. Trước nhất, ngài đã theo chân Đức Gioan Phaolô II, một việc gần như không thể nào làm được, nhất là vì Đức Bênêđictô

hướng nội, e lệ và trí thức nhiều hơn. Tôi cũng cảm thấy ái ngại cho Đức Bênêđíctô vì xét theo nhiều cách, ngài phải làm công việc "dơ bẩn" trong Giáo Hội, như bắt đầu phải đề cập tới những chuyện tồi bại trong Giáo Hội, những trái cà chua thối, như các vụ lạm dụng (tình dục) chẳng hạn.

Bà nhắc đến các vụ lạm dụng. Bà nghĩ anh trai bà sẽ giải đáp chúng ra sao?

Tôi không có ý niệm gì về điều ngài sẽ làm, nhưng tôi biết ngài sẽ làm những gì cần phải làm.

Bà có vui khi anh trai bà nối gót Đức Bênêđíctô chứ không nối gót Đức Gioan Phaolô II? Bà có nghĩ chẳng hạn rằng điều đó khiến mọi sự trở nên dễ dàng cho anh trai bà hơn không?

Có lẽ, vâng, vì Đức Gioan Phaolô II ở rất đậm trong tâm hồn người ta. Nên thật hết sức khó khăn cho bất cứ ai có nhiệm vụ phải nối gót ngài. Tôi không nghĩ anh trai tôi hoàn toàn giống Đức Gioan Phaolô II hay Đức Bênêđíctô XVI… Xét về một số phương diện, ít nhất về nhân cách, anh ấy là tổng hợp khéo léo của cả hai vị.

Có phải bà ở nhà khi anh trai bà được bầu?

Vâng, tôi ở nhà, làm việc nội trợ. Khi nghe tin khói trắng xuất hiện, chúng tôi mở truyền hình để xem ai là người khốn khổ bị bầu làm giáo hoàng. Tôi vốn hy vọng ở (Đức Hồng Y Odilo Pedro) Scherer của Ba Tây, trong khi con trai tôi lại muốn một tu sĩ Dòng Phanxicô được bầu làm giáo hoàng… hắn không cần biết là ai, miễn là một tu sĩ Dòng Phanxicô là được.

Ông biết đấy, tôi nghe nhiều người nói đến việc đức tân giáo hoàng được đưa tới "Phòng Nước Mắt" sau khi được bầu, tôi luôn cho đó là chuyện buồn cười. Đức giáo hoàng mà khóc nỗi gì? Nhưng khi hiểu ra đó là anh trai tôi, tôi lập tức thấy ngay là anh ấy cần chiếc phòng ấy. Toàn bộ công trường đầy những người la lớn *Viva il Papa!* ngay cả trước khi họ biết vị ấy là ai. Ông phải có trái tim đá mới không khóc chút nào trước khi bước ra ngoài để đối diện với những người điên rồ đang hò la vì ông.

Tại sao bà đặt hy vọng ở (Đức HY) Scherer?

Tôi luôn luôn thích ngài. Ngài sống cho người nghèo. Tôi quả không có sự phân tích sâu xa nào, nhưng lúc nào đối với tôi ngài cũng chọn người nghèo trong mọi công trình mục vụ của ngài.

Tại sao bà không ủng hộ anh trai bà?

Vì tôi muốn anh ấy trở về! Tôi không muốn anh ấy lưu lại đó.

Năm 2005, bà có sợ hơn không?

Có, lúc đó, anh ấy thực sự sợ là mình không trở về, vì ai cũng nói tới Đức Hồng Y Bergoglio như người thừa nhiệm Đức Gioan Phaolô II. Tôi cho là đúng (lời người ta thường nói) ai vào cơ mật viện như giáo hoàng thì lúc ra vẫn là hồng y.

Lần này thì bà không sợ?

Không, tôi không sợ chút nào. Hôm trước ngày lên đường qua Rôma, anh ấy có gọi cho tôi và chúng tôi chuyện vãn với nhau như thường lệ mỗi lần anh ấy đi đâu xa. (Tôi chúc anh ấy) 'chúc anh lên đường bình an, hẹn gặp lại anh khi anh trở về. Anh em mình sẽ chuyện vãn ngay sau khi anh trở về'. Chẳng ai trong chúng tôi có cảm giác anh ấy không trở về. Khi chúng tôi gác máy, anh ấy bảo 'hẹn gặp em sau'.

Đây là điều nhiều người muốn biết. Họ nói rằng sự giản dị và khiêm nhường của đức giáo hoàng và sự gần gũi dân của ngài là những điều tốt, nhưng họ thắc mắc liệu ngài có cứng đủ để lãnh đạo không, nghĩa là liệu ngài có đủ sức mạnh để đưa ra các quyết định khó khăn xứng với một

vị giáo hoàng hay không. Anh trai bà có cứng rắn đủ hay không?

Có chứ, có, nhất định có. Bản thân ngài vốn có đức tính mạnh mẽ, và ngài cũng tin tưởng sâu xa các xác tín không thể bẻ gẫy của ngài. Không ai có khả năng buộc ngài phải thỏa hiệp trong những điều ngài tin.

Bà có thể cho một thí dụ ở thời điểm nào trong đời sống ngài, sự cứng rắn ấy rõ ràng nhất?

Cái đó khó, vì đây là một nét khá thường hằng trong con người của ngài. Không có thời điểm nào được coi là trổi vượt cả. Nếu ông muốn có thí dụ, thì thí dụ hay nhất có lẽ là việc ngài ưu tiên chọn người nghèo. Nhiều thời điểm khiến cuộc sống của ngài ra khó khăn tại Argentina, cả trong liên hệ với chính phủ lẫn trong liên hệ với giới kinh doanh là những người muốn ngài im tiếng về người nghèo. Nhưng ngài luôn luôn chọn người nghèo, bất luận chuyện gì xẩy ra, và xin thú thật, ở xứ này, lên tiếng ủng hộ người nghèo, bạn sẽ gặp nhiều thiệt hại khủng khiếp.

Bà biết anh trai bà hơn bất cứ ai khác. Bà có thấy hay nghe điều gì ngài làm hay nói trong tư cách giáo hoàng khiến bà ngạc nhiên không?

Không, tôi chưa ngạc nhiên về điều gì cả… lẽ dĩ nhiên, trừ việc này là ngài được bầu làm giáo hoàng. Về căn bản, tôi muốn ngài vẫn là anh Jorge, vẫn làm những cử chỉ nhỏ mọn như lúc còn làm hồng y ở đây, như đi cử hành Thánh Lễ cho người trẻ vào Thứ Năm Tuần Thánh. Ngài vẫn giảng dạy và ban hành các sứ điệp mục vụ theo cách ngài vốn được dạy phải làm, tức bằng gương sáng. Không phải nói bài nói, mà bước đường bước.

Hai trăm năm sau, bà nghĩ người ta sẽ nhớ anh trai bà thế nào trong tư cách giáo hoàng ?

Một giáo hoàng khiêm nhường, một giáo hoàng yêu thương, nhất là yêu người nghèo và yêu sự thật. Tôi cũng nghĩ ngài sẽ được tưởng nhớ như một giáo hoàng rất cứng rắn, sẵn sàng làm những điều cần phải làm.

Có điều gì bà mong ngài làm mà ngài chưa làm chăng?

Không, vì tôi thực sự chưa nghĩ tới việc đó. Ngài nên làm gì đâu phải do tôi quyết định.

Bà nghĩ có ai ở Argentina sẽ được ngài yêu cầu tới Rôma phụ giúp ngài hay không?

Rất có thể ngài sẽ làm thế, nhưng nếu ngài làm vậy, ngài đâu cần phải thảo luận trước với bất cứ ai. Ngài chỉ cần cầm điện thoại lên mà nói ‘qua đây ngay!’. Ngài sẽ thành lập nhóm làm việc của ngài theo đòi hỏi của ngài, theo điều được ngài tin là nhu cầu của Giáo Hội, nhưng ngài đâu cần phải thảo luận việc ấy với ai trước đó, ngài chỉ lăng lặng hành động thôi.

Bà vừa nhắc tới nhóm làm việc mà anh trai bà sẽ thành lập. Bà nghĩ ngài muốn có loại người nào tham gia nhóm ấy?

Những người chịu suy nghĩ như ngài, chịu cảm nhận như ngài, và chịu hành động như ngài.

Những người như thế có dễ kiếm không?

Dễ, những người như ngài rất nhiều. Chúng ta thường quen chú mục vào những điều xấu, chứ nếu biết tìm người tốt ở quanh ta, bạn sẽ thấy háng tá.

(bất chợt, có con mèo của gia đình chạy qua) Tiện dịp, anh trai bà có thích mèo như Đức Bênêđíctô không?

Thú thực, tôi không biết. Ngài vốn biết ngài không thể có bất cứ con vật thân thương nào, vì ngài

không bao giờ biết trong tương lai mình sẽ ở đâu và vì ngài không có thì giờ chăm sóc nó. Ngài chưa bao giờ tỏ ra muốn có một con vật thân thương. Tôi biết lúc còn ở chủng viện, người ta có nuôi một con chó. Con chó này được anh trai tôi cưng, nhưng chưa bao giờ nghe nói ngài muốn có một con.

Khi còn là một thiếu niên, há ngài đã không thích một con vẹt đuôi dài đó sao?

Cái đó có, lúc ngài còn ở nhà tập, họ có nuôi một con vẹt đuôi dài và Jorge rất thích con vẹt đó. Ngài dạy nó nói một vài câu… ai cũng biết, không phải là lời cầu nguyện mà là chửi tục gì đó! Ngài rất thương giống vật, nhưng biết rõ mình không bao giờ có cơ hội chăm sóc riêng một con.

Theo John L. Allen Jr. 3 tháng Tư, 2013 NCR Today

Quan điểm của ĐTC Phanxicô về độc thân và ấu dâm

(Ngày 08/04/2013)

Tin mới nhất cho thấy Đức Phanxicô đã chỉ thị cho giới chức Vatican phải triệt để giải quyết tai tiếng lạm dụng tình dục đang được truyền thông thế tục hết sức chú ý. Đây là quan tâm hàng đầu của Đức Phanxicô. Tuy nhiên, khi còn là bề trên Dòng Tên tại Argentina và TGM Buenos Aires, việc đào tạo linh mục luôn được Đức Phanxicô hết sức quan tâm. Cuộc phỏng vấn của giáo sĩ Do Thái Giáo Abraham Skorka, viện trưởng Chủng Viện Do Thái của Châu Mỹ La Tinh, về đề tài này đã được đăng trong cuốn *Sobre el Cielo y la Tierra* ("Về Trời và Đất") xuất bản năm 2012 bởi Nhà Xuất Bản Sudamericana.

Độc thân

Trong cuộc phỏng vấn này, Đức HY Bergoglio tiết lộ bí quyết sống độc thân một cách hạnh phúc của ngài. "Lúc tôi còn là một chủng sinh, tôi bị lóa mắt bởi một cô gái tại đám cưới của một ông chú. Tôi bàng hoàng trước vẻ đẹp và trí thông minh của nàng… quả đúng thế, tôi bàng hoàng một thời gian khá lâu. Tôi luôn nghĩ đến nàng không thôi. Sau đám cưới ấy, tôi trở lại chủng viện, nhưng đến cả một tuần lễ sau, tôi vẫn không cầu nguyện được, vì mỗi lần cố gắng cầu nguyện thì cô gái lại xuất hiện trong đầu tôi. Tôi phải suy nghĩ lại xem tôi đang làm gì đây. Tôi vẫn còn tự do vì mới chỉ là chủng sinh thôi, nghĩa là tôi có thể trở về gia đình, thế là xong. Nhưng tôi phải suy nghĩ về chọn lựa của mình một lần nữa. Và một lần nữa, tôi đã chọn, hay đúng hơn, tôi để mình được chọn bởi, con đường tu trì. Hiện tượng này mà không xảy ra mới bị coi là chuyện bất bình thường.

Và khi nó xảy ra, người ta bắt buộc phải rà lại hướng đi của mình một lần nữa. Đây là vấn đề ta phải chọn lựa lại hay cho rằng 'Không, điều tôi đang cảm xúc thật là đẹp. Tôi sợ sau này mình sẽ không trung thành với ơn gọi, do đó, nên rời chủng viện là hơn'. Nếu việc này xảy ra cho một chủng sinh, tôi thường giúp họ ra đi bằng an để trở thành một Kitô hữu tốt, chứ không thành một linh mục xấu. Trong Giáo Hội Tây Phương mà tôi thuộc về, các linh mục không thể kết hôn như trong các giáo hội Byzantine, Ukrainian, Nga hay Hy Lạp. Trong các giáo hội này, các linh mục có thể kết hôn, nhưng các giám mục thì phải ở độc thân. Các linh mục của họ đều là những người tốt lành. Đôi lúc, tôi nói đùa với họ, bảo họ rằng ở nhà, họ có vợ con, nhưng họ đâu có hiểu là bù lại, họ cũng có các bà mẹ vợ nữa. Trong Công Giáo Tây Phương, một số tổ chức đang thúc đẩy việc thảo luận thêm về vấn đề này. Nhưng cho đến nay, luật độc thân vẫn còn giá trị. Một số người dựa vào lý do thực tiễn cho rằng chúng ta đang mất nhân lực. Giả thiết nếu trong tương lai, Công Giáo Tây Phương có duyệt lại vấn đề độc thân, thì tôi nghĩ chỉ là vì các lý do văn hóa (như tại Phương Đông) chứ không thể qui thành chọn lựa phổ quát được.

Hiện nay, tôi vẫn ủng hộ việc duy trì luật độc thân, với đầy đủ các lý do ủng hộ và chống đối, vì chúng ta có tới 10 thế kỷ thành công tốt đẹp, chứ không phải thất bại… Truyền thống có sức nặng và giá trị của nó. Các giáo sĩ Công Giáo trong quá khứ đã từ từ tiếp nhận kỷ luật độc thân này. Cho tới

năm 1100, một số chọn nó, một số không. Sau đó, tại Phương Đông, người ta theo truyền thống coi việc giáo sĩ kết hôn như một chọn lựa bản thân, còn tại Tây Phương, người ta theo truyền thống ngược lại. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là vấn đề kỷ luật, chứ không phải vấn đề đức tin. Nghĩa là có thể thay đổi được. Bản thân tôi thì không bao giờ có ý nghĩ kết hôn cả. Nhưng nhiều người nghĩ đến việc này. Như trường hợp Fernando Lopez, Tổng Thống Paraguay chẳng hạn. Ông ta là người rất sáng chói. Nhưng khi còn là một giám mục, ông ta sa ngã và đã xin từ nhiệm. Đây là một quyết định trung thực. Đôi khi ta thấy các linh mục rơi vào hoàn cảnh này".

Về những linh mục này, Đức HY Bergoglio cho hay: "nếu ai trong số họ đến cho tôi hay đã làm cho một phụ nữ có thai, tôi sẵn sàng lắng nghe và giúp ông được an tâm rồi từ từ, tôi sẽ giúp ông hiểu ra rằng luật tự nhiên đã lấn át chức linh mục của ông. Do đó, ông phải rời bỏ thừa tác vụ để chăm sóc đứa trẻ kia, cho dù ông quyết định không kết hôn với người phụ nữ đó. Vì đứa trẻ có quyền có một người mẹ thế nào, thì nó cũng có quyền có một người cha như thế. Tôi cam kết sẽ dàn xếp mọi giấy tờ cho ông ở Rôma, nhưng ông phải rời bỏ mọi sự. Còn nếu linh mục nào cho tôi hay đã sa ngã, nhưng muốn ăn năn, tôi sẵn sàng giúp ông trỗi dậy. Có những linh mục trỗi dậy được, có những linh mục không trỗi dậy được. Thậm chí có những linh mục không chịu nói chi với giám mục của mình".

Trỗi dậy là sao? "Là làm việc đền tội, duy trì việc độc thân của mình. Sống hai mặt là điều chẳng tốt đẹp gì cho tất cả chúng ta. Tôi không thích lối sống ấy vì nó có nghĩa sống bằng giả dối. Bởi thế, tôi thường nói: 'nếu không thắng vượt được, thì nên quyết định đi".

Ấu Dâm

Riêng ấu dâm lại là chuyện khác. Tuy nhiên "cần loại bỏ ý niệm cho rằng ấu dâm là hậu quả của việc sống độc thân. Hơn 70% các vụ ấu dâm xảy ra trong gia đình và chòm xóm: ông, chú, cha kế, hàng xóm. Vấn đề này không liên hệ gì tới việc sống độc thân. Nếu một linh mục ấu dâm thì là vì ông ta ấu dâm trước khi làm linh mục.

Nhưng khi nó xảy ra, ta không nên bao giờ làm ngơ nó. Bạn không thể ở địa vị có quyền thế để rồi hủy hoại đời một người khác. Trong giáo phận của tôi, chưa xảy ra việc này, nhưng một giám mục kia có gọi điện thoại hỏi tôi xem phải làm gì trong một hoàn cảnh như thế, tôi bảo ngài phải lấy lại "bài sai", không cho phép người đó thi hành chức linh mục nữa, và nên khởi sự một phiên tòa theo giáo luật. Tôi nghĩ đó là việc phải làm ngay. Tôi không tin vào việc chủ trương rằng cần phải duy trì một tinh thần hợp đoàn để tránh gây thiệt hại cho hình ảnh của định chế. Giải pháp ấy có lần đã được đề xuất tại Hoa Kỳ, mục đích để hoán chuyển các linh mục qua các giáo xứ khác. Đây là một ý tưởng ngu xuẩn; vì với cách này, linh mục sẽ mang vấn đề của mình tới bất cứ nơi nào ông đến. Phản ứng hợp đoàn sẽ dẫn tới hậu quả ấy, cho nên tôi không đồng ý với những giải pháp như thế. Gần đây, có những trường hợp xảy ra cách nay khoảng 20 năm, vừa bị khám phá tại Ái Nhĩ Lan, và Đức Giáo Hoàng hiện nay (Đức Bênêđíctô XVI) đã nói rất rõ: 'tuyệt đối không khoan nhượng đối với tội ác đó'. Tôi ngưỡng mộ sự can đảm và chính trực của Đức Bênêđíctô về vấn đề này.

Đức Phanxicô và Phép Thánh Thể

(Ngày 10/04/2013)

Ngày 30 tháng 9 năm 2008, tại Đại Hội Thánh Thể Quốc Tế lần thứ 49 tại Québec, Đức Hồng Y Jorge Mario Bergoglio đã đọc một bài diễn văn về chủ đề "Thánh Thể: Hồng Ân từ Thiên Chúa cho Thế Gian Được Sống".

Chủ đề Do Đức Đương Kim Giáo Hoàng chọn cho Đại Hội Thánh Thể Quốc Tế lần thứ 49 này lấy từ Tin Mừng Thánh Gioan, trong đoạn Chúa Giêsu tuyên bố rằng "Ta là bánh hằng sống từ trời xuống (…) và bánh Ta ban chính là thịt Ta, cho thế gian được sống" (Ga 6:51-52).

Thánh thể, hồng ân Thiên Chúa, Đấng muốn ban sự sống cho mọi người, đó là chủ đề chính của Thông Điệp "Sacramentum Caritatis". Trong phần đầu, tựa là "Thánh Thể, mầu nhiệm phải tin", Đức

Giáo Hoàng khuyên ta thờ lạy Thánh Thể như là "Hồng ân nhưng không của Ba Ngôi Chí Thánh cho thế gian được sống". Và ở cuối, tức phần thứ ba, tựa là "Thánh Thể, mầu nhiệm phải sống", ngài khuyên ta cùng với Chúa, hiến mình như Thánh Thể cho người khác, vì "ơn gọi của mỗi người chúng ta hệ ở việc, cùng với Chúa Giêsu, trở nên bánh được bẻ ra cho thế gian được sống". Như thế, Thánh Thể vừa là hồng ân vừa là nghĩa vụ, hồng ân sự sống được nhận lãnh và hồng ân sự sống được trao ban cho mọi người.

Sự sống trong Chúa Giêsu Kitô này, "để những ai ở trong Người đều được sống", cũng là điều đang đập nhịp trong tâm điểm Văn Kiện Aparecida (cuộc họp của các giám mục Châu Mỹ La Tinh), với cung điệu biết ơn ngợi khen và nhiệt thành truyền giáo, vì "sự sống là hồng ân do Chúa ban, vừa là hồng ân vừa là nghĩa vụ…".

Thánh Alberto Hurtado, Dòng Tên, quen nói rằng "Thánh Thể là tâm điểm sinh tử của vũ trụ, có khả năng thoả mãn mọi khát khao sống và hạnh phúc: 'ai ăn thịt Ta và uống máu Ta, sẽ ở trong Ta, và Ta ở trong họ'(Ga 6:57). Trong bàn tiệc hạnh phúc này, ta tham dự vào sự sống đời đời và nhờ thế, cuộc sống hằng ngày của ta trở nên một Thánh Lễ kéo dài".

Ở giữa, tức ở giữa hồng ân và sứ vụ, Giáo Hội là động lực chính của bài giáo lý dành cho ngày nay: Thánh Thể và Giáo Hội, mầu nhiệm của Giao Ước.

Nói một cách đơn giản, tôi xin đề nghị ba bước để biến bài giáo lý này thành một "bài đọc thánh" (lectio divina). Bước đầu tiên là vắn tắt suy niệm về Giao Ước. Bước thứ hai tôi muốn nó trở thành một tổng hợp có tính chiêm niệm trong đó ta sẽ ngắm nhìn và thưởng ngoạn bằng con mắt tâm hồn một vài hình ảnh về Đức Nữ Trinh, Mẹ chúng ta, "Người Phụ Nữ Thánh Thể". Và bước thứ ba hệ ở việc rút ra một số kết luận mục vụ hữu ích cho cuộc sống bản thân và cuộc sống trong Giáo Hội của ta.

1. Chiều kích giáo hội và hôn ước của Thánh Thể

"Thánh Thể và Giáo Hội, mầu nhiệm của Giao Ước", với chữ "giao ước", ta có ý nhấn mạnh tới chiều kích giáo hội và phu thê của hồng ân Thánh Thể, một hồng ân Chúa muốn dùng để với tới mọi người. Thánh Thể là bánh hằng sống để thế gian được sống và là máu giao ước đổ ra để tha tội cho mọi người. Như thế, sau khi để tâm trí dựa chặt vào bản chất nhưng không (theo nghĩa hoàn toàn "cho không") của hồng ân này và tính năng động truyền giáo phổ quát của nó, ta hãy dừng lại để suy niệm về mầu nhiệm giao ước.

Giao Ước không sự gì và không ai có thể bẻ gẫy

"Như thế ai có thể tách ta ra khỏi tình yêu của Chúa Kitô?" (Rm 8:35). Điều đầu tiên làm ta cảm động về Phép Thánh Thể là mối liên quan tới Giao Ước "mới và vĩnh cửu" như Chúa nói tại Bữa Tiệc Ly. Điều này được Phụng Vụ trong Lời Nguyện Thánh Thể Hòa Giải diễn tả như sau: "Nhiều lần, chúng con đã vi phạm Giao Ước của Cha, nhưng, thay vì bỏ rơi chúng con, Cha đã lặp lại như mới với gia đình nhân loại, qua Chúa Giêsu Kitô, Con Cha, Chúa chúng con, một giao ước bền vững đến độ không điều gì có thể phá vỡ được".

Lòng thèm khát một Giao Ước mà không một ai và không một điều gì có thể phá vỡ chính là điều Chúa vốn nhào nặn trong tâm hồn Israel hàng bao thế kỷ qua, và Chúa Giêsu đã thỏa mãn lòng thèm khát ấy và làm nó hoàn thiện đến nỗi không còn một cơ hội nào để tan vỡ.

Trong tính chắc chắn của Giao Ước này, việc thiết lập ra nó trước ngày Khổ Nạn đóng một vai trò trung tâm. Khi tự hiến mình trước trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu đã biến thời điểm và không gian trong đó các giao ước từng bị phá vỡ (lúc Giuđa phản bội Người) thành thời điểm và không gian thánh trong đó Giao Ước Mới sẽ được đóng ấn vĩnh viễn.

Dự phóng Thánh Thể (The eucharistic anticipation)

Để có thể suy niệm mầu nhiệm này, ta nên dựa vào sự hướng dẫn nơi một số cái nhìn thông sáng của Đức Gioan Phaolô II. Các cái nhìn này sẽ giúp chúng ta thấy được tầm quan trọng của việc "dự phóng" Thánh Thể… Ý muốn nồng nàn nhất trong thông điệp "Giáo Hội Sống Nhờ Thánh Thể" của ngài là để gợi hứng cho việc "thờ kính Thánh Thể". Việc Chúa Giêsu lập Phép Thánh Thể trước cuộc Khổ Nạn của Người lúc ấy và hiện vẫn là động lực chính của lòng thờ kính (awe) này. Ta hãy đọc một ít dòng bằng con mắt của linh hồn:

"Giáo Hội được hạ sinh từ mầu nhiệm vượt qua. Chính vì lý do đó, Phép Thánh Thể, vốn là bí tích tuyệt vời của mầu nhiệm vượt qua, nằm ngay tại tâm điểm của đời sống Giáo Hội… sau hai ngàn năm, chúng ta vẫn tiếp tục tái sản sinh ra hình ảnh nguyên khởi đó của Giáo Hội. Và, trong khi chúng ta làm việc đó tại các cử hành Thánh Thể, con mắt linh hồn ta hướng về Tam Nhật Vượt Qua: hướng về những gì đã xảy ra vào buổi tối Thứ Năm Tuần Thánh, trong Bữa Tiệc ly và sau đó. Quả thế, việc lập Phép Thánh Thể đã dự phóng một cách bí tích các biến cố sẽ xảy ra sau đó, bắt đầu với việc hấp hối tại vườn Diệtsimani.

Ta thấy Chúa Giêsu từ Nhà Tiệc Ly bước ra, cùng các môn đệ đi xuống phía dưới, băng qua suối Cedron và dừng lại Vườn Cây Dầu. Tại vườn này, cho đến nay, vẫn còn những Câu Dầu rất cổ xưa. Có thể chúng đã chứng kiến những gì xảy ra dưới bóng chúng vào cái đêm định mệnh ấy, khi Chúa Kitô, trong lúc cầu nguyện, đã cảm nghiệm nỗi thống khổ đến chết người "và mồ hôi Người trở thành những giọt máu, nhiễu xuống đất" (Lc 22:44). Máu mà trước đó ít phút đã từng được ban cho Giáo Hội làm của uống cứu rỗi trong Bí Tích Thánh Thể, nay đang bắt đầu đổ ra; và việc tràn đổ này sẽ được hoàn tất không bao lâu sau trên Đồi Golgotha, trở thành dụng cụ cứu chuộc ta".

Sau đó, Đức Gioan Phaolô còn cho ta thấy tại sao có tựa đề này cho Thông Điệp của ngài: " 'Đây là mầu nhiệm Đức Tin' khi linh mục đọc hay hát lời này, các người hiện diện tuyên xưng: 'Lạy Chúa, chúng con loan truyền Chúa chịu chết, và tuyên xưng Chúa sống lại, cho tới khi Chúa đến'. Với những lời như thế hay tương tự, Giáo Hội đã cùng một lúc nhắc đến Chúa Kitô trong mầu nhiệm Khổ Nạn của Người, cũng cho thấy mầu nhiệm của chính mình: Giáo Hội Từ Thánh Thể mà ra (*Ecclesia de Eucharistia*)"

Chính ở đây, ta khám phá ra ba đặc điểm không thời gian từng làm cho Thánh Thể trở thành hạch nhân thâm hậu nhất trong đời sống Giáo Hội hiểu như một hồng ân và một trách vụ: "Nếu, cùng với việc Chúa Thánh Thần hiện xuống [chiểu tự là "trao ban") trong Ngày Lễ Ngũ Tuần, Giáo Hội đã được sinh ra và bắt đầu bước đi trên đường đời, thì giây phút quyết định xây nền cho Giáo Hội chắc chắn là lúc lập ra Phép Thánh Thể tại Phòng Tiệc Ly. Việc xây nền và khởi điểm của Giáo Hội tuy là toàn bộ Tam Nhật Phục Sinh, nhưng việc này đã được bao gồm, dự ứng và cô đọng mãi mãi vào hồng ân Thánh Thể. Trong hồng ân này, Chúa Giêsu Kitô ban cho Giáo Hội việc hiện thực hóa mãi mãi mầu nhiệm vượt qua. Người thiết lập ra "tính đương thời" (contemponabeousness) đầy mầu nhiệm giữa Tam Nhật kia và suốt dòng thời gian của mọi thế kỷ".

Đức Gioan Phaolô kết thúc đoạn này bằng cách khiến ta bỡ ngỡ và ngạc nhiên trước "khả năng cứu chuộc" của biến cố này, một khả năng trong đó "trọn bộ lịch sử", tức mọi sự sống của thế giới, đều được tham dự: "Tư tưởng này dẫn ta tới cảm quan tôn kính và biết ơn. Biến cố vượt qua và Phép Thánh Thể nhằm hiện thực hóa nó trong mọi thế kỷ có một 'khả năng thực sự vĩ đại' trong đó mọi lịch sử đều được tham dự như những người được dự tính thụ hưởng ơn cứu chuộc".

Được bao gồm/dự phóng/cô đọng

Cái nhìn thông sáng của Đức Gioan Phaolô II hết sức độc đáo và việc trình bày nó quả bao gồm một tổng hợp khá khó hiểu. Làm thế nào rút tỉa được lợi ích từ nó mà không làm thiệt hại tới nó? Thiển nghĩ chỉ còn cách bước vào qua ngả sư phạm. Chúa Giêsu từng cho ta thấy ý định sư phạm trong việc rửa chân, khi Người phán rằng: "Là Chúa và là Thầy các con […] Ta đã làm gương cho các con…" (Ga 13:13-15). Do đó, ta có thể tự hỏi đâu là giá trị sư phạm của việc "bao gồm-dự phóng-và cô đọng" của Tam Nhật Vượt Qua trong hồng ân Thánh Thể? Tôi xin thưa ngay rằng ý định của Chúa

Giêsu là nhằm chuẩn bị và điều kiện hóa kẻ tiếp nhận Hồng Ân này: chuẩn bị tâm hồn các môn đệ để họ đón nhận chiều kích bản thân và chiều kích Giáo Hội của Hồng Ân.

Khi dự phóng việc hiến mình của Người và bao gồm các bằng hữu của Người vào việc hiệp thông Bữa Tiệc Ly và cô đọng (concentrate) mọi yêu thương của Người vào hồng ân Thánh Thể này, Chúa Giêsu đã thành công trong việc làm cho họ trở thành những người tham dự vào hy lễ cứu chuộc, khi họ ý thức được điều Chúa Giêsu dâng hiến trong cuộc Khổ Nạn, cũng như hiểu ra điều họ đã được nhận lãnh. Ý Chúa muốn có Giao Ước, việc Người hiến mình hoàn toàn bằng cách chết trên Thập Giá, trở nên hiển nhiên đối với các môn đệ, không phải như một biến cố riêng rẽ và sau hết, nhưng tràn ngập ký ức họ đủ mọi điều họ từng chiêm ngưỡng, về đức Maria, về Thánh Gioan và về các phụ nữ thánh thiện, và sau này về toàn thể Giáo Hội, cùng với mỗi và mọi hành vi hiến mình của Chúa (Người không làm gì khác ngoài việc tốt), và một cách hết sức đặc biệt, tràn ngập tâm trí tín hữu một ký ức về sự hiến mình trong Phép Thánh Thể tại Bữa Tiệc Ly. Nếu không, hành vi cuối cùng kia sẽ xa cách chúng ta. Vì nó chỉ là một hành vi hoàn toàn nhưng một chiều, hành vi của Thiên Chúa, mà không có người xứng đáng để lãnh nhận. Rượu mới như thế liều mình sẽ làm bể bình cũ…

Nhưng không, hành vi hiến mình hoàn toàn của Chúa Giêsu trên Thập Giá đi vào bình rượu mới của các tâm hồn biết tiếp nhận và nếm trước Thánh Thể. Một Thánh Thể "cô đọng" được cuộc Khổ Nạn sẽ mang lại cho nó một "tỷ lệ tương xứng" với khả năng của ta, có thể nói như thế. Vì điều này, toàn bộ Khổ Nạn có thể và nên được coi như có tính cứu rỗi, bởi những ai chiêm ngắm nó đã được "bao gồm" trong hiệp thông với tình yêu cứu rỗi vốn đập nhịp trong Chúa đầy cảm thương rồi. Theo nghĩa này, ta có thể chiêm niệm việc rửa chân như là hành vi thanh tẩy, tương ứng với việc đổ máu cứu chuộc trên Thập Giá. Sự căng thẳng giữa lớn và nhỏ, giữa tầm thường và ngoại thường cô đọng tình yêu của Chúa và đặt nó vào thiên hướng của đức tin ta, ngăn cản không để trí hiểu của ta đi lệch về phía ngoại thường hoặc bị cái tầm thường làm loãng nhạt đi.

Có một sự tương tự sâu xa với điều trên trong công thức của bí tích hôn phối. Trong đó, các người phối ngẫu tự hiến cho nhau và hứa với nhau một lòng trung thành bao gồm, dự phóng và cô đọng đối với nhau, bất chấp sự gì xảy ra trong đời: mạnh khỏe hay tàn tật, thịnh vượng hay gian nan. Là hình ảnh Giao Ước của Chúa Kitô từng được báo trước trong Phép Thánh Thể, vợ chồng cũng báo trước Tình Yêu của Chúa và làm nó bao gồm tất cả, khiến cho Giao Ước thành bất phản hồi.

Các bình rượu cũ

Thiên Chúa là hồng ân. Để hồng ân này có khả năng cho đi, Chúa đã làm cho bình đựng, tức người nhận, đồng hình đồng dạng với của ban, một thứ bình sẽ không vỡ, một thứ bình mới. Một thứ bình là hoa trái của Giao Ước giữa ơn thánh và tự do. Căn cứ vào viễn tượng "bình đựng" này, ta có thể chiêm niệm "mầu nhiệm Giao Ước giữa Thánh Thể và Giáo Hội".

Như thế, ta hãy chú tâm vào điểm này: trong Thánh Thể, ta được của ăn biến đổi, như lời trích dẫn Thánh Leo Cả trong hiến chế *Lumen Gentium*: "tham dự mình và máu Chúa Kitô khiến ta bước vào diễn trình trở thành điều ta vừa tiếp nhận". Khi ăn mình Chúa Kitô, dù Người đã trở nên cùng tầm cỡ với ta, nhưng Người không hề bị 'gia giảm'. Phép lạ Thánh Thể hệ ở điều này: "bình đất xét" bắt đầu tiêu hóa của "châu báu" chứ không phải của xảy ra trong thiên nhiên. Khi lãnh nhận Thánh Thể, ta là người được tiêu hóa vào Chúa Kitô. Bằng cách này, qua việc Người tự ban mình làm của ăn như Bánh Hằng Sống, Chúa khởi sự làm nên Giáo Hội. Người khởi sự biến đổi trong Nhiệm Thể của Người, trong một diễn trình tiêu hóa đầy mầu nhiệm và bí ẩn giống diễn trình nuôi dưỡng. Đồng thời, bất cứ khi nào diễn trình này có được sự "xin vâng" đầy tự do của Giáo Hội, một sự tin tưởng thuận tình đối với Giao Ước của Phu Quân, Giáo Hội cũng biến đổi thành nàng dâu của Người.

2. Tầm nhìn của Đức Maria, người phụ nữ Thánh Thể

Muốn chiêm niệm mầu nhiệm Giao Ước này tốt hơn, ta nên tập chú vào Đức Maria. Một lần nữa, ta có thể dựa vào tầm nhìn của Đức Gioan Phaolô II, người từng mời gọi ta bước vào "trường học của

Đức Maria, người phụ nữ Thánh Thể": "Muốn khám phá ra mối liên hệ thân thiết vốn kết hợp Giáo Hội với Thánh Thể trong tất cả mọi vẻ phong phú của nó, ta không thể quên được Đức Maria, là Mẹ và khuôn mẫu của Giáo Hội […] Đức Mẹ có thể hướng dẫn ta một cách hữu hiệu tới Bí Tích Cực Thánh này vì ngài vốn có mối liên hệ thâm sâu với Phép này".

Dựa vào lối xếp lồng búpbê vào nhau (nesting dolls) của người Nga trong đó, những búpbê nhỏ hơn nhưng hoàn toàn đồng dạng được lần lượt lồng vào những búpbê lớn hơn, ta hãy bắt đầu với "người nhỏ nhất" là Đức Mẹ, để nhận ra điều đã hiển hiện nơi ngài, tức mầu nhiệm Giao Ước từng cho phép hồng ân Thiên Chúa được chấp nhận và thông truyền cho thế gian được sống, đã được biểu lộ ra sao nơi Giáo Hội phổ quát và nơi từng mỗi tâm hồn. Ta sẽ theo phương châm của các Giáo Phụ, theo đó, ít nhiều các vị đã nói như sau: "những gì được nói một cách phổ quát về Giáo Hội, cũng đã được nói một cách chuyên biệt về Đức Maria và một cách cá thể về mỗi tâm hồn tín hữu".

Trong mối liên hệ giữa Đức Maria và Thánh Thể, ta thấy ba hình ảnh có thể cho thấy rõ các đặc tính của Giao Ước mà ta có thể áp dụng sau đó vào Giáo Hội phổ quát và vào chính linh hồn ta cách riêng.

Giao ước là đồng hành (company)

Hình ảnh Thánh Thể đầu tiên của Đức Maria cho ta thấy một người được "bao gồm" vào Giáo Hội, nhưng đồng thời, ngài cũng bao gồm trong đó sự nhỏ bé của ngài nữa, một cách đầy mầu nhiệm. Đức Gioan Phaolô II đề cập tới việc Đức Maria "tham dự" Phép Thánh Thể của cộng đoàn tiên khởi như sau: "Ngài hiện diện với các Tông Đồ, 'đồng tâm nhất trí cầu nguyện' (Cv 1:14), trong cộng đoàn đầu tiên, tụ tập nhau sau khi Chúa lên trời để chờ mong Chúa Thánh Thần hiện xuống. Chắc chắn không thể thiếu sự hiện diện của ngài trong các cử hành Thánh Thể của các tín hữu thuộc thế hệ Kitô hữu đầu tiên, những người có thói quen chuyên chăm 'bẻ bánh' (Cv 2:42)".

Cộng đoàn của các Tông Đồ này kiên tâm cầu nguyện trong tinh thần "đồng hành" với Đức Maria: "Vào tới trong thành, các ông lên lầu trên, là nơi các ông trú ngụ. Các ông ấy là: Phêrô, Gioan, Giacôbê, Anrê, Philípphê, Tôma, Batôlômêô, Máthêu, Giacôbê con ông Anphê, Simon thuộc nhóm Quá Khích, và Giuđa con ông Giacôbê. Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Đức Giêsu, và với anh em của Đức Giêsu" (Cv 1:13-14).

Mầu nhiệm Giao Ước giữa Thiên Chúa và con người là một mầu nhiệm "đồng hành", chia sẻ cơm bánh, "ở với" người khác, trong gia đình, tại bàn ăn, một mầu nhiệm hiệp thông liên tục. Cuộc đồng hành này rất thích hợp đối với nền sư phạm của Chúa Giêsu, một sư phạm nhằm biến đổi mỗi người như đã áp dụng vào các môn đệ Emmau khi Người cùng đồng hành với họ tới lữ quán.

Giao Ước là tin tưởng (confidence)

Hình ảnh Thánh Thể thứ hai của Đức Maria cho ta thấy một nàng dâu hoàn toàn đặt tin tưởng vào Phu Quân của mình. Đức Gioan Phaolô II nhấn mạnh tới "thái độ Thánh Thể bên trong" mà Đức Mẹ từng sống suốt cuộc đời ngài, một thái độ đã định nghĩa chính xác việc "phó thác cho Lời Chúa". Đức Maria cô đọng trong chính ngài mọi "việc làm" liên quan tới Lời Chúa. Phó thác hàm nghĩa "không làm", rất thích hợp với người hoàn toàn sẵn sàng tiếp nhận một hồng ân, "xin làm cho tôi như lời ngài nói". Phó thác cũng hàm nghĩa "làm", rất thích hợp với người hiến mình không tính toán hay không cân đo và khuyên nhủ người khác cũng làm như thế, "hãy làm bất cứ điều gì Người bảo các anh".

Đối với Giáo Hội và đối với mỗi người chúng ta: "Sống cuộc tưởng niệm cái chết của Chúa Kitô trong Thánh Thể cũng hàm nghĩa liên tục lãnh nhận hồng ân này. Nó có nghĩa, theo gương Thánh Gioan, ta đem theo ta đấng đã được ban cho ta làm Mẹ. Nó cũng đồng thời có nghĩa phải cam kết cùng đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, học hỏi từ Mẹ Thánh Người và để ngài cùng đồng hành với ta".

Việc hoàn toàn tin tưởng và vâng phục đức tin này biến Trái Tim Mẹ Maria thành bình chứa hoàn hảo

để Ngôi Lời trở thành xác phàm và từ từ biến đổi Mẹ Người một cách toàn diện.

Giao ước là hy vọng (hope)

Hình ảnh Thánh Thể thứ ba của Đức Maria cho ta thấy một điều chỉ riêng Giao Ước mới có đó là sống trong dự phóng (anticipation), trong hy vọng điều đã được hứa. Đức Gioan Phaolô II nhắc đến mầu nhiệm "dự phóng" này khi ngài viết: "bằng cách ngày ngày chuẩn bị lên Canvariô, Đức Maria đã như sống một thứ 'dự phóng Thánh Thể', có thể nói như vậy, một thứ 'hiệp thông thiêng liêng' cả trong ước muốn lẫn trong hiến dâng, một hiệp thông sẽ lên đến cao điểm với việc kết hợp cùng Con trong Khổ Nạn và sau đó tự biểu lộ ra trong thời hậu Vượt Qua, trong lúc tham dự vào cử hành Thánh Thể, một cử hành do các Tông Đồ chủ tọa, để 'tưởng niệm' cuộc khổ nạn".

Ước muốn và hiến dâng là hai thái độ dự phóng sẽ biến cải Giáo Hội và linh hồn mỗi tín hữu thành "bình rượu mới". Giống như Đức Maria, nhờ ước muốn và hiến dâng này, ta trở thành bình chứa xứng hợp để Ngôi Lời mặc lấy xác phàm ở trong ta. Sự hiện diện khiêm nhường và dấu ẩn của Chúa trong Đức Maria, trong Giáo Hội và trong mỗi linh hồn, toả ánh sáng và hy vọng ra khắp thế gian. Đức Gioan Phaolô II diễn tả điều này cách tuyệt vời khi đề cập tới biến cố Thăm Viếng: " 'và phúc cho chị vì chị đã tin' (Lc 1:45): Đức Maria đã dự phóng đức tin Thánh Thể của Giáo Hội trong mầu nhiệm Nhập Thể. Trong biến cố Thăm Viếng, khi mang trong mình Ngôi Lời đã mang xác phàm, ngài đã trở thành một thứ 'nhà tạm', nhà tạm đầu tiên trong lịch sử, nơi đó, Con Thiên Chúa, tuy vẫn vô hình đối với con mắt phàm nhân, nhưng đã được tỏ bày để Elisabeth thờ kính, như đang 'tỏa' ánh sáng từ đôi mắt và giọng nói của Đức Maria".

Bởi thế, Đức Maria là mẫu mực của Giao Ước giữa Chúa và Nàng Dâu của Người là Giáo Hội, giữa Thiên Chúa và mỗi con người. Ngài là mẫu mực của Giao Ước đồng hành trong yêu thương, phó thác một cách tin tưởng và đầy hiệu quả, và hy vọng tròn đầy toả sáng hân hoan. Tất cả những đức tính này đã trở thành âm nhạc trong Kinh Ngợi Khen, một kinh mà Đức Gioan Phaolô II đã đem lại một viễn kiến Thánh Thể tuyệt diệu: "Dù gì, trong Kinh Ngợi Khen, vẫn có sự căng thẳng cánh chung của Thánh Thể. Mỗi lần Con Thiên Chúa được trình bày dưới tính nghèo hèn của hình bí tích, tức bánh và rượu, thế giới đều nhận được trong mình mầm giống của lịch sử mới, trong đó, 'Người đã hạ bệ những ai quyền thế' và 'nâng cao mọi kẻ khiêm nhường' (xem Lc 1:52). Đức Maria ca ngợi 'trời mới' và 'đất mới' từng được dự phóng trong Phép Thánh Thể, và theo một nghĩa nào đó, từng cho phép ta thoáng nhận ra 'kế sách' đã lên chương trình cho chúng. Vì Kinh Ngợi Khen nói lên linh đạo của Đức Maria, nên không điều gì giúp ta sống Mầu Nhiệm Thánh Thể tốt hơn nền linh đạo này. Thánh Thể đã được ban cho ta để nuôi sống ta, như đã nuôi sống Đức Maria, tất cả đều đã được Kinh Ngợi Khen nói đến!".

Đức Gioan Phaolô II mời gọi ta bước vào "trường học của Đức Maria, người phụ nữ Thánh Thể". Giờ đây, ta được chỉ cho thấy trong Kinh Ngợi Khen, "cùng đích" hay chương trình của trường này đã hiện diện một cách sống động ra sao. Một cùng đích có tính dự phóng, nghĩa là Tin Mừng hân hoan, đó là Thánh Thể, được sống như một bài ca vinh danh và cảm tạ. Như thế, Đức Maria quả đã 'dự phóng chương trình của Thiên Chúa" dành cho thế gian, tức kế hoạch cứu rỗi của Người, và đã sống kế hoạch đó như nó vốn đã hiện diện một cách tiên tri. Sống bằng một niềm hân hoan tràn ngập viễn kiến đức tin của ngài. Theo Đức Gioan Phaolô đây cũng là cách Thánh Thể dự phóng việc sáng tạo ra lịch sử mới "trong tính nghèo hèn của mình".

Tư tưởng trên cũng đã được Đức Bênêđictô XVI diễn tả một cách sâu sắc trong Thông Điệp về đức cậy của ngài, khi ngài nhấn mạnh rằng đức cậy của Kitô Giáo đem lại một điều hết sức có chất lượng cho thời hiện đại của ta, vì đã dự phóng ơn cứu rỗi bằng cách không những chỉ cung cấp tín liệu về tương lai mà còn "tiến hành" cuộc sống hiện nay của ta nữa: "Chỉ khi nào tương lai trở thành chắc chắn như một thực tại tích cực, nó mới đồng thời mang theo hiện tại. Theo cách này, ta có thể nói rằng: Kitô Giáo không phải chỉ là 'tin mừng', để truyền đạt các nội dung tới đó chưa ai biết đến. Theo ngôn từ ngày nay, ta có thể nói rằng: sứ điệp Kitô Giáo không chỉ nhằm 'thông tri' mà còn nhằm 'tiến hành' (performative) nữa. Điều này có nghĩa: các Tin Mừng không phải chỉ là truyền đạt những điều nên biết, mà còn truyền đạt những điều lên khuôn cho các biến cố và thay đổi đời sống ta nữa. Những

ô cửa tối tăm của thời gian, của tương lai, đều được mở rộng. Ai có lòng hy vọng sẽ sống cách khác hẳn; họ nhận được một đời sống mới".

Những điều Thánh Thể hoàn thành trong sự nghèo hèn bí tích của nó đều được Đức Maria ca hát trong Kinh Ngợi Khen và khi ngài hát kinh đó, thì Giáo Hội và mỗi người chúng ta trong đó trở thành "đồng thời" với Đức Mẹ và sống nền linh đạo của ngài, là chính cuộc sống trong Thần Khí: "Là nguồn và đỉnh sự sống và sứ mệnh của Giáo Hội, Thánh Thể phải được diễn dịch thành hạn từ tâm linh, thành sự sống 'theo Thần Khí' (xem Rm 8:4; Gl 5:16; 5:25)".

Tôi xin kết thúc phần này với câu trích bài giảng của Đức Gioan Phaolô II nhân dịp kỷ niệm 150 năm việc công bố tín điều Vô Nhiễm, trong đó, Đức Maria được định tính như là "hình ảnh cánh chung của Giáo Hội", như người nói lên lời "xin vâng" đầu tiên đối với Giao Ước giữa Thiên Chúa và nhân loại và đi trước dân Thiên Chúa trên đường về Trời, và Giáo Hội nhận ra nơi ngài ơn cứu rỗi "đã được dự phóng" của mình: "Ngài, người đầu tiên được Con mình cứu chuộc, hoàn toàn tham dự vào sự thánh thiện của Người và trở nên điều được toàn thể Giáo Hội mong ước và hy vọng. Ngài là hình ảnh cánh chung của Giáo Hội. Vì thế, Đấng Vô Nhiễm chính là 'nguồn và là hình ảnh của Giáo Hội, nàng dâu của Chúa Kitô, đầy ắp tuổi trẻ và vẻ đẹp trong sáng' (Kinh Tiền Tụng), luôn đi trước dân Thiên Chúa trong hành trình đức tin tiến về Nước Trời. Trong việc Đức Maria được tượng thai cách vô nhiễm, Giáo Hội thấy mình được dự phóng, dự ứng trước ơn thánh cứu rỗi của Phục Sinh trong chi thể cao đẹp nhất của mình. Trong biến cố Nhập Thể, ta thấy Con và Mẹ kết hợp với nhau một cách không thể hủy tiêu: 'Người, Đấng là Chúa và là đầu của Giáo Hội, và ngài, đấng nói lên lời xin vâng đầu tiên đối với Giao Ước, đã tiên niệm (prefigure) thân phận làm nàng dâu và làm Mẹ của Giáo Hội'".

3. Các hậu quả mục vụ cụ thể

a. Các hậu quả có tính bản thân

Trong suốt bài giáo lý này, lúc ta chiêm niệm mầu nhiệm Giao Ước nơi Đức Maria, dần dần ta đã được thấy các phong phú của Thánh Thể và của Giáo Hội. Nơi Mẹ Thánh của ta, mọi sự đều trở nên cụ thể và "khả hữu". Tại trường học của ngài, các mầu nhiệm khôn dò của Thiên Chúa được mang một bộ mặt và một âm sắc mẫu thân và trở nên khả niệm đối với một niềm tin được đổ đầy bằng Tình Yêu, mà trong tư cách dân trung tín của Thiên Chúa, ta ngỏ với Đức Maria. Thiển nghĩ trong các kết luận cần được rút ra cho cuộc sống thiêng liêng của bản thân, mỗi người chúng ta phải chọn những kết luận nào mang đến niềm vui lớn lao nhất, như lời Thánh Inhaxiô viết trong Linh Thao. Kết hợp Thánh Thể và việc hiệp thông bí tích với Đức Maria là một điều ta làm hết sức tự nhiên. Thâm hậu hóa cái hiểu của ta về điều này là điều mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta.

Do đó, ta nên cầu xin cho được Ơn Hiệp Lễ như Đức Maria đã nhận lãnh Ngôi Lời, và để Thánh Thể lên xương thịt mới trong ta; ơn được lãnh nhận Thánh Thể từ tay Giáo Hội, với ta làm đĩa thánh, trong ý thức chính Đức Mẹ đặt đĩa ấy ở đây và trao phó nó cho ta; ơn được cùng Đức Maria hát Kinh Ngợi Khen trong lúc thinh lặng sau Hiệp Lễ; ơn biết dự phóng nơi Thánh Thể mọi sự sẽ trở thành ngày sống hay tuần sống của ta, mọi điều tốt lành và tích cực được dâng chung với bánh thánh, mọi đau khổ nhọc nhằn được dâng chung với rượu thánh; ơn được tin và yêu thương đặt trọn hy vọng vào tiền đề và biểu tượng cứu rỗi mà ta vốn đặt nơi từng Thánh Thể, để sau đó làm đời ta đồng hình đồng dạng với hình ảnh ta vừa lãnh nhận. Như thế, mỗi người chúng ta có thể rút tỉa được công phúc từ điều ta vừa chiêm niệm.

b. Các hậu quả có tính Giáo Hội

Ta cũng có thể rút ra một số kết luận có thể có ích cho đời sống Giáo Hội, căn cứ vào những phong phú đã thấy. Tình âu yếm và tôn kính mà tất cả chúng ta cảm nhận gần như tự phát đối với Đức Trinh Nữ, thì trước Thánh Thể, ta cũng phải vun xới đối với Giáo Hội. Hai loại tình cảm ấy phải như nhau vì như đã thấy, Đức Maria và Giáo Hội đều là "bình chứa" được biến đổi từ trong cốt lõi dành cho Đấng khát khao được "ngụ cư" trong đó. Hiệu quả của việc nhập thể này phát sinh từ sự kiện: các

“bình rượu” này được biến đổi hoàn toàn thành những thực tại cao cấp nhất bao gồm cả chính chúng. Ngôi Lời khi nhận xác phàm từ Đức Maria đã thánh hóa ngài một cách hoàn toàn như thế nào (trước khi có Thánh Thể, đã được bao gồm trong việc Vô Nhiễm Thai), thì Giáo Hội cũng thánh thiện và thánh hóa như thế nhờ Giao Ước Thiên Chúa muốn ký với ngài.

Bởi thế, người Kitô hữu, mỗi khi nhìn Giáo Hội, đều thấy Giáo Hội thánh thiện, không tì vết, không vết nhơ, như Đức Maria, nàng dâu và là Mẹ. Người Kitô hữu coi Giáo Hội là Thân Thể Chúa Kitô, là bình đựng gìn giữ kho tàng đức tin luôn được vẹn tuyền, là Hiền Thê trung tín sẵn sàng thông truyền không thêm không bớt mọi điều Chúa Kitô ủy thác. Trong các bí tích, Giáo Hội thông truyền cho ta trọn vẹn sự sống mà Chúa Kitô đã đem đến cho ta. Mặc dù trong tư cách con cái, ta thường hay đôi khi phá vỡ Giao Ước với Chúa trên bình diện cá nhân, Giáo Hội vẫn là nơi trong đó Giao Ước này, giao ước ta nhận lãnh lúc rửa tội, vẫn nguyên vẹn và ta vẫn có thể tái lập được nó với bí tích Hòa Giải.

Từ viễn kiến toàn bộ này, có tính công giáo theo nghĩa đầy đủ nhất (“phổ quát một cách cụ thể”), một viễn kiến coi Giáo Hội như bình chứa mà phẩm chất và dung lượng được đo lường bởi chính Đấng đang cư ngụ và đang duy trì mãi mãi Giáo Ước của Người với Giáo Hội, ta thấy trào dâng nhiều khía cạnh khác có thể dùng để cải tiến hoặc sửa chữa hay diễn tả một cách minh nhiên hơn các khía cạnh thường thấy của Giáo Hội (như các khía cạnh phiến diện, rờ mó được, có tính lịch sử hay văn hóa). Nhưng luôn phải có Thần Khí Giao Ước không thể phá vỡ được, giống như trong cuộc hôn nhân tốt đẹp trong đó, mọi sự đều có thể mang ra thảo luận và cải thiện miễn là chúng chuyển động theo hướng Tình Yêu quan yếu vốn giữ gìn Giao Ước.

Tuyên xưng Chúa Kitô đã đến trong xác phàm là tuyên xưng rằng mọi thực tại nhân bản đều đã được “cứu thoát” và được thánh hóa trong Chúa Kitô. Vì điều đó, Chúa Giêsu đã muốn chết 3 ngày và trong ba ngày ấy đã xuống ngục tổ tông, nơi xa Thiên Chúa nhất mà con người có thể đạt được. Giáo Hội, trong tư cách một thực tại hoàn toàn “được thánh hóa” và, dù rất nghèo hèn, thậm chí tội lỗi nữa, nhưng có khả năng tiếp nhận và thông truyền một cách không lầm lẫn hay thiếu sót sự thánh thiện trọn vẹn của Thiên Chúa, vẫn không phải là một “bổ túc” hay một “thêm thắt có tính định chế” vào Chúa Giêsu Kitô, nhưng là người tham dự đầy đủ vào chính việc Nhập Thể của Người, vào chính đời sống của Người, vào cuộc khổ nạn, cái chết và việc sống lại của Người. Không có những “bình rượu mới” này là Giáo Hội và Đức Maria thì việc Ngôi Lời vĩnh cửu đến thế gian và mang lấy xác phàm, một Ngôi Lời thuận tai ta và một sự sống thuận lịch sử ta, sẽ khó có thể được tiếp nhận cách thỏa đáng.

Để có thể chiêm niệm mầu nhiệm Giao Ước giữa Thiên Chúa và nhân loại, một Giao Ước xuất hiện từ Cựu Ước và hiện được nới rộng cho mọi người có thiện chí, việc đầu tiên là định vị Giáo Hội vào giữa mầu nhiệm này như chiếc “bình chứa hoàn toàn được thánh hóa và có thể thánh hóa”, giống Đức Maria, từ đó trào dâng hồng ân Thiên Chúa cho thế gian được sống. Như lời Đức Giáo Hoàng từng trích dẫn Vatican II.

Như thế, ta hãy xem sét thực tại Giáo Hội – Maria này, một thực tại tại vốn lấy Thánh Thể làm trung tâm: sống bằng Thánh Thể và giúp ta sống nhờ Thánh Thể. Ta hãy xem thực tại Giáo Hội – Maria từng tiếp nhận từ phu quân mình trọn bộ hồng ân Bánh hằng sống cùng với sứ vụ phân phối nó cho mọi người, để thế gian được sống.

Trong thực tại này, Giao Ước của Thiên Chúa với nhân loại đã được ban hành, được tiếp nhận và được truyền đạt nguyên tuyền, không sứt mẻ. Việc chú rể tự hiến cho tới cùng đã làm cho nàng dâu Maria/ Giáo Hội nên thánh thiện hoàn toàn, đã thanh tẩy và luôn đổi mới trong đức tin và đức ái và các cửa hoả ngục sẽ chẳng làm gì được.

Tôi xin kết thúc bằng cách thưa rằng sự chắc chắn đối với tính thánh thiện của Giáo Hội này không phải chỉ là chuyện đặc ân bản thân hay xã hội, mà đúng hơn Giáo Hội được sắp đặt để phục vụ. Tôi xin được giải thích đôi chút. Vì Giáo Hội luôn tìm cách bảo vệ sự tinh tuyền của mình, bởi vẫn luôn có những kẻ lạm dụng sức mạnh của Giáo Hội (đây là chuyện đáng khinh vì đã dùng một điều chỉ có

lợi cho cuộc sống vĩnh cửu để phục vụ thèm muốn chóng qua), nên thế gian thường có ấn tượng Giáo Hội luôn tìm cách bảo vệ quyền lực của mình, chứ thực sự không phải như thế. Khi bảo vệ sự tinh tuyền, sự không thể thiếu sót của mình, sự thánh thiện trong tư cách nàng dâu của mình, Giáo Hội chỉ bảo vệ "nơi chốn" qua đó hồng ân sự sống của Thiên Chúa được chuyển tới thế gian và hồng ân sự sống thế gian được chuyển lên Thiên Chúa. Hồng ân này, mà biểu thức trọn vẹn nhất được tìm thấy nơi Thánh Thể, không phải là một ân phúc nữa giữa chúng ta mà là hồng ân tối cao là chính sự sống thâm hậu nhất của Chúa Ba Ngôi được đổ ra cho thế gian được sống và là sự sống thế gian do Chúa Con mặc lấy nay được dâng lên Chúa Cha.

Balthasar từng viết rằng: "Hành vi trao ban, qua đó Chúa Cha đổ tràn Chúa Con xuống toàn bộ không gian và thời gian của sáng thế, là việc dứt khoát mở rộng hành vi Ba Ngôi theo nghĩa 'Các Ngôi' chính là 'các liên hệ' của Thiên Chúa, các hình thức, có thể nói như thế, cho đi, tuyệt đối tự hiến và lưu chuyển Yêu Thương (Loving fluidity)".

Chính bản chất bất khả cân xứng, bất khả đáp đền của hồng ân từng được thông truyền cho ta này đã thúc đẩy Chúa thánh hóa Giáo Hội một cách không thể thiếu sót, như Người đã làm cho Mẹ Người, một cách chắc chắn phải khiến cho hồng ân này vừa được tiếp nhận vừa được thông truyền "cho thế gian được sống". Mầu nhiệm Giao Ước khiến Giáo Hội hoàn toàn thánh thiện chính là mầu nhiệm vừa phục vụ vừa sống. Ta không bao giờ được phép ngừng thán phục sự kiện này là việc dứt khoát mở rộng sự sống Ba Ngôi đã được ban cho và đang được đổ xuống không phải trên một số người mà là cho trọn thế gian được sống. Đây là trường hợp không phải ai cũng biết hay cũng lợi dụng được hoa trái Tự Do khôn lường của Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi, Đấng tự ban hoàn toàn cho mọi người.

"Khi kết hợp với Chúa Kitô, thay vì khóa kín mình, Dân của Giao Ước Mới được hoán cải thành "bí tích" đối với toàn thể nhân loại, thành dấu chỉ và dụng cụ của cứu rỗi trong công trình của Chúa Kitô, thành ánh sáng cho thế gian và muối cho đời (xem Mt 5:13-16), để mọi người được cứu chuộc. Sứ mệnh của Giáo Hội tiếp nối sứ mệnh của Chúa Kitô: "Như Cha đã sai Ta, Ta cũng sai các con" (Ga 20:21). Bởi thế, Giáo Hội tiếp nhận sức mạnh bí tích cần thiết để hoàn thành sứ mệnh của mình trong việc đời đời hóa hy lễ Thập Giá trong Phép Thánh Thể và trong việc hiệp thông mình và máu Chúa Kitô. Như thế, Thánh Thể chính là nguồn, và đồng thời là đỉnh điểm của mọi công cuộc phúc âm hóa, vì mục tiêu của nó là sự hiệp thông mọi người với Chúa Kitô và nơi Người, với Chúa Cha và với Chúa Thánh Thần.

Một số nghi vấn về Đức Phanxicô hồi ngài còn ở Argentina
(Ngày 20/04/2013)

Trên tờ National Catholic Reporter, ngày 12 tháng 4 vừa qua, John L. Allen có nói tới lần đi Buenes Aires vào đầu tháng này để học hỏi về Đức Phanxicô từ những người quen biết ngài hơn cả lúc còn là Hồng Y Jorge Mario Bergoglio, mục đích có được một cái nhìn thấu suốt về con người và cái nhìn của ngài về Giáo Hội. Tuy nhiên, ông tập chú vào một số nghi vấn mà người ta đã nêu ra đối với ngài lúc còn ở Argentina, cụ thể là các nghi vấn liên quan tới a) phản ứng của ngài đối với hai linh mục bị tố cáo lạm dụng tính dục; b) hội đồng giám mục mà ngài là chủ tịch không hoàn tất các hướng dẫn về lạm dụng tính dục; c) mối liên hệ của ngài với nền độc tài quân phiệt của Argentina trong thập niên 1970, lúc làm bề trên tỉnh Dòng Tên; d) thái độ của ngài đối với nền thần học giải phóng; e) và sự không rõ ràng trong quan điểm của ngài đối với vấn đề kết hợp dân sự trong cuộc tranh luận toàn quốc về hôn nhân đồng tính trong các năm 2009 và 2010.

Các linh mục lạm dụng

Ngày 18 tháng 3, tờ The Washington Post cho đăng tải một câu truyện từ Argentina liên quan tới hồ sơ của Đức HY Bergoglio đối với cuộc khủng hoảng tình dục, trong đó nổi nhất có hai vụ liên quan tới 2 linh mục là các cha Julio César Grassi, bị kết án năm 2009 về hai vụ lạm dụng, và cha Napoleon Sasso, bị kết án vì lạm dụng 5 trẻ gái.

Nói chung, người ta cho rằng Đức HY Bergoglio đã không xử lý hai vụ này theo các tiêu chuẩn hiện đã được giáo hội tại các nơi khác trên thế giới chấp nhận. Bài báo viết rằng ngài không gặp các nạn nhân, không ngỏ lời xin lỗi hay đền bù tài chánh, và không đưa ra biện pháp giáo luật nào đối với hai linh mục liên hệ.

Tuy nhiên, theo Allen, điểm quan trọng không được bài báo cũng như hầu hết các nhận định sau đó ghi nhận là: cả hai linh mục Grassi và Sasso đều không phải là linh mục của tổng giáo phận Buenos Aires, và do đó, không thuộc thẩm quyền giám sát của Đức HY Bergoglio và do đó, ngài không thể áp dụng bất cứ hành vi giáo luật nào đối với họ.

Linh mục Sasso thuộc một giáo phận nhỏ là Zárate-Campana. Phần lớn thừa tác vụ linh mục của ngài diễn ra tại tổng giáo phận San Juan, nơi lời tố cáo lạm dụng tính dục thiếu niên đầu tiên xuất hiện vào năm 1994. Sau một cuộc lượng giá về tâm lý vào năm 1997, ngài được gửi tới một trung tâm điều trị dành cho các linh mục gặp khủng hoảng tại Buenos Aires, gọi là Domus Mariae (Nhà Đức Mẹ).

Nguồn tin của Giáo Hội nói rằng linh mục Sasso không được Đức HY Bergoglio cấp bất cứ năng quyền linh mục nào và chưa có lúc nào ngài đảm trách việc giám sát linh mục này.

Trong các năm 2002 và 2003, linh mục Sasso trở lại giáo phận Zárate-Campana và làm việc tại một trung tâm phân phối cháo tại thành phố Pilar, nơi ngài bị tố đã phạm ít nhất 5 hành vi lạm dụng đối với cáa trẻ gái tuổi từ 11 tới 14. Đó chính là các tội mà ngài bị kết án vào tháng 11 năm 2007 với 17 năm tù.

Giám mục Zárate-Campana vào lúc xuất hiện lời tố cáo lần đầu tiên là Đức Cha Rafael Eleuterio Rey, người đã từ chức hồi tháng 2 năm 2006 vì lý do sức khỏe. Người kế nhiệm ngài là Đức Cha Oscar Domingo Sarlinga. Trong phiên xử cha Sasso vào năm 2007, người ta có trưng bằng cớ là lá thư của Đức TGM Italo Destéfano của TGP San Juan, người đã qua đời năm 2002, trong đó ngài thúc giục các giám mục phải có hành động đối với linh mục Sasso.

Phần lớn các nguồn tin của Giáo Hội tại Argentina đều tin rằng trách nhiệm xử lý vụ Sasso chủ yếu nằm trong tay các vị giáo phẩm này, chứ không phải Đức HY Bergoglio.

Trong khi đó, linh mục Grassi thuộc giáo phận Morón, nơi ngài được chỉ định sau khi bỏ dòng Salêdiêng vào năm 1991. Tuy nhiên, linh mục này có mối liên hệ trực tiếp hơn với vị giáo hoàng tương lai, vì Đức HY Bergoglio công khai hỗ trợ qũy "Happy Children" do linh mục Grassi thành lập năm 1993 để phục vụ thanh thiếu niên nghèo tại trung tâm thành phố.

Linh mục Grassi rất nổi trong giới truyền thông Argentina và có tiếng là người gây qũy khôn khéo vì đã bắt liên lạc được với những người đóng góp có quyền thế. Đàng khác, không như linh mục Sasso, linh mục này thi hành phần lớn thừa tác vụ linh mục của mình ngay tại Buenos Aires.

Một hệ thống truyền hình Argentina lần đầu tiên lên tiếng tố cáo linh mục Grassi về tội xách nhiễu tình dục vào năm 2002. Tới lúc vụ án 9 tháng kết thúc vào năm 2009, linh mục Grassi bị kết 2 hành vi lạm dụng và kêu án 15 năm tù. Bản án này được một tòa phá án duy trì vào năm 2010. Hiện nay, linh mục Grassi đã được tự do sau khi một lệnh quản thúc tại gia đã bị hủy bỏ hồi tháng Hai năm ngoái trong khi ngài chờ kết quả một vụ thượng tố khác trước Tối Cao Pháp Viện Buenos Aires.

Theo Allen, có 3 điểm cần được nêu lên về phản ứng của Đức HY Bergoglio đối với vụ Grassi. Thứ nhất, các nhà phê bình cho rằng Đức HY Bergoglio đã không đưa ra bất cứ hành vi giáo luật nào đối với linh mục Grassi như huyền chức linh mục của ngài chẳng hạn. Tuy nhiên, theo giáo luật, hành vi phải thuộc Đức Cha Luis Guillermo Eichhorn, giám mục Morón. Trên thực tế, giáo phận Morón cho rằng mình đang đợi kết quả dứt khoát của hệ thống pháp luật dân sự, một điều cho đến nay vẫn chưa xẩy ra.

Thứ hai, khi vụ xử lần đầu linh mục Grassi chấm dứt vào năm 2009, hội đồng giám mục có ủy nhiệm cho một nhà luật học nổi tiếng của Argentina là Marcelo A. Sancinetti nghiên cứu vụ này. Lúc đó, Đức HY Bergoglio là chủ tịch của hội đồng, còn phát ngôn viên của hội đồng là linh mục Jorge Oesterheld, thì cho Allen hay: Đức HY chấp thuận quyết định ủy nhiệm vừa nói.

Cho đến nay, Sancinetti đã công bố 3 cuốn phúc trình và hiện đang chuẩn bị cuốn thứ tư, tổng cộng lên tới hơn 1,000 trang tư liệu. Theo kết luận của Sancinetti, linh mục Grassi vô tội đối với mọi cáo buộc, vì các lời tố cáo không nhất quán với bằng chứng và mắc nhiều mâu thuẫn nội bộ. Các nhà phê bình thì cho rằng Sancinetti gần như dựa hoàn toàn vào tư liệu của bị cáo để tiến hành cuộc thẩm định của mình, nhưng niềm tin vào sự vô tội của linh mục Grassi được nhiều giới Công Giáo hỗ trợ. Điều này giải thích phần nào sự do dự của Đức HY Bergoglio trong việc đưa ra tuyên bố cũng như gặp gỡ những người tố cáo.

Oesterheld thì cho Allen hay chủ trương căn bản của Đức HY Bergoglio là "ngài không muốn đi trước hệ thống luật pháp", nhưng thích chờ cho diễn trình thượng tố làm việc cho đến chót trước khi đưa ra bất cứ phán đoán nào.

Thứ ba, một số cơ sở báo chí vốn tường thuật rằng Đức HY Bergoglio, hay Giáo Hội nói chung, đã trả chi phí luật sư cho linh mục Grassi. Nhưng theo luật sư của ngài là Daniel Cavo, thì việc đó không có. Cavo cho Allen hay: các tốn phí của linh mục Grassi được một nhóm ủng hộ viên của ngài và qũy "Happy Children" chi trả, chứ ngài không nhận bất cứ trợ giúp tài chánh nào của tổng giáo phận.

Các chỉ dẫn về lạm dụng

Ngày 5 tháng 4, tờ The Wall Street Journal, tường thuật rằng hội đồng giám mục Argentina không thực hiện được hạn cuối cùng là tháng 5, 2012, do Vatican ấn định, để đệ nạp các chính sách chính thức trong cuộc chiến đấu chống nạn lạm dụng tính dục trẻ em. Bài báo ghi chú rằng Đức HY Bergoglio là cựu chủ tịch của hội đồng này.

Dưới mắt một số người, việc không đúng kỳ hạn ấy nêu lên nhiều câu hỏi về thái độ nghiêm chỉnh của Đức HY Bergoglio đối với vấn đề lạm dụng tính dục. Theo Allen, 4 điểm sau đây cần được nêu ra. Thứ nhất, bài báo của tờ The Wall Street Journal không ghi nhận việc nhiệm kỳ chủ tịch hội đồng giám mục Argentina của Đức HY Bergoglio chấm dứt vào năm 2011. Nên về phương diện kỹ thuật, trách nhiệm lỡ hẹn với kỳ hạn của Vatican không ở nơi Đức HY Bergoglio mà ở nơi vị kế nhiệm ngài là Đức TGM José María Arancedo của Santa Fe.

Thứ hai, theo các giám mục, tập chỉ dẫn trên đang gần hoàn tất. Đức Cha Sergio Buenanueva, giám mục phụ tá của giáo phận Mendoza, người giám sát diễn trình soạn thảo cho hay: một dự thảo sẽ được đem ra thảo luận tại phiên họp của hội đồng vào hôm thứ Hai, sau đó đệ trình Vatican thẩm định.

Thứ ba, các giám mục cho hay một lý do khiến không kịp giờ hoàn tất nhiệm vụ là vì các ngài muốn đợi hội nghị thượng đỉnh họp vào tháng Hai năm 2012 về cuộc khủng hoảng lạm dụng tại Đại Học Gregoriana ở Rôma, được tổ chức một phần nhằm giúp các hội đồng giám mục chưa hoàn thành được tập chỉ dẫn. Ý niệm là giúp các hội đồng đủ tín liệu cần thiết để bảo đảm cho các tập chỉ dẫn của họ nhất quán không những với kỳ vọng của Vatican mà còn với các thực hành tốt nhất trong thế giới Công Giáo, như Đức và Hoa Kỳ. Đây là một biện hộ đáng tin trong căn bản, vì đại diện nhiều hội đồng giám mục mà Allen tiếp xúc trong dịp này đều nói cùng một điều như thế. Đức Cha Buenanueva cho rằng khi hoàn tất, tập chỉ dẫn này sẽ áp dụng phương thức "tuyệt đối không khoan nhượng" theo kiểu mẫu Hoa Kỳ.

Thứ tư, Oesterheld cho biết một lý do nữa khiến diễn trình cần nhiều thì giờ hơn dự tính vì khi còn là chủ tịch hội đồng, Đức HY Bergoglio "rất kính trọng" sự kiện mỗi giám mục đều có mối liên hệ trực tiếp với Vatican, và ý muốn không "hất cẳng" thẩm quyền ấy cũng là một phần của lý do khiến cho hội đồng cần nhiều thời gian như thế mới dàn xếp được một chính sách chung. Oesterheld cho rằng cũng chính cái lòng kính trọng này chắc chắn sẽ dẫn Đức Phanxicô tới việc hỗ trợ diễn trình "phân

quyền" rộng rãi hơn trong tư cách giáo hoàng, dành nhiều quyền ứng xử cho các giáo hội địa phương và các hội đồng giám mục.

Đức HY Bergoglio và "cuộc chiến bẩn thỉu"

Lời tố cáo đặc biệt chống Đức HY Bergoglio được đưa ra lần đầu nhân cơ mật viện năm 2005 và sau khi ngài được bầu làm giáo hoàng là ngài đã can dự vào việc bắt giữ và tra tấn 2 linh mục Dòng Tên Orlando Yorio và Franz Jalics, năm 1976. Cả hai hoạt động trong thừa tác vụ xã hội và bị giới quân sự tình nghi bắt liên lạc với phe tả chống đối chính phủ.

Lời tố cáo trên, về căn bản, đã không còn giá trị sau lời tuyên bố của linh mục Jalics vào ngày 28 tháng 3. Linh mục này hiện đang sống trong một đan viện ở Đức. Ngài nói: "Sự thực là Orlando Yorio và tôi không bị Cha Bergoglio tố cáo".

Về hồ sơ tổng quát của Đức HY Bergoglio trong thời độc tài quân phiệt, Allen có tham khảo với sử gia Roberto Bosca của Đại Học Astral ở Buenos Aires và hỏi ông ta về mối liên hệ của Đức HY Bergoglio với chính phủ quân sự, từng lên nắm quyền hồi tháng 3 năm 1976 và đã cai trị Argentina dưới danh nghĩa hoa mỹ "Diễn Trình Tái Tổ Chức Quốc Gia" cho tới tháng 12 năm 1983.

Theo Bosca, giống phần đông người Argentina hồi đó, Đức HY Bergoglio không ủng hộ cũng như không chống đối chế độ quân sự. "Gần như không có một hồ sơ nào ghi chép về bất cứ điều gì ngài nói hay viết trong thời gian đó để ủng hộ hay chống đối nó… Đức HY Bergoglio lúc đó thực sự không phải là một thẩm quyền trong giáo hội. Ngài chưa làm giám mục Buenos Aires, mà chỉ là một bề trên miền của một dòng tu. Bản chất công việc của ngài không cho phép ngài có chủ trương ủng hộ hay chống đối chính phủ, và tôi có cảm tưởng trong thời gian ấy, ngài chỉ chú tâm vào việc làm của mình mà thôi.

"Nói cho ngay, nếu muốn hỏi Cha Bergoglio có chủ trương gì, thì phải hỏi bất cứ thành viên nào của bất cứ nghề nghiệp gì cùng một câu hỏi như vậy, xem ông bác sĩ này, ông thợ máy kia hay ông thợ cạo nọ có chủ trương ra sao? Đàng khác, chả có lý do gì khiến chính phủ phải lắng nghe xem ngài nói gì, vì ngài đâu có thẩm quyền gì cao đủ khiến họ phải coi chừng.

"Cách ngài đương đầu với chế độ cũng ít nhiều là cách phần đông dân chúng Argentina đương đầu, nghĩa là họ làm việc của họ và cố gắng sống cuộc sống của họ".

Thần học giải phóng

Dù ngài chịu tiếng là chống thần học giải phóng trong thập niên 1970, nhưng Bosca nhấn mạnh thực sự không phải thế. Theo Bosca, ngài chấp nhận tiền đề của nền thần học này, nhất là việc ưu tiên chọn người nghèo, nhưng không theo nghĩa ý thức hệ. Việc ngài nhấn mạnh phải gửi các linh mục tới các khu ổ chuột (villas miserias) của Buenos Aires phản ảnh quan điểm này.

Lúc đó, nếu ngài có chống điều gì, thì theo Bosca, chắc hẳn là việc chúc lành cho các cuộc nổi loạn có võ trang. Điều này không hẳn chỉ là một khả thể lý thuyết xuông tại Argentina, nếu ta xét tới sự ra đời của phong trào Montoneros. Theo Bosca, phong trào này thực ra là "một phong trào du kích Công Giáo" dựa trên ba trụ ý thức hệ chính là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Peron và thần học giải phóng. Chủ nghĩa Peron chỉ nhiều luồng tư tưởng chính trị khác nhau tại Argentina nhưng tất cả đều lấy hứng từ cựu tổng thống Juan Peron và người vợ tên Eva của ông ta, những người muốn tranh đấu cho một đường lối thứ ba giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản.

Bosca cho rằng khá nhiều linh mục tại Argentina gia nhập phong trào Montoneros và trở thành linh mục du kích, như Cha Camillo Torres ở Colombia. Khi chế độ quân sự tại Argentina tiếp tục tồn tại, thì Montoneros ít còn là một phong trào đối kháng, mà trở thành một nhóm khủng bố đô thị theo cánh tả, giống như Đạo Quân Đỏ ở Âu Châu. Một ước lượng từ giữa thập niên 1980 cho rằng Montoneros chịu trách nhiệm về khoảng 6,000 cái chết của binh sĩ, cảnh sát và dân thường trong thập niên trước

đó. Bosca cho hay: "điều chắc chắn là Cha Bergoglio chống đối Montoneros; chứ không chống chính thần học giải phóng hoặc việc ưu tiên chọn người nghèo".

Hôn nhân đồng tính và kết hợp dân sự

Ngày 19 tháng 3, tờ The New York Times tường trình rằng khi Argentina bắt đầu sôi động với cuộc tranh luận kịch liệt trên toàn quốc về hôn nhân đồng tính vào hai năm 2009 và 2010, Đức HY Bergoglio âm thầm ủng hộ một giải pháp thỏa hiệp nhằm bao gồm các cặp đồng tính vào các cuộc kết hợp dân sự. Người cung cấp nguồn tin này là một ký giả Argentina tên Sergio Rubin, đồng tác giả với Francesca Ambrogetti một cuốn sách ghi lại cuộc phỏng vấn Đức HY Bergoglio tựa là El Jesuita.

Nhưng câu truyện của Rubin mau chóng bị Miguel Woites, giám đốc Văn Phòng Thông Tin Công Giáo Argentina, một cơ sở cung cấp tin tức của tòa TGM Buenos Aires, bác bỏ. Woites nhấn mạnh rằng Đức HY Bergoglio "không bao giờ" ủng hộ việc thừa nhận các cuộc kết hợp đồng tính. Ông cho hay tường trình của New York Times là hoàn toàn sai lạc.

Về vấn đề này, Allen được ba nguồn tin tại Argentina cho hay: về căn bản, tờ New York Times không sai: Đức HY Bergoglio quả có ủng hộ các cuộc kết hợp dân sự. Điều này được xác nhận bởi hai chức sắc cao cấp của hội đồng giám mục Argentina, cả hai từng làm việc với Đức HY Bergoglio và tham dự các cuộc thảo luận hậu trường khi hội đồng cố gắng lên khuôn chủ trương của mình. Một trong 2 vị cho Allen hay "Đức HY Bergoglio có ủng hộ các cuộc kết hợp dân sự".

Mariano de Vedia, một ký giả kỳ cựu của tờ La Nación, từng bao dàn các vấn đề giáo hội/nhà nước tại Argentina nhiều năm, cho hay ông xác nhận tờ New York Times đã tường thuật đúng chủ trương của Đức HY Bergoglio. Còn Guillermo Villareal, một ký giả Công Giáo tại Argentina, thì cho hay: hồi ấy nhiều người biết chủ trương ôn hòa của Đức HY Bergoglio bị Đức TGM Héctor Rubén Aguer của La Plata, lãnh tụ phe diều hâu, chống đối. Sự dị biệt không phải ở chỗ có nên chống hôn nhân đồng tính hay không, mà là phải chống đối dữ dội ra sao và liệu có chỗ nào để thoả hiệp về các cuộc kết hợp dân sự hay không.

Villareal mô tả sự bế tắc về hôn nhân đồng tính như là cuộc bỏ phiếu duy nhất trong đó Đức HY Bergoglio thất bại trong suốt nhiệm kỳ 6 năm làm chủ tịch hội đồng.

Ở hậu trường, nguồn tin cho hay Đức HY Bergoglio cố gắng tránh phô trương trong vấn đề hôn nhân đồng tính. Chẳng hạn, một người trẻ Công Giáo cho Allen hay anh muốn tổ chức một buổi đọc kinh Mân Côi công cộng bên ngoài quốc hội vào đêm trước cuộc bỏ phiếu, vì biết rằng những người ủng hộ hôn nhân đồng tính cũng sẽ có mặt ở đó. Anh viết thư cho Đức HY Bergoglio để lãnh ý kiến thì được ngài điện thoại trực tiếp cho hay: tốt hơn nên cầu nguyện tại nhà.

Oesterheld nghĩ rằng Đức HY Bergoglio đi theo đường lối cứng rắn của đa số các giám mục của hội đồng dù đó không hẳn là bản tính của ngài. "Lúc đó, có nhiều quan điểm khác nhau trong hội đồng giám mục về việc Giáo Hội nên cởi mở đến đâu. Đức Hồng Y đã đi theo điều được đa số mong muốn. Ngài không áp đặt quan điểm của riêng mình. Ngài chưa bao giờ công khai bày tỏ cảm nghĩ riêng về vấn đề này, vì ngài không muốn tỏ ra muốn phá hoại chủ trương chung của các giám mục".

Cuộc cải tổ của Đức Phanxicô

(Ngày 02/05/2013)

Ngày 1 tháng 5 vừa qua, tờ Osservatore Romano (OR) đăng tải cuộc phỏng vấn Đức TGM Angelo Becciu, thứ trưởng phủ quốc vụ khanh Tòa Thánh, về việc ngày 13 tháng 4, Đức Phanxicô đã thành lập nhóm cố vấn gồm 8 hồng y khắp năm châu để giúp ngài trong diễn trình cải tổ, một việc đang gây nhiều tranh luận trong nhiều giới.

OR: Về việc cải tổ Giáo Triều Rôma, nhiều chủ đề đã được bàn tán, nào là cán cân quyền lực, nào là

điều hợp viên, phối trí viên, nào là "siêu bộ trưởng kinh tế", nào là cách mạng…

Đức TGM Becciu: Quả thực, câu chuyện khá lạ: Đức GH chưa gặp gỡ nhóm cố vấn mà ngài đã chọn, thì người ta đã tuôn đủ thứ ý kiến tới. Sau khi thưa chuyện với Đức Thánh Cha, tôi có thể nói rằng vào lúc này, quả là quá sớm để đưa ra bất cứ giả định nào về cơ cấu tương lai của Giáo Triều. Đức GH Phanxicô đang lắng nghe mọi người, nhưng trên hết, ngài muốn nghe những vị ngài đã chọn làm cố vấn. Rồi ngài sẽ đưa ra dự án cải tổ "Pastor Bonus" và dự án này dĩ nhiên cần có thời gian thực hiện.

OR: Lâu nay người ta bàn tán nhiều về IOR, tức Viện Các Công Trình Tôn Giáo (mà người ta thường biết dưới tên Ngân Hàng Vatican); có người đi quá xa đã tiên đoán nó sẽ bị bãi bỏ.

Đức TGM Becciu: Đức Giáo Hoàng vốn bỡ ngỡ khi đọc những câu được gán cho ngài mà thực ra ngài chưa bao giờ nói, những câu nói rất sai về suy nghĩ của ngài. Gợi ý duy nhất của ngài trong vấn đề này là trong một bài giảng lễ vắn vỏi tại nhà thờ Santa Marta, một bài giảng tự phát (off the cuff), trong đó ngài say sưa nhắc người ta nhớ yếu tính của Giáo Hội hệ ở câu truyện yêu thương giữa Thiên Chúa và con người, còn các cấu trúc nhân bản, kể cả IOR, chỉ là những điều kém quan trọng ra sao. Nhắc đến (IOR) chỉ là để vui đùa, được đưa ra như để nhìn nhận và được khuyến khích bởi sự hiện diện của các nhân viên Viện này tại Thánh Lễ, trong ngữ cảnh mời gọi mọi người đừng bao giờ quên yếu tính thực sự của Giáo Hội.

OR: Như thế có phải chúng ta không nên chờ mong một tái sắp xếp nay mai đối với khuôn hình hiện nay của các sở bộ?

Đức TGM Becciu: Tôi không thể đoán được thời điểm. Tuy nhiên, Đức GH mời gọi tất cả chúng tôi, các trưởng sở bộ, tiếp tục phục vụ mà hiện chưa thấy ai được bổ nhiệm chính thức. Điều này cũng xẩy ra cho các nhân viên các bộ và hội đồng giáo hoàng: chu kỳ bình thường của các bổ nhiệm hay xác nhận xẩy ra vào cuối nhiệm kỳ 5 năm hiện đang "bị treo giò", nên ai nấy đang tiếp tục phục vụ "cho tới khi có sắp xếp mới" (donec aliter provideatur). Điều này cho thấy ý Đức Thánh Cha muốn có nhiều thì giờ hơn để suy tính, và dĩ nhiên để cầu nguyện, ta không nên quên điều này, trước khi có được một bức tranh chi tiết cho tình thế.

OR: Về nhóm cố vấn, có người đi quá xa đã quả quyết rằng việc chọn nhóm này khiến người ta nghi ngờ cả tính tối thượng của Đức Giáo Hoàng.

Đức TGM Becciu: Đây chỉ là một cơ quan tham vấn, chứ không có tính quyết định, nên tôi thực không hiểu tại sao việc chọn lựa của Đức GH Phanxicô lại khiến người ta nghi ngại vấn đề quyền tối thượng được. Đúng đây là một nghĩa cử có tầm quan trọng lớn lao, cho thấy một dấu hiệu rõ ràng về phương cách Đức Thánh Cha muốn thi hành thừa tác vụ của ngài. Ta đừng quên trách vụ hàng đầu dành cho nhóm tám vị hồng y này là giúp Đức Giáo Hoàng trong việc cai trị Giáo Hội hoàn vũ. Tôi không muốn để sự tò mò liên quan đến việc sắp xếp và cấu trúc của Giáo Triều Rôma làm lu mờ ý nghĩa sâu xa trong nghĩa cử của Đức GH Phanxicô.

OR: Nhưng há kiểu nói "cố vấn" chưa được xác định đủ hay sao?

Đức TGM Becciu: Trái lại thì có, vì cố vấn là một hành động quan trọng, vốn có một định nghĩa thần học và đã từng được phát biểu ở nhiều bình diện trong Giáo Hội. Thí dụ, ông hãy xét đến các hội đồng tham vấn (participatory) của giáo phận và giáo xứ, hay các hội đồng của các bề trên, các giám tỉnh và bề trên cả, trong các viện tu trì. Chức năng cố vấn phải được giải thích bằng chìa khóa thần học: theo cái nhìn trần gian, ta sẽ bảo: một hội đồng tham vấn vô quyền là điều không thích đáng, nhưng nói thế là đồng hóa Giáo Hội với một công ty. Tuy nhiên, về phương diện thần học, cố vấn có một chức năng quan trọng: giúp bề trên biện phân, hiểu rõ, nghĩa là hiểu điều Chúa Thánh Thần muốn yêu cầu Giáo Hội ở một thời điểm lịch sử cụ thể nào đó. Đàng khác, nếu không có sự tham khảo này, ta sẽ không hiểu được điều gì cả, ngay cả ý nghĩa chân thực của hành động cai quản Giáo Hội.

OR: Ngài cảm nhận ra sao khi cộng tác với Đức GH Phanxicô?

Đức TGM Becciu: Tôi có may mắn được cộng tác gần gũi với Đức GH Bênêđictô, bây giờ lại được tiếp tục phục vụ với Đức GH Phanxicô. Dĩ nhiên, mọi người đều có cá tính riêng, phong thái riêng, và tôi thực sự được diễm phúc có được sự tiếp xúc gần gũi với cả hai vị từng tận hiến trọn vẹn cho lợi ích của toàn thể Giáo Hội, từ bỏ chính mình, dìm mình vào Thiên Chúa, với một say mê duy nhất: làm cho vẻ đẹp của Tin Mừng được mọi người nam nữ thời nay biết đến.

Trời đất và Đức Hồng Y Bergoglio

(Ngày 05/05/2013)

Không như vị tiền nhiệm, tư tưởng và ý kiến của Đức Phanxicô ít được ai ở bên ngoài tổng giáo phận Buenos Aires biết đến, vì trước khi được bầu làm giáo hoàng, ngài viết rất ít và cũng chỉ xuất hiện trong một số cuộc phỏng vấn của giới truyền thông. Nên khi dịch bản tiếng Anh cuốn "Về Trời và Đất" xuất hiện gần đây, nó đã được nồng nhiệt chào đón. Đây là một cuộc đối thoại giữa Đức Hồng Y Bergoglio và giáo sĩ Do Thái Rabbi Abraham Skorka. Nhà xuất bản Image Books của Hoa Kỳ phát hành tác phẩm này với phụ đề "Đức Giáo Hoàng Phanxicô Nói Về Đức Tin, Gia Đình và Giáo Hội Trong Thế Kỷ Hai Mươi Mốt". Như thế, trong tác phẩm này, người ta sẽ được biết tư tưởng của vị giáo hoàng tương lai về khá nhiều vấn đề, từ phá thai, hôn nhân đồng tính tới an tử và chủ nghĩa tư bản.

Đức HY Bergoglio khởi đầu bằng cách nhấn mạnh tới tầm quan trọng của đối thoại, điều mà theo ngài "phát sinh từ thái độ tôn trọng người khác, từ xác tín rằng người khác có điều gì đó tốt đẹp để nói ra". Sau đó ngài và vị giáo sĩ Do Thái khởi sự một cuộc thảo luận lịch sự và thẳng thắn, mỗi người đưa ra tầm nhìn riêng.

Được chia thành 29 chương tùy theo chủ đề, nhưng chủ đề thuộc loại sớm liên quan tới Ma Qủy. Một nét được nhiều người lưu ý và ca ngợi Đức Phanxicô là ngài sẵn sàng nêu đích danh việc làm của ma qủy trong các bài giảng của ngài, và trong "Về Trời Và Đất" ngài đưa ra lời giải thích.

Ngài nói: "Có lẽ thành tựu vĩ đại nhất của hắn trong thời đại ngày nay là làm chúng ta tin rằng hắn không hề hiện hữu, và mọi sự đều có thể được điều chỉnh trên bình diện hoàn toàn nhân bản". Nhưng theo ngài, "Cuộc sống con người trên mặt đất là chiến trận; Gióp nói cho ta biết điều đó, với ý nghĩa: con người không ngừng bị thử thách; nghĩa là bị thử thách để vượt thắng một tình thế và vượt thắng chính mình".

Về chủ đề ấu dâm, Đức HY Bergoglio rất thẳng thừng, hoàn toàn chống đối việc hoán chuyển các linh mục phạm tội từ giáo xứ này sang giáo xứ khác (ngài cho đó là việc ngu xuẩn) và ca ngợi sự "can đảm và thẳng thừng" của Đức Bênêđictô XVI khi cho áp dụng chính sách tuyệt đối không dung túng đối với loại tội ác này.

Trong cuốn sách, Đức HY Bergoglio thường xuyên nhấn mạnh tới tầm quan trọng của ý chí tự do và chống đối mọi hình thức giáo sĩ trị và chủ nghĩa quá khích. Linh mục không bao giờ được áp đặt đức tin mà chỉ được trình bày và bảo vệ giáo huấn của Giáo Hội một cách minh bạch. Ngài bảo: "Linh mục nào có thái độ chỉ biết hống hách, giống các nhóm quá khích, thực sự đã vô hiệu hóa và làm suy yếu những người đang tìm kiếm Thiên Chúa". Ngài nhấn mạnh "Trong vai trò thầy dạy, linh mục phải huấn giáo, trình bày sự thật như đã được mạc khải, và đồng hành".

Không đi vào cụ thể, ngài nhắc tới "những phe phái duy phục chế" (restorationist) hiện đang tiếp tục nhân thừa mà ngài coi là cực đoan. Ngài cho rằng: đối với người trẻ, cái lòng đạo đức cứng ngắc này khi bảo họ phải làm điều này hay phải làm điều nọ, sẽ dẫn họ tới việc chuẩn bị nghèo nàn cho cuộc sống, thiếu khả năng đương đầu với khủng hoảng và các thiếu sót nơi người khác. Ngài cho rằng : kết quả nó sẽ ngăn không cho người ta nhận biết và thấu hiểu lòng thương xót của Thiên Chúa. "Cái thứ đạo đức này tự hóa trang bằng những tín lý nhằm đem lại công chính hóa nhưng thực tế tước đoạt tự

do của người ta và không để họ trưởng thành như những con người. Nhiều người kết cục với lối sống hai mặt".

Ngài tiếp tục cho rằng chủ nghĩa quá khích ấy là một thứ thuốc phiện vì nó làm con người xa lánh Thiên Chúa hằng sống và rút gọn Đấng Thần Linh chỉ "còn là một hữu thể mà bạn có thể thao túng bằng pha chế". Nó là một hình thức của "mua bán tiện nghi, phúc lợi, may mắn và hạnh phúc, nhưng để Thiên Chúa hằng sống lại phía sau, Đấng luôn đồng hành với bạn".

Về an tử, vị giáo hoàng tương lai nói: ngài tin rằng một thứ "an tử trá hình" đang diễn ra. "hệ thống an sinh xã hội của ta trả đến một mức chữa trị nào đó rồi bảo 'xin Chúa giúp đỡ bạn'. Người già không được chăm sóc như họ đáng được; thay vào đó, bị đối xử như những thứ vất đi".

Nói tới phá thai, Đức HY Bergoglio để tôn giáo qua một bên để nhấn mạnh rằng theo quan điểm khoa học, hệ di truyền của một con người hiện hữu ngay từ lúc được thụ thai; nó làm họ thành một con người nhân bản từ lúc đó. "Phá thai là sát hại một con người không thể tự bảo vệ mình được".

Ngài tiếp tục thảo luận với giáo sĩ Skorka về vấn đề hôn nhân đồng tính, loại hôn nhân bị ngài mô tả là "phản giá trị" và "thoái hóa về nhân học". Nó làm suy yếu định chế hôn nhân, một định chế từng hiện hữu hàng ngàn năm nay và được "rèn đúc theo bản nhiên và nhân học".

Nhưng một lần nữa, Đức Hồng Y nhắc đến tầm quan trọng của ý chí tự do, bao gồm cả tự do phạm tội. Dù linh mục có quyền đưa ra ý kiến nếu điều này phục vụ con người, nhưng ngài "không có quyền áp đặt bất cứ điều gì lên đời sống riêng của bất cứ ai. Nếu khi tạo dựng, Thiên Chúa mạnh dạn cho ta được tự do, thì tôi là ai mà dám làm ngược lại?". Đức Hồng Y cho rằng "người ta phải nói thật rõ ràng về các giá trị, các giới hạn, các giới răn, nhưng xách nhiễu về thiêng liêng và mục vụ là điều không được phép".

Về lòng khiêm nhường, Đức HY Bergoglio cho rằng: nó là nhân đức "bảo đảm rằng Thiên Chúa đang ở đấy". Còn những ai "tự lấy mình làm đủ, có câu trả lời cho mọi vấn nạn, thì đó là bằng chứng Thiên Chúa không hiện diện với họ". Đức Hồng Y nói thêm: tự lấy mình làm đủ "rất hiển nhiên nơi mọi tiên tri giả, nơi các lãnh tụ tôn giáo giả dạng, chuyên lợi dụng tôn giáo để phục vụ cái tôi riêng của mình".

Khi thảo luận tới chính trị, vị giáo hoàng tương lai cho hay truyền giảng các giá trị nhân bản và tôn giáo luôn có một hậu quả chính trị "bất luận thích hay không". Tuy nhiên, thách thức nằm ở chỗ đề xuất giá trị "mà không pha mình vào" một cách "chính trị phe phái". Ngài phê phán báo chí đã rút gọn điều ngài nói vào "bất cứ điều gì thuận lợi". Ngài bảo: "Ngày nay, từ hai hay ba sự kiện, báo chí gọt dũa ra một điều khác hẳn: họ thông tri sai lạc cho ta".

Xa hơn chút nữa, ngài cho rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo có nghĩa vụ phải bênh vực các giá trị chứ không giảng dạy "chống điều này điều nọ". Ngài bảo "chúng ta không giảng dạy chống lại bất cứ ai. Chúng ta nhắc tới các gía trị đang lâm nguy và cần được bảo vệ". Một lần nữa, ngài chỉ trích truyền thông, giới mà ngài cho là "đôi lúc bị nhiễm chứng viêm gan" vì "mầu vàng vàng của họ" và vì khuynh hướng hay "nhảy bổ ra mà nói 'phải khắt khe lên án điều này điều nọ'".

Đức HY Bergoglio đặc biệt gay gắt khi thảo luận về chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản. Ngài cho rằng chủ nghĩa tư bản "có cái sa đọa tâm linh của nó" vì đã tìm cách khống chế tôn giáo để nó đừng làm phiền mình thái quá, do đó đã ban phát cho tôn giáo một "chút siêu việt nào đó, nhưng không nhiều lắm". Sự sa đọa tâm linh của chủ nghĩa cộng sản là bác bỏ thể siêu việt vì tin rằng thể này "làm tê liệt con người", không cho con người tiến tới. Ngài cho rằng cả hai hình thức sa đọa ấy đều là biểu hiện của tính thế gian.

Về việc săn sóc người nghèo, Đức HY Bergoglio phân biệt giữa việc làm bác ái chân chính và các hoạt động xã hội làm yên lòng lương tâm, được thực hiện nhằm làm cho người làm "cảm thấy an ổn về chính mình". Nhưng theo ngài, tình yêu "đòi con người phải ra khỏi chính họ, thực sự hiến thân cho người khác". Ngài đơn cử trường hợp cơ quan bác ái của Giáo Hội bán đấu giá chiếc đồng hồ

Rolex. Ngài bảo "Quả là một điều xấu hổ và lạm dụng bác ái. Vì đã đi kiếm một người dùng chiếc đồng hồ này để khoe mẽ hòng nuôi sống người nghèo ".

Theo ngài, điều người nghèo cần hơn cả là một việc làm đem lại phẩm giá cho họ, và không được nhìn họ một cách khinh bỉ. Ngài bảo "phải nhìn thẳng vào mắt họ" và ngài lặp đi lặp lại câu này. Điều nguy hiểm nhất khi giúp đỡ người nghèo là sa vào thái độ "cha chú che chở", một thái độ không dành chỗ để họ tăng trưởng.

Một đặc điểm được Đức Phanxicô ca ngợi hơn cả là sự hiền lành (meekness), nhưng ngài nhấn mạnh hiền lành không phải là yếu đuối. Ngài cho rằng "một nhà lãnh đạo tôn giáo có thể rất mạnh mẽ, cương quyết, nhưng không gây hấn" và từ ngày được bầu làm giáo hoàng, ngài thường cho rằng sức mạnh thực sự của một nhà lãnh đạo tôn giáo phát xuất từ chính sự phục vụ của họ.

Ngài cho thấy một nét đầy hy vọng khi cho rằng việc đi tìm Thiên Chúa theo kiểu tôn giáo nơi phần đông người ta vẫn "tiếp tục được đẩy mạnh dù phần nào lệch ra ngoài các cơ cấu định chế". Ngài cho hay "phúc âm hóa là việc cần thiết, nhưng chủ nghĩa duy cải đạo (proselytism) thì không". Ngày nay, việc cải đạo này "cám ơn Chúa đã bị xóa khỏi tự điển mục vụ". Trích dẫn câu nói của Đức Bênêđíctô XVI "Giáo Hội là một đề xuất được tiếp nhận nhờ lôi cuốn chứ không nhờ chủ nghĩa duy cải đạo", Đức HY Bergoglio cho rằng đức tin là "sự lôi cuốn nhờ chứng tá".

Còn nhiều điều nữa trong sách, như các thảo luận về khoa học, hoàn cầu hóa, ly dị, giáo dục, Nạn Diệt Chủng và phụ nữ. Các đàm đạo về từng chủ đề phần lớn khá ngắn, chỉ cho ta nếm tạm mùi vị tư duy của vị giáo hoàng tương lai. Sau đây, xin trích dẫn một trích đoạn của cuốn sách nói về việc cảm nghiệm Thiên Chúa:

Cảm nghiệm Thiên Chúa

Giáo Sĩ Skorka: Đã nhiều năm kể từ ngày chúng ta gặp nhau lần đầu và một sợi dây thân ái đã được tạo nên giữa chúng ta. Khi nghiên cứu bộ Talmud, tôi thấy có câu nói rằng tình bằng hữu là ăn chung và dành thì giờ cho nhau, nhưng cuối cùng sách nhấn mạnh rằng dấu chỉ tình bạn chân chính là khả năng bộc lộ những gì trong trái tim mình cho người kia. Đó là điều đã xảy ra cho hai chúng ta trong nhiều năm qua. Tôi tin rằng điều quan trọng nhất đem chúng ta lại với nhau chắc chắn đã là và vẫn còn là Thiên Chúa, Đấng khiến cho các nẻo đường của chúng ta gặp nhau và cho phép chúng ta mở lòng cho nhau. Trong các đàm đạo thường xuyên của chúng ta, dù đã đề cập tới nhiều chủ đề rồi, nhưng chưa bao giờ chúng ta minh nhiên nói tới Thiên Chúa. Dĩ nhiên, chúng ta luôn hiểu Người hiện hữu. Điều tốt đẹp là khởi đầu cuộc trao đổi mà chúng ta muốn để lại làm bằng chứng cho cuộc đối thoại của chúng ta, bằng cách thảo luận về Đấng hết sức quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta.

Đức HY Bergoglio: Chữ "nẻo đường" quả là tuyệt diệu. Trong cảm nghiệm bản thân của tôi với Thiên Chúa, tôi chẳng làm gì được nếu không có nẻo đường. Tôi muốn nói rằng người ta gặp gỡ Thiên Chúa bằng cách bước đi, bằng cách chuyển động, bằng cách đi tìm Người và để mình được Người tìm ra. Đó chính là hai nẻo đường gặp nhau. Một đàng, là nẻo đường ta đi tìm Người, được thúc đẩy bởi khuynh hướng bẩm sinh phát xuất từ trái tim; và sau đó, khi đã gặp nhau rồi, ta hiểu ra rằng Người là Đấng đã đi tìm ta từ lúc ban đầu. Cảm nghiệm tôn giáo sơ khởi chính là cảm nghiệm bước đi: " hãy bước tới mảnh đất Ta sắp ban cho ngươi" (St 12:1). Đây là lời hứa mà Thiên Chúa đã làm với Ápraham. Trong lời hứa ấy, trong việc bước tới này, một liên minh đã được thiết lập và được củng cố theo thời gian. Chính vì vậy, tôi cho rằng cảm nghiệm của tôi về Thiên Chúa xảy ra dọc theo một nẻo đường, cả trong việc tôi đi tìm lẫn trong việc tôi để mình được tìm thấy, dù cho đó là những nẻo đường đa dạng, của đau đớn, của hân hoan, của ánh sáng hay của bóng tối.

Giáo Sĩ Skorka: Điều ngài vừa nói khiến tôi nhớ tới một số câu trong Thánh Kinh. Thí dụ lúc Chúa bảo Ápraham: "hãy bước đi trước mặt ta và đừng mắc lỗi lầm" (St 17:1). Hay lúc muốn giải thích cho dân Do Thái điều Thiên Chúa muốn nơi họ, tiên tri Mika nói rằng "hãy thực hiện công lý và yêu điều thiện, và khiêm nhường bước đi với Thiên Chúa của các ngươi" (Mk 6:8). Dĩ nhiên, cảm nhận Thiên Chúa là điều năng động, nói theo kiểu chúng ta từng được học trong ngành khoa học căn bản chung

của chúng ta (Giáo Sĩ Skorka có bằng tiến sĩ hóa học, còn Đức HY Bergoglio có bằng cao học về ngành này). Tuy nhiên, ngài nghĩ chúng ta có thể nói gì với con người thời nay khi thấy ý niệm Thiên Chúa quá bị tả tơi, phàm tục hóa và chẳng còn mấy quan trọng?

Đức HY Bergoglio: Điều phải nói với mọi người là hãy nhìn vào nội tâm của chính họ. Sao lãng là một gẫy đổ bên trong. Nó sẽ không bao giờ dẫn người ta tới chỗ gặp gỡ chính họ vì nó ngăn cản không cho họ nhìn vào tấm gương của chính tâm hồn họ. Tịnh tâm là bước đầu. Chính ở đó, cuộc đối thoại mới có thể bắt đầu. Đôi lúc, họ tin mình có câu trả lời duy nhất, nhưng không phải như thế. Tôi muốn mời con người thời nay tìm cảm nghiệm của việc bước vào cõi thân mật trong trái tim họ hòng biết được cảm nghiệm và khuôn mặt Thiên Chúa. Chính vì thế, tôi thích điều Gióp nói sau khi thấy cảm nghiệm khó chịu và các cuộc đàm đạo không giúp ích gì cho ông: "Con nghe lời người ta đồn đãi về Ngài, còn bây giờ, mắt con đã được thấy Người" (Gióp 42:5). Điều tôi nói với người ta không phải là biết Thiên Chúa chỉ bằng cách nghe mà thôi. Thiên Chúa Hằng Sống là Đấng các bạn có thể nhìn thấy bằng con mắt tâm hồn của các bạn.

Giáo Sĩ Skorka: Sách Gióp dạy chúng ta một bài học lớn vì, nói cho vắn tắt, nó cho rằng ta không bao giờ biết được cách Thiên Chúa tự tỏ mình ra qua các hoàn cảnh đặc thù. Gióp, một người công chính, một người chính trực, muốn biết tại sao ông mất hết mọi sự, thậm chí cả sức khỏe của mình. Các bằng hữu bảo ông rằng Thiên Chúa trừng phạt vì tội lỗi ông. Ông trả lời rằng cho dù ông có phạm tội, thì cũng đâu có đến nỗi. Gióp chỉ được an ủi khi Thiên Chúa hiện ra với ông. Các câu hỏi của ông không được giải đáp, nhưng việc cảm nhận sự hiện hữu của Người sẽ ở lại mãi trong ông. Trong câu truyện này, chúng ta có thể tìm được một số điều có thể lên khuôn nhận thức bản thân của tôi về Thiên Chúa. Thứ nhất, bằng hữu của Gióp tỏ ra ngạo mạn và vô lý khi chấp nhận lý thuyết cho rằng "mày phạm tội nên Thiên Chúa trừng phạt mày", một lý thuyết biến Thiên Chúa thành một thứ máy vi tính chuyên tính toán phần thưởng hay hình phạt. Ở cuối câu truyện, Thiên Chúa bảo Gióp, kẻ từng trách móc các bất công của Đấng Tạo ra mình, rằng ông nên cầu bầu và cầu nguyện cho các bằng hữu của ông, vì họ đã nói sai lầm về Người (xem Gióp 42:7-8). Dưới con mắt Thiên Chúa, những kẻ lớn tiếng kêu than trong đau khổ, để cầu xin công lý của trời cao luôn làm Người hài lòng. Những kẻ nằng nặc duy trì quan điểm quá đơn giản (simplistic) về bản chất Thiên Chúa luôn bị Người ghét bỏ. Theo hiểu biết của tôi, Thiên Chúa tự tỏ mình Người cho chúng ta một cách rất tế vi. Các đau khổi hiện nay của chúng ta có thể là lời giải đáp cho người khác trong tương lai. Hoặc, có lẽ chúng ta là lời giải đáp cho một điều gì đó trong quá khứ. Trong Do Thái Giáo, Thiên Chúa được tôn kính qua việc chúng tôi tuân giữ các giới răn được Người mạc khải. Như ngài đã nhắc đến, mỗi con người và mỗi thế hệ phải tìm ra nẻo đường trên đó họ có thể tìm kiếm và cảm nhận được sự hiện hữu của Người.

Đức HY Bergoglio: Đúng vậy. Chúng ta tiếp nhận sáng thế trong tay như một hồng phúc. Thiên Chúa ban nó cho chúng ta, nhưng đồng thời, Người trao cho ta một trách vụ: là chúng ta phải khuất phục Trái Đất. Đây là hình thức đầu tiên của vô-văn hóa: điều con người tiếp nhận được, tức vật chất thô sơ phải được khuất phục để biến nó thành như văn hóa, cây gỗ phải biến thành chiếc bàn. Nhưng có lúc, con người đi quá xa trong trách vụ này; họ trở nên quá nhiệt thành và mất hết lòng kính trọng đối với thiên nhiên. Và thế là có các vấn đề sinh thái, như hâm nóng hoàn cầu, vốn là hình thức mới của vô-văn hóa. Công trình của con người trước Thiên Chúa và trước chính họ phải duy trì cho được thế quân bình thường hằng giữa hồng phúc và trách vụ. Khi con người chỉ duy trì hồng phúc mà không chịu làm việc, họ không chu toàn sứ mệnh và mãi mãi sơ khai; khi họ trở nên quá nhiệt thành với việc làm của mình, họ quên khuấy mất hồng phúc để tạo ra một nền đạo đức duy xây dựng: họ nghĩ rằng mọi sự đều là thành quả lao công của họ và không hề có hồng phúc gì cả. Đó là điều tôi gọi là hội chứng Babel.

Đức Phanxicô: Chúa cứu chuộc mọi người, kể cả người vô thần

(Ngày 23/05/2013)

Một trong những đặc điểm của triều giáo hoàng non trẻ Phanxicô là việc nhấn mạnh tới chính sách không loại bỏ ai. Ngài xác tín rằng trong những điều mình nói và làm để cổ vũ Tin Mừng, Giáo Hội phải mở rộng lời kêu gọi của mình cũng như cuộc đối thoại của mình với người khác.

Trong Thánh Lễ sáng ngày 22 tháng 5 tại nhà khách của Vatican, Đức Phanxicô đã chi tiết hóa chủ đề trên. Ngài nói rằng "làm điều tốt" là một nguyên tắc có thể tạo cơ sở chung cho người Kitô hữu lẫn người không phải là Kitô hữu, kể cả người vô thần.

Ngài bảo: "Chúa cứu chuộc mọi người chúng ta bằng Máu Chúa Kitô: mọi người, chứ không riêng gì người Công Giáo. Mọi người! 'Thưa cha, người vô thần thì sao?' Cả người vô thần nữa. Mọi người! Và Máu này biến chúng ta thành con cái hạng nhất của Thiên Chúa!".

Lời Đức Giáo Hoàng hẳn phải thách thức mọi người Công Giáo, nhưng nhất là những ai muốn dùng nền chính trị duy bản sắc để loại bỏ bất cứ sự hợp tác hay đối thoại nào với những người không chia sẻ các niềm tin của Giáo Hội.

Đức Phanxicô bắt đầu buổi suy niệm của ngài bằng trình thuật Tin Mừng nói tới việc các môn đệ của Chúa Kitô tìm cách ngăn chặn một người không thuộc nhóm của mình làm việc thiện. Đài Phát Thanh Vatican thuật lại lời suy niệm của Đức Thánh Cha như sau: "Họ kêu ca rằng 'nếu anh ta không thuộc nhóm của ta, thì anh ta không được làm việc thiện'. Nhưng Chúa Giêsu bảo họ: 'đừng ngăn cản anh ấy, cứ để anh ấy làm việc thiện'".

Theo Đức Phanxicô, các môn đệ quả "có hơi bất khoan dung" vì đã khóa kín mình trong ý niệm chỉ mình mới có chân lý và tin rằng "những ai không có chân lý, không thể làm được việc gì tốt cả".

"Điều ấy sai… Chúa Giêsu vốn mở rộng chân trời. Cội rễ của khả thể làm việc thiện, một khả thể ai trong chúng ta cũng có, vốn có sẵn trong tạo dựng".

"Chúa dựng nên ta giống hình ảnh và họa ảnh của Người. Ta là hình ảnh của Chúa. Mà Người làm việc thiện thì tất cả chúng ta đều có lệnh truyền này khắc khi trong lòng: hãy làm việc thiện và đừng làm việc ác. Tất cả chúng ta, 'Nhưng thưa cha, người này đâu phải Công Giáo! Anh ta đâu có thể làm việc thiện'. Có, anh ta có thể làm việc thiện. Anh ta phải làm việc thiện. Không những có thể, mà còn phải làm nữa! Vì anh ta cũng có lệnh truyền kia trong chính anh ta".

"Cái thứ "khóa kín" từng tưởng tượng rằng những người ở bên ngoài không thể nào làm được việc thiện này thực ra là một bức tường sẽ dẫn tới chiến tranh và tới điều một số người trong dòng lịch sử đã nghĩ ra là giết chóc nhân danh Thiên Chúa. Nghĩa là ta có thể giết người nhân danh Thiên Chúa. Điều này đơn thuần chỉ là lộng ngôn phạm thượng. Nói rằng bạn có thể nhân danh Thiên Chúa mà giết người là nói lộng ngôn phạm thượng".

"Chúa đã dựng nên ta giống hình ảnh và họa ảnh của Người, và đã khắc ghi lệnh truyền này trong thẳm sâu lòng ta: hãy làm việc thiện và đừng làm việc ác. Người cứu chuộc mọi người chúng ta, vâng mọi người, bằng Máu Chúa Kitô: mọi người chúng ta, không riêng gì người Công Giáo. Mọi người! 'Thưa cha, người vô thần thì sao?' Cả người vô thần nữa. Mọi người! và Máu này biến chúng ta thành con cái hạng nhất của Thiên Chúa! Ta được dựng nên làm con cái giống hình ảnh Thiên Chúa và Máu Chúa Kitô đã cứu chuộc mọi người chúng ta! Và tất cả chúng ta có bổn phận làm việc thiện. Thiện nghĩ, lệnh truyền mọi người làm việc thiện này là con đường tốt đẹp dẫn tới hòa bình. Nếu chúng ta, ai cũng làm phần mình, nếu chúng ta làm việc thiện cho người khác, nếu chúng ta gặp gỡ họ làm việc thiện, thì từ từ, một cách êm dịu, từng chút từng chút, ta sẽ tạo được một nền văn hóa gặp gỡ. Ta rất cần nền văn hóa này. Ta phải gặp nhau trong diễn trình làm việc thiện. 'Nhưng thưa cha, tôi không tin, tôi là một người vô thần mà!' Nhưng xin anh cứ làm việc thiện, chúng ta sẽ gặp nhau ở đấy".

Đức Thánh Cha nhấn mạnh rằng "làm việc thiện" không phải là vấn đề đức tin. "Nó là một bổn phận, nó là tấm thẻ căn cước mà Cha chúng ta đã ban cho mọi người chúng ta, vì Người vốn dựng nên ta giống hình ảnh và họa ảnh của Người. Mà Người thì lúc nào cũng làm việc thiện"

Ý nghĩa cứu chuộc

Nhân dịp này, nhiều người thắc mắc đối với bài giảng trên của Đức Phanxicô. Các thắc mắc này được cha Thomas Rosica, CSB, tóm lược thành 3 chủ đề:
1) Người vô thần được cứu chuộc ra sao?
2) Phải chăng Đức Phanxicô mô tả một thứ "Kitô Giáo nặc danh" hiện đang hiện diện trong thế giới ngày nay?
3) Hệ luận bài giảng của Đức Thánh Cha ra sao?

Các câu trả lời của Cha Rosica dựa trên vốn kiến thức thần học, kinh nghiệm 5 năm sống tại Trung Đông (Do Thái, Palestine, Jordan và Egypt) cũng như các đối thoại liên tôn với người Do Thái Giáo và Hồi Giáo trong nhiều năm qua của cha. Cha cũng từng có nhiều tiếp xúc với những người vô thần và bất khả tri tại khuôn viên các đại học tại Canada.

1) Ta nên lưu ý tới thính giả và ngữ cảnh bai giảng hàng ngày của Đức Phanxicô. Trước hết, ngài là một mục tử và nhà giảng thuyết giầu kinh nghiệm trong việc vươn tới người khác. Lời lẽ của ngài vì thế không diễn ra trong ngữ cảnh thần học khoa bảng hay học thuật cũng như đối thoại hay tranh luận liên tôn. Ngài lên tiếng trong ngữ cảnh Thánh Lễ qua việc suy niệm về Lời Chúa. Ngài nói với những người Công Giáo và các nhà lãnh đạo tôn giáo. Kiến thức của ngài, vốn bén rễ sâu trong thần học và truyền thống Công Giáo, luôn được diễn tả bằng một ngôn từ khiến ai cũng có thể hiểu được. Đây là một thiên bẩm không phải vị mục tử và và thần học gia nào cũng có được. Thành thử đâu có lạ khi nhiều người bị lời lẽ của ngài lôi cuốn.

2) Đức Phanxicô không có ý tạo ra một cuộc tranh luận thần học về bản chất của cứu chuộc qua bài giảng của mình hay qua suy tư Thánh Kinh khi tuyên bố rằng "Thiên Chúa cứu chuộc mọi người chúng ta, mọi người, bằng Máu Chúa Kitô: mọi người chúng ta, chứ không riêng gì người Công Giáo. Mọi người!"
Về bản chất này, Cha Rosica lưu ý bạn đọc một số đoạn trong cuốn Toát Lược Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo:

Số 135: Đức Kitô sẽ phán xét kẻ sống và kẻ chết như thế nào?

Đức Kitô sẽ phán xét với quyền năng mà Người đã thu nhận được như Đấng Cứu Chuộc trần gian, đến để cứu độ loài người. Những điều kín nhiệm trong tâm hồn cũng như thái độ của mỗi người đối với Thiên Chúa và tha nhân sẽ được tỏ ra. Mỗi người sẽ đón nhận sự sống hay bị kết án đời đời tùy theo các công việc họ đã làm. Như thế "sự viên mãn của Đức Kitô" (Ep 4,13) được thành tựu, trong đó "Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài" (1 Cr 15,28).

Số 152: "Hội thánh là bí tích phổ quát của ơn cứu độ" có nghĩa là gì?

Câu này muốn nói Hội thánh là dấu chỉ và khí cụ cho việc giao hòa và hiệp thông toàn thể nhân loại với Thiên Chúa cũng như cho sự hợp nhất nhân loại.

Số 162. Hội thánh duy nhất của Đức Kitô tồn tại ở đâu?

Với tính cách là một cộng đoàn được thiết lập và tổ chức ở trần gian, Hội thánh duy nhất của Đức Kitô tồn tại (subsistit in) trong Hội thánh Công Giáo, được điều hành do vị kế nhiệm thánh Phêrô và do các Giám mục hiệp thông với ngài. Chỉ nhờ Hội thánh này người ta mới có thể đạt được cách đầy đủ các phương tiện cứu độ, vì Chúa đã trao phó tất cả những gì thiện hảo của Giao ước Mới cho tập thể tông đồ duy nhất, có thánh Phêrô đứng đầu.

Số 166. Tại sao Hội thánh được gọi là Công Giáo?

Hội thánh có đặc tính là Công Giáo, nghĩa là phổ quát, vì Đức Kitô hiện diện trong Hội thánh. "Ở đâu có Đức Kitô Giêsu, ở đó có Hội thánh Công Giáo" (Thánh Inhaxiô Antiôkia). Hội thánh loan báo sự

toàn diện và toàn vẹn của đức tin. Hội thánh gìn giữ và quản lý tất cả các phương tiện cứu độ. Hội thánh được sai đến với mọi dân tộc ở mọi thời đại và mọi nền văn hóa của họ.

Số 171. Câu khẳng định "Ngoài Hội thánh không có ơn cứu độ" có nghĩa gì?

Câu này muốn nói rằng ơn cứu độ xuất phát từ Đức Kitô-là-Đầu thông qua trung gian là Hội thánh, thân thể Người. Những ai biết rằng Hội thánh được Đức Kitô thiết lập và cần thiết cho ơn cứu độ mà không muốn bước vào hay không muốn gắn bó với Hội thánh, thì sẽ không được cứu độ. Ngoài ra, nhờ Đức Kitô và Hội thánh Người, những người, không vì lỗi mình mà không biết Tin Mừng của Đức Kitô và Hội thánh Người, nhưng chân thành đi tìm Thiên Chúa và dưới ảnh hưởng của ân sủng, cố gắng thực hiện ý Thiên Chúa qua sự hướng dẫn của lương tâm, vẫn có thể đạt được ơn cứu độ muôn đời.

3) Thánh Kinh minh nhiên cho ta hay: Thiên Chúa muốn mọi người được cứu rỗi (1 Timothy 2:4); giao ước hòa bình mà Thiên Chúa ký với Nôê sau Đại Hồng Thủy chưa bao giờ bị thu hồi: trái lại, chính Con Thiên Chúa đã đóng ấn nó bằng thẩm quyền tình yêu hiến sinh bao gồm mọi người của mình. Đức Phanxicô cảnh cáo người Công Giáo không được ma qủy hóa những ai không phải là chi thể của Giáo Hội, và ngài đặc biệt bênh vực người vô thần, vì cho rằng dựng lên những bức tường chống những người không phải là Công Giáo sẽ dẫn tới việc "giết người nhân danh Thiên Chúa".

4) Nhà thần học Đức trứ danh là Karl Rahner đã dẫn nhập ý niệm "Kitô hữu nặc danh" vào suy tư thần học. Qua ý niệm này, đưa ra cho người Kitô hữu, Rahner cho rằng Thiên Chúa muốn mọi người được cứu rỗi, chứ không hề trừng phạt tất cả những ai không là Kitô hữu phải sa hỏa ngục. Thứ hai, Chúa Giêsu Kitô là phương thế cứu rỗi duy nhất của Thiên Chúa. Điều này phải được hiểu là: những người không phải là Kitô hữu muốn hưởng thiên đàng phải tiếp nhận ơn thánh của Chúa Kitô dù không thể hiện nó. Bởi thế mà có thuật ngữ "Kitô hữu nặc danh".

Ý niệm trên thực ra cũng được Hiến Chế "Lumen Gentium" (số 16) giảng dạy. Theo Hiến Chế này, những ai chưa tiếp nhận Tin Mừng và việc này không do lỗi của chính họ đều có khả thể được cứu rỗi đời đời… Thiên Chúa 'qua những cách ta không biết' có thể ban đức tin, vì không có đức tin thì không thể có cứu rỗi dù đó là trường hợp những người chưa được nghe rao giảng về Tin Mừng.

Người Công Giáo không chấp nhận thái độ của chủ nghĩa duy tương đối về tôn giáo, là chủ nghĩa cho rằng mọi tôn giáo đều công chính như nhau, các dị biệt đều không quan trọng. Thiên Chúa thực sự muốn mọi người được cứu rỗi. Nhưng người Công Giáo tin rằng ơn cứu rỗi này chỉ được trao ban nơi Chúa Giêsu Kitô, và Kitô Giáo và Giáo Hội duy nhất là người trung gian chuyển giao ơn đó cho mọi người.

5) Trong cuộc đối thoại liên tôn hay với người vô thần và người bất khả tri, luôn có nguy cơ biến mọi cuộc thảo luận thành chuyện lịch thiệp hay bất liên hệ. Nhưng đối thoại không có nghĩa là thỏa hiệp. Ngày nay, ta luôn có thể và phải đối thoại: đối thoại trong tự do chân chính chứ không phải trong cái thứ 'khoan dung' và sống chung chỉ vì mình không có đủ sức mạnh để tiêu diệt người kia. Nghĩa là cuộc đối thoại này phải diễn tiến trong một thái độ yêu thương. Kitô hữu biết rõ: chỉ có tình yêu mới là đuốc sáng nhất của kiến thức và những điều Thánh Phaolô nói về tình yêu phải có giá trị đối với mọi cuộc đối thoại.

6) Một người không phải là Kitô hữu có thể bác bỏ một trình bày nào đó của Kitô hữu đối với Tin Mừng của Chúa Kitô. Tuy nhiên, điều này không nhất thiết có nghĩa là họ thực sự bác bỏ Chúa Kitô và Thiên Chúa. Bác bỏ Kitô Giáo có thể không có nghĩa là bác bỏ Chúa Kitô. Vì cho dù một cá nhân cụ thể nào đó bác bỏ Kitô Giáo từng được mang tới cho họ qua lời giảng của Giáo Hội, thì dù là như thế, ta vẫn không bao giờ ở vào vị trí có thể quyết định được là liệu sự bác bỏ đó trong trường hợp cụ thể ấy là một lỗi phạm trầm trọng hay là một hành vi trung thành với chính lương tâm họ. Ta không bao giờ có thể nói một cách hoàn toàn chắc chắn liệu một người bác bỏ Kitô Giáo và dù từng gặp gỡ Kitô Giáo, nhưng vẫn không trở thành Kitô hữu, có đang đi theo con đường được vẽ ra để họ được cứu rỗi, tức con đường sẽ dẫn họ tới gặp gỡ Thiên Chúa, hay họ đang trên con đường dẫn tới trầm

luân đời đời.

7) Thánh Kinh dạy rằng Thiên Chúa coi tấm tình ta ngỏ với người lân cận là tấm tình ta ngỏ với chính Người. Do đó, mối liên hệ yêu thương giữa một người với người lân cận của họ là định mức của mối liên hệ yêu thương giữa họ và Thiên Chúa. Điều này không có nghĩa: người không phải là Kitô hữu có khả năng thực hiện các hành vi yêu thương người lân cận mà không cần sự trợ giúp của Thiên Chúa. Đúng hơn, các hành vi yêu thương này quả là bằng chứng cho thấy Thiên Chúa thực sự hành động nơi họ.

8) Là Kitô hữu, ta tin rằng Thiên Chúa luôn vươn tới nhân loại trong yêu thương. Điều này có nghĩa: mọi người nam nữ, bất kể hoàn cảnh, đều có thể được cứu rỗi. Ngay những người không phải là Kitô hữu cũng có thể đáp ứng hành động cứu rỗi của Chúa Thánh Thần. Không người nào bị loại khỏi ơn cứu rỗi chỉ vì cái tội mà ta vốn gọi là tội nguyên tổ; người ta chỉ mất sự cứu rỗi qua tội bản thân mà thôi.

Trong tâm trí Đức Phanxicô, nhất là lúc ngài giảng lễ vào ngày 22 tháng 5, "làm việc thiện" là một nguyên tắc kết hợp toàn thể nhân loại, vượt trên các dị biệt trong ý thức hệ và tôn giáo, và tạo nên "nền văn hóa gặp gỡ" vốn là nền tảng của hòa bình.

Cuối cùng, thiển nghĩ nên đọc phần cuối bài diễn văn nổi tiếng của Đức Gioan Phaolô II trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 50 tại New York, ngày 5 tháng 10, năm 1995: "Là một Kitô hữu, tâm điểm niềm hy vọng và lòng tin tưởng của tôi là nơi Chúa Giêsu Kitô, mà kỷ niệm năm sinh lần thứ hai nghìn của Người sẽ được cử hành vào đầu thiên niên kỷ mới. Kitô hữu chúng tôi tin rằng tình yêu và lòng chăm sóc của Thiên Chúa đối với toàn bộ sáng thế đã được tỏ hiện trọn vẹn nơi cái chết và sự sống lại của Chúa Kitô. Đối với chúng tôi, Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa làm người, trở thành một phần của lịch sử nhân loại. Chính vì lý do này, niềm hy vọng Kitô Giáo dành cho thế giới và tương lai của nó trải dài tới mọi con người nhân bản. Vì nhân tính chói sáng của Chúa Kitô, không gì thực sự nhân bản lại không đánh động trái tim Kitô hữu. Đức tin vào Chúa Kitô không buộc chúng tôi phải bất khoan dung. Trái lại, nó buộc chúng tôi phải mời gọi người khác vào một cuộc đối thoại tôn kính. Tình yêu Chúa Kitô không làm chúng tôi sao lãng việc quan tâm tới người khác, nhưng đúng hơn, nó mời gọi chúng tôi nhận trách nhiệm đối với họ, không loại trừ bất cứ ai, và quả thực đặc biệt quan tâm tới người yếu đuối nhất và người đau khổ. Do đó, gần tới dịp kỷ niệm năm thứ hai nghìn ngày sinh của Chúa Kitô, Giáo Hội chỉ xin được kính cẩn đề xuất sứ điệp cứu rỗi này, và được cổ vũ tình liên đới của toàn thể gia đình nhân loại, trong bác ái và phục vụ.

Kính thưa quí vị! Tôi đến trước quí vị, như vị tiền nhiệm của tôi là Đức Giáo Hoàng Phaolô đúng 30 năm trước đây, không phải như một người thi hành quyền bính trần gian, cũng không phải như một lãnh tụ tôn giáo đi tìm đặc ân cho cộng đồng của mình. Tôi đến trước quí vị như một nhân chứng: nhân chứng cho phẩm giá con người, nhân chứng cho hy vọng, nhân chứng cho niềm xác tín rằng định mệnh mọi quốc gia nằm trong tay Đấng Quan Phòng đầy nhân ái.

Chúng ta phải thắng vượt nỗi lo sợ tương lai của chúng ta. Nhưng chúng ta sẽ không có khả năng thắng vượt được nó cách hoàn toàn nếu không cùng thắng vượt với nhau. "Trả lời" cho nỗi lo sợ ấy không hề là một cưỡng ép hay đàn áp, cũng không phải là áp đặt một "kiểu mẫu" xã hội lên toàn thế giới. Trả lời nỗi lo sợ đang làm tối đen cuộc nhân sinh ở cuối thế kỷ 20 là cố gắng chung để xây dựng nền văn minh tình thương, đặt nền trên các giá trị phổ quát là hòa bình, liên đới, công lý và tự do. Và "linh hồn" của nền văn minh tình thương là nền văn hóa tự do: tự do của các cá nhân và tự do của các dân tộc, sống trong tình liên đới và trách nhiệm hiến sinh.

Chúng ta không nên sợ tương lai. Chúng ta không nên sợ con người. Chúng ta có mặt ở đây không phải là chuyện tình cờ. Mỗi một và mọi con người nhân bản đều đã được dựng nên giống "hình ảnh và họa ảnh" của Đấng là nguồn gốc mọi sự hiện hữu. Ta sở hữu trong mình các khả năng khôn ngoan và nhân đức. Với những thiên phú này, và với sự trợ giúp của ơn thánh Thiên Chúa, trong thế kỷ và thiên niên kỷ kế tiếp, chúng ta sẽ xây dựng được một nền văn minh xứng đáng với con người nhân

bản, một nền văn hóa tự do đích thực. Chúng ta có thể và phải làm như thế! Và nhờ làm thế, ta sẽ thấy nước mắt của thế kỷ này đã dọn chỗ cho một mùa xuân mới của tinh thần con người".

Giáo hoàng, tạp chí Forbes và khoa chú giải Thánh Kinh

(Ngày 06/06/2013)

Forbes là một tạp chí kinh doanh của Mỹ, chuyên bàn về tài chánh, kỹ nghệ, đầu tư và tiếp thị. Ngoài ra, tạp chí này cũng tường trình về các chủ đề khác như kỹ thuật, truyền thông, khoa học và luật pháp. Nó nổi tiếng về các bảng liệt kê, nhất là bảng liệt kê những người Mỹ giấu nhất, những tài tử lương cao nhất, các tỷ phú gia. Khẩu hiệu của nó là "Khí Cụ Tư Bản" (The Capitalist Tool). Không lạ gì nó kịch liệt bênh vực chủ nghĩa tư bản.

Chính trên tạp chí này, Jerry Bowyer đã có hai bài chỉ trích Đức Phanxicô không phải vì quan điểm kinh tế đúng nghĩa mà vì ngài đã dùng một khoa chú giải Thánh Kinh mà ông ta cho là tồi để hỗ trợ quan điểm kinh tế "tả khuynh" của mình. Bài đầu đăng ngày 13 tháng 3 năm nay, tựa là *Is Jorge Bergoglio, The New Pope Francis, A Capitalist?*, cho thấy sự lo ngại của Bowyer liên quan tới cách đọc đoạn Lc 19:1-10 nói về Giakêu. Bài thứ hai, tựa là *Pope Francis's Economics: Yes, He Has A Leftist View Of Free Markets*, thách thức việc ngài so sánh đoạn nói về con bò vàng ở Xh 32 với nền kinh tế thị trường ngày nay. Về cách đọc Xh 32 của Đức Phanxicô, Bowyer cho rằng "Bản văn là bản văn và ngay cả các vĩ nhân vẫn có thể và thực sự đã hiểu lầm nó". Dù câu "bản văn là bản văn" che khuất thực tại rõ ràng của việc giải thích Thánh Kinh và sự kiện bản văn không luôn cho ta ý nghĩa của nó một cách dễ dàng cũng như không phải mọi nhà chú giải Thánh Kinh đều đồng ý một lối đọc tốt nhất cho một bản văn nào đó, một sự kiện từng phát xuất từ chính các tác giả Thánh Kinh, các thầy *rabbis* Do Thái và các Giáo Phụ, ta phải nhận rằng "ngay cả các vĩ nhân vẫn có thể và thực sự đã hiểu lầm nó". Nếu câu đó đã đúng đối với các vĩ nhân, thì nhất thiết, nó cũng đúng với chúng ta, những người không phải là vĩ nhân cũng chẳng phải là học giả Thánh Kinh nổi tiếng.

Giakêu, "cá mập cắt cổ"

Trong bài thứ nhất, Bowyer phản đối Đức Giáo Hoàng vì ông không thích nền kinh tế thị trường tân tự do (neo-liberal). Theo ông, tân tự do là một hạn từ được phe tả sử dụng để mô tả trường phái kinh tế hiện đại, là nền kinh tế cố gắng hướng thế giới về các thị trường tự do (chủ nghĩa tự do cổ điển) và tránh xa các hình thức kiểm soát trung ương khác nhau. Nhưng cuộc tranh luận chính trị tại Argentina có chiều hướng diễn ra giữa hai phe cùng lấy nhà nước làm trọng (statist), đó là chủ nghĩa Peron cánh hữu và chủ nghĩa Cộng Sản cánh tả.

Theo tờ *Catholic Herald*, khuynh hướng của Đức HY Bergoglio phát xuất nhiều hơn từ cánh hữu phản thị trường hơn là từ cánh tả phản thị trường: "Thiện cảm chính trị của ngài nằm ở đâu? Nhất định không nằm ở cánh tả. Những người biết ngài hơn cả luôn coi ngài thuộc cánh hữu ôn hòa, gần với chiều hướng của chủ nghĩa Peron bình dân, một chủ nghĩa luôn đối nghịch với chủ nghĩa tư bản tự do. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2001-2002, khi Argentina không trả được nợ nần, khi dân ùa ra đường phố và các siêu thị bị cướp bóc, Đức HY Bergoglio đã nhanh chóng tố cáo hệ thống ngân hàng tân tự do, một hệ thống khiến Argentina không thể trả được các món nợ kia".

Tờ *National Catholic Reporter*, có khuynh hướng tự do, cho rằng "Đức HY Bergoglio vốn ủng hộ triết lý công bằng xã hội của Công Giáo Châu Mỹ La Tinh, trong đó có việc mạnh mẽ bênh vực người nghèo…". Tờ này đã trích lời ngài như sau: "Ta đang sống trong phần bất bình đẳng nhất của địa cầu, tức phần gia tăng nỗi khốn cùng nhiều nhất và giảm thiểu nó ít nhất. Việc phân chia của cải cách bất công vẫn tiếp diễn, khiến cho tội xã hội kêu thấu tời Trời và giới hạn các khả thể sống đầy đủ hơn cho rất nhiều anh chị em của ta".

Đức HY Bergoglio nhấn mạnh tới việc phân chia của cải hơn là việc tạo ra chúng. Về phương diện tâm linh, ngài nhấn mạnh tới việc phải đồng hóa với người nghèo và tới lợi ích thiêng liêng của việc sống nghèo.

Sau khi lược tả quan điểm kinh tế của Đức Phanxicô và của Argentina, Bowyer nói đến một bài giảng lễ của ngài. Ông không trích dẫn chính bài giảng mà dựa vào một phúc trình đăng trên trang mạng www.chiesa.espressonline.it nói về Đức HY Jorge Bergoglio, trước khi ngài được bầu làm giáo hoàng. Đây là lời trích dẫn bài báo do Sandro Magister viết: "Tại buổi hát kinh Tạ Ơn (Te Deum) trong một nghi lễ toàn quốc vào ngày 25 tháng 5 mới đây, con số khán giả nghe bài giảng của Đức HY Bergoglio quả là kỷ lục. Đức HY yêu cầu dân chúng Argentina hành động như Giakêu đã hành động trong Tin Mừng. Ông từng là một con cá mập cho vay cắt cổ. Nhưng nhờ ý thức được sự thấp hèn về luân lý của mình, ông đã trèo lên cây sung, để nhìn thấy Chúa Giêsu và để Chúa Giêsu nhìn thấy ông và hoán cải ông".

Bowyer phê phán hình ảnh Đức HY Bergoglio mô tả Giakêu như "con cá mập cho vay cắt cổ". Ông bảo hình ảnh ấy quả nặng nề và có tính chính trị. Theo ông, vấn đề là Tin Mừng đâu có mô tả như thế, Giakêu đâu phải người cho vay, mà là một viên thu thuế. Nhưng Bowyer đâu ngờ điều này: trong bài giảng bằng tiếng Tây Ban Nha, Đức HY Bergoglio không dùng thuật ngữ "cá mập cho vay cắt cổ" (sinister loan shark). Đó chỉ là cách "phiên dịch" của Sandro Magister mà thôi. Bowyer phạm một sai lầm mà không hiểu ở tòa soạn Forbes người ta gọi là gì, nhưng trong giới học hỏi Thánh Kinh, người ta gọi là nghiên cứu tồi vì đã không chịu tìm đọc chính bản gốc. Thực ra, không những không gọi Giakêu là "con cá mập cho vay cắt cổ", Đức Hồng Y Bergoglio còn mời gọi chúng ta theo gương ông.

Ngài chỉ gọi ông là "publican", một hạn từ phiên dịch tốt nhất hạn từ *telônês* của Hy Ngữ, nghĩa là "người thu thuế". Như thế, dở về nghiên cứu hẳn là Bowyer chứ không phải Đức Phanxicô. Còn bài thứ hai đăng ngày 23 tháng 5, 2013, thì sao?

Con bò vàng

Một lần nữa, Bowyer nhắc tới một bài giảng khác, lần này của Đức Phanxicô Giáo Hoàng và xem ra ông dựa vào chính lời của ngài chứ không dựa vào bản tóm tắt của người khác, tức lời ngài nói với các đại sứ: "Việc thờ bò vàng thuở xưa tìm được hình ảnh mới và vô tâm nơi việc tôn thờ tiền bạc và nền độc tài của một nền kinh tế không mặt mũi và thiếu hẳn mục tiêu nhân bản".

Bowyer không thích việc Đức Phanxicô sử dụng hình ảnh bò vàng trong thí dụ này, không phải việc ngài giải thích chi tiết về ẩn dụ bò vàng cho bằng chính hình ảnh bò vàng. Thực ra, Đức Giáo Hoàng chỉ muốn so sánh việc dân Do Thái thờ bò vàng, một ngẫu tượng, chứ không thờ Thiên Chúa đích thực và sống động với việc nhiều người thời nay thờ tiền bạc, cũng là một ngẫu tượng, chứ không thờ Thiên Chúa đích thực và sống động.

Dựa vào câu trích trên, Bowyer cho rằng: câu truyện bò vàng được thuật ở chương 32 sách Xuất Hành. Sau khi thoát khỏi Ai Cập và băng qua Biển Đỏ, Dân Israel tiến vào vùng núi Sinai. Ở đấy, Moses leo lên núi thánh để tiếp nhận lề luật của Thiên Chúa, còn Dân Israel thì đóng trại ở phía dưới. Vì Moses ở trên núi quá lâu, Dân Israel cảm thấy nóng ruột, nên đã yêu cầu Aaron, anh trai Moses và là người lãnh đạo thứ hai, làm cho họ các thần minh để lãnh đạo họ khi Moses không ở đấy. Aaron thu vàng bạc của dân và đúc nên tượng một con bò, vốn là vật thờ phượng truyền thống ở Ai Cập.

Nếu vậy, thì chỗ nào trong câu truyện nói tới trật tự thị trường tân tự do? Trình thuật này rõ ràng là một tranh đấu chống lại quyền lực chính trị. Pharaô là chủ nhân ông về chính trị của Dân Israel. Moses tranh đấu chống nhà nước Ai Cập và thắng thế. Dân Israel trở thành một quốc gia độc lập, với Moses là nhà cai trị dân sự dưới uy quyền của Thiên Chúa. Rồi Moses đánh mất lòng tin tưởng của dân, nên dân đòi một tân lãnh tụ. Người Ai Cập vốn chạm khắc các hình tượng thần minh, trong đó có hình tượng bò, để hỗ trợ quyền lực của Pharaô, vốn được coi là vua và thần minh. Aaron cũng đã làm như vậy. Vàng được lấy ra khỏi diễn trình lưu hành (nghĩa là lấy ra khỏi lãnh vực nó có thể được dùng để đổi chác trên thị trường) và được nhà lãnh đạo dân sự mới tập thể hóa để tuyên truyền và nhằm kết hợp chính trị. Nhà lãnh đạo này sau đó, đã sử dụng hệ thống chính trị kiểu Ai Cập để tạo ra một người cầm đầu sẽ dẫn dân trở lại Ai Cập, trở lại với ách thống trị của một nhà nước uy quyền.

Bowyer đọc câu truyện bò vàng đại cương như thế, như một biểu tượng chính trị chứ không phải một biểu tượng tôn giáo. Chính vì thế ông tự hỏi: Đúng ra, chỗ nào trong câu truyện nói tới nền độc tài của trật tự thị trường tân tự do? Thiển nghĩ điều đó đâu có trong câu truyện bò vàng mà cả chuyện "ách thống trị của một nhà nước uy quyền" cũng không có nốt.

Ông dựa vào Nơkhemia 9 để hỗ trợ cho việc ông hiểu bản văn Xuất Hành như trên. Không dựa vào câu nào nhất định, ông chỉ viết chung chung rằng: "Tiên tri Nơkhemia trong lịch sử sau này của Israel đã giải thích câu truyện cách đó, nghĩa là đi tìm một lãnh tụ (*rosh* trong tiếng Hípri có nghĩa người cầm đầu) để dẫn họ trở lại Ai Cập". Chủ đề "đi tìm một lãnh tụ" rất có thể có trong Nkm 9, nhưng nhất định không phải là vấn đề chính để hiểu ý nghĩa của câu truyện bò vàng.

Hạn từ *rosh* quả có trong Nkm 9:17, tuy nhiên hạn từ này không nhất thiết có nghĩa là "lãnh tụ" hay "đầu" mà có nghĩa "khởi đầu" hay "khởi sự" nhiều hơn. Chính vì thế, bản New Revised Standard Version xuất bản năm 1989 đã dịch câu đó như sau: họ "nhất định trở lại kiếp nô lệ ở Ai Cập". Đây là lối dịch của hầu hết các ấn bản Thánh Kinh Công Giáo như Bible de Jérusalem, Knox; các bản dịch Việt Nam, trừ bản của Tin Lành, cũng dịch như vậy.

Nhưng dù cách đọc Nkm 9:17 của Bowyer có đúng đi chăng nữa, nghĩa là dân Israel có tìm một lãnh tụ để dẫn họ trở lại Ai Cập, và dù sau này, Giarópam có tạc nhiều bò vàng để củng cố quyền lực chính trị của mình (1V 12:26-33) đi chăng nữa, thì tội lớn lao vẫn là thờ ngẫu tượng, bất kể ngẫu tượng đó là một người làm vua hay các hình tượng chạm khắc. Đây không phải là chuyện thờ "nhà nước" Ai Cập hay là tự do của Thiên Chúa, được điển hình hóa trong "Sách Ước, một thực thi mười điều răn có tính dân sự, một thứ hiến pháp ngắn của quốc gia với một nhà nước nhỏ nhoi nhưng mạnh mẽ bảo vệ quyền tư hữu". Đây là việc phải thờ phượng một mình Thiên Chúa, không thờ phượng bất cứ nhà nước nào, dù lớn dù nhỏ, hay bất cứ hệ thống chính trị, thị trường tự do hay thị trường nhà nước hoặc an toàn tiền tệ nào. Đây là câu truyện nói về vị Thiên Chúa duy nhất, chân thật và hằng sống, và những ngẫu thần dùng thay thế Người.

Tất cả chúng ta đều từ bỏ con người của mình lúc giải thích Thánh Kinh, Bowyer trái lại đã dùng Thánh Kinh để hỗ trợ cho chủ nghĩa tư bản thị trường tự do. Với ông ta, "bản văn là bản văn" trừ khi các thiên kiến thắng vượt nó, lúc ấy, ta sẵn sàng dùng bản văn để hỗ trợ cho các con bò vàng của chính mình. Đã đành, các nhà giải thích ít nhiều đều có những điểm yếu như thế, nhưng họ đâu có lạc thời gian (anachronistic) đến nỗi coi Moses là chiến sĩ của thị trường tự do, các con bò vàng là tượng trưng cho cái nôi "duy nhà nước" nhằm nuôi sống hệ thống an sinh xã hội nặng nề.

Đức Phanxicô từng nói nhiều về các phân cách giầu nghèo, về nền chuyên chế của tiền bạc, nhưng ngài đâu cần phải có một chủ trương kinh tế đặc thù như "tân tự do", duy xã hội hay gì gì đó để hiểu rằng cả Chúa Giêsu nữa cũng đã chỉ trích sự phân cách giầu nghèo và nền chuyên chế của tiền bạc. Nền chuyên chế của tiền bạc được Người đề cập một cách rõ rệt hơn cả trong dụ ngôn người giầu có ngu ngốc (Lc 12:13-21) trong khi dụ ngôn người giầu có và người nghèo Ladarô (Lc 16:19-31) nói rất hay về khoảng cách giầu nghèo. Nhưng có nhân vật nào bị mô tả là tân tự do hay duy xã hội đâu! Họ chỉ là những con người để tiền bạc thống trị đời họ. Điều này xẩy ra dưới bất cứ hệ thống kinh tế nào, dù đó là hệ thống tốt nhất.

Khi giải thích con bò vàng trong Xh 32 như lời chỉ trích "chủ nghĩa nhà nước" chứ không phải các ngẫu tượng, Bowyer đã đi quá trớn. Đã đành, mọi thực thể chính trị tại Cận Đông xưa, đúng hơn, trên toàn bộ thế giới cổ thời, đều có liên hệ với các thần minh. Hồi ấy, không hề có sự phân biệt giữa Ai Cập và các thần minh của Ai Cập, không hề có sự phân biệt giữa Thiên Chúa của Israel và Israel. Nhưng ta hãy trở về với con bò vàng. Xh 32:1 cho ta hay: dân muốn Aaron "làm cho chúng tôi các thần minh để các ngài đi trước chúng tôi". Trong XH 32:4, Aaron nói về các con bò vàng: "Hỡi Israel, đây là các thần minh của các ngươi, những vị đã dẫn các ngươi ra khỏi đất Ai Cập". Các thần minh này không nhất thiết là biểu tượng của Ai Cập, hay ngay cả ý muốn trở lại Ai Cập, nhưng là những biểu tượng sai lạc về Thiên Chúa, những biểu tượng mà họ nghĩ đã giải phóng họ khỏi ách nô lệ và đói khát của Ai Cập, vì họ đã đánh mất niềm tin vào Thiên Chúa chân thật. Bộ Tân Chú Giải Thánh Kinh Jerome cho ta hay: "thờ phượng những ngẫu thần này là vi phạm điều răn thứ nhất (Xh 20:2-

7)… Trong tranh ảnh của Cận Đông xưa, bò được vẽ rõ ràng hoặc như biểu tượng của các thần minh, như Thần Bò (Bull El) trong bản văn Ugaritic, hoặc như những con vật với các thần minh đứng trên lưng. Dưới mắt dân chúng, các hình tượng này tượng trưng cho Giavê (do đó, một bàn thờ đã được dựng lên cho chúng), ngược hẳn lại truyền thống vô ảnh tượng của Israel" (số 59). Bất kể người Do Thái nghĩ những hình tượng này biểu tượng cho điều chi, cho các thần minh khác, cho Giavê, hay cho ngai tòa Giavê ngự, thờ phượng chúng đều sai lầm như nhau. Tiền bạc cũng là một thứ bò vàng nếu nó được thờ phượng thay vì Thiên Chúa chân thật và hằng sống. Lòng yêu quí tiền bạc này vượt trên mọi hệ thống chính trị, nhưng bất cứ khi nào và nơi nào nó trở thành ngẫu tượng, Đức Phanxicô đều có lý để phê phán nó.

Cuối cùng, điều đáng nói ở đây là người ta không cần phải dựa vào tạp chí Forbes để học hỏi Thánh Kinh vì trong lãnh vực này, Jerry Bowyer "non est audiendus" (không cần phải được nghe). Cũng thế, ta cần lắng nghe Đức Phanxicô khi ngài nói tới tiền bạc, giầu nghèo và Thánh Kinh; còn chuyện kinh tế, xin miễn, chuyện ấy là việc của các chuyên viên.

Viết theo John. W. Martens, Bible Junkies 23-05-2013

Một trăm ngày đầu của Đức Phanxicô

(Ngày 19/06/2013)

Đức Phanxicô sắp trải qua 100 ngày đầu tiên trong cương vị Cha Chung của chúng ta. Việc khởi đầu triều giáo hoàng của ngài đã lôi cuốn rất nhiều chú ý và cho thấy nhiều phương cách mới trong việc thừa hành vai trò lãnh đạo Giáo Hội Phổ Quát. Người ta thích thú theo dõi câu truyện đầy bất ngờ của ngài. Có thể nói: Hoa Thịnh Đốn vừa phấn khích vừa chấn động trước cuộc bầu cử nhanh chóng, không cần vận động, không ứng cử viên, không cố vấn không cả quảng cáo, và những thăm dò kết quả chỉ là những làn khói đen hay trắng thoát ra từ ống khói.

Tại một cuộc bàn luận về vị tân giáo hoàng tại đại học Harvard, khi được hỏi phải phản ứng ra sao trước hiện tượng mới lạ này, một nhà xuất bản Hoa Kỳ đã cho hay: nếu phải viết một cuốn sách về hiện tượng này, chương đầu của ông sẽ là việc từ nhiệm của một vị giáo hoàng lần đầu tiên trong 600 năm. Chương hai sẽ tập chú vào vị linh mục dòng tên 76 tuổi chuyên đáp xe buýt đi làm trong tư cách tổng giám mục Buenos Aires. Chương ba sẽ là câu truyện cơ mật viện bầu giáo hoàng, trong đó, vị linh mục dòng Tên này đã được bầu và lấy tên Phanxicô để bày tỏ quyết tâm vì người nghèo, vì hòa bình và vì môi sinh. Chương bốn sẽ tường trình những ngày đầu của vị tân giáo hoàng, người xin dân chúng cầu cho mình được chúc lành trước khi chúc lành cho họ, người đã từ chối không dọn vào nơi Tông Điện và Thứ Năm Tuần Thánh đã vào nhà tù rửa chân cho các tù nhân, trong đó có phụ nữ và người Hồi Giáo…

Nhiều người theo dõi câu truyện của ngài với một thái độ ngưỡng phục. Những bài giảng lễ dựa vào Sách Thánh mỗi sáng của ngài quả là nguồn thách thức và phong phú hóa thiêng liêng, chúng vừa khiêu khích vừa tràn trề hy vọng. Sau 100 ngày, Hoa Thịnh Đốn thường tự hỏi chức vụ đã thay đổi người nắm giữ nó ra sao, liệu nhà tân lãnh đạo có khả năng thực hiện bất cứ một thay đổi thực sự nào không và buổi khởi đầu này hứa hẹn gì đối với tương lai. Thiển nghĩ những suy nghĩ sau đây có thể trả lời cho thắc mắc ấy.

Những quan sát buổi đầu

1. Đức Phanxicô đang thay đổi Vatican, chứ không ngược lại. Cho đến nay, Đức Phanxicô đang thay đổi cách thi hành trách nhiệm của một vị giáo hoàng, hơn là bị các trách nhiệm này thay đổi. Ngài cưỡng lại việc bị cô lập và nhấn mạnh tới ý muốn được gần gũi với tân hội đồng gồm 8 vị Hồng Y, với những người cùng sống tại nhà khách, cùng ăn với họ, được điện đàm với các bạn cũ, được gặp gỡ thường xuyên những người ngài phục vụ, nhất là người nghèo và yếu thế. Đức Phanxicô đang thích ứng các lề thói của ngôi vị giáo hoàng theo cung cách mục vụ của ngài, hơn là ngược lại.

2. Cho đến nay, giáo hoàng của mọi người… Đức Phanxicô đang thay đổi lớn lối người ta nhìn ngôi vị giáo hoàng và Giáo Hội. Ngày 14 tháng 6 vừa qua, *Real Clear Religion*, một trang mạng dẫn ta tới nhiều bài báo và phân tích về tôn giáo, đã đăng tải bài *Pope Francis Is Good for Jews* của Francis Rocca trên tờ Wall Street Journal và bài *Pope Francis Is Good for Protestants* của Chris Nye trên tờ Relevant Magazine. Mấy ngày sau, lại có bài *He's Our Francis, Too* của Timothy George trên ấn phẩm lớn của Tin Lành Christianity Today. Những nhận định kiểu này về ngôi vị giáo hoàng và Giáo Hội không hẳn là chuyện thông thường trong những năm gần đây. Chỉ bằng việc ngài là ai, ngài hành động ra sao, ngài nói năng những gì, Đức Phanxicô đang giúp mọi người, kể cả Công Giáo lẫn không Công Giáo, nhìn Giáo Hội và sự lãnh đạo của vị giáo hoàng một cách rất khác và rất tích cực. Thực vậy, nhiều người cho hay họ quay về với Giáo Hội vì cảm thấy được Đức Phanxicô chào đón và khuyến khích.

3. Biểu tượng là bản chất. Đức Phanxicô là một người có phong thái đơn giản nhưng lời lẽ lại mạnh mẽ. Biểu tượng vốn là thực chất trong một Giáo Hội bí tích. Nơi ngài sống, quần áo ngài mặc, điểm ngài chủ trương, cách ngài nói, cách ngài vươn tới người khác chứng tỏ cách phục vụ đầy khiêm hạ của ngài trong tư cách Giám Mục Rôma. Các câu truyện về khía cạnh này khá nhiều: trao ghế ngồi và bánh *sandwich* cho một vệ binh Thụy Sĩ; dừng chân để trả tiền trọ và lấy hành lý tại khách sạn; điện thoại để hủy mua báo tại quê nhà; yêu cầu đồng bào Á Căn Đình đừng tới Rôma dự lễ đăng quang, để dành tiền cho người nghèo; và cảm động hơn cả là rửa chân cho các tù nhân trẻ vào Ngày Thứ Năm Tuần Thánh.

4. Quyền lực là phục vụ. Ngay từ bài giảng lễ đầu tiên, Đức Phanxicô đã nhấn mạnh rằng "quyền lực chân chính là phục vụ" và trách nhiệm của ngài là "mở rộng vòng tay để che chở mọi người dân Chúa và âu yếm ôm lấy toàn thể nhân loại, nhất là những người nghèo khổ nhất, yếu đuối nhất, và kém quan trọng nhất". Không đoàn tùy tùng, không vệ sĩ bảo vệ và không cả một chiến lược truyền thông vĩ đại, chỉ là một mục tử hoàn cầu trên một diễn đàn mới để chia sẻ tin, cậy, mến.

5. Cái tên bao hàm điều gì? Trong các diễn văn, các bài giảng và nhiều sáng kiến khác, Đức Phanxicô luôn đặt người nghèo vào tâm điểm sứ vụ của ngài và sinh hoạt Công Giáo. Ngài luôn đề cao giá trị nhân bản của người nghèo, nhiệm vụ của ta phải bảo vệ cuộc sống và phẩm giá của họ, trách nhiệm của Giáo Hội phải ra ngoài lề cuộc sống để hiện diện và chăm sóc "những người nghèo nhất, yếu đuối nhất và ít quan trọng nhất". Đây là một biểu lộ giáo huấn Công Giáo, chứ không để đánh trống lảng. Việc Đức Phanxicô nhấn mạnh tới ưu tiên dành cho người nghèo chỉ là một phát biểu can đảm đối với giáo huấn bị nhiều người làm ngơ của Đức Bênêđíctô trong *Deus Caritas Est* và *Caritas in Veritate*. Các ngôn từ mạnh mẽ của ngài về "chủ nghĩa tư bản man rợ" và sự dửng dưng đối với người nghèo chính là các ứng dụng giáo huấn Công Giáo truyền thống được nói lên từ một mục tử đầy nhiệt tình mà tâm hồn dành hết cho người nghèo và đôi chân luôn rảo khắp vùng tối tàn của họ.

6. Lời lẽ đơn sơ mang theo sứ điệp mạnh mẽ. Các phóng viên báo chí rất thích trích dẫn các ngôn từ khiêu khích, đầy thách thức của Đức Phanxicô. Chúng chuyên chở nguyên tắc luân lý và một lòng say mê chân thực. "Chiến tranh là cuộc tự sát của nhân loại vì nó sát hại trái tim, sát hại tình yêu". "Thực phẩm ta phí phạm là thực phẩm ta ăn cướp của người đói khát". "Việc thờ phượng bò vàng xưa tìm được hình ảnh mới và vô tâm nơi việc tôn thờ tiền bạc và nền độc tài kinh tế không mặt mũi". "Giáo Hội là một người mẹ, chứ không phải người giữ em"… Giáo Hội không phải là một tổ chức, nhưng là "một truyện tình". Cảnh báo chống lại "cuộc sống buồn thảm của các Kitô hữu mê ngủ… các người Công Giáo nằm trên đống khoai… các Kitô hữu chỉ sống đủ tốt".

Và hẳn giới truyền thông phải cảm phục khi ngài cho rằng "cả người vô thần" cũng được Chúa Kitô cứu chuộc.

7. Đức Phanxicô không chịu thu mình. Đức Phanxicô bất chấp các phạm trù chính trị, ý thức hệ và Giáo Hội đã thành ước lệ. Ngài không làm tuyên úy cho bất cứ phe phái đặc thù nào, nhưng làm nhà lãnh đạo phổ quát nhằm thách thức mọi người chúng ta để qua bên mọi thiên kiến có tính ý thức hệ và các sở thích chính trị để xem sét như mới mọi thách đố của ta bằng lăng kính Tin Mừng và giáo huấn Công Giáo. Như mọi người đều biết, Đức HY Bergoglio từng thách thức các cám dỗ Mácxít nơi một

số yếu tố của thần học giải phóng; và ngài cũng không e ngại thách thức các yếu tố của "chủ nghĩa tư ban man rợ" từng loại bỏ không biết bao nhiêu con người. Đức Phanxicô cũng lên án chủ nghĩa duy tương đối vốn làm rỗng ý nghĩa đức tin và ủng hộ một xã hội đang đánh mất nền tảng luân lý của nó. Ngài cũng bác bỏ chủ nghĩa chính thống cực đoan (fundamentalism) "không muốn thay đổi" và những ai "chỉ muốn vặn ngược đồng hồ" và khư khư tìm cách "thuần hóa Chúa Thánh Thần". Ngài đả phá chủ nghĩa duy tục chủ trương ta có thể xây dựng một xã hội tốt đẹp mà không cần có Thiên Chúa, và chủ nghĩa duy vật, là chủ nghĩa cho rằng xã hội được đo lường bởi cái ta có hay sản xuất chứ không bởi cung cách ta chăm sóc cho nhau, nhất là chăm sóc người nghèo và người yếu thế.

8. Vấn đề căn tính. Giáo Hội không phải là một tổ chức khác nữa để làm điều thiện, mà là thân thể Chúa Kitô. "Ta có thể xây dựng nhiều thứ, nhưng nếu ta không tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô, mọi thứ ấy đều vô ích. Ta chỉ có thể trở thành một cơ chế nhân đạo phi chính phủ, chứ không phải là Giáo Hội". Ngài luôn nhấn mạnh sự kiện Chúa Kitô chịu đóng đinh và sống lại như là tâm điểm của việc phục vụ và làm chứng của Kitô hữu.

9. Quỷ vẫn lẩn quẩn quanh đây. Quỷ cũng không được làm ngơ trong các sứ điệp của Đức Phanxicô. Ngài là người của hy vọng, nhưng không quá lạc quan tếu. Có sự hiện diện của ma quỷ trong thế gian và trong cuộc sống ta và chúng bắt nguồn từ Satan. Đức Phanxicô nhấn mạnh rằng "bi quan, yếm thế và vu vạ phát xuất từ Sa tan" và nhắc nhở ta "ma quỷ luôn đánh lừa ta".

10. Các nguyên tắc nền tảng luôn quan trọng. Đức Phanxicô nhắc nhở Tổng Giám Mục Canterbury và tất cả chúng ta rằng hợp nhất đòi ta phải "phát huy các giá trị Kitô Giáo trong một thế giới xem ra có lúc đã hoài nghi một số nền tảng của xã hội, chư việc tôn trọng tính thánh thiêng của sự sống con người hay tầm quan trọng của định chế gia đình xây dựng trên hôn nhân".

11. Thực hiện các nối kết. Đức Phanxicô nối kết các ưu tiên và nguyên tắc trong khi người khác chia rẽ chúng. Vào cuối tuần qua, khi cử hành Tin Mừng Sự Sống, ngài kêu gọi bảo vệ trẻ chưa sinh và người nghèo, coi việc này như minh chứng cho cam kết của ta đối với sự sống. Ngài nói rằng "mục đích của kinh tế và chính trị là phục vụ nhân loại, bắt đầu với những người nghèo nhất và yếu thế nhất bất cứ họ ở đâu, ngay cả ở trong bụng mẹ. Mọi lý thuyết kinh tế và chính trị hay hành động đều phải nhằm cung cấp cho mỗi cư dân của địa cầu những điều tối thiểu để họ sống trong nhân phẩm và tự do, có khả năng hỗ trợ một gia đình, giáo dục được con cái, ca ngợi được Thiên Chúa và phát triển được tiềm năng nhân bản riêng của họ".

12. Xây cầu, đừng xây tường. Đức Phanxicô tìm cách bắt tay và thuyết phục, tìm kiếm người hồi tâm, chứ không tìm kiếm người lạc đạo. Ngài nói với các nhà báo của tờ Civilta Cattolica: "trách vụ chính của anh chị em không phải là xây tường mà là xây cầu". Ngài bảo: "qua đối thoại, ta luôn có thể tới gần sự thật, vốn là hồng ân của Thiên Chúa, và làm giầu cho nhau… Điều chủ yếu là hãy mở lòng và trí ra… Ngay cả Giáo Hội, khi trở thành chỉ biết hướng về mình, sẽ trở nên bịnh hoạn và già cỗi".

13. Đừng giáo sĩ hóa tầng lớp giáo dân. Nhiều năm qua, lúc nào Đức Phanxicô cũng nhấn mạnh tới ơn gọi làm muối, ánh sáng và men bột của người giáo dân giữa trần gian. Ngài vốn nói rằng "Ta thường hay tập chú vào… cung thánh, hơn là đem Tin Mừng cho thế gian". Ơn gọi của giáo dân là "sống và truyền bá đức tin nơi gia đình, nơi làm việc, nơi trường học, nơi chòm xóm của họ và ngoài các phạm vi ấy nữa… là thành men tình yêu Chúa giữa lòng xã hội… Người giáo dân có nhiệm vụ sáng tạo và gieo vãi hy vọng, công bố đức tin, không phải từ tòa giảng mà từ… cuộc sống hàng ngày".

14. Không có chỗ cho người ca thán, bép xép hay bon chen. Đức Phanxicô không có giờ cho "ông hay bà ca thán" hay "những Kitô hữu sầu muộn, mặt mũi lúc nào cũng giống những trái ớt ngâm dấm hơn là tươi vui". Đối với ngài, phúc âm là "tin vui" và ta phải tỏ ra niềm vui ấy. Ngài cũng không có giờ cho những "niềm vui đen tối của bép xép (gossip)" và cãi cọ nhau giữa các tín hữu. Ngài gọi kiểu tấn công nhau này là "cơ chế xấu xa". Ngài nhắc nhở ta "đừng nói xấu lẫn nhau. Đừng bôi xấu lẫn nhau. Đừng hạ thấp lẫn nhau". Theo ngài, "cuối cùng, ta vẫn là những người cùng đi một con đường". Đức Phanxicô liên tiếp cảnh giác tham vọng của giáo sĩ: "duy nghề nghiệp là phong cùi".

15. Những người ý thức hệ miễn nạp đơn. Một khai triển ai cũng có thể đoán được trong 100 ngày đầu này là cơn cám dỗ muốn dành Đức Giáo Hoàng cho thứ Công Giáo riêng của mình… là nhà tranh đấu xã hội hay Công Giáo tin lành, là chiến sĩ văn hóa hay người cổ vũ đối thoại, là nhà cải cách hay nhà chấp pháp. Trước đây, câu hỏi chủ yếu là liệu ta có đồng ý với Đức Giáo Hoàng hay không, nay thì liệu Đức Giáo Hoàng có đồng ý với ta hay không. Nhiều người cố gắng giải thích "mất tiêu" việc ngài tha thiết đồng hóa với người nghèo và việc ngài thẳng thừng lên án nền kinh tế hoàn cầu từng bỏ rơi không biết bao nhiêu con người. Nhiều người khác cho rằng tất cả những chuyện công bằng xã hội đều tốt, nhưng liệu ngài có chịu thay đổi giáo huấn về phá thai và hôn nhân đồng tính hay không? Đức Phanxicô không hề làm tuyên úy cho bất cứ phe phái nào, cũng không làm người cổ vũ mua vui (cheerleader) cho bất cứ nghị trình chính trị nào. Thực thế, ngài không có giờ cho những người ý thức hệ, luôn cố tình "sai lạc hóa Tin Mừng… kết cục thành những nhà trí thức vô tài, những nhà đạo đức bất lương. Và thậm chí đừng nói đến cái đẹp, vì họ không hiểu nó chút nào". Ngài cảnh cáo những ai kình chống Vatican II, những người "không muốn thay đổi" và chỉ "muốn vặn ngược lại đồng hồ". Ngài cũng cảnh cáo những ai muốn làm rỗng bản chất đức tin, thay thế cầu nguyện bằng "tắm gội vũ trụ", thay thế việc thực sự gặp gỡ Chúa Kitô bằng việc "rẩy phun thần minh" (god-spray), và hạ thấp đức tin để được người đời tiếp nhận.

16. Đi ra bên lề. Chủ đề nổi bật của 100 ngày đầu này là nếu tự hướng về chính mình, Giáo Hội sẽ sinh bịnh. Theo Đức Phanxicô, "một Giáo Hội mà không ra ngoài, sớm muộn gì, cũng sinh bịnh vì bị khép kín… Điều cũng đúng là ra ngoài phố sẽ gặp nguy cơ bị tai nạn, nhưng nói cho ngay, tôi thích một Giáo Hội bị tai nạn một ngàn lần hơn một Giáo Hội bị bịnh". Đức Phanxicô kêu gọi Giáo Hội phải ra khỏi chính mình, phải sẵn sàng đón nhận nguy hiểm khi công bố Tin Mừng và bênh vực người nghèo và người yếu thế. Tai nạn là điều chịu đựng được; thái độ và tác phong "tự qui về chính mình" (self-referential)" thì không thể khoan dung.

Dự phóng tương lai

Trước mặt là nhiều quyết định và thách thức quan trọng. Ta biết sắp tới sẽ có hai thông điệp. Đức Phanxicô đang hoàn tất thông điệp về đức tin của Đức Bênêđíctô XVI. Chính ngài sẽ viết thông điệp riêng về người nghèo, một thông điệp sẽ rõ ràng thách thức thái độ im lặng nặng nề của ta xưa nay về người nghèo trong sinh hoạt công. Việc ngài trở lại Châu Mỹ La Tinh chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới sẽ là một biến cố và là một thử nghiệm lớn lao. Tương lai không ai đoán được, nhưng ngay bây giờ ta có thể thấy trước một vài phác thảo của con đường trước mặt:

Hợp tác chứ không cô lập: Đức Phanxicô không chịu cô lập. Ngài tìm tham khảo và hợp tác. Ngài đã chọn cho mình nhóm "bát nhân bang" Hồng Y để giúp ngài lãnh đạo Giáo Hội, cố vấn cho ngài cải cách và làm cho Giáo Hội tiến lên phía trước. Phiên họp đầu tiên vào tháng mười sắp tới vừa có tính khai phá vừa có tính tiếp diễn.

Nhân sự là chính sách. Nếu biểu tượng là bản chất, thì ngài chọn ai để cầm đầu các sở bộ Vatican sẽ là điều quyết định đối với việc định hướng, định ưu tiên và bầu khí chung cho tương lai Giáo Hội. Đức Phanxicô chưa khởi sự bổ nhiệm các vị chức sắc cho các vai trò chủ chốt này. Nhiều người chú y tới việc bổ nhiệm Quốc Vụ Khanh. Tuy nhiên, các chọn lựa quan trọng nhất là chọn lựa các vị sẽ là giám mục để lãnh đạo các Giáo Hội địa phương. Nhiều giáo phận lớn của Hoa Kỳ đang chờ mong giám mục mới. Vị nào sẽ là "giám mục của Đức Phanxicô" đây để dẫn dắt các giáo phận này hướng tới tương lai?

Các nữ tu đâu phải chuyện đùa. Nói đến Hoa Kỳ, người ta nghĩ ngay đến thử nghiệm lớn của Đức Phanxicô trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng của Hội Đồng Lãnh Đạo Các Nữ Tu (LCWR). Nhiều người tại đây coi các sáng kiến từ trước đến nay của Vatican dường như đang tấn công vào lòng trung thành, việc làm và tư cách thành viên của các cộng đồng nữ tu vốn đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của nhiều người Công Giáo. Phần lớn các giáo dân đang nghiêng về phía các nữ tu. Các dấu hiệu từ trước đến nay chưa được rõ ràng. Tuy nhiên, có tường trình cho hay trong một cuộc gặp gỡ các nữ tu Châu Mỹ Latinh, Đức Phanxicô tỏ ra muốn có tập chú mới về cuộc khủng

hoảng này. Đây là điều khó có thể làm ngơ, vì nó có ý nghĩa biểu tượng đối với việc Giáo Hội xử lý phụ nữ.

Cải tổ: ai phục vụ ai? Dù sao, đức tân giáo hoàng cũng có sứ mệnh phải cải tổ Giáo Triều Rôma một cách đáng kể. Vấn đề căn bản là: Đức Thánh Cha trông vào ai để thực sự dẫn đạo Giáo Hội tiến lên: các giám mục tại các giáo phận địa phương và trong các hội đồng quốc gia và miền, hay trưởng các bộ sở tại Rôma? Nhiều người nhấn mạnh rằng các bộ sở ở Rôma thường hay hành động như những cơ quan đầu não coi thường và hay ra lệnh lạc trịch thượng cho các quản trị viên chi nhánh ở địa phương. Các chỉ trích loại này thường cáo buộc rằng khuynh hướng tập trung quyền hành này dẫn tới việc thiếu phối hợp trầm trọng giữa các bộ sở Vatican, thiếu tham khảo trong các vụ bổ nhiệm giám mục, các cuộc điều tra bất ngờ và nhiều diễn trình có những thách thức không ai tiên đoán. Họ cũng cho rằng các thượng hội đồng và các cơ phận tham vấn khác đã trở thành những nghị trường chán ngắt cho những bài diễn văn 5 phút với thật ít lắng nghe và thảo luận về các vấn đề quan trọng như giáo sĩ lạm dụng tình dục, tự do tôn giáo, thế tục hóa, tranh chấp và nghèo khó hoàn cầu. Quyết định chủ yếu là liệu các cơ chế của Vatican có đó để phục vụ Giáo Hội Hoàn Vũ trong tính đa dạng và hợp nhất của nó hay các Giáo Hội địa phương phải phục dịch hay chịu trách nhiệm trước các cơ chế của Vatican.

Một giáo hoàng biết làm giáo hoàng

Về cuối thừa tác vụ của ngài, Đức Bênêđíctô XVI được nhận định như một giáo hoàng dạy dỗ. Đức Phanxicô, ngay từ đầu, xuất hiện như một mục tử rao giảng bằng lời và gương sáng. Đây chỉ là cách nói quá đơn giản. Thực ra, Giáo Hội của chúng ta luôn diễm phúc có được sự lãnh đạo tuyệt vời để công bố Tin Mừng và xây đắp Nhiệm Thể Chúa Kitô. Các Đức Gioan XXIII, Phaolô VI, Gioan Phaolô II và Bênêđíctô XVI đều đã sử dụng các hồng ân Chúa ban, lòng can đảm và trung thành bản thân để dạy dỗ, lãnh đạo, gợi hứng và phục vụ ở những thời điểm và trong nhiều cách thế khác nhau. Bài này không hẳn nói về thế giá hay năng lực, mà chỉ mô tả cách Đức Tân Giáo Hoàng lãnh đạo Giáo Hội trong thời buổi nhiều thách thức này mà thôi. Đức Phanxicô đã vươn tới những người ngài phục vụ, bênh vực người nghèo, công bố Tin Mừng một cách minh bạch và đầy tin tưởng, áp dụng nó vào các thách đố hàng ngày của ta và cảnh giác ta khỏi tính vị kỷ và xu hướng tội lỗi. Một thí dụ rõ ràng, ngài đã kết án những ai coi bí tích như phần thưởng cho tác phong tốt, chứ không phải máng chuyển ơn thánh Chúa; ngài nhấn mạnh rằng những ai tới với phép rửa và phép hôn phối nên được chào đón, chứ không bị phán đoán. Đây là vị giáo hoàng xuất hiện đúng nghĩa "Đức Thánh Cha", vị mục tử thông minh, đầy chăm sóc và đơn sơ của giáo xứ hoàn vũ, người hàng ngày dạy dỗ ta bằng những gì ngài nói và làm. Ngài thách thức chúng ta sống thực "tin vui" của Chúa Giêsu Kitô một cách can đảm, vui tươi và khiêm nhường.

Một người không Công Giáo quan sát 100 ngày đầu này cho rằng "các ông có được một vị giáo hoàng biết làm giáo hoàng". Sau 100 ngày này, hiển nhiên ai cũng mong được thấy phần còn lại của câu truyện diễn tiến ra sao.

Nhìn lại 100 ngày đầu của Đức Phanxicô

(Ngày 29/06/2013)

Một trăm ngày đầu của các vị thủ tướng hay tổng thống thường được người ta chú ý. Đối với một định chế lâu đời như Vatican, hình như 100 ngày không phải là một thước đo bất cứ phương diện nào trong sinh hoạt của nó. Bởi thế, 100 ngày đầu của Đức Phanxicô lặng lẽ qua đi, ít được ai nhắc đến. Tuy thế, nó vẫn được hai nhà bình bút Hoa Kỳ xem xét.

Cha xứ của thế giới

John L. Allen Jr của NCR ngày 17 tháng 6 vừa qua gọi 100 ngày đầu của Đức Phanxicô là 100 ngày đầu của một cha xứ giáo xứ thế giới. Theo nhà bình bút này, các tâm lý gia cho rằng khi kinh nghiệm đi ngược lại mô thức của ta về thế giới, nó sẽ phát sinh ra hiện tượng rối loạn về nhận thức (cognitive dissonance). Lúc ấy, một là ta phải mài dũa lại sự kiện để nó phù hợp với mô thức hai là ta phải từ bỏ

mô thức của ta đi, để khỏi phải sống trong cảnh mù mờ triền miên. Ông cho rằng ngã ba đường đó đang là ngã ba đường của thế giới Công Giáo sau 100 ngày đầu của triều giáo hoàng Phanxicô.

Cứ chiếu theo lệ thường, thì mặt tiền Vatican hiện hết sức êm lặng. Cho đến nay, Đức Phanxicô mới chỉ công bố một động thái mạnh bạo về chính sách, đó là việc cử nhiệm, vào tháng Tư, tám vị Hồng Y khắp thế giới làm "nội các nấu nướng" cho ngài. Tuy nhiên, phiên họp đầu tiên của "nội các" này đến mãi tháng Mười mới diễn ra. Nếu kể cả công bố vào ngày 24 tháng 6 về việc thành lập Ủy Ban Tham Chiếu Giáo Hoàng Về Viện Các Công Trình Tôn Giáo mà người ta thường gọi là Ngân Hàng Vatican nữa, thì cũng chỉ là động thái thứ hai.

Ngoài ra, cho tới nay, Đức Phanxicô đã cử nhiệm 48 tân giám mục và một số các viên chức hạng nhì của Vatican, nhưng phần đông là do những sắp xếp trước khi ngài lên ngôi giáo hoàng. Ngài cũng đã chấp thuận một số án phong thánh, thiết lập một số giáo phận mới, gặp gỡ một số quốc trưởng, nhưng không có gì ngoại thường. Ngài chưa công bố bất cứ văn kiện quan trọng nào về giáo huấn, và trừ Ủy Ban Tham Chiếu mới nhằm cải tổ, nếu cần, Ngân Hàng Vatican ra, chưa có quyết định nào về hướng cải tổ Giáo Triều, một điều được thiên hạ đồn thổi lâu nay.

Và cũng vì chưa có hành động nào "ngoạn mục" nên cũng chưa có gì tranh cãi lớn. Vào lúc này, Đức Phanxicô đang chuẩn bị cho chuyến đi Rio de Janeiro để chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới. Sau đó, Vatican bước vào cảnh lặng gió của mùa hè. Thành thử phải đến tháng Chín, họa may mới có động thái ngoạn mục như việc bổ nhiệm tân quốc vụ khanh chẳng hạn.

Allen bảo rằng, đối với thói thường, cho đến nay xem ra chỉ mới có sèo sèo chứ chưa có thịt nướng thực sự. Ấy thế nhưng xét cho tường tận, một cái gì đầy chấn động đang sắp sửa diễn ra. Đức Phanxicô đang lôi cuốn một quần chúng đông đảo khiến cảnh sát phải cấm xe cộ tại khu vực quanh Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô như trong các lễ phong thánh cho Mẹ Têrêxa hay cho Padre Pio. Các người bán buôn khắp Rôma đang tường trình những thu nhập lớn lao nhờ các món hàng kỷ niệm về Đức Phanxicô.

Khắp thế giới, có những tường trình đã thành dã sử về việc gia tăng số người tham dự Thánh Lễ và chạy tới tòa giải tội. Một thứ "hiệu quả Phanxicô" trông thấy. Các cuộc thăm dò, như cuộc thăm dò hồi giữa tháng Tư của Diễn Đàn Pew, cho thấy con số áp đảo những lời khen ngợi ngài và truyền thông hoàn cầu vẫn còn rất say mê vượt quá cả thời hạn trăng mật thông thường. Tất cả những định mức ấy cho thấy biến cố Janeiro vào tháng Bẩy này sẽ là một biến cố nổ bùng nhất xưa nay của "tiệc vui Công Giáo" trong thế kỷ 21.

Nói cách khác, với Allen, ngành Vatican học và tiếng dân (vox populi) hình như không đi đôi với nhau. Chìa khóa để giải quyết hiện tượng không đi đôi này có lẽ là đây: Đức Phanxicô xem ra cương quyết hành xử như một mục tử khiến cho mô thức đúng không phải là mô thức người ta quen dùng để đánh giá một nhà hành pháp cầm đầu. Đúng hơn, đó là cách người Công Giáo quen dùng để nghĩ về một cha xứ. Câu hỏi chính vì thế không phải là chính sách của ngài ra sao, mà liệu ngài có gợi hứng hay không.

Phong cách và bản chất

Allen cũng cho rằng 100 ngày đầu của Đức Phanxicô cho ta thấy rõ, khi đụng tới việc lãnh đạo thiêng liêng, phong cách đôi khi là chính bản chất thực sự. Đức Cha Jorge Eduardo Lozano của Gualeguaychú, Argentina, cho rằng quả là lầm lẫn khi người ta trông mong một giáo hoàng thực sự sẽ xuất hiện từ bên dưới những biểu hiệu lúc ban đầu của triều đại ngài. Thực ra, những biểu hiệu ấy chính là vị giáo hoàng thực sự rồi. Đức Cha Lozano vốn là bạn của Đức HY Jorge Mario Bergoglio, vì Đức HY là giám mục phụ tá của ngài tại Buenos Aires trong 6 năm.

Hồi giữa tháng Tư vừa qua, Đức Cha Loranzo cho hay: các biểu hiệu đó "nói lên huấn quyền của ngài". Huấn quyền ấy là "Hãy vươn tới người khác, đừng đợi họ tới với mình". Đối với Allen, sứ điệp này được biểu hiện qua bốn đặc điểm trong phong cách lãnh đạo của Đức Phanxicô: tính đơn giản,

lòng khiêm nhường, đứng ngoài chính trị và rất dễ lui tới với người dân thường.

Tính đơn giản

Trước khi được bầu làm giáo hoàng, một trong những điều ít ỏi người ta biết về Đức HY Bergoglio là ngài thường dùng xe điện để đi làm chứ không dùng xe hơi có tài xế, sống trong một căn hộ chứ không sống trong tòa giám mục lộng lẫy. Khi lên ngôi giáo hoàng, ngài vẫn duy trì lối sống đơn giản ấy: cuốc bộ trong Vatican, không dùng xe có bảng số đặc biệt SCV-1, sống tại Domus Sanctae Marthae chứ không tại Tông Điện.

Sự đơn giản ấy thường đi đôi với việc đặc biệt quan tâm tới cảnh nghèo và người nghèo. Ngày 16 tháng 3, ngài nói với một nhà báo tới Rôma theo dõi cơ mật viện bầu giáo hoàng rằng Giáo Hội phải là "Giáo Hội nghèo cho người nghèo". Ngài biến tinh thần liên đới với người nghèo này thành chính sách. Ngày 16 tháng Năm tại buổi trình ủy nhiệm thư của 4 đại sứ bên cạnh Tòa Thánh, ngài cảnh cáo rằng "trong khi thu nhập của một thiểu số người gia tăng theo cấp số nhân, thì thu nhập của đại đa số đang tuột dốc. Sự mất cân bằng này phát sinh từ các ý thức hệ cổ vũ tính tự lập tuyệt đối của thị trường và đầu cơ tài chánh, và do đó bác bỏ quyền kiểm soát của nhà nước, là định chế có nhiệm vụ chăm lo công ích"

Một tuần lễ sau, nhân viếng một nhà bếp cung cấp cháo cho người nghèo do Dòng Truyền Giáo Bác Ái điều hành, ngài kết án "chủ nghĩa tư bản tàn ác chuyên giảng dạy thứ luận lý học lợi lộc bất chấp điều gì… chuyên khai thác không hề nghĩ tới những con người".

Tính đơn giản cũng biểu lộ qua việc Đức Phanxicô thích dùng cử chỉ thay vì những tuyên bố cầu kỳ. Thay vì thuyết giảng về chức linh mục trong phụng vụ Thứ Năm Tuần Thánh, ngài đi rửa chân cho các tù nhân trẻ tại Casa del Marmo, trong đó có cả phụ nữ và người Hồi Giáo.

Việc bao gồm cả phụ nữ vào nghi thức rửa chân xem ra đi ngược với chỉ thị năm 1988 của Bộ Phụng Tự. Nhưng theo cha Lombardi, phát ngôn viên Tòa Thánh, việc đó được tính đơn giản biện minh: "cộng đoàn này (Casa del Marmo) chỉ hiểu những điều đơn giản và chủ yếu; họ không phải là các học giả phụng vụ. Rửa chân là điều quan trọng ở chỗ cho thấy tinh thần phục vụ và yêu thương của Chúa Kitô".

Lòng khiêm nhường

Nếu được thăm dò về các nhân đức của Dòng Tên, phần lớn người Công Giáo sẽ nhắc đến rất nhiều đức tính như thông thái, nhiệt thành, khả năng suy nghĩ rộng rãi, không chật hẹp, hăng say trong cánh đồng truyền giáo… Ít ai nghĩ tới lòng khiêm nhường của họ, vì họ vốn tự hào về các tài năng của mình.

Oái oăm thay, Đức Phanxicô lại là vị giáo hoàng Dòng Tên đầu tiên nhấn mạnh tới lòng khiêm nhường như đức tính xác định ra tư cách lãnh đạo trong Giáo Hội. Hôm ra mắt công chúng sau khi được bầu làm giáo hoàng, ngài yêu cầu công chúng cầu xin ơn lành của Chúa xuống trên ngài trước khi ngài ban phép lành cho họ. Điều này được giải thích như là lời yêu cầu họ chúc lành cho ngài trước, một cử chỉ đầy ý nghĩa cho tương lai.

Quả tình sau đó, Đức Phanxicô đã chối từ rất nhiều cách thức thông thường vốn tách biệt các vị giáo honàg ra khỏi quần chúng. Ngài tự gọi điện thoại cho ông chủ sạp báo ở Buenos Aires để hủy bỏ đơn mua báo, điện thoại cho người đóng giầy để đặt đôi giầy mới, bắt đầu điện đàm bằng cách tự giới thiệu "Jorge đây!". Ngài không cử nhiệm thư ký riêng, những người hành xử như người canh cửa và thông dịch viên, nhưng không thiếu những vị hành xử như các "phó giáo hoàng".

Một phần, các việc trên phản ảnh phong cách quản trị trực tiếp của ngài. Nhưng rõ ràng chúng cũng nói lên lòng khiêm nhường, muốn tự làm lấy những việc mà ngài thông thường vẫn làm. Khi tiếp ai đó tại Vatican, ngài có thói quen không ngồi trên ngai, đợi họ đến, mà rời khỏi bục, gặp khách ngang

tầm mắt và chào đón họ như người ngang hàng.

Lòng khiêm nhường cũng trở thành nét xác định ra triều giáo hoàng trên bình diện thần học và Giáo Hội học. Thí dụ, nhiều quan sát viên cho rằng việc ngài quyết định thành lập nhóm 8 vị Hồng Y giúp ngài quản trị cho thấy quyết tâm của ngài muốn có một phương cách thi hành thẩm quyền một cách có tính hợp đoàn và hợp tác hơn.

Không hẳn ai ai cũng đồng ý phương thức ấy. Người chuyên viết về phụng vụ người Ý là Mattia Rossi từng cho rằng đó là bước tiến nhằm "tiêu hủy ngôi vị giáo hoàng" vì nó thay thế ý niệm thẩm quyền do Chúa thiết lập bằng ý niệm hợp đoàn tính đầy mờ nhạt, và do đó, đã biến vị giáo hoàng từ người thứ nhất trên các người cùng hàng thành người thứ nhất giữa những người cùng hàng.

Đó có lẽ chính là ý hướng của Đức Phanxicô khi ngài ít xưng mình là giáo hoàng, nhưng là "giám mục Rôma", vừa tránh âm hưởng vua chúa, vừa đi sâu đi sát nguồn gốc lịch sử hơn. Nhiều chuyên viên đại kết tin rằng lòng khiêm nhường của Đức Phanxicô sẽ dọn đường tạo tiến bộ cho việc hợp nhất Kitô Giáo, vì điều mà họ cho là sự ngạo mạn của giáo hoàng vốn là viên đá chặn đường đại kết.

Linh mục Dòng Capuchin William Henn, một nhà đại kết học nổi danh hiện giảng dạy tại Đại Học Gregorian ở Rôma, nhận định rằng "với Đức Phanxicô, tôi nghĩ các Kitô hữu khác sẽ thấy rõ hơn việc thừa tác vụ giám mục là để phục vụ hiệp thông, và sẽ cởi mở hơn đối với nó".

Đứng ngoài chính trị

Dù cố gắng bao nhiêu, các nhà lãnh đạo tôn giáo cũng khó có thể đứng trên chính trị. Nhất là các vị giáo hoàng, vì Giáo Hội Công Giáo vốn có một giáo huấn xã hội hết sức bao quát với nhiều hậu quả chính trị. Chính Đức Phanxicô cũng đã nói nhiều điều liên quan tới chính trị. Ngoài các nhận định về kinh tế ra, ngài còn nói về việc bảo vệ môi sinh, gọi chiến tranh là "cuộc tự sát của nhân loại"…

Hiện không có dấu chỉ nào cho thấy Đức Phanxicô sẽ dẫn Giáo Hội ra khỏi các quan tâm truyền thống về chính trị. Ấy thế nhưng, các quan sát viên đều tin rằng đây không phải là vị giáo hoàng hễ tỉnh ngủ là nghĩ tới chính trị. Sau cuộc bỏ phiếu ngày 10 tháng Tư vừa qua tại Uruguay nhằm hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính, không một nhận định nào của Đức Phanxicô hay của các phụ tá cao cấp đã được nói ra, dù Uruguay là nước thứ ba của Châu Mỹ La Tinh nhìn nhận loại "hôn nhân" này, một sự kiện mà các quan sát viên tin rằng sẽ thúc đẩy các quốc gia khác trong vùng mô phỏng, vùng vốn là quê hương của ngài.

Điển hình hơn là tại Ý, nơi người ta vẫn nghĩ về các giám mục như những người nặng ký về chính trị. Nhưng trong diễn văn với Hội Đồng Giám Mục của nước này vào ngày 23 tháng Năm, ngài không nói một chữ về chính trị hay bất cứ việc gì liên quan tới quốc hội Ý.

Thái độ trên làm cho Đức TGM Luigi Negri của giáo phận Ferrara-Comacchio, một ủng hộ viên tích cực của Phong Trào Hiệp Thông và Giải Phóng, một phong trào được coi như có truyền thống hoạt động mạnh nhất trong chính trường Ý, phải nói rằng "tôi không tin ta cần phải tự chế trong việc lên tiếng khi các giá trị của ta bị đe dọa" tuy nhiên, vì phong thái mới của Đức Phanxicô, "có lẽ chúng ta cần thay đổi phương thức hành động của ta". Theo ngài, điều ấy có nghĩa các giám mục nên đứng ngoài để các giáo dân hành động. "Sự tự lập của giáo dân cần được kính trọng".

Dễ dàng lui tới

Trong các ngày đầu triều đại của Đức Phanxicô, người ta thường nói đùa với nhau rằng những người duy nhất ở Rôma không bị vị tân giáo hoàng "mê hoặc" là các nhân viên an ninh, những người khốn khổ lắm mới bảo vệ được ngài. Một nhân viên an ninh nói với tờ La Stampa ngày 18 tháng Ba: "chúng tôi hy vọng sau những ngày đầu tiên này, mọi sự sẽ trở thành bình thường. Nếu không, ngài sắp làm mọi người điên lên được!"

Ông ta nói thế nhân dịp Đức Phanxicô tới cử hành Thánh Lễ tại nhà thờ Thánh Anna vào ngày 17 tháng Ba. Sau Thánh Lễ, ngài ra ngoài nhà thờ gặp dân chúng, bế trẻ em, bắt tay, chuyện trò, cười nói thật thoải mái với mọi người. Chính hôm đó, báo chí Ý gọi ngài là "cha xứ của thế giới".

Ý muốn không tách mình ra khỏi các kinh nghiệm thường ngày là một đặc điểm nổi bật trong các ngày đầu tiên của Đức Phanxicô. Ngài điện thoại nói chuyện với bạn bè và các nguồn khác để biết tình hình của Giáo Hội ngay tại các khu vực của họ. Tính dễ lui tới nơi ngài cũng bao gồm việc sử dụng ngôn từ tự do, không soạn sẵn, khiến nhiều nhà thần học vụ tinh ròng (purist) lo ngại. Họ muốn thà nhiều lời còn hơn chỉ một chút thiếu chính xác.

Ngài cũng ưa sử dụng các ngôn từ bình dân để chuyên chở chủ điểm của mình. Thí dụ, ngày 10 tháng Năm, ngài so sánh các Kitô hữu ủ rũ như những "trái ớt ngâm dấm". Ngày 18 tháng Năm, ngài bảo thói bép xép trong Giáo Hội giống như ăn mật ong: bắt đầu thì ngọt ngào nhưng ăn nhiều sẽ đau bụng.

Các bài giảng hàng ngày của ngài tại Domus Sanctae Marthae không hề là những tiểu luận có hệ thống, nên được nhiều người giải thích rất khác nhau. Người bảo thủ mừng vui khi ngài sử dụng các thuật ngữ truyền thống như việc ngài năng nhắc tới ma quỉ. Nhưng họ không hài lòng bao nhiêu, khi ngài bảo người vô thần cũng được Chúa Kitô cứu chuộc. Người cấp tiến mừng vui khi ngài chỉ trích "những người muốn vặn ngược đồng hồ" đối với các cải cách của Vatican II.

Dù thế nào, ngài cũng nhất quyết không để cho mối lo bị giải thích sai làm ngài ngưng việc tiếp tục hành xử như một mục tử. Và vì thế, các viên chức Vatican mỗi sáng thức dậy đều tự hỏi không biết hôm nay họ sẽ gặp được ngạc nhiên gì từ vị giáo hoàng ưa ứng khẩu này.

Một cuộc hành trình đầy hấp dẫn

Tiến sĩ John Thavis (www.johnthavis.com) cho rằng 100 ngày đầu của một vị giáo hoàng khác với 100 của các nhà lãnh đạo quốc gia, vì ngài suy nghĩ dài hạn, ít bị áp lực phải đưa ra các chương trình ngắn hạn. Chính vì thế ta chưa thấy một văn kiện, một bổ nhiệm hay một cải cách ngoạn mục nào trong 100 ngày đầu của Đức Phanxicô.

Tuy nhiên, ta vẫn có được một lượng suy nghĩ và truyền giảng lành mạnh từ vị giáo hoàng đầu tiên thuộc Dòng Tên này về đủ mọi chủ đề, từ chủ nghĩa duy nghề nghiệp của giáo sĩ tới việc làm tay chân nặng nhọc. Vả lại, cũng như Allen, Thavis cho rằng nơi Đức Phanxicô, biểu tượng cũng là bản chất, vì các cử chỉ của ngài nói lên rất nhiều, đối với bên trong cũng như bên ngoài Giáo Hội. Ông nhận diện một số định hướng sau đây:

1. Đức Phanxicô định vị triều đại giáo hoàng bên ngoài Giáo Triều

Thứ nhất, ngài chọn sống tại một nhà khách ít trịnh trọng hơn của Vatican, thay vì tại tông điện. Điều này rõ ràng có ý nghĩa vì địa dư rất quan trọng tại Vatican. Tông điện được bao quanh bởi các bộ sở của Giáo Triều; sống ở đó, ngài thấy mình bị cô lập hơn. Dù sao, ngài cũng là người của quần chúng.

Thứ hai, Đức Phanxicô đã thiết lập nhóm 8 Hồng Y (nay đã tăng lên 9) để góp ý với ngài về các vấn đề quản trị Giáo Hội và cải tổ Giáo Triều, trong đó, chỉ có một thành viên hiện thuộc Giáo Triều. Xem ra, ngài ít dựa vào các chức sắc bên trong Vatican, mà dựa nhiều hơn vào các giám mục thế giới để quản trị Giáo Hội.

Thứ ba, phần lớn các lời giảng dạy của Đức Phanxicô phát xuất từ các bài giảng lễ hàng ngày tại nhà khách của Vatican trong các bài giảng phần lớn ứng khẩu. Các viên chức Vatican không coi các bài giảng này là huấn quyền, nhưng vẫn cho công bố trọn bản văn. Có thể nói, những bài giảng nhiều ứng khẩu này không đi qua bộ máy bàn giấy thông thường, nên ít bị Giáo Triều kiểm soát.

2. Đức Phanxicô đã khởi sự cuộc "cải tổ" Vatican của ngài rồi bằng cách phúc âm hóa

Người tham dự các Thánh Lễ hàng ngày của Đức Phanxicô đều là các nhóm viên chức và nhân viên của Vatican, nên lời giảng của ngài đặc biệt nhắm vào họ. Theo chiều hướng này, cuộc cải tổ Vatican của Đức Phanxicô thực sự đã bắt đầu rồi. Không theo cách người đời mong đợi, qua việc bổ nhiệm các viên chức đứng đầu các bộ sở, dù việc này thế nào cũng xảy ra trong những ngày sắp tới. Thay vào đó, Đức Phanxicô đang phúc âm hóa Tòa Thánh. Ngài đặt cơ sở tâm linh cho cuộc cải tổ, bằng cách rao giảng Tin Mừng ngay trong "nhà mình".

3. Viễn kiến của Đức Phanxicô ít chú tâm tới căn tính nội bộ mà ngiêng nhiều về ảnh hưởng bên ngoài.

Ngài muốn Giáo Hội hiện diện trong cuộc sống của người ta. Đối với các linh mục, điều này có nghĩa phải đi gặp gỡ giáo dân, chia sẻ các vấn đề của họ. Đức Phanxicô mô tả điều ấy bằng một hình ảnh bất hủ: mục tử phải có "mùi của chiên". Đối với các giám mục, điều này có nghĩa phải chấm dứt chủ nghĩa duy nghề nghiệp. Ngài nói với các sứ thần tòa thánh: khi chọn ứng viên giám mục, nên tránh những người có tham vọng, mà chọn các mục tử gần gũi dân.

Đối với giáo dân, nó có nghĩa cương quyết sống Tin Mừng và công bố nó cách hân hoan bằng lời lẽ và bằng việc làm, nhất là đối với những ai đang đau khổ. Dù cần can đảm mới làm được, nhưng phúc âm hóa không hề là một gánh nặng.

4. Nghị trình công bình xã hội của Đức Phanxicô đang dần dần lên hàng ưu tiên

Những lời nặng nề thách thức nền kinh tế hoàn cầu hiện nay của ngài "ta đang sống trong một thế giới nơi tiền bạc thống trị… Tiền bạc không phải là hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa" cho thấy thông điệp "Phúc Cho Người Nghèo" mà ngài dự tính ban hành sẽ khó nhá đối với những người bênh vực nền kinh tế vô hạn chế của thị trường tự do.

Nhưng Tin Mừng kinh tế của ngài không chỉ nhắm các cơ quan quốc tế và các mối lái quyền lực. Ngài muốn Giáo Hội nhập thân mối quan tâm đối với người nghèo và người đau khổ. Ngài cũng cảnh giác các linh mục và giám mục phải chống lại sức cám dỗ của mô thức kinh doanh. "Công bố Tin Mừng phải đi theo đường nghèo khó". Ngài cho rằng thực hành điều mình rao giảng là chìa khóa để con người thời nay nhìn ra tính khả tín của Giáo Hội.

Tiến sĩ Thavis nghĩ rằng, ta đã vượt qua thời kỳ "trăng mật" thường tình, để bước vào một cuộc hành trình đầy hấp dẫn.

Ánh sáng đức tin sẽ chiếu soi thế giới

(Ngày7/7/2013)

Chủ đề ánh sáng nổi bật trong thông điệp đầu tiên của Giáo Hội được viết bởi "bốn bàn tay". *Lumen Fidei*, hay Ánh Sáng Đức Tin, là thông điệp đầu tiên do Đức GH Phanxicô ban hành. Công bố ngày 5 tháng Bảy, Thông Điệp dựa vào công trình soạn thảo của Đức GH Bênêđíctô XVI trước khi ngài từ nhiệm. Nó cho thấy tính liên tục sâu sắc giữa vị giáo hoàng tiền nhiệm và vị giáo hoàng đương nhiệm. Người ta tự hỏi, tại sao ánh sáng lại quan trọng đối với cả hai vị giáo hoàng đến thế?

Triều đại của Đức Bênêđíctô XVI hoàn toàn nhằm chứng minh rằng ta không thể bằng lòng với những tia sáng nhỏ hơn của lý trí, mà phải cố gắng vươn tới ánh sáng lớn hơn của đức tin. Triều đại của Đức Phanxicô nhằm đem ánh sáng đó tới những khu vực ngoại biên của thế giới.

Trong buổi triều yết chung ngày 12 tháng Sáu, Đức Phanxicô cho hay "vào một đêm tối trời, tại một vận động trường, thí dụ Vận Động Trường Thế Vận tại Rôma hay Vận Động Trường San Lorenzo tại Buenos Aires, nếu có ai đó bật cây đèn của họ lên, bạn cũng khó mà thấy nó, nhưng nếu 70,000 khán giả khác cùng bật ngọn đèn riêng của họ lên, thì cả vận động trường sẽ bừng sáng".

Bật đèn riêng của họ lên, trên thực tế, có nghĩa là quay trở về với Thiên Chúa. Đây chính là mục tiêu hàng đầu của triều giáo hoàng Bênêđíctô XVI. Một trong các gốc rễ của mục tiêu này xuất phát từ cuộc viếng thăm Specola Vaticana của Đức HY Joseph Ratzinger vào năm 1994. Specola, hay Đài Thiên Văn Vatican, là viện nghiên cứu và giáo dục thiên văn được Tòa Thánh tài trợ và do Dòng Tên điều khiển.

Trong nhiều thế kỷ, các Cha Dòng Tên từng thay phiên nhau leo lên kính hiển vi của Đài Thiên Văn đặt tại Castelgandolfo này, và từ vọng nhìn quan trọng ấy, các ngài đã nhìn vào bầu trời, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của các tầng trời bao la trước mặt.

Nay, Đài Thiên Văn Vatican tại Castelgandolfo chỉ còn là một viện bảo tàng. Dù các dụng cụ của nó vẫn còn dùng được, nhưng ánh sáng của Rôma và của cả Âu Châu chói lọi đến độ, trên thực tế, nó hết khả năng quan sát được các vì sao. Thành thử, một đài thiên văn khác đã được xây tại Mount Graham, Arizona.

Đức HY Joseph Ratzinger, người sau này lên ngôi giáo hoàng lấy hiệu là Bênêđíctô XVI, bị lôi cuốn bởi Specola Vaticana đến độ lên tiếng về nó trong một bài giảng lễ Vọng Giáng Sinh năm 1994 ở Berchtesgaden. Trong bài giảng này, ngài so sánh việc quan sát bầu trời với việc đi tìm Thiên Chúa, như một thứ ẩn dụ. Rồi ngài kết luận: "ánh sáng của con người, ánh sáng mà ta sản xuất ra, đang che khuất ánh sáng bầu trời. Ánh sáng của ta đang che khuất các vì sao của Thiên Chúa. Chuyện này gần như một ẩn dụ: bị vướng víu bởi quá nhiều việc do mình tạo ra, ta chỉ thoáng nhận ra các dấu vết công trình Sáng Tạo của Thiên Chúa, và chính công trình Sáng Tạo".

Và đó chính là chủ điểm trong thông điệp đầu tiên của Đức Phanxicô, do Đức Bênêđíctô XVI phác thảo. Trong văn kiện này, Đức Phanxicô viết rằng "Như thế, nhu cầu khẩn thiết là nhận ra một lần nữa rằng đức tin là ánh sáng, vì một khi ngọn lửa đức tin tàn lụi, mọi ánh sáng khác đều bắt đầu mờ đi. Ánh sáng đức tin là ánh sáng độc đáo, vì nó có khả năng chiếu sáng mọi khía cạnh của đời người. Thứ ánh sáng mạnh như thế không thể nào phát xuất từ chúng ta mà là từ một nguồn nguyên thủy hơn".

Nguồn đó chính là Chúa Giêsu Kitô, vì "từ khi Chúa Kitô sống lại và kéo ta vượt qua sự chết, đức tin cũng là thứ ánh sáng phát xuất từ tương lai và mở ra trước mắt ta những chân trời bao la để hướng dẫn ta vượt quá bản ngã cô lập của mình mà hướng tới cái bao la của hiệp thông".

Tiếp nối thông điệp và lời lẽ của vị tiền nhiệm, Đức Phanxicô đẩy mạnh hơn nữa chương trình đầy tham vọng của Đức Bênêđíctô XVI trong việc đưa Giáo Hội trở lại với Thiên Chúa. Làm thế nào thực hiện được chương trình này trong một Giáo Hội đang kinh qua cơn mất máu vì bệnh duy nghề nghiệp và có lẽ đang quá kính sợ truyền thông? Làm thế nào thực hiện được nó mà không tầm thường hóa phụng vụ và những dịp long trọng?

Theo gương Thánh Bênêđíctô trong tu viện kín, Đức Bênêđíctô XVI nhằm tạo ra một nền văn minh mới, sử dụng các bài nói của mình làm những viên đá xây ngôi nhà thờ chính tòa, bằng cách ít chú ý tới cử chỉ và hành động, nhưng tập chú vào thần học và các suy nghĩ sâu sắc hơn.

Nay, lúc ngôi nhà thờ chính tòa của học lý đã xây xong, Đức Phanxicô có thể từ ban công chính của nó chiếu ánh sáng đức tin ra khắp thế giới. Trong buổi triều yết chung ngày 12 tháng Sáu, ngài nói rằng "Hãy để đời sống ta cùng trở nên một ánh sáng của Chúa Kitô; ta hãy cùng nhau đem ánh sáng Tin Mừng đến cho toàn bộ thực tại".

Tóm lại, chương trình đầy tham vọng của Đức Phanxicô, một chương trình dựa trên chương trình của vị tiền nhiệm, là đây: công bố ánh sáng đức tin, và để ánh sáng ấy chiếu sáng thế gian.

Ánh sáng đức tin biến đổi đời ta

Muốn công bố ánh sáng đức tin, Đức Phanxicô dạy ta phải để tình yêu Chúa Kitô biến đổi và canh tân đời ta. Chỉ có thế, ta mới thông truyền đức tin của ta cho thế giới.

Ngài viết rằng "Đức tin phát sinh từ cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, Đấng mời gọi ta và mạc khải tình yêu của Người cho ta, một tình yêu đi trước ta và ta có thể dựa vào đó một cách an tâm để xây dựng đời ta".

Ngài viết thêm: "khi để tình yêu này biến đổi, ta sẽ nhận được một tầm nhìn tươi mới, những con mắt mới ; ta sẽ hiểu ra rằng nó chứa đựng lời hứa vĩ đại về một thành tựu, và viễn ảnh tương lai sẽ mở rộng trước mắt ta".

Khuynh hướng hiện đại coi đức tin như một ảo tưởng lỗi thời, đi ngược lại sự thật của lý trí. Nhưng thực ra, đức tin không tách ta ra khỏi thực tại, trái lại nó giúp ta nắm được ý nghĩa sâu sắc nhất của thực tại, giúp ta thấy rằng Thiên Chúa hết sức yêu thương thế gian và không ngừng điều hướng nó về với Người.

Không như sự thật của khoa học và kỹ thuật, sự thật của đức tin luôn được nối kết với tình yêu. Đức Phanxicô viết: "Không có tình yêu, sự thật trở nên lạnh lùng, vô ngã và áp chế đối với cuộc sống hàng ngày của người ta… Tình yêu và sự thật không thể tách rời nhau". Ngài cho rằng đức tin sẽ biến đổi trọn con người ta, nếu ta chịu cởi mở đón nhận tình yêu.

Thế giới hiện đại coi tình yêu không liên hệ gì tới sự thật. Nhưng thực ra, "tình yêu là một cảm nghiệm về sự thật", một cảm nghiệm giúp ta "thấy thực tại một cách mới mẻ, trong hợp nhất với người mình yêu".

Đối với Đức Phanxicô, bao lâu đặt cơ sở trên sự thật, tình yêu mới đứng vững với thời gian, mới vượt lên trên những thời khắc mau qua và cứng cáp đủ để chịu đựng cuộc hành trình chung. Không tự cột mình vào sự thật, tình yêu thành mồi cho những xúc cảm phù du và không chịu nổi thử thách của thời gian.

Ánh sáng tình yêu của riêng đức tin có thể soi sáng cho các vấn nạn của thời ta về sự thật, vì theo Đức Giáo Hoàng, thế giới hiện đại chỉ chuộng sự thật chủ quan, coi sự thật khách quan như một đe dọa. Ngài nhấn mạnh rằng sự thật khách quan thực ra là sự thật của tình yêu, một sự thật được biểu lộ qua cuộc gặp gỡ bản vị với Đấng Khác và với những người khác; nó được giải thoát khỏi giam cầm cá thể và trở thành thành phần của thiện ích chung. Và vì là sự thật của tình yêu, nó không bị cưỡng đặt bằng vũ lực, do đó, nó không làm tê liệt cá nhân.

Đức Phanxicô, vì thế, nhấn mạnh tới chiều kích cộng đồng của đức tin. Dù cho rằng bất cứ cá nhân nào bước vào hành trình làm việc thiện cho người khác đều đã tiến gần tới Thiên Chúa, ngài vẫn quả quyết: ta "không thể tự mình tin được. Đức tin không phải chỉ là quyết định cá thể diễn ra trong thẳm sâu trái tim tín hữu, mà cũng không phải là mối liên hệ tư riêng". Tự bản chất, đức tin "mở ra cái 'chúng tôi' của Giáo Hội; nó luôn luôn có chỗ đứng bên trong sự hiệp thông của Giáo Hội". Theo ngài, chúng ta chỉ có thể nói 'tôi tin' vì ta là thành phần của một hiệp thông lớn hơn, chỉ vì ta cũng nói 'chúng tôi tin'.

Lý do đơn giản: nó là tặng phẩm của truyền thừa tông đồ vốn là truyền thừa bảo vệ và bản đảm sự hợp nhất của đức tin, một đức tin được chuyển giao từ thế hệ này qua thế hệ nọ, một truyền thừa được củng cố bằng cầu nguyện, tuyên xưng đức tin, thực hành Mười Giới Răn và các bí tích.

Trong chiều hướng ấy, ngài nhấn mạnh tới vai trò của gia đình như là khung cảnh chủ yếu để phát triển đức tin, dĩ nhiên phải là gia đình xây dựng trên hôn nhân hiểu như "sự kết hợp bền vững giữa một người đàn ông và một người đàn bà". Đức tin cũng là một thiện ích chung cho xã hội. Nó không chỉ chiếu sáng bên trong Giáo Hội, cũng không chỉ để xây dựng vương quốc đời sau, mà còn giúp ta xây dựng xã hội để xã hội cùng tiến về một tương lai hy vọng.

Vì đức tin có thể phục vụ công lý và hòa bình, nó hợp nhất mọi người nam nữ, giúp họ tôn trọng thiên nhiên, nơi họ nhìn ra bàn tay Thiên Chúa, đem lại cho họ ánh sáng và hy vọng cho các khổ đau của

họ. Người không giúp ta giải thích mọi điều liên quan tới nỗi đau của ta, nhưng Người luôn đồng hành với ta để chia sẻ và soi sáng.

Cũng từ tầm nhìn cộng đồng này, Đức Phanxicô cho rằng đức tin không được luẩn quẩn ở bên trong, mà nhất thiết phải ra ngoài, dấn thân cho việc phúc âm hóa. Vì Đức Tin không phải là việc tư riêng, một ý niệm hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa hay một ý kiến bản thân, nó phát sinh từ việc lắng nghe nhằm được nói lại bằng lời, bằng công bố. Càng công bố cho người khác, đức tin càng canh tân và biến đổi đời ta.

Câu trả lời của Đức Phanxicô về ly dị và tái hôn

(Ngày 01/08/2013)

Trên chuyến bay từ Rio trở lại Rôma, Gianguido Vecchi, phóng viên của báo Corriere della Sera (Người đưa tin chiều), đã dựa trên sự nhấn mạnh của ngài vào lòng thương xót để hỏi về trường hợp "các người đã ly dị và tái hôn" xem có khả thể thay đổi nào về luật lệ đối với họ hay không, "hay chúng lại là một rào cản chia rẽ họ với các tín hữu khác".

Đáp lời, Đức Phanxicô quả quyết tuy lòng thương xót bao la hơn điều Vecchi hỏi, nhưng quả đây là "thời của lòng thương xót... Giáo Hội là Mẹ phải ra đi chữa lành các người bị thương với lòng thương xót".

Chưa hết, trong cùng một câu trả lời này, không xa, ngài lặp lại một lần nữa: "Giáo Hội là Mẹ và phải đi trên con đường này của lòng thương xót. Và tìm ra một lòng thương xót đối với tất cả mọi người". Và để làm mạnh hơn câu vừa nói, ngài thuật lại dụ ngôn người con hoang đàng, với hệ luận là "nhưng không phải chỉ chờ đợi họ, mà là ra đi tìm kiếm họ. Đó là lòng thương xót. Và tôi tin rằng đây là thời điểm của lòng thương xót".

Áp dụng vào trường hợp "những người đã ly dị mà tái hôn", Đức Phanxicô lặp lại giáo huấn hiện nay của Giáo Hội: "những người đã ly dị có thể rước lễ mà không có vấn đề. Nhưng khi họ tái hôn họ lại không thể rước lễ".

Có đúng đây là giáo huấn hiện hành của Giáo Hội không? Thoạt đầu nghe ra có vẻ không đúng, trong Giáo Hội không hề có việc ly dị, chỉ có việc tuyên bố vô hiệu một hôn nhân vốn vô hiệu ngay từ lúc kết giao, chứ không hề có việc hủy tiêu một hôn nhân đã thành hiệu.

Câu trả lời trên đây của Đức Phanxicô làm người viết nhớ lại câu của Đức Cha David Cremin tuyên bố tại Sydney năm 1993: ly dị không có tội! Mà đã không có tội thì đương nhiên được lãnh các bí tích "kẻ sống"như Thánh Thể chẳng hạn. Đọc kỹ mới hay Đức Cha Cremin hiểu chữ ly dị đây là ly dị phần đời, theo luật dân sự, vì những người ly dị theo luật dân sự vì nhiều lý do chính đáng nhưng không tái hôn, thì thực tế, theo giáo luật, họ ly thân, chứ không ly dị. Giáo luật có dự liệu việc ly thân này (Các điều 1151-1155). Nên họ đâu có phạm tội.

Tin Mừng Mátthêu 19:9 cũng dạy rằng "Ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình" là tội theo giáo luật, người phạm không được rước lễ. Tin Mừng Luca 16:18 cũng dạy như thế "Bất cứ ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình". Thư Côrintô thứ nhất phát biểu giáo huấn này rõ hơn một chút theo chiều ly thân: "vợ không được bỏ chồng, mà nếu đã bỏ chồng thì phải ở độc thân" (7:10-11), nghĩa là có những trường hợp được bỏ chồng hay bỏ vợ; điều quan trọng là đừng tái hôn, phải ở độc thân. Như thế giáo huấn của Chúa Giêsu mà Giáo Hội hoàn toàn dựa vào bao gồm hai yếu tố: bỏ vợ, bỏ chồng và tái hôn. Phải hội đủ hai yếu tố ấy mới có tội và mới không được rước lễ. Chỉ bỏ chồng hay bỏ vợ, điều mà luật dân sự gọi giản tiện là ly dị, vì những lý do chính đáng như Giáo Luật dự trù tức ly dị hay bị hà hiếp (các điều 1152-1153) thì chưa hẳn đã là có tội.

Trên thực tế, nhiều người, rất nhiều người Công Giáo, sau khi bỏ vợ bỏ chồng, đã tái hôn. Một số

được tuyên bố vô hiệu, tức được tuyên bố rằng cuộc hôn nhân đầu của họ bất thành ngay từ lúc kết giao, nghĩa là thực sự không phải là một cuộc hôn nhân đúng nghĩa, nên cuộc hôn nhân mà ta vẫn gọi là cuộc hôn nhân thứ hai có giá trị, hợp pháp, hợp lệ, thành hiệu, hay hôn nhân thực sự, nghĩa là đây mới là cuộc hôn nhân đầu tiên thực sự.

Một số khác không được tuyên bố như thế, nên cuộc hôn nhân thứ hai là cuộc hôn nhân không thành hiệu, vì cuộc hôn nhân đầu vẫn còn giá trị, vẫn đã thành hiệu. Tình thế này bị mang cái tên đáng buồn là ngoại tình như hai Tin Mừng Mátthêu và Luca đã long trọng xác nhận. Bên cạnh đó, còn có những người Công Giáo không cần đến tòa án Giáo Hội, không cần chờ tuyên bố vô hiệu, vẫn cứ tái hôn. "Siêu" hơn nữa, vì những rắc rối này, có những người tỉnh bơ chung sống mà không cần bất cứ hình thức luật lệ nào công nhận. Nếu không ngoại tình, họ cũng thuộc loại dâm bôn (fornication) như những người không có gia đình.

Những người này cho đến nay vẫn bị Giáo Hội từ khước không cho rước lễ, dù họ vẫn được chào đón trong cộng đoàn như anh chị em trong phụng vụ lời Chúa, trong mọi cử hành và sinh hoạt của Giáo Hội.

Nếu rước lễ là biểu hiệu hiệp thông hoàn toàn với Chúa và với anh chị em, thì những sinh hoạt kia quả là không thoả đáng và đó là điều đang gây đớn đau cho biết bao triệu người Công Giáo. Khi nói đến lòng thương xót, Đức Phanxicô hẳn đã thấm cái đau của họ. Nhưng phải thương xót ra sao? Đức Phanxicô dường như muốn mở ra một khả thể mới khi ngài mở ngoặc nhắc tới mô thức "nhiệm cục" (nhân từ đối với những trường hợp khó khăn) của Giáo Hội Chính Thống để cho phép "ly dị và tái hôn". Nhưng ngài không vội vã quyết định, chờ nghiên cứu và đề nghị của hai cơ chế cố vấn quan trọng là Ủy Ban 8 Hồng Y có nhiệm vụ xem sét việc cải tổ Giáo Hội (sẽ họp tháng Mười) và Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới sắp tới.

Tóm lại vấn đề cần được nghiên cứu thấu đáo hơn.

Điều đổi mới hơn cả

Sandro Magister coi câu trả lời trên của Đức Phanxicô là điều đổi mới hơn cả trong các điều được ngài phát biểu trên chuyến bay trở lại Rôma. Nhưng theo Magister, Đức Phanxicô rõ ràng nhắc tới công trình của vị tiền nhiệm là Đức Bênêđíctô XI, căn cứ vào khảo luận khá dài viết năm 1998, lúc còn đứng đầu Thánh Bộ Giáo Lý Đức tin và được ngài cho công bố lại vào năm 2005, nhân buổi nói chuyện với các linh mục tại Aosta.

Trong khảo luận này, Đức Bênêđíctô đưa ra hai khả thể có thể được xem sét: Thứ nhất, có thể nới rộng việc thừa nhận tính vô hiệu của những cuộc hôn nhân cử hành "mà không có đức tin" bởi ít nhất một trong hai người phối ngẫu, dù cả hai đều đã chịu phép rửa.

Thứ hai, có thể nại tới quyết định "của tòa trong" (lương tâm) để người Công Giáo ly dị mà tái hôn được rước lễ khi việc không được nhìn nhận tính vô hiệu cho cuộc hôn nhân đầu của họ, hoặc vì phán quyết bị coi là lầm lẫn hoặc vì việc bất khả không thể chứng minh được tính vô hiệu theo thủ tục, đi ngược lại xác tín mạnh mẽ của họ rằng cuộc hôn nhân kia vô hiệu một cách khách quan.

Hôn nhân cử hành mà không có đức tin

Khảo luận của Đức Bênêđíctô XVI phân biệt hai loại hôn nhân: hôn nhân bí tích và hôn nhân không bí tích. Ngài nói rằng đối với Thánh Phaolô, tuyệt đối bất khả tiêu chỉ áp dụng cho hôn nhân bí tích mà thôi, nghĩa là hôn nhân giữa hai người đã chịu phép rửa. Hôn nhân giữa một người đã chịu phép rửa và một người chưa chịu phép này không được coi là bí tích và do đó có thể bị hủy tiêu, nếu mục đích là để bảo vệ đức tin.

Loại hôn nhân sau nằm ngoài phạm vi thảo luận ở đây. Ta chỉ đề cập tới loại hôn nhân đầu hiện đang gây đớn đau cho nhiều người Công Giáo, cái đớn đau mà người Chính Thống đã dựa vào thần học

"nhiệm cục" để giải quyết. Cách giải quyết này không được Đức Bênêđictô ủng hộ.

Ngài cho hay dù trong các thế kỷ đầu, một số giáo phụ có "tìm các giải pháp mục vụ cho các trường hợp nhập nhàng" như Đức Lêô cả chẳng hạn. Nhưng đại thể, "các tín hữu ly dị mà tái hôn chưa bao giờ chính thức được rước lễ cả" dù sau một kỳ đền tội. Sau đó, tới thế kỷ 11, đã có sự mềm dẻo và sẵn sàng thỏa hiệp cho các hoàn cảnh hôn nhân khó khăn. Các Giáo Hội Đông Phương đã cho phép một thực hành rộng rãi hơn. Tuy nhiên, tại Tây Phương, dựa vào sự cải tổ của Đức Grêgôrianô, quan niệm nguyên thủy của các giáo phụ đã được phục hồi và chiều hướng này được chính thức chấp nhận tại Công Đồng Trent và cuối cùng tại Công Đồng Vatican II.

Nhưng phải nói sao về trường hợp những người Công Giáo ly dị mà tái hôn dựa vào lương tâm cứ quyết định rước lễ, nghịch với qui định ngăn cấm của giáo luật? Đức Bênêđictô vẫn cho rằng "nếu cuộc hôn nhân trước của hai tín hữu đã chịu phép rửa mà tái hôn thành hiệu, thì trong bất cứ hoàn cảnh nào, cuộc phối hợp mới của họ cũng không được coi là hợp pháp và do đó, lãnh nhận các bí tích là điều, từ trong nội tại, không thể có được. Lương tâm cá nhân bị cột vào qui luật này, không trừ trường hợp nào cả. Tính bất khả tiêu của hôn nhân thuộc "thiên luật", luật mà "Giáo Hội không có bất cứ thẩm quyền tùy ý nào".

Nói thế rồi, ngài thêm ngay rằng: "Tuy nhiên, Giáo Hội có thẩm quyền xác minh đâu là các điều kiện làm cho một hôn nhân được coi là bất khả tiêu theo nghĩa trong giáo huấn của Chúa Giêsu". Và đối với ngài, dựa vào các tòa án Giáo Hội là điều không đủ. Một là các diễn tiến ở đấy rất mất thì giờ, hai là các tòa này có những phán quyết đáng nghi, đôi khi lầm lẫn nữa. Thành thử, nguyên tắc **'epikeia'** (lệ đình luật?) tức nguyên tắc: luật có thể vi phạm vì lợi ích tốt hơn, ở tòa trong, không bị tự động loại bỏ. Tuy nhiên, điều này cần được nghiên cứu nhiều hơn, để tránh những quyết định chủ quan.

Một phạm vi cần được thăm dò ngay là vấn đề liệu các Kitô hữu không tin, tức là những Kitô hữu tuy đã chịu phép rửa nhưng chưa bao giời tin hay không còn tin Thiên Chúa nữa, có thực sự bước vào một hôn nhân bí tích hay không. Nghĩa là cần xác định xem có phải mọi cuộc hôn nhân giữa hai người đã chịu phép rửa đều 'tự động' (ipso facto) là một cuộc hôn nhân bí tích hay không. Vì thực sự, Giáo Luật nói rằng chỉ những cuộc hôn nhân 'thành hiệu' giữa hai người đã chịu phép rửa mới đồng thời là một bí tích mà thôi (xem điều 1055, tiết 2). Mà đức tin nằm ở chính yếu tính của bí tích; thành thử vấn đề là chứng cớ nào cần để việc "thiếu đức tin" khiến bí tích không hiện hữu.

Chính đó là nội dung một chú thích được Đức Bênêđíctô thêm vào khảo luận trên nhân cuộc nói chuyện với các linh mục tại Aosta năm 2005:

"Những ai kết hôn trong Giáo Hội vì truyền thống mà không thực sự tin, và những ai sau này thấy mình trong cuộc hôn nhân mới và bất thành và cuối cùng trở lại, khám phá ra đức tin và cảm thấy mình bị loại không được lãnh bí tích, đều là những người có hoàn cảnh cực kỳ đau khổ. Đây quả là nguyên nhân gây đau khổ lớn lao; nên lúc còn là bộ trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, tôi đã mời nhiều hội đồng giám mục và nhiều chuyên viên nghiên cứu vấn đề này, tức vấn đề bí tích được cử hành mà không có đức tin. Thực tế, tôi không dám nói liệu ở đây ta có khám phá ra giây phút bất thành vì thấy bí tích thiếu một chiều kích nền tảng hay không. Bản thân tôi nghĩ như vậy, nhưng qua nhiều cuộc thảo luận của chúng ta, tôi hiểu rằng đây là một vấn đề phức tạp cao độ và cần được nghiên cứu thêm. Nhưng vì số phận đau khổ của những người này, cần phải có nghiên cứu thêm".

Khó khăn giáo luật, không hẳn khó khăn luân lý

Hy vọng rằng, với thúc đẩy cụ thể của Đức Phanxicô lần này, Giáo Hội Công Giáo sẽ tìm ra phương thế thích đáng giải tỏa được cơn đau của rất nhiều người con của mình hiện nay. Động thái của ngài được linh mục Alexander Lucie-Smith coi là cách mạng (Xem catholicherald.co.uk, 31 tháng 7, 2013).

Linh mục Lucie-Smith cho rằng phương thức Chính Thống cho phép ly dị và tái hôn hiển nhiên đi ngược lại giáo huấn của Chúa Giêsu trong Tin Mừng. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng những người ly

dị và tái hôn mắc khó khăn giáo luật hơn là khó khăn luân lý vì rất có thể cuộc kết hợp sau của họ mới là cuộc kết hợp thật sự, chứ không phải cuộc kết hợp đầu.

Linh mục Lucie-Smith cũng cho rằng nhiều người sống trong cuộc kết hợp sau vẫn cứ rước lễ, dù không được phép như thế. Cùng với họ còn là những người sống trong các kết hợp bất hợp lệ, tức những người chỉ sống chung với nhau chứ không cưới nhau dù theo giáo luật hay theo dân luật. Nhóm sau hiện rất đông. Tại Anh chẳng hạn, con số những người ly dị và tái hôn chẳng mấy chốc sẽ bị qua mặt bởi những người chưa bao giờ cưới nhau, hay ít nhất chưa cưới nhau theo giáo luật. Định chế hôn nhân đang bị đe dọa nặng, nhường chỗ cho những cuộc chung sống không cần được Giáo Hội chúc phúc. Một giải pháp cho vấn đề càng sớm có càng tốt.

Câu trả lời của Đức Phanxicô về đồng tính luyến ái

(Ngày 02/08/2013)

Câu hỏi chót trong chuyến bay của Đức Phanxicô từ Rio trở lại Rôma là về Đức Ông Ricca, đại diện ngài tại Viện Các Công Trình Tôn Giáo, và nhân đó về nhóm vận động đồng tính. Câu trả lời của ngài về đồng tính nguyên văn như sau: “Nếu một người là người đồng tính và đang kiếm tìm Thiên Chúa và có thiện chí, thì tôi là ai mà tự cho mình quyền phán xét người ấy?”

Câu trả lời trên đang gây nhiều phản ứng sôi nổi ở cả hai phía bên này hay bên kia các cộng đồng đồng tính, khiến Nicole Winfield của Associated Press, ngày 31 tháng 7, chạy hàng tít “Các nhận định cách mạng của Đức GH Phanxicô về đồng tính và phụ nữ không làm vừa lòng mọi người”.

Winfield cho rằng khi dùng từ “gay” rồi hỏi: thì sao? Đức Phanxicô đã dựng đứng Vatican và rũ sạch cái hơi hám bài đồng tính ra khỏi nền văn hóa của nó. Trước đó, ngài đã làm say mê hàng triệu tín hữu và các phương tiện truyền thông chính dòng. Điều này bảo đảm thành công cho việc ngài đã được bầu lên để thực hiện: không những cải tổ nền hành chánh rối loạn của Vatican mà còn cả chính Giáo Hội nữa.

Sử gia Giáo Hội Alberto Melloni cho rằng "ngài đang phục hồi tính khả tín cho Giáo Hội Công Giáo”. Ấy thế nhưng, niềm phấn khởi này xem ra không được mọi người chia sẻ.

Việc ngài vừa ngăn cấm các linh mục thuộc một dòng tu không được cử hành Thánh Lễ La Tinh theo kiểu xưa mà không có phép xem ra đi ngược lại khuynh hướng “phục hồi” của Đức Bênêđíctô XVI, người từng cho phép việc cử hành này. Vatican đã chính thức bác bỏ lối giải thích này. Nhưng xem ra, phe duy truyền thống tỏ ra không mấy hài lòng.

Cũng theo Winfield, trong một cuộc phỏng vấn gần đây của tờ the National Catholic Reporter, TGM Philadelphia là Đức Cha Charles Chaput cho hay những người Công Giáo cánh hữu “nói chung không thực sự vui vẻ” với Đức Phanxicô.

Nói cho ngay, ngài không thay đổi chi đối với giáo huấn của Giáo Hội. Ngài không nói điều gì hay làm điều gì ngược lại tín lý; mọi điều ngài nói và làm đều cổ vũ các quan niệm Kitô Giáo về yêu thương kẻ có tội chứ không yêu thương tội lỗi và phải có một Giáo Hội biết cảm thương, biết chào đón và nhân từ.

Tuy nhiên, giọng điệu và ưu tiên tự chúng có sức thay đổi, nhất là khi chịu xem sét các vấn đề vốn không được nhấn mạnh bao nhiêu, như học lý Giáo Hội về phá thai, về hôn nhân đồng tính và nhiều vấn đề khác từng được Đức Bênêđíctô XVI và Đức Gioan Phaolô II nêu ra.

Nhật báo Vatican, tức tờ L'Osservatore Romano, sử dụng chữ “gay” lần đầu tiên trong lịch sử 150 năm của nó vào hôm Thứ Tư vừa qua, trong một bài báo tỏ ra ngạc nhiên trước sự thay đổi do Đức Phanxicô đem lại.

"Chỉ trong một vài chữ, nết mới mẻ đã được nói lên rành mạch mà lại không đe dọa gì tới truyền thống của Giáo Hội... Bạn có thể thay đổi mọi sự mà không thay đổi qui luật căn bản, những qui luật mà truyền thống Công Giáo vốn dựa vào".

Tôi là ai mà dám phê phán họ

Về câu nói "tôi là ai mà dám phê phán họ?" tức người đồng tính thiện tâm đi tìm Thiên Chúa, giới đồng tính nhận định rằng Đức Phanxicô không hăn cấp tiến như bề ngoài cho thấy. Đó là nhận định của nhà thần học David Berger, được tờ Spiegel Online ghi nhận.

Nên biết rằng tờ Spiegel Online đã ghi nhận rất nhiều phản ứng tích cực của người đồng tính đối với câu nói trên của Đức Phanxicô. Boris Dittrich, giám đốc biện hộ của chương trình đồng tính thuộc Human Rights Watch, chẳng hạn, phát biểu rằng: "Đức GH Phanxicô dùng một giọng điệu khác và nhân hậu hơn vị tiền nhiệm người Đức của ngài khi nói tới những người đồng tính. Tôi coi quan điểm của ngài... như lời kêu gọi hàng giáo sĩ Công Giáo Rôma tại nhiều quốc gia lên tiếng và phản đối khi người đồng tính nam nữ bị bắt hay bị kỳ thị bởi nhà cầm quyền tại đất nước họ... Từ nay trở đi, hàng giáo sĩ Công Giáo Rôma không thể nhìn theo hướng khác được, mà phải ủng hộ nhóm dễ bị tổn thương này để họ hội nhập vào xã hội họ đang sống".

Christian Weisner, phát ngôn viên chi bộ Đức của Phong Trào Cải Tổ Công Giáo Quốc Tế, cho rằng "Đây là cuộc đảo chính lớn đối với các linh mục đồng tính, những người xưa nay vốn buộc phải dấu diếm khuynh hướng đồng tính của mình. Đây là lời tuyên bố mạnh mẽ và là dấu hiệu quan trọng cho thấy Đức Phanxicô không sợ thực tại".

Nick Squires của tờ Telegraph, London, cho rằng dù không thay đổi chính sách của Giáo Hội Công Giáo coi khuynh hướng đồng tính không có tội, nhưng hành vi đồng tính thì có tội, nhưng Đức Phanxicô cho thấy ngài nhìn nhận một số linh mục đồng tính, và điều này chấp nhận được miễn là họ giữ lời khấn độc thân. Quan điểm của ngài quả có thương cảm hơn, bao gồm hơn.

Ngài cũng mặc nhiên làm dịu giáo huấn trước đây của Giáo Hội Công Giáo cho rằng đồng tính luyến ái dẫn tới các thảm họa như nạn giáo sĩ lạm dụng tình dục trẻ em, một giáo huấn vốn bị các nhóm tranh đấu quyền lợi đồng tính lên án là lầm lẫn sâu xa và có tính kỳ thị người đồng tính.

Nichi Vendola, một trong ít chính trị gia Ý công khai đồng tính, thì cho rằng "Trong ít lời, Đức GH Phanxicô đã thực hiện được điều kỳ diệu, là tách biệt vấn đề đồng tính với vấn đề ấu dâm".

Chiến Dịch Nhân Quyền, nhóm tranh đấu quyền lợi lớn nhất của đồng tính Hoa Kỳ, trong một tuyên bố, cho rằng nhận định của Đức Giáo Hoàng "biểu tượng cho một thay đổi có ý nghĩa trong cung giọng", ít nhất cũng khác với cung giọng của vị tiền nhiệm, là người, năm 2005, quyết định rằng những người có khuynh hướng đồng tính không nên làm linh mục.

Thay đổi cung giọng, chứ không thực chất?

Nhưng chỉ có thế, Đức Phanxicô không hề bác bỏ nguyên tắc của Giáo Hội Công Giáo coi hành vi đồng tính là một tội. Tờ báo trung tả Đức Süddeutsche Zeitung viết rằng "trong cuộc họp báo, Đức Giáo Hoàng rất khôn khéo trong việc né tránh vấn đề thực sự gai góc, là liệu người đồng tính có ngang hàng với người khác trước mặt Chúa hay không, khi họ ở độc thân".

Đây cũng là nhận định của Berger. Trước đây, Berger vốn là một thần học gia, giáo sư tại Hàn Lâm Viện Giáo Hoàng Thánh Tôma Aquinô ở Rôma và là chủ bút nguyệt san Công Giáo Theologisches. Nhưng năm 2010, sau khi công khai hóa mình là người đồng tính, ông rời chức vụ, và cho xuất bản cuốn tự truyện "Der heilige Schein: Als schwuler Theologe in der katholischen Kirche" (Một Gian Dối Thánh: thần học gia đồng tính trong Giáo Hội Công Giáo). Ông hiện là chủ bút tạp chí đồng tính MÄNNER.

Berger bảo: có gì vỡ bờ đâu, người đồng tính nghĩ gì khi có ai đó bảo họ: tôi không muốn kỳ thị gì anh chị, nhưng anh chị đừng sống cái khuynh hướng ấy! Theo giáo huấn, hành vi đồng tính vẫn là một tội. "Chính vì thế, tôi càng cảm thấy bị đẩy ra bên lề nhiều hơn". Đã đành ngài có nhấn mạnh đến việc đừng kỳ thị người đồng tính, nhưng khi nói rằng người đồng tính không nên quảng bá khuynh hướng của họ, thì nào có khác chi tổng thống Nga Vladimir Putin, người từng ủng hộ các đạo luật cấm "tuyên truyền đồng tính".

Theo Eun Kyung Kim của TODAY ngày 30 tháng 7, đây cũng là nhận định của Đức HY Dolan của New York: nhận định của Đức Phanxicô về người đồng tính cho thấy một thay đổi trong cung giọng trong Giáo Hội Công Giáo, chứ không phản ảnh bất cứ thay đổi nào về chính sách.

Giáo huấn của Giáo Hội xưa nay vẫn là phải đối xử với mọi người cách xứng đáng, dù ta không thừa nhận lối sống của họ. Đức HY Dolan nói rằng: "Điều Đức Giáo Hoàng nói là đừng quên còn có một yếu tố khác nữa trong giáo huấn của Thiên Chúa, tức ta phải đối xử với mọi người một cách có phẩm giá và kính trọng, đừng phán đoán tâm hồn họ, phải yêu thương và kính trọng họ".

Đức HY Dolan cho hay nhận định của Đức Giáo Hoàng không làm ngài ngạc nhiên, nhưng là phản ứng của mọi người. "Điều này không thể giải thích như một thay đổi đối với giáo lý Giáo Hội hay đức tin và luân lý Giáo Hội. Nó chỉ thay đổi trong cung gọng mà thôi". Việc không nên phê phán tâm hồn con người vốn là giáo huấn của Chúa Giêsu, nhưng ta có quyền phê phán hành động của người ta. Phải tôn trọng người đồng tính, nhưng hành vi đồng tính thì phải bị kết án. Điều này chưa bao giờ thay đổi.

Đức Phanxicô: Độc thân và ấu dâm

(Ngày 4/8/2013)

Tin mới nhất cho thấy Đức Phanxicô đã chỉ thị cho giới chức Vatican phải triệt để giải quyết tai tiếng lạm dụng tình dục đang được truyền thông thế tục hết sức chú ý. Đây là quan tâm hàng đầu của Đức Phanxicô. Tuy nhiên, khi còn là bề trên Dòng Tên tại Argentina và TGM Buenos Aires, việc đào tạo linh mục luôn được Đức Phanxicô hết sức quan tâm. Cuộc phỏng vấn của giáo sĩ Do Thái Giáo Abraham Skorka, viện trưởng Chủng Viện Do Thái của Châu Hoa Kỳ La Tinh, về đề tài này đã được đăng trong cuốn *Sobre el Cielo y la Tierra* ("Về Trời và Đất") xuất bản năm 2012 bởi Nhà Xuất Bản Sudamericana.

Độc thân

Trong cuộc phỏng vấn này, Đức HY Bergoglio tiết lộ bí quyết sống độc thân một cách hạnh phúc của Người. "Lúc tôi còn là một chủng sinh, tôi bị lóa mắt bởi một cô gái tại đám cưới của một ông chú. Tôi bàng hoàng trước vẻ đẹp và trí thông minh của nàng… quả đúng thế, tôi bàng hoàng một thời gian khá lâu. Tôi luôn nghĩ đến nàng không thôi. Sau đám cưới ấy, tôi trở lại chủng viện, nhưng đến cả một tuần lễ sau, tôi vẫn không cầu nguyện được, vì mỗi lần cố gắng cầu nguyện thì cô gái lại xuất hiện trong đầu tôi. Tôi phải suy nghĩ lại xem tôi đang làm gì đây. Tôi vẫn còn tự do vì mới chỉ là chủng sinh thôi, nghĩa là tôi có thể trở về gia đình, thế là xong. Nhưng tôi phải suy nghĩ về chọn lựa của mình một lần nữa. Và một lần nữa, tôi đã chọn, hay đúng hơn, tôi để mình được chọn bởi, con đường tu trì. Hiện tượng này mà không xảy ra mới bị coi là chuyện bất bình thường.

Và khi nó xảy ra, người ta bắt buộc phải rà lại hướng đi của mình một lần nữa. Đây là vấn đề ta phải chọn lựa lại hay cho rằng 'Không, điều tôi đang cảm xúc thật là đẹp. Tôi sợ sau này

mình sẽ không trung thành với ơn gọi, do đó, nên rời chủng viện là hơn'. Nếu việc này xẩy ra cho một chủng sinh, tôi thường giúp họ ra đi bằng an để trở thành một Kitô hữu tốt, chứ không thành một linh mục xấu. Trong Giáo Hội Tây Phương mà tôi thuộc về, các linh mục không thể kết hôn như trong các giáo hội Byzantine, Ukrainian, Nga hay Hy Lạp. Trong các giáo hội này, các linh mục có thể kết hôn, nhưng các giám mục thì phải ở độc thân. Các linh mục của họ đều là những người tốt lành. Đôi lúc, tôi nói đùa với họ, bảo họ rằng ở nhà, họ có vợ con, nhưng họ đâu có hiểu là bù lại, họ cũng có các bà mẹ vợ nữa. Trong Công Giáo Tây Phương, một số tổ chức đang thúc đẩy việc thảo luận thêm về vấn đề này. Nhưng cho đến nay, luật độc thân vẫn còn giá trị. Một số người dựa vào lý do thực tiễn cho rằng chúng ta đang mất nhân lực. Giả thiết nếu trong tương lai, Công Giáo Tây Phương có duyệt lại vấn đề độc thân, thì tôi nghĩ chỉ là vì các lý do văn hóa (như tại Phương Đông) chứ không thể qui thành chọn lựa phổ quát được.

Hiện nay, tôi vẫn ủng hộ việc duy trì luật độc thân, với đầy đủ các lý do ủng hộ và chống đối, vì chúng ta có tới 10 thế kỷ thành công tốt đẹp, chứ không phải thất bại… Truyền thống có sức nặng và giá trị của nó. Các giáo sĩ Công Giáo trong quá khứ đã từ từ tiếp nhận kỷ luật độc thân này. Cho tới năm 1100, một số chọn nó, một số không. Sau đó, tại Phương Đông, người ta theo truyền thống coi việc giáo sĩ kết hôn như một chọn lựa bản thân, còn tại Tây Phương, người ta theo truyền thống ngược lại. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là vấn đề kỷ luật, chứ không phải vấn đề đức tin. Nghĩa là có thể thay đổi được. Bản thân tôi thì không bao giờ có ý nghĩ kết hôn cả. Nhưng nhiều người nghĩ đến việc này. Như trường hợp Fernando Lopez, Tổng Thống Paraguay chẳng hạn. Ông ta là người rất sáng chói. Nhưng khi còn là một giám mục, ông ta sa ngã và đã xin từ nhiệm. Đây là một quyết định trung thực. Đôi khi ta thấy các linh mục rơi vào hoàn cảnh này".

Về những linh mục này, Đức HY Bergoglio cho hay: "nếu ai trong số họ đến cho tôi hay đã làm cho một phụ nữ có thai, tôi sẵn sàng lắng nghe và giúp ông được an tâm rồi từ từ, tôi sẽ giúp ông hiểu ra rằng luật tự nhiên đã lấn át chức linh mục của ông. Do đó, ông phải rời bỏ thừa tác vụ để chăm sóc đứa trẻ kia, cho dù ông quyết định không kết hôn với người phụ nữ đó. Vì đứa trẻ có quyền có một người mẹ thế nào, thì nó cũng có quyền có một người cha như thế. Tôi cam kết sẽ dàn xếp mọi giấy tờ cho ông ở Rôma, nhưng ông phải rời bỏ mọi sự. Còn nếu linh mục nào cho tôi hay đã sa ngã, nhưng muốn ăn năn, tôi sẵn sàng giúp ông trỗi dậy. Có những linh mục trỗi dậy được, có những linh mục không trỗi dậy được. Thậm chí có những linh mục không chịu nói chi với giám mục của mình".

Trỗi dậy là sao? "Là làm việc đền tội, duy trì việc độc thân của mình. Sống hai mặt là điều chẳng tốt đẹp gì cho tất cả chúng ta. Tôi không thích lối sống ấy vì nó có nghĩa sống bằng giả dối. Bởi thế, tôi thường nói: 'nếu không thắng vượt được, thì nên quyết định đi".

Ấu dâm

Riêng ấu dâm lại là chuyện khác. Tuy nhiên "cần loại bỏ ý niệm cho rằng ấu dâm là hậu quả của việc sống độc thân. Hơn 70% các vụ ấu dâm xẩy ra trong gia đình và chòm xóm: ông, chú, cha kế, hàng xóm. Vấn đề này không liên hệ gì tới việc sống độc thân. Nếu một linh mục ấu dâm thì là vì ông ta ấu dâm trước khi làm linh mục.

Nhưng khi nó xảy ra, ta không nên bao giờ làm ngơ nó. Bạn không thể ở địa vị có quyền thế để rồi hủy hoại đời một người khác. Trong giáo phận của tôi, chưa xảy ra việc này, nhưng một giám mục kia có gọi điện thoại hỏi tôi xem phải làm gì trong một hoàn cảnh như thế, tôi bảo Người phải lấy lại "bài sai", không cho phép người đó thi hành chức linh mục nữa, và nên khởi sự một phiên tòa theo giáo luật. Tôi nghĩ đó là việc phải làm ngay. Tôi không tin vào việc chủ trương rằng cần phải duy trì một tinh thần hợp đoàn để tránh gây thiệt hại cho hình ảnh của định chế. Giải pháp ấy có lần đã được đề xuất tại Hoa Kỳ, mục đích để hoán chuyển các linh mục qua các giáo xứ khác. Đây là một ý tưởng ngu xuẩn; vì với cách này, linh mục sẽ mang vấn đề của mình tới bất cứ nơi nào ông đến. Phản ứng hợp đoàn sẽ dẫn tới hậu quả ấy, cho nên tôi không đồng ý với những giải pháp như thế. Gần đây, có những trường hợp xảy ra cách nay khoảng 20 năm, vừa bị khám phá tại Ái Nhĩ Lan, và Đức Giáo Hoàng hiện nay (Đức Bênêđíctô XVI) đã nói rất rõ: 'tuyệt đối không khoan nhượng đối với tội ác đó'. Tôi ngưỡng mộ sự can đảm và chính trực của Đức Bênêđíctô về vấn đề này.

Đức Phanxicô và Đức Mẹ

(Ngày 5/8/2013)

Kể từ ngày lên ngôi giáo hoàng, Đức Phanxicô trở lại Vương Cung Thánh Đường Đức Bà Cả lần thứ hai vào buổi chiều ngày 4 tháng 5. Lần đầu tiên ngài tới đó là buổi sáng ngày 14 tháng 3, ngay sau khi được bầu làm giáo hoàng, để cầu nguyện trước bức ảnh Đức Bà Che Chở Con Dân Rôma (Salus Populi Romani).

Lần này, ngài tới để lần chuỗi mân côi và dâng triều đại giáo hoàng của ngài cho Đức Mẹ. Trước đó, vào buổi sáng cùng ngày, ngài có giảng một bài giảng trong thánh lễ tại Nhà Thánh Marta, nơi hiện ngài đang cư ngụ. Trong bài giảng này, ngài có nhắc tới ma qủy, gọi hắn là 'thằng ghét người", luôn mong muốn điều xấu cho con người nam nữ, một tên mà ta phải cưỡng chống bằng đức tin và lời cầu nguyện.

Hai lời cầu nguyện vào ngày này quả có sự trùng hợp với nhau: lời cầu vào buổi sáng với Đức Mẹ tại ngôi vương cung thánh đường lớn nhất của ngài trên thế giới, lời cầu vào buổi sáng để chống lại "tên thủ lĩnh thế gian", tức ma qủy, tại một nguyện đường nhỏ, cho thấy hình như Đức Phanxicô muốn nhấn mạnh tới chủ đề chính yếu trong triều giáo hoàng của ngài: trận chiến chống ma qủy, chống sự ác, chỉ thắng được với Đức Mẹ và qua Đức Mẹ, nữ tử Do Thái, Đấng vốn được ca tụng là "đầy ơn phúc".

Và điều trên cũng giải thích khá nhiều về bản chất triều đại của Đức Phanxicô và hướng đi của nó. Cũng nên nhớ rằng trong vòng một tuần lễ nữa, căn cứ vào lời yêu cầu minh nhiên của Đức Phanxicô, triều đại của ngài sẽ được chính thức dâng hiến cho Đức Mẹ Fatima ngay tại Fatima, Bồ Đào Nha vào ngày 13 tháng 5 tới, ngày kỷ niệm Đức Mẹ hiện ra lần đầu với ba trẻ chăn chiên của Fatima vào năm 1917, cách nay 96 năm.

Trong các lần hiện ra, luôn luôn vào ngày 13 mỗi tháng, cho tới tháng 10, ngoại trừ tháng 8, lúc các em bị cầm tù, thì Đức Mẹ hiện ra vào ngày 19, Đức Mẹ cho các trẻ biết các biến cố tương lai, trong đó, có các trận chiến tranh lớn, nhưng cuối cùng, hòa bình sẽ đến với toàn thế giới.

Lời Đức Phanxicô tại Nhà Thờ Đức Bà Cả

Ngày 4 tháng 5, nhằm thứ bẩy đầu tiên của tháng 5 đầu tiên trong triều đại ngài, Đức Phanxicô, nhân đến thăm Nhà Thờ Đức Bà Cả, đã đọc đủ 5 chục kinh mân côi mùa mừng. Chuyện trùng hợp là người đứng đầu nhà thờ này, nhà thờ lớn nhất thế giới dâng kính Đức Mẹ, là Đức Hồng Y Santos Abril y Castelló, người Tây Ban Nha, 77 tuổi, từng là người chủ chốt trong việc vận động sự ủng hộ để các

hồng y dồn phiếu bầu Đức HY Bergoglio làm giáo hoàng vào ngày 13 tháng 3 vừa qua. Đức Hồng Y Castelló có mặt tại nhà thờ Đức Bà Cả để nghênh đón Đức Phanxicô.

Các nhận định của Đức Phanxicô tại đây đã hùng hồn trình bày đủ nét chính yếu trong nền linh đạo Thánh Mẫu của ngài. Những nhận định này nhấn mạnh tới quan tâm mẫu thân của Đức Maria đối với mọi Kitô hữu, và nói chung, mọi người, sự quan tâm của một người mẹ muốn con cái mình lớn lên, sống trọn vẹn, và được tự do.

Đây là ba điều chính yếu được Đức Phanxicô nhấn mạnh: Đức Maria muốn mọi người chúng ta lớn lên, sống một đời sống trọn vẹn, và được tự do. Sau khi cám ơn Đức HY Castelló về sự đón tiếp nồng hậu, Đức Phanxicô nói rằng "Chiều nay, chúng ta hiện diện tại đây trước mặt Đức Maria. Chúng ta đã cầu nguyện cùng ngài, xin ngài lấy tình mẫu thân, đem chúng ta tới sự hợp nhất mỗi ngày một hơn với Con Giêsu của ngài; chúng ta đã đem đến cho ngài các nỗi vui và các nỗi buồn của ta, các hy vọng và các khốn khó của ta; chúng ta đã kêu cầu ngài dưới danh hiệu đáng yêu là Đấng Che chở Con Dân Rôma (Salus Populi Romani), cầu xin ngài cho tất cả chúng ta, cho Rôma, cho thế giới, để ngài giữ gìn ta mạnh khỏe.

"Đúng thế, vì Đức Maria ban cho ta sức khỏe, nên ngài là ơn cứu thoát ta… Đức Maria là một người mẹ, một người mẹ trước nhất chăm sóc sức khỏe của con cái mình và biết cách chữa lành cho chúng bằng một tình yêu vĩ đại và âu yếm. Đức Bà là Đấng gìn giữ sức khỏe của ta.

"Điều ấy có nghĩa gì? Trước nhất, tôi nghĩ tới ba khía cạnh: Đức Mẹ giúp ta trong lúc ta lớn lên, ngài giúp ta đương đầu với cuộc sống, ngài dạy ta thành người tự do".

Nói về sự quan tâm của Đức Mẹ muốn chúng ta lớn lên, Đức Phanxicô cho rằng đây không hẳn chỉ là việc lớn lên về thể lý, về vật chất, nhưng còn là việc thâm hậu và tăng cường tính khí ta, thâm hậu tinh thần và linh hồn ta để chúng đừng nông cạn nữa, mà sâu sắc, đừng yếu đuối nữa mà mạnh mẽ.

Đức Phanxicô nói rằng: "Người mẹ luôn giúp con cái mình lớn lên và ý muốn của bà là chúng lớn lên cách tốt đẹp. Chính vì thế, ngài dạy chúng đừng sa vào lười biếng, một điều cũng từng phát sinh từ một trạng thái dư dả nào đó. Ngài dạy chúng đừng quen với lối sống dễ chịu chỉ nhằm vơ vét của cải vật chất.

"Người mẹ lúc nào cũng quan tâm sao cho việc lớn mạnh của con cái mình không bị còi cọc, nhưng lớn lên mạnh mẽ và có khả năng nhận các trách nhiệm được trao phó, biết dấn thân vào đời và hướng tới những lý tưởng cao đẹp.

"Tin Mừng Thánh Luca nói rằng trong gia đình Nadarét 'Chúa Giêsu lớn lên và mạnh mẽ trong tinh thần, tràn đầy khôn ngoan; và ơn thánh Thiên Chúa ở với Người" (Lc 2:40). Đó chính là điều Đức Mẹ làm cho chúng ta, ngài giúp chúng ta lớn lên về nhân bản và đức tin, mạnh mẽ và không để mình sa vào cơn cám dỗ trở thành những con người và những Kitô hữu hời hợt, trái lại biết sống có trách nhiệm, luôn luôn vươn lên".

Tóm lại, không nuông chiều làm con cái hư thân. Cũng không thoái hóa vì dễ chịu và lười biếng. Chỉ nhằm các lý tưởng cao đẹp nhất, luôn là các lý tưởng cao đẹp, bất chấp bất cứ điều gì… Đó là công thức dạy dỗ con cái của Đức Phanxicô.

Ngài nói tiếp: "Và rồi người mẹ nghĩ tới sức khỏe của con cái mình, dạy chúng cách đương đầu với các khó khăn trên đời". Và ở đây, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới tính hiện thực, tới lòng can đảm, và sự khôn ngoan, đều là các nhân đức. Ngài cho rằng con cái cần được dạy dỗ về nhân đức. Ngài bảo: "Người ta không giáo dục, không chăm sóc sức khỏe của ai bằng cách tránh các vấn đề, như thể cuộc

đời là một xa lộ không hề có trở ngại. Bà mẹ nào cũng giúp con cái biết nhìn các vấn đề trong đời sống với thái độ hiện thực, không để mình mất hút trong chúng nhưng can đảm đương đầu với chúng, không yếu đuối nhưng biết cách chế ngự chúng, trong một quân bình mà bà 'cảm thấy' cần phải tìm giữa lãnh vực an toàn và may rủi.

"Cuộc sống mà không có thách đố là cuộc sống chưa hề có, một bé trai hay một bé gái không biết đương đầu với thách đố và sẵn sàng lên tuyến đầu, là đứa trẻ không có sương sống! Ta nên nhớ dụ ngôn người Samaritanô tốt lành: Chúa Giêsu không ca tụng tác phong của vị tư tế và của thầy Lêvi, cả hai đều tránh không giúp đỡ lữ khách bị đánh đập, cướp bóc và để thoi thóp bên vệ đường, nhưng Người ca tụng tác phong của người Samaritanô vì đã hiểu rõ hoàn cảnh của nạn nhân và đương đầu với nó một cách cụ thể.

"Đức Maria đã sống những thời khắc khó khăn trong đời, từ lúc sinh Chúa Giêsu, khi 'không có phòng cho Người lại lữ quán' (Lc 2:7), cho tới tận Đồi Canvariô (Ga 19:25). Và cũng như mọi bà mẹ tốt lành khác, Đức Mẹ gần gũi chúng ta để chúng ta không bao giờ mất can đảm trước các chướng ngại trên đời, trước các yếu đuối của chúng ta, trước các tội lỗi của chúng ta: ngài cho ta sức mạnh, ngài chỉ đường cho ta tới với Con ngài. Trên thánh giá, chỉ về Thánh Gioan, Chúa Giêsu nói với Đức Mẹ: 'Thưa bà, này là con bà' và với Thánh Gioan: 'Này là mẹ con!' (Ga 19: 26-27).

"Ta được đại diện bởi người môn đệ đó: Chúa Giêsu ủy thác chúng ta cho bàn tay yêu thương và sự trìu mến của Mẹ, để ta có thể nương tựa vào sự nâng đỡ của ngài khi đương đầu với và vượt qua các khó khăn trên hành trình nhân bản và Kitô hữu của chúng ta".

Rồi Đức Phanxicô đề cập tới vấn đề tự do, có lẽ là vấn đề trung tâm của thời ta. Nhưng tự do đích thực là gì? Làm thế nào đạt được thứ tự do này? Ta có thể đánh mất nó ra sao? Ngài đề cập tới mọi khía cạnh này. Ngài bảo: "Khía cạnh cuối cùng là người mẹ tốt không những cùng đồng hành với con cái mình trên hành trình lớn lên của chúng, không tránh né các vấn đề và thách đố trên đời; bà mẹ tốt còn giúp chúng đưa ra các quyết định quan trọng một cách tự do.

"Nhưng tự do nghĩa là gì? Chắc chắn không phải là làm mọi điều ta muốn, để ta bị dục vọng thống trị, đi hết từ cảm nghiệm này tới cảm nghiệm kia không cần biện phân, chạy theo các xu hướng thời thượng; có thể nói tự do không có nghĩa ném mọi điều ta không muốn qua cửa sổ. Tự do được ban cho ta để ta thực hiện các chọn lựa tốt ở trên đời!

"Là một bà mẹ tốt, Đức Maria dạy ta khả năng, cũng như ngài, đưa ra các quyết định quan trọng với cùng một thứ tự do mà ngài sử dụng để thưa 'xin vâng' đối với kế hoạch Thiên Chúa dành cho đời ngài (Lc 1:38)".

Đức Phanxicô không làm cho thứ tự do đó hoàn toàn dễ dãi đối với chúng ta. Ngài không cho chúng ta biết các chọn lựa tốt đó là những chọn lựa nào. Nhưng ngài hoàn toàn rõ ràng khi cho rằng tự do của ta sẽ được đặt ra khi ta thực hiện các lựa chọn. Ta có thể chọn để các dục vọng thống trị ta, hay ta tìm cách khuất phục các dục vọng ấy. Ta có thể chọn chống lại kế hoạch của Thiên Chúa dành cho đời ta, trốn chạy khỏi kế hoạch đó, hay như Đức Mẹ, ta chọn thưa "xin vâng" với kế hoạch đó, chấp nhận nó…

Kết luận, Đức Pahnxicô cho rằng: "Anh chị em thân mến, thời ta, thực hiện các quyết định quan trọng là điều khó khăn xiết bao! Sự phù phiếm lôi cuốn ta. Ta là nạn nhân của xu hướng luôn đẩy ta tới cõi phù phiếm… như thể ta vẫn mãi mãi là những thiếu niên suốt đời!

"Ta không nên sợ các dấn thân dứt khoát, các dấn thân có liên hệ và có hiệu quả tới trọn đời ta. Chỉ có cách đó, đời ta mới có kết quả!".

Rồi Đức Phanxicô nói những lời đẹp đẽ về Đức Maria, những lời lẽ hùng biện khiến ta nhớ tới vị tiền nhiệm của ngài là Đức Bênêđictô XVI, những lời ca ngợi nữ tử Israel như một linh hồn vĩ đại, trọn đời sống là một bài thánh ca… những lời đáng để suy niệm. Ngài nói: "Trọn đời sống Đức Mẹ là một bài ca sự sống, một bài ca tình yêu và sự sống. Ngài sinh hạ Chúa Giêsu làm người và đồng hành với việc sinh ra Giáo Hội trên Đồi Canvariô và tại Nhà Tiệc Ly.

"Đấng *Salus Populi Romani* là người mẹ luôn chăm sóc sự lớn mạnh của ta, ngài giúp ta đương đầu và vượt qua các vấn nạn, ngài cho ta sự tự do khi ta thực hiện các quyết định quan trọng; ngài là người mẹ luôn dạy ta biết sản sinh ra điều tốt, điều vui, điều hy vọng, biết đem sự sống đến cho người khác, cả sự sống thể lý lẫn sự sống tâm linh.

"Lạy Mẹ Maria, Đấng Che Chở Con Dân Rôma, đó là điều chúng con van xin Mẹ buổi chiều nay, cho dân chúng Rôma, cho tất cả chúng con: xin ban cho chúng con ơn mà chỉ Mẹ mới ban được, để chúng con luôn là dấu hiệu và dụng cụ sự sống".

"Cầu cho tôi ba Kinh Kính Mừng"

Sau Kinh Mân Côi và khi rời Nhà Thờ Đức Bà Cả, Đức Phanxicô nói vài lời với các tín hữu hiện diện tại đó. Ngài yêu cầu họ đọc cho ngài "ba Kinh Kính Mừng". Ngài nói: "Chào anh chị em. Xin cám ơn sự hiện diện của anh chị em tại nhà mẹ của Rôma, nhà mẹ của anh chị em. Vạn tuế Đấng Che Chở Con Dân Rôma. Vạn tuế Đức Mẹ. Ngài là Mẹ chúng ta. Chúng ta hãy phó thác trong tay ngài, để ngài che chở chúng ta như một người mẹ tốt lành. Tôi cầu nguyện cho anh chị em, nhưng tôi xin anh chị em cầu nguyện cho tôi, vì tôi cần lời cầu nguyện của anh chị em. Ba Kinh Kính Mừng cho tôi. Tôi xin chúc anh chị em một Chúa Nhật, ngày mai, hạnh phúc. Xin tạm biệt. Giờ đây, tôi ban phép lành cho anh chị em, cho anh chị em và cả gia đình của anh chị em nữa. Xin Thiên Chúa toàn năng chúc lành cho anh chị em… Chúc anh chị em một Chúa Nhật hạnh phúc".

Trong sứ điệp gửi qua Twitter vào ngày trên, Đức Phanxicô viết rằng "Trong tháng Năm, thật là đẹp nếu anh chị em cùng đọc kinh Mân Côi với nhau trong gia đình. Lời cầu nguyện giúp cuộc sống gia đình trở nên mạnh mẽ hơn nữa".

"Đặt triều đại giáo hoàng của ngài dưới chân Đức Mẹ"

Đức HY Santos Abril y Castelló, tổng quản Nhà Thờ Đức Bà Cả, đã dành cho Đài Phát Thanh Vatican một cuộc phỏng vấn về buổi đọc Kinh Mân Côi của Đức Phanxicô. Theo tiết lộ của ngài, Đức Phanxicô đã dâng hiến trọn triều giáo hoàng của mình cho Nữ Trinh Maria và đặt nó "dưới chân Đức Mẹ".

Đức Hồng Y cho biết: vào buổi sáng đầu tiên của triều giáo hoàng, "Đức GH Phanxicô muốn tới Vương Cung Thánh Đường không những để cảm tạ Đức Mẹ, nhưng như lời ngài đích thân nói với tôi, còn là để thực hiện một hành vi tín thác nữa, là đặt triều giáo hoàng của ngài dưới chân Đức Mẹ.

"Ngài tới để xin sự che chở và hộ phù của Đức Mẹ, vì ngài là một giáo hoàng rất sùng kính Đức Maria. Tôi biết rõ ngài thường đi viếng đền thánh quốc gia dâng kính Đức Mẹ ở Luján (Argentina), và đây không hẳn là lần đầu tiên ngài viếng Đức Mẹ, Đấng Che Chở Con Dân Rôma.

"Lấy hiền lành và khiêm nhường chống lại sự dữ"

Vào buổi sáng ngày 4 tháng 5, trong thánh lễ lúc 7 giờ sáng tại Nhà Thánh Marta, Đức Phanxicô yêu cầu các thính giả của ngài "luôn ở hiền lành và khiêm nhường, để ta có thể đánh bại các lời hứa hão

huyền và sự hận thù của thế gian".

Bài giảng của Đức Phanxicô tập trung vào cuộc đấu tranh giữa tình yêu Chúa Kitô và lòng hận thù của "thủ lãnh " thế gian, tức ma qủy. Đức Giáo Hoàng dạy rằng Chúa bảo ta đừng sợ khi thế gian ghét bỏ ta như nó đã ghét bỏ Người. Ngài nói; "Đường Kitô hữu đi là đường Chúa Giêsu đi. Nếu ta muốn theo chân Chúa Giêsu, thì không có con đường nào khác: thực vậy, không có con đường nào khác ngoài con đường của Người, con đường Người đã chỉ cho ta, và một trong các hậu quả của con đường này là lòng hận thù – đó là lòng hận thù của thế gian, và cũng là lòng hận thù của thủ lãnh thế gian.

Ngài cho hay: Chúa Giêsu "qua cái chết và sự phục sinh của Người" đã cứu chuộc ta "thoát khỏi quyền lực thế gian, thoát khỏi quyền lực ma qủy, thoát khỏi quyền lực của thủ lãnh thế gian". Ngài thêm: "Nguồn gốc tạo nên lòng hận thù này là chúng ta được cứu rỗi. Chính thủ lãnh thế gian không muốn cho ta được cứu rỗi, vì nó là kẻ hận thù". Ngài bảo rằng đó chính là lý do tạo nên hận thù và bách hại liên tục kể từ những ngày đầu tiên của Giáo Hội cho tới tận thời nay.

Với một giọng đau đớn, Đức Phanxicô nói rằng "trên thế giới, hiện có nhiều cộng đồng Kitô Giáo đang bị bách hại. Thực thế, thời đại này có nhiều cộng đồng bị bách hại hơn buổi sơ khai, cả ngày nay và ngay lúc này, cả hôm nay và ngay giờ này".

Tự hỏi tại sao có tình thế này, Đức Phanxicô trả lời: "Vì tinh thần thế gian là tinh thần hận thù". Sau đó, ngài đưa ra một nhận định không làm vui lòng thế giới duy tương đối chút nào. Ngài bảo: không ai có thể "đối thoại" với ma qủy được, dù đối thoại luôn cần thiết đối với con người nhân bản".

Ngài nhấn mạnh: "Không thể có bất cứ cuộc đối thoại nào với thủ lãnh thế gian. Phải hiểu rõ điều đó! Ngày nay, đối thoại là điều cần thiết giữa con người chúng ta, nó cần cho hòa bình. Đối thoại là một thói quen, một thái độ phải có giữa chúng ta để cảm nhận và hiểu biết lẫn nhau… và cuộc đối thoại này phải được duy trì mãi mãi. Đối thoại phát sinh từ bác ái, từ tình yêu. Nhưng với tên thủ lãnh kia, ta không thể đối thoại được: ta chỉ có thể đối đáp bằng Lời Thiên Chúa, Đấng luôn bênh đỡ ta, vì thế gian luôn ghét bỏ ta, và như như nó đã làm thế với Chúa Giêsu, nó cũng sẽ làm vậy đối với chúng ta".

Rồi Đức Phanxicô mô tả cách ma qủy cám dỗ con người, thậm chí còn đặt lời lẽ vào miệng tên cám dỗ, một tên chuyên môn lừa bịp con người nam nữ: "Hắn thường nói 'chỉ làm một chuyện bậy nho nhỏ này thôi… chỉ là chuyện nhỏ ấy mà, đâu có quan trọng gì' và thế là hắn bắt đầu dẫn ta bước vào con đường sai lạc. Đây là một lối dối trá ra điều đạo hạnh. 'Làm đi, làm đi: đâu có vấn đề gì đâu'". Đức Phanxicô nói thế, rồi thêm: "Nó bắt đầu từ từ, luôn luôn như thế, không đúng sao? Rồi hắn bảo: 'ông bà là người tốt mà, chuyện này ăn nhằm gì'. Hắn tìm cách ve vuốt ta, nịnh hót ta, và thế là ta rơi vào cạm bẫy của nó".

Đức Phanxicô sau đó cho hay Chúa dạy ta luôn làm chiên bên trong Giáo Hội, vì nếu ta quyết định rời đàn chiên, ta đâu còn "người chăn chiên để bảo vệ ta và do đó ta sẽ rơi vào nanh vuốt của sói dữ. Anh chị em sẽ hỏi: thưa cha, đâu là khí giới để bảo vệ chống lại các rù quyến này, các tán tỉnh, các lôi kéo mà thủ lãnh thế gian từng đưa ra này?". Đức Giáo Hoàng nói rằng khí giới này cũng là khí giới của Chúa Giêsu, tức Lời Thiên Chúa, không phải đối thoại, mà là Lời Thiên Chúa, rồi lòng khiêm nhường và đức hiền lành. "Ta nên nghĩ tới Chúa Giêsu lúc chịu khổ nạn. Tiên tri của Người cho hay: 'Giống như chiên đưa tới lò sát sinh', Người không hề kêu la, không hề: đó là đức khiêm nhường. Khiêm nhường và hiền lành. Đó là các khí giới mà thủ lãnh và tinh thần thế gian không chịu đựng nổi, vì đề nghị của nó luôn là đề nghị hưởng quyền hành thế gian, hưởng phù vân, hưởng giầu sang bất chính".

Đức Phanxicô thêm rằng: "Ngày nay, Chúa Giêsu nhắc ta nhớ sự hận thù của thế gian đối với ta, đối với những kẻ bước chân theo Người". Thế gian ghét ta "vì Người đã cứu rỗi ta, đã cứu chuộc ta".

Ngài kết thúc bài giảng bằng lời khẩn cầu Đức Mẹ, xin ngài "giúp ta trở nên hiền lành và khiêm nhường theo kiểu Chúa Giêsu".

Chỉ một chữ đủ để mô tả triều giáo hoàng của Đức Phanxicô

(Ngày 06/08/2013)

Ngày 2 tháng 8 vừa qua, John L. Allen Jr. nhận định rằng: quả là nguy hiểm khi tìm cách rút gọn thành một chữ toàn bộ sứ điệp của Đức Phanxicô trên chuyến bay từ Rio về Rôma. Vì sứ điệp này bàn về rất nhiều chủ đề khác nhau mà trọn bản văn ghi lại dài gần 10,000 chữ. Ấy thế nhưng Allen vẫn cứ cố gắng làm việc này mà không xâm hại gì tới bất cứ điểm chủ yếu nào của sứ điệp.

Chữ mà Allen cho không những tóm tắt trọn sứ điệp trên chuyến bay mà còn trọn cả triều giáo hoàng của Đức Phanxicô, ít nhất từ trước tới nay, là chữ "thương xót".

Thực vậy, mỗi triều giáo hoàng gần đây đều có một "câu ruột" biểu tượng cho việc nhấn mạnh có tính cốt lõi của mình. Đối với Đức Gioan Phaolô II, câu đó là "Đừng sợ", vốn được coi như khẩu lệnh nhằm làm sống dậy nhiệt tâm truyền giáo sau một giai đoạn chỉ biết nhìn vào mình và do dự. Đối với Đức Bênêđíctô XVI, nhóm chữ đó là "lý trí và đức tin", tức luận điểm cho rằng tôn giáo mà thiếu suy tư tự phê sẽ trở thành cực đoan; còn lý trí con người mà thiếu định hướng của các chân lý tối hậu sẽ trở thành chủ nghĩa hoài nghi và chủ nghĩa hư vô.

Đối với Đức Phanxicô, ý niệm nền tảng là lòng thương xót. Rất nhiều lần, ngài nhắc đi nhắc lại khả năng tha thứ bất tận của Thiên Chúa bằng cách nhấn mạnh rằng điều mà thế giới cần nghe Giáo Hội nói hơn cả là sứ điệp cảm thương.

Lọc lựa qua tất cả các nhận định của Đức Phanxicô trong cuộc họp báo trên không nói trên, điều duy nhất nói nhiều hơn cả là khi ngài trả lời câu hỏi về người Công Giáo ly dị và tái hôn. Và phần dẫn nhập của câu trả lời này cho ta cánh cửa sổ tốt nhất để nhìn vào triết lý mục vụ của ngài. Chủ yếu, ngài nói rằng:

"Lòng thương xót lớn lao hơn là trường hợp được anh nói tới. Tôi tin rằng đây là thời gian của lòng thương xót. Sự thay đổi của thời đại và cũng là của biết bao nhiêu vấn đề trong Giáo Hội - như một chứng tá không tốt của vài linh mục, nhưng cũng có các vấn đề gian tham trong Giáo Hội - kể cả vấn đề duy giáo sĩ, chẳng hạn, nó đã để lại biết bao nhiêu người bị thương. Nhưng Giáo Hội là Mẹ phải ra đi chữa lành các người bị thương với lòng thương xót. Nếu Chúa không mệt mỏi tha thứ, thì chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài lựa chọn này: trước hết là săn sóc những người bị thương. Giáo Hội là Mẹ và phải đi trên con đường này của lòng thương xót. Và tìm ra một lòng thương xót đối với tất cả mọi người. Nhưng tôi nghĩ rằng, khi người con hoang đàng trở về nhà, người cha đã không nói: "Mày, hãy ngồi xuống nghe tao đây, mày đã làm gì với tiền của rồi?" Không, ông tổ chức lễ mừng. Thế rồi có lẽ khi người con muốn nói, anh ta đã nói. Giáo Hội cũng phải làm như thế. Khi có ai đó... nhưng mà không phải chỉ chờ đợi họ, mà là ra đi tìm kiếm họ. Đó là lòng thương xót. Và tôi tin rằng *thời điểm (kairos)* đã tới, đây là *thời điểm* của lòng thương xót. Chính Đức Gioan Phaolô II đã có trực giác này khi đã bắt đầu Lòng Thương Xót Chúa với thánh nữ Faustina Kowalska... Người đã trực giác rằng đây là một sự cần thiết của thời nay'.

Kairos vốn là một hạn từ hết sức đặc trưng của Tin Mừng chỉ một thời điểm đã được ấn định trong kế hoạch của Thiên Chúa, như trong Máccô 1:15: "Đây là *thời điểm* ứng nghiệm. Nước Thiên Chúa đã gần kề". Hạn từ Hy Ngữ chỉ "thời điểm" ở đây chính là *kairos*. Trong óc tưởng tượng Kitô Giáo, hạn từ *kairos* này tương ứng với thời khắc đặc biệt của lịch sử khi một khía cạnh đặc thù trong kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa được tỏ lộ.

Việc Đức Phanxicô nhấn mạnh tới lòng thương xót xảy ra gần như ở khắp mọi nơi. Trong một nhận định gần đây trên tờ báo Ý *Corriere della Sera*, Enzo Bianchi, vị sáng lập ra đan viện đại kết nổi tiếng tại Bose, cho ta một phân tích thống kê về các chữ được Đức Phanxicô quen dùng kể từ ngày lên ngôi giáo hoàng. Chữ được dùng nhiều nhất là "vui", hơn 100 lần; tiếp theo là "thương xót", gần 100 lần.

Xác tín cho rằng ta hiện đang sống trong thời điểm thương xót làm mọi điều khác được Đức Phanxicô nói tới trên chuyến bay trở lại Rôma trở thành có nghĩa, và cả những điều ngài nói và làm từ trước đến nay kể từ ngày được bầu làm giáo hoàng hồi tháng Ba.

Nó giải thích quyết tâm của ngài không phê phán người đồng tính. Nó cũng giải thích việc ngài không bị cuốn hút vào cuộc tranh luận chính trị khi một nhà báo Ba Tây hỏi ngài về các luật lệ gần đây của xứ sở ông cho phép phá thai và hôn nhân đồng tính. Được hỏi tại sao không nhắc gì tới các vấn đề gây tranh cãi ấy trong suốt cuộc tông du Ba Tây, ngài đáp rằng "không cần phải nói về chúng, mà nói về những điều tích cực giúp người trẻ tiến bước. Dù sao, người trẻ biết rất rõ đâu là chủ trương của Giáo Hội".

Được ép nói ra xác tín riêng, ngài không tránh né "Đó là xác tín của Giáo Hội... Tôi là con của Giáo Hội mà".

Cốt lõi là đó. Đức Phanxicô không phải là người cấp tiến về lý thuyết, và chắc chắn sẽ không có bất cứ sự thay đổi đáng kể nào trong các chủ trương của Giáo Hội về các vấn đề phái tính và giới tính hay bất cứ vấn đề gì khác. Và một câu hỏi chuyên biệt được Đức Phanxicô khéo léo trả lời theo đường hướng này là vấn đề phong chức cho nữ giới, ngài tái xác nhận "cánh cửa đã đóng lại rồi".

Cuộc cách mạng dưới triều Đức Phanxicô không phải là về nội dung mà là về cung giọng. Ngài tin đây là thời điểm để Giáo Hội giương cao gương mặt thương xót của mình cho thế giới thấy, một phần vì các thương tích tự mình gây ra cho chính mình, một phần vì tính khí khó khăn, không chịu tha thứ của thời đại. Đây là vị giáo hoàng tìm mọi dịp để biểu lộ cảm thương, bác bỏ việc chỉ tay kết án ngoại trừ khi thật cần thiết.

Việc ngài tập chú vào lòng thương xót cũng giải thích tại sao bí tích giải tội lại quan trọng đối với ngài đến thế, tại sao ngài nhấn mạnh tới việc ngồi tòa giải tội trước khi cử hành Thánh Lễ lúc thăm một giáo xứ Rôma lần đầu tiên hôm 31 tháng Năm, một điều mà cả hai Đức Gioan Phaolô II và Bênêđíctô XVI đều không làm. Tại Rio de Janeiro cũng thế, ngài đích thân ngồi tòa giải tội cho 5 bạn trẻ, coi như đó là việc quan trọng nhất ngài phải làm trong tuần.

Tầm quan trọng của thương xót cũng đã được phát biểu trong huy hiệu giáo hoàng của ngài: *Miserando atque eligendo*, nghĩa là "bằng thương xót và tuyển chọn".

Theo Allen, trong dư luận báo chí phổ thông, Đức Phanxicô vốn được gọi là "Giáo Hoàng của Người Nghèo" và "Giáo Hoàng của Dân", cả hai đều nói lên các khía cạnh chủ chốt của Đức Phanxicô. Tuy nhiên, nếu muốn có một công thức nói lên trái tim đang đập của triều giáo hoàng Phanxicô, thiển nghĩ không gì bằng tước hiệu "Giáo Hoàng của Lòng Thương Xót".

Không giảng về lửa và diêm sinh

Phil Lawler hoàn toàn đồng ý như thế, nhưng cho rằng không phải chỉ có thế, vì các chủ đề chủ yếu khác của triều giáo hoàng này cũng rất ăn khớp với sứ điệp bao trùm trên.

Theo Lawler, một ít tuần lễ sau khi Đức Phanxicô lên ngôi giáo hoàng, những người quan sát của Vatican bắt đầu chú ý tới việc vị tân giáo hoàng hay nói tới tội lỗi và ma quỷ, nhưng không theo lối của những vị giảng thuyết chuyên nói về lửa và diêm sinh. Ngài nói tới tội như một thực tại mà con người nhân bản nào cũng phải đương đầu. Kiểu nói "tôi không sao, bạn không sao" không có hiệu quả; ta biết ta quá rõ mà; để một mình, ta không thể nào vượt qua được các biên giới của bản nhiên sa ngã.

Nhưng đây mới là yếu tính trong sứ điệp của Đức Phanxicô: với ơn Chúa, ta có thể thoát ra khỏi các biên giới kia. Chính vì thế, Đức Phanxicô có thể hân hoan lên tiếng, dù để nói về tội; và cũng là lý do tại sao nhiều người cảm thấy được khuyến khích dù ngài nói tới ma quỷ. Trong thông điệp *Spe Salvi*,

Đức Bênêđícô XVI cho rằng để hiểu được niềm hy vọng cứu rỗi nơi Kitô hữu, người ta phải trước nhất nhìn nhận việc cần được cứu rỗi. Nay, Đức Phanxicô trình bày giáo huấn có tính tín lý đó dưới hình thức một lời khuyên mục vụ. Ngài bảo: ta cần sự trợ giúp và Tin Mừng là sự trợ giúp ấy đã có sẵn!

Tuy nhiên, Đức Phanxicô không chỉ bằng lòng với việc một mình rao giảng sứ điệp này. Nhiều lần ngài khuyên các đồng đạo Kitô hữu của ngài cùng với ngài đem Tin Mừng đến với thế giới. Nếu việc cung hiến lòng thương xót của Chúa là sứ điệp quan trọng nhất của triều giáo hoàng này, thì sứ điệp quan trọng gần kề phải là việc Đức Phanxicô nhấn mạnh tới việc Giáo Hội phải đi ra ngoài, đem sứ điệp thương xót tới những người thiếu thốn nhất. Ngài liên tiếp phê phán "thứ Giáo Hội tự qui chiếu vào mình", khuynh hướng coi Giáo Hội như một định chế nhân bản, như một tổ chức hơn là một cơ thể sống động. Ngài không mệt mỏi nhắc ta nhớ rằng Giáo Hội có đó là để phục vụ, để chu toàn mệnh lệnh của Chúa Kitô, là trải rộng lòng thương xót của Chúa ra khắp thế giới.

Thay vì đào hào chống lại chủ nghĩa duy tục trong các vấn đề như phá thai, hôn nhân đồng tính và phong chức nữ giới, ngài chọn mở cuộc tấn công mới, trực tiếp kêu gọi hàng triệu người tìm nâng đỡ thiêng liêng. Ngài tập trung vào việc cung hiến, và thúc giục các tín hữu khác cung hiến, một khả thể hào hứng mà người duy tục không thể nào cung hiến được: đó là lòng thương xót của Chúa.

Một điểm chót: Đức Phanxicô sống giản dị, không phải để người đời tán thưởng, mà để đánh đổ cái nhìn coi ngài như nhân vật vĩ đại có thể dùng thế giá riêng để giảng dạy. Ngài muốn đơn giản hóa Vatican để đánh đổ quan điểm xưa nay vẫn cho rằng điều gì đó đúng là vì mấy viên chức cao cấp ở đó nói vậy. Ngài muốn một "Giáo Hội nghèo, một Giáo Hội cho người nghèo" vì ngài muốn thế giới biết rằng Giáo Hội không có gì để hiến tặng ngoại trừ ân phúc vô lượng của Thiên Chúa. Tóm lại, ngài sống đơn giản để dẫn thế giới tiến tới câu truyện có thực liên quan tới đức tin Công Giáo. Nó không phải là câu truyện về vị giáo hoàng, cũng không phải là câu truyện về Vatican, nhưng là câu truyện về lòng thương xót của Chúa.

Năm huyền thoại về Đức Phanxicô

(Ngày 08/08/2013)

Ngài từng được gọi là "vị giáo hoàng ứng biến" (improv pope), vị giáo hoàng gây ngạc nhiên, nhưng điều ngạc nhiên lớn nhất là Đức Phanxicô, cho tới nay, vẫn thoát được mọi cố gắng nhằm xếp loại ngài. Từ ngày bắt đầu thừa tác vụ Phêrô tới nay, rất nhiều bình luận gia đã đưa ra đủ thứ dự đoán về ngài, nhưng tất cả đều trật lất. Trong số khá nhiều lầm lẫn, sau đây là một số lầm lẫn đáng kể:

1. "Đức Phanxicô chống Đức Bênêđíctô"

Vì Đức Phanxicô xuất thân từ Á Căn Đình, còn Đức Bênêđíctô xuất thân từ Đức quốc, và vì Đức Phanxicô hướng ngoại cách tự nhiên còn Đức Bênêđíctô thì hướng nội nhiều hơn, nên một số người cho rằng các dị biệt về phong cách này nói lên một dị biệt về toàn bộ cung cách suy nghĩ. Nhưng những người nghĩ như thế là những người không chịu lưu ý. Một lầm lẫn tương tự cũng đã từng diễn ra khi Đức Gioan XXIII mập mạp và tươi cười kế vị Đức Piô XII uy nghiêm và khắc khổ hơn, dù hai vị vốn thân quen với nhau.

Sau khi kế nhiệm Đức Bênêđíctô vào ngày 13 tháng Ba, một trong các lời đầu tiên của Đức Phanxicô là để cầu nguyện cho vị tiền nhiệm. Sau đó, ngài lập tức điện thoại cho vị tiền nhiệm. Chỉ 10 ngày sau, Đức Phanxicô đích thân tới Castel Gandolfo để chào kính Đức Bênêđíctô một cách công khai và long trọng. Khi Đức Bênêđíctô trở lại Vatican vào tháng Năm, ngài lại tới ôm hôn vị tiền nhiệm của mình một cách thân ái trước sự chứng kiến của mọi người. Và từ đó, hai ngài luôn giữ liên lạc với nhau và đích thân gặp nhau.

Ngày đáng nhớ nhất hẳn phải là ngày 5 tháng 7. Có thể coi ngày này như là ngày đầu tiên Đức

Phanxicô, giám mục Rôma, thi hành quyền tối thượng của một giáo hoàng: công bố văn kiện huấn quyền đầu tiên, tức Thông Điệp Ánh Sáng Đức Tin, và công bố quyết định tôn Đức Gioan XXIII lên hàng hiển thánh dù không có phép lạ, như luật thông thường đòi hỏi. Chính hôm đó, người ta thấy có sự hiện diện của cả hai vị giáo hoàng đương nhiệm và hưu trí. Sự hiện diện ấy hết sức có ý nghĩa, đánh tan mọi lo lắng của rất nhiều nhà bình luận xưa nay về viễn tượng "hai giáo hoàng" thuở nào.

Biến cố khác cũng có ý nghĩa không kém đó là cuộc du hành ra ngoại quốc lần đầu của Đức Phanxicô. Bắt đầu từ Đức Phaolô VI, người ta đã cho rằng một trong các hình thức thi hành quyền tối thượng của giám mục Rôma là du hành ra ngoại quốc gặp gỡ các giám mục hoàn cầu ở ngay chính lãnh thổ cai quản của các vị. Theo tiết lộ của Đức Ông Georg Ratzinger, bào huynh Đức Bênêđíctô, một trong các lý do khiến Đức Bênêđictô từ nhiệm là việc hết khả năng thực hiện các chuyến bay xuyên Đại Tây Dương! Đức Phanxicô có đồng cảm như thế hay không là điều ta không biết, chỉ biết một điều, trước khi lên đường qua Rio de Janeiro, thực hiện chuyến đi ngoại quốc lần đầu để hiệp thông cùng các giám mục thế giới, ngài đã tới gặp Đức Bênêđíctô...

Từ cuộc trả lời báo chí trên chuyến bay từ Rio trở lại Rôma, ta thấm hơn lý do của cuộc gặp gỡ trên: người cha, trước khi lên đường ra đi, tới chào kính và xin "ông nội" chúc phúc cho chuyến đi của mình. Ta hãy nghe lại chính lời Đức Phanxicô: "Nó giống như có Ông Nội trong nhà vậy, nhưng là một Ông Nội khôn ngoan. Khi trong một gia đình có Ông Nội trong nhà, thì người được tôn kính, yêu mến và lắng nghe. Đức Thánh Cha Biển Đức XVI là một người của thận trọng, người không xen mình vào, tôi đã thưa ngài biết bao nhiêu lần rằng: 'Thưa Đức Thánh Cha, xin hãy sống cuộc sống của ngài, xin đến với chúng con...' Và ngài đã đến để khánh thành và làm phép tượng Tổng Lãnh thiên thần Micae...

"Đó, câu nói đó diễn tả tất cả rồi. Đối với tôi thì như là có Ông Nội trong nhà: ngài là thân phụ của tôi. Nếu gặp khó khăn hay có việc gì không hiểu tôi sẽ điện thoại hỏi ngài: 'Xin nói cho con biết, con có thể làm việc đó không?'"

Những lời tâm sự ấy hẳn phải phát xuất từ thẳm sâu tâm hồn, vì nào có ai "ép" Đức Phanxicô phải nói "đến cái mức ấy" đâu!

Gần đây, Đức Phanxicô còn cho một trong các học trò của ngài hay Đức Bênêđíctô là một tư tưởng gia tuyệt vời và ngài hết lòng trông đợi các lời cố vấn của vị tiền nhiệm: "bỏ qua lời cố vấn của Đức Bênêđíctô quả là điều ngu xuẩn".

Tuyên bố trên hoàn toàn được biện minh bởi Thông Điệp Ánh Sáng Đức Tin. Văn kiện huấn quyền này vốn được Đức Bênêđíctô khởi sự vào cuối triều giáo hoàng của ngài, nhưng chưa hoàn tất. Đức Phanxicô có quyền dẹp bỏ nó để viết lại một nội dung khác. Nhưng không, ngài tiếp tục hoàn thành nó và công bố nó như thông điệp "đăng quang" của mình mà vẫn dành trọn công lao cho vị tiền nhiệm. Làm thế, Đức Phanxicô đã hoàn toàn ủng hộ những tầm nhìn thấu suốt của Thông Điệp về đức tin và lý trí, sự quan trọng của chân lý, khoa giải thích liên tục, thấy đều là các trọng điểm của triều giáo hoàng Bênêđíctô. Có thể nói, Đức Phanxicô đang làm rất nhiều để củng cố và thăng hoa di sản của Đức Bênêđíctô hơn óc tưởng tượng của chính những người ái mộ vị giáo hoàng hưu trí.

Pat Archbold của National Catholic Register, ngày 5 tháng 8 vừa qua, còn đưa ra 10 trích dẫn để chứng minh Đức Phanxicô là một giáo hoàng cấp tiến. Có điều không như người ta vốn nghĩ, vốn cho rằng cấp tiến ở đây ngược lại bảo thủ của Đức Bênêđíctô. Vì một điều nghịch lý: cả 10 trích dẫn đó đều lấy từ vị giáo hoàng hưu trí (xem "10 Quotes That Prove The Pope Is A Liberal" http://www.ncregister.com/blog/pat-archbold/10-quotes-that-prove-the-pope-is-a-liberal#ixzz2bEPQcXgK)

Dĩ nhiên, cứ nhìn bề ngoài, từ nơi ở (Santa Martha), cử chỉ (tươi cười, tự nhiên), lời nói (bộc trực), tới cách phục sức (đơn giản), ai cũng phải nhận Đức Phanxicô thật khác với vị tiền nhiệm lúc còn tại chức. Nhưng điều nghịch lý là cái khác ấy là để... giống vị tiền nhiệm khi vị này không còn tại nhiệm nữa. Điều hiển nhiên hiện nay là cả hai vị giáo hoàng còn tại thế giống nhau đến độ khó mà phân biệt

được ai đang "cầm quyền" ai không, nếu chỉ nhìn bề ngoài: không vị nào sống trong tông điện cả, không vị nào mang giầy đỏ cả, không vị nào mang mozetta cả, không vị nào thánh giá vàng, thánh giá ngọc, vị nào cũng sống tại nơi "đạm bạc", mặc áo chùng trắng như nhau, chiếc mũ như nhau, đôi giầy giống nhau, thánh giá ngực như nhau, và cả "quân hầu người hạ" cũng không hơn gì nhau! Cái hình ảnh hai vị giáo hoàng tại thế như nhau, thiển nghĩ là điều Đức Phanxicô cố tình tạo nên, khi từ chối dọn vào tông điện, khi từ chối ăn vận khác với một giám mục bình thường, ngoại trừ mầu áo (như vị tiền hiệm hưu trí) và dĩ nhiên chiếc nhẫn Phêrô vì dù gì ngài vẫn lả kẻ nối nghiệp Phêrô. Đức Phanxicô không thoái thác việc nối nghiệp ấy nhưng phải chăng hình ảnh hai lá phổi của Đức Gioan Phaolô II khi nói tới các Giáo Hội Đông và Tây Phương không đang áp dụng vào trường hợp hai vị kế nhiệm tức khắc của mình đó sao?

2. "Đức Phanxicô không phải là chiến binh văn hóa"

Từ lầm lẫn đầu mà có lầm lẫn sau. Người ta bảo rằng: không như Đức Bênêđíctô cứng ngắc, Đức Phanxicô mềm dẻo hơn. Ngài tránh đối chất cũng như các tố cáo lớn tiếng, và không hề muốn pha mình vào bất cứ cuộc chiến tranh văn hóa nào; không chỗ nào rõ ràng hơn bằng cung cách ngài xử sự với các vấn đề xã hội nóng bỏng. Phóng viên tôn giáo Allesandro Speciale gần đây cho rằng Đức Phanxicô "ít tha thiết tới chuyện pha mình vào các cuộc chiến văn hóa liên quan tới phá thai hay hôn nhân đồng tính, điều mà các vị tiền nhiệm của ngài rất tha thiết". Sandro Magister viết thêm: "Không thể là chuyện tình cờ khi sau 120 ngày đầu triều giáo hoàng của mình, Đức Phanxicô vẫn chưa nói tới những chữ như phá thai, an tử, hôn nhân đồng tính".

Thật khó có thể tưởng tượng được những nhận định nào sai lạc hơn thế. Không kể là người vốn lớn tiếng bênh vực trẻ chưa sinh và hôn nhân truyền thống lúc còn làm TGM Buenos Aires, từ ngày làm giáo hoàng, Đức Phanxicô chưa bao giờ chịu nhượng bộ một ly về sự thật luân lý của Giáo Hội. Chưa đầy hai tuần lễ sau khi lên ngôi, Đức Phanxicô đã minh nhiên hứa tiếp tục cuộc chiến đấu của Đức Bênêđíctô chống lại "nền độc tài của chủ nghĩa duy tương đối". Tháng Năm vừa qua, Đức Phanxicô không những khuyên hàng chục ngàn người tham gia biểu tình phải bảo vệ sự sống nhân bản "ngay từ lúc mới tượng thai", mà còn đích thân tham dự cuộc diễn hành phò sự sống ở Rôma. Gần đây, ngài còn gửi một sứ điệp đặc biệt phò sự sống tới Ái Nhĩ Lan, lúc nước này đang trong diễn trình thừa nhận việc hợp pháp hóa phá thai; ngài khuyên nước này bảo vệ "cả những người yếu ớt nhất và dễ bị thương tổn nhất, người bệnh, người già, trẻ chưa sinh...". Ngài tuyên bố rằng mọi người "phải chăm sóc sự sống, trân quí sự sống... từ lúc bắt đầu tới lúc tận cùng của nó". Thiển nghĩ ngôn từ ấy đã quá rõ ràng.

Còn về hôn nhân đồng tính, sau khi Pháp hợp pháp hóa nó, ngược với sự phản đối cực lực của Giáo Hội, Đức Phanxicô đã lớn tiếng chỉ trích các nhà lập pháp theo đòi "phong cách và lối suy nghĩ thời thượng" và sau đó đã dạy trong Ánh Sáng Đức Tin rằng "Khung cảnh đầu tiên để đức tin soi sáng kinh thành nhân bản là gia đình. Tôi nghĩ trước hết và trên hết đến sự kết hợp bền vững của người nam và người nữ trong hôn nhân" khiến tờ Advocate cho rằng "Đức Phanxicô và Đức Bênêđíctô Cùng Nhau Kết Án Hôn Nhân Đồng Tính".

Nên nhớ: khi trả lời các nhà báo trên chuyến bay từ Rio trở lại Rôma, Đức Phanxicô nhắc lại rằng quan điểm của ngài về các vấn đề phá thai và hôn nhân đồng tính vẫn là quan điểm của Giáo Hội xưa nay. "Tôi là người con của Giáo Hội". Tại đất nước Ba Tây, nơi phá thai và hôn nhân đồng tính vừa được hợp pháp hóa, Đức Phanxicô cho biết lý do tại sao ngài không nói tới chúng như sau: "không cần đề cập tới vấn đề này, nếu không phải là những chuyện tích cực làm cho người trẻ tiến bước. Ngoài ra, giới trẻ biết rất rõ đâu là lập trường của Giáo Hội".

Riêng hai vấn đề đồng tính nói chung cũng như ly dị và tái hôn, nhiều người cho rằng ngài thiên về thỏa hiệp, khiến tờ Washington Post ngày 1 tháng 8 chạy một hàng tít "Pope Francis: The end of 'fortress Catholicism'?" (Đức GH Phanxicô: Ngày Tận Cùng của 'Pháo Đài Công Giáo'?). Trong bài báo này, John Gehring viết rằng "Một điều bất ngờ và phi thường đang xảy ra trong Giáo Hội Công Giáo. Đức GH Phanxicô đang cứu đức tin khỏi tay những người đang ngồi xổm trong các nhà thờ chính tòa nạm vàng, tay thủ tín lý như thủ gươm giáo. Pháo đài Công Giáo, trong đó các người Công

Giáo cấp tiến, các người Công Giáo đồng tính, các phụ nữ Công Giáo và nhiều người khác vốn yêu thương Giáo Hội nhưng đôi khi cảm thấy bị hàng giáo phẩm đẩy ra bên lề, đang bắt đầu sụp đổ".

Thực ra, các câu trả lời về đồng tính cũng như ly dị và tái hôn trên chuyến máy bay nói trên hoàn toàn phản ảnh tín lý và luân lý hiện hành của Giáo Hội. Khuynh hướng đồng tính mà thôi đâu phải là điều xấu. Hành vi đồng tính mới là điều sai trái. Mà dù có hành vi đồng tính đi chăng nữa, ta vẫn chẳng có quyền gì đẩy người đồng tính ra bên lề. Cơ sở nằm dưới là: tất cả chúng ta đều là kẻ có tội và tất cả chúng ta đều được Thiên Chúa yêu thương, cùng có phẩm giá của một con người. Vận động đồng tính là việc khác hẳn, nhất định không thuộc loại "tìm kiếm Thiên Chúa và có thiện chí". Người phạm tội mà vẫn cố gắng đi tìm Thiên Chúa, trong thiện tâm, thì "tôi là ai mà dám phê phán họ". Họ đây chỉ những người này, và chỉ chỉ những người này mà thôi.

Về ly dị và tái hôn cũng thế. Ly dị theo luật dân sự mà không tái hôn vốn được giáo luật coi là ly thân, điều được giáo luật dự liệu, và là điều hợp với các Tin Mừng Mátthêu và Luca và Thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Đương nhiên họ được rước lễ, vì đâu có phạm tội gì. Nhưng nếu sau khi ly dị theo luật dân sự mà lại tự động tái hôn, thì theo giáo luật, không được rước lễ. Tuy nhiên, có những trường hợp ly dị và tái hôn, sau khi không được tòa án Giáo Hội tuyên bố vô hiệu, vì người trong cuộc thành thực tin rằng hôn nhân trước của họ bất thành, tuy họ biết chắc nhưng không chứng minh được trước tòa Giáo Hội. Đây là trường hợp được Đức Giáo Hoàng coi là khá đông, khi trích lại lời vị tiền nhiệm tại Buenos Aires trước kia: "phân nửa các cuộc hôn nhân là bất thành sự. Tại sao ngài lại nói như vậy? Bởi vì người ta lấy nhau mà không trưởng thành, lấy nhau mà không nhận ra rằng nó kéo dài suốt đời, hay lấy nhau vì phải lấy nhau một cách xã hội". Tất cả các khía cạnh này vốn đang được Giáo Hội nghiên cứu, không có gì mới mẻ cả (xem *Câu Trả Lời Của Đức Phanxicô Về Ly Dị Và Tái Hôn*, và *Câu Trả Lời Của Đức Phanxicô Về Đồng Tính*, Vietcatholic 2 và 3 tháng Tám).

Chính vì thế Russell Shaw trên *Our Sunday Visitor* ngày 6 tháng 8 cho chạy hàng tít "Look beyond headlines to understand Pope Francis" (Nhìn quá hàng tựa đầu để hiểu Đức GH Phanxicô).

3. "Đức Phanxicô là vị giáo hoàng 'công bằng xã hội'"

Khi nói Đức Phanxicô là vị giáo hoàng của công bằng xã hội, người ta thường có ý nói: ngài quan tâm tới người nghèo và tập chú triều giáo hoàng của ngài vào việc giải quyết vấn đề nghèo khó. Đây là điều vừa hiển nhiên vừa không đầy đủ. Dĩ nhiên, giống các vị tiền nhiệm, Đức Phanxicô quan tâm tới người nghèo, một sự kiện thấy rõ khi ngài tới thăm Lampedusa, nơi ngài hùng hồn bênh vực các di dân bị bỏ rơi. Nhưng ngài đâu phải là vị giáo hoàng chỉ quan tâm duy nhất tới cảnh nghèo, vì, cũng như Chân Phúc Gioan Phaolô II, ngài biết rõ: việc mưu tìm công bằng xã hội sẽ "sai lầm và ảo tưởng nếu quyền sống, là quyền căn bản và nền tảng hơn cả, và là điều kiện cho mọi quyền bản thân khác, không được bảo vệ với một quyết tâm tối cao". Như Đức Bênêđícto vốn dạy, ngài biết rõ: các giáo huấn kinh tế của Giáo Hội được nối kết khăng khít với giáo huấn về gia đình và tính dục nhân bản, nên thông điệp *Sự Sống Con Người* (Humanae Vitae) cần được duy trì mạnh mẽ.

Quan trọng hơn nữa, Đức Phanxicô tin rằng việc hồi tâm của cá nhân phải đi trước việc cải thiện xã hội, và do đó, ngài bác bỏ chủ nghĩa duy tiến thế tục (secular progressivism), là chủ nghĩa tách linh đạo ra khỏi công bằng xã hội. Giáo huấn của Đức Phanxicô kêu gọi ta thay đổi tâm hồn từ bên trong và phải tự vấn lương tâm luôn, coi đó như chìa khóa dẫn vào cải cách xã hội. Như thế, ngài không hẳn là giáo hoàng "công bằng xã hội" cho bằng là bậc thầy dạy tĩnh tâm hàng đầu của thế giới, nhắc nhở mọi người rằng nếu không biến đổi tâm hồn, ta sẽ không bao giờ đạt được công bằng xã hội thực sự, vì điều này chỉ xảy ra nhờ lòng khiêm nhường, đức hy sinh và kỷ luật linh đạo, chứ không nhờ sắc lệnh chính phủ.

4. "Đức Phanxicô sẽ bác ái hơn đối với người bất đồng"

Ngay sau khi Đức Phanxicô được bầu không lâu, các người bất đồng bắt đầu đề cao ngài và hạ giá các vị tiền nhiệm của ngài, vì cho rằng cuối cùng ngài đã hoàn tất các hứa hẹn của Vatican II. Nhưng

cũng như Chân Phúc Gioan Phaolô II và Đức Bênêđíctô XVI, Đức Phanxicô nào có coi Vatican II như một hiến chương bất đồng đâu. Ngài từng mạnh mẽ tuyên bố rằng biết Chúa Giêsu là hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội và Huấn Quyền; ta không thể là một người Công Giáo tín trung mà lại thực hành một nền linh đạo độc lập, hoàn toàn dật dờ muốn đi đâu thì đi.

Về khía cạnh này, ngay ngày 23 tháng Tư năm nay, Scott P. Richert đã cho chạy hàng tít "Pope Francis: It Is Not Possible to Find Jesus Outside the Church"(Đức Phanxicô: không thể tìm thấy Chúa Giêsu ở bên ngoài Giáo Hội). Hôm đó là lễ kính Thánh George tử đạo, quan thầy của ngài (Jorge Mario Bergoglio). Trước mặt hầu hết các Hồng Y thế giới, Đức Phanxicô nhắc lại lời Đức Phaolô VI rằng: "Muốn sống với Chúa Giêsu mà không có Giáo Hội, muốn theo Chúa Giêsu bên ngoài Giáo Hội, muốn yêu Chúa Giêsu mà không có Giáo Hội là một nhị phân phi lý". Ngài còn trích lời Chúa Giêsu trong Tin Mừng: "Nhưng các ông không tin, vì các ông không thuộc đoàn chiên của Tôi", rồi thêm: "Nếu ta không thuộc đoàn chiên của Chúa Giêsu, đức tin không đến với ta. Nó là thứ đức tin hào nhoáng (rosewater), một đức tin không có bản chất".

Bởi thế, một trong các việc đầu tiên của Đức Phanxicô trên ngôi tòa Phêrô là tái xác định lời phê phán của Đức Bênêđíctô đối với sự bất đồng và bất tuân phục của Hội Đồng Lãnh Đạo Các Nữ Tu tại Hoa Kỳ. Rồi trong Thông Điệp Ánh Sáng Đức Tin, ngài nhấn mạnh tới ý nghĩa của sự chính thống, cho rằng đây không phải là việc chọn lựa tín điều nào mình ưa mà phải chọn mọi tín điều: "Vì đức tin là một, nên nó phải được tuyên xưng trong mọi nét tinh trong và nguyên tuyền của nó. Chính vì mọi điều của đức tin đều có liên hệ qua lại với nhau, nên bác bỏ một điều trong đó, dù là điều xem ra kém quan trọng nhất, cũng gần như làm méo mó toàn bộ. Mỗi giai đoạn lịch sử đều có thể thấy điểm này hay điểm nọ của đức tin dễ hay khó chấp nhận hơn: do đó, ta cần phải tỉnh trí để bảo đảm rằng kho tàng đức tin phải được chuyển giao trong tính toàn diện của nó".

5. "Đức Phanxicô yêu thế gian"

Đây là cái nhìn lầm lẫn nhất. Người ta bảo ta rằng: Đức Phanxicô thoải mái với thế gian hơn hẳn nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo khác, là những người vốn sợ thế giới hiện đại. Nhưng điều này không phải vì ngài yêu chính thế gian. Ngài yêu những con người trong thế gian và muốn dẫn họ tới Chúa Kitô. Chính vì thế, ngài hay nói tới ma quỷ và cảnh cáo ta chống lại các rù quyến của thế gian. Ngài yêu tạo dựng của Thiên Chúa, nhưng hiểu rõ tội nguyên tổ đã tác hại ra sao và ý chí tự do của ta dễ bị lạm dụng như thế nào. Lẫn lộn lòng nhân từ và tình bằng hữu của Đức Phanxicô với lòng yêu thế gian là hiểu lầm toàn bộ triều giáo hoàng của ngài: hơn ai khác, Đức Phanxicô hiểu rõ: thế gian chìm đắm trong tội, và ngài hăng say tìm cách chữa lành việc đó xuyên qua chương trình tân phúc âm hóa.

Điều duy nhất đúng là khi người ta bảo Đức Phanxicô giống Đức Gioan XXIII. Nhưng cả ở đây, sự so sánh đôi khi cũng đi quá trớn, khi họ đưa các từ ngữ chính trị vào. Chân phúc Gioan XXIII chưa bao giờ là "người cấp tiến" theo nghĩa hiện nay của từ ngữ cả; ngài vốn là người cổ vũ cuộc canh tân chân chính như Đức Phanxicô. Và nếu Đức Phanxicô, với sự hỗ trợ của tín hữu và được hiểu cách chính xác, có diễm phúc nối tiếp cuộc canh tân mà chính ngài mong muốn, thì Giáo Hội đang chịu nhiều thử thách và cả thế giới đang bấn loạn sẽ được hưởng nhờ lòng can đảm, sức mạnh và đức tin của ngài.

Viết theo sườn bài "Five Myths About Pope Francis" của William Doino Jr.,trên Inside the Vatican.

Cuộc canh tân của Đức Phanxicô đã khởi sự
(Ngày 13/08/2013)

Nhiều quan sát viên đang tỏ ra sốt ruột trước viễn ảnh canh tân giáo triều nói riêng và canh tân Giáo Hội nói chung của Đức Phanxicô. Theo Sandro Magister, gần đây, Đức HY Dolan, một người rất mộ mến đức Tân Giáo Hoàng Phanxicô, nhưng cũng đành đứng vào số những người sốt ruột này với câu tuyên bố giống hệt hai môn đệ trên đường Emmau xưa: "chúng tôi muốn một vị có kỹ năng quản trị tốt và kỹ năng lãnh đạo nữa, nhưng cho đến nay, việc này chưa được hiển nhiên".

Nhưng theo John L. Allen, cách mạng là chuyện nực cười. Có những cuộc cách mạng do nhóm này phát động nhưng bị nhóm khác cướp mất, như trường hợp Ai Cập, nơi các nhà dân chủ cấp tiến trở thành khách bàng quan đối với cuộc tranh đua thực sự giữa quân đội và Huynh Đệ Hồi Giáo. Lại có những cuộc cách mạng phát sinh từ một chủ nghĩa lý tưởng vĩ đại nhưng đã mau chóng trở thành màn khói che đậy giả hình, như nhiều cuộc nổi dậy của cộng sản. Và nhiều cuộc cách mạng chỉ đơn giản xì hơi mất dạng, trong khi một số ít khác cuối cùng đã tạo ra được những hệ thống mới, những hệ thống dù vẫn có yếu điểm nhưng thực sự đã biến đổi thế giới, đó là cách mạng Pháp hay cách mạng Mỹ.

Hiện còn quá sớm để biết chắc đường đi của cuộc canh tân do Đức Pahnxicô chủ xướng. Một phần vì ở bình diện cơ cấu và nhân sự, ngài chưa đưa ra được thay đổi "ngoạn mục" nào. Một phần khác, vì việc so sánh xem ra không chính xác chút nào: dù sao, Đạo Công Giáo cũng là một gia đình của niềm tin, chứ không phải một hội chính trị.

Nhưng có lẽ điều chắc chắn duy nhất hiện nay là cuộc cách mạng, hay canh tân, của Đức Phanxicô đã đang khởi sự rồi. Hồi giữa tháng Bẩy, tạp chí tin tức L'Espresso của Ý đã cho chạy hàng tít ở trang bìa với câu: "Ce la farà?" tạm dịch là "liệu ngài có làm được không?". Làm được gì? Không cần giải thích, ai cũng hiểu là cố gắng canh tân Giáo Hội Công Giáo.

Trong số các cải tiến hàm ý ở đây, có việc Đức Phanxicô quyết định không đi nghỉ vào mùa hè này, mà ở lại Vatican, chứ không tới dinh mùa hè Castel Gandolfo. Tuy nhiên, người ta vẫn cho rằng tháng Tám là tháng êm ả, sau cuộc tông du mệt nhọc tại Ba Tây để chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới, một êm ả của bản nhạc dạo dẫn vào những hành động đáng kể trong mùa thu.

Đã có thay đổi

Nhiều người xác tín rằng trong các vấn đề đáng lưu ý, sự thay đổi đã diễn ra rồi. Điều rõ ràng nhất là chưa đầy 4 tháng, Đức Phanxicô đã vực dậy tăm tiếng quốc tế của ngôi vị giáo hoàng và vốn liếng thiêng liêng của nó. Ấn bản Ý của *Vanity Fair* mới đây đã bầu ngài làm "Người Của Năm", với những trích dẫn nhằm ca ngợi của những giới hết sức đáng ngạc nhiên như Elton John, người cho rằng Đức Giáo Hoàng là "một phép lạ khiêm nhường trong thời đại hư danh".

Các cuộc thăm dò tại nhiều nơi trên thế giới cho thấy tỷ lệ ca ngợi cao đến làm các chính khách và những người nổi tiếng phải thèm thuồng. Một cuộc thăm dò mới đây ở Ý cho thấy mức tiếng tăm của Đức Phanxicô lên tới 85%, đem lại cho Giáo Hội một hiệu quả trông thấy; tỷ lệ người Ý cho biết họ tin tưởng Giáo Hội đã lên tới 63% so với 46% hồi tháng Giêng, dưới triều giáo hoàng của Đức Bênêđictô XVI.

Một quan sát viên Vatican kỳ cựu là Marco Politi, hiện giữ một mục trên nhật báo Il Fatto Quotidiano, cho hay: "Đã có sự thay đổi thái độ khắp trên thế giới đối với ngôi vị giáo hoàng kể từ ngày Đức Phanxicô được bầu. Quả có sự bộc lộ cảm tình lớn lao, không những chỉ từ các tín hữu mà từ cả những người có tinh thần thế tục và xa cách Giáo Hội nhất".

Thiển nghĩ, Politi không hề nói quá. Nói theo kiểu chính trị, Đức Phanxicô không thua gì Nelson Mandela, một nhân vật mà thế giá tinh thần không bị ai nghi vấn. Người ta cho hay trong chuyến tông du Ba Tây vừa qua, những người chủ đạo cuộc bất ổn trên phố xá nước này dẫm lên nhau để thấy rõ

ai được người ta kính mến và tôn trọng hơn.

Người ta cũng cho rằng Đức Phanxicô là một "giáo hoàng không dính" (Teflon pope) theo nghĩa không điều xấu nào xem ra dính chặt (stick) cả. Bất cứ khi nào có chuyện tai tiếng xảy ra, người ta đều không đổ cho Đức Giáo Hoàng, ngược lại còn coi đó như một bằng chứng nữa cho thấy ngài là người cần thiết.

Đây là một dẫn chứng: cuối tháng Bẩy, một tờ báo Ý tường trình rằng vị giáo phẩm mà Đức Phanxicô đích thân chọn lựa để cải tổ Ngân Hàng Vatican từng dính líu tới một vụ ái tình đồng tính lộ liễu lúc còn phục vụ tại tòa sứ thần ở Uruguay, hơn một thập niên trước. Những ai có khuynh hướng chấp nhận tường trình này theo giá trị bề mặt thì coi nó như một bằng chứng chứng tỏ có "nhóm vận động đồng tính" tại Vatican mà Đức Phanxicô sẽ lật úp; những ai có khuynh hướng bác bỏ tường trình này thì cho rằng đây chỉ là bằng chứng cho thấy cuộc cải tổ của Đức Phanxicô đang gặp chống đối. Nhưng ai cũng nhất trí rằng Đức Phanxicô là giải pháp chứ không phải vấn đề.

Nói cho ngay, phần lớn người bình dân không lưu ý chi tới những trò chơi nội bộ ấy. Các nhà quan sát Vatican rất có thể bị ám ảnh bởi những câu hỏi như Đức Phanxicô sẽ cử vị nào làm Hồng Y quốc vụ khanh hay ngài sẽ đưa ra cải tổ nào đối với Viện Các Công Trình Tôn Giáo (Ngân Hàng Vatican); vấn đề của họ về một vị giáo hoàng thường là ngài có gây cảm hứng hay không?

Cho tới nay, câu trả lời là có. Xét vì tất cả các tai tiếng, báo chí xấu và tranh cãi mà Giáo Hội Công Giáo phải kinh qua suốt một thập niên qua, thì nếu đây không phải là cách mạng, thì còn là gì nữa?

Tại Rôma, các dấu hiệu cũng cho thấy rõ một trật tự mới đã được tạo ra. Các giáo sĩ từng phản đối điều bị họ cho là càng ngày càng khó khăn chi li về phụng vụ dưới thời hai Đức Gioan Phaolô II và Bênêđictô XVI, chẳng hạn, vì khi tới tham dự thánh lễ của Đức Giáo Hoàng thường bị phê phán là không mặc phẩm phục xứng đáng. Các phê phán như thế từ giữa tháng Ba đã không còn nữa.

Lối sống đơn giản của Đức Phanxicô đang gây ảnh hưởng dây chuyền. Người ta thường thấy các vị hoàng tử của Giáo Hội ngày nay mặc bộ áo chùng đen đơn giản của giáo sĩ hơn là các phẩm phục sang trọng mà trước đây các vị quen mặc, và một số vị ký tên trên các thư từ chính thức chỉ đơn giản với tên thông thường, bỏ hẳn các tước vị như đức này đức nọ (His Eminence)...

Điều đáng nói nữa là chính những người ăn xin quanh Vatican cũng cảm thấy có điều gì thay đổi lớn đang xảy ra tại đây. Các viên chức Vatican cho hay khi từ chối lời xin tiền lẻ của những người này, họ thường được nghe những câu đáp lễ tương tự như thế này "Cosa direbbe Papa Francesco?" – nghĩa là, "Đức Giáo Hoàng Phanxicô sẽ nói gì đây?"

Trò chơi đã kết thúc

Tất cả những chuyện trên có thể bị coi là chuyện tầm phào, thuộc phong thái hời hợt, không đáng kể, nhưng không ai chối cãi hiện đang có việc thay đổi ở một bình diện sâu xa hơn.

Chỉ cần đơn cử trường hợp sau: tại Vatican trước đây vẫn từ lâu đã có sự phân biệt trong nhóm/ngoài nhóm, giữa nhóm đa số đi làm đúng giờ và làm hết mình, và nhóm thiểu số ưu đãi điều khiển "trò chơi", chiếm độc quyền việc lui tới với Đức Giáo Hoàng, kiểm soát việc phân phối nhân sự và tài nguyên, ngoài ra còn giật dây quyền hành trên căn bản đỡ đầu và quen biết chính trị.

Mới 4 tháng trước đây thôi, trò chơi ấy rất thịnh hành. Các nhân viên có tham vọng biết rất chính xác phải làm thân với ai, phải dự những buổi tiếp tân nào, phải tránh phong trào nào, phải tận tụy với ai. Nhiều viên chức Vatican thấy chuyện ấy tởm gớm, nhưng không thiếu người tìm cách đẩy nó tới chỗ tuyệt hảo...

Hiện nay, sự phân biệt tay trong/tay ngoài này gần như không còn nữa. Qua việc sống tại Casa Sancta

Marta, tự gọi điện thoại lấy, không cần các "người canh cửa" thông thường, Đức Phanxicô cho thấy rõ không ai được độc quyền nói nhỏ vào tai ngài.

Omar Bello, một nhà báo Công Giáo, người Á Căn Đình và là tác giả một cuốn sách mới về Đức Giáo Hoàng, cho hay: "ngài rất dễ thương, nhưng cũng rất hay kiểm soát, giống mọi người cầm quyền khác".

Các cố gắng phát hiện bè đảng quanh Đức Giáo Hoàng đã hoàn toàn thất bại. Trong tháng Năm và tháng Sáu, chẳng hạn, người ta thấy Đức Phanxicô hay xuất hiện cạnh Đức TGM người Ý Rino Fisichella, chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Cổ Vũ Tân Phúc Âm Hóa, khiến nhiều người cho rằng vị TGM này có thể đã trở thành nhân vật gây ảnh hưởng lớn. Nhưng sau đó không lâu, vào ngày 22 tháng Sáu, ngài đâu có để vị TGM này bên cạnh ngài trong một buổi hòa nhạc tại Vatican.

Điều được các quan sát viên của Vatican nhận ra là mọi cố gắng tìm xem ai lên ai xuống đã không còn chỗ đứng nữa. Điều mới lạ là kiểu trò chơi vốn được hiểu và được chơi xưa nay đã kết thúc rồi.

Các viên chức Vatican dấu tên nhiều lần cho hay Đức Phanxicô là người của riêng ngài, tự thu lượm lấy tin tức và tự đưa ra các quyết định; theo một nghĩa nào đó, cung cách quản trị của ngài vẫn là cung cách của một cha giám tỉnh Dòng Tên thuở nào. Không có cố vấn hậu trường (eminence grise), và những khuôn mặt như Đức Cha (nay là Hồng Y) Stanislaw Dziwisz dưới thời Đức Gioan Phaolô II hay Đức Cha (nay là TGM) Georg Gänswein dưới thời Đức Bênêđíctô XVI, những người đóng vai quyền lực đàng sau ngôi tòa.

Với Đức Phanxicô, bạn thấy gì thì căn bản chính là cái đó.

Các đặc điểm của trật tự mới

Theo Allen, trật tự mới có bốn đặc điểm rõ rệt sau đây.

Thứ nhất, Đức Phanxicô cương quyết phá bỏ tính độc quyền của người Ý trong việc cai quản toàn thể Giáo Hội. Ngài đã thiết lập ba cơ chế để lên xương thịt cho cuộc canh tân của ngài: nhóm 8 Hồng Y giúp ngài trong việc cai quản, một ủy ban điều tra Ngân Hàng Vatican, và một Ủy Ban Giáo Hoàng để nghiên cứu các cơ cấu kinh tế và hành chánh của Vatican. Nói chung lại, ba cơ chế này bao gồm 21 người hiện đang nắm các chức vụ gây ảnh hưởng thực sự, nhưng trong đó, chỉ có 3 người là người Ý thôi. Tuy nhiên, có người còn cho rằng chỉ có 2 người Ý rưỡi thôi, vì người Ý được chỉ định vào ủy ban canh tân kinh tế và hành chính, một nữ tín hữu giáo dân tên Francesca Immacolata Chaouqui, thực ra là con của một người mẹ Ý còn cha là người Ai Cập!

Bên dưới sự kiện trên có thể là một tính toán không thể không có đối với việc canh tân, nhất là canh tân tài chánh. Như một vị Hồng Y không phải người Ý từng nói với tờ National Catholic Reporter: "Muốn có sự trong sáng về tiền bạc, bạn đừng lấy Ý làm mẫu gương".

Thứ hai, rõ ràng Đức Phanxicô muốn nâng cao vai trò giáo dân, không hẳn cho có hình thức mà là nhằm cải cách Vatican và cách cai quản Giáo Hội. Ủy Ban do ngài thiết lập để nghiên cứu các cơ cấu kinh tế và hành chánh, chẳng hạn, gồm 8 người, trong đó chỉ có một giáo sĩ là Đức Ông Lucio Angel Vallejo Balda, người Tây Ban Nha, hiện là thư ký của Phủ Doãn Kinh Tế Sự Vụ tại Vatican, và vốn là thành viên của Hội Linh Mục Thánh Giá, một chi nhánh của Opus Dei. Bảy người kia đều là giáo dân thuộc các lãnh vực kinh tế, luật pháp và quản trị kinh doanh.

Nói theo luận lý học, thì đây rõ ràng hàm ý việc tỉa bớt vây cánh của "các ông trùm" giáo sĩ. Trên tờ báo Ý La Repubblica, ký giả Marco Ansaldo gọi ủy ban là cuộc "lật nhào" Giáo Triều Rôma hoàn toàn. Vì các thành viên này không phải báo cáo cho các viên chức quyền lực của Vatican, mà báo cáo thẳng lên Đức Giáo Hoàng.

Bốn tháng trước đây, nếu ai muốn ảnh hưởng tới các hoạt động tài chánh của Vatican, họ phải nói

chuyện với một vị Hồng Y người Ý. Nay họ được khuyên nên gọi cho nhà kinh tế học người Malta tức Joseph F.X. Zahra, người đứng đầu Ủy Ban.

Cách tính sổ mới

Thứ ba, Đức Phanxicô đang phát sinh ra nền văn hóa tính sổ mới, dẫn tới cái hiểu của người Anglo-Saxon vốn cho rằng "tính sổ" (accountability) có nghĩa một ai đó có thể bị sa thải thực sự.

Động thái quan trọng là hai đơn từ chức vào ngày 2 tháng Bẩy của các viên chức cao cấp của Ngân Hàng Vatican: giám đốc Paolo Cipriani và phó giám đốc Massimo Tulli, cũng như việc huyền chức vào đầu tháng Sáu của Đức Ông Nunzio Scarano, một kế toán gia tại cơ quan Quản Trị Di Sản Tòa Thánh. Không bao lâu sau, Scarano đã bị bắt giam vì có liên quan tới việc nhập lậu gần 30 triệu dollars vào Ý, ngoài ra còn bị điều tra thêm về tội rửa tiền liên quan tới các trương mục của ngài tại Ngân Hàng Vatican.

Lịch sử trước đây cho hay ít có ai bị sa thải tại Vatican, một phần vì chính sách bảo vệ lao động nghiêm ngặt, và một phần vì Giáo Hội vốn là một gia đình hơn là một đại công ty.

Bất chấp có nhiều giá trị, nhưng người hiểu chuyện vẫn nhấn mạnh rằng hệ thống trên có khuynh hướng làm nản lòng những người sẵn sàng "thổi còi" vì tin rằng những người làm bậy chả bao giờ phải chịu hậu quả cả.

Scarano là một điển hình. Người trong cuộc hiểu rõ lương Vatican mỗi tháng 2,000 dollars không thể đủ cho lối sống khá xa hoa của ngài, một lối sống, mà theo các công tố viên Ý, bao gồm các bộ sưu tầm đắt giá của những danh họa như Giorgio de Chirico và Marc Chagall.

Hai viên chức Vatican dấu tên, và biết rõ Scarano, cho tờ National Catholic Reporter hay họ luôn thấy có điều gì đó bất ổn về vị giáo sĩ này, nhưng không bao giờ báo cáo cả vì thấy rồi cũng huề cả làng. Họ cho hay nay thì đã khác rồi và họ sẵn sàng báo cáo.

Thứ tư, bất kể là do bản năng hay do chiến thuật hữu ý, Đức Phanxicô cho thấy ngài đang đem Giáo Hội trở lại phe giữa của chính trị, sau một thời gian khá dài bị nhiều quan sát viên cho là nghiêng về phía hữu.

Nhà báo Ý kỳ cựu Ý, là Sandro Magister, gần đây có nhận xét: "Không phải là chuyện tình cờ khi, sau 120 ngày đầu triều giáo hoàng của ngài, Đức GH Phanxicô vẫn chưa nói các chữ như phá thai, an tử, hôn nhân đồng tính"... Ấy thế nhưng, ngài không im lặng như thế đối với chủ đề chính trị khác như nghèo đói, môi sinh và di trú. Quả đáng lưu ý trong lần đầu du hành ra ngoài Rôma, Đức Phanxicô đã chọn Lampudesa, một hòn đảo phía nam Địa Trung Hải, nơi dừng chân chính của các di dân Phi Châu và Trung Đông khốn cùng trên đường đi tìm tương lai ở Âu Châu. Đức Phanxicô kêu gọi phải thương cảm nhiều hơn đối với các di dân này, lên án thế giới về thái độ dửng dưng phổ quát của nó.

Dù chuyến đi này nói chung được nhiều giới ca tụng, nhưng phe hữu bài di dân tại Âu Châu rất bất bình. Erminio Boso, một phát ngôn viên của Liên Đoàn Phía Bắc thuộc phe cực tả Ý, cho rằng "Tôi bất cần để ý tới giáo hoàng... Điều tôi yêu cầu là ngài cung cấp tiền bạc và đất đai cho những người bên ngoài cộng đồng này". Ông ta có ý chỉ các di dân không có giấy tờ.

Việc trở lại cánh giữa này xem ra cũng đúng cả về phương diện Giáo Hội nữa. Tại Rôma, hiện nay người ta cảm thấy những vị môi giới quyền lực có chủ trương ôn hòa như Đức HY Oscar Rodríguez Maradiaga của Honduras, phối trí viên của Ủy Ban 8 Hồng Y, đang gây được nhiều ảnh hưởng, trong khi những vị có chủ trương tân bảo thủ hay bảo thủ như Đức HY Raymond Burke của Mỹ, đứng đầu tòa án tối cao của Vatican, đang mất dần ảnh hưởng. Giáo Hội rất có thể xoay chuyển trong các liên minh chính trị của mình, nhưng xem ra, trong cuộc chiến văn hóa, có sự ưa thích rõ rệt đối với Tin Mừng xã hội.

Các điểm trên rõ ràng có ý nghĩa đủ để tạo ra một cuộc canh tân, nhưng còn nhiều điều nữa sẽ xảy ra trong một tương lai gần, nhất là khi các ủy ban có nhiệm vụ nghiên cứu việc cải tổ hoàn thành các phúc trình của họ.

Cuộc canh tân của Đức Phanxicô vẫn đang diễn tiến

(Ngày 15/08/2013)

Giữa những câu hỏi và câu trả lời trên chuyến bay đưa Đức Phanxicô từ Rio trở lại Rôma được nhiều người chú ý nhắc đi nhắc lại và bình phẩm, ít ai chú ý tới câu hỏi liệu ngài có bị chống đối gì trong các cố gắng thay đổi ở Vatican hay không.

Với câu hỏi ấy, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới sự hiện diện của nhiều người thiện chí và trung thành. Về khía cạnh tiêu cực, ngài từ tốn cho hay phẩm chất phục vụ tại Giáo Triều có hơi xuống dốc so với thời "các nhân viên giáo triều cũ", những người chỉ biết chu toàn nhiệm vụ. Và ngài khiêm tốn cho hay: "quả thực, tôi chưa làm được nhiều".

Đức khiêm tốn là đức vốn nổi bật nơi Đức Phanxicô, nhưng câu trên phải chăng là một trả lời thành thực cho sự nôn nóng của một số vị, kể cả những vị hết lòng hỗ trợ ngài như Đức HY Dolan của New York? Thực vậy, ngày 24 tháng 7, tức chỉ mấy ngày trước đó, trong cuộc phỏng vấn của tờ National Catholic Reporter, vị Hồng Y này nói rằng cho đến nay, kỹ năng quản trị của Đức Phanxicô chưa được hiển nhiên bao nhiêu và ngài mong rằng "sau cảnh êm ả của mùa hè này, chúng ta sẽ được thấy nhiều dấu hiệu hơn của việc thay đổi quản trị".

Và dù cho rằng Đức Phanxicô đã làm được rất nhiều để nâng cao uy tín của ngôi vị giáo hoàng nói riêng và của Giáo Hội Công Giáo nói chung, nhiều người vẫn mong ngài làm nhiều hơn nữa, nhất là trong một số lãnh vực cấp thiết sau đây.

Tài chánh

Theo John Allen, một chuyên viên kỳ cựu về Vatican, cứ theo suy nghĩ riêng của Đức Phanxicô, ngài sẽ không khởi đầu cuộc cải tổ quan trọng với Ngân Hàng Vatican. Tuy coi đây là một định chế quan trọng, nhưng trong một bài giảng lễ hồi tháng Sáu, ngài cho hay nó chỉ cần thiết "tới một mức nào đó".

Tuy nhiên, hoàn cảnh mấy tháng gần đây đã biến ngân hàng này thành một thử thách lớn đối với cam kết canh tân của Đức Phanxicô. Đầu mùa hè này, hai viên chức cao cấp của ngân hàng đã từ chức nhân một cuộc điều tra rửa tiền của Ý và cảnh sát Ý đã bắt giam một kế toán gia của Vatican về tội mưu toan nhập cảnh lậu 26 triệu dollars tiền mặt vào Ý và dùng trương mục của ngân hàng Vatican để ngụy trang ngân qũy.

Trên chuyến bay từ Rio de Janeiro trở lại Rôma ngày 28 tháng 7, Đức Phanxicô phác thảo 3 giải pháp cho ngân hàng này: a) cải tiến nó thành một "ngân hàng hợp đạo đức"; b) biến nó thành một qũi bác ái; c) đóng cửa nó.

Phần lớn các quan sát viên tin rằng giải pháp c) khó có thể khả hữu, dù là giải pháp trong sạch nhất. Sự thực là các dòng tu và các cơ quan bác ái Công Giáo, hiện đang hoạt động khắp nơi trên thế giới, gặp những hoàn cảnh nhiều khi hệ thống tài chánh không được phát triển bao nhiêu, nên cần có phương tiện để bảo vệ tài sản và chuyển ngân khoản cách dễ dàng. Nếu không có ngân hàng Vatican, thì có lẽ vị giáo hoàng nào cũng bị áp lực phải lập ra một cái.

Giải pháp ngân hàng hợp đạo đức được coi là giải pháp sẽ được chọn, dù kiểu nói này nghe có vẻ hơi mơ hồ. Nói chung, các ngân hàng hợp đạo đức có chung ba đặc điểm sau đây: cam kết áp dụng các thực hành có tính trong sáng nhất, qua việc thường xuyên công bố các quyết toán và sẵn sàng tiếp nhận việc duyệt xét từ bên ngoài; sử dụng tài sản cho các mục đích có trách nhiệm về xã hội, thường

thường qua việc chấp nhận các biên tế lời lãi thấp hơn các ngân hàng thương mãi bình thường; và cho các cổ đông cũng như các thành viên của cộng đồng tham dự vào việc quản trị.

Tại Ý, Banca Popolare Etica (Ngân Hàng Đạo Đức Bình Dân) vốn được trưng dẫn làm điển hình. Nó được các nhóm lao động và trang trại, các hiệp hội chủ tiệm, thậm chí cả hội Hướng Đạo Ý yểm trợ nữa.

Dấu hiệu thay đổi hiện đã ló dạng. Các viên chức của Ngân Hàng Vatican đã thuê Nhóm Promontory Financial Group có trụ sở tại Washington D.C., tiến hành cuộc duyệt xét chi tiết các trương mục, và phần lớn các quan sát viên tin rằng càng ngày càng khó cho các cá nhân sử dụng các dịch vụ của ngân hàng này. Ngân hàng này cũng vừa mở một trang mạng và xác nhận số tài sản hiện nắm là 9 tỷ 400 triệu dollars và số trương mục là 18,900.

Tuy nhiên, cải tổ một ngân hàng vốn không phải là một việc dễ, nên đây mới chỉ là những bước sơ khởi dẫn tới cuộc thách thức lớn hơn mà thôi: tức là cổ vũ sự trong sáng ở bình diện thấp hơn của Giáo Hội, nơi tập trung tiền bạc thực sự và là nơi chiến thuật đánh không trúng (hit-and-miss) đôi khi gây tai họa trầm trọng.

Sự thật trên đã được lưu ý do sự sụp đổ mới đây tại Slovenia, nơi hai vị tổng giám mục phải từ chức vì sự sụp đổ của tổng giáo phận Maribor. Sau khi nước này thoát ách Cộng Sản, các chức sắc của TGP Maribor bèn lập ra một cơ sở tài chánh khổng lồ, có lúc sở hữu tới ba công ty cổ phần mẹ (holding companies) kiểm soát hơn 50 cơ sở, trong đó có cả một đài phát thanh dây cáp chiếu phim khiêu dâm về đêm.

Các công ty cổ phần mẹ này gần đây phá sản với khoản nợ ước chừng hơn 1 tỷ dollars, tương đương với 2 phần trăm sản lượng sổi nội địa của cả nước. Song song với nhiều thản họa khác, qũy hưu với tiền tiết kiệm của khoảng 65,000 người đầu tư nhỏ đã không còn một đồng xu.

Đức Phanxicô tỏ dấu đòi người làm phải chịu trách nhiệm nên đã chấp nhận đơn từ chức của hai vị tổng giám mục này, chỉ hai năm sau vụ TGM trước của Maribor buộc phải từ chức cũng vì vai trò của ngài trong vụ bê bối này. Nhiệm vụ hiện nay là soạn thảo các chính sách và tạo ra nền văn hóa sao đó để những vụ tương tự sẽ không xẩy ra tại bất cứ nơi nào khác nữa.

Lạm dụng tình dục

Một mặt trận khác mà các nhà phê bình tin rằng Giáo Hội cần tỏ trong sáng hơn đó là việc Giáo Hội giải quyết các tai tiếng lạm dụng tình dục trẻ em.

Đức HY Sean O'Malley của Boston, người có hơn 20 năm kinh nghiệm đương đầu với các tai tiếng này gần đây đã đưa ra 2 ý niệm. Trong cuộc phỏng vấn của National Catholic Reporter ngày 26 thàng Bẩy vừa qua, Ngài cho biết Đức Phanxicô a) nên triệu tập các vị chủ tịch các hội đồng giám mục thế giới và cố gắng thuyết phục những vị nào chưa đưa ra các chỉ dẫn mạnh mẽ chống lại các lạm dụng này thì nên đưa ra ngay; b) nên chấp nhận là của Vatican các qui định chống lạm dụng hiện đã trở thành tiêu chuẩn tại các giáo phận và các cơ quan Công Giáo khác khắp trên thế giới, trong đó có việc rà soát và thanh lọc mọi nhân viên, huấn luyện việc giáo dục và ngăn ngừa lạm dụng, và dạy cách giải quyết các khiếu nại.

Chưa rõ liệu Đức Phanxicô có chấp nhận các ý niệm đó hay không, dù Đức HY O'Malley là người ở vị thế duy nhất có thể thúc đẩy việc này. Ngài là người Mỹ duy nhất trong số 8 vị Hồng Y được đề cử hồi tháng Tư để giúp Đức Phanxicô "cai quản toàn thể Giáo Hội".

Đức Phanxicô đề cập đến vấn đề đáng lưu ý này trong cuộc họp báo trên không, khi phân biệt "tội lỗi" trong quá khứ của một người, là tội có thể được tha thứ và quên đi, và "tội ác" như "lạm dụng vị thành niên", chẳng hạn, là thứ đòi một giải pháp khác hẳn.

Hiện đã có dấu hiệu tuy nhỏ nhưng khá có ý nghĩa cho thấy Đức Phanxicô có ý hướng đưa ra một đường hướng cứng rắn. Nhiều quan sát viên tin rằng một thước đo là chờ xem liệu Đức Phanxicô có nới rộng tính trách nhiệm nghiêm nhặt mà Giáo Hội hiện đặt ra cho các linh mục lạm dụng để áp dụng nó vào các giám mục không xử lý đúng đắn các khiếu nại về lạm dụng hay không. Các chức sắc cao cấp trong Giáo Hội nói với National Catholic Reporter một cách tin tưởng rằng Đức Phanxicô sẽ làm như thế, dù cho tới nay chưa có động thái rõ rệt nào về vấn đề này cả.

Tính hiệp đoàn

Về một vài phương diện, bước quan trọng nhất trong việc Đức Phanxicô cổ vũ một tính hiệp đoàn lớn hơn đã được thực hiện rồi, đó là quyết định thiết lập hội đồng 8 vị Hồng Y hồi tháng Tư. Hiệu quả là phân phối quyền hành ra khỏi Vatican, tới các vị cầm đầu các Giáo Hội địa phương.

Trong số nhiều việc khác, ta thấy có việc tỉa bớt vây cánh của Văn Phòng Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh. Cơ quan này hiện đã mất một số quyền hành trong tư cách người giữ cửa (gatekeepers). Thí dụ, Đức HY O'Malley cho rằng khi ngài có câu hỏi nào hay muốn phúc trình lên Đức Giáo Hoàng, thì ngài có thể liên lạc trực tiếp với Đức Phanxicô chứ không qua Văn Phòng Quốc Vụ Khanh nữa.

Đức HY O'Malley cũng cho biết 8 vị Hồng Y muốn được coi là phát ngôn viên nói lên các quan tâm và ý kiến của các giám mục khác. Ngài đang phỏng vấn mọi Hồng Y khác ở Bắc Mỹ và đã xin ý kiến các vị này. Các vị khác cũng đang làm như thế. Đức HY Francisco Errázuriz của Chile, chẳng hạn, đã thăm dò ý kiến các thành viên của CELAM (Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ La Tinh) trong một cuộc họp mới đây tại Panama.

Đức HY Oscar Rodríguez Maradiaga, phối trí viên của nhóm 8 vị Hồng Y, đã gặp Đức Phanxicô khi ngài đang ở Ba Tây chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới hồi tháng Bảy. Đức HY Rodríguez cho biết: ngài được chấp thuận để phối hợp soạn thảo một *instrumentum laboris*, hay tài liệu làm việc, nhằm phác thảo các khuyến cáo chính cho canh tân.

Một mặt trận khác xem ra sẽ được Đức Phanxicô tổ chức mau chóng đó là Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới, từng được lập ra dưới thời Đức Phaolô VI như là một cơ phận quản trị có tính hiệp đoàn. Trên chuyến bay từ Rio về Rôma, Đức Phanxicô hé cho thấy nhu cầu thay đổi phương pháp làm việc của Thượng Hội Đồng, mà nhiều quan sát viên cho là quá rộng, quá kềnh càng và quá tập chú vào các chủ đề đơn độc khó dùng làm bàn đạp vững mạnh cho một vị giáo hoàng.

Hồi tháng Sáu, Đức HY George Pell của Sydney gợi ý: nên có một hội đồng giám mục nhỏ hơn, có thể gặp Đức Giáo Hoàng trong ít giờ, họp 2 hay 3 lần một năm, để thảo luận chi tiết một chủ đề chuyên biệt. Trong buổi họp báo, Đức Phanxicô cho biết 8 vị Hồng Y sẽ họp với ngài vào tháng Mười, và các ngài sẽ cân nhắc cách thay đổi hệ thống này.

Hôn nhân và ly dị

Cũng đang có dấu hiệu cho thấy Đức Phanxicô rất có thể tháo gỡ một số nút thắt lâu đời có tính mục vụ, bắt đầu với các người Công Giáo ly dị và tái hôn. Theo kỷ luật hiện hành, những người Công Giáo này không được rước lễ, một việc vốn là nguồn gây đau lòng cho nhiều tín hữu.

Trong các nhận định trong chuyến bay của ngài, Đức Phanxicô tỏ dấu lưu ý tới "nguyên tắc nhiệm cục' (principle of economy) của truyền thống Chính Thống Giáo, theo đó, cuộc kết hợp thứ hai có thể được chúc phúc sau khi được miễn chuẩn lời hứa hôn phối.

Ngài cũng cho biết vấn đề này phải được xét trong một ngữ cảnh rộng hơn của mục vụ chăm sóc hôn nhân, một chủ đề mà ngài bảo hội đồng 8 vị Hồng Y và Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới sẽ xem sét. Ngài cho hay: tập tục vô hiệu hóa hôn nhân "cần được xem sét lại".

Chống đối

Nói chung, Đức Phanxicô xem ra cởi mở đối với việc cho phép các sáng kiến mục vụ phát xuất từ bên dưới, thay vì được đẩy từ trên xuống. Trong cuộc gặp gỡ ngày 25 tháng Bẩy với giới trẻ Á Căn Đình tại Ngày Giới Trẻ Thế Giới tại Ba Tây, ngài rõ ràng khuyến khích họ "tạo ồn ào". Ngài bảo: "Cha muốn Giáo Hội ra đường phố. Cha muốn chúng ta chống lại những gì là thế gian, là tĩnh tụ, là thoải mái, là giáo sĩ trị, bất cứ những gì có thể làm ta tự đóng kín trong chính ta".

Nhưng bất cứ cuộc cách mạng nào cũng có người thắng người thua, và dù Đức Phanxicô nhấn mạnh rằng ngài chưa gặp chống đối nào, điều này vẫn không có nghĩa là chống đối không hề hiện hữu. Cho đến nay, có năm giới xem ra đang âm ỉ chống lại cuộc "cách mạng" của Đức Phanxicô:

a) Thứ nhất là những người bảo thủ về phụng vụ. Gần đây, họ rất khó chịu trước quyết định cấm các tu sĩ Phanxicô Vô Nhiễm không được cử hành Thánh Lễ La Tinh cũ mà không có phép chuyên biệt, một quyết định mà nhiều người cho là đi ngược lại qui định năm 2007 của Đức Bênêđíctô XVI cho phép sử dụng phụng vụ cũ.

b) Thứ hai, Đức Phanxicô đang nhận được những phản ứng lẫn lộn nơi một số người bảo thủ, không hẳn vì bất cứ những gì ngài nói và làm, mà đúng hơn vì họ thấy mơ hồ rằng các nhấn mạnh của ngài không phải là các nhấn mạnh của họ. Cuối tháng Bẩy, trong cuộc phỏng vấn của National Catholic Reporter, Đức TGM Charles Chaput của Philadelphia nói rằng ngài có cảm tưởng: người bảo thủ "nói chung không mấy vui" với Đức Phanxicô.

Thí dụ, những người phò sự sống, chẳng hạn, rất có thể đang âm ỉ bất mãn nếu Đức Phanxicô cứ tiếp tục không nhận định công khai về các vấn đề như phá thai và hôn nhân đồng tính. Trong chuyến bay nói trên, khi được hỏi tại sao ngài không thảo luận các vấn đề đó tại Ba Tây, một nước vừa mới nới lỏng cả hai vấn đề này, ngài cho hay "Giáo Hội đã phát biểu đầy đủ về các vấn đề này rồi" nên "không cần phải trở lại các vấn đề ấy nữa".

c) Thứ ba, phe hữu thế tục cũng cho thấy đôi chút thất vọng. Phản ứng đối với cuộc viếng thăm hồi tháng Bẩy của ngài tại hòn đảo Lampudesa ở Địa Trung Hải, một điểm tới chính của các di dân Phi Châu và Trung Đông, các chính trị gia chống di dân ở Ý cho hay Đức Giáo Hoàng nên lo chuyện riêng của ngài.

d) Thứ tư, những người Công Giáo cấp tiến cũng có thể đang trở nên vỡ mộng nếu các hy vọng của họ đối với Đức Phanxicô không tương ứng với những gì ngài có khả năng hay ý muốn thực hiện. Một số người cổ vũ việc phong chức linh mục cho nữ giới hay tranh đấu quyền lợi cho người đồng tính đang sử dụng thế giới blog để càu nhàu về điều họ cho là bất tương xứng giữa việc Đức Giáo Hoàng nói về thương xót và chủ trương cụ thể của ngài về vấn đề này.

e) Thứ năm, một số "chiến binh cũ" ở Vatican cũng có thể chống đối khi thấy quyền hành và đặc ân cố hữu của họ đang buột khỏi tầm tay. Cho đến nay, chưa ai được người ta nhận diện thuộc nhóm này lên tiếng công khai, dù một số dường như đã để lại dấu tay trong vụ tai tiếng liên quan tới vị giáo phẩm được chính Đức Phanxicô chọn làm đại diện cho ngài trong việc cải tổ ngân hàng Vatican, tức đức ông Battista Ricca. Giữa tháng Bẩy, nhà báo ý là Sandro Magister cho đăng một bài gây chấn động nhằm chi tiết hóa các lời tố cáo cho rằng lúc còn là một nhà ngoại giao của Vatican tại Paraguay từ năm 1990 tới năm 2001, đức ông Ricca có một người yêu đồng tính sống với ngài, ngoài ra ngài còn lui tới các quán ba đồng tính và có lần bị đánh nữa, và một lần đưa một thanh niên đồng tính vào tòa sứ thần rồi cả hai bị kẹt trong thang máy cả đêm. Hiện nay, Đức Phanxicô vẫn ủng hộ người ngài đã bổ nhiệm. Trong chuyến bay trên, ngài cho hay cuộc điều tra sơ khởi không khám phá được điều gì như người ta đã gán cho ngài. Tuy nhiên, vụ Đức Ông Ricca này hiển nhiên sẽ có hậu quả dây chuyền đối với bất cứ ai được Đức Phanxicô mời thi hành cuộc cải tổ của ngài.

Một mùa thu nóng

Dù Đức Phanxicô không đi nghỉ như thường lệ vào tháng Tám này tại Castel Gandolfo, phần lớn các

quan sát viên vẫn không tin là ngài khởi sự đưa ra các cải tổ lớn về cơ cấu trước mùa thu này.

Một trong các quyết định được dự đoán là ngài sẽ chọn ai làm quốc vụ khánh, một chức vụ vẫn còn nhiều quyền lực, dù đã bị giảm thiểu nhiều do khuynh hướng muốn đi ra ngoài hệ thống Vatican của ngài.

Cho đến nay, Đức Giáo Hoàng chưa tiết lộ điều gì. Nhiều quan sát viên tin rằng Đức HY người Ý Giuseppe Bertello, một nhà ngoại giao kỳ cựu và hiện đứng đầu Thị Quốc Vatican, là người có triển vọng nhất. Tuy nhiên, vì khả năng gây ngạc nhiên của Đức Phanxicô, sự hiểu biết thông thường dám không có gì bảo đảm.

Không bao lâu nữa, Đức Phanxicô sẽ phải đối diện với việc quan trọng là chọn người cầm đầu các giáo phận lớn. Tại Cologne, Đức, Đức HY Joachim Meisner đã 79 tuổi, trong khi Đức HY Antonio Rouco Varela của Madrid và Đức HY Francis George của Chicago cũng đều đã 76, quá tuổi thường phải về hưu cả rồi.

Đức Phanxicô đã cho biết rõ ngài muốn loại giám mục nào. Trong một diễn văn tại Ba Tây, ngài cho hay "Giám mục phải là mục tử, gần gũi dân, là cha và là anh em, và hiền hậu, kiên nhẫn và nhân từ". Ngài bảo: Giám mục phải là "người yêu khó nghèo, cả khó nghèo bên trong nữa, nghĩa là tự do trước mặt Thiên Chúa, lẫn khó nghèo bên ngoài, nghĩa là sống đơn giản và khắc khổ. Là "người không nghĩ và hành xử như ông hoàng. Là người không tham vọng, là người kết hôn với Giáo Hội mà thôi chứ không để mắt tới ai khác nữa".

Vấn đề là liệu ngài có thể tìm ra các vị giáo phẩm bằng xương bằng thịt xứng với viễn kiến trên hay không; đây là một thách thức có tính quyết định đối với một Giáo Hội trong đó nhân sự đôi khi là chính chính sách.

Khung cảnh Rôma vì thế đang được xếp đặt cho điều người Ý gọi là *un autunno caldo*, một mùa thu nóng. Đức Phanxicô xem ra chỉ muốn giữ cho ngọn lửa canh tân tiếp tục cháy mà không làm cho chiếc nồi quá sôi.

Phân tích tóm tắt Thông Điệp Ánh Sáng Đức Tin của Đức Phanxicô
(Ngày 16/08/2013)

Thông điệp, dù được viết bởi vị giáo hoàng có ngôn từ đơn giản và trực tiếp như Đức Phanxicô, vẫn không phải là dễ đọc. Để giúp bạn đọc, nhất là những bạn đọc lần đầu tiên đọc một thông điệp của giáo hoàng, chúng tôi xin phân tích tóm tắt các ý chính theo từng phần, từng chương và từng đoạn của cả thông điệp. Các số trong [] là số đoạn

Phần Nhập Đề [1-7]: Ngược với người duy tục cho rằng đức tin là mù quáng, liên kết với bóng tối [các số 2-3], Đức GH nhắc lại lời Chúa Giêsu khẳng định "Ai tin Ta sẽ không còn ở trong bóng tối nữa" vì Người là "ánh sáng bước vào trần gian" (Ga 12:46). Nên ai tin, sẽ thấy [số 1]. Vì đức tin là ánh sáng, một ánh sáng có khả năng chiếu rọi mọi khía cạnh của nhân sinh [số 4]. Nhiệm vụ của GH là củng cố đức tin của anh em mình. Nên Đức Bênêđictô đã lập ra Năm Đức Tin [số 5] song song với năm kỷ niệm Vatican II, một công đồng của đức tin [số 6]. Và nay, Đức Phanxicô ban hành *Lumen Fidei*, từng được khởi đầu bởi vị tiền nhiệm [số 7).

Chương Một [8-22]**: Đường đi của Đức Tin**

Đức GH vẽ lại đường đi của Đức Tin. Bắt đầu với Ápraham, cha ta trong đức tin: ông đã nghe, và đáp lại, nên đức tin của ông là đức tin bản vị, là lời đáp trả đối với một lời đích thân nói với ông [số 8]. Lời nói với ông này vừa kêu gọi (lìa bỏ quê hương) vừa hứa hẹn (1 dân vĩ đại) [số 9]. Ápraham tín thác vào lời này vì Thiên Chúa là Đấng tín trung [số 10].Vả lại, Đấng kêu gọi ông còn là Thiên Chúa sự sống, nguồn gốc mọi sự [số 11].

Sau đó, TĐ nói tới đức tin của Israel: dân này được mời gọi lên đường thờ phượng Chúa tại Sinai và thừa hưởng đất hứa [số 12]; nhưng họ đã rơi vào ngẫu thần. Với ngẫu thần là tan tác. Với đức tin là thống nhất đời sống [số 13]. Người môi giới giữa TC và Israel là Môsê. Đức tin cá nhân tìm được chỗ đứng trong cộng đồng, trong gặp gỡ người khác [số 14].

Nhưng đức tin chỉ viên mãn với Chúa Giêsu, Đấng là tâm điểm mà mọi con đường trên đều hướng về. Kitô Giáo tuyên xưng Người là Chúa, là Con Thiên Chúa làm người, sống lại từ cõi chết. Đức tin này là đức tin hoàn hảo. Tại sao? Vì a) Chúa Giêsu là căn cứ để TC can thiệp dứt khoát, là biểu hiệu tối cao cho tình yêu của Người, lời TC nói với ta trong Chúa Giêsu là lời trường cửu; b) tin vào một tình yêu có khả năng biến đổi thế giới và biến đổi diễn biến lịch sử của nó [số 15]. Chúa Giêsu đáng tin vì a) đã chết cho ta [số 16] và đã sống lại [số 17]. Nhưng Người không những là Đấng ta tin mà còn là Đấng ta kết hợp với, để cùng nhìn cái nhìn của Người, để chào đón Người vào đời ta [số 18].

Đến đây, TĐ nhắc tới câu bất hủ của Thánh Phaolô: Cứu rỗi nhờ đức tin chứ không nhờ việc làm của ta (thư Ep. 2:8). Nghĩa là gì? Mọi sự thiện đều do TC ban cho, kể cả sự cứu rỗi; tin là mở lòng nhìn nhận quyền tối thượng của hồng ân TC [số 19]. Nhờ thế, tình yêu Chúa Kitô sẽ vào trong ta, biến đổi ta từ bên trong, khiến ta biết nhìn bằng con mắt Chúa Kitô, chia sẻ tâm trí Người, chia sẻ thiên hướng con thảo của Người [số 20-21].

Nhưng đức tin vào Chúa Kitô này luôn có tính Giáo Hội: tin không phải là việc riêng tư, nó phát sinh từ việc nghe, một việc nghe nhằm được phát biểu thành lời và được tuyên xưng; tuyên xưng trong Giáo Hội [số 22].

Chương Hai [23-36]: **Có tin mới hiểu**

A. Đức tin và sự thật [23-31] : TĐ nhắc lại câu bất hủ của Isaia 7:9: "Có tin mới hiểu". Tuy nhiên đây là theo Bản Hy Lạp (Bản Bảy Mươi), chứ bản Hípri viết khác: "có tin mới đứng vững" [số 23]. TĐ nhận cả hai khía cạnh này của đức tin: hiểu biết sự thật mới đứng vững [số 24]. Tuy nhiên, thời nay chỉ chuộng sự thật kỹ thuật và sự thật chủ quan của cá nhân. Họ hoài nghi chân lý phổ quát, coi nó đồng nghĩa với độc tài áp chế. Hậu quả: duy tương đối, bác bỏ mối liên kết giữa tôn giáo và chân lý, quên cả nguồn gốc mọi hiện hữu [số 25].

Trong khi đó, cái biết của đức tin là cái biết của trái tim (Rm 10:10), một cái biết giữ cho mọi chiều kích kết hợp với nhau, vì các chiều kích như thân xác và tinh thần, trí hiểu, ý chí và cảm xúc đều hội tụ nơi trái tim. Cái biết này phát khởi khi ta nhận được tình yêu bao la của Thiên Chúa [số 26].

Tình yêu không phải là xúc cảm phù du. Mà là xúc cảm dẫn ta ra khỏi ta để hướng về một người khác, để xây dựng 1 liên hệ bản thân lâu dài. Nó là đường hướng tương quan trong cách nhìn thế giới, 1 cái nhìn qua mắt người khác và là cách nhìn chung về mọi sự vật hiện hữu. Tình yêu phải dựa trên sự thật mới bền vững. Mà sự thật cũng cần tình yêu mới khỏi lạnh lùng áp chế [số 27]. Tình yêu như thế là nguồn của hiểu biết. Điều này thấy rõ trong tình yêu của bất cứ người nam người nữ nào. Lịch sử Israel cũng chứng minh điều đó: nhờ biết rằng vì TC yêu họ nên mới chọn họ, Israel đã hiểu được tính thống nhất toàn diện trong kế hoạch TC đối với họ và đối với thế giới [số 28].

Giao ước với Israel cũng cho thấy: Đức tin gồm cả nghe lẫn nhìn: nghe lời TC luôn kèm theo ước muốn được thấy mặt Người. Nghe nhấn mạnh tới ơn gọi và đáp trả bản thân. Nhìn cho ta thấy cái toàn bộ của hành trình, định vị nó trong kế hoạch toàn diện của TC [số 29]. Tin Mừng Gioan làm nổi bật cả nghe lẫn nhìn của đức tin [số 30]. Và cả rờ mó nữa (1Ga 1:1) [số 31]

B. Đức tin và lý trí [32-34] . Nhờ đối thoại với triết lý Hy Lạp [số 32], Thánh Augustinô tìm ra mô thức ánh sáng: ánh sáng từ trên cao soi sáng mọi loài là TC; mọi loài đều có 1 độ sáng nào đó, phản chiếu được sự tốt lành của TC. Nhờ thế, lý trí ta có khả năng nhận ra sự ác và hướng về sự thiện. Thánh Augustinô cũng tổng hợp cả nhìn (ánh sáng) và nghe (cầm lấy mà đọc): "lời (nghe) sáng lên (nhìn) từ bên trong" [Số 33].

Áp dụng vào thời ta, đức tin có thể giải đáp các vấn nạn về chân lý. Nó không độc tài, vì xây trên tình yêu. Nó không xa lạ với thế giới vật chất, mà soi sáng cho nó, tin tưởng trật tự nội tại của nó, theo lời mời gọi của nó bước vào 1 con đường mỗi ngày một tốt hơn. Nó đem lợi ích cho khoa học: khuyến khích khoa học gia cởi mở với thực tại, tiếp tục tìm kiếm, luôn bỡ ngỡ trước mầu nhiệm thiên nhiên [số 34].

C. [35]. Đức tin và việc tìm kiếm Thiên Chúa: ai thành thực tìm kiếm TC đều có thể tìm thấy Người: a) trong kinh nghiệm sống hàng ngày; b) trong chu kỳ bốn mùa; c) trong sự mầu mỡ của trái đất; d) trong chuyển vần của vũ trụ; e) nhất là trong Chúa Kitô. Nhưng a) phải lên đường như Ba Vua; b) bắt đầu làm việc thiện cho người khác [số 35].

D. [36]. Đức Tin và thần học: Không có đức tin, không có thần học, vì thần học là tìm hiểu sâu xa việc TC từ từ tỏ mình Người ra. Nó không phải là suy diễn của ta mà là chấp nhận để hiểu sâu xa hơn lời TC tỏ với ta về chính Người. Ngoài ra, thần học phải phục vụ đức tin tín hữu và tôn trọng huấn quyền [số 36].

Chương Ba [37-49]: **Phúc âm hóa**: Chương này tập trung vào việc phúc âm hóa, trình bày chi tiết qua các tiểu mục sau

A. [37-39]: Giáo Hội, mẹ đức tin ta: Nhận được lời, không giữ cho riêng mình, phải chuyển giao [số 37]. Ta nhận được mọi sự nhờ người khác, trong đó có đức tin: ta khám phá ra tình yêu Chúa Kitô nhờ ký ức Giáo Hội. Chính Mẹ Giáo Hội duy trì ký ức về tình yêu ấy và dạy dỗ ta về nó [số 38]. Không ai tự mình tin. Nó luôn diễn ra trong hiệp thông GH. Điều này thấy rõ trong hình thức hỏi thưa của kinh tin kính trong Phép Rửa: đức tin là đáp trả một một lời mời [số 39].

B. [40-45]: Được thông truyền bằng các bí tích: Giáo Hội dùng các bí tích cử hành trong phụng vụ để thông truyền đức tin, vì bí tích vận dụng được cả tâm trí, ý chí và mọi xúc cảm ta; chúng thông truyền ký ức nhập thể, nối kết với mọi thời điểm và địa điểm đời ta, biến các thực tại hữu hình đời ta vượt quá chúng để hướng về mầu nhiệm trường cửu [số 40]. Nhờ Phép Rửa, ta có sự sống mới, thành tạo vật mới, trong hiệp thông mới là Giáo Hội [số 41].

TĐ sau đó nói tới các yếu tố trong Phép Rửa: a) kêu cầu thánh danh Ba Ngôi trên dự tòng, biến họ thành con thảo; b) dìm trong nước vừa chỉ chết cho mình vừa chỉ sống vào sự sống mới. Phép này vì thế cho ta thấy cấu trúc nhập thể của đức tin: nó vào sâu hữu thể ta và biến đổi hữu thể này, cho nó tham dự vào bản thể TC [số 42]. Còn Phép Rửa trẻ em thì nhấn mạnh tới chiều kích cộng đoàn của đức tin, vì các em không tự mình tuyên xưng đức tin được [số 43].

Tiếp nối, TĐ nói đến Phép Thánh Thể, biểu thức cao nhất của đức tin, vì ở đây, 2 chiều kích của Đức Tin gặp nhau: a) chiều lịch sử: hành vi tưởng niệm nhưng lại làm thành hiện tại một quá khứ có khả năng mở ra 1 tương lai, tiên báo một thành tựu tối hậu; b) chiều từ hữu hình bước vào vô hình: bánh rượu thành Mình Máu Chúa [số 44].

Trong cử hành BT, GH luôn tuyên xưng Đức Tin qua kinh tin kính: mọi chân lý của kinh chỉ về mầu nhiệm sự sống mới, hiểu như cuộc hành trình hiệp thông với TC hằng sống [số 45].

C. [46]: Thông truyền bằng cầu nguyện và Mười Giới Răn: Ngoài ra, GH còn dựa vào Kinh Lạy Cha và Mười Điều Răn để thông truyền đức tin: kinh Lạy Cha dạy ta biết nhìn mọi sự bằng con mắt Chúa Giêsu; Mười Giới Răn dạy ta ra khỏi cái tôi vị kỷ để bước vào cuộc đối thoại với TC và người khác (số 46].

D. [47-49]: Tính hợp nhất và nguyên tuyền của đức tin: Phải thông truyền đức tin cách trọn vẹn vì đức tin là một. Không là một, không phải là đức tin (Lêô Cả). Tại sao là một? a) TC là duy nhất; b) đức tin nào cũng hướng về TC duy nhất (ngộ đạo tin có 2 đức tin); c) được toàn thể GH chia sẻ [số 47]. Phải thông truyền nguyên vẹn, vì Đức Tin được ví như 1 cơ thể, hay 1 trinh nữ trung trinh với

phụ quân [số 48]. Chúa ban Tông Truyền để phục vụ tính hợp nhất và tính nguyên tuyền của Đức Tin. Huấn quyền đáng tin vì a) luôn vâng lời TC; b) tin tưởng lời ấy, duy trì và trình bày nó [số 49].

Chương Bốn: [50-60]**: Đức tin trong thế giới**: Chương này giải thích sự liên kết giữa đức tin và công ích, dẫn tới việc tạo ra môi trường để con người sống với người khác.

A. [50-51]: Đức tin và thiện ích chung: Các tổ phụ vừa tin vừa xây dựng. Kinh thành con người vững chắc nhờ xây trên niềm tin vào TC tín trung. Đức tin cũng rọi sáng mọi liên hệ nhân bản nữa [số 50]. Đức tin đặc biệt phục vụ công lý, luật pháp và hòa bình [số 51].

B. [52-53]: Đức tin và gia đình: Khung cảnh đầu tiên để đức tin soi sáng cho xã hội con người là gia đình, xây dựng trên hôn nhân, hiểu như sự kết hợp 1 người nam và 1 người nữ trong yêu thương vĩnh viễn. Mà tình yêu chỉ vĩnh viễn khi ta nhận ra 1 kế hoạch lớn hơn ta; kế hoạch này nâng đỡ ta và giúp ta có khả năng trao phó trọn tương lai cho người yêu [số 52].

Đức tin đi theo mọi tuổi sống trong gia đình; vì thế, gia đình cần cùng nhau phát biểu đức tin; gần gũi và nâng đỡ đức tin con cái, giúp chúng biết biểu lộ niềm vui của Đức Tin, gặp gỡ Chúa Kitô, khám phá ra lời mời gọi yêu thương [số 53].

C. [54-55]: Cuộc sống xã hội cần ánh sáng đức tin: Đức tin cổ vũ tình huynh đệ. Huynh đệ bình đẳng? Đúng, nhưng 1 huynh đệ qui chiếu TC như cha chung tối hậu. Đức tin giúp ta hiểu phẩm giá độc đáo của mỗi người, khiến ta phải tôn trọng mọi sự sống [số 54].

Đức tin giúp ta tôn trọng thiên nhiên, phát triển hợp lý, tạo ra các hình thức cai trị biết phục vụ ích chung, khả thể tha thứ nhằm hợp nhất. Hệ luận: phải nhìn nhận TC cách công khai [số 55].

D. [56-57]: Đức tin và đau khổ: Trong đau khổ, ta công bố Tin Mừng cách thuyết phục hơn cả, vì khám phá ra: sức mạnh TC giúp ta chiến thắng mọi yếu đuối của ta. Đau khổ giúp ta lớn lên trong đức tin, phó thác hơn trong tay TC [số 56].

Đức tin không làm ta sao lãng đau khổ của thế giới. Nó giúp ta thấy Chúa nơi người đau khổ, như Thánh Phanxicô và Mẹ Têrêxa. TC không giải đáp mọi đau khổ nhưng đồng hành với người đau khổ. Đau khổ hướng ta về hy vọng: đời này tan đi, đời sau sẽ rực sáng [số 57].

E. [58-60]: Phúc cho người tin: Đức Mẹ=mẫu mực hoàn hảo của đức tin: nghe, trân giữ, suy niệm trong lòng... theo chân Chúa tận thánh giá [số 58]. Đức Mẹ cũng cho thấy: người tin được hoàn toàn thấm nhập vào điều họ tuyên xưng [số 59].

Và cuối cùng TĐ ngỏ lời xin Đức Mẹ phù giúp đức tin ta, để nghe, bước theo, tín thác, hân hoan, không thấy cô đơn, biết nhìn bằng con mắt Chúa Giêsu, luôn gia tăng đức tin [số 60]

Giáo hội học của Đức Phanxicô

(Ngày 18/08/2013)

Trong cuộc viếng thăm Ba Tây vừa qua, các bài giảng lễ và các diễn văn của Đức Phanxicô đều có cái nét đơn giản và trực tiếp giúp tín hữu cảm hứng được niềm tin tưởng vào tình yêu Thiên Chúa, hy vọng vào canh tân và thương yêu người lân cận, nhất là người nghèo. Nhưng có hai bài diễn văn của ngài vượt quá tính cách khuyên bảo mục vụ để trình bày viễn kiến cũng như nghị trình của ngài dành cho Giáo Hội. Đó là diễn văn ngày 27 tháng Bẩy nói với các giám mục Ba Tây và bài diễn văn vào ngày hôm sau nói với CELAM, tức hội đồng giám mục Châu Mỹ La Tinh.

Thử hỏi: Đức Phanxicô muốn dẫn dắt Giáo Hội tới đâu? Ngài muốn các giám mục làm gì?

Giáo Hội như người hòa giải: Trong diễn văn ngỏ với các giám mục Ba Tây, Đức Phanxicô thuật lại

câu truyện Đức Bà Aparecida như một dụ ngôn của Giáo Hội Châu Mỹ La Tinh. Những ngư phủ mỏi mệt, sau khi thất thía sự thất bại ê chề trên chiếc thuyền cũ kỹ với tấm lưới rách nát, bỗng tìm được một bức tượng. Nhưng bức tượng này cần được sửa chữa. Đức Thánh Cha nói rằng "Tại Aparecida, sứ điệp của Thiên Chúa, ngay từ đầu, đã là một sứ điệp phải phục hồi lại những gì tan nát, thống nhất lại những gì bị phân chia... Các bức tường, các ngăn cách, các dị biệt hiện tồn cần phải biến đi. Giáo Hội không thể sao lãng bài học này: Giáo Hội vốn được kêu gọi trở thành phương tiện của hòa giải".

Giáo Hội của trái tim: Đối với Đức Phanxicô, đức tin bước vào Giáo Hội qua trái tim người nghèo, chứ không qua đầu óc người trí thức. Ngài thú thực rằng " có lẽ ta đã giản lược cách nói năng của ta về mầu nhiệm vào các giải thích duy lý, nhưng đối với người tầm thường, mầu nhiệm bước vào họ qua ngả trái tim". Điều này khiến ngài hiểu được vai trò truyền giáo của Giáo Hội không phải để thắng một luận điểm mà là để cung hiến một điều gì đẹp đẽ. Ngài nói với các giám mục "Chỉ có vẻ đẹp của Thiên Chúa mới lôi cuốn người ta thôi. Phương thức của Thiên Chúa là phương thức lôi kéo, quyến rũ... Người làm sống lại trong ta ước muốn mời gọi người lân cận, ngõ hầu làm họ nhận ra vẻ đẹp của Người. Truyền giáo đã phát sinh từ chính sự quyến rũ thần linh đó, một quyến rũ phát sinh từ gặp gỡ".

Một Giáo Hội với một sứ điệp đơn giản: Đức Phanxicô kết luận: "Thành quả công việc mục vụ của ta không hệ ở việc giầu tài nguyên, mà hệ ở tính sáng tạo của tình yêu". Ngài biện luận rằng phải giữ cho sứ điệp luôn luôn đơn giản. "Đôi khi ta mất dân vì dân không hiểu ta nói gì, vì ta quên khuấy cả ngôn ngữ đơn giản để đưa vào chủ nghĩa duy trí, một chủ nghĩa hoàn toàn xa lạ đối với dân". Giáo Hội này không nên ám ảnh với việc liệu Chúa Giêsu có "đồng bản tính" với Đức Chúa Cha hay không. Đúng hơn, Giáo Hội phải trình bày Người như lòng xót thương của Thiên Chúa.

Một Giáo Hội của Emmau: Dùng trình thuật Emmau của Tin Mừng, Đức Phanxicô nói với các giám mục về những người rời bỏ Giáo Hội vì "nay họ nghĩ rằng Giáo Hội, thành Giêrusalem của họ, không còn đem lại cho họ bất cứ điều gì có ý nghĩa và quan trọng cả". Ngài không đổ lỗi cho văn hóa, ngài không lớn tiếng hô hào chống lại thuyết duy tương đối, thuyết duy tiêu thụ và đủ mọi thuyết "duy" khác; thay vào đó, ngài mời gọi các giám mục tự xét mình.

Có lẽ Giáo Hội tỏ ra quá yếu ớt, quá xa cách đối với các nhu cầu của họ, quá nghèo nàn trong đáp ứng đối với các quan tâm của họ, quá lạnh lùng, quá lẩn quẩn với chính mình, quá giam mình vào chính các công thức cứng ngắc của mình, có lẽ thế giới tỏ ra muốn biến Giáo Hội thành tàn dư của quá khứ, không thích đáng đối với vấn nạn nói nữa; có lẽ Giáo Hội chỉ còn có thể nói với người ở tuổi ấu thơ, chứ không nói được với những người đã lớn khôn.

Đứng trước tình thế Emmau này, Đức Phanxicô đề xuất những gì?

Ta cần một Giáo Hội không sợ phải ra ngoài lúc đêm khuya. Ta cần một Giáo Hội có khả năng gặp gỡ người ta ngay trên đường đi của họ. Ta cần một Giáo Hội có khả năng bước vào cuộc trò chuyện với họ. Ta cần một Giáo Hội có khả năng đối thoại với các môn đệ, sau khi bỏ Giêrusalem, đã lang thang vô định, cô đơn một mình, với nỗi thất vọng riêng, vỡ mộng bởi một Kitô Giáo bị coi là khô căn, là đất vô sinh, thiếu khả năng tạo ra ý nghĩa...

Liệu ta có còn là một Giáo Hội có khả năng sưởi ấm lòng người? Một Giáo Hội có khả năng dẫn người ta trở lại Giêrusalem? Đem họ về quê hương? Giêrusalem vốn là gốc rễ của họ: Thánh Kinh, giáo lý, bí tích, cộng đồng, tình bạn với Chúa, với Đức Maria và các tông đồ... Liệu ta có còn khả năng nói về các gốc rễ này một cách làm sống dậy cảm thức thán phục trước vẻ đẹp của chúng không?

Sau đó, Đức Phanxicô trình bày các thách đố thực tiễn đối với các giám mục Ba Tây và các giám mục khác. Các thách thức này rút ra từ nền Giáo Hội học nói trên:

a. "Nếu không huấn luyện được các thừa tác viên có khả năng sưởi ấm lòng người, cùng đi với họ trong đêm thâu, biết đối thoại với các hy vọng lẫn thất vọng của họ, biết vá lành các đổ vỡ của họ, thì nào còn hy vọng gì cho cuộc hành trình hiện nay và mai sau của ta nữa?"

b. “Như thế, cần phải biết đánh giá nhiều hơn các yếu tố địa phương và miền. Nền hành chánh trung ương không đủ; cũng cần gia tăng tính hiệp đoàn và liên đới nữa”. Điều cần “không phải là sự nhất trí, nhưng là sự hợp nhất thực sự trong cái phong phú của đa dạng tính”.

c. Gia tài của Giáo Hội được lưu truyền nhờ chứng tá, và “ta cần đích thân chuyển giao nó, cần chạm tới người ta muốn trao lại, ta muốn chuyển giao gia bảo này”.

d. “Ta cần một Giáo Hội có khả năng tái khám phá dạ xót thương của người mẹ. Ngày nay, không có xót thương, ta ít có cơ may trở nên thành phần của thế giới ‘những con người bị thương tổn cần được hiểu biết, tha thứ và yêu thương’”.

e. “Ta đừng thu nhỏ phần đóng góp của nữ giới trong Giáo Hội, nhưng phải cổ vũ vai trò tích cực của họ trong cộng đồng Giáo Hội. Mất nữ giới, Giáo Hội có nguy cơ trở thành vô sinh”.

Nói với ủy ban điều hợp của CELAM, Đức Phanxicô tiếp tục lên xương thịt cho nghị trình của ngài dành cho các giám mục:

a. “Chúng ta có lo liệu để việc làm của ta và của các linh mục có tính mục vụ nhiều hơn là tính hành chánh không?”

b. “Chúng ta có đang tạo ra một tâm thức biết tiên liệu (proactive) hay không? Chúng ta có cổ vũ các cơ hội và các khả thể để biểu hiện lòng thương xót của Thiên Chúa hay không?

c. “Chúng ta có làm cho tín hữu giáo dân trở thành người chia sẻ sứ vụ hay không?”

d. Các hội đồng giáo phận và giáo xứ “bất kể là mục vụ hay tài chánh, có đem lại cho tín hữu giáo dân các cơ hội thực sự để họ tham gia vào diễn trình tham khảo, tổ chức và đặt kế hoạch mục vụ không?”

e. Chúng ta có dành cho tín hữu giáo dân “sự tự do được tiếp tục biện phân sứ vụ mà Chúa đã ủy thác cho họ một cách xứng hợp với sự lớn mạnh trong tư cách môn đệ của họ hay không?”

Trung tâm là Chúa Giêsu Kitô. Tư cách môn đệ truyền giáo không cho phép ta tập chú vào mình, lấy mình làm trung tâm. Đức Phanxicô nói rằng “nó phải hoặc là hướng về Chúa Giêsu Kitô hay là hướng về những người ta phải công bố Chúa Kitô cho”. Cả nhà truyền giáo lẫn Giáo Hội đều không phải là trung tâm. “Trung tâm là Chúa Giêsu Kitô, Đấng kêu gọi ta và sai ta đi”. Khi “tự biến mình thành trung tâm, Giáo Hội sẽ trở thành viên chức và từ từ sẽ biến thành một loại cơ quan phi chính phủ (NGO)”.

Với lòng khiêm nhường cố hữu, Đức Phanxicô nhìn nhận rằng ngài và các giám mục đang không theo kịp điều ngài gọi là “hồi tâm mục vụ” (pastoral conversion) và còn có thể làm tốt hơn nữa. Ngài nêu ra một tiêu chuẩn cao để ngài và các giám mục cùng vươn tới.

Các giám mục phải là các mục tử, gần gũi dân, là cha anh, hiền hậu, kiên nhẫn và nhân từ. Là người yêu khó nghèo, cả khó nghèo bên trong hiểu như tự do trước mặt Chúa, lẫn khó nghèo bên ngoài hiểu như sống đơn giản và khắc khổ. Là người không suy nghĩ và hành xử như “ông hoàng”. Là người không tham vọng, chỉ kết hôn với một Giáo Hội duy nhất chứ không để mắt tới bất cứ ai khác nữa. Là người có khả năng trông chừng đoàn chiên được ủy thác cho mình và bảo vệ tất cả những gì giữ cho đoàn chiên tụ lại với nhau, biết giữ gìn để người của mình khỏi phải lo lắng trước các nguy cơ đe dọa họ, nhưng trên hết, phải tạo hy vọng, để ánh sáng luôn rạng chiếu trong tâm hồn người ta. Là người có khả năng yểm trợ, một cách đầy yêu thương và nhẫn nại, các việc làm của Thiên Chúa giữa dân Người. Giám mục phải hiện diện giữa dân của mình bằng ba cách: đi trước họ để chỉ đường; ở giữa họ để giữ họ lại với nhau và ngăn không để họ tán loạn; và đi sau họ để bảo đảm không ai bị bỏ rơi, nhưng còn điều này nữa và là điều chủ yếu: làm thế nào để đoàn chiên ngửi ra những nẻo đường mới của họ.

Qua mô tả trên, ta thấy rõ: Đức Phanxicô sẽ ưu tiên xem sét các đức tính mục vụ khi bổ nhiệm các giám mục mới. Nếu ngài thành công trong việc chọn được các giám mục như trên, thì một lối lãnh đạo mới sẽ từ Rôma lan tỏa ra khắp thế giới Công Giáo.

Thần học tội lỗi của Đức Phanxicô

(Ngày 29/08/2013)

Cho tới nay, cuộc họp báo trên chuyến bay từ Rio về Rôma hồi cuối tháng Bẩy của Đức Phanxicô đã được dư luận khắp thế giới bình luận. Tất nhiên truyền thông thế tục rất khoái khi thấy người cầm đầu Giáo Hội Công Giáo không ngại sử dụng các từ ngữ như "gay". Câu họ khoái nhất là câu "tôi là ai mà dám phê phán họ". Họ đây được truyền thông thế tục hiểu là người đồng tính nói chung, bất kể là chỉ có khuynh hướng hay thực sự hành động. Trong khi Đức Phanxicô rõ ràng nói tới những người đồng tính thực sự đi tìm Thiên Chúa và có thiện chí.

Tuy nhiên, điều truyền thông đời phớt lờ hơn cả trong số các phát biểu quan yếu của Đức Phanxicô, ngay trong phần nói về đồng tính, là câu ngài nói về tội lỗi: "Điều quan trọng là nền thần học tội lỗi".

Không gì bộc trực hơn khi các lời ấy được nói với một thế giới vốn bác bỏ chính ý niệm tội lỗi. Và đấy là điều luôn được vị giáo hoàng này nhấn mạnh. Kể từ lúc được nâng lên hàng giám mục, và nhất là từ lúc được bầu làm giáo hoàng, Đức Phanxicô luôn luôn thông truyền "nền thần học tội lỗi" một cách mạnh mẽ và minh bạch.

Ngài thường tới lui với chủ đề: tất cả chúng ta đều là người có tội, đã xúc phạm tới Thiên Chúa , cần xét lương tâm hàng ngày, và cải thiện đời sống. Ngài cũng nhắc đến ngài như người tội lỗi, công khai xin tha thứ tội lỗi, và yêu cầu mọi người cầu nguyện cho ngài. Chính trong cuộc họp báo nói trên, khi được hỏi tại sao ngài cứ năn nỉ xin người ta cầu nguyện cho ngài, ngài đã trả lời như một mục tử đích thật rằng:

"Tôi luôn luôn xin điều đó. Lúc còn là một linh mục, tôi đã xin như thế rồi... Tôi bắt đầu xin điều ấy nhiều hơn khi làm giám mục, vì tôi cảm thấy nếu Chúa không giúp vào việc giúp Dân Chúa tiến lên này, thì nó không thể thực hiện được. Tôi biết mình có nhiều hạn chế, có rất nhiều vấn đề, và tôi, một kẻ tội lỗi, như qúi vị thấy đấy! Nên tôi phải xin điều ấy... Nó phát xuất từ bên trong. Tôi cũng xin Đức Mẹ cầu cùng Chúa cho tôi nữa. Đây là một thói quen, nhưng là một thói quen phát xuất từ trái tim tôi và cũng là một nhu cầu thực sự nữa do công việc của tôi"

Tháng Tư vừa qua, Đức Phanxicô mô tả nền thần học tội lỗi của ngài như một diễn trình gồm 3 phần. Phần thứ nhất là nhìn nhận bóng tối của cuộc sống hiện đại, một bóng tối dẫn tới không biết bao lầm lạc:

"Bước đi trong bóng tối là quá hài lòng với chính mình, tin rằng ta không cần ơn cứu rỗi. Đó chính là bóng tối! Khi ta tiếp tục con đường tối tăm này, thật khó có thể quay gót. Bởi thế, Thánh Gioan nói tiếp, vì lối suy nghĩ này khiến ngài suy tư: "nếu nói ta không có tội, là ta tự lừa dối mình và sự thật không ở trong ta". Anh chị em hãy nhìn vào tội lỗi anh chị em, vào tội lỗi chúng ta, tất cả chúng ta đều là người tội lỗi, tất cả chúng ta... Đây là điểm khởi đầu".

Phần thứ hai là hiểu ra rằng xưng tội không phải chỉ là cách tẩy vết nhơ khỏi linh hồn ta, như thể tòa giải tội là tiệm giặt ủi thần học, mà đúng hơn là cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô, Đấng luôn sẵn sàng tha thứ tội lỗi và biến đổi đời ta. Nhưng để tiếp nhận ơn chữa lành của Người, ta phải nhìn nhận không những tội lỗi ta, mà cả sự ân hận của ta khi vi phạm ý Người. Ta phải sẵn lòng nói như Đức Phanxicô:

" 'Lạy Chúa, Chúa hãy nhìn xem... con là thế này đây'. Ta thường hay mắc cỡ khi phải nói sự thật: 'tôi làm điều này, tôi nghĩ điều này'. Nhưng mắc cỡ là một nhân đức Kitô Giáo đích thật, và cả nhân

bản nữa... Anh chị em phải đứng trước mặt Chúa 'với sự thật của kẻ có tội'... Ta đừng nên giả trang trước mặt Thiên Chúa... Đây là nhân đức mà Chúa Giêsu yêu cầu ở nơi ta: khiêm nhường và hiền lành".

Phần thứ ba của diễn trình này là tuyệt đối tin Thiên Chúa sẽ canh tân ta. "Ta phải tin tưởng, vì khi phạm tội, ta có đấng bào chữa ta với Chúa Cha, là 'Chúa Giêsu Kitô công chính'. Và Người luôn 'hỗ trợ ta trước mặt Chúa Cha' và bênh vực ta trước mọi yếu đuối của ta".

Trong bài nói chuyện với các tu sĩ Dòng Tên nhân ngày lễ Thánh Inhaxiô, Đức Phanxicô tóm tắt cái nhìn Công Giáo của ngài về đời sống như sau: "phải đặt Chúa Kitô và Giáo Hội vào trung tâm; phải để Người chinh phục ta để ta phục vụ; phải cảm thấy ân hận về các giới hạn và tội lỗi của ta, ngõ hầu khiêm nhường trước mặt Người".

Ta sẽ học hỏi nhiều hơn nếu đem so sánh quan điểm của Đức Phanxicô với quan điểm của thế giới duy tục. Ngài coi việc làm tình bên ngoài hôn nhân đương nhiên là sai lầm; thế gian không nghĩ thế, và càng ngày nó càng không tin cả định nghĩa đúng đắn về hôn nhân. Đức Phanxicô chủ trương việc cấp thiết phải xưng tội; thế gian chủ trương phải cử hành và biện minh cho tội lỗi. Ngài tin rằng điều cốt yếu là phải nhìn nhận và cổ vũ một quan niệm Kitô Giáo lành mạnh về mắc cỡ, ân hận, còn thế gian thì chế nhạo chính quan niệm mắc cỡ ấy. Có lẽ đó là lý do tại sao, trong bài diễn văn tháng Tư, ngài đã dùng những từ ngữ mạnh mẽ nhất đối với những người không biết mắc cỡ:

"Tôi không biết tiếng Ý có kiểu nói nào tương tự hay không, nhưng ở xứ tôi (Á Căn Đình), những người không bao giờ mắc cỡ được gọi là 'sin verguenza': có nghĩa là trâng tráo, vì họ không có khả năng mắc cỡ; mắc cỡ vốn là nhân đức của người khiêm nhường, của những người nam nữ biết khiêm nhường".

Trong một cột báo gần đây, John Allen cho rằng Đức Phanxicô đã trở thành "vị Giáo Hoàng của Lòng Thương Xót" vì "ý niệm nói lên con người của ngài là lòng thương xót. Ngài nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại tới khả năng tha thứ vô biên của Thiên Chúa, làm nổi bật điều thế giới cần nghe hơn cả từ Giáo Hội ngày nay là sứ điệp xót thương".

Điều ấy chắc chắn không sai, tuy nhiên, điều cũng đúng là cái hiểu của Đức Phanxicô về xót thương không phải là cái hiểu của những người bất đồng và duy tục, càng không phải là loại xót thương lầm lẫn mà Đấng Đáng Kính Fulton Sheen đã mạnh mẽ vạch trần và bác bỏ. Lòng xót thương Kitô Giáo thật sự giả thiết phải có một trật tự luân lý vững chắc với một giáo huấn rõ ràng về thiện và ác: nó không phải là ý niệm không đầu đuôi, bất định, thả nổi; nó cũng không phải là khúc nhạc dạo đầu dẫn tới các lý thuyết luân lý đổi thay.

Giáo huấn về xót thương của Đức Phanxicô rất đẹp và gợi hứng, nhưng nó bắt nguồn từ một nền thần học đầy đủ về tội lỗi, một nền thần học mà giáo huấn kia không bao giờ xa lìa. Nền thần học này bao gồm việc thừa nhận tính đáng xấu hổ về các tội trọng của ta, và việc cần từ bỏ chúng, với sự trợ giúp của Chúa Giêsu. Chỉ khi ấy, ta mới cảm nhận được niềm vui và sự chữa lành đầy đủ từ Con Người đầy lòng xót thương.

Đức Phanxicô sắp bổ nhiệm tân quốc vụ khanh Tòa Thánh

(Ngày 30/08/2013)

Nhiều nguồn tin trong ngày 30 tháng Tám cho thấy Đức Phanxicô sắp sửa bổ nhiệm tân quốc vụ khanh Tòa Thánh, một việc mà dư luận khắp thế giới đang chờ mong kể từ ngày Đức HY Bergoglio được bầu làm giáo hoàng cách nay gần 5 tháng. Vị chức sắc được Đức Phanxicô bổ nhiệm vào chức vụ hàng đầu trong nền hành chánh Giáo Hội là Đức TGM Pietro Parolin, vị chức sắc không lạ lùng gì đối với dư luận Việt Nam qua nhiều cuộc thương thuyết giữa Vatican và Việt Nam trong nhiều năm trước.

Mặc dù Đức Giáo Hoàng là nguyên thủ quốc gia, nhưng Quốc Vụ Khanh thường hành xử như người cầm đầu chính phủ, cả trong các vấn đề đối nội lẫn trong các liên hệ ngoại giao của Giáo Hội, biến ngài gần như một thủ tướng.

Hiện là sứ thần Tòa Thánh tại Venezuela, Đức TGM Parolin vốn là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp từng liên hệ tới việc lên khuôn cho nhiều giải pháp của Vatican đối với các thách đố chính trị hoàn cầu hết sức chủ yếu trong suốt 2 thập niên qua.

Đức TGM Parolin cũng được coi là nhà hành chánh có tài và hữu hiệu từng giữ chức phó bộ trưởng ngoại giao trong các năm 2002 tới 2009. Trong vai trò này, ngài thường hành xử một cách không chính thức như là thương thuyết gia hàng đầu của Vatican với thế giới bên ngoài.

Ký giả kỳ cựu về Vatican là Andrea Tornielli, vào hôm 30 tháng Tám, cho rằng Đức Phanxicô, trễ lắm vào ngày 31 tháng Tám, sẽ bổ nhiệm Đức TGM Parolin vào chức vụ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh. Nếu dự đoán này chính xác, thì quyết định này nói lên ít nhất hai điểm quan trọng liên quan tới chiều hướng quản trị Giáo Hội của Đức Phanxicô.

Thứ nhất, nó cho thấy dù Đức Phanxicô cố gắng hoạch định một cuộc cải tổ tại Vatican, nhưng ngài không có ý định khởi đi từ số không. Thay vào đó, Đức TGM Parolin sẽ là người "tái khởi động" (reboot) hệ thống điều hành của Vatican trở lại thời kỳ lúc nó còn được coi là hữu hiệu.

Ngài vốn là người trong cuộc rất hiểu việc, nhưng lại không bị liên lụy gì tới những bế tắc tai tiếng nhất về quản trị từng diễn ra thời Đức HY Tarcisio Bertone. Các bế tắc này bao gồm vụ rắc rối xảy ra năm 2009 chung quanh việc rút vạ tuyệt thông cho một giám mục từng bác bỏ Việc Diệt Chủng Người Do Thái, cũng như vụ tai tiếng rì rỏ ở Vatican. Các vụ này gộp lại với nhau đã khiến nhiều vị giáo phẩm cao cấp khắp thế giới bất mãn và một cách gián tiếp đã thúc đẩy các Hồng Y cử tri bầu "người ngoại cuộc" Á Căn Đình làm giáo hoàng.

Việc chọn một người Ý (Parolin vốn người Ý) xem ra cũng xác nhận điều này: Đức Phanxicô không có ý định hoàn toàn lật đổ nền văn hóa truyền thống của Vatican.

Mặt khác, việc chọn lựa này còn cho thấy Đức Phanxicô không muốn khả năng ngoại giao của Giáo Hội bị lu mờ trong khi ngài phải đương đầu với các thách đố nội bộ.

Ngay lập tức, Đức TGM Parolin sẽ trở thành phát ngôn viên hàng đầu của Giáo Hội trong các vấn đề quốc tế nóng bỏng như các cuộc khủng hoảng hiện nay tại Syria và Ai Cập. Ngài có nhiều kinh nghiệm tại vùng này, chỉ đơn cử việc ngài làm đại diện của Tòa Thánh tại Hội Nghị Annapolis năm 2007 về Trung Đông do chính phủ Bush triệu tập.

Mặt khác, các quan sát viên Vatican lâu đời nhận định rằng bất cứ ai được bổ nhiệm vào chức quốc vụ khanh dưới quyền Đức Phanxicô cũng sẽ không phải là nhân vật quyền thế giống như thời hai vị giáo hoàng tiền nhiệm, vì hai lý do sau đây:

Thứ nhất, Đức Phanxicô là vị giáo hoàng đích thân cầm cân nẩy mực mọi chuyện, một điều khiến ngài ít bị lệ thuộc các tùy viên.

Thứ hai, tân hội đồng gồm 8 Hồng Y khắp thế giới, do Đức Phanxicô công bố hồi tháng Tư, sẽ trở thành hội đồng cố vấn quan trọng nhất có tính chủ yếu trong các quyết định then chốt về chính sách, khiến văn phòng quốc vụ khanh giảm khá nhiều vai trò trong khía cạnh này.

Theo chiều hướng đó, Quốc Vụ Khanh dưới thời Đức Phanxicô sẽ hành xử như một trưởng tham mưu hơn là một "phó giáo hoàng".

Sinh tại miền Veneto, Ý, Đức TGM Parolin, ngoài tiếng Ý, còn thông thạo tiếng Pháp, tiếng Tây Ban

Nha và tiếng Anh. Trước đây, ngài từng phục vụ tại các tòa sứ thần ở Mexico và Nigeria, và đã phụ trách về Nam Âu tại Văn Phòng Quốc Vụ Khanh.

Đức Phanxicô nói với người vô tín ngưỡng

(Ngày 11/09/2013)

Ngày 11 tháng Chín, trong một lá thư gửi cho nhật báo Ý "La Republica", Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thuật lại kinh nghiệm đức tin của ngài cho người vô tín ngưỡng. Lá thư này nhằm trả lời một số câu hỏi liên quan tới việc Giáo Hội phải đáp ứng ra sao đối với những người không tin vào Chúa Giêsu. Các câu hỏi này đã được nêu ra trên tờ báo này ngày 7 tháng Bẩy năm nay.

Đức Giáo Hoàng viết rằng: "Tôi cảm thấy rất tích cực, không phải chỉ đối với cá nhân mỗi người chúng ta mà thôi mà còn đối với cả xã hội nơi chúng ta đang sống, nếu có thể dừng lại để đối thoại với nhau về một thực tại rất quan trọng đối với đức tin, một thực tại dẫn ta tới lời dạy và khuôn mặt của Chúa Giêsu".

"Ngày nay, tôi nghĩ có hai nhân tố đặc biệt biến cuộc đối thoại này thành một nhiệm vụ và một điều qúy giá. Hơn nữa, như mọi người đều biết, nó còn là một trong các mục tiêu chính của Công Đồng Vatican , do Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII triệu tập, và của thừa tác vụ các Giáo Hoàng mà mỗi vị, với tính nhạy cảm và đóng góp riêng, kể từ thời đó tới nay, đã bước theo, trong khuôn thước do Công Đồng đặt để".

Sau đó, Đức Phanxicô thuật lại kinh nghiệm bản thân của ngài về đức tin và việc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô trong cuộc sống của ngài. Ngài viết: "Đối với tôi, đức tin phát sinh từ việc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Một cuộc gặp gỡ có tính bản thân, tác động tới trái tim tôi và đem lại cho tôi một hướng đi và một ý nghĩa mới cho cuộc hiện sinh của tôi".

"Nhưng cùng một lúc, nó cũng là một cuộc gặp gỡ chỉ có thể có được nhờ cộng đoàn đức tin nơi tôi sinh sống và nhờ cộng đoàn này tôi tìm được lối đi vào việc hiểu biết Thánh Kinh, vào cuộc đời mới vốn vọt lên như suối nước từ Chúa Giêsu qua các Bí Tích, vào tình huynh đệ với mọi người và vào việc phục vụ người nghèo, hình ảnh đích thực của Chúa. Tôi tin rằng: không có Giáo Hội, chắc chắn tôi đã không gặp được Chúa Giêsu, dù biết rằng hồng phúc bao la là đức tin vốn được duy trì trong bình chứa bằng đất sét dễ vỡ là chính nhân tính chúng ta".

Về vấn đề Giáo Hội đáp ứng ra sao đối với những người không có cùng một đức tin như mình vào Chúa Kitô, Đức Phanxicô trả lời: lượng từ bi của Thiên Chúa là lượng từ bi vô lường nếu người ta chịu hướng về Người với một tâm hồn thành thực và xám hối. "Vấn đề thực sự đối với những người không tin vào Thiên Chúa nằm ở chỗ lắng nghe chính lương tâm của họ".

"Cả đối với những người không có đức tin, tội lỗi hệ ở việc đi ngược lại lương tâm của mình. Thực vậy, lắng nghe và vâng theo lương tâm của mình là đưa ra các quyết định liên quan tới những điều mình cho là đúng hay xấu. Tính thiện hay tính ác trong hành động của chúng ta hệ ở chính các quyết định này".

Một trong các câu hỏi được Đức Phanxicô trả lời liên quan tới việc liệu có tội hay không khi tin rằng không hề có một chân lý tuyệt đối. Ngài cho hay: chân lý là "tình yêu Thiên Chúa dành cho ta trong Chúa Giêsu Kitô. Thành thử, chân lý là một liên hệ! Mỗi người chúng ta đều nhận được chân lý và phát biểu nó ra theo cách riêng của mình tùy theo lịch sử, văn hóa và hoàn cảnh sống".

Câu hỏi cuối cùng được Đức Thánh Cha trả lời là: "Khi không còn con người trên mặt đất nữa, thì tư duy có thể tưởng tượng ra Thiên Chúa có biến mất hay không?". Đức Phanxicô nói rằng "sự cao cả của con người hệ ở khả năng suy nghĩ của họ về Thiên Chúa. Và điều này có nghĩa họ có khả năng cảm nghiệm được việc nhận ra và bước vào liên hệ với Người... Nhưng liên hệ bao giờ cũng là liên hệ giữa hai thực tại. Thiên Chúa không tùy thuộc ý nghĩ của ta. Đàng khác, dù sự sống của con người có

chấm dứt trên mặt đất, điều mà theo đức tin Kitô Giáo, chắc chắn sẽ xẩy ra, con người vẫn không ngừng hiện hữu, và bằng một cách chúng ta không biết, cả vũ trụ này nữa, vũ trụ từng được tạo dựng cùng với con người, cũng sẽ không ngừng tiếp tục hiện hữu".

Trong phần kết luận, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới sứ mệnh của Giáo Hội trong việc loan báo Chúa Giêsu bất chấp các thiếu sót của mình. Ngài viết: "Tôi tin rằng, bất chấp mọi chậm chạp, bất trung, sai lầm và tội lỗi rất có thể có nơi các chi thể của mình, Giáo Hội sẽ không có một ý nghĩa nào hay một mục đích nào khác hơn là sống và làm chứng cho Chúa Giêsu".

Chấn động mới nhất

John L. Allen Jr. của tờ *National Catholic Reporter* coi lá thư trên như chấn động mới nhất tại Vatican, chứ không hẳn các nhận định mới đây của Đức TGM Pietro Parolin, người vừa được Đức Phanxicô cử nhiệm làm quốc vụ khánh, về độc thân và dân chủ. Thực vậy, lá thư riêng được Đức Phanxicô gửi cho một ký giả nổi tiếng, vốn là người vô tín ngưỡng, đã được đăng trên tranh nhất của tờ *La Republica* đông độc giả nhất nước Ý.

Allen lưu ý tới 3 điểm từng được nhiều người nói tới trước đây kể cả các vị giáo hoàng, nhưng chưa bao giờ rõ ràng bằng dịp này:

a) Thiên Chúa không bao giờ từ bỏ giao ước của Người với Dân Do Thái, và Giáo Hội "không bao giờ biết ơn đủ" đối với người Do Thái vì đã bảo tồn đức tin của họ bất chấp mọi kinh hoàng của lịch sử, nhất là nạn *Shoah*, chữ Do Thái có nghĩa diệt chủng.

b) Lượng từ bi của Thiên Chúa "không cùng" và do đó, vươn tới cả những người không tin nữa. Với những người này, tội không hệ ở việc thiếu niềm tin vào Thiên Chúa, mà đúng hơn hệ ở việc không tuân theo tiếng lương tâm.

c) Chân lý không "thay đổi hay có tính chủ quan" nhưng Đức Phanxicô cho hay ngài không muốn nói nó "tuyệt đối", theo nghĩa không ăn uống với ai, không có bất cứ liên hệ nào. Ngài bảo: chân lý chiếm hữu ta, chứ không ngược lại, và chân lý luôn được phát biểu theo "lịch sử và văn hóa, cũng như hoàn cảnh sống của người ta".

Các vị giáo hoàng trước đây vốn trao đổi tư duy với các nhà báo. Đức Gioan Phaolô II với Vittorio Messor qua cuốn "Vượt Ngưỡng Cửa Hy Vọng", xuất bản năm 1994. Đức Bênêđíctô XVI với Peter Seewald qua cuốn "Ánh Sáng Thế Gian" xuất bản năm 2010.

Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên, một vị giáo hoàng đích thân trả lời các câu hỏi được đặt ra cho ngài trên hai bài xã luận của một tờ nhật báo. Eugenio Scalfari, một trong những người lập ra tờ *La Republica*, đã viết hai bài xã luận, một vào hồi tháng Bẩy và một vào hồi tháng Tám, ngỏ ý muốn được hỏi chính Đức Phanxicô mấy câu.

Khởi điểm của Scalfari là đoạn của thông điệp *Lumen Fidei* mới đây, nói rằng: "bao lâu họ thành thực cởi mở đối với tình yêu và lên đường với bất cứ ánh sáng nào thấy được", người vô tín ngưỡng "dù không biết, nhưng đã đang ở trên con đường dẫn tới đức tin rồi".

Scalfari vốn là người nổi tiếng thuộc phe tả của Ý, rất tích cực trong các đảng phái xã hội chủ nghĩa và cấp tiến. Ông cũng công khai tuyên bố mình là người vô thần không tin bất cứ tôn giáo nào và hay lên tiếng chỉ trích vai trò của Giáo Hội trong nền chính trị Ý.

Để trả lời Scalfari, Đức Phanxicô cho rằng cuộc đối thoại giữa Giáo Hội và người vô tín ngưỡng là điều quan trọng vì 2 lý do: Thứ nhất, việc ly khai giữa Giáo Hội và văn hóa do phong trào Ánh Sáng gây ra. Ngài viết: "Thời gian đã tới, và Công Đồng Vatican II đã khai mở một mùa mới, mùa đối thoại cởi mở, không có tiên kiến, một cuộc đối thoại sẽ mở lại mọi cánh cửa để gặp nhau cách nghiêm chỉnh và có kết quả".

Thứ hai, theo quan điểm của người tin, đối thoại với người khác không phải là việc phụ thuộc mà đúng hơn là việc "thân thiết và không thể miễn chước".

Một trao đổi tương tự cũng đã diễn ra giữa Đức HY Carlo Maria Martini của Milan, người đã qua đời hồi tháng Tám, 2012, và tiểu thuyết gia vô tín ngưỡng là Umberto Eco. Các lá thư trao đổi này đã được đăng năm 1996 tại Ý và năm 2000 tại Hoa Kỳ.

John Thavis thì coi lá thư trên như một cố gắng bắc cầu, cố gắng của một nhà truyền thông có tài, không những được đặt tít lớn mà còn làm "nhiều người rơi lệ". Nó chứng tỏ vị đương kim giáo hoàng thoải mái cả trên các cột báo lẫn trong các văn kiện chính thức của mình.

Sáu tháng đầu của Đức Phanxicô

(Ngày 16/09/2013)

Ngày 13 tháng Chín vừa qua là ngày Đức Phanxicô thi hành thừa tác vụ Phêrô được đúng 6 tháng. Nhân dịp này, một số nhận định sau đây đã được viết về ngài.

Một nhân cách phong phú và phức tạp

Elise Harris của CNA/EWTN News cho rằng phong cách đặc biệt của Đức Phanxicô mỗi ngày mỗi rõ nét hơn và phần đông đồng ý rằng phong cách ấy nhấn mạnh nhiều tới bản chất mẫu thân và từ ái của Giáo Hội.

Ít nhất đó cũng là nhận định của nhà phân tích Châu Mỹ La Tinh Alejandro Bermudez: "Tôi nghĩ ngài muốn chứng tỏ một cách đầy ý thức khía cạnh mẫu thân và từ ái của Giáo Hội, một khía cạnh vừa hết sức thực ... vừa hay bị lãng quên. Tôi nghĩ đó là một trong các đặc điểm định tính của triều đại ngài".

Bermudez hiện là giám đốc điều hành của CNA và phụ trách một số chương trình truyền hình bằng tiếng Tây Ban Nha cho EWTN. Ông từng là bình luận gia khách về các vấn đề tôn giáo cho tờ New York Times và là phóng viên Châu Mỹ La Tinh cho tờ National Catholic Register. Ông cũng là tác giả cuốn sách mới xuất bản tựa là "Đức GH Phanxicô: Người anh em ta, Người bạn của ta" gồm các bài phỏng vấn, suy tư của người cùng trang lứa, của các giáo sư và bằng hữu thân thiết với Đức Giáo Hoàng trước khi ngài được bầu.

Là người vốn quen biết với Đức Phanxicô lúc ngài còn là TGM Buenos Aires, Bermudez cho biết: sáu tháng đầu tiên trong ngôi vị giáo hoàng "cho thấy nhân cách của Đức Phanxicô phong phú và phức tạp xiết bao... Ngài có khả năng tự xác định mình mà không cần phải so sánh với các vị tiền nhiệm. Phanxicô tự xác định ngài là Phanxicô".

Tuy nhiên, dù nhân cách này vẫn "liên tục một cách đáng kể với con người chúng tôi từng biết trong tư cách Hồng Y Bergoglio" như đích thân gọi điện thoại cho những người không quen biết để an ủi, chào thăm hay khuyến khích họ, theo Bermudez, nó cũng đã có nhiều thay đổi từ ngày ngài ngồi vào Tòa Phêrô.

Một trong những thay đổi có ý nghĩa nhất là "năng lực và niềm phấn khởi của ngài khi gặp gỡ người ta. Trước đây, ngài là người không được thoải mái mấy với đám đông". Sau Ngày Giới Trẻ Thế Giới tại Rio de Janeiro đầu mùa hè này, ngài "là một người hoàn toàn khác, một cách tốt đẹp, theo nghĩa: ngài hết sức thoải mái với đám đông, không giống như trong quá khứ".

Không những thế, ngài còn làm gương cho nhiều người cả bên trong lẫn bên ngoài Giáo Hội. Theo Bermudez, ngài là tu sĩ Dòng Tên "từ đầu đến chân, trăm phần trăm Inhã, nghĩa là trung thành với truyền thống linh đạo của Thánh Inhã thành Loyola". Chính Dòng này đã phổ biến lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu, từng được mạc khải cho Thánh Nữ Margaret-Mary Alocoque đầu thập niên

1600.

Theo Bermudez, Dòng Tên "coi trái tim như trung tâm con người nhân bản, một trái tim cần được biến đổi và cần được canh tân hoàn toàn".

"Việc biến đổi trái tim này làm Kitô hữu trở thành trái tim của Giáo Hội, và khi trái tim Giáo Hội được biến đổi, Giáo Hội trở thành trái tim của thế giới, có khả năng biến đổi thế giới".

Bermudez giải thích rằng việc biến đổi này không phát triển "theo một tuyến thời gian cứng ngắc". Nghĩa là một khi người Công Giáo biến đổi, thì Giáo Hội sẽ biến đổi và chỉ sau đó, thế giới mới biến đổi. Đúng hơn, Dòng Tên coi diễn trình biến đổi này là một diễn trình đồng thời, trong đó, "mọi thay đổi trong trái tim con người đều được phản ảnh trong các thay đổi của Giáo Hội, và các thay đổi trong Giáo Hội được phản ảnh trong các thay đổi của thế giới".

Phương thức đó đã được thấy rõ trong cả tư duy lẫn thực hành mục vụ của Đức HY Bergoglio và là điều mỗi ngày mỗi được thấy rõ hơn nơi Đức Giáo Hoàng Phanxicô. "Ngài là người hoàn toàn xác tín rằng bất cứ cuộc cải tổ Giáo Hội nào cũng bắt đầu bằng việc biến đổi trái tim".

Hai điều mới mẻ lớn lao

Linh mục Federico Lombardi, phát ngôn viên Tòa Thánh, nhân dịp này, nói tới 2 điều mới lạ lớn lao của Đức Phanxicô: chọn tên Phanxicô và việc chấm dứt chính sách qui Âu Châu của Giáo Hội.

Chính Đức Tân Giáo Hoàng đã giải thích lý do của việc chọn tên Phanxicô: để tập chú vào người nghèo. Còn về sự kiện không-Âu Châu, cha Lombardi cho hay: "Điều này được nhìn một cách tích cực như là việc mở rộng chân trời. Ta thấy điều này cách đặc biệt trong Ngày Giới Trẻ Thế Giới" trong đó, phong cách của Đức Phanxicô là phong cách "mục vụ, phương thức giao tiếp với con người là phương thức trực tiếp và ngôn ngữ của ngài là ngôn ngữ đơn giản".

Mọi vị giáo hoàng đều có tính phổ quát, "dù việc bầu một giáo hoàng xuất thân từ một lục địa khác, trên thực tế, vẫn mang tới một điều gì đó đặc biệt trong phong cách, trong viễn tượng nhìn, và đó là điều toàn thể Giáo Hội mong muốn".

Phát ngôn viên Tòa Thánh cũng nói tới cung cách Đức Phanxicô vươn tay ra với những ai "đã ra xa lạ" với Giáo Hội. Cha cho hay: "Phong thái, ngôn ngữ trực tiếp của Đức Giáo Hoàng, các thái độ của ngài, cả nét mới mẻ trong lối sống của ngài nữa, đã khiến người ta xúc động sâu xa và tạo nên chú ý và hứng khởi lớn lao".

Cha Lombardi cũng nhấn mạnh rằng phía đàng sau sự tò mò, còn có một yếu tố sâu xa lôi cuốn mọi người, đó là "Sự kiện Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh tới một Thiên Chúa tình yêu, một Thiên Chúa xót thương, một Thiên Chúa luôn sẵn sàng tha thứ, Đấng mà ngài đề cập tới với một dạ khiêm cung".

Về cuộc cải tổ giáo triều, Cha Lombardi cảnh giác ta không nên quá chú trọng tới những cải tổ về cơ cấu. "Điều quan yếu là cuộc cải tổ muôn thuở về sinh hoạt Giáo Hội và về phương diện này, Đức GH Phanxicô, qua gương sáng của ngài, qua nền linh đạo của ngài, thái độ khiêm nhường và sự gần gũi của ngài, chắc chắn muốn đem ta gần lại Chúa Giêsu, ngài muốn biến ta thành một Giáo Hội lữ hành, gần gũi với nhân loại ngày nay, nhất là nhân loại đau khổ, đang cần biểu hiện của tình yêu Thiên Chúa".

Sức mạnh thiên nhiên

John L. Allen Jr của tờ National Catholic Reporter, sau khi kể hàng loạt các điều "nhất" và thành tích của Đức Phanxicô trong suốt 6 tháng qua, đã đi đến nhận định sau: "Không thể lầm lẫn nữa: Đức Phanxicô là một hiện tượng, một sức mạnh thiên nhiên nâng cao hoài mong, đảo lộn tiên đoán, tạo ra chiều hướng khả thể mới, khiến người ta cứng lưỡi, và trong một số giới, gia tăng lo lắng, tất cả chỉ

trong vòng nửa năm trời ngắn ngủi".

Allen đồng ý với Bermudez khi cho rằng những ai từng quen biết với Đức HY Bergoglio hồi ngài còn ở Buenos Aires, hẳn phải ngạc nhiên lúc gặp lại ngài trong tư cách Giáo Hoàng. Vì theo họ, nay ngài thật thoải mái trên diễn đàn công.

Thực vậy, lúc còn ở Buenos Aires, Đức HY Bergolio nổi tiếng là người không thân thiện với giới truyền thông, càng tránh được truyền thông bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Người ái mộ ngài thì gọi đó là khiêm nhường. Người phê phán thì bảo ngài "đáng nản" hay "xám ngắt". Nói gì thì nói, khía cạnh đó đã trở thành "phong cách".

Thành thử thấy ngài chiếm được lòng người một cách "vũ bão", đến độ khiến đám đông ở Ba Tây "loạn cuồng" gần như muốn cưỡng đoạt đoàn xe hộ tống ngài, muốn "săn đuổi" ngài như các thiếu nữ săn đuổi Justin Bieber trong buổi hòa nhạc, làm cho bằng hữu cũ và thân nhân của ngài ngỡ ngàng như được "mạc khải" điều gì hoàn toàn mới lạ!

Em gái duy nhất còn sống là Maria Elena Bergoglio, trong một cuộc phỏng vấn của tờ National Catholic Reporter hồi giữa tháng Tư, cho rằng "Anh tôi gần gũi với dân chúng Á Căn Đình ở đây, nhưng hôm nay hình như anh ấy còn gần gũi hơn nữa và có khả năng diễn tả tâm tình một cách hay ho hơn nhiều, điều mà tôi cho là nhờ ơn Chúa Thánh Thần trợ giúp".

Giải thích thế nào thì giải thích, các chính khách và những người tăm tiếng đều ước mong có được sức lôi cuốn của Đức Phanxicô. Nguyên việc ngài lôi cuốn hơn 3 triệu người tới bãi biển Copacabana của Ba Tây hồi tháng Bẩy cũng đã phá tan các kỷ lục của Rolling Stones rồi.

Và cũng như Bermudez và cha Lombardi, Allen cho rằng Đức Phanxicô là người của trái tim. Từ được ngài dùng nhiều nhất trong sáu tháng qua là "hân hoan" (hơn 100 lần), tiếp theo là từ "thương xót" (gần 100 lần). Ngài lấy lòng thương xót làm tâm điểm cho bài giảng lễ đầu tiên tại nhà thờ giáo xứ Thánh Anna tại Vatican (17 tháng Ba) và đã lặp lại nó trong buổi đọc kinh Truyền tin cùng ngày. Ngài bảo: "Đối với tôi, và tôi xin khiêm cung nói điều này, sứ điệp mạnh mẽ nhất của Chúa là lòng thương xót". Lòng thương xót này phản ảnh trong chính huy hiệu của ngài *Miserando atque eligendo* (xót thương và tuyển chọn). Huy hiệu này khiến ngài rất mộ mến và thực hành bí tích giải tội.

Người ta tin rằng cuộc cải tổ của Đức Phanxicô mà ai cũng mong chờ sẽ biến Giáo Hội Chúa Kitô thành một Giáo Hội biết xót thương và cảm thông.

Không bị nuốt trửng bởi chức vụ

Người điểm sách của tờ Catholic Herald ở London là Francis Phillips, sau khi kể ra một số cử chỉ ngoại thường của Đức Phanxicô, đã có nhận định sau: ngài là "người không bị nuốt trửng bởi chức vụ và là người có cách riêng để thổi sinh khí mới vào chức vụ cổ kính, nạm đầy truyền thống này. Các đặc điểm này khiến Đức Giáo Hoàng dễ đến với tâm trí người bình thường... chúng đem lại cho thế giới và cho hàng ngũ giáo dân Công Giáo một cái nhìn mới mẻ về người đứng đầu cộng đồng tôn giáo lớn nhất thế giới".

Phillips thích lối nói ứng khẩu của Đức Phanxicô dù có vì thế mà ngài hay bị báo chí thế tục giải thích sai. Bài xã luận của tờ Telegraph ở London chẳng hạn, khi nhận xét về lá thư ngài gửi cho tờ La Republica trong đó, ngài nói rằng lòng xót thương của Thiên Chúa áp dụng cho cả người vô thần nếu họ chịu theo tiếng lương tâm của họ, đã cho rằng chủ trương này quả là Tin Mừng biết điều (Gospel of niceness). Hình như họ không chịu đọc câu sau chữ "nếu".

Các bài học từ cuộc phỏng vấn Đức Phanxicô
(Ngày 25/09/2013)

Cuộc phỏng vấn độc quyền Đức Phanxicô của một số tập san Dòng Tên đã thu hút được thật nhiều chú ý khắp thế giới và không thiếu nước mắt vì xúc động. Linh Mục Martin của tập san America xác nhận: các biên tập viên khi san định bài phỏng vấn để cho đăng đã chưa bao giờ khóc như lần này. Linh mục Malone, tổng biên tập, thì cho rằng trong lịch sử 104 năm của tập san, chưa điều gì được coi là hoàn toàn không tiền lệ, chỉ có cuộc phỏng vấn lần này mới thực sự là vô tiền khoáng hậu mà thôi, một vô tiền khoáng hậu mà chính linh mục Federico Lombardi, phát ngôn viên Tòa Thánh, cũng không dám nghĩ tới.

Và việc đầu tiên linh mục Malone muốn nơi người đọc là không đọc bài phỏng vấn này theo kiểu "giáo trình và trịnh trọng" (didactic and formal) mà là theo lối "huynh đệ hơn là cha chú" (fraternal rather than paternal) vì bài phỏng vấn này đầy tinh thần đại lượng, khiêm nhường và âu yếm nồng đậm. Nó đã xua tan chiếc bóng "giáo hoàng quân chủ, tiền công đồng". "Đức Phanxicô nói với ta như người anh của ta; chữ 'ta' của ngài quả là 'ta' chứ không phải 'tôi'".

Thiếu một ai đó

Đức Hồng Y Dolan của New York tỏ lời ca ngợi Đức Phanxicô đã có can đảm ngồi cho một cuộc phỏng vấn dài và có tính bản thân đến thế, một điều mà không phải ai cũng "dám". Đức Phanxicô đã không ngại phát biểu đủ điều về lối cầu nguyện của ngài, lối sống thánh thiện của ngài, các hy vọng và thất vọng của ngài. Ngài quả đang đồng hành với ta.

Thái độ trên hết sức cần thiết cho công cuộc tân phúc âm hóa từng khởi diễn với hai Đức Gioan Phaolô II và Bênêđictô XVI, nhờ thế Đức Phanxicô đã phá tan các ấn tượng xấu người ta vẫn có về các vị lãnh đạo Giáo Hội Công Giáo, vốn được coi như gây trở ngại cho việc truyền bá tin mừng của Giáo Hội.

Trước thái độ này, người xưa nay cảm thấy mình bị Giáo Hội cho ra rìa thì hết sức hân hoan, còn người sống theo kỷ luật, có khuynh hướng tín lý hơn, thì dường như không hài lòng lắm. Tuy nhiên, theo Đức HY Dolan, cả hai nhóm người này đều bỏ sót điều gì đó, hay đúng hơn, một ai đó. Có lẽ Đức Phanxicô sẽ rất thất vọng nếu người ta chỉ chú ý tới ngài, tới cuộc phỏng vấn ngài, tới các tuyên bố của ngài, mà quên mất Chúa Giêsu. Ngài muốn ta trước nhất chú ý tới Chúa Giêsu, nhấn mạnh tới Người, tới con người, giáo huấn, ơn cứu rỗi, lời mời gọi, cái chết và sự phục sinh của Người, mọi cái khác tự nhiên sẽ đến.

Là Giáo Hội, với nhau

Viết cho Website của tờ America, Vincent J. Miller cho rằng Đức Phanxicô đã thay đổi "cuộc cờ" trong Giáo Hội một cách khó lường. Theo ông, có điều gì rất mới trong cuộc phỏng vấn Đức Phanxicô lần này, một chiều kích khác ta cần hành động.

Ông nghĩ, điều mới ấy chính là viễn kiến toàn bộ về Giáo Hội, vừa là "dân Chúa" vừa là "mẹ thánh Giáo Hội phẩm trật", tụ tập với nhau trong một gần gũi mục vụ, để chữa lành các người bị thương một cách "gần gũi, thân cận", đồng thời "loan báo Tin Mừng ở mọi ngõ ngách".

Áp dụng vào thực tế, bước đầu tiên là sống với nhau như tín hữu và mục tử. Thay vì ký kiến nghị, nên yêu cầu gặp chính giám mục, điện cho ngài để xin gặp, nếu cần viết thư kiểu thư của Đức Phanxicô, kể cho ngài về đức tin, về nỗi sợ, thất vọng, niềm vui, nước mắt của bạn.

Điều cần hơn cả, theo Miller, không hẳn là kêu gào cải tổ mà là kêu gọi trở thành Giáo Hội thực sự với nhau. Cải tổ thực sự là ở chỗ đó.

Cuộc phỏng vấn và Thánh Kinh

John W. Martens, người chuyên chú giải Thánh Kinh cho tập san America, thì lưu ý tới việc Đức Phanxicô lấy Thánh Kinh làm "nền tảng cho khuôn mẫu sống và tư duy"của ngài. Ba đoạn Thánh Kinh được ngài nhắc đến cách trực tiếp hay tiềm ẩn trong cuộc phỏng vấn này có ý nghĩa đặc biệt.

Trước nhất, Đức Giáo Hoàng nhắc đến ơn gọi của Thánh Mátthêu qua tranh vẽ của Cavaraggio, một ơn gọi vốn được thuật trong Mt 9:9, Mc 2:14 và Lc 5:27. Ngài bảo rằng trước đây mỗi lần tới Rôma, ngài hay tới viếng Nhà Thờ Thánh Louis, Vua Nước Pháp, để chiêm ngưỡng bức "Ơn Gọi của Thánh Mátthêu" của danh họa này. " 'Ngón tay Chúa Giêsu đó chỉ thẳng vào Mátthêu. Chính là tôi. Tôi cảm thấy giống ngài. Giống Mátthêu'. Lúc này, Đức Giáo Hoàng trở nên cương quyết hẳn ra, như thể cuối cùng ngài đã tìm được hình ảnh hằng mong chờ: 'Chính cử chỉ của Mátthêu làm tôi chú ý: ngài giữ chặt lấy túi tiền, như thể muốn nói: 'Không, không phải con! Không, tiền này mới là của con'. Đó, tôi đó, một kẻ tội lỗi mà Chúa đã ghé mắt trông đến. Và đó là điều tôi đã nói ra khi người ta hỏi xem tôi có chấp nhận việc bầu tôi làm giáo hoàng hay không'. Rồi Đức Giáo Hoàng thủ thỉ bằng tiếng La Tinh: 'tôi là kẻ có tội, nhưng tôi tin tưởng vào lòng thương xót và nhẫn nại vô hạn của Chúa Giêsu Kitô, và tôi chấp nhận trong tinh thần sám hối'".

Khi đặt mình vào vai trò của một người tội lỗi được Thiên Chúa kêu gọi, Đức Phanxicô không những đặt mình vào vai trò của Tông Đồ Mátthêu, mà còn vào vai trò của mọi người, tất cả đều là người tội lỗi và đều được Thiên Chúa kêu gọi. Tuy nhiên, khi đồng nhất hóa với người tội lỗi, ngài cũng đồng nhất hóa với sứ mệnh của Chúa Giêsu trong việc kêu gọi mọi người tiếp nhận lòng thương xót của Thiên Chúa, không trừ ai. Khi Chúa Giêsu ăn uống với "nhiều người thu thuế và kẻ tội lỗi" nghĩa là đồng nhất hóa với họ, các chuyên viên tôn giáo thời ấy, tức các Biệt Phái, không hài lòng: "tại sao thầy các anh lại ăn uống với người thu thuế và kẻ tội lỗi?" Chúa Giêsu trả lời: "những ai khỏe mạnh đâu cần thầy thuốc, mà chỉ người có bệnh mà thôi. Hãy đi và học xem điều này có nghĩa gì, 'Ta muốn lòng thương xót, chứ không muốn của lễ'. Vì Ta đến không để kêu gọi người chính trực mà là kẻ tội lỗi".

Khi đồng nhất hóa với người tội lỗi, Đức Phanxicô đã liệt kê bản sắc đầu hết của ngài như người được lòng thương xót Chúa cứu vớt, chứ không như một chuyên viên tôn giáo. Ngài cũng đồng nhất hóa sứ mệnh đầu hết của Giáo Hội với việc vươn tay ra với người "bệnh" để chữa lành tất cả những ai cần đến, tức "các người thu thuế và kẻ tội lỗi" hiện đại, những người trước đây không được cùng bàn. Đây là việc nới rộng lòng thương tới mọi người.

Điều trên mặc nhiên dẫn ta tới đoạn Thánh Kinh khác trong phần Đức Phanxicô nói tới bản chất "bệnh viện dã chiến" của Giáo Hội. Dù hình ảnh bệnh tật được xây dựng quanh Mt 9:9-13, nhưng cũng nhắc ta nghĩ tới dụ ngôn trong Luca 10:25-37 về người Samaria nhân hậu.

Đức Phanxicô bảo: "Tôi thấy rõ: điều Giáo Hội ngày nay cần hơn cả là khả năng chữa lành các vết thương và sưởi ấm tâm hồn các tín hữu. Giáo Hội cần sự gần gũi, cận kề. Tôi coi Giáo Hội như một bệnh viện dã chiến sau một trận đánh. Quả vô ích khi hỏi người bị thương nặng có cao mỡ hay không hay độ đường trong máu là bao nhiêu! Cha phải chữa lành ngay vết thương của họ đã. Rồi mới nói tới những chuyện khác. Chữa lành các vết thương, chữa lành các vết thương... và cha phải bắt đầu từ đất đi lên.

"Giáo Hội đôi khi tự khóa mình vào những điều nhỏ nhặt, vào các qui định hẹp hòi. Điều quan trọng hơn cả là lời tuyên xưng đầu hết: Chúa Giêsu Kitô đã cứu rỗi cha. Và các thừa tác viên của Giáo Hội, trước nhất, phải là các thừa tác viên của lòng thương xót. Thí dụ, vị giải tội luôn có nguy cơ quá khắt khe hay quá lỏng lẻo. Cả hai thái độ ấy đều không phải là thương xót, vì chẳng thái độ nào thực sự chịu trách nhiệm đối với hối nhân. Người khắt khe rửa tay để nhường việc đó cho giới răn. Người lỏng lẻo rửa tay bằng cách bảo: 'đây không phải là tội' hay một điều gì đó tương tự như thế. Trong thừa tác mục vụ, ta phải đồng hành với người ta, và chữa lành các vết thương của họ".

"Có người đã hỏi tôi một cách khiêu khích, xem tôi có chấp nhận việc đồng tính luyến ái không. Tôi

trả lời bằng một câu hỏi khác: 'xin cho tôi biết: khi thấy một người đồng tính, Thiên Chúa chấp nhận sự hiện hữu của họ một cách yêu thương hay bác bỏ và lên án người này?' Ta phải luôn xét tới con người. Ở đây, ta bước vào mầu nhiệm của hữu thể nhân bản. Trong cuộc sống, Thiên Chúa luôn đồng hành với người ta, và ta cũng thế, ta phải đồng hành với họ, bắt đầu từ trạng huống của họ. Điều cần là đồng hành với họ trong xót thương. Khi điều này xẩy ra, Chúa Thánh Thần sẽ linh hứng để vị linh mục nói điều đúng".

Người Samaria nhân hậu quả đã đứng phía đàng sau mục này, vì mục này quả có nhấn mạnh tới việc "chữa lành các vết thương, chữa lành các vết thương" của "người bị thương nặng", "ta phải chữa lành các vết thương của họ đã" và "đồng hành với họ, bắt đầu từ trạng huống của họ. Điều cần là đồng hành với họ trong xót thương".

Người Samaria đâu có hỏi người bị thương xem ông ta đau ra sao, hay ông ta làm gì mà ra nông nỗi, hoặc ông ta người Samaria hay người Do Thái. Bất chấp nguy hiểm bản thân, vì kẻ cướp có thể vẫn còn quanh quẩn đâu đó, ông chỉ một lòng chữa trị và chăm sóc cho người bị thương, chẳng cần biết thân thế, căn cước... Đó, "Hãy đi và học xem điều này có nghĩa gì, 'Ta muốn lòng thương xót, chứ không muốn của lễ" là thế đó.

Rồi Đức Phanxicô nói tiếp: "Trong phong cách truyền giáo, việc công bố chỉ tập chú vào những điều cốt yếu, cần thiết: những điều phấn khích, lôi cuốn, những điều làm tâm hồn bừng cháy, như các môn đệ trên đường Emmau xưa. Ta phải tìm cho ra một quân bình mới; nếu không, ngay tòa nhà luân lý của Giáo Hội cũng sẽ tan rã như tòa nhà bằng quân bài, mất hết nét tươi mát và hương thơm của Tin Mừng. Đề xuất của Tin Mừng phải đơn giản hơn, sâu sắc hơn và tỏa sáng hơn. Chính từ lối đề xuất này, các hệ quả luân lý sẽ phát sinh ra" .

Điều trên là qui chiếu thứ ba tới Thánh Kinh, tức Luca 24: hành trình Emmau, trong đó, Chúa Giêsu xuất hiện với hai môn đệ đang mất hết hy vọng, để đồng hành và chuyện vãn với họ, mà họ không ngờ. Khi nhận ra Người là ai, họ bảo: "Lòng ta đã không bừng bừng khi Người chuyện vãn với ta trên đường đó sao, khi Người mở Thánh Kinh cho ta đó sao?". Để nhận ra Chúa Giêsu, ta cần một gặp gỡ và muốn gặp gỡ cần có giới thiệu. Lòng thương xót là cách tốt nhất để giới thiệu Chúa Giêsu cho mọi người.

Lý thuyết chính thống và thực hành chính thống

Matt Emerson, một giáo sư thần học, thì đặc biệt thích hình ảnh Giáo Hội như một bệnh viện dã chiến. Theo ông, hình ảnh này không những phong phú về thiêng liêng mà còn đồng thanh với những người không tin và những ai đang đi tìm mái ấm linh đạo.

Emerson cho rằng nói tới niềm tin, hình ảnh là điều chủ yếu. Trường Công Giáo có trách nhiệm không những trình bày đức tin như một điều hợp lý mà còn là điều thúc đẩy người ta tin nữa. Ông không dạy đức tin để sinh viên chấp nhận các chân lý của nó, mà còn ước ao các chân lý ấy nữa. Và không phải các ý niệm mà cả thực hành: cầu nguyện, tham dự Thánh Lễ, óc tưởng tượng bí tích, chấp nhận Thánh Giá, hồi tâm v.v...

Ta không mong giáo sư sinh học đào tạo ra các nhà sinh học. Ta cũng không mong các giáo sư sử tạo ra các nhà sử học. Nhưng giáo sư thần học thì khác. Ơn gọi của họ liên hệ tới cả tiếp nhận lẫn hội nhập, lý thuyết chính thống lẫn thực hành chính thống (orthodoxy & orthopraxis).

Thành thử ông rất biết ơn Đức Phanxicô khi ngài đưa ra hình ảnh trên về Giáo Hội. Hàng ngày, ông phải đương đầu với các thanh thiếu niên hoài nghi. Với họ, chỉ những hình ảnh nào gây hào hứng, gây thắc mắc mới đáng lưu ý. "Đối với một cử tọa có rất ít thông tri hay không có thông tri nào về tôn giáo, đối với một cử tọa có kinh nghiệm xấu về tôn giáo, hình ảnh nào về Giáo Hội có tính thuyết phục hơn: Giáo Hội đồng nhất hóa với câu truyện người Samaria nhân hậu hay Giáo Hội đồng nhất hóa với chủ trương về ngừa thai?"

Emerson cho rằng hình ảnh trước có sức thuyết phục hơn đối với sinh viên. Nó là ngả đường hữu hiệu hơn dẫn tới các khía cạnh bao quát và đòi hỏi hơn của đức tin. Khi sinh viên hiểu được rằng Thiên Chúa là Thiên Chúa của cảm thương triệt để, Kitô Giáo căn bản nói về mối liên hệ với tình yêu tối hậu chỉ muốn họ được tự do và triển nở, họ sẽ dễ dàng lắng nghe việc bán hết của cải, vác thánh giá mình hay cưỡng lại cám dỗ. Họ sẽ dễ dàng hơn nhiều trong việc tiếp nhận các chủ trương của Giáo Hội về các vấn đề luân lý được Đức Phanxicô nhắc đến trong cuộc phỏng vấn.

Dân Chúa

Linh mục Drew Christiansen, cựu tổng biên tập America, thì thích hình ảnh dân Chúa. Đây là hình ảnh quan trọng nhất và phổ thông nhất của Vatican II. Trong suốt 20 năm, nó thường xuyên xuất hiện trong ngữ vựng Công Giáo, cả phụng vụ nữa. Nhưng không thiếu người ngờ vực hay dè dặt đối với nó.

Đức HY Avery Dulles, trong Các Mô Thức Về Giáo Hội (Models of the Church) quan tâm tới ngữ cảnh dân chủ hóa của nó. Có người sợ nó xâm hại thẩm quyền phẩm trật. Cha Christiansen cho rằng Đức Gioan Phaolô II "phớt lờ" nó, thích dùng chữ mô thức huấn quyền hơn. Rõ ràng Đức Phanxicô muốn làm mới lại hình ảnh Giáo Hội như dân Chúa. Ngài nói với Cha Sparado: "hình ảnh Giáo Hội mà tôi thích là hình ảnh dân thánh thiện và trung thành của Thiên Chúa... Sẽ không có căn tính nào trọn vẹn nếu không thuộc về một dân tộc. Không ai được cứu rỗi một mình, như những cá nhân cô lập, nhưng Thiên Chúa lôi kéo ta vào một mạng lưới phức tạp gồm nhiều tương quan xảy ra trong cộng đồng nhân bản. Thiên Chúa tham dự năng động vào mạng lưới tương quan này". Đây quả là Đạo Công Giáo của Căn Lều Vĩ Đại, chào đón mọi người.

Không còn là một định chế, huống chi một văn phòng, Giáo Hội là một "cộng đồng, một mạng lưới tương quan", một "cộng đồng môn đệ". Hơn thế nữa, Đức Phanxicô còn đồng nhất hóa tính vô ngộ, coi nó như là tự thân của toàn thể Giáo Hội: "một cảm thức siêu nhiên nơi đức tin của mọi người cùng sánh bước với nhau... Khi đối thoại giữa giáo dân với giám mục và giáo hoàng đi theo đường này và chân thực, thì Chúa Thánh Thần sẽ trợ giúp nó". Đây quả là cái hiểu chân chính về tính vô ngộ, mà trước đây vốn được hiểu phiến diện theo quan điểm quân chủ, điều mà Chân Phúc John Henry Newman gọi là "âm mưu của các giám mục và tín hữu".

Điều được linh mục Christiansen lưu ý nữa là việc Đức Phanxicô tái tập chú hóa Giáo Hội vào Tin Mừng. Tình yêu Thiên Chúa phải là tâm điểm lời giảng của Giáo Hội. Luân lý có chỗ đứng của nó nhưng phải tới sau Tin Mừng về tình yêu và lòng thương xót của Chúa và không nên "bị ám ảnh" về nó. "Việc công bố tình yêu cứu rỗi của Thiên Chúa phải đến trước luân lý và mệnh lệnh tôn giáo".

Trăm hoa đua nở

Kevin Clarke đề cập tới các khen ngợi của báo chí đời đối với cuộc phỏng vấn. Tờ *New York Times* có phúc trình ở trang đầu, thán phục sự "thành thực" của vị tân giáo hoàng. Họ lưu ý nhất tới đoạn ngài cho rằng người Công Giáo đôi khi quá "bị ám ảnh" bởi việc rao giảng về phá thai, hôn nhân đồng tính và ngừa thai, và chính ngài, ít nói tới các vấn đề ấy dù bị một số giới không hài lòng.

"Pope: I am a sinner" (Đức Giáo Hoàng: Tôi là kẻ tội lỗi) là đầu đề của *Cnn.com* trong một tường trình dẫn đầu về đời sống bản thân của Đức Phanxicô và viễn kiến của ngài về Giáo Hội. Tường trình mô tả chủ trương của Đức Giáo Hoàng cho rằng "Giáo Hội có quyền phát biểu ý kiến nhưng không 'can thiệp thiêng liêng' vào đời sống người đồng tính", coi đây là "những nhận định mạnh mẽ có tính nổ bùng".

Cuộc phỏng vấn cũng là những truyện hàng đầu của *USA Today, Associated Press, Yahoo News*, tất cả lưu ý tới viễn kiến của Đức Giáo Hoàng về điều tương lai Giáo Hội phải ra sao. AP trích lời ngài: "Ta phải tìm ra một quân bình mới; nếu không, ngay tòa nhà luân lý của Giáo Hội cũng có cơ bị đổ như căn nhà bằng quân bài, mất hết nét tươi mát và hương thơm của Tin Mừng". Họ cũng cho rằng "Đức Phanxicô nói rằng giáo huấn tín lý và giáo huấn luân lý của Giáo Hội không tương đương với

nhau".

Về phương diện này, John Allen của *National Catholic Reporter* cho hay: "không xa lìa tín lý truyền thống, Đức Phanxicô chỉ cố gắng thay đổi sự nhấn mạnh của Giáo Hội từ kết án qua thương xót mà thôi".

Tờ *Washington Post* cho rằng trong cuộc phỏng vấn này, Đức Phanxicô đặt khung khổ cho triều giáo hoàng của ngài. Họ bảo: "Nhà lãnh đạo của Giáo Hội Công Giáo chỉ trích điều ngài coi như khuynh hướng của một số nhà lãnh đạo trong Giáo Hội quá chú trọng tới các qui luật nhỏ mọn và thay vào đó đã nhấn mạnh rằng 'các thừa tác viên của Giáo Hội phải có lòng thương xót'. Đức Phanxicô nói: 'dân Chúa muốn các mục tử, chứ không phải các giáo sĩ hành xử như nhân viên cạo giấy hay viên chức chính phủ'".

Trên tờ *Dish*, Andrew Sullivan gọi cuộc phỏng vấn này là một "mạc khải": "Vị giáo hoàng này không phải là vị giáo hoàng của phe phản động luôn bị ám ảnh bởi việc kiểm soát đời sống người khác, một phe từng nắm giữ phẩm trật trong suốt 3 thập niên qua..." Ông ta gọi các nhận định của Đức Phanxicô là "dầu thoa cho nhiều linh hồn".

Trên *Religion News Service*, David Gibson gọi các nhận định của Đức Phanxicô là "thành thực một cách đáng ca ngợi" và "chắc chắn sẽ lay động Giáo Hội và củng cố danh tiếng của ngài như một nhà lãnh đạo có tính mục vụ hơn là tín lý". Còn tờ *The Irish Times* thì cho rằng "Đức Phanxicô sử dụng một ngôn từ cực kỳ bộc trực để định ra một sắc thái mới cho Giáo Hội bằng cách cho rằng Giáo Hội nên là 'nhà cho mọi người' chứ không phải là 'ngôi nhà nguyện nhỏ' chi biết tập chú vào tín lý, giáo lý chính thống và một nghị trình hẹp hòi về giáo huấn luân lý".

Sáu điều đáng lưu ý

Phần linh mục James Martin, chủ bút tổng thể của America, cuộc phỏng vấn có sáu điều đáng lưu ý. Trước nhất là sự trung thực. Chính ngài thú nhận: "lối ra quyết định độc tài và chớp nhoáng của tôi đã dẫn tới nhiều vấn đề nghiêm trọng và bị tố cáo là siêu bảo thủ... nhưng tôi chưa bao giờ là người cánh hữu". Ngài có ý nói tới thời làm giám tỉnh Dòng Tên, lúc mới 36 tuổi.

Sau đó, ngài còn nói thật rằng trong đời ngài, các quyết định lần đầu "thường là sai lầm". Hết sức thành thực. Phản ảnh truyền thống "bộc bạch lương tâm" của linh đạo Inhã, cũng là truyền thống Kitô Giáo. Linh mục Martin cho rằng Giáo Hội sẽ được hưởng nhờ rất nhiều nếu được trao phó vào tay người biết xét lương tâm, không những thành thực mà còn trước mặt mọi người nữa.

Điều thứ hai đáng lưu ý là "ta phải luôn xem sét tới con người". Ngài bảo: "cho tôi hay, khi Thiên Chúa thấy một người đồng tính, ngài chấp nhận sự hiện hữu của họ hay bác bỏ và lên án họ?"

"Trong cuộc sống, Thiên Chúa luôn đồng hành với con người, thì ta, ta cũng phải đồng hành với họ, khởi đi từ chính trạng huống của họ. Cần phải đồng hành với họ trong thương xót".

Ngài không thay đổi giáo huấn của Giáo Hội; ngài chỉ thay đổi cung cách Giáo Hội nói với và nói về người đồng tính: phải nhậy cảm, như Đức HY Oswald Gracias, tổng giám mục Mumbai của Ấn Độ, hay nói với tín hữu của mình.

Thứ ba, "ta không nên nghĩ rằng 'suy nghĩ với Giáo Hội' chỉ có nghĩa là suy nghĩ với phẩm trật của Giáo Hội". Cha Martin cho hay kiểu nói 'suy nghĩ với Giáo Hội' là điều không một tu sĩ Dòng Tên nào không biết đến, vì nó có trong Linh Thao của Thánh Inhã với nhiều qui luật hẳn hoi: với nghĩa phải lồng mình vào sinh hoạt của Giáo Hội, sánh hàng với các giáo huấn của Giáo Hội một cách sâu sắc nhất. Thánh Inhã còn nói tới việc vâng phục "mù quáng" nữa tất cả những gì Giáo Hội dạy.

Ở đây, Đức Phanxicô, một tu sĩ Dòng Tên, đã đem lại cái hiểu mới cho luật này, "một lối giải thích mà nói thật" Cha Martin chưa từng được nghe! Điều rõ ràng, Giáo Hội là "toàn thể dân Chúa" mục tử

và giáo dân với nhau, chứ không phải chỉ là phẩm trật. Thành thử, 'suy nghĩ với Giáo Hội' không phải chỉ là suy nghĩ với phẩm trật mà thôi.

Thứ tư, "giáo huấn tín lý và giáo huấn luân lý của Giáo Hội không tương đương với nhau". Câu trích dẫn này làm sáng tỏ một phần truyền thống đôi khi bị người Công Giáo ngày nay lãng quên. Thần học gọi điều này là "phẩm trật các chân lý", một loại thang chân lý theo thứ tự quan trọng của chúng. Thí dụ đơn giản nhất: nhất trí với điều vị mục tử địa phương của bạn nói về bài đọc Chúa Nhật không có cùng giá trị như việc tin sự Phục Sinh. Điều sau là chủ yếu đối với niềm tin và sự hiệp thông của Giáo Hội; điều trước kém chủ yếu hơn.

Nhưng khi nhắc tới "phẩm trật các chân lý", một số người Công Giáo tỏ ra không thoải mái, ngờ ngợ cho rằng bạn muốn hạ giá giáo huấn của Giáo Hội. Nhưng Đức Phanxicô nói rõ: ngài hiểu truyền thống quan trọng này.

Ngài cũng cho rằng giáo huấn của Giáo Hội không phải là một "số đông rời rạc các tín lý cần phải khư khư áp đặt". Nói cách khác, theo cách hiểu của linh mục Martin, dù đức tin là chủ yếu, việc truyền bá nó không được áp đặt lên người ta. Kitô Giáo luôn là một tôn giáo chủ yếu mời gọi, mời gọi gắn bó với một số tín điều, nhưng nhất là mời gọi gặp gỡ một người: là Chúa Giêsu Kitô.

Thứ năm, "nếu Kitô hữu theo thuyết duy phục nguyên, duy luật lệ, nếu họ muốn mọi sự phải rõ ràng và an toàn, họ sẽ chẳng tìm thấy chi". Theo linh mục Martin. Đức Phanxicô khá thoải mái với mầu xám (*gray*, giữa trắng và đen). Trong cuộc phỏng vấn, ngài chống lại điều ngài gọi là "an toàn tín lý" và nhẹ nhàng chỉ trích những ai "khư khư ráng phục hồi một dĩ vãng hết còn hiện hữu". Ngài yêu cầu người Công Giáo xa lìa một Giáo Hội "tự khoá mình trong những điều nhỏ mọn, trong những qui định hẹp hòi". Thay vào đó, ngài mời gọi người Công Giáo, và mời gọi Giáo Hội, bước vào một thế giới không chắc chắn, nơi đa số chúng ta dù sao cũng đang sống.

Đó cũng là thế giới Chúa Giêsu đã bước vào: thế giới thực trong đó, con người trải nghiệm sự không chắc chắn và đương đầu với nhu cầu phải quyết định. Đó là lãnh vực của người tín hữu thường ngày. Nhưng có một điều, Đức Phanxicô chắc chắn: ta có thể tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự, như truyền thống Inhã vốn dạy ngài. Theo cha Martin, đây là điều cảm động nhất trong cuộc phỏng vấn lần này: "Tôi có một điều chắc chắn về tín lý: Thiên Chúa ở trong cuộc sống của mọi người... dù cuộc sống ấy gặp tai ương, bị hủy diệt bởi tội ác, ma túy và bất cứ điều gì khác, Thiên Chúa vẫn ở đó. Cha có thể, và phải cố tìm Thiên Chúa trong cuộc nhân sinh".

Thứ sáu, "Tôi là kẻ tội lỗi. Đây là định nghĩa chính xác nhất. Không phải là văn vẻ hoa mỹ, văn chương thi phú. Tôi là kẻ tội lỗi". Nền linh đạo Inhã thường dạy ngài phải coi mình là "kẻ tội lỗi được yêu thương", "kẻ tội lỗi được Chúa Kitô cứu chuộc". Ở đây, nguyên tuyền chỉ là "kẻ tội lỗi", chẳng chút thêm thắt, bọc đường. Dĩ nhiên, ngài biết mình được Chúa Kitô cứu chuộc. Nhưng tự xương tự thịt, ngài biết mình thực sự bất toàn, mắc lầm lỗi và đang phải chiến đấu. Tất cả chúng ta cũng vậy. Có lẽ đó là điều khiến ngài được yêu thương và những muốn yêu thương người khác.

Cuộc phỏng vấn độc quyền Đức Giáo Hoàng Phanxicô

(Ngày 22/09/2013)

Tháng Tám vừa qua, Linh Mục Antonio Sparado, Dòng Tên, chủ bút tạp chí *La Civiltà Cattolica* của Dòng này tại Ý, đã tiến hành cuộc phỏng vấn độc quyền Đức Giáo Hoàng Phanxicô tại Casa Santa Marta, nơi cư ngụ hiện nay ngài.

Cuộc phỏng vấn này được thực hiện nhân danh tờ *La Civiltá Cattolica*, tờ *America* và một số tập san của Dòng Tên khắp thế giới. Ban biên tập của mỗi tạp chí này gửi tới Cha Sparado các câu hỏi của họ. Cha Sparado tổng hợp và sắp xếp các câu hỏi này và tiến hành cuộc phỏng vấn bằng tiếng Ý. Sau khi được chính thức chấp thuận, văn bản cuộc phỏng vấn đã được tạp chí *America* chuyển qua tiếng Anh.

Nội dung bài viết của Vietcatholic dựa trên bản tiếng Anh này.

Cha Sparado khởi đầu bài tường trình cuộc phỏng vấn của ngài bằng cách mô tả nơi Đức Giáo Hoàng hiện đang cư ngụ. Khung cảnh hoàn toàn đơn giản và khắc khổ. Chỗ làm việc của ngài khá nhỏ, chung quanh chiếc bàn giấy. Cha Sparado có ấn tượng mạnh không chỉ vì nét đơn giản của bàn ghế mà cả các vật dụng khác trong căn phòng nữa: chúng rất ít. Bao gồm ảnh Thánh Phanxicô, tượng Đức Mẹ Luján, quan thầy Á Căn Đình, tượng chịu nạn và tượng Thánh Giuse đang an giấc. Nền linh đạo của Jorge Mario Bergoglio không được tạo nên bằng "các năng lực hoà hợp" như ngài quen nói, mà bằng những khuôn mặt người: Chúa Kitô, Thánh Phanxicô, Thánh Giuse, và Đức Mẹ.

Đức Giáo Hoàng nói tới chuyến tông du Ba Tây. Ngài coi đó là một hồng ân thực sự, Ngày Giới Trẻ Thế Giới đối với ngài là một "huyền nhiệm". Ngài cho hay ngài không quen nói chuyện với nhiều người đến thế: "Tôi có thể nhìn những con người cá thể, từng người một, để tiếp xúc một cách bản vị với người ở trước mặt tôi. Tôi không quen với đám đông". Đức Giáo Hoàng nói thế. Ngài cũng nói tới thời điểm trong cơ mật viện bầu giáo hoàng khi ngài bỗng hiểu ra ngài có thể được bầu làm giáo hoàng. Giờ ăn trưa vào thứ Tư, 13 tháng Ba, ngài cảm thấy một niềm thanh thản và an ủi nội tâm sâu xa và khó giải thích tràn ngập tâm hồn ngài, nhưng đồng thời cũng là một bóng tối trùm phủ. Các cảm nhận này cứ theo đuổi ngài hoài cho tận lúc ngài được bầu vào chiều hôm đó.

Trước đó, ngài cho biết khó khăn lớn của ngài trong việc chấp nhận phỏng vấn. Ngài nói rằng ngài thích suy nghĩ hơn là đưa ra câu trả lời tại chỗ ngay trong các cuộc phỏng vấn. Trong cuộc phỏng vấn này, nhiều lần Đức Giáo Hoàng tạm ngưng điều ngài đang trả lời một câu hỏi để thêm một điều gì đó vào câu trả lời trước đó. Việc ghi chép lời của ngài, vì thế, mang lại cho Cha Sparado cảm giác khó chịu vì cứ phải cố gắng hãm dẹp nguồn cảm hứng đối thoại.

Jorge Mario Bergoglio là ai?

"Tôi là kẻ tội lỗi. Đây là định nghĩa chính xác nhất. Không phải là văn vẻ hoa mỹ, văn chương. Tôi là kẻ tội lỗi".

Cha Sparado đặt câu hỏi huỵch toẹt với Đức Phanxicô: "Jorge Mario Bergoglio là ai?" Ngài im lặng nhìn trừng trừng vào cha. Cha hỏi ngài xem cha có thể hỏi câu hỏi đó hay không. Ngài gật đầu và trả lời: "Tôi không biết đâu mới là câu mô tả xứng hợp nhất... Tôi là kẻ tội lỗi. Đây là định nghĩa chính xác nhất. Không phải là văn vẻ hoa mỹ, văn chương. Tôi là kẻ tội lỗi".

Đức Giáo Hoàng tiếp tục suy nghĩ và tập trung, như thể ngài không chờ câu hỏi này, như thể ngài buộc phải suy nghĩ thêm. "Đúng, có lẽ tôi có thể nói thế này tôi có hơi lanh trí một chút, tôi có thể thích ứng với hoàn cảnh, nhưng cũng đúng là tôi có hơi ngây thơ. Đúng, nhưng điều tóm tắt hay hơn cả, điều phát xuất từ bên trong hơn cả, và là điều tôi cảm thấy đúng hơn cả là: tôi là kẻ tội lỗi mà Chúa đã đoái nhìn". Rồi ngài nhắc lại: "Tôi là kẻ được Chúa đoái nhìn. Tôi luôn cảm nhận khẩu hiệu của tôi *Miserando atque Eligendo* [xót thương và tuyển chọn], thật chân thực đối với tôi".

Khẩu hiệu này lấy từ Các Bài Giảng của Thánh Bede Đáng Kính, người đã viết như thế trong bài chú giải câu truyện Chúa chọn Mátthêu trong Tin Mừng: "Chúa Giêsu thấy người thu thuế, và vì Người nhìn ông với những tâm tình yêu thương và quyết định chọn ông, nên Người nói với ông, 'hãy theo Ta'". Đức Giáo Hoàng nói thêm: "tôi nghĩ thể danh động từ (gerund) *miserando* của La Tinh khó có thể dịch qua cả tiếng Ý lẫn tiếng Tây Ban Nha. Tôi thích dịch chữ này bằng một danh động từ khác vốn không có là *misericordiando* ["tỏ dạ xót thương"].

"Việc Kêu Gọi Thánh Mátthêu" của Caravaggio

Đức Giáo Hoàng Phanxicô tiếp tục các suy nghĩ của ngài rồi nói bằng cách nhẩy qua chủ đề khác: "tôi không biết Rôma bao nhiêu. Tôi biết ít điều lắm. Trong những điều này có Vương Cung Thánh Đường Đức Bà Cả; tôi thường luôn tới đó. Hiện nay, tôi biết Nhà Thờ Đức Bà Cả, Nhà Thờ Thánh Phêrô... nhưng trước đây, khi phải tới Rôma, tôi luôn cư ngụ ở [khu] Via della Scrof. Từ khu đó, tôi

thường đi viếng Nhà Thờ Thánh Louis Vua Nước Pháp, và tôi tới đó để chiêm ngưỡng bức tranh 'Việc Kêu Gọi Thánh Mátthêu' của Caravaggio.

"Ngón tay Chúa Giêsu đó chỉ thẳng vào Mátthêu. Chính là tôi. Tôi cảm thấy giống ngài. Giống Mátthêu". Lúc này, Đức Giáo Hoàng trở nên cương quyết hẳn ra, như thể cuối cùng ngài đã tìm được hình ảnh hằng mong chờ: "Chính cử chỉ của Mátthêu làm tôi chú ý: ngài giữ chặt lấy túi tiền, như thể muốn nói: 'Không, không phải con! Không, tiền này mới là của con'. Đó, tôi đó, một kẻ tội lỗi mà Chúa đã ghé mắt trông đến. Và đó là điều tôi đã nói ra khi người ta hỏi xem tôi có chấp nhận việc bầu tôi làm giáo hoàng hay không". Rồi Đức Giáo Hoàng thủ thỉ bằng tiếng La Tinh: "tôi là kẻ có tội, nhưng tôi tin tưởng vào lòng thương xót và nhẫn nại vô hạn của Chúa Giêsu Kitô, và tôi chấp nhận trong tinh thần sám hối".

Tại sao trở thành tu sĩ Dòng Tên?

Cha Sparado tiếp tục: "Thưa Đức Thánh Cha, điều gì khiến ngài quyết định gia nhập Dòng Chúa Giêsu? Điều gì khiến ngài chú ý tới Dòng Tên?".

"Tôi muốn một điều gì đó hơn nữa. Nhưng không biết nó là điều gì. Tôi nhập chủng viện của giáo phận. Tôi thích Dòng Đa Minh và có khá nhiều bạn bè Đa Minh. Nhưng rồi, tôi chọn Dòng Chúa Giêsu, mà tôi biết khá rõ vì chủng viện vốn được trao phó cho Dòng Tên. Có ba điều đặc biệt khiến tôi lưu ý tới Dòng này: tinh thần truyền giáo, cộng đoàn và kỷ luật. Và điều đó thật lạ, bởi vì tôi thực sự, vâng, thực sự là một người vô kỷ luật. Nhưng kỷ luật của họ, cách họ xử lý thời gian, những điều này làm tôi lưu ý rất nhiều.

"Và rồi điều này mới thực sự quan trọng đối với tôi: cộng đoàn. Tôi luôn luôn tìm kiếm một cộng đoàn. Tôi không coi tôi như một linh mục 'tự mình ên'. Tôi cần một cộng đoàn. Và cha có thể biết điều này do sự kiện tôi ở đây, ở Santa Marta này. Trong thời gian cơ mật viện bầu giáo hoàng, tôi ở Phòng 207. (Các phòng được bốc thăm). Căn phòng hiện chúng ta đang ngồi vốn là phòng dành cho khách. Tôi chọn sống ở đây, ở Phòng 201, vì khi tôi nhận căn hộ vốn dành cho giáo hoàng, tôi nghe mồn một tiếng "không" phát lên tự trong mình. Căn hộ dành cho giáo hoàng trong Tông Điện không sang trọng gì. Nó rất cũ, tuy trang trí đẹp đẽ và rộng rãi, nhưng không xa xỉ chi. Nhưng xét cho cùng, nó giống như chiếc phễu lộn ngược. Tuy rộng và khoảng khoát, nhưng lối vào lại hết sức hẹp. Người ta chỉ có thể vào đó một cách nhỏ giọt, mà tôi thì lại không thể sống thiếu người ta. Tôi cần sống cuộc sống của mình với người khác.

Có ý nghĩa gì khi một tu sĩ Dòng Tên làm Giám Mục Rôma?

Cha Sparado hỏi Đức Giáo Hoàng Phanxicô về sự kiện ngài là tu sĩ Dòng Tên đầu tiên được bầu làm Giám Mục Rôma: "Đức Thánh Cha hiểu như thế nào về vai trò phục vụ Giáo Hội hoàn vũ, mà ngài được mời gọi thủ diễn, dưới ánh sáng linh đạo Inhã? Có ý nghĩa gì khi một tu sĩ Dòng Tên được bầu làm giáo hoàng? Yếu tố nào trong linh đạo Inhã giúp ngài chu toàn thừa tác vụ của mình?"

Đức Giáo Hoàng trả lời: "Biện phân. Biện phân là một trong những điều thành công của Thánh Inhã. Đối với ngài, nó là khí cụ chiến đấu để nhận biết Chúa và theo chân Người sát nút. Tôi luôn thán phục câu nói vốn mô tả được viễn kiến của Thánh Inhã: *non coerceri a maximo, sed contineri a minimo divinum est* ("không bị giới hạn bởi điều lớn nhất, nhưng lại bị nén lại trong điều nhỏ nhất, đó là thần linh"). Tôi suy nghĩ nhiều về câu nói này liên quan tới vấn đề các vai trò khác nhau trong việc cai quản Giáo Hội, liên quan tới việc trở thành bề trên của người khác: điều quan trọng là không bị hạn chế bởi không gian lớn hơn, và quan trọng là có khả năng sống trong các không gian nhỏ hẹp. Nhân đức lớn nhỏ này chính là lòng hào hiệp (magnanimity). Nhờ lòng hào hiệp, ta luôn thấy được chân trời từ chỗ mình đứng. Nghĩa là có khả năng làm những điều nhỏ bé hằng ngày với một trái tim to lớn mở sẵn cho Thiên Chúa và người khác. Nghĩa là có khả năng quí chuộng những điều nhỏ nhặt ngay bên trong những chân trời bao la, những chân trời của Nước Thiên Chúa.

Đức Giáo Hoàng nói tiếp "Khẩu hiệu này giúp ta các thông số để chọn được một chủ trương đúng cho

biện phân, hòng nghe được những điều thuộc về Chúa từ chính 'quan điểm" của Người. Theo Thánh Inhã, các nguyên tắc lớn phải được hội nhập vào hoàn cảnh không gian, thời gian và con người. Đức Gioan XXIII, theo cung cách riêng, đã thích ứng thái độ của ngài đối với việc cai quản Giáo Hội, khi nhắc lại khẩu hiệu, 'Nhìn mọi sự; phớt lờ phần lớn; sửa sai chút đỉnh'. Đức Gioan XXIII đã thấy đủ điều, đó là chiều kích tối đa, nhưng ngài quyết định sửa sai chú đỉnh, đây là chiều kích tối thiểu. Cha có thể có những dự án lớn lao và thi hành các dự án này nhờ dùng một ít những điều bé nhỏ nhất. Hoặc cha có thể dùng những phương tiện yếu nhưng lại hữu hiệu hơn những phương tiện mạnh, như chính Thánh Phaolô đã nói trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô.

"Tôi tin rằng ta luôn cần thời gian để đặt nền cho một thay đổi có thực chất, có hiệu quả"

"Việc biện phân này cần thời gian. Thí dụ, nhiều người nghĩ rằng thay đổi và cải tổ có thể diễn ra trong đoản kỳ. Tôi tin rằng ta luôn cần thời gian để đặt nền cho một thay đổi có thực chất, có hiệu qua. Và đây là thời gian để biện phân. Đôi khi biện phân lại thúc đẩy ta làm điều mà thoạt đầu cha nghĩ mình sẽ làm sau này. Và đó là điều đã xẩy ra với tôi trong những tháng vừa qua. Biện phân luôn được thực hiện trước mặt Chúa, bằng cách nhìn các dấu chỉ, lắng nghe những điều xẩy tới, cảm nhận của người ta, nhất là người nghèo. Các quyết định của tôi, trong đó, có các quyết định liên quan tới các khía cạnh thường nhật của cuộc sống, như việc sử dụng chiếc xe khiêm tốn, đều liên quan tới việc biện phân thiêng liêng nhằm đáp ứng một nhu cầu phát sinh từ việc quan sát sự việc, quan sát người và từ việc đọc các dấu chỉ thời đại. Biện phân trong Chúa hướng dẫn tôi trong cách thế cai quản.

"Nhưng tôi luôn lo lắng trước các quyết định vội vàng. Tôi luôn lo lắng trước các quyết định lần đầu, nghĩa là những việc đầu tiên xuất hiện trong trí óc tôi khi tôi phải đưa ra quyết định. Thông thường điều ấy hay sai lầm lắm. Tôi phải chờ đợi và lượng giá, nhìn sâu vào mình hơn, phải có thời gian cần thiết. Sự khôn ngoan của biện phân luôn cứu vớt ta trong cảnh hàm hồ tất yếu của cuộc sống và giúp ta tìm được phương thế thích đáng nhất, là những phương thế không luôn trùng hợp với những chuyện xem ra lớn lao và mạnh mẽ".

Dòng Chúa Giêsu

Bởi thế, biện phân là cột trụ trong linh đạo của Đức Phanxicô. Nó đặc biệt nói lên bản sắc Inhã của ngài. Cha Sparado, sau đó, hỏi ngài xem Dòng Chúa Giêsu có thể phục vụ Giáo Hội ngày nay cách nào, đâu là các đặc điểm, nhưng cũng là các thách thức có thể có đối với Dòng Chúa Giêsu.

Đức Thánh Cha trả lời: "Dòng Chúa Giêsu là một định chế đang gặp căng thẳng, xét về căn bản, luôn luôn căng thẳng. Tu sĩ Dòng Tên là người không tập chú vào chính mình. Dòng luôn tìm tâm điểm ở bên ngoài mình; tâm điểm của Dòng là Chúa Kitô và Giáo Hội của Người. Do đó, nếu Dòng lấy Chúa Kitô và Giáo Hội Người làm trung tâm, thì nó có hai điểm qui chiếu nền tảng để giữ được cân bằng và có khả năng sống ở bên lề, ở tuyến đầu. Nếu nó quá lưu ý tới chính mình, tự đặt mình vào trung tâm như một cơ cấu kiên cố, 'trang bị' cùng mình, thì nguy cơ là nó sẽ cảm thấy an ổn và tự mãn. Lúc nào, Dòng cũng phải nhớ câu này *Deus semper maior*, Thiên Chúa luôn cao cả hơn, phải mưu tìm vinh quang mỗi ngày mỗi cao cả hơn của Thiên Chúa, phải coi Giáo Hội như hiền thê đích thực của Chúa Kitô, Chúa chúng ta, phải coi Người là vua, Đấng đã chinh phục ta và là Đấng ta hiến trọn con người ta và trọn lao công của ta, dù ta chỉ là bình đất, bất xứng. Sức căng này liên tục đẩy ta ra khỏi mình. Như thế, khí cụ làm cho Dòng Chúa Giêsu không lấy mình làm trung tâm, thực sự mạnh mẽ, chính là việc trình bày lương tâm, một việc vừa có tính phụ thân vừa có tính huynh đệ, vì nó giúp Dòng chu toàn được sứ mệnh của mình cách tốt đẹp hơn".

Đức Phanxicô có ý nhắc tới đòi hỏi trong Hiến Pháp Dòng Tên buộc tu sĩ Dòng phải "bộc bạch lương tâm", nghĩa là, tình trạng thiêng liêng bên trong của mình, để bề trên ý thức và hiểu biết nhiều hơn khi gửi một người đi thi hành sứ mệnh.

Ngài nói tiếp: "Nhưng khó có thể nói về Dòng. Nói nhiều quá, cha sẽ liều mình bị hiểu sai. Chỉ có thể mô tả Dòng Chúa Giêsu bằng hình thức thuật truyệt. Chỉ bằng hình thức kể truyện này, cha mới có thể biện phân, chứ không phải qua lối giải thích triết lý hay thần học, một lối giúp cha thảo luận thì đúng

hơn. Phong cách Dòng Tên không được lên khuôn nhờ thảo luận, mà nhờ biện phân, dĩ nhiên biện phân này giả thiết trước đó phải có thảo luận như một phần của diễn trình. Chiều kích huyền nhiệm của biện phân không bao giờ định ra góc cạnh cho nó và không kết thúc tư duy. Tu sĩ Dòng Tên phải là một người mà tư duy luôn luôn chưa hoàn tất, theo nghĩa một tư duy vẫn mở cửa. Trong Dòng, đã từng có những thời kỳ trong đó tu sĩ Dòng Tên sống trong một môi trường tư duy khép kín và cứng ngắc, nặng về khổ tu dạy dỗ hơn là huyền nhiệm: việc bóp méo cuộc sống Dòng Tên như thế đã phát sinh ra *Epitome Instituti*".

Đức Giáo Hoàng có ý nói tới cuốn tóm lược, viết ra vì các mục đích thực tiễn, có lúc được coi như để thay thế Hiến Pháp của Dòng. Trong một thời gian, việc huấn luyện các tu sĩ Dòng Tên đã được hướng dẫn bởi bản văn này, đến độ, một số tu sĩ không bao giờ đọc chính Hiến Pháp của Dòng. Theo Đức Giáo Hoàng, trong thời kỳ này, các qui luật có nguy cơ trấn áp tinh thần, và Dòng Tên rơi vào cơn cám dỗ muốn giải thích và định tính đặc sủng của mình một cách quá hẹp hòi.

Đức Thánh Cha nói tiếp: "Không, tu sĩ Dòng Tên luôn luôn suy nghĩ, suy nghĩ đi suy nghĩ lại, nhìn vào chân trời họ phải đi tới, lấy Chúa Kitô làm trung tâm. Đó mới là sức mạnh thực sự của họ. Và điều này thúc đẩy Dòng tìm kiếm, có óc sáng tạo và đại lượng. Bởi thế, ngày nay, hơn bao giờ hết, Dòng Chúa Giêsu phải chiêm niệm ngay trong hành động, phải sống thật gần gũi sâu sắc với toàn thể Giáo Hội, hiểu cả như 'dân Chúa' lẫn như 'mẹ thánh Giáo Hội phẩm trật'. Điều này đòi hỏi nhiều khiêm nhường, hy sinh và can đảm, nhất là khi cha bị hiểu lầm hay khi cha là nạn nhân của hiểu lầm và vu khống, nhưng đó là thái độ sinh nhiều kết quả nhất. Ta hãy nghĩ tới các căng thẳng trong lịch sử quá khứ, trong các thế kỷ trước, về cuộc tranh chấp nghi lễ Trung Hoa, nghi lễ Malabar và phong trào Reductions tại Paraguay.

"Tôi là nhân chứng của nhiều hiểu lầm và nan đề mà Dòng phải trải nghiệm gần đây. Trong số đó, có những thời điểm gay cấn, nhất là đụng tới vấn đề thêm lời khấn thứ tư cho mọi tu sĩ Dòng Tên liên quan tới việc vâng lời Đức Giáo Hoàng.Thời Cha Arrupe (bề trên cả Dòng Tên trong các năm từ 1965 tới 1983), điều làm tôi tin tưởng là sự kiện ngài là người của cầu nguyện, một người dành nhiều thì giờ cho việc cầu nguyện. Tôi nhớ lúc cầu nguyện, ngài hay ngồi trên đất theo kiểu Nhật Bản. Nhờ thế, ngài có được thái độ đúng đắn và đã đưa ra được các quyết định đúng đắn".

Khuôn mẫu Peter Faber, 'vị linh mục cải cách'

Cha Sparado tự hỏi liệu có nhân vật nào trong hàng ngũ tu sĩ Dòng Tên, từ buổi đầu của Dòng cho tới nay, đã ảnh hưởng trên ngài một cách riêng chăng, nên cha đã hỏi ngài những người đó là ai và tại sao. Ngài bắt đầu bằng việc nhắc tới Thánh Inhã thành Loyola [đấng sáng lập Dòng Tên] và Thánh Phanxicô Xaviê, nhưng sau đó, đã tập chú vào một nhân vật rất ít được công chúng biết đến, đó là Peter Faber (1506-46), quê ở Savoy. Ngài là một trong các bạn đồng hành đầu tiên của Thánh Inhã, đúng ra là người bạn đầu hết, người mà Thánh Inhã từng chung phòng lúc cả hai còn là sinh viên tại Đại Học Paris. Người chung phòng thứ ba mới là Phanxicô Xaviê. Đức Piô IX phong chân phúc cho Faber ngày 5 tháng Chín, năm 1872 và án phong thánh cho ngài vẫn còn để ngỏ.

Đức Giáo Hoàng trưng dẫn việc xuất bản các tác phẩm của Faber, việc mà ngài trao cho hai học giả Dòng Tên là Miguel A. Fiorito và Jaime H. Amadeo lo biên tập và xuất bản lúc còn là giám tỉnh Dòng Tên tại Á Căn Đình. Ấn bản ngài rất ưa thích là ấn bản Michel de Certeau. Cha Sparado hỏi Đức Phanxicô lý do tại sao ngài có ấn tượng như thế về Faber.

Đức Giáo Hoàng trả lời: "Ngài đối thoại với mọi người, cả những người xa xôi nhất và cả những thù địch của mình; lòng đạo của ngài thật đơn sơ, có lẽ hơi chút ngây thơ, con người của ngài sẵn sàng ngay tức khắc, ngài biện phân thận trong trong nội tâm, ngài thực là một con người có khả năng đưa ra các quyết định lớn và mạnh nhưng cũng có khả năng hiền hậu và yêu thương".

Michel de Certeau vốn coi Faber đơn thuần như "vị linh mục cải cách"; đối vị linh mục này, kinh nghiệm nội tâm, phát biểu tín lý và cải cách cơ cấu không thể tách biệt khỏi nhau. Sau đó, Đức Giáo Hoàng mới tiếp tục các suy nghĩ của ngài về gương mặt thực sự của đấng sáng lập Dòng Tên.

Ngài nói: “Thánh Inhã là một nhà huyền học, không phải là một nhà khổ tu. Tôi rất khó chịu khi nghe người ta bảo Linh Thao chỉ ‘Inhã’ nhờ được thực hiện trong im lặng. Thực ra, Linh Thao cũng vẫn hoàn toàn Inhã ngay trong cuộc sống hàng ngày và chẳng cần im lặng chút nào. Lối giải thích Linh Thao nào nhấn mạnh tới khổ hạnh, tới im lặng và đền tội đều là lối giải thích méo mó, có lúc khá phổ biến trong Dòng Tên, nhất là Dòng Tên Tây Ban Nha. Tôi thì tôi gần gũi hơn với phong trào huyền học, tức phong trào của Louis Lallement và Jean-Joseph Surin. Và Faber cũng là một nhà huyền học.”

Kinh nghiệm cai quản trong Giáo Hội

Loại kinh nghiệm cai quản nào trong Giáo Hội, lúc còn làm bề trên rồi bề trên giám tỉnh Dòng Tên, đã giúp đào luyện Cha Bergoglio một cách trọn vẹn? Phong cách cai quản của Dòng Tên hệ ở việc bề trên phải đưa ra quyết định, sau khi đã tham khảo rộng rãi các cố vấn chính thức của mình. Bởi thế, Cha Sparado hỏi Đức Thánh Cha: “Đức Thánh Cha có nghĩ rằng kinh nghiệm cai quản của ngài trong quá khứ có thể giúp ngài trong việc cai quản Giáo Hội hoàn vũ hay không?”. Nghĩ một hồi, Đức Phanxicô trả lời:

“Thành thực mà nói, trong kinh nghiệm làm bề trên Dòng của mình, tôi không luôn luôn hành xử kiểu đó, nghĩa là không luôn luôn thực hiện việc tham khảo cần thiết. Và đó là điều không tốt. Phong cách cai quản của tôi trong tư cách tu sĩ Dòng Tên, ngay từ đầu, đã mắc nhiều lầm lỗi. Đó là thời điểm khá khó khăn đối với Dòng: trọn cả một thế hệ Dòng Tên đã biến mất. Vì tình thế này, tôi trở thành giám tỉnh lúc còn rất trẻ. Lúc ấy tôi mới 36 tuổi đầu. Quả là khùng. Tôi phải đương đầu với nhiều tình huống khó khăn, trong đó phải đưa ra các quyết định chớp nhoáng và tự một mình mình. Đúng thế, nhưng tôi phải thêm điều này: khi ủy thác cho ai điều gì, tôi hoàn toàn tin tưởng người ấy. Người ấy phải mắc một lầm lỗi thực sự lớn lao mới khiến tôi quở trách họ. Nhưng dù như thế, cuối cùng người ta cũng chán nản với lối độc quyền.

“Điều chắc, tôi không bao giờ giống như ‘Quan Âm’ nhưng tôi chưa bao giờ là người cánh hữu. Chính cái lối độc quyền đưa ra quyết định của tôi đã tạo ra đủ thứ nan đề.

"Lối độc quyền và chớp nhoáng đưa ra quyết định đã dẫn tôi tới nhiều nan đề trầm trọng và bị kết án là siêu bảo thủ. Tôi sống vào lúc có cuộc khủng hoảng lớn trong nội bộ khi tôi ở Cordova. Điều chắc, tôi không bao giờ giống như ‘Quan Âm’[tạm dịch *Blessed Imelda*, kiểu nói của người Á Căn Đình, chỉ người cái gì cũng tốt, goody-goody], nhưng tôi cũng không bao giờ là người cánh hữu cả. Chính cái lối độc quyền đưa ra quyết định đã tạo ra đủ thứ nan đề.

“Tôi nói những điều này từ kinh nghiệm sống của tôi và vì tôi muốn làm sáng tỏ điều gì gây nguy hiểm. Với thời gian, tôi học được nhiều điều. Chúa đã giúp tôi lớn lên trong sự hiểu biết việc cai quản nhờ các lầm lẫn và tội lỗi của tôi. Nhờ thế, lúc làm Tổng Giám Mục Buenos Aires, tôi đều họp với 6 giám mục phụ tá mỗi hai tuần một lần và nhiều lần khác với hội đồng linh mục. Họ hỏi nhiều câu hỏi và chúng tôi thả dàn tranh luận. Điều này giúp tôi rất nhiều trong việc đưa ra các quyết định tốt nhất. Nhưng nay, tôi nghe một số người cho tôi hay: ‘Đừng tham khảo nhiều quá, cứ tự mình quyết định đi’. Nhưng thay vào đó, tôi tin rằng tham khảo là điều hết sức quan trọng.

“Tôi không muốn tham khảo cho có lệ, nhưng là tham khảo thực sự”

“Các cơ mật viện (Hồng Y), các thượng hội đồng (giám mục), chẳng hạn, đều là những chỗ quan yếu để thực hiện việc tham khảo thực sự và tích cực này. Tuy nhiên, ta phải đem lại cho nó một hình thức cứng rắn hơn. Tôi không muốn tham khảo cho có lệ, nhưng là tham khảo thực sự. Nhóm tham vấn gồm 8 Hồng Y, tức nhóm tham vấn ‘từ bên ngoài’ này, không phải chỉ do quyết định của riêng tôi, mà là kết quả do ý muốn của các Hồng Y, được phát biểu trong các phiên họp toàn thể trước mật nghị bầu giáo hoàng. Và tôi muốn được thấy đây là tham khảo thực sự, chứ không phải tham khảo cho có nghi thức”.

Suy nghĩ với Giáo Hội

Cha Sparado hỏi Đức Phanxicô: đối với ngài, ý nghĩa chính xác của thuật ngữ "suy nghĩ với Giáo Hội" là gì, một thuật ngữ từng được Thánh Inhã nói tới trong Linh Thao. Dùng một hình ảnh, Đức Phanxicô trả lời như sau:

"Hình ảnh về Giáo Hội mà tôi rất thích là hình ảnh dân thánh và trung thành của Thiên Chúa. Đây là định nghĩa mà tôi thường hay dùng, và rồi còn có hình ảnh khác trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội của Công Đồng Vatican II nữa (số 12). Thuộc về một dân tộc có giá trị mạnh về thần học. Trong lịch sử cứu rỗi, Thiên Chúa đã cứu rỗi một dân tộc. Sẽ không có căn tính nào đầy đủ nếu không thuộc về một dân tộc. Không ai được cứu thoát một mình, như một cá nhân đơn độc, nhưng Thiên Chúa lôi kéo ta vào cuộc tìm kiếm một hệ thống tương quan phức hợp diễn ra trong cộng đồng nhân bản. Chính Thiên Chúa cũng đã bước vào mối hiệp thông năng động của mạng lưới tương quan nhân bản này.

"Chính dân tộc tạo nên một chủ thể. Và Giáo Hội là dân tộc của Thiên Chúa trong cuộc hành trình xuyên qua lịch sử, với đủ mọi vui buồn của nó. Bởi thế, suy nghĩ với Giáo Hội là cách để tôi trở nên thành phần của dân tộc này. Và mọi tín hữu, xét như một toàn bộ, đều là vô ngộ trong các vấn đề thuộc đức tin, và dân Chúa biểu lộ tính vô ngộ này trong lúc tin (*infallibilitas in credendo*) qua cảm thức siêu nhiên nơi đức tin của một dân tộc đang cùng nhau tiến bước. Đó là điều mà ngày nay tôi hiểu việc 'suy nghĩ với Giáo Hội', điều vốn được Thánh Inhã nói tới. Khi cuộc đối thoại giữa dân với các giám mục và Đức Giáo Hoàng đi theo đường này và chân thực, thì nó được Chúa Thánh Thần trợ giúp. Do đó, việc suy nghĩ với Giáo Hội này không phải chỉ liên quan tới các thần học gia mà thôi.

"Cho nên, ta không nên nghĩ rằng 'suy nghĩ với Giáo Hội' chỉ có nghĩa là suy nghĩ với phẩm trật của Giáo Hội"

"Với Đức Mẹ cũng thế: nếu muốn biết ngài là ai, cha nên hỏi các thần học gia; nếu muốn biết phải yêu mến ngài ra sao, cha nên hỏi dân chúng. Ngược lại, Đức Mẹ yêu mến Chúa Giêsu bằng trái tim người dân như ta đã đọc trong Kinh Magnificat. Cho nên, ta không nên nghĩ rằng 'suy nghĩ với Giáo Hội' chỉ có nghĩa là suy nghĩ với phẩm trật của Giáo Hội".

Dừng lại ít giây, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới điểm sau, để tránh hiểu lầm: "Và, dĩ nhiên, ta phải hết sức thận trọng để đừng nghĩ rằng tính vô ngộ của mọi tín hữu mà tôi nói tới, dưới ánh sáng Vatican II, là một hình thức của chủ nghĩa dân túy (populism). Không phải thế; nó là trải nghiệm của 'mẹ thánh Giáo Hội phẩm trật' như chính Thánh Inhã đã gọi thế, một Giáo Hội hiểu như dân Chúa, với mục tử và dân chúng với nhau".

"Tôi thấy sự thánh thiện của dân Chúa, sự thánh thiện hàng ngày"

Đức Thánh Cha nói tiếp: "Có một 'giai cấp trung lưu thánh thiện', mà tất cả chúng ta đều là thành phần, sự thánh thiện mà Malègue từng viết về". Đức Giáo Hoàng có ý nói tới Joseph Malègue, một nhà văn Pháp (1876–1940), nhất là tới bộ sách ba cuốn còn dở dang của ông tựa là *Những Hòn Đá Đen: Các Giai Cấp Trung Lưu Của Cứu Rỗi* (Black Stones: The Middle Classes of Salvation).

Ngài nói tiếp: "Tôi thấy tính thánh thiện trong niềm kiên nhẫn của dân Chúa: người đàn bà nuôi dưỡng con cái, người đàn ông lao nhọc đem cơm bánh về cho gia đình, các linh mục bệnh hoạn, già nua tuy đầy thương tích nhưng vẫn nở nụ cười trên gương mặt vì được phục vụ Chúa, các nữ tu đang lao nhọc và sống trong thánh thiện ẩn dật. Đối với tôi, đó là sự thánh thiện chung. Tôi thường liên kết thánh thiện với kiên nhẫn: không chỉ kiên nhẫn hiểu như *hypomoné* [chữ trong Tân Ước Hy Lạp], tức làm chủ các biến cố và các hoàn cảnh trong đời, mà còn hiểu như kiên trì đi tới, ngày lại qua ngày. Đó là sự thánh thiện của Giáo Hội chiến đấu được Thánh Inhã nói tới. Đó là sự thánh thiện của cha mẹ tôi: bố tôi, má tôi, bà Rosa của tôi đã yêu thương tôi xiết bao. Trong cuốn sách nguyện của mình, tôi vẫn giữ chúc thư của bà Rosa tôi, và tôi thường đọc lại chúc thư ấy. Đối với tôi, nó giống như lời kinh cầu. Bà là bà thánh từng chịu nhiều đau khổ, cả thiêng liêng nữa, ấy thế nhưng vẫn can đảm tiến lên phía trước.

“Giáo Hội này, Giáo Hội mà ta nên suy nghĩ với, vốn là nhà của mọi người, không phải là ngôi nhà nguyện nhỏ bé chỉ chứa một nhóm người nhỏ gồm những người được tuyển chọn. Ta đừng thu gọn lòng của Giáo Hội hoàn vũ này thành một cái tổ để bảo vệ tính tầm thường của mình. Và Giáo Hội là Mẹ; Giáo Hội sẵn sàng sinh hoa trái. Phải như thế. Cha thấy đấy, khi biết được tác phong tiêu cực nơi các thừa tác viên của Giáo Hội hay nơi các tu sĩ nam nữ, điều đầu tiên nẩy ra trong tâm trí là ‘lại một chàng độc thân vô ích’ hay ‘lại một nàng gái già’. Họ không phải là những người cha hay những người mẹ theo nghĩa: họ không có khả năng đem lại sự sống thiêng liêng. Thay vào đó, khi đọc tiểu sử các nhà truyền giáo Salêdiêng tại Patagonia, chẳng hạn, tôi thấy tiểu sử ấy đầy sự sống viên mãn, đầy hoa đầy trái.

“Một điển hình khác diễn ra mấy ngày gần đây thôi, một điển hình tôi thấy báo chí rất lưu ý tới: tức cú điện thoại tôi gọi cho một thanh niên từng viết thư cho tôi. Tôi gọi cho anh vì lá thư ấy đẹp lắm, đơn sơ lắm. Đối với tôi, người thanh niên này đúng là một hành vi đầy tính sinh sản. Tôi hiểu ra rằng anh là một thanh niên đang lớn lên, anh coi tôi như người cha, và lá thư đó kể một điều gì đó về đời anh cho người cha này. Người cha này không thể nói ‘tao bất cần’. Vì loại hoa trái này quá tốt đối với tôi”.

Các Giáo Hội trẻ trung và các Giáo Hội cổ xưa

Tiếp tục chủ đề về Giáo Hội, Cha Sparado hỏi Đức Giáo Hoàng một câu dưới ánh sáng Ngày Giới Trẻ Thế Giới vừa qua. Biến cố vĩ đại này đã hướng chú ý vào giới trẻ, nhưng cũng làm ta chú ý tới “các lá phổi thiêng liêng” tức các Giáo Hội Công Giáo vừa được thành lập trong lịch sử gần đây. Cha hỏi: “Đức Thánh Cha hy vọng những gì cho Giáo Hội hoàn vũ từ các Giáo Hội này?”

Đức Thánh Cha trả lời: “Các Giáo Hội Công Giáo trẻ trung, càng lớn lên, càng khai triển được một tổng hợp về đức tin, văn hóa và đời sống, và như thế là một tổng hợp khác với tổng hợp từng được các Giáo Hội cổ xưa khai triển. Đối với tôi, tương quan giữa các Giáo Hội Công Giáo cổ xưa và các Giáo Hội trẻ trung giống như tương quan giữa người trẻ và người già trong xã hội. Tất cả đều xây dựng tương lai, người trẻ xây dựng bằng sức lực của họ, người già xây dựng bằng khôn ngoan của mình. Dĩ nhiên, cha luôn gặp một số nguy cơ nào đó. Các Giáo Hội trẻ trung dễ cảm thấy mình tự mãn; các Giáo Hội cổ xưa dễ muốn áp đặt lên các Giáo Hội trẻ trung các mô thức văn hóa của mình. Nhưng ta đang xây dựng tương lai với nhau mà”.

Giáo Hội như một bệnh viện dã chiến

Khi tuyên bố từ chức, Đức Giáo Hoàng Bênêđíctô XVI nói rằng thế giới hiện thời đang kinh qua nhiều thay đổi nhanh chóng và đang vật lộn với các vấn đề có tầm quan trọng lớn đối với đời sống đức tin. Đức Bênêđíctô cho rằng muốn đương đầu với các vấn đề này, ta cần cả sức mạnh thể lý lẫn sức mạnh tinh thần. Bởi vậy, Cha Sparado hỏi Đức Phanxicô: “Trong thời buổi lịch sử này, Giáo Hội cần điều gì hơn cả? Chúng ta có cần cải tổ không? Đức Thánh Cha muốn những gì cho Giáo Hội trong những năm sắp tới? Đức Thánh Cha mơ ước loại Giáo Hội nào?”

Đức Phanxicô bắt đầu bằng việc tỏ lòng âu yếm lớn lao và tôn kính mênh mông đối với vị tiền nhiệm: “Đức Giáo Hoàng Bênêđíctô đã làm một hành vi thánh thiện, cao cả, và khiêm nhường. Ngài là người của Thiên Chúa.

“Điều Giáo Hội ngày nay cần hơn cả là khả năng chữa lành các vết thương và sưởi ấm tâm hồn các tín hữu; Giáo Hội cần sự gần gũi, cận kề. Tôi coi Giáo Hội như một bệnh viện dã chiến sau một trận đánh”.

Đức Giáo Hoàng nói tiếp: “Tôi thấy rõ: điều Giáo Hội ngày nay cần hơn cả là khả năng chữa lành các vết thương và sưởi ấm tâm hồn các tín hữu. Giáo Hội cần sự gần gũi, cận kề. Tôi coi Giáo Hội như một bệnh viện dã chiến sau một trận đánh. Quả vô ích khi hỏi người bị thương nặng có cao mỡ hay không hay độ đường trong máu là bao nhiêu! Cha phải chữa lành ngay vết thương của họ đã. Rồi mới

nói tới những chuyện khác. Chữa lành các vết thương, chữa lành các vết thương... và cha phải bắt đầu từ đất đi lên.

“Giáo Hội đôi khi tự khóa mình vào những điều nhỏ nhặt, vào các qui định hẹp hòi. Điều quan trọng hơn cả là lời tuyên xưng đầu hết: Chúa Giêsu Kitô đã cứu rỗi cha. Và các thừa tác viên của Giáo Hội, trước nhất, phải là các thừa tác viên của lòng thương xót. Thí dụ, vị giải tội luôn có nguy cơ quá khắt khe hay quá lỏng lẻo. Cả hai thái độ ấy đều không phải là thương xót, vì chẳng thái độ nào thực sự chịu trách nhiệm đối với hối nhân. Người khắt khe rửa tay để nhường việc đó cho giới răn. Người lỏng lẻo rửa tay bằng cách bảo: ‘đây không phải là tội’ hay một điều gì đó tương tự như thế. Trong thừa tác mục vụ, ta phải đồng hành với người ta, và chữa lành các vết thương của họ.

“Ta phải cư xử với dân Chúa ra sao? Tôi mơ một Giáo Hội làm mẹ và làm mục tử. Các thừa tác viên của Giáo Hội phải nhân hậu, biết thương xót, chịu trách nhiệm đối với dân và đồng hành với họ như người Samaria nhân hậu, người chịu rửa ráy, lau chùi và nâng người hàng xóm dậy. Đó là Tin Mừng tinh ròng. Thiên Chúa cao cả hơn tội lỗi. Các cải tổ cơ cấu và tổ chức chỉ đứng hàng thứ hai, nghĩa là đến sau. Cải tổ đầu tiên phải là cải tổ thái độ. Các thừa tác viên của Tin Mừng phải là những người có khả năng sưởi ấm tâm hồn người ta, cùng bước trong đêm tối với họ, biết cách đối thoại và để mình rơi xuống đêm thâu của họ, xuống thẳm đen của họ mà không lạc lối. Dân Chúa muốn các mục tử, chứ không muốn các giáo sĩ hành xử như những người cạo giấy hay viên chức chính phủ. Cách riêng, các giám mục phải có khả năng hỗ trợ các chuyển vần của Thiên Chúa giữa dân chúng của họ một cách kiên nhẫn, để không một ai bị rơi rớt ở đàng sau. Nhưng họ cũng phải có khả năng đồng hành với đoàn chiên để họ “hửi ra” những nẻo đường mới.

“Thay vì chỉ là một Giáo Hội biết chào đón và tiếp rước bằng cách để cửa mở, ta hãy cố gắng là một Giáo Hội biết tìm ra những con đường mới, có khả năng bước ra khỏi mình và đi tới những người không tham dự Thánh Lễ, tới những ai đã bỏ cuộc hay dửng dưng. Những người bỏ cuộc đôi khi làm thế vì những lý do mà nếu hiểu và lượng giá đúng, có thể dẫn họ trờ về. Nhưng điều này đòi nhiều mạnh dạn và can đảm”.

Cha Sparado gợi ý với Đức Thánh Cha rằng có những Kitô hữu sống trong các tình huống không hợp qui đối với Giáo Hội hay trong các tình huống phức tạp biểu tượng cho các vết thương công khai. Như các cặp đã ly dị và tái hôn, các cặp đồng tính luyến ái và nhiều tình huống khó khăn khác. Ta có thể thực hành loại mục vụ nào trong các trường hợp này? Ta có thể sử dụng những loại phương tiện nào?

Đức Giáo Hoàng cho hay: “Ta cần công bố Tin Mừng ở mọi ngõ ngách phố phường, rao giảng tin vui Nước Chúa và việc chữa lành, ngay trong lời giảng của ta, mọi loại bệnh tật và vết thương. Ở Buenos Aires, tôi hay nhận được những lá thư từ những người đồng tính luyến ái vốn là ‘những người bị thương về phương diện xã hội’ vì họ nói với tôi rằng họ cảm thấy như Giáo Hội luôn luôn kết án họ. Nhưng nào Giáo Hội có muốn làm việc đó. Trong chuyến bay trở về từ Rio de Janeiro, tôi nói rằng nếu một người đồng tính có thiện chí và đi tìm Thiên Chúa, tôi không phải là người để kết án. Nói thế, tôi chỉ nói điều sách giáo lý vốn nói. Tôn giáo có quyền phát biểu ý kiến để phục vụ người ta, nhưng Thiên Chúa, trong lúc tạo dựng, đã cho ta được tự do: ta không thể can thiệp một cách thiêng liêng vào đời sống người khác.

“Có người đã hỏi tôi một cách khiêu khích, xem tôi có chấp nhận việc đồng tính luyến ái không. Tôi trả lời bằng một câu hỏi khác: ‘xin cho tôi biết: khi thấy một người đồng tính, Thiên Chúa chấp nhận sự hiện hữu của họ một cách yêu thương hay bác bỏ và lên án người này?’ Ta phải luôn xét tới con người. Ở đây, ta bước vào mầu nhiệm của hữu thể nhân bản. Trong cuộc sống, Thiên Chúa luôn đồng hành với người ta, và ta cũng thế, ta phải đồng hành với họ, bắt đầu từ trạng huống của họ. Điều cần là đồng hành với họ trong xót thương. Khi điều này xảy ra, Chúa Thánh Thần sẽ linh hứng để vị linh mục nói điều đúng.

“Đây cũng là ơn phúc lớn lao của bí tích giải tội: lượng giá từng trường hợp và biện phân điều tốt nhất một người tìm kiếm Thiên Chúa và ơn thánh cần làm. Tòa giải tội không phải là phòng tra tấn, nhưng

là nơi dạ thương xót của Thiên Chúa khuyến khích ta sống tốt hơn. Tôi cũng đã xem sét tình huống của một phụ nữ, trong quá khứ, từng thất bại trong hôn nhân và còn phá thai nữa. Rồi người phụ nữ này tái hôn và nay rất hạnh phúc, có tới 5 đứa con. Vụ phá thai lúc trước đè nặng lên lương tâm chị và chị thành thực hối hận về việc đó. Chị muốn tiến về phía trước trong cuộc sống Kitô hữu của mình. Vị linh mục phải làm gì?

"Ta không thể chỉ nhấn mạnh tới các vấn đề liên hệ tới phá thai, hôn nhân đồng tính và việc sử dụng các phương pháp ngừa thai. Điều này không thể được. Tôi vốn không nói nhiều tới các điều này, và từng bị chỉ trích vì thế. Nhưng khi nói về những điều này, ta phải nói về chúng trong ngữ cảnh. Trong vấn đề này, giáo huấn của Giáo Hội đã quá rõ và tôi vốn là con cái Giáo Hội, nhưng ta không cần phải nói về các vấn đề này bất cứ lúc nào.

"Giáo huấn tín lý và luân lý của Giáo Hội tất cả không có cùng một giá trị. Thừa tác mục vụ của Giáo Hội không thể bị ám ảnh bởi việc thông truyền số đông các tín điều rời rạc (disjointed) để được áp đặt một cách khư khư".

"Giáo huấn tín lý và luân lý của Giáo Hội tất cả không có cùng một giá trị. Thừa tác mục vụ của Giáo Hội không thể bị ám ảnh bởi việc thông truyền số đông các tín điều rời rạc (disjointed) để chúng được áp đặt một cách khư khư. Trong phong cách truyền giáo, việc công bố chỉ tập chú vào những điều cốt yếu, cần thiết: những điều phấn khích, lôi cuốn, những điều làm tâm hồn bừng cháy, như các môn đệ trên đường Emmau xưa. Ta phải tìm cho ra một quân bình mới; nếu không, ngay tòa nhà luân lý của Giáo Hội cũng sẽ tan rã như tòa nhà bằng quân bài, mất hết nét tươi mát và hương thơm của Tin Mừng. Đề xuất của Tin Mừng phải đơn giản hơn, sâu sắc hơn và tỏa sáng hơn. Chính từ lối đề xuất này, các hệ quả luân lý sẽ phát sinh ra.

"Tôi nói điều trên trong khi cũng nghĩ tới việc rao giảng và nội dung rao giảng của ta. Một bài giảng lễ hay, một bài giảng thuyết đích thực, phải bắt đầu bằng việc công bố đầu hết, tức công bố ơn cứu rỗi. Không có điều gì vững chãi và chắc chắn hơn việc công bố này. Rồi cha còn phải đương đầu với giáo lý nữa. Sau đó, cha có thể rút tỉa các hệ quả luân lý. Nhưng việc công bố tình yêu cứu rỗi của Thiên Chúa phải đến trước các mệnh lệnh luân lý và tôn giáo. Ngày nay, hình như, đôi lúc, việc đảo lộn thứ tự này đang thắng thế. Bài giảng lễ là viên đá thử vàng để đo sự gần gũi của mục tử và khả năng gặp gỡ người ta của vị mục tử này, vì các vị giảng thuyết phải biết nhận ra trái tim của cộng đoàn mình và phải có khả năng nhìn ra nơi ước muốn được thấy Thiên Chúa sống động và nồng nhiệt nhất. Do đó, sứ điệp Tin Mừng không thể bị giản lược vào một số khía cạnh, dù có liên quan, nhưng tự chúng không cho thấy tâm điểm sứ điệp của Chúa Giêsu Kitô".

Một giáo hoàng tu sĩ

Đức Phanxicô là vị giáo hoàng thuộc dòng tu đầu tiên kể từ Đức Grêgôriô XVI, một đan sĩ thuộc Dòng Camaldoli, lên ngôi năm 1831. Nên Cha Sparado hỏi ngài: "đâu là vị trí chuyên biệt của tu sĩ nam nữ trong Giáo Hội ngày nay?"

Đức Giáo Hoàng cho biết: "Tu sĩ nam nữ là các tiên tri. Họ là những người đã quyết định theo Chúa Giêsu bằng cách mô phỏng cuộc sống của Người trong vâng lời Chúa Cha, nghèo khó, cuộc sống cộng đoàn và khiết tịnh. Trong chiều hướng này, các lời khấn không thể kết cục như các biếm họa; nếu không, đời sống cộng đoàn, chẳng hạn, sẽ trở thành hỏa ngục, và khiết tịnh sẽ trở thành lối sống của những anh chàng độc thân khô cằn. Lời khấn khiết tịnh phải là lời khấn sinh hoa kết trái. Trong Giáo Hội, tu sĩ được kêu gọi làm tiên tri, đặc biệt bằng cách chứng tỏ Chúa Giêsu đã sống trên trần gian ra sao, và công bố Nước Thiên Chúa sẽ như thế nào lúc thành toàn. Tu sĩ không bao giờ được từ bỏ việc nói tiên tri. Điều này không có nghĩa đi ngược lại phẩm trật Giáo Hội, dù chức năng tiên tri và cơ cấu phẩm trật không trùng hợp với nhau. Tôi đang nói tới một đề xuất luôn tích cực nhưng không nên gây ra nhút nhát. Ta hãy nghĩ tới công trình của biết bao vị thánh vĩ đại, các đan sĩ và tu sĩ nam nữ, từ Thánh Antôn viện tu trở về sau. Là tiên tri đôi khi gây nên sóng gió. Tôi không biết nên nói thế nào... Nói tiên tri quả có gây ồn ào, náo động, nhiều người còn cho là "xáo trộn" (a mess) nữa. Nhưng trên thực tế, đặc sủng của tu sĩ giống như men bột: nói tiên tri là thông báo tinh thần của Tin Mừng".

Giáo triều Rôma

Cha Sparado hỏi Đức Giáo Hoàng xem ngài nghĩ gì về các bộ sở của Giáo Triều Rôma, các cơ quan khác nhau đang trợ giúp Đức Giáo Hoàng trong sứ mệnh của ngài.

Ngài cho hay "Các bộ sở trong Giáo Triều Rôma là để phục vụ Đức Giáo Hoàng và các giám mục. Chúng phải trợ giúp cả các Giáo Hội địa phương lẫn các hội đồng giám mục. Chúng là các dụng cụ trợ giúp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, vì không hành xử đúng chức năng, chúng có nguy cơ trở thành các định chế kiểm duyệt. Thật đáng ngạc nhiên khi thấy các tố cáo thiếu chính thống được đưa tới Rôma. Tôi nghĩ những trường hợp này nên được các hội đồng giám mục địa phương điều tra; các hội đồng này có thể được Rôma hỗ trợ một cách đáng kể. Thực thế, các trường hợp này được xử lý tốt hơn tại địa phương. Các bộ sở tại Rôma chỉ là các trung gian; chúng không phải là mối lái hay cơ quan quản trị".

Ngày 29 tháng Sáu, trong buổi lễ chúc lành và trao dây *pallium* cho 34 tổng giám mục các giáo tỉnh, Đức Phanxicô nói tới "con đường hợp đoàn" như là con đường dẫn Giáo Hội "lớn lên trong sự hòa hợp với việc phục vụ của quyền tối thượng". Bởi thế, Cha Sparado hỏi ngài "Ta có thể giao hòa ra sao quyền tối thượng của Phêrô và tính hợp đoàn? Những con đường nào khả thi cả trong viễn tượng đại kết nữa?"

Đức Phanxicô trả lời: "Ta phải cùng sánh bước với nhau: giáo dân, giám mục và giáo hoàng. Tính công đồng phải được sống trên nhiều bình diện khác nhau. Có lẽ nay là lúc phải thay đổi các phương pháp của Thượng Hội Đồng Giám Mục, vì đối với tôi, hình như phương pháp hiện thời không được năng động lắm. Việc này cũng sẽ có giá trị đại kết nữa, nhất là với các anh em Chính Thống Giáo của ta. Ta có thể học được từ họ nhiều điều hơn về ý nghĩa của tình hợp đoàn giám mục và truyền thống công đồng. Các cố gắng suy tư chung, về việc phải cai quản Giáo Hội ra sao trong các thế kỷ đầu tiên, trước khi có sự chia cách Đông Tây, sẽ đem lại hoa trái đúng lúc. Trong các liên hệ đại kết, điều quan trọng không những là phải biết nhau tốt hơn mà còn phải nhìn nhận những gì Chúa Thánh Thần từng gieo vãi nơi người khác như là hồng phúc đối với ta. Tôi muốn tiếp tục cuộc thảo luận vốn đã bắt đầu vào năm 2007 của ủy ban hỗn hợp [giữa Công Giáo và Chính Thống Giáo] về vấn đề phải thi hành quyền tối thượng của Phêrô ra sao, một cuộc thảo luận đã đưa tới việc ký kết Văn Kiện Ravenna. Ta phải tiếp tục đi con đường này".

Cha Sparado hỏi xem Đức Phanxicô dự phóng ra sao việc hợp nhất Giáo Hội trong tương lai dưới ánh sáng câu trả lời của ngài, thì ngài cho biết: "Ta phải tiến bước bằng cách hợp nhất trong dị biệt: không có đường nào khác để trở nên một cả. Đó là con đường của Chúa Giêsu".

Phụ nữ trong đời sống Giáo Hội

Và đâu là vai trò của phụ nữ trong Giáo Hội? Đức Phanxicô từng nhiều lần đề cập tới vấn đề này. Ngài nhắc đến nó trong chuyến bay trở về từ Rio de Janeiro, khi cho rằng Giáo Hội vẫn còn thiếu một nền thần học sâu sắc về phụ nữ. Nên Cha Sparado hỏi ngài: "Vai trò của phụ nữ trong Giáo Hội phải nên như thế nào? Ta phải làm vai trò của họ trở nên hiển hiện ra sao trong lúc này?"

Ngài trả lời: "Ta phải tìm hiểu hơn nữa vai trò của phụ nữ trong Giáo Hội. Tôi lo lắng trước giải pháp muốn giản lược nó vào một thứ chủ nghĩa cao ngạo nữ giới (female machismo), vì phụ nữ có một thể trạng (make-up) khác với nam giới. Nhưng điều tôi nghe về vai trò của phụ nữ thường được gợi hứng từ ý thức hệ cao ngạo. Phụ nữ đang đặt ra các câu hỏi sâu sắc cần được trả lời. Giáo Hội không thể là chính mình nếu không có phụ nữ và vai trò của họ. Phụ nữ rất chủ yếu đối với Giáo Hội. Đức Maria, một phụ nữ, vốn quan yếu hơn các giám mục. Tôi nói điều này vì ta không nên lẫn lộn chức năng với phẩm giá. Cho nên ta phải tìm hiểu hơn nữa vai trò của phụ nữ trong Giáo Hội. Ta phải cố gắng hơn nữa để khai triển ra một nền thần học sâu sắc về phụ nữ. Thiên tài phụ nữ được cần tới ở bất cứ nơi nào ta đưa ra các quyết định quan trọng. Thách thức hiện nay là: suy nghĩ về chỗ đứng chuyên biệt của phụ nữ cả ở những nơi thẩm quyền của Giáo Hội được thi hành trong các phạm vi khác nhau của

Giáo Hội”

Công Đồng Vatican II

Cha Sparado hỏi Đức Thánh Cha: “Công Đồng Vatican II thực hiện được những gì ?”. Ngài. đáp: “Vatican II là một cuộc đọc lại Tin Mừng dưới ánh sáng văn hóa đương thời. Nó tạo ra một phong trào canh tân đơn thuần phát khởi từ cùng một Tin Mừng này. Hoa trái của nó thật lớn lao. Chỉ cần nhắc tới phụng vụ. Công trình canh tân mục vụ là nhằm giúp tín hữu đọc lại Tin Mừng từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Đúng là có những nền giải thích liên tục và gián đoạn, nhưng điều rõ ràng là: tính năng động của việc đọc Tin Mừng, hiện thực hóa sứ điệp của nó vào hôm nay, một công việc hết sức đặc trưng của Vatican II, là điều tuyệt đối không thể nào đảo ngược được. Rồi còn có các vấn đề đặc biệt như phụng vụ theo *Vetus Ordo* (lễ qui cũ). Tôi nghĩ quyết định của Đức Giáo Hoàng Bênêđíctô [tức quyết định ngày 7 tháng Bẩy, 2007 cho phép việc sử dụng rộng rãi hơn Thánh Lễ theo Công Đồng Triđentinô] là một quyết định khôn ngoan và đước thúc đẩy bởi ý muốn giúp những người vốn nhạy cảm về khía cạnh này. Dù, điều khiến người ta ưu tư là nguy cơ biến *Vetus Ordo* thành một ý thức hệ, để khai thác nó”.

Kiếm và tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự

Tại Ngày Giới Trẻ Thế Giới ở Rio de Janeiro, Đức Phanxicô nhiều lần tuyên bố rằng: “Thiên Chúa có thật. Người tự mạc khải Người ra hôm nay. Người ở khắp nơi”. Những mệnh đề này khiến ta nhớ tới kiểu nói của Thánh Inhã “kiếm và tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự”. Dựa vào câu này, Cha Sparado hỏi Đức Thánh Cha: “Đức Thánh Cha kiếm và tìm thây Thiên Chúa trong mọi sự ra sao?”.

Ngài trả lời: “Điều tôi nói tại Rio có ý nói tới thời điểm ta đang đi kiếm Thiên Chúa. Thực vậy, ta vốn bị cám dỗ đi kiếm Thiên Chúa ở dĩ vãng hay ở một tương lai khả hữu nào đó. Thiên Chúa quả có ở trong quá khứ thật vì ta có thể nhìn ra dấu chân của Người. Và Thiên Chúa cũng ở trong tương lai như một hứa hẹn. Nhưng Thiên Chúa ‘cụ thể’, có thể nói như thế, thì đang ở đây hôm nay. Chính vì vậy, than vãn không bao giờ giúp ta kiếm Thiên Chúa. Các than vãn ngày nay về việc thế giới hiện đại ‘man rợ’ biết chừng nào, những than vãn này đôi khi chỉ kết thúc bằng việc cho ra đời, trong lòng Giáo Hội, các ước muốn thiết lập trật tự theo nghĩa bảo tồn đơn thuần, như một thứ phòng ngự. Không, Thiên Chúa cần được gặp gỡ trong thế giới ngày nay.

“Thiên Chúa tự tỏ mình ra trong mạc khải lịch sử, trong lịch sử. Thời gian khởi diễn các diễn trình, và không gian kết tinh chúng. Thiên Chúa ở trong lịch sử, ở trong các diễn trình.

“Ta không nên tập chú vào việc chiếm hữu các không gian để thi hành quyền lực, mà đúng hơn nên khởi diễn các diễn trình lịch sử lâu dài. Ta phải khởi diễn các diễn trình hơn là chiếm hữu các không gian. Thiên Chúa tự tỏ mình ra trong thời gian và đang hiện diện trong các diễn trình của lịch sử. Điều này dành ưu tiên cho các hành động nào biết phát sinh ra những năng động tính lịch sử mới mẻ. Và việc này đòi phải kiên nhẫn, chờ đợi.

“Tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự không phải là một phát kiến thực nghiệm (‘empirical eureka’). Khi muốn gặp gỡ Thiên Chúa, ta thường hay tìm cách chứng thực về Người ngay tức khắc bằng phương pháp thực nghiệm. Nhưng cha không thể gặp Thiên Chúa cách đó. Thiên Chúa được tìm thấy trong cơn gió nhẹ như Elijah từng thấy. Các giác quan tìm ra Thiên Chúa là các giác quan được Thánh Inhã gọi là giác quan thiêng liêng. Thánh Inhã yêu cầu ta mở rộng sự nhạy cảm thiêng liêng để gặp gỡ Thiên Chúa quá bên kia phương thức hoàn toàn thực nghiệm. Điều cần phải có là thái độ chiêm niệm: cảm nhận được rằng cha đang chuyển động trên con đường hiểu biết và qúy mến đúng, hướng tới các sự việc và hoàn cảnh. Bình an sâu xa, an ủi thiêng liêng, yêu Chúa và yêu mọi sự trong Chúa, đó chính là các dấu hiệu cho thấy cha đang đi trên con đường đúng này”.

Chắc chắn và sai lầm

Cha Sparado hỏi thêm: “Như thế, nếu cuộc gặp gỡ Thiên Chúa không phải là một phát kiến thực

nghiệm và nếu nó là một hành trình nhìn bằng con mắt lịch sử, thì ta cũng có thể mắc nhiều sai lầm?"

Đức Phanxicô trả lời: "Đúng, trong cố gắng kiếm và tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự này, vẫn có một phạm vi không chắc chắn. Nhất định như thế. Nếu ai đó bảo họ gặp Thiên Chúa một cách hoàn toàn chắc chắn và không bị khuấy động bởi bất cứ biên tế không chắc chắn nào, thì điều này không đúng. Đối với tôi, điều này là chìa khóa quan trọng. Nếu ai đó có câu trả lời cho mọi câu hỏi, thì rõ ràng đây là bằng chứng Thiên Chúa không ở trong họ. Nó chỉ có nghĩa họ là một tiên tri giả, chuyên lợi dụng tôn giáo cho riêng mình. Các nhà lãnh đạo vĩ đại của dân Chúa, như Môsê chẳng hạn, luôn dành chỗ cho hoài nghi. Cha phải dành chỗ cho Chúa, chứ không dành chỗ cho các điều chắc chắn của ta; ta phải khiêm nhường. Trong mọi biện phân, sự không chắc chắn giúp ta mở lòng ra đi tìm xác nhận trong ủi an thiêng liêng.

"Như thế, nguy cơ trong việc kiếm và tìm thấy Thiên Chúa trong mọi sự là quyết tâm giải thích quá nhiều, là nói với sự chắc chắn và cao ngạo của con người: 'Thiên Chúa đang ở đây nè'. Ta sẽ chỉ thấy một Thiên Chúa phù hợp với kích thước của ta mà thôi. Thái độ đúng là thái độ của Thánh Augustinô: kiếm Thiên Chúa để tìm thấy Người, và tìm thấy Thiên Chúa để tiếp tục kiếm tìm Người mãi mãi. Ta phải kiếm tìm như thể là những người mù, như thường thấy trong Thánh Kinh. Và đây là kinh nghiệm của các cha ông vĩ đại của ta trong đức tin; họ vốn là mẫu mực của ta. Ta cần đọc lại Thư gửi tín hữu Do Thái, chương 11. Ápraham bỏ quê hương mà không biết mình đi đâu, chỉ cậy vào niềm tin. Các tổ tiên trong đức tin của ta đều đã chết sau khi thoáng thấy sự thiện từng được hứa cho mình, nhưng chỉ thấy từ xa... Đời ta được ban cho ta không phải như một *opera libretto* (bản nhạc kịch), trong đó, mọi điều đều được viết ra; mà như một ra đi, tiến bước, làm, tìm kiếm, thấy... Ta phải bước vào cuộc phiêu lưu đi tìm gặp Thiên Chúa; ta phải để Thiên Chúa tìm và gặp ta.

"Vì Thiên Chúa là thứ nhất; Thiên Chúa luôn là thứ nhất và đi bước thứ nhất. Antoniô ạ, Thiên Chúa giống như bông hoa hạnh đào xứ Sicily của cha vậy, luôn nở đầu tiên. Ta đọc được điều này trong các tiên tri. Thiên Chúa được gặp gỡ trong lúc đang đi, đang ở trên đường. Về phương diện này, ai đó dám cho rằng đây là chủ nghĩa duy tương đối. Phải duy tương đối không? Đúng, nếu hiểu nó như một thứ đa thần thuyết lộn xộn. Nhưng đó không phải là duy tương đối nếu hiểu nó theo nghĩa Thánh Kinh: Thiên Chúa luôn là một ngạc nhiên, thành thử cha không bao giờ biết cha sẽ tìm thấy Người ở đâu và bằng cách nào. Cha không định được thời gian và không gian cho cuộc gặp gỡ Người. Trái lại, cha phải biện phân được cuộc gặp gỡ này. Biện phân là điều chủ yếu.

"Nếu Kitô hữu theo thuyết phục nguyên (restorationism), theo thuyết duy luật lệ, nếu họ muốn mọi sự phải rõ ràng và an toàn, thì họ sẽ chẳng tìm thấy chi. Truyền thống và ký ức quá khứ phải giúp ta can đảm mở ra các phạm vi mới mẻ cho Thiên Chúa. Những ai ngày nay cứ luôn đi tìm các giải pháp có tính kỷ luật, những ai cứ luôn mong mỏi sự 'an toàn' tín lý quá trớn, những ai cứ luôn khư khư tìm cách khôi phục một quá khứ không còn hiện hữu nữa, tất cả đều có cái nhìn tĩnh tụ và hướng nội về sự vật. Theo lối này, đức tin trở thành một ý thức hệ giống như mọi ý thức hệ khác. Tôi có sự chắc chắn đúng tín lý sau: Thiên Chúa ở trong đời sống mọi con người. Thiên Chúa ở trong đời sống mọi người. Dù cho đời sống của người ta gặp thảm họa, dù cho đời ấy bị thói xấu, ma túy hay bất cứ điều gì khác phá hủy, Thiên Chúa vẫn ở trong đời sống họ. Cha có thể, cha phải cố gắng kiếm tìm Thiên Chúa trong mọi cuộc sống nhân linh. Dù đời sống một ai đó đầy gai nhọn và cỏ dại, nó vẫn luôn có chỗ để hạt giống tốt nẩy mầm. Cha phải tin tưởng vào Thiên Chúa".

Ta có nên lạc quan không?

Lời Đức Giáo Hoàng khiến Cha Sparado nhớ lại một số suy tư trong quá khứ của ngài, trong đó, lúc còn là một Hồng Y, ngài viết rằng Thiên Chúa đã đang sống trong chốn đô hội rồi, giữa mọi người và kết hợp với từng người. Theo ý kiến Cha Sparado, đây là cách nói khác của điều chính Thánh Inhã đã viết trong Linh Thao, tức việc Thiên Chúa "lao nhọc và làm việc" trong thế giới của ta. Bởi thế, Cha đã hỏi Đức Giáo Hoàng: "Ta có nên lạc quan hay không? Đâu là các dấu hy vọng trong thế giới ngày nay? Con làm sao lạc quan được trong một thế giới đang khủng hoảng?"

Đức Giáo Hoàng cho hay: "Tôi không thích dùng chữ lạc quan vì lạc quan đề cập tới một thái độ tâm

lý. Thay vào đó, tôi thích dùng chữ hy vọng, theo điều ta đọc được trong Thư gửi tín hữu Do Thái, chương 11, mà tôi đã nhắc đến ở trên. Các cha ông ta trong đức tin tiếp tục tiến bước, sẵn sàng đương đầu với khó khăn. Và hy vọng đã không làm họ nản lòng, như ta đọc thấy trong Thư gửi tín hữu Rôma. Thay vào đó, cha nên nghĩ tới các câu đố đầu tiên trong vở 'Turandot' của Puccini".

Ngay lúc ấy, cha Sparado thoáng nhớ lại trong lòng các câu thơ đố nói về vị công chúa trong vở kịch đó, mà giải đáp là hy vọng: "Trong đêm ảm đạm này, một bóng ma lấp lánh bay./ Nó lên cao rồi tung cánh/ trên nhân loại đen bất tận./ Toàn thế giới khẩn cầu/ và toàn thế giới nài nỉ nó./ Nhưng bóng ma biến mất với rạng đông/ để tái sinh trong tâm hồn./ Và mỗi đêm mỗi sinh ra/ và mỗi ngày mỗi chết đi!"

Đức Phanxicô bảo: "Thấy không, niềm hy vọng Kitô Giáo không phải là bóng ma và nó không lừa dối ai. Nó là một nhân đức đối thần và do đó, xét cho cùng, là một ơn phúc của Thiên Chúa mà ta không được giản lược vào chủ nghĩa lạc quan, một chủ nghĩa chỉ có tính nhân bản. Thiên Chúa không hướng dẫn sai về hy vọng; Thiên Chúa không thể tự bác bỏ chính mình. Thiên Chúa hứa hẹn mọi sự"

Nghệ thuật và óc sáng tạo

Cha Sparado rất ngạc nhiên lúc Đức Phanxicô nhắt tới vở "Turandot" của Puccini khi nói đến mầu nhiệm hy vọng. Cha muốn hiểu hơn các tham chiếu của ngài về nghệ thuật và văn chương. Nên đã nhắc lại việc năm 2006 ngài có nói rằng các họa sĩ biết cách trình bày các thực tại bi đát và đau thương của đời người một cách đẹp đẽ. Và cha đã hỏi Đức Giáo Hoàng xem những ai là các nghệ sĩ và văn sĩ được ngài ưa thích, và liệu họ có gì chung không.

Ngài trả lời: "Tôi thực sự yêu thích một loạt các tác giả khác nhau. Tôi rất yêu Dostoevsky và Hölderlin. Tôi nhớ Hölderlin vì bài thơ ông viết nhân dịp sinh nhật của bà ông, một bài thơ rất hay và rất phong phú về thiêng liêng đối với tôi. Bài thơ kết thúc bằng câu thơ sau: 'Ước chi người đàn ông giữ vững điều đứa nhỏ đã hứa'. Tôi có ấn tượng sâu xa vì tôi yêu bà Rosa của tôi, và vì bài thơ của Hölderlin đã so sánh người bà của ông với Đức Trinh Nữ Maria, đấng đã hạ sinh Chúa Giêsu, người bạn của trần thế vốn không coi ai là người xa lạ.

"Tôi đã đọc cuốn *The Betrothed* (Người Đính Hôn) của Alessandro Manzoni, đến ba lần, và hiện tôi đang để nó trên bàn vì muốn đọc lại lần nữa. Manzoni mang lại cho tôi rất nhiều. Khi còn bé, bà tôi dạy tôi thuộc lòng đoạn đầu của cuốn *The Betrothed*: 'nhánh Hồ Como rẽ về hướng nam giữa hai dẫy núi điệp trùng...'. Tôi cũng rất thích (thi sĩ) Gerard Manley Hopkins (của Dòng Tên).

"Trong số các họa sĩ trứ danh, tôi thán phục Caravaggio; các bức tranh của ông như nói với tôi. Nhưng cả Chagall nữa, với bức 'Đóng Đinh Trắng'. Trong số các nhạc sĩ, tôi yêu Mozart do Clara Haskil trình bày. Mozart tràn ngập tôi. Nhưng tôi không thể suy nghĩ về âm nhạc của ông; tôi phải lắng nghe thôi. Tôi thích lắng nghe Beethoven, nhưng theo cung cách sáng tạo (Promethean way), và người giải thích sáng tạo nhất đối với tôi là Furtwängler. Và còn Khổ Nạn của Bach nữa. Tác phẩm của Bach được tôi thích nhất là 'Erbarme Dich', nước mắt Phêrô trong 'Khổ Nạn Theo Thánh Mátthêu'. Quả là tuyệt diệu. Rồi tôi yêu cả Wagner nữa, trên một bình diện khác, không hẳn thân thiết như thế. Tôi thích lắng nghe ông, nhưng không phải bất cứ lúc nào. Buổi biểu diễn tác phẩm 'Ring' của Wagner do Furtwängler trình bày tại La Scala ở Milan năm 1950, đối với tôi, là tuyệt diệu hơn cả. Nhưng cả tác phẩm 'Parsifal' của Knappertsbusch năm 1962 nữa.

"Ta cũng nên nói về phim ảnh. 'La Strada' của Fellini là cuốn phim có lẽ tôi thích nhất. Tôi đồng nhất với cuốn phim, theo nghĩa: cùng mặc nhiên nhắc tới Thánh Phanxicô. Tôi cũng tin rằng tôi đã xem hết mọi cuốn phim của Ý cùng với Anna Magnani và Aldo Fabrizi trong các năm từ lúc tôi 10 tuổi tới lúc lên 12. Một cuốn phim khác được tôi yêu thích là cuốn 'Rôma, Kinh Thành Mở Cửa' (Rome, Open City). Tôi có được nền văn hóa phim ảnh là nhờ cha mẹ tôi, các vị thường dẫn chúng tôi đi xem phim rất nhiều lần.

"Dù sao, nói chung, tôi yêu các nghệ sĩ bi đát, nhất là các nghệ sĩ cổ điển. Có một câu rất hay được

Cervantes đặt lên môi chàng độc thân Carrasco để khen câu truyện Don Quixote: 'Trẻ em có nó trong tay, thiếu niên đọc nó, người lớn hiểu nó, người già ca ngợi nó'. Đối với tôi, câu này là câu định nghĩa hay về các tác giả cổ điển".

Hỏi Đức Giáo Hoàng về việc dạy văn chương cho các học sinh trung học của ngài

Ngài cho hay: "Hơi nguy hiểm một chút. Tôi phải nắm chắc các học sinh của tôi chịu đọc *El Cid*. Nhưng chúng không chịu. Chúng muốn đọc Garcia Lorca. Thành thử tôi quyết định chúng sẽ đọc *El Cid* tại nhà, còn ở trong lớp tôi sẽ dạy chúng các tác giả chúng thích hơn cả. Dĩ nhiên, người trẻ muốn đọc các tác phẩm văn chương hơi 'sỗ' (racy) một chút, như cuốn *La Casada Infiel* lúc đó hay các tác phẩm cổ điển như *La Celestina* của Fernando de Rojas. Nhưng nhờ đọc những truyện này, chúng thủ đắc được một khiếu thưởng ngoạn văn chương, thi ca, và cứ thế chúng tôi tiến qua các tác giả khác. Và đối với tôi đó là một kinh nghiệm lớn lao. Tôi hoàn tất chương trình, nhưng một cách không có cấu trúc, nghĩa là không theo thứ tự mà chúng tôi đã dự tính lúc ban đầu, mà là theo một thứ tự đến rất tự nhiên nhờ đọc các tác giả này. Và cung cách này rất hợp với tôi: tôi không thích có một lịch trình cứng ngắc, nhưng đúng hơn, tôi muốn biết nơi phải đến với những sách đọc này, với một cảm thức đại cương về điểm mình đang đi tới. Sau đó, tôi bắt đầu bắt chúng phải viết. Cuối cùng, tôi quyết định gửi tới Borges hai cuốn truyện do các học sinh của tôi sáng tác. Tôi biết người thư ký của ông ta; người này vốn là thầy dạy dương cầm của tôi. Borges rất thích hai cuốn truyện này. Và thế là ông ta viết lời giới thiệu cho bộ truyện này".

Cha Sparado hỏi thêm: "Như thế, thưa Đức Thánh Cha, tính sáng tạo là điều quan trọng đối với đời sống người ta hay sao?". Ngài cười và trả lời: "đối với một tu sĩ Dòng Tên, nó cực kỳ quan trọng! Tu sĩ Dòng Tên phải có óc sáng tạo".

Các biên cương và phòng thí nghiệm

Trong một cuộc viếng thăm của các cha và nhân viên tờ *La Civiltà Cattolica*, Đức Giáo Hoàng có nói tới sự quan trọng của bộ ba "đối thoại, biện phân, biên cương". Và ngài đặc biệt nhấn mạnh tới điểm cuối cùng, qua việc trưng dẫn Đức Phaolô VI, và điều ngài nói trước đó trong một bài diễn văn về các tu sĩ Dòng Tên: "Bất cứ nơi nào trong Giáo Hội, dù là trong các môi trường khó khăn nhất và cùng cực nhất, trong các ngã ba ý thức hệ, trong các giao thông hào xã hội, bất cứ nơi nào từng có và hiện có cuộc thảo luận giữa khát vọng sâu xa nhất của con người nhân bản và sứ điệp muôn đời của Tin Mừng, thì tu sĩ Dòng Tên đều đã có mặt và hiện có mặt ở đó cả". Nên cha Sparado hỏi Đức Giáo Hoàng xem đâu là các ưu tiên đối với các tập san do Dòng Tên xuất bản.

"Các ưu tiên của ta không phải là 'phòng thí nghiệm đức tin' mà là 'hành trình đức tin', một đức tin lịch sử"

Ngài cho hay: "Ba chữ chủ yếu tôi ủy nhiệm cho *La Civiltà Cattolica* có thể được mở rộng cho mọi tập san của Dòng, có lẽ với những nhấn mạnh khác nhau tùy theo bản chất và mục tiêu của chúng. Khi tôi nhấn mạnh tới chữ biên cương, tôi muốn nói cách riêng tới nhu cầu của những ai đang làm việc trong thế giới văn hóa, họ cần hội nhập vào ngữ cảnh trong đó họ đang hoạt động và đang suy nghĩ về. Luôn có mối nguy hiểm rình rập của việc sống trong phòng thí nghiệm. Các ưu tiên của ta không phải là 'phòng thí nghiệm đức tin', nhưng là 'hành trình đức tin', một đức tin lịch sử. Thiên Chúa vốn tự mặc khải như là lịch sử, chứ không như là bản tóm lược các chân lý trừu tượng. Tôi rất sợ các phòng thí nghiệm vì trong phòng thí nghiệm, cha lấy các vấn đề rồi đem chúng về nhà để khuất phục chúng, tô vẽ chúng, bên ngoài ngữ cảnh. Trong khi biên cương, cha làm sao mang về nhà được, cha phải sống trên biên giới chứ, phải gan dạ chứ".

Xin Đức Giáo Hoàng các điển hình của kinh nghiệm bản thân

Đức Phanxicô cho biết: "Khi đụng tới các vấn đề xã hội, thì tổ chức một cuộc họp để nghiên cứu vấn đề ma túy tại một khu ổ chuột là một chuyện, mà đi tới đó, sống ở đó và hiểu vấn đề từ bên trong và nghiên cứu nó lại là một chuyện khác hẳn. Có một lá thư tuyệt vời do Cha Arrupe gửi cho Các Trung

Tâm Nghiên Cứu và Hành Động Xã Hội về nghèo đói, trong đó, ngài nói rõ ràng rằng người ta không thể nói về nghèo đói nếu không trải nghiệm chính sự nghèo đói, qua việc nối kết trực tiếp với những nơi nghèo đói. Chữ hội nhập (insertion) khá nguy hiểm vì một số tu sĩ coi nó như một thứ thời thượng (fad), và nhiều tai họa đã xảy ra chỉ vì thiếu biện phân. Nhưng điều đó mới quan trọng thực sự.

"Biên cương thì có rất nhiều. Ta hãy nghĩ tới các nữ tu đang sống tại các bệnh viện. Họ quả đang sống ở biên cương. Tôi sống sót là nhờ một trong số họ. Lúc tôi kinh qua bệnh phổi tại bệnh viện, bác sĩ chích *penicillin* và *streptomycin* theo một liều lượng nào đó. Nữ tu trực hôm đó tăng gấp ba liều lượng cho tôi vì bà nhanh trí một cách mạnh dạn; bà biết phải làm gì vì bà sống với người bệnh suốt ngày. Bác sĩ, tuy là người tốt, nhưng sống tại phòng thí nghiệm; nữ tu mới là người sống ở biên cương và đối thoại với biên cương hàng ngày. Thuần hóa biên cương có nghĩa chỉ biết lấy từ một nơi xa xăm, giam mình vào một phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm hữu ích, nhưng với ta, suy nghĩ luôn phải bắt đầu từ kinh nghiệm".

Việc con người hiểu mình

Cha Sparado hỏi Đức Phanxicô về các thay đổi lớn lao đang xảy ra trong xã hội và cách thế con người nhân bản đang tự tái giải thích mình. Đến lúc này, ngài bỗng đứng dậy, đi lấy cuốn sách nguyện để trên bàn. Cuốn sách này bằng tiếng La Tinh và đã cũ mòn vì sử dụng. Ngài mở tới phần Kinh Phụng Vụ Thứ Sáu tuần 27 của Mùa Thường Niên, rồi đọc cho tôi nghe một đoạn trong bài *Commonitorium Primum* của Thánh Vincent thành Lerins: "Ngay các tín điều của Kitô Giáo cũng phải tuân theo các luật này, củng cố trong nhiều năm, khai triển với thời gian, thâm hậu với thời gian"

"Quan điểm coi giáo huấn của Giáo Hội như một nguyên khối (monolith) cần phải bảo vệ bất chấp sắc thái hay các hiểu biết khác nhau là quan điểm sai lầm".

Đức Giáo Hoàng nhận định rằng: "Thánh Vincent thành Lerins đưa ra so sánh giữa việc phát triển về sinh học của con người và việc chuyển giao kho tàng đức tin từ thời kỳ này qua thời kỳ nọ, một kho tàng vốn tăng trưởng và được củng cố với thời gian. Ở đây, việc con người tự hiểu về mình thay đổi theo thời gian và ý thức con người cũng thâm hậu cách đó. Ta hãy nghĩ tới thời kỳ khi nạn nô lệ còn được chấp nhận và án tử hình còn được phép thi hành không bị ai chất vấn. Bởi thế, ta quả lớn lên trong việc hiểu biết chân lý. Các nhà chú giải và các nhà thần học giúp Giáo Hội trưởng thành trong các phê phán của mình. Ngay các khoa học khác và các khai triển của chúng cũng giúp Giáo Hội tiến bộ trong cái hiểu của mình. Có những qui luật và giới điều của Giáo Hội hữu hiệu lúc ấy, nhưng nay đã mất giá trị hoặc ý nghĩa. Quan điểm coi giáo huấn của Giáo Hội như một nguyên khối cần phải bảo vệ bất chấp sắc thái hay các hiểu biết khác nhau là quan điểm sai lầm.

"Dù sao, trong mọi thời kỳ lịch sử, con người nhân bản đều cố gắng tự hiểu biết và phát biểu mình tốt hơn. Nhờ thế, với thời gian, con người nhân bản thay đổi cách mình nhìn mình. Có cách riêng để tự phát biểu đối với người tạc bức 'Thần Chiến Thắng Có Cánh Của Samothrace', lại có cách khác đối với Caravaggio, Chagall và lại cách khác nữa đối với Dalí. Ngay các hình thức phát biểu chân lý cũng muôn hình muôn vẻ, và điều này quả là cần thiết đối với việc loan truyền Tin Mừng trong ý nghĩa vượt thời gian của nó.

"Con người nhân bản luôn tự đi tìm mình, và dĩ nhiên, trong cuộc đi tìm này, họ có thể phạm nhiều lầm lỗi. Giáo Hội đã trải nghiệm nhiều thời kỳ chói sáng, như thời Thánh Tôma Aquinô. Nhưng Giáo Hội cũng đã sống nhiều thời kỳ sa sút trong khả năng suy nghĩ của mình. Thí dụ, ta không được lẫn lộn thiên tài Tôma Aquinô với thời kỳ sa sút của các chú giải có tính duy Tôma (thomist). Bất hạnh thay, tôi từng phải học triết lý từ các sách giáo khoa phát xuất từ chủ nghĩa duy Tôma sa sút và phần lớn băng hoại này. Cho nên, khi suy nghĩ về con người nhân bản, Giáo Hội phải cố vươn tới thiên tài, chứ không sa sút.

"Khi nào thì việc lên công thức cho tư tưởng hết còn giá trị? Khi nó không còn nhìn ra nét nhân bản và ngay cả lúc nó sợ điều nhân bản hoặc bị lừa đảo về nó. Có thể ví tư tưởng bị lừa như Ulysses gặp bài ca Nhân Ngư, hay như Tannhäuser trong cơn truy hoan vây quanh bởi những kẻ cuồng dâm và chè

chén, hay như Parsifal, trong màn hai của kịch bản Wagner tại lâu đài Klingsor. Việc suy nghĩ của Giáo Hội phải phục hồi được nét thiên tài và hiểu tốt hơn cách con người nhân bản tự hiểu về chính mình hiện nay, để có thể khai triển và thâm hậu hóa được giáo huấn của Giáo Hội".

Việc cầu nguyện

Cha Sparado hỏi Đức Phanxicô về cách cầu nguyện ưa thích hơn của ngài. Ngài cho hay: "Tôi đọc sách nguyện mỗi buổi sáng. Tôi thích cầu nguyện bằng thánh vịnh. Rồi, trễ hơn, tôi cử hành Thánh Lễ. Đọc Kinh Mân Côi. Điều tôi thực sự ưa thích là thờ lạy vào buổi tối, ngay cả lúc đang chia trí và suy nghĩ nhiều việc khác, thậm chí còn ngủ gật lúc cầu nguyện. Như thế, vào buổi tối, giữa khoảng từ 7 tới 8 giờ, tôi qùy trước Mình Thánh một giờ để thờ lạy. Nhưng tôi luôn cầu nguyện trong trí ngay cả khi đang chờ gặp nha sĩ hay bất cứ lúc nào khác trong ngày.

"Với tôi, cầu nguyện luôn là cầu nguyện với trọn trí nhớ, hồi tâm, ngay cả nhớ tới dĩ vãng của mình hay điều Chúa làm trong Giáo Hội hay trong một giáo xứ đặc thù nào đó. Với tôi, đó là trí nhớ những điều Thánh Inhã nói tới trong Tuần Đầu Linh Thao tức cuộc gặp gỡ Chúa Kitô từ nhân chịu đóng đinh. Và tôi tự hỏi: 'Tôi đã làm gì cho Chúa Kitô? Tôi đang làm gì cho Người? Tôi nên làm gì cho Chúa Kitô?'. Đó là trí nhớ những điều Thánh Inhã nói ở phần 'Chiêm Niệm để Cảm Nghiệm Tình Yêu Thiên Chúa' khi ngài yêu cầu ta nhớ lại các ơn phúc ta đã nhận được. Nhưng trên hết, tôi cũng biết rằng Chúa nhớ đến tôi. Tôi có thể quên Người, nhưng tôi biết Người không bao giờ, không khi nào quên tôi. Trí nhớ có vai trò nền tảng đối với trái tim tu sĩ Dòng Tên: nhớ tới ơn thánh, một trí nhớ được Đệ Nhị Luật nhắc đến, nhớ đến các kỳ công của Thiên Chúa làm căn bản cho giao ước giữa Người và dân riêng. Chính trí nhớ này làm tôi trở thành người con của Người, và nó cũng làm tôi thành người cha nữa".

Nguồn: http://www.americamagazine.org/pope-interview

Đức Phanxicô và các nhà ngoại giao

(Ngày 27/09/2013)

Đức Giáo Hoàng đóng khá nhiều vai trò, trong đó có vai trò làm đại sứ hàng đầu của Đạo Công Giáo (và tôn giáo nói chung) trên diễn đàn thế giới. Điều này dĩ nhiên đòi phải có nghệ thuật ngoại giao: vượt quá những hàng rào phân chia, tìm phương cách nói chuyện với những người không nói cùng ngôn ngữ như mình, và nhấn mạnh các cơ sở chung thay vì vẽ ra những đường ranh trên cát.

Từ trước tới nay, Đức Phanxicô tỏ ra rất thành thạo về phương diện này và đây là lý do tại sao càng ngày xem ra ngài càng có khuynh hướng sử dụng các giáo sĩ có căn bản vững về ngoại giao để đảm nhiệm các chức vụ chủ yếu trong Giáo Triều Rôma.

Thực thế, càng ngày người ta càng thấy triều đại ngài là thời hoàng kim đối với các nhà ngoại giao của Vatican. Cách nay không lâu, sự khôn ngoan thông thường vẫn coi việc bầu Đức HY Jorge Mario Bergoglio là tin xấu đối với Phủ Quốc Vụ Khanh, tức cơ quan phối hợp cực kỳ quyền thế của Vatican, vốn do các giáo phẩm kỳ cựu của ngành ngoại giao điều khiển. Thất vọng trước hiện tượng xem ra tê liệt tại Phủ Quốc Vụ Khanh do tai tiếng rò rỉ gây ra phần lớn là lý do khiến các Hồng Y đã bầu một người Châu Mỹ La Tinh "ở bên ngoài" làm giáo hoàng.

Ngoài ra, việc đề cử hội đồng 8 Hồng Y cố vấn cũng cho thấy Phủ Quốc Vụ Khanh không còn là cơ quan thăm dò hàng đầu của Đức Giáo Hoàng nữa. Rồi lại còn việc Đức Phanxicô sống tại Casa Santa Marta thay vì tại Tông Dinh, càng khiến Phủ Quốc Khanh hết còn khả năng làm "người canh cửa" nữa.

Ấy thế nhưng, trong suốt 7 tháng qua, với việc ngài đích thân đưa các quyết định hết sức quan trọng về nhân viên, người ta thấy rõ Đức Phanxicô thực ra rất quí trọng các nhà ngoại giao.

Thực vậy, ngày 15 tháng Sáu, Đức Phanxicô bổ nhiệm Đức Ông Battista Ricca làm đại diện cho riêng ngài bên cạnh ngân hàng Vatican, lúc đó đang gặp khủng hoảng. Đức Ông vốn là nhà ngoại giao kỳ cựu, từng phục vụ tại Congo, Algeria, Colombia, Switzerland, Trinidad và Tobago. Trở về Rôma, Đức Ông điều hành 3 cư sở của giáo sĩ, trong đó có Casa Santa Marta. Dù có những tố cáo giật gân trên báo chí Ý, cho rằng Đức Ông liên lụy tới nhiều vụ ái tình đồng tính tại Uruguay, Đức Phanxicô vẫn tín nhiệm ngài.

Ngày 24 tháng Sáu, Đức Phanxicô bổ nhiệm Đức Cha Leo Cushley làm tân tổng giám mục St Andrews và Edinburgh, Tô Cách Lan; đây có lẽ là bổ nhiệm duy nhất trong thế giới nói tiếng Anh trong đó đức tân giáo hoàng trực tiếp can thiệp vào. Đức Cha Cushley vốn là trưởng văn phòng nói tiếng Anh tại Phủ Quốc Vụ Khanh và từng là đặc phái viên của Vatican tại Ai Cập, Burundi, Bồ Đào Nha, Nam Phi và Liên Hiệp Quốc.

Ngày 31 tháng Tám, Đức Phanxicô đích thân chọn tân Quốc Vụ Khanh, một việc hiển nhiên quan trọng nhất đối với bất cứ vị giáo hoàng nào. Ngài bổ nhiệm đức TGM Pietro Parolin, được đa số coi là một trong các nhà ngoại giao có khả năng nhất hiện nay của Tòa Thánh, người trước đây vốn là thứ trưởng ngoại giao của Vatican.

Ngày 20 tháng Chín, Đức Phanxicô Phanxicô bổ nhiệm hai vị đứng đầu hai bộ của Tòa Thánh lần đầu tiên. Đó là đức TGM Beniamino Stella, đứng đầu Thánh Bộ Giáo Sĩ, và Đức TGM Lorenzo Baldisseri, đứng đầu Thượng Hội Đồng Giám Mục. Cả hai vị đều thuộc ngành ngoại giao. Cùng ngày, ngài bổ nhiệm chính thức một nhà ngoại giao khác của Vatican, đó là Đức HY Fernando Filoni, làm tổng trưởng Thánh Bộ Phúc Âm Hóa Các Dân Tộc.

Điều đáng lưu ý là khi Đức Bênêđictô XVI muốn phái một tân sứ thần tới giúp giải quyết vụ tai tiếng tình dục tại Ái Nhĩ Lan năm 2011, một chức vụ cứ sự thường dành cho một nhà ngoại giao, ngài đã chọn một thần học gia, tức đức TGM Charles Brown. Còn khi muốn cử một tân TGM để đương đầu với một vụ tai tiếng về tình dục khác tại Tô Cách Lan, một chức vụ đáng lẽ dành cho một mục tử địa phương, Đức Phanxicô đã hướng về một nhà ngoại giao.

Người ta tự hỏi, do đâu mà có khuynh hướng thiên ngoại giao trên nơi Đức Phanxicô? John Allen Jr nêu 5 nhân tố sau đây.

Thứ nhất, vì là "người ngoại cuộc" đối với Vatican, Đức Phanxicô muốn có một nhóm nhỏ hơn gồm những người ngài cảm thấy mình biết rõ hơn cả, đủ để tin tưởng trao phó các trọng trách. Phần lớn những nhà ngoại giao mà ngài tín nhiệm vốn từng phục vụ tại Châu Mỹ La Tinh một thời gian, nên ngài biết rất rõ khả năng của họ. Đức TGM Parolin vốn có mặt tại Venezuela; đức TGM Baldisseri trước đây từng phục vụ tại Paraguay và Ba Tây; còn đức TGM Stella trước đây là sứ thần tại Cuba.

Thứ hai, các nhà ngoại giao Vatican thường có tầm nhìn hoàn cầu khá sâu sắc cả trong phạm vi nhà nước lẫn phạm vi Giáo Hội. Vị giáo hoàng đầu tiên xuất thân từ Thế Giới Thứ Ba dĩ nhiên muốn có các nhân viên cao cấp rành rẽ các thực tại ở bên ngoài Âu Châu, và hướng tới ngành ngoại giao là cách có được việc đó.

Thứ ba, về phương diện chính trị, các nhà ngoại giao Vatican có khuynh hướng chính thống về học lý nhưng lại ôn hòa và thực tiễn trong áp dụng. Điều này rất thích hợp với phong thái của đức tân giáo hoàng, người xem ra không có khuynh hướng thực hiện các thay đổi đáng kể về giáo huấn mà chỉ muốn phản ánh một sắc thái cảm thương và nhân hậu hơn.

Thứ tư, các nhà ngoại giao Vatican có khuynh hướng nhấn mạnh tới việc trình bày toàn bộ giáo huấn xã hội Công Giáo, từ các yếu tố phò sự sống tới các quan tâm về nghèo đói, chiến tranh và môi trường. Điều này cũng rất ăn khớp với quyết tâm của Đức Phanxicô trong việc hướng tập chú khỏi các cuộc chiến tranh văn hóa với Phương Tây.

Thứ năm, các nhà ngoại giao Vatican cũng đã được huấn luyện trong việc phát biểu các sứ điệp của

Giáo Hội một cách giúp cho người không chuyên môn cũng có thể hiểu và lượng giá được. Một trong các phương thuốc ưa thích tại Á Căn Đình là Giáo Hội phải ra khỏi phòng áo lễ để đi vào phố xá; các nhà ngoại giao là những viên chức Giáo Hội gần như duy nhất sống bên ngoài phòng áo lễ suốt cả đời phục vụ.

Tuy nhiên, không thiếu người lo lắng trước viễn tượng này: việc ngài quá dựa vào các nhà ngoại giao có nguy cơ duy trì mãi mãi hiện trạng (status quo), điều mà Đức Phanxicô rất muốn thay đổi.

Trên thực tế, có vị Hồng Y Châu Mỹ La Tinh từng nói với Allen rằng một số nhà lãnh đạo của phe kỳ cựu tại Vatican đang cố gắng đưa các người được mình che chở vào nhóm người nhỏ hiện đang ở chung quanh Đức Phanxicô để ảnh hưởng tới các quyết định cải cách trong tương lai của ngài. Hơn nữa, hết 75% các nhà ngoại giao của Vatican là người Ý. Thành thử, dựa vào họ là cách củng cố chứ không phá tan "gọng kìm" của người Ý tại Giáo Triều.

Tuy nhiên, nhiều người thấy lo lắng trên có tính cường điệu, vì Đức Phanxicô vốn có con mắt tinh tường biết người biết việc cũng như chưa để ai thao túng bao giờ.

Dù nghĩ như thế nào, thì xem ra khuynh hướng nói chung hiện nay là thế. Thời Đức Bênêđíctô XVI, có kinh nghiệm thần học hay giáo luật được coi là có triển vọng "tiến thân". Nhưng dưới thời Đức Phanxicô, những ai có căn bản ngoại giao dường như dễ có cơ hội nắm giữ các chức vụ quan trọng hơn.

Cuộc cải tổ giáo triều Rôma sẽ có thực chất

(Ngày 03/10/2013)

Theo Đài Vatican, một tông hiến mới sẽ được soạn thảo để thay thế tông hiến *Pastor Bonus*, nhằm nhấn mạnh tới việc giáo triều Rôma phải phục vụ Giáo Hội hoàn vũ và các Giáo Hội địa phương. Hội Đồng Hồng Y do Đức Phanxicô đề cử để giúp ngài trong việc cai quản Giáo Hội và cải tổ giáo triều đã họp tại Vatican từ thứ Ba vừa qua.

Trong một buổi họp báo, trưởng Phòng Báo Chí của Tòa Thánh là cha Federico Lombardi, SJ, cho hay chúng ta có thể "mong chờ một Tông Hiến mới". Ngài cho biết các thay đổi không phải "chỉ là nâng cấp" hay "bên lề", mà sẽ "có thực chất". Theo cha Lombardi, sẽ có một tái định hướng quan trọng đối với Phủ Quốc Vụ Khanh. Phủ này sẽ trở thành một "Văn Phòng của Đức Giáo Hoàng" và đây sẽ là một phần trong các chỉ thị sẽ được trao cho vị Tân Quốc Vụ Khanh, người sẽ nhận nhiệm vụ vào ngày 15 tháng này.

Thêm vào đó, sẽ có một nhân vật riêng biệt hành sử như "điều hợp viên giáo triều"; vị này sẽ được bổ nhiệm để phối trí các giao dịch giữa Đức Giáo Hoàng và trưởng các Bộ Sở.

Hội Đồng cũng nói tới vai trò giáo dân trong Giáo Hội, và vai trò này phải được thừa nhận và theo dõi một cách thích đáng và hữu hiệu ra sao trong việc quản trị Giáo Hội.

Các vị Hồng Y cũng đã tiếp tục thảo luận từ hôm thứ Ba về thượng hội đồng giám mục, trong khi Đức Phanxicô sắp sửa quyết định chủ đề cho thượng hội đồng này.

Cha Lombardi cho hay Hội Đồng có bàn qua các vấn đề liên quan tới các định chế tài chánh, nhưng sẽ đợi cho tới lúc các ủy ban khác nhau do Đức Giáo Hoàng thiết lập tường trình báo cáo rồi mới thảo luận thấu đáo hơn.

Thời biểu cho cuộc họp kế tiếp của Hội Đồng Hồng Y chưa được Đức Phanxicô quyết định, nhưng hy vọng sẽ vào đầu năm tới.

Sau đây là nội dung buổi họp báo của Cha Lombardi.

Hội Đồng các Hồng Y: Tông hiến mới về Giáo Triều

Cuộc cải tổ Giáo Triều và việc dành một vai trò rõ ràng hơn cho giáo dân là hai trong số các chủ đề chính được xem sét vào chiều qua và sáng nay tại cuộc họp của Hội Đồng Hồng Y, do Đức Giáo Hoàng thiết lập để trợ giúp ngài trong việc cai quản Giáo Hội. Giám Đốc Phòng Báo Chí của Tòa Thánh, Cha Federico Lombardi S.J., nói như vậy trong cuộc thuyết trình với các nhà báo.

Trước khi bình luận về các vấn đề được các Hồng Y thảo luận, Cha Lombardi nhắc lại lời Đức Giáo Hoàng phát biểu ở cuối buổi triều kiến với các tham dự viên cuộc họp nhằm kỷ niệm năm thứ 50 ngày công bố thông điệp "Pacem in Terris" của Đức Gioan XXIII, trong đó, Đức Giáo Hoàng nhắc tới các nạn nhân, hiện lên tới 90 người, của vụ đắm tầu buổi sáng nay gần đảo Lampudesa của Ý. Cha cho hay: "dưới ánh sáng thảm kịch mới này, ta hiểu rõ hơn giá trị và ý nghĩa chuyến tông du đầu tiên của triều giáo hoàng Phanxicô".

Chuyển qua việc làm của Hội Đồng Hồng Y, Cha Lombardi nói rằng Đức Giáo Hoàng hiện diện trong buổi họp chiều qua, được tổ chức giữa lúc 4 và 7 giờ tối. "Đức Thánh Cha tới cầu nguyện tại Nhà Nguyện lúc 7 giờ, và đó là lúc kết thúc công việc hợp tác của các ngài, dù các Hồng Y vẫn có thể tham gia với ngài, nếu các ngài thấy thích hợp. Sáng nay, ngài không hiện diện vì phải tiếp kiến các tham dự viên của cuộc họp do Hội Đồng Giáo Hoàng về 'Công Lý và Hòa Bình' tổ chức".

Các Hồng Y chủ yếu bàn về cuộc cải tổ Giáo Triều. Cha giải thích rằng: "Chiều hướng làm việc của các ngài không cho thấy một cập nhật hóa Tông Hiến 'Pastor Bonus' bằng các chau chuốt và sửa đổi bên lề, nhưng đúng hơn, là một tông hiến mới với nhiều khía cạnh mới có ý nghĩa. Ta cần phải đợi một thời gian hợp lý sau Hội Đồng này, nhưng ý niệm thì là thế. Các Hồng Y cho biết rõ: các ngài không có ý định đưa ra các chau chuốt có tính thẩm mỹ viện hay các sửa đổi nhỏ nhặt đối với 'Pastor bonus'".

Ý định của các ngài là nhấn mạnh tới bản chất phục vụ về phía Giáo Triều và Giáo Hội hoàn vũ và Giáo Hội địa phương "theo phương thức phụ đới, hơn là việc thi hành trung ương tập quyền. Đường hướng dự tính sẽ là mang điều đó ra áp dụng để phục vụ Giáo Hội trong mọi chiều kích".

Một chủ đề quan trọng nữa là bản chất và các chức năng của Phủ Quốc Vụ Khanh; phủ này "nên trở thành văn phòng của Đức Giáo Hoàng; chữ 'quốc'không nên làm người ta thắc mắc. Cơ quan này phục vụ Đức Giáo Hoàng trong việc cai quản Giáo Hội hoàn vũ. Cuộc họp của Hội Đồng rất hữu ích vào lúc này, vì các chỉ thị sẽ được Đức Giáo Hoàng ban bố cho Tân Quốc Vụ Khanh, người chẳng bao lâu nữa sẽ đảm nhiệm vai trò của mình vào ngày 15 tháng Mười".

Một lần nữa, liên quan tới Giáo Triều, Hội Đồng sẽ thảo luận vấn đề tương quan giữa các vị cầm đầu các bộ và Đức Giáo Hoàng, và sự phối hợp giữa các bộ phận với nhau. "Trong ngữ cảnh này, đã có lời nhắc tới vai trò của 'Phối Trí Viên Giáo Triều' (Moderator Curiae), và các chức năng của nhân vật này. Vấn đề mới chỉ được bàn chứ chưa có quyết định nào được đưa ra về việc chức vụ này có là một phần trong tông hiến mới hay không; tuy nhiên, nó thực sự là một trong các giả thuyết đã được Hội Đồng gợi ý".

Liên quan tới khả thể tái tổ chức việc quản trị tài sản vật chất, các Hồng Y cũng đề cập đến vấn đề chứ chưa khảo sát chủ đề này cách sâu xa, vì các ngài còn chờ "phúc trình của các ủy ban tham vấn về vấn đề, các ủy ban này sẽ thông báo kết quả việc làm của họ [cho Hội Đồng]".

Vấn đề giáo dân đáng được các thành viên của Hội Đồng "quan tâm đặc biệt", vì các ngài đã nhận được nhiều gợi ý và câu hỏi về chủ đề này từ nhiều khu vực xuất xứ khác nhau của các ngài. "Khi xử lý cuộc cải tổ giáo triều và các định chế của nó, Hội Đồng cũng dự định lưu tâm đặc biệt tới các vấn đề liên hệ tới giáo dân, để chiều kích sinh hoạt này của Giáo Hội được việc cai quản Giáo Hội nhìn nhận và theo dõi cách thích đáng và hữu hiệu. Hiện đã có Hội Đồng Giáo Hoàng về Giáo Dân, nhưng vẫn có thể nghĩ ra nhiều cách để tăng cường khía cạnh này".

Sáng nay, để chuẩn bị cho Thượng Hội Đồng Giám Mục sắp tới, cuộc thảo luận về vấn đề này đã được mở lại.

Sau cùng, Cha Lombardi cho hay: ngày hôm qua, chưa định được ngày giờ cho phiên họp tới của Hội Đồng, dù đã có gợi ý về một phiên họp trong mùa xuân sắp tới, một phiên không chính thức. Cha kết luận "Ý hướng là diễn tiến, không chờ quá lâu. Lại nữa, sẽ không chính xác nếu cho rằng giữa phiên họp này và phiên họp sau sẽ không có gì xảy ra; các vị Hồng Y và Đức Giáo Hoàng tiếp tục trao đổi ý kiến và thông điệp, dù không có cuộc họp toàn thể của Hội Đồng".

Trích từ trang mạng http://en.radiovaticana.va/articolo.asp?c=733985 của Đài Vatican.

Báo vô thần La Republica phỏng vấn Đức Phanxicô (1)

(Ngày 03/10/2013)

Sau lá thư gửi cho người đồng sáng lập tờ báo vô thần La Republica, Eugenio Scalfari, Đức Phanxicô đã dành cho ông này một cuộc phỏng vấn "khởi đi từ Công Đồng Vatican II, mở ra nền văn hóa hiện đại". Sau đây là nguyên văn bài viết của Eugenio Scalfari, dựa vào bản tiếng Anh đăng trên tờ La Republica. Cũng xin thưa: Scalari không cho thấy nội dung bài của ông có được Đức Phanxicô đọc lại hay không. Scalfari lại là một người vô thần. Thiển nghĩ bạn đọc nên lưu tâm tới hai khía cạnh vừa kể trước khi đọc tiếp bài viết của Scalfari.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô bảo tôi: "Những cái ác trầm trọng nhất đang tác động trên thế giới ngày nay là nạn thất nghiệp của người trẻ và nỗi cô đơn của người già. Người già cần được chăm sóc và có người ở bên cạnh; người trẻ cần việc làm và hy vọng nhưng họ không có điều này cũng không có điều nọ, và vấn đề là họ không còn tìm kiếm chúng nữa. Họ đã bị hiện tại đè bẹp. Ông hãy nói cho tôi hay: liệu ông có thể sống dưới sự đè bẹp nặng nề của hiện tại hay không? Không có ký ức dĩ vãng và không muốn nhìn về tương lai bằng cách xây dựng một điều gì đó, một tương lai, một gia đình? Liệu ông có thể tiếp tục sống như thế hay không? Đối với tôi, đây là vấn đề cấp thiết nhất mà Giáo Hội đang phải đương đầu".

Tôi nói với ngài: thưa Đức Thánh Cha, phần lớn đây là vấn đề chính trị và kinh tế của nhà nước, của chính phủ, của các đảng chính trị, của nghiệp đoàn.

"Đúng, ông nói đúng, nhưng thực sự nó cũng có liên quan tới Giáo Hội, nhất là tới Giáo Hội, vì tình huống này làm tổn thương không những các thân xác mà cả các linh hồn nữa. Giáo Hội phải cảm thấy mình có trách nhiệm đối với cả linh hồn lẫn thân xác".

Thưa Đức Thánh Cha, ngài nói rằng Giáo Hội phải cảm thấy mình có trách nhiệm. Tôi có nên kết luận rằng Giáo Hội không ý thức được vấn đề đó và ngài sẽ lái Giáo Hội theo hướng này không?

"Ý thức phần lớn đã có đó rồi, nhưng không đầy đủ. Tôi muốn nhiều ý thức hơn nữa. Đó không phải chỉ là vấn đề duy nhất chúng tôi đang phải đối phó, nhưng là vấn đề cấp thiết nhất và cảm kích nhất".

Cuộc gặp gỡ với Đức Giáo Hoàng Phanxicô diễn ra vào Thứ Ba tuần rồi tại nơi cư ngụ của ngài ở Santa Marta, trong một căn phòng nhỏ trơ trụi, với một chiếc bàn, 5 hoặc 6 chiếc ghế và một bức tranh trên tường. Trước cuộc gặp gỡ này là một cú điện thoại mà suốt đời tôi, tôi sẽ không bao giờ quên được.

Lúc đó là 2 giờ 30 chiều. Điện thoại của tôi reo và bằng một giọng nói hơi run run, người thư ký bảo tôi: "Tôi có Đức Giáo Hoàng ở đầu dây. Tôi sẽ để ngài nói với ông ngay lập tức".

Tôi vẫn còn bàng hoàng tận lúc nghe được giọng nói của Đức Thánh Cha ở đầu dây bên kia "Kính chào, Giáo Hoàng Phanxicô đây". Tôi thưa lại "Kính chào Đức Thánh Cha, tôi rất bàng hoàng vì đâu

có ngờ ngài lại gọi tôi". "Tại sao phải bàng hoàng? Ông viết thư cho tôi yêu cầu được gặp tôi đích thân mà. Tôi cũng có cùng một ước muốn như thế, nên gọi để xác định cuộc hẹn. Để tôi xem nhật ký của tôi cái đã: thứ Tư thì không được, thứ Hai cũng không, thứ Ba có thích hợp với ông không?" Tôi thưa ngay: "dạ được".

"Thời gian có hơi lúng túng một chút, ba giờ chiều, có được không? Nếu không thì phải một ngày khác vậy". "Thưa Đức Thánh Cha, thời giờ ấy được lắm". "Thế là chúng ta đã thỏa thuận với nhau rồi nhé: thứ Ba, ngày 24, lúc 3 giờ chiều. Tại Santa Marta. Ông phải vào theo cửa tại đường Sant'Uffizio."

Tôi không biết phải kết thúc cuộc điện đàm này ra sao, đành buông xuôi, và chỉ biết nói "Tôi có thể ôm ngài bằng điện thoại hay không?" "Dĩ nhiên, tôi cũng xin ôm ông. Sau này bọn mình sẽ đích thân làm thế, tạm biệt".

Và thế là tôi có mặt ở đây. Đức Giáo Hoàng bước vào, bắt tay tôi, và chúng tôi ngồi xuống. Ngài mỉm cười nói với tôi: "Một số các đồng nghiệp của tôi biết ông đã nói với tôi rằng ông đang ráng cải tà qui chính tôi"

Tôi thưa lại "họ chỉ nói dỡn. Còn bạn bè của tôi lại nghĩ rằng ngài muốn cải đạo tôi". Ngài lại mỉm cười và đáp: "Cải đạo là điều phi lý nghiêm trọng. Nó chẳng có nghĩa gì cả. Ta cần tiến tới chỗ biết nhau, lắng nghe nhau và tăng tiến sự hiểu biết của ta về thế giới quanh ta. Sau một cuộc gặp gỡ, đôi khi tôi muốn sắp xếp một cuộc gặp gỡ khác vì các ý niệm mới mẻ đã phát sinh và tôi nhận ra nhiều nhu cầu mới. Điều quan trọng là: phải biết người, lắng nghe, mở rộng vòng ý niệm. Thế giới đang chằng chịt bởi nhiều con đường gặp nhau gần gũi rồi lại xa nhau, nhưng điều quan trọng là tất cả đều dẫn tới Sự Thiện".

Thưa Đức Thánh Cha, có chăng một viễn kiến duy nhất về Thiên Chúa? Và ai quyết định được bản chất của viễn kiến này?

"Mỗi người chúng ta đều có một viễn kiến về thiện và ác. Ta phải khuyến khích người ta tiến về phía điều họ nghĩ là Thiện".

Thưa Đức Thánh Cha, ngài đã viết điều đó trong lá thư gửi cho tôi. Ngài bảo: lương tâm tự lập, và mọi người phải vâng theo lương tâm của mình. Tôi nghĩ đó là một trong những bước can đảm nhất của một vị giáo hoàng".

"Và tôi xin lặp lại điều đó ở đây. Mọi người đều có ý niệm riêng về thiện và ác và phải chọn theo điều thiện và đánh phá điều ác theo quan niệm của mình. Như thế đã đủ biến thế giới thành nơi tốt hơn"

Giáo Hội có đang làm thế hay không?

"Có, đó là mục đích sứ mệnh của chúng tôi: nhận diện các nhu cầu vật chất và không vật chất của người ta và cố gắng thỏa mãn các nhu cầu ấy bao nhiêu có thể. Ông có biết *agape* là gì không? "

Có, tôi biết.

"Nó là tình yêu người khác, như Chúa chúng tôi truyền dạy. Nó không phải là cải đạo, nó nguyên tuyền là tình yêu. Tình yêu đối với người lân cận mình, nó là việc lên men nhằm phục vụ thiện ích chung"

Yêu người lân cận như yêu chính ngươi.

"Chính xác như thế".

Trong lời giảng của Người, Chúa Giêsu nói rằng agape, tình yêu người khác, là cách duy nhất để yêu

Thiên Chúa. Xin ngài sửa lại nếu tôi nói sai.

"Ông không nói sai. Con Thiên Chúa nhập thể trong linh hồn con người để thấm nhuần trong đó cảm thức huynh đệ. Tất cả đều là anh em và tất cả đều là con cái Thiên Chúa. *Abba*, như Người vốn gọi Chúa Cha. Người bảo: Tôi chỉ cho các ông đường đi. Hãy theo tôi và các ông sẽ tìm thấy Chúa Cha và tất cả các ông sẽ là con cái của Người và Người sẽ hân hoan ở trong các ông. *Agape*, tình yêu của mỗi người chúng ta dành cho người khác, từ người gần gũi nhất tới người xa cách nhất, thực sự là con đường duy nhất mà Chúa Giêsu đã ban cho ta để ta tìm ra đường dẫn tới cứu rỗi và hạnh phúc".

Tuy nhiên, như đã nói, Chúa Giêsu bảo ta rằng tình yêu đối với người lân cận phải tương đương như tình yêu đối với chính mình. Như thế, điều nhiều người gọi là lòng tự yêu mình (narcissism) đã được thừa nhận là có giá trị, là tích cực y như những điều khác. Chúng ta từng nói về khía cạnh này khá nhiều.

"Tôi không thích chữ tự yêu mình (narcissism), nó chỉ lòng yêu mình thái quá và điều này không tốt, nó có thể gây thiệt hại nặng nề không những cho linh hồn những người vướng phải mà còn cho mối liên hệ với người khác, với xã hội ta đang sống nữa. Bất ổn thực sự là: những người mắc chứng này, một chứng tâm thần đúng nghĩa, lại là những người có nhiều quyền thế. Các ông xếp thường yêu mình thái quá".

Nhiều nhà lãnh đạo trong Giáo Hội cũng mắc phải.

"Ông có biết tôi đang nghĩ gì về vấn đề này không? Các người cầm đầu Giáo Hội thường hay tự yêu mình thái quá, được các quần thần nịnh hót và tâng bốc. Triều đình là phong cùi của ngôi vị giáo hoàng".

Phong cùi của ngôi vị giáo hoàng, đó là lời chính xác của ngài. Nhưng triều đình đây có nghĩa gì? Có lẽ ngài muốn ám chỉ giáo triều chăng?

"Không, đôi khi có những quần thần trong giáo triều, nhưng như một toàn bộ, giáo triều là một điều khác. Nó là điều mà trong giới quân sự hay gọi là văn phòng sĩ quan hậu cần (quartermaster's office). Nó quản trị các phòng sở phục vụ Tòa Thánh. Nhưng nó có thiếu sót này: lấy Vatican làm trung tâm. Nó chỉ thấy và lo toan quyền lợi của Vatican, vốn phần lớn là những quyền lợi mau qua. Quan điểm lấy Vatican làm trung tâm này đã quên khuấy thế giới bao quanh ta. Tôi không có cùng quan điểm này và tôi sẽ làm mọi sự trong khả năng để thay đổi nó. Giáo Hội vẫn là và nên trở lại với việc là cộng đồng dân Chúa, và các linh mục, các mục tử và các giám mục, những người đang chăm sóc linh hồn người ta, phải phục vụ dân Chúa. Giáo Hội là thế, một từ ngữ, lạ thay, không khác gì Tòa Thánh, vốn có chức năng riêng, quan trọng đấy nhưng là để phục vụ Giáo Hội. Tôi đã không có khả năng hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa và vào Con của Người nếu không được huấn luyện trong Giáo Hội, và nếu không được may mắn hiện diện ở Á Căn Đình, ở một cộng đồng mà không có nó tôi đã không ý thức được chính mình và đức tin của mình".

Ngài nghe thấy ơn gọi lúc còn rất trẻ?

"Không, không rất trẻ đâu. Gia đình tôi muốn tôi theo nghề khác, đi làm, kiếm tiền. Tôi lên đại học. Tôi cũng có một cô giáo mà tôi rất tôn kính và kết tình thân hữu nhưng cô là một người cộng sản nhiệt thành. Cô thường đọc cho tôi nghe các bản văn của Đảng Cộng Sản và đưa cho tôi đọc chúng nữa. Thành thử, tôi cũng biết rõ quan niệm hết sức duy vật đó. Tôi còn nhớ cô ấy cho tôi xem tuyên bố của người Cộng Sản Mỹ trong việc bênh vực vợ chồng Rosenbergs, từng bị kết án tử hình. Người phụ nữ tôi đang nói về sau đó đã bị bắt, bị tra tấn và bị chế độ độc tài đang cai trị Á Căn Đình hồi đó giết chết".

Ngài có bị chủ nghĩa cộng sản quyến rũ không?

"Chủ nghĩa duy vật của nó không quyến rũ tôi. Nhưng học về nó qua một người can đảm và trung thực là điều có ích. Tôi hiểu thấu một vài điều, về khía cạnh xã hội, những điều sau đó tôi tìm thấy trong học thuyết xã hội của Giáo Hội".

Thần học giải phóng, bị Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tuyệt thông, khá phổ biến tại Châu Mỹ La Tinh.

"Đúng, nhiều thành viên của nó là người Á Căn Đình".

Ngài có nghĩ chống lại họ là điều thích đáng đối với vị giáo hoàng hay không?

"Việc này chắc chắn đem đến cho thần học giải phóng một khía cạnh chính trị, nhưng nhiều thành viên của nó là tín hữu và có quan niệm cao về nhân loại".

Thưa Đức Thánh Cha, tôi có thể cho ngài hay ít điều về hậu cảnh văn hóa của riêng tôi hay không? Tôi được dưỡng dục bởi một người mẹ hết sức Công Giáo. Lúc 12 tuổi, tôi thắng cuộc thi giáo lý do tất cả các giáo xứ của Rôma tổ chức và tôi được phần thưởng của Tòa Đại Diện Rôma (Vicariate). Tôi vốn rước lễ mỗi thứ Sáu đầu tháng, nói cách khác, tôi từng là một người Công Giáo sống đạo và là một tín hữu thực sự. Nhưng tất cả đã thay đổi khi tôi lên trung học. Trong số các bản văn triết lý khác, tôi đọc cuốn "Bàn Về Phương Pháp" của Descartes và tôi chú ý tới câu nay đã thành phương châm "Tôi suy nghĩ, vậy thì có tôi". Như thế, cá nhân trở thành căn bản của nhân sinh, cơ sở của tư tưởng tự do.

"Tuy nhiên, Descartes chưa bao giờ bác bỏ niềm tin vào một Thiên Chúa siêu việt".

Đúng thế, nhưng ông đặt nền tảng cho một viễn kiến rất khác và tôi đã đi theo con đường này, một con đường mà sau này nhờ một số điều khác tôi đọc được đã dẫn tôi tới một nơi rất khác.

"Tuy nhiên, theo điều tôi hiểu được, ông là người không tin nhưng không phản giáo sĩ. Chúng là hai điều rất khác nhau".

Đúng, tôi không là người phản giáo sĩ, nhưng tôi trở nên như thế khi gặp một người duy phản giáo sĩ.

Ngài mỉm cười và nói "tôi cũng vậy, khi gặp một người duy phản giáo sĩ, tôi cũng bỗng trở thành người phản giáo sĩ. Chủ nghĩa giáo sĩ trị đáng lẽ không nên có bất cứ điều gì liên quan với Kitô Giáo. Thánh Phaolô, người đầu tiên nói chuyện với Dân Ngoại, nghĩa là với các tín hữu của các tôn giáo khác, cũng là người đầu tiên dạy ta điều đó".

Thưa Đức Thánh Cha, tôi có thể hỏi ngài những vị thánh nào được ngài cảm nhận như là gần gũi nhất với linh hồn ngài, những vị thánh nào đã lên khuôn cho kinh nghiệm tôn giáo của ngài?

"Thánh Phaolô là người đã đặt các viên đá nền tảng cho tôn giáo và tín điều của chúng tôi. Ông không thể là một Kitô hữu có ý thức nếu không có Thánh Phaolô. Ngài diễn dịch các giáo huấn của Chúa Kitô thành một cơ cấu tín lý, một cơ cấu, với sự tham dự của số rất đông các tư tưởng gia, thần học gia và mục tử, đã đề kháng và vẫn sống còn sau hai ngàn năm. Rồi còn các thánh Augustinô, Bênêđíctô, Tôma và Inhã. Dĩ nhiên cả thánh Phanxicô nữa. Tôi có cần phải giải thích lý do tại sao không?"

Đức Phanxicô, (tôi tự cho phép gọi ngài như thế vì chính Đức Giáo Hoàng gợi ý điều này qua cung cách nói năng của ngài, qua cung cách mỉm cười của ngài, với đủ những tiếng biểu lộ ngạc nhiên và hiểu rõ), nhìn tôi như thể khuyến khích tôi đặt các câu hỏi có thể còn gây tai tiếng và bối rối hơn nữa đối với những người đang hướng dẫn Giáo Hội. *Bởi thế tôi hỏi ngài: Ngài đã giải thích sự quan trọng của Thánh Phaolô và vai trò thánh nhân đóng, nhưng tôi muốn biết vị nào trong số các vị ngài vừa*

nêu tên được ngài cảm thấy gần gũi hơn với linh hồn ngài?

“Ông yêu cầu tôi xếp hạng, nhưng xếp hạng là chuyện của thể thao hay những điều tương tự. Tôi sẵn sàng kể cho ông tên các cầu thủ túc cầu nổi tiếng nhất của Á Căn Đình. Nhưng các thánh...”

Các vị ấy đùa cợt với phường xỏ lá ba que, ngài hẳn biết câu phương ngôn?

“Đúng như thế. Nhưng tôi không tìm cách lẩn tránh câu ông hỏi đâu, vì ông đâu có yêu cầu tôi xếp hạng tầm quan trọng về văn hóa và tôn giáo của các ngài mà vị nào gần gũi nhất với linh hồn tôi. Nên tôi xin nói: Thánh Augustinô và Thánh Phanxicô”.

Không phải Thánh Inhã, từ Dòng của ngài?

“Thánh Inhã, vì các lý do dễ hiểu, là vị thánh tôi biết rõ hơn bất cứ vị thánh nào khác. Ngài lập một dòng tu. Tôi muốn nhắc ông nhớ (Đức HY) Carlo Maria Martini cũng xuất thân từ dòng tu này, một người rất thân thiết đối với tôi và cả đối với ông nữa. Các tu sĩ Dòng Tên đã là và vẫn là chất men, không phải chất men thường mà là chất men hữu hiệu nhất, của Đạo Công Giáo cả về văn hóa, giảng dạy, truyền giáo, và trung thành với giáo hoàng nữa. Nhưng Thánh Inhã, người sáng lập ra Dòng Tên, cũng là một nhà cải cách và huyền nhiệm nữa. Nhất là huyền nhiệm”.

Và ngài cho rằng các nhà huyền nhiệm cũng quan trọng đối với Giáo Hội?

"Họ là nền tảng. Một tôn giáo mà không có các nhà huyền nhiệm chỉ là một triết lý”.

Ngài có ơn gọi làm nhà huyền nhiệm không?

"Ông nghĩ sao?"

Tôi dám nghĩ vậy.

"Ông dám đúng lắm. Tôi yêu các nhà huyền nhiệm; Thánh Phanxicô cũng huyền nhiệm trong nhiều khía cạnh của cuộc sống, nhưng tôi không nghĩ mình có ơn gọi; vả lại, ta cần hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của từ ngữ này. Nhà huyền nhiệm cố gắng lột bỏ mình khỏi hoạt động, sự kiện, mục tiêu và cả sứ mệnh mục vụ nữa và vươn lên cho tới khi vươn tới việc hiệp thông với Cõi Phúc. Những giây phút rất ngắn nhưng tràn ngập cả cuộc sống họ”

Điều đó có bao giờ xẩy ra với ngài không?

“Rất hiếm. Thí dụ, lúc ở cơ mật viện bầu tôi làm giáo hoàng. Trước khi chấp nhận, tôi hỏi xem mình có được dành ít phút ở phòng kế cận với căn phòng có bancông nhìn ra quảng trường hay không. Đầu óc tôi lúc đó hoàn toàn trống vắng và tôi bị một cơn xao xuyến dữ dội tràn ngập mình. Để xua đuổi cơn xao xuyến ấy và để thư giãn, tôi nhắm mắt lại và ráng xua đuổi mọi suy nghĩ đi, cả suy nghĩ từ chối không chấp nhận chức vụ, như thủ tục phụng vụ vốn cho phép. Tôi nhắm mắt thật kỹ và bỗng chẳng còn xao xuyến hay xúc cảm gì nữa. Có lúc, tôi còn được tràn ngập một thứ ánh sáng vĩ đại. Nó chỉ kéo dài một lúc, nhưng với tôi, nó như rất lâu. Rồi ánh sáng này mờ dần, tôi bỗng đứng lên và bước trở lại căn phòng nơi các Hồng Y đang ngồi đợi và chiếc bàn trên đó có bản kinh chấp nhận. Tôi ký vào bản kinh đó, Đức Hồng Y Nhiếp Chính phó thự và rồi ngoài bancông có lời (tuyên bố) ‘Habemus Papam’ (Chúng ta đã có giáo hoàng)”.

Chúng tôi im lặng một lúc, rồi *tôi lên tiếng: chúng ta đã nói tới các vị thánh mà ngài cảm thấy gần gũi hơn cả với linh hồn ngài và ngừng lại ở Thánh Augustinô. Ngài có thể cho tôi hay tại sao ngài cảm thấy rất gần gũi với vị thánh này?*

"Ngay với vị tiền nhiệm của tôi, Thánh Augustinô cũng là một điểm để qui chiếu rồi. Vị thánh này đã trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc sống và nhiều lần thay đổi chủ trương của ngài về học thuyết.

Ngài cũng có những lời lẽ gay gắt đối với người Do Thái, điều mà tôi không bao giờ chia sẻ. Ngài viết nhiều cuốn sách nhưng cuốn mà tôi nghĩ nói lên sự thâm hậu về trí thức và linh đạo nhất của ngài là cuốn "Tự Thú", cuốn này cũng chứa đựng khá nhiều biểu hiện của huyền nhiệm học, nhưng không như nhiều người nghĩ, ngài không phải là người tiếp nối Thánh Phaolô. Thực vậy, ngài nhìn Giáo Hội và đức tin một cách khác hẳn Thánh Phaolô, có lẽ chỉ trong vòng cách biệt bốn thế kỷ".

Thưa Đức Thánh Cha, đâu là sự khác biệt?

"Theo tôi, nó hệ ở hai khía cạnh chủ yếu. Thánh Augustinô cảm thấy bất lực trước tính vô biên của Thiên Chúa và các trách vụ mà một Kitô hữu và một giám mục phải chu toàn. Thực ra, ngài không hề bất lực, nhưng ngài cảm thấy linh hồn ngài luôn kém hơn điều ngài mong muốn và cần nó phải là. Và rồi ơn Thánh do Chúa ban làm yếu tố căn bản của đức tin. Của sự sống. Của ý nghĩa đời người. Người không được ơn thánh tác động có thể là người không tì vết và không sợ hãi, như người ta vốn nói, nhưng họ sẽ không bao giờ giống như người được ơn thánh tác động. Đó là cái nhìn thấu suốt của Thánh Augustinô".

Ngài có cảm thấy ngài được ơn thánh tác động không?

"Không ai biết được điều đó. Ơn thánh không phải là thành phần của ý thức, nó là lượng ánh sáng trong linh hồn ta, chứ không phải là nhận thức hay lý lẽ. Ngay cả ông, dù không biết, vẫn có thể được ơn thánh tác động".

Cả người không có đức tin? Người không tin?

"Ơn thánh liên quan tới linh hồn"

Tôi không tin có linh hồn.

"Ông không tin nhưng ông vẫn có một linh hồn".

Thưa Đức Thánh Cha, ngài nói rằng ngài không có ý định cải đạo tôi và tôi không nghĩ ngài sẽ thành công.

"Ta không biết được điều đó, nhưng tôi không có ý định như thế".

Còn Thánh Phanxicô?

"Ngài vĩ đại vì ngài là mọi sự. Ngài là người muốn thực hiện nhiều việc, ngài muốn xây dựng, ngài đã lập một dòng tu và luật lệ của dòng này, ngài là người du hành và là nhà truyền giáo, một thi sĩ và là một tiên tri, ngài là nhà huyền nhiệm. Ngài tìm thấy sự ác trong chính ngài và bứng hết rễ của nó. Ngài yêu thiên nhiên, thú vật, lá cỏ trên thảm cỏ và chim bay trên trời. Nhưng trên hết, ngài yêu người ta, yêu trẻ nhỏ, yêu người già, phụ nữ. Ngài là điển hình chói sáng nhất của *agape* mà ta đã nói ở trên".

Đức Thánh Cha nói đúng, mô tả của ngài tuyệt hảo. Nhưng tại sao không vị tiền nhiệm nào của ngài đã chọn tên đó? Và tôi tin rằng sau ngài, không vị nào sẽ chọn nó.

"Ta không biết được, ta không nên dự đoán tương lai. Quả thực, trước tôi chưa ai chọn tên ấy. Bây giờ, hình như ta phải đối phó với vấn nạn lớn nhất. Ông muốn uống gì không?

Cám ơn ngài, có lẽ một ly nước.

Ngài đứng lên, mở cửa và yêu cầu ai đó ở lối ra vào đem vào 2 ly nước. Ngài hỏi xem tôi có muốn uống càphê hay không, tôi thưa không. Rồi nước được mang tới. Cuối buổi đàm thoại của chúng tôi, chiếc ly của tôi chắc chắn sẽ cạn, nhưng ý chí của ngài thì sẽ luôn luôn đầy. Ngài hắng giọng và bắt

đầu nói.

"Thánh Phanxicô muốn có một dòng khất sĩ và một dòng di thuyết (itinerant). Họ là những nhà truyền giáo chịu gặp nhau, lắng nghe, thảo luận, giúp đỡ, truyền bá đức tin và tình yêu. Nhất là tình yêu. Và ngài mơ một Giáo Hội nghèo, biết chăm sóc người khác, tiếp nhận các trợ giúp vật chất và dùng chúng để nâng đỡ người khác, mà không hề quan tâm tới chính mình. 800 năm đã qua kể từ ngày đó, và thời gian có biến đổi, nhưng lý tưởng truyền giáo, Giáo Hội nghèo thì vẫn còn giá trị. Đây vẫn là Giáo Hội mà Chúa Giêsu và các môn đệ của Người rao giảng về".

Các Kitô hữu của ngài hiện đang là thiểu số. Ngay tại Ý, vốn được coi là sân sau của giáo hoàng. Theo một số thăm dò, các người Công Giáo ngoan đạo chỉ vào khoảng giữa 8 và 15 phần trăm. Những người nói mình là Công Giáo nhưng thực tế không được Công Giáo bao nhiêu vào khoảng 20 phần trăm. Trên thế giới, hiện có 1 tỷ người Công Giáo, hay hơn, và cộng với các Giáo Hội Kitô Giáo khác, thì có hơn 1 tỷ rưỡi, nhưng dân số thế giới hiện là 6 hay 7 tỷ người. Chắc chắn qúy vị đông, nhất là ở Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh, nhưng vẫn là một thiểu số.

"Chúng tôi vốn luôn luôn đông, nhưng vấn đề ngày nay không phải thế. Bản thân tôi nghĩ rằng thiểu số thực sự là sức mạnh. Chúng tôi phải là men cho đời và cho tình yêu và việc lên men này cực kỳ nhỏ hơn so với khối hoa trái và cây cối từ nó phát sinh ra. Tôi tin tôi đã nói rằng mục tiêu của chúng tôi không phải là cải đạo mà là lắng nghe các nhu cầu, ước mong, các thất vọng, ê chề và hy vọng. Chúng tôi phải tái tạo hy vọng cho người trẻ, giúp đỡ người già, chào đón tương lai, truyền bá tình yêu. Làm người nghèo giữa người nghèo. Chúng tôi cần bao gồm những người bị loại bỏ và truyền giảng hòa bình. Vatican II, một công đồng vốn được Đức Gioan và Phaolô VI gợi hứng, đã quyết định nhìn về tương lai với một tinh thần hiện đại và cởi mở đối với nền văn hóa hiện đại. Các nghị phụ biết rằng cởi mở đối với nền văn hóa hiện đại có nghĩa đại kết về tôn giáo và đối thoại với người không tin. Nhưng sau đó, rất ít điều đã được thực thi theo hướng đó. Tôi có lòng khiêm nhường và tham vọng muốn làm một điều gì đó".

Tôi xin phép được thêm điều này, cũng vì xã hội hiện đại trên khắp thế giới đang trải qua thời kỳ khủng hoảng sâu đậm, không những về kinh tế mà cả về xã hội và tâm linh nữa. Lúc đầu buổi gặp gỡ của chúng ta, ngài từng mô tả một thế hệ bị sức nặng hiện tại đè bẹp. Ngay những người không tin như chúng tôi cũng cảm nhận sức nặng gần như nhân học này. Đó là lý do tại sao chúng tôi muốn có cuộc đối thoại với những người tin và những người đại diện cho họ hơn cả.

"Tôi không biết liệu tôi có phải là người đại diện họ hơn cả hay không, nhưng ơn quan phòng đã đặt tôi đứng đầu Giáo Hội và Giáo Phận của Thánh Phêrô. Tôi sẽ làm những gì tôi có thể làm được để chu toàn sứ mệnh đã được ủy thác cho tôi".

Như ngài đã chỉ rõ, Chúa Giêsu từng nói: Con phải yêu người lân cận như chính con. Ngài có nghĩ điều đó đã xảy ra chưa?

"Bất hạnh thay, chưa xảy ra. Tính vị kỷ mỗi ngày mỗi tăng và tình yêu người mỗi ngày mỗi giảm".

Như thế, mục tiêu chung của chúng ta là: ít nhất phải cân bằng nồng độ của hai loại tình yêu này. Liệu Giáo Hội ngài đã sẵn sàng và được trang bị để thi hành nhiệm vụ này chưa?

"Ông nghĩ gì?"

Tôi nghĩ lòng yêu quyền lực tạm bợ vẫn còn rất mạnh bên trong tường thành Vatican và trong cơ cấu định chế của toàn bộ Giáo Hội. Tôi nghĩ định chế đang thống trị người nghèo, Giáo Hội truyền giáo mà ngài ưa thích.

"Thực thế, đó là cách thế hiện nay, và ở lãnh vực này, ông khó có thể làm phép lạ. Để tôi nhắc ông nhớ: ngay Thánh Phanxicô, vào thời ngài, cũng đã phải thương thảo rất lâu với phẩm trật Rôma và Giáo Hoàng mới được họ nhìn nhận luật dòng của ngài. Cuối cùng, ngài cũng nhận được sự nhìn nhận

nhưng phải sửa đổi và nhượng bộ rất nhiều".

Liệu ngài có theo đường lối đó không?

"Tôi không phải là Thánh Phanxicô thành Assidi và tôi không có được sức mạnh và sự thánh thiện của ngài. Nhưng tôi là giám mục Rôma và giáo hoàng của thế giới Công Giáo. Điều tôi quyết định đầu tiên là cử nhiệm một nhóm 8 vị Hồng Y làm cố vấn cho tôi. Không phải là quần thần mà là những người khôn ngoan cùng chia sẻ tâm tư với tôi. Đây là khởi điểm của một Giáo Hội với một tổ chức không chỉ từ trên đi xuống mà còn hàng ngang nữa. Khi Đức Hồng Y Martini nói tới việc phải tập chú vào các công đồng và các thượng hội đồng, ngài biết rõ đi theo hướng này đòi hỏi thời gian và khó khăn xiết bao. Nhẹ nhàng, nhưng cương quyết và kiên trì".

Còn chính trị?

"Tại sao ông hỏi thế? Tôi đã nói rằng Giáo Hội không đương đầu với chính trị".

Nhưng cách đây mấy ngày, ngài từng kêu gọi người Công Giáo hãy dấn thân về phương diện dân chính và chính trị?

"Tôi không chỉ nói với người Công Giáo mà là với mọi người có thiện chí. Tôi nói rằng chính trị là hoạt động quan trọng nhất trong các hoạt động dân chính và có riêng lãnh vực hành động của nó, lãnh vực này không phải là lãnh vực của tôn giáo. Theo định nghĩa, các định chế chính trị có tính thế tục và hành xử trong các phạm vi độc lập. Mọi vị tiền nhiệm của tôi đều cùng nói như thế, ít nhất trong nhiều năm qua, dù với các giọng điệu khác nhau. Tôi tin rằng người Công Giáo can dự vào chính trị mang theo họ các giá trị của tôn giáo họ, nhưng họ có ý thức trưởng thành và tài chuyên môn để thực thi chúng. Giáo Hội sẽ không bao giờ đi quá trách nhiệm của mình là phát biểu và phổ biến các giá trị của mình, ít nhất bao lâu tôi còn ở đây".

Nhưng điều đó đâu có luôn luôn đúng với Giáo Hội.

"Gần như chưa bao giờ đúng thế. Như một định chế, Giáo Hội thường bị trấn áp bởi đầu óc trần đời và nhiều chi thể cũng như nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của Giáo Hội vẫn cảm nhận cách này. Nhưng bây giờ để tôi hỏi ông một câu: ông, một người thế tục không tin vào Thiên Chúa, vậy ông tin điều gì? Ông là một nhà văn và một nhà tư tưởng. Ông hẳn tin điều gì đó, ông hẳn có một giá trị trổi vượt. Ông đừng trả lời tôi bằng những chữ như trung thực, tìm kiếm, viễn kiến ích chung, thấy đều là các nguyên tắc và giá trị quan trọng, nhưng đó không phải là điều tôi muốn hỏi. Tôi hỏi: điều gì ông nghĩ là yếu tính của thế giới, đúng hơn, của vũ trụ. Ông hẳn tự hỏi mình, dĩ nhiên, giống mọi người khác, chúng ta là ai, chúng ta từ đâu tới, chúng ta đi đâu. Ngay trẻ em cũng tự hỏi chúng các câu hỏi này. Còn Ông?"

Tôi cám ơn ngài đã hỏi câu này. Câu trả lời là: tôi tin Hữu Thể, điều ở trong tế bào từ đó phát sinh ra hình thể (forms), cơ thể.

"Còn tôi thì tin Thiên Chúa, không phải Thiên Chúa Công Giáo, không hề có Thiên Chúa Công Giáo, chỉ có một Thiên Chúa và tôi tin Chúa Giêsu Kitô, việc nhập thể của Người. Chúa Giêsu là thầy dạy tôi và là mục tử của tôi, nhưng Thiên Chúa, Chúa Cha, Abba, là ánh sáng và là Tạo Hóa. Đó là Hữu Thể của tôi. Ông có nghĩ chúng ta quá cách xa nhau không?"

Ta xa nhau trong tư duy, nhưng giống nhau như những con người nhân bản, được sinh động hóa một cách vô thức nhờ các bản năng trở thành các xung động, cảm xúc và ý chí, tư tưởng và lý trí. Về phương diện này, ta giống nhau.

"Nhưng ông có thể định nghĩa điều ông gọi là Hữu Thể hay không?"

Hữu thể là cấu trúc của năng lượng. Một năng lượng hỗn mang (chaotic) nhưng không thể tiêu diệt

được và là một hỗn mang trường cửu. Các hình thể xuất phát từ năng lượng này khi nó đạt tới điểm nổ tung. Các hình thể có định luật riêng của chúng, từ trường riêng của chúng, các yếu tố hóa học của chúng, các yếu tố này phối hợp với nhau một cách tình cờ, biến hóa, và cuối cùng tàn lụi nhưng năng lượng của chúng thì không bị hủy diệt. Con người có lẽ là con vật duy nhất được phú bẩm tư tưởng, ít nhất trong hành tinh và thái dương hệ của ta. Tôi đã nói rằng con người được thúc đẩy bởi các bản năng và ước muốn nhưng tôi xin thêm: họ cũng chứa trong mình một vang dội, một tiếng vang, một lời kêu gọi của hỗn mang".

"Được. Tôi không muốn ông cho tôi một bản tóm lược về triết lý của ông và điều ông vừa nói đã đủ cho tôi. Theo quan điểm của tôi, Thiên Chúa là ánh sáng soi chiếu bóng tối, dù không làm bóng tối tiêu tan, và một đốm sáng thần linh có trong mỗi con người chúng ta. Trong thư tôi viết cho ông, ông nhớ tôi đã nói rằng chủng loại chúng ta sẽ chấm dứt nhưng ánh sáng của Thiên Chúa sẽ không chấm dứt và ở điểm đó, nó sẽ tràn ngập mọi linh hồn và sẽ hiện diện trong mọi người".

Có, tôi nhớ rất rõ. Ngài nói: "Mọi ánh sáng sẽ hiện diện trong mọi linh hồn" nếu tôi được phép nói, điều này nói lên hình ảnh nội tại tính hơn là hình ảnh siêu việt tính.

"Siêu việt tính vẫn còn vì ánh sáng kia, tất cả trong mọi sự, vượt trên vũ trụ và mọi chủng loại cư ngụ trong đó. Nhưng xin trở lại với hiện tại. Ta đã thực hiện được một bước tiến trong cuộc đối thoại của ta. Ta đã nhận xét rằng trong xã hội và trên thế giới ta đang sống, tính vị kỷ gia tăng nhiều hơn là tình yêu người khác, và những người có thiện chí phải cố gắng dùng sức mạnh và tài chuyên môn riêng để bảo đảm rằng tình yêu người khác phải gia tăng cho tới lúc cân bằng và có thể vượt quá tình yêu chính mình".

Một lần nữa, chính trị lại xuất hiện rồi.

"Chắc chắn. Bản thân tôi vẫn nghĩ: chủ nghĩa gọi là tự do không hạn chế chỉ làm người mạnh mạnh hơn và người yếu yếu hơn và loại bỏ những người bị loại bỏ hơn cả. Ta cần tự do lớn lao, không kỳ thị, không mị dân và thật nhiều yêu thương. Ta cần các qui luật hành xử và nếu cần, sự can thiệp trực tiếp của nhà nước để sửa sai các bất bình đẳng không thể nào chịu được nữa".

Thưa Đức Thánh Cha, chắc chắn ngài là người có đức tin lớn lao, được ơn thánh tác động, được sinh động hóa bởi ước mong muốn phục hồi một Giáo Hội mục vụ, truyền giáo được đổi mới chứ không trần đời nữa. Nhưng do cách ngài nói năng và do điều tôi hiểu được, ngài là và sẽ là một vị giáo hoàng cách mạng. Nửa là Dòng Tên, nửa là người của Thánh Phanxicô, một phối hợp có lẽ chưa từng có trước đây. Và rồi, ngài còn thích "The Betrothed" của Manzoni, Holderlin, Leopardi và nhất là Dostoevsky, phim "La Strada" và "Prova d'orchestra" của Fellini, "Open City" của Rossellini và cả cuốn phim của Aldo Fabrizi nữa.

"Tôi thích các nghệ phẩm đó vì tôi từng xem chúng với cha mẹ tôi khi còn nhỏ".

Vâng ra thế đó. Tôi có được phép đề nghị hai cuốn phim mới phát hành gần đây không? Cuốn "Viva la libertà" và cuốn về Fellini của Ettore Scola. Tôi tin chắc ngài thích chúng. Về quyền lực, tôi xin thưa, ngài có biết khi 20 tuổi tôi đã trải qua một tháng rưỡi trong một cuộc tĩnh tâm với các cha Dòng Tên không? Lúc ấy, quân Quốc Xã đang hiện diện tại Rôma còn tôi thì trốn quân dịch. Tội ấy đáng tử hình. Các cha dòng Tên dấu chúng tôi với điều kiện phải linh thao suốt thời gian các ngài dấu chúng tôi.

"Nhưng đâu có thể đứng linh thao cả tháng rưỡi phải không?" Ngài hỏi thế, ngạc nhiên và thích thú. Tôi sẽ kể cho ngài nghe thêm vào lần sau.

Chúng tôi ôm nhau. Cùng leo một cầu thang ngắn để ra cửa. Tôi thưa với Đức Giáo Hoàng: ngài không cần tháp tùng tôi nhưng ngài tỏ dấu gạt đi. "Chúng ta cũng sẽ thảo luận vai trò phụ nữ trong Giáo Hội. Ông hãy nhớ rằng Giáo Hội (la chiesa) vốn là phái nữ.

“Và nếu ông muốn, ta cũng có thể nói về Pascal. Tôi muốn biết ông nghĩ gì về linh hồn cao cả này.

“Xin chuyển phép lành của tôi tới mọi người trong gia đình ông và xin họ cầu nguyện cho tôi. Hãy nghĩ tới tôi, nghĩ tới tôi luôn”.

Chúng tôi bắt tay nhau và ngài đứng đó với hai ngón tay nâng lên để chúc lành. Tôi vẫy tay với ngài từ cửa sổ. Đó là Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Nếu Giáo Hội trở nên giống ngài và trở nên như lòng ngài mong ước, ta sẽ có một thay đổi có tính thời đại.

(theo bản tiếng Anh của Kathryn Wallace)

Một tuần bận rộn tại Vatican

(Ngày 05/10/2013)

Nhà báo Công Giáo John Thavis gọi tuần lễ vừa rồi là tuần lễ “bận rộn” tại Vatican: định ngày phong thánh cho hai vị giáo hoàng, cuộc phỏng vấn Đức Giáo Hoàng gây nhiều ngạc nhiên, cuộc họp của 8 vị Hồng Y cố vấn và sau cùng là cuộc viếng thăm nơi sinh của vị thánh được đức đương kim giáo hoàng chọn làm tên.

Sốt dẻo nhất

Nhà báo John Allen còn đi xa hơn khi cho rằng tuần vừa qua là tuần “có nhiều tin ức sốt dẻo (breaking)” hơn cả trong suốt 20 năm ông tường trình về Vatican, ngoại trừ 2 cơ mật viện bầu giáo hoàng: hội đồng Hồng Y, cuộc phỏng vấn Đức Giáo Hoàng; đi thăm Assisi; nhà huyền nhiệm.

Như mọi người đều đã biết, hôm thứ Hai, Đức Phanxicô chủ tọa cơ mật viện Hồng Y để định ngày 27 tháng Tư, nhằm Chúa Nhật Lòng Thương Xót Chúa, làm ngày phong thánh cho hai đức Gioan XXIII và Gioan Phaolô II. Lễ phong thánh cho hai vị giáo hoàng này sẽ đem tới Rôma lượng khách hành hương đông đảo không thua đám tang Đức Gioan Phaolô II năm 2005.

Cũng trong cùng cơ mật viện trên, Đức Phanxicô thăm dò các Hồng Y về ý niệm thiết lập các tòa án quốc gia và miền trên khắp thế giới để giải quyết các vụ lạm dụng tình dục. Đây là ý niệm đã được lưu hành lâu nay, phản ảnh tình thế nhiều giáo phận, nhất là các giáo phận tại các nước đang mở mang, không đủ tài nguyên hay chuyên môn để giải quyết hữu hiệu các vụ việc này. Đây là hành vi cụ thể đầu tiên của Đức Phanxicô trong việc cải tổ trận tuyến chống lạm dụng tình dục.

Cũng vào hôm thứ Hai, Đức Phanxicô ban hành tự sắc chính thức thiết lập tân hội đồng Hồng Y làm cơ quan cố vấn thường trực của ngài và dành quyền được thêm các thành viên cho hội đồng. Đây quả là phương cách để Đức Phanxicô làm nổi bật tầm quan trọng của nhóm vốn được gọi là G8 này.

Qua thứ Ba, lại có cuộc phỏng vấn làm rúng động các sạp báo. Cuộc phỏng vấn lần này do nhà báo Ý thiên tả, vô tín ngưỡng là Eugenio Scalfari thực hiện. Trong cuộc phỏng vấn này, Đức Phanxicô cực lực kết án các vây bủa kiểu “triều đình vua chúa” tại Vatican, coi chúng như “phong cùi”, nhìn nhận rằng việc ham quyền trần đời vẫn còn mạnh mẽ, nhiều giáo sĩ vẫn còn “qui Vatican”; ngài coi cải đạo là “vô nghĩa một cách long trọng” và hứa sẽ làm mọi cách để thay đổi hệ thống này.

Cũng vào hôm thứ Ba, Ngân Hàng Vatican, chính thức gọi là Viện Các Công Trình Tôn Giáo, công bố phúc trình hàng năm lần đầu tiên trong 125 năm lịch sử để được kiểm nhận bởi một thanh lý viên độc lập, một hành vi rõ ràng nhằm phóng chiếu một bầu khí trong sáng mới. Tin sốt dẻo vào hôm đó cũng cho thấy ngân hàng này đã đóng cửa khoảng 900 trương mục, trong đó, có các trương mục của các tòa đại sứ ngoại quốc, vì thiếu văn bản tài liệu hay vì chuyển ngân mờ ám.

Vẫn trong ngày thứ Ba, cuộc họp được nhiều người mong chờ của G8 bắt đầu khai mạc, kéo dài qua chiều ngày thứ Năm. Đức Phanxicô tham dự hầu như mọi phiên họp. Các phiên họp này khởi đầu

diễn ra tại Tông Dinh, nhưng sau đó, được rời tới Casa Santa Marta.

Qua thứ Tư, phát ngôn viên Vatican, Cha Lombardi, cho các phóng viên hay G8 đã xem sét mối liên hệ giữa các bộ của Vatican với Đức Giáo Hoàng, vai trò của Quốc Vụ Khanh, và việc cải tổ Thượng Hội Đồng Giám Mục, cũng như các vấn đề mục vụ như việc chăm sóc các cặp vợ chồng. Ngài cho hay các Hồng Y cũng cân nhắc viễn kiến về Giáo Hội từng được Vatican II phát biểu.

Hôm thứ Năm, Đức Phanxicô ban triều kiến cho các tham dự viên hội nghị kỷ niệm 50 năm ngày ban hành thông điệp *Pacem in Terris* của Đức Gioan XXIII, công khai đặt câu hỏi liệu các hạn từ "công lý" và "liên đới" có "ở trong tự điển của ta" hay "tất cả chúng ta có làm việc để chúng trở thành thực tại" hay không. Đức Phanxicô cũng nhân dịp này bày tỏ tình liên đới với các nạn nhân đắm tầu tại Lampedusa, điểm đổ bộ tại nam Địa Trung Hải của những người di dân khốn khổ, nơi ngài từng tới viếng thăm ngày 8 tháng Bảy.

Cũng hôm thứ Năm, báo chí Ý cho công bố cuộc điều tra của nhà cầm quyền Ý về Đức Ông Nunzio Scarano, cựu kế toán viên của Vatican, bị bắt hồi tháng Sáu vì bị tố cáo can dự vào việc nhập lậu 26 triệu Mỹ Kim tiền mặt vào Ý dưới sự cậy nhờ của một gia đình tài phiệt hàng hải. Scarano trước đó vốn làm việc tại sở Quản Trị Di Sản Của Tòa Thánh (APSA), một cơ quan quản trị tài sản và đầu tư vật chất của Vatican. Có tường trình cho rằng ngài nói với các điều tra viên rằng các viên chức APSA thường nhận quà cáp của các ngân hàng muốn giao dịch với Vatican như đi du lịch trên tầu, ngụ tại khách sạn 5 sao, cả đấm bóp nữa.

Scarano cho rằng APSA hành xử như một "ngân hàng song hành", cho phép các yếu nhân ký thác tiền trong trương mục của mình và còn hứa sẽ qua mặt cả ngân hàng Vatican nữa. Ngài cũng cho biết các thủ tục đấu thầu để sửa chữa các tài sản của APSA đều bị lừa lọc, trong đó, các viên chức chia nhau lợi nhuận do tiền đút lót.

Cũng trong ngày thứ Năm, Cha Lombardi có buổi thuyết trình về G8. Trong số các điểm được nêu ra, ngài cho hay các vị Hồng Y và Đức Giáo Hoàng không chỉ đưa ra các sửa đổi chiếu lệ đối với tông hiến *Pastor Bonus*, tức tông hiến của Đức Gioan Phaolô II về Giáo Triều, mà là các thay đổi quan trọng trong một văn kiện hoàn toàn mới. Cha cho rằng các thay đổi này sẽ đi theo hướng nhấn mạnh tới vai trò của Vatican như để "phục vụ các Giáo Hội địa phương", chứ không phải "trung ương tập quyền". Ngài cũng bảo: các Hồng Y dành nhiều quan tâm cho giáo dân, trong đó có vai trò của họ bên trong Vatican. Trả lời câu hỏi của một phóng viên, cha cho hay: vấn đề lạm dụng tình dục không được nêu lên trong phiên họp của G8.

Tối thứ Năm, khoảng 8 giờ, giờ Rôma, Cha Lombardi phát hành một thông cáo qua đường điện thư (email) cho biết: phiên họp tới của G8 sẽ diễn ra trong các ngày 3-5 tháng Mười Hai và một phiên khác vào đầu tháng Hai. Trước đó, ngài cho hay các Hồng Y vẫn tiếp tục làm việc giữa các phiên họp này để thâu lượm dữ liệu, đánh giá các ý niệm và trình các gợi ý lên Đức Giáo Hoàng.

Thứ Sáu, 4 tháng 10, Đức Phanxicô đi Assisi, một chuyến đi vừa để hành hương vừa để nói lên viễn kiến của ngài về Giáo Hội. Điều đáng lưu ý: hai điểm dừng chân đầu tiên là để gặp người bệnh và người nghèo. Với người bệnh, ngài bỏ bản văn soạn sẵn để nói về việc người Kitô hữu phải lắng nghe người thương tật. Sau đó, ngài chỉ trích điều ngài gọi là "Kitô Giáo Chạp Phô" (pastry shop Christianity), nhấn mạnh rằng không có Thánh Giá không có Kitô Giáo. Ngài cũng nhắm vào giới truyền thông, cho rằng báo chí "đầy chuyện tưởng tượng" về chuyến đi của ngài vì cho rằng ngài tới đây để "lột trần" Giáo Hội, khỏi các tước hiệu vênh vang, bán tống bán tháng mọi tài sản... Ngài bảo: quan tâm thực sự của ngài là kêu gọi Giáo Hội "lột bỏ" cơn bệnh "ung thư trần thế" của mình. Trong Thánh Lễ, ngài nhấn mạnh rằng hòa bình theo Thánh Phanxicô không phải là "đường hóa học" hay "một loại hoà hợp đa thần với các sức mạnh của vũ trụ", mà là hòa bình trong liên hệ bản thân với Chúa Kitô. Allen cho rằng nhiều người vẫn nghĩ Vatican là biểu hiệu đầu tiên của ngôi vị giáo hoàng, nhưng đối với Đức Phanxicô, bản doanh tâm linh thực sự của ngài nằm ở Assisi.

Nói chuyện với người vô thần

Đang có nhiều tranh luận về tính đáng tin cậy của bản văn thuật lại cuộc đàm đạo giữa Đức Phanxicô và nhà báo Eugenio Scalfari, nhất là khi đi vào chi tiết. Cha Lombardi cho rằng chiều hướng của bản văn thì "đáng tin cậy" vì nếu Đức Phanxicô cảm thấy suy nghĩ của ngài bị "trình bày sai lạc một cách trầm trọng" hẳn ngài đã lên tiếng nói như thế rồi. Nhưng Cha không nói gì khi được yêu cầu xác nhận việc quả Đức Phanxicô có nói như thế, từng lời một hay không.

Nhà quan sát Vatican sành sõi là Andrea Tornielli, người từng quen biết Đức Phanxicô trước khi được bầu làm giáo hoàng, hôm thứ Tư vừa qua có viết rằng ông hoài nghi: một số điều đã được gán cho Đức Phanxicô trong cuộc phỏng vấn này, như việc ngài xin được vài phút trước khi chấp nhận kết quả cuộc bầu để vào một căn phòng nhỏ hồi tâm. Tornielli cho rằng không hề có căn phòng nhỏ nào cạnh bancông của Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô như Scalfari mô tả, và dù sao, các Hồng Y có mặt hôm đó cho hay Đức Giáo Hoàng chấp nhận việc bầu ngài ngay lập tức.

Ý niệm cho rằng một số điều đăng trên tờ La Republica có thể được tái tạo sau đó chứ không hẳn là các trích dẫn trực tiếp khiến một số người bối rối vì sau đó, bài phỏng vấn đã được *L'Osservatore Romano*, tờ báo chính thức của Vatican, đăng lại. Cả trang mạng của Vatican cũng in lại bài phỏng vấn này. Họ cho rằng nếu không biết chắc đây có phải thực là lời của Đức Phanxicô hay không, thì các cơ quan chính thức của Vatican đang làm gì đây?

Theo Allen, có lẽ cái nhìn thông sáng nhất về biến cố trên là của chính Cha Lombardi. Ngài cho rằng ta đang được chứng kiến việc xuất hiện một lối ăn nói hoàn toàn mới của một vị giáo hoàng: một lối nói không chính thức, rất tự phát và đôi khi ủy thác cho người nghe nhiệm vụ phải chi tiết hóa cuối cùng. Cha cho rằng lối nói mới này cần "một khoa giải thích mới", một khoa giải thích trong đó ta không nên quá chú trọng tới các từ ngữ riêng rẽ mà là ý hướng tổng quát (overall sense).

Cha bảo: "Đây không phải là Denzinger", tức bộ tuyển tập các giáo huấn chính thức của Giáo Hội do tác giả người Đức lừng danh soạn thảo, "cũng chẳng phải là bộ giáo luật".

Cha nói thêm: "Điều Đức Giáo Hoàng làm là trình bày các suy niệm có tính mục vụ, mà trước đó chưa được xét duyệt từng chữ bởi hàng 2 chục thần học gia, để có thể chính xác về mọi điều. Nó cần được phân biệt hẳn với một thông điệp hay một tông huấn hậu thượng hội đồng, tức các văn kiện của huấn quyền".

Allen cho rằng tiềm ẩn trong phản ứng trên là việc Đức Giáo Hoàng có lẽ sẽ tiếp tục phương thức ăn nói như trên và đôi khi cho phép các giọng nói ở bên ngoài vòng phát ngôn viên chính thức được quyền thông báo cho thế giới điều ngài muốn nói, tin tưởng họ sẽ nắm được những điểm chính và không lo lắng đối với chi tiết. Trong tình thế này, cố gắng đặt mỗi dòng, mỗi câu chuyện vui dưới kính hiển vi quả là điều mất thì giờ vô ích.

Cha Lombardi ngụ ý cho thấy nếu Đức Giáo Hoàng muốn phát biểu cách chính thức và hoàn toàn chính xác, hẳn ngài đã chọn cách khác.

Vụ Scarano

Theo Allen, vụ Đức Ông Scarano cho ta nhận định sau đây. Thứ nhất, người bị tố cáo có đủ lý do trong đời để kéo người khác vào vòng nghi ngờ với hy vọng giảm khinh tội trạng của mình. "Không phải chỉ có tôi!" vẫn là cách bào chữa thông thường xưa nay đối với đủ hạng người bị bắt quả tang đang thọc tay vào hũ kẹo.

Nói thế, nhưng dù gì Đức Ông Scarano vẫn là một viên chức cao cấp của APSA, nên các lời ngài tố cáo cần được xem sét nghiêm chỉnh. Nếu một số lời ấy có giá trị, hẳn chúng sẽ đảo ngược lối suy nghĩ của phần lớn các quan sát viên đối với việc cải tổ tài chánh của Vatican.

Trong cuộc cải tổ này, quan trọng nhất phải là ngân hàng Vatican, hiện đang kéo chú ý hàng đầu vì các điều bị coi là tai tiếng và âm mưu che đậy. Tuy nhiên, sự thật là hiện nay, ngân hàng này được kể là định chế tài chánh đang được cải tổ sâu rộng nhất.

Được thế một phần nhờ sự đe doạ đóng cửa mà Đức Phanxicô cũng như Hội Đồng Hồng Y của ngài từng đưa ra; sự đe dọa này khiến ngân hàng phải mau mau sửa đổi; phần khác cũng nhờ viễn kiến của vị tân chủ tịch, Ernst von Freyberg. Ông này từng thổ lộ với Allen rằng tham vọng của ông là loại bỏ các tường trình có tính gièm pha của báo chí bằng cách để họ dễ dàng có được thông tin trực tiếp từ chính ông thay vì từ những đồn đại ở các quán bar.

Thành thử, hiện nay, việc thanh lọc ngân hàng Vatican đã trở thành dễ dàng trong khi các định chế tài chánh khác thì chưa có được tình thế ấy, trong đó có APSA và cơ quan quản trị Thị Quốc Vatican.

Nhà huyền nhiệm

Trong cuộc phỏng vấn của Scalfari, khi được hỏi về kinh nghiệm huyền nhiệm, Đức Phanxicô cho hay: "Đầu óc tôi hoàn toàn trống rỗng và một cơn xao xuyến lớn tràn ngập tôi. Để làm nó tiêu tan và để được thư giãn, tôi nhắm mắt lại và xua đuổi mọi ý nghĩ, cả ý nghĩ từ chối, không chấp nhận chức vụ, như thủ tục phụng vụ cho phép. Tôi nhắm mắt lại và không còn xao xuyến hay xúc động gì nữa".

Đức Phanxicô cho rằng trải nghiệm trên giúp ngài can đảm chấp nhận nhiệm vụ và sẵn sàng tiến bước. Đây là cái nhìn thấu suốt, giúp giải thích một điều vẫn được coi là khó giải thích trước đây: sự biến đổi nơi Jorge Mario Bergoglio từ ngày trở thành Giáo Hoàng Phanxicô.

Trong suốt 15 năm làm tổng giám mục Buenos Aires, ngài chỉ nhận cho phỏng vấn 5 lần. Vừa làm giáo hoàng chưa đầy 7 tháng, ngài đã cho người ta 3 cuộc phỏng vấn, tất cả đều đáng chú ý.

Các ký giả tường thuật về ngài lúc còn ở Á Căn Đình cho hay ngài không thích được chú ý. Và nếu phải xuất hiện nơi công cộng, thì ngài thường tỏ ra trịnh trọng và làm người ta hơi chút buồn chán. Nhưng khi lên ngôi giáo hoàng, ngài trở thành "ngôi sao nhạc rock". Khi còn là tổng giám mục và chủ tịch hội đồng giám mục Á Căn Đình, ngài rất thận trọng và đắn đo trong các tuyên bố công khai, còn khi đã là giáo hoàng, ngài hoàn toàn thoải mái.

Em gái của ngài là Maria Elena Bergoglio, hồi tháng Tư, cũng nhận định như thế: có điều gì khác xảy ra nơi con người của ngài kể từ ngày lên ngôi tòa Thánh Phêrô.

Mới đây, một vị Hồng Y từng bỏ phiếu cho ngài, khi được ngài cho yết kiến riêng, đã cho Allen hay ngài nói với Đức Phanxicô: "Đức Thánh Cha không y hệt như người con biết ở Á Căn Đình". Theo vị Hồng Y này, câu trả lời của Đức Giáo Hoàng ít nhiều giống như sau: "khi được bầu, một cảm thức bình an và tự do nội tâm rất lớn đã xâm chiếm lấy tôi, và nó không bao giờ rời tôi nữa".

Nói cách khác, Đức Phanxicô đã có được một trải nghiệm huyền nhiệm nào đó lúc được bầu làm giáo hoàng và trải nghiệm này xem ra đã giải thoát để ngài trở nên tự phát hơn, bộc trực hơn và bạo dạn hơn bất cứ thời điểm nào trước đó trong sự nghiệp của ngài.

Ta không bao giờ nên hoài nghi dấu vết huyền nhiệm chung quanh ngôi vị giáo hoàng. Đức Gioan Phaolô II, chẳng hạn, đôi khi bị tố cáo là quá cương quyết, thậm chí cố chấp nữa, khi đã quyết định một điều gì. Ấy thế nhưng ngài cũng là vị giáo hoàng từng xác tín rằng ngày 13 tháng Năm, năm 1981, Đức Trinh Nữ Maria đã thay đổi đường bay của viên đạn để giữ ngài lại tiếp tục chức vụ. Không còn hoài nghi gì nữa việc niềm tin này đã khiến Đức Gioan Phaolô II cảm nhận sự chắc chắn đối con đường ngài đang theo, một con đường vượt quá cả luận lý học phàm nhân.

Cũng thế, Đức Phanxicô nay cũng có thể cảm nhận được sự thoải mái trong đường hướng mới, một đường hướng vượt quá các tính toán giao tế nhân sự hay "các thực hành khéo léo nhất" của khoa quản

trị hợp đoàn. Ít nhất, điều này xem ra cũng là hệ luận bề mặt của những điều ngài nói với vị Hồng Y trên đây và với Scalfari.

Khác hay cách biệt

(Ngày 07/10/2013)

Nhiều người Công Giáo cảm thấy nhồn nhột trước hai cuộc phỏng vấn Đức Phanxicô gần đây, nhất là cuộc phỏng vấn của Eugenio Scalfari, một nhà trí thức vô thần. Sandro Magister còn nhân cơ hội này đặt tương phản giữa hai thái độ đối với người vô thần của Đức Bênêđíctô và Đức Phanxicô và cho rằng sự phân cách giữa hai vị "xem ra rõ hơn bao giờ hết, cả trong chữ nghĩa lẫn việc làm".

Theo Magister, trong cuộc phỏng vấn của "La Civiltà Cattolica", có một đoạn được mọi người coi là đi ngược lại quan điểm của cả Đức Bênêđíctô XVI lẫn Đức Gioan Phaolô II: "Ta không thể chỉ nhấn mạnh tới các vấn đề liên hệ tới phá thai, hôn nhân đồng tính và việc sử dụng các phương pháp ngừa thai. Điều này không thể được. Tôi vốn không nói nhiều tới các điều này, và từng bị chỉ trích vì thế. Nhưng khi nói về những điều này, ta phải nói về chúng trong ngữ cảnh. Trong vấn đề này, giáo huấn của Giáo Hội đã quá rõ và tôi vốn là con cái Giáo Hội, nhưng ta không cần phải nói về các vấn đề này bất cứ lúc nào. Giáo huấn tín lý và luân lý của Giáo Hội tất cả không có cùng một giá trị. Thừa tác mục vụ của Giáo Hội không thể bị ám ảnh bởi việc thông truyền số đông các tín điều rời rạc (disjointed) để chúng được áp đặt một cách khư khư. Trong phong cách truyền giáo, việc công bố chỉ tập chú vào những điều cốt yếu, cần thiết: những điều phấn khích, lôi cuốn, những điều làm tâm hồn bừng cháy, như các môn đệ trên đường Emmau xưa. Ta phải tìm cho ra một quân bình mới; nếu không, ngay tòa nhà luân lý của Giáo Hội cũng sẽ tan rã như tòa nhà bằng quân bài, mất hết nét tươi mát và hương thơm của Tin Mừng".

Đã đành cả ba vị giáo hoàng đều đồng quan điểm với nhau về ưu tiên tuyệt đối của việc công bố Tin Mừng. Tuy nhiên, nơi hai đức tiên giáo hoàng, ta thấy trực giác này: việc công bố Tin Mừng hiện nay không thể tách biệt khỏi việc giải thích có phê phán các viễn kiến mới về con người, một viễn kiến hoàn toàn trái ngược với con người được Thiên Chúa tạo nên giống hình ảnh Người, và khỏi hành động sau đó của các nhà lãnh đạo mục tử.

Magister cho rằng chính đó là điểm khác biệt của Đức Phanxicô. Trong cuộc phỏng vấn của tờ "La Civiltà Cattolica", ta thấy còn một đoạn đáng lưu ý nữa. Cha Spadaro hỏi về "thách đố nhân học" hiện nay, câu trả lời của ngài không trực tiếp. Ngài cho thấy ngài không hiểu tính tầm trọng của giai đoạn chuyển tiếp văn minh vốn được hai vị tiền nhiệm phân tích và thách thức. Ngài tin chắc rằng điều đáng làm hơn là đáp ứng các thách thức hiện nay bằng việc đơn giản công bố về Thiên Chúa xót thương, vị Thiên Chúa "làm mặt trời mọc lên cho cả người xấu lẫn người tốt, và làm mưa đổ xuống trên cả người công chính lẫn người bất chính".

Đấy là quan điểm được Đức HY Carlo Maria Martini, cũng thuộc Dòng Tên, từng trình lên cả hai vị giáo hoàng trước đây. Tại Hoa Kỳ, đó là quan điểm của Đức HY Joseph L. Bernerdin. Những ai ái mộ hai vị Hồng Y này rất vui vì gặp được vang dội nơi Đức Phanxicô. Và Magister cho rằng: Đức HY Martini đã và hiện vẫn còn nổi tiếng trong công luận bên ngoài và thù nghịch với Giáo Hội thế nào, Đức Phanxicô cũng nổi tiếng như vậy.

Tuy nhiên, cuộc phỏng vấn sau của Scalfari, một trí thức vô thần, giúp giải thích sự nổi tiếng của Đức Phanxicô ngay nơi người vô tín ngưỡng. Trong một bài báo ngày 7 tháng Tám, Scalfari đã có những nhận định sau đây về ngài: "Sứ mệnh của ngài bao gồm hai canh tân gây tai tiếng: Giáo Hội nghèo của Thánh Phanxicô, Giáo Hội hàng ngang của Martini. Và canh tân thứ ba: một Thiên Chúa không phán xét, nhưng tha thứ...".

Sau khi nhận và cho đăng lá thư trả lời của Đức Phanxicô, Scalfari nhận định thêm: "Một cởi mở đối với nền văn hóa hiện đại và thế tục tầm cỡ này, một viễn kiến sâu sắc đến thế giữa lương tâm và tính tự lập của nó, trước đây chưa hề nghe thấy bao giờ từ ngôi tòa Thánh Phêrô"

Được hỏi, Scalfari nói rõ hơn về điều Đức Phanxicô viết cho ông liên quan tới tính tối thượng của lương tâm: "Vấn đề hệ ở việc tuân theo lương tâm ta. Tội, với cả người không có đức tin, sẽ hiện hữu khi ta đi ngược lại lương tâm. Thực thế, lắng nghe và tuân theo nó là quyết định trước điều được coi là thiện hay ác. Và tính thiện hay tính ác trong hành động của ta tùy thuộc vào quyết định này".

Đức Phanxicô không thêm điều gì khác. Và một số độc giả thận trọng tự hỏi làm thế nào hoà giải một định nghĩa có tính chủ quan như thế về lương tâm, trong đó, cá nhân xem ra là tiêu chuẩn duy nhất của quyết định, với ý niệm về một lương tâm hiểu như cuộc hành trình của con người tiến tới chân lý, một ý niệm được suy tư thần học khai triển trong nhiều thế kỷ qua, từ Thánh Augustinô tới Newman, và được Đức Bênêđíctô XVI liên tục nhắc lại một cách mạnh mẽ.

Tuy nhiên, trong cuộc phỏng vấn sau đó của Scalfari, Đức Phanxicô còn nhấn mạnh tới khía cạnh chủ quan của lương tâm hơn nữa: "mỗi người chúng ta có viễn kiến riêng về thiện và ác và phải chọn theo điều thiện và chống lại điều ác tùy cái hiểu của mình. Điều này đủ để thay đổi thế giới".

Magister cho rằng: không lạ gì, người vô thần kiểu phong trào Ánh Sáng này cho biết ông "hoàn toàn chia sẻ" lời lẽ của Đức Phanxicô về lương tâm.

Cũng không lạ khi Scalfari vui vẻ chấp nhận các lời sau đây của Đức Phanxicô, được coi như chương trình của triều giáo hoàng này, hay "vấn đề khẩn trương nhất mà Giáo Hội đang đối phó": " Mục tiêu của chúng tôi không phải là cải đạo mà là lắng nghe các nhu cầu, ước mong, các thất vọng, ê chề và hy vọng. Chúng tôi phải tái tạo hy vọng cho người trẻ, giúp đỡ người già, chào đón tương lai, truyền bá tình yêu. Làm người nghèo giữa người nghèo. Chúng tôi cần bao gồm những người bị loại bỏ và truyền giảng hòa bình. Vatican II, một công đồng vốn được Đức Gioan và Phaolô VI gợi hứng, đã quyết định nhìn về tương lai với một tinh thần hiện đại và cởi mở đối với nền văn hóa hiện đại. Các nghị phụ biết rằng cởi mở đối với nền văn hóa hiện đại có nghĩa đại kết về tôn giáo và đối thoại với người không tin. Nhưng sau đó, rất ít điều đã được thực thi theo hướng đó. Tôi có lòng khiêm nhường và tham vọng muốn làm một điều gì đó".

Magister cho rằng không có điều gì trong chương trình trên bị dư luận thế tục hiện nay coi là không thể chấp nhận được. Cả nhận định cho rằng "sau đó", các điều trên đã không được thi hành bao nhiêu cũng phù hợp với phán kết của dư luận này. Bí quyết làm Đức Phanxicô nổi tiếng là sự quảng đại trong việc nhượng bộ các hoài mong của "nền văn hóa hiện đại".

Và ở điểm trên, ngài hoàn toàn cách biệt với các vị tiền nhiệm, kể cả Đức Phaolô VI. Đoạn sau đây trích từ bài giảng lễ của Đức Cha Ratzinger, lúc còn là TGM Munich, nhân dịp Đức Phaolô VI qua đời, nói lên khá nhiều về một lương tâm "được do lường bằng sự thật": "Ngày nay, vị giáo hoàng nào không bị chỉ trích sẽ thất bại trong trách vụ của mình trước thời hiện đại. Đức Phaolô VI đã chống lại chủ thuyết cai trị bằng truyền hình (telecracy) hay bằng nghiên cứu công luận (demoscopy), hai quyền lực chuyên chế của thời nay. Ngài có khả năng làm thế nhờ đã không lấy thành công và công nhận làm thông số, mà đúng hơn lấy lương tâm, là thứ được đo lường bằng sự thật, bằng đức tin... Đó là lý do tại sao ngài không mềm dẻo và rất cương quyết lúc đụng tới truyền thống chủ yếu của Giáo Hội. Nơi ngài, sự cứng rắn này không phát sinh từ sự vô cảm đối với những người mà cuộc hành trình bị điều khiển bởi lòng tham quyền và khinh thị người khác, mà là từ sự sâu sắc của đức tin, một sâu sắc giúp ngài có khả năng chịu đựng chống đối".

Điều đáng lưu ý là gần cùng ngày với lá thư Đức Phanxicô gửi cho Scalfari, Đức Bênêđíctô XVI gửi một thư riêng cho Piergiorgio Odifreddi, nhà toán học vô thần, người từng viết cuốn "Đức Giáo Hoàng thân mến, tôi viết gửi ngài" xuất bản năm 2011 nhằm chỉ trích cuốn "Dẫn Nhập Vào Kitô Giáo" của thần học gia Ratzinger. Magister cho rằng, cả hai vị giáo hoàng đều sẵn sàng nói chuyện với người vô thần, "nhưng theo các hình thức rất khác nhau. Nếu Đức Phanxicô tránh né đụng độ, thì Đức Bênêđíctô nhấn mạnh tới các đụng độ này".

Đây là lời Đức Bênêđíctô viết cho Odifreddi: "Điều ông nói về nhân vật Giêsu quả không xứng với

tầm cỡ học giả của ông. Nếu ông đặt vấn đề như thể cuối cùng không biết được điều gì về Chúa Giêsu và không thể xác quyết được gì về Người như một nhân vật lịch sử, thì tôi chỉ có thể mời ông một cách dứt khoát hãy giúp ông thông thạo hơn chút nữa về quan điểm lịch sử. Về điểm này, tôi đề nghị trước nhất, ông nên đọc bốn cuốn sách mà Martin Hengel (một nhà chú giải thuộc phân khoa thần học Thệ Phản của Tübingen) mới xuất bản với Maria Schwemer: đây là bộ hết sức điển hình về sự chính xác và thông tin lịch sử rất bao quát. Trước bộ sách này, điều ông nói về Chúa Giêsu quả là bất cẩn, không nên lặp lại. Một sự kiện không thể tranh cãi là trong ngành chú giải, nhiều điều được viết ra không được nghiêm túc bao nhiêu. Cuộc hội thảo ở Mỹ về Chúa Giêsu mà ông trưng dẫn tại trang 105 và kế tiếp, một lần nữa, chỉ xác nhận điều Albert Schweitzer đã ghi nhận liên quan tới Leben-Jesu-Forschung (nghiên cứu về cuộc đời Chúa Giêsu), và điều này nữa nhân vật gọi là 'Chúa Giêsu lịch sử' phần lớn chỉ phản ảnh các ý niệm của tác giả. Tuy nhiên, những công trình lịch sử vụng về này không hề làm hại tới tầm quan trọng của việc nghiên cứu lịch sử nghiêm túc, từng dẫn ta tới sự hiểu biết chân thực và chắc chắn liên quan tới việc công bố và con người Chúa Giêsu".

Xa chút nữa, Đức Bênêđíctô viết thêm: "Nếu ông muốn thay thế Thiên Chúa bằng 'thiên nhiên', thì còn vấn đề này: thiên nhiên ấy là ai hay là gì. Ông không định nghĩa điều này ở chỗ nào cả, và xem ra nó xuất hiện như một thần tính phi lý, một thần tính không giải thích được điều chi. Tuy nhiên, trước nhất, tôi cũng muốn ghi nhận rằng trong tôn giáo toán học của ông, ba chủ đề nền tảng về hiện sinh nhân bản vẫn chưa được xem sét: tự do, tình yêu, và sự ác. Tôi ngạc nhiên điều này: chỉ bằng một nhận định duy nhất, ông đã bác bỏ tự do, dù sao đã là và vẫn còn là giá trị nền tảng của thời hiện đại. Trong sách của ông, tình yêu không hề xuất hiện và về sự ác cũng thế, không hề có thông tri gì cả. Bất kể khoa sinh học thần kinh (neurobiology) của ông nói gì hay không nói gì về tự do, nó vẫn hiện diện trong bi hài kịch có thực của lịch sử ta như một thực tại dứt khoát và cần được xem sét. Nhưng tôn giáo toán học của ông không nhìn nhận bất cứ thông tri nào về sự ác. Một tôn giáo bỏ qua các vấn đề nền tảng này sẽ mãi mãi trống rỗng.

"Lời phê phán của tôi đối với cuốn sách của ông có khắt khe một phần. Nhưng thành thật là phần kia của cuộc đối thoại; chỉ nhờ cách này sự hiểu biết mới lớn mạnh. Ông từng rất thành thực, và như thế hẳn ông chấp nhận để tôi cũng nên hành xử như vậy. Tuy nhiên, dù sao, tôi cũng xem sét một cách rất tích cực sự kiện, qua việc nghiên cứu cuốn 'Dẫn Nhập Vào Kitô Giáo' của tôi, ông nên tìm cách đối thoại cởi mở với đức tin của Giáo Hội Công Giáo và bất chấp những gì trái ngược, các điểm đồng qui không nên hoàn toàn trống vắng trong phạm vi quan tâm chính yếu".

Phương pháp

Các nhận định của Magister trên đây không hẳn là không đúng, nhưng chắc chắn bất cập, vì đã chỉ nhìn vào một hai phát biểu riêng rẽ, từ những khung cảnh khác nhau của hai vị giáo hoàng. Chắc chắn công trình của hai vị không phải chỉ có thế.

Đức Bênêđíctô rõ ràng tham dự một tranh luận lý thuyết về một chủ đề nhất định, để trả lời các phê phán nhất định về một trình bày nhất định của ngài. Ngôn từ vì thế không thể khái quát mà phải thật chính xác, tập chú.

Đức Phanxicô không tham dự một tranh luận mà là một cuộc đối thoại "rộng mở" (open) gần như để làm quen với thế giới vô thần bằng cách tự giới thiệu mình với người đối diện để họ hiểu mình là ai. Làm quen là chủ đích, không có bất cứ ý định bênh vực nào. Ngôn từ vì thế bộc trực hơn.

Đúng như nhận định của phát ngôn viên Tòa Thánh Lombardi, ngoài ngôn từ thông điệp, tông huấn, giáo lý, bài giảng, nay Đức Phanxicô đưa vào ngôn từ tự phát, tùy đối tượng ngài nói với. Trong ngôn từ tự phát này, ý hướng là điều quan trọng, chứ không phải chi tiết.

Đã đành, lời nào của Đức Giáo Hoàng cũng nhằm giáo huấn tín hữu Công Giáo. Nhưng lãnh vực giáo huấn thì có khác. Giáo huấn về đức tin có khác, mà giáo huấn về cách trình bày đức tin với người không tin, với người vô thần có khác với việc trình bày đức tin cho những người sẵn sàng tiếp nhận đức tin hay đã tiếp nhận đức tin rồi.

Vả lại, nếu đọc hết nội dung các cuộc phỏng vấn, ta thấy Đức Phanxicô không ngại đặt vấn đề với người vô thần như khi ngài yêu cầu Scalfari định nghĩa thế nào là Hữu Thể (Being). Bỏ đi những chữ như ông đúng, ông sai... thì đây đúng là một cuộc tranh luận để trình bày chân lý Công Giáo. Không thể kết luận rằng Đức Phanxicô tránh né "đụng độ".

Ngài chỉ theo một phương pháp khác thôi. Nếu không lầm thì Đức Bênêđictô theo đường diễn dịch, một con đường thật rõ ràng và chính xác, còn đức Phanxicô đặt nặng con đường qui nạp, đi từ những sự kiện vụn vặt vươn tới những nguyên tắc tổng quát, một con đường rất dễ bị hiểu lầm nếu bị cắt xén, để chỉ dừng lại ở sự kiện, điều mà người ta ngờ ngợ Magister đang lâm vào.

Trước đây, có lần chúng tôi ví Đức Phanxicô và Đức Bênêđíctô như hai lá phổi mà Giáo Hội ngày nay nhờ Chúa quan phòng có được. Ơn phúc này chính Đức Phanxicô là người ý thức rõ nhất. Cho nên chính ngài khuyến khích Đức Bênêđíctô "đến với chúng con" trong rất nhiều dịp kể cả trong việc "nhịp nhàng" nói chuyện với người vô thần lần này: kẻ tung người hứng. Mục tiêu tối hậu là trình bày cái nhìn tổng thể, chân thực nhất về đức tin Công Giáo. Tân phúc âm hóa lần này, nếu gặt hái được điều gì, chắc chắn là công trình không phải của riêng Đức Phanxicô mà còn của các vị tiền nhiệm nữa, trong đó, cụ thể nhất là Đức Bênêđíctô XVI.

Đức Phanxicô và trải nghiệm huyền nhiệm

(Ngày 11/10/2013)

Cho đến nay, phần đông thức giả quả quyết rằng cuộc phỏng vấn Đức Phanxicô của nhà báo vô thần Scalfari được soạn lại sau khi sự kiện đã xảy ra, vì ông không dùng máy ghi âm, cũng không ghi chép gì cả trong cuộc phỏng vấn quan trọng này.

Trong việc soạn lại ấy, Scalfari dĩ nhiên không thể giữ trọn được y nguyên những từ ngữ chính xác của Đức Phanxicô cũng như thứ tự các sự kiện được ngài tiết lộ. Nhưng căn cứ vào lời Cha Lombardi cũng như cung cách cho in lại bài phỏng vấn trên hai cơ quan chính thức của Tòa Thánh là tờ L'Osservatore Romano và trang mạng của Vatican, người ta bắt buộc phải kết luận rằng nội dung bài phỏng vấn được soạn lại kia vẫn nói lên được điều Đức Phanxicô muốn nói, tuy không hẳn trăm phần trăm. Nhất là đoạn nói tới cảm nghiệm huyền nhiệm của ngài. Cảm nghiệm ấy xuất hiện lúc nào? Scalfari rất có thể sai khi cho rằng nó xảy ra trước khi Đức Phanxicô chấp nhận việc bầu ngài làm giáo hoàng. Vì một lẽ hiển nhiên: ngài không lui vào một căn phòng nào khác để suy nghĩ mà chấp nhận ngay kết quả cuộc đầu phiếu tại Nhà Nguyện Sistine. Vả lại, không hề có phòng nhỏ nào khác cạnh bancông Nhà Thờ Thánh Phêrô. Nhưng chắc chắn ông đúng ở điểm mấu chốt: cảm nghiệm ấy có xảy ra và xảy ra ngay ngày đầu tiên của triều giáo hoàng Phanxicô.

Nhà báo John Allen dựa vào hai chứng cớ để quả quyết như trên. Thứ nhất là phát biểu của một vị Hồng Y, không phải Hoa Kỳ. Vị này, nhân một cuộc yết kiến riêng với Đức Phanxicô, đã thành thực thưa với ngài rằng "Đức Thánh Cha không y như người con biết trước đây" vì ngài quá thoải mái và tự phát chứ không dè dặt đắn đo như lúc còn ở Á Căn Đình. Theo vị Hồng Y này, Đức Phanxicô giải thích như sau: "Ngày tôi được bầu, một cảm thức vĩ đại đầy bình an và tự do nội thẳm xâm chiếm tôi và không bao giờ rời tôi nữa".

Chứng cớ thứ hai từ cuộc phỏng vấn Đức Ông Dario Viganò của Cha Rosica, giám đốc chương trình truyền hình Muối Và Ánh Sáng. Đức Ông Viganò hiện là giám đốc Trung Tâm Truyền Hình Vatican. Ngài có mặt tại Vatican ngay sau khi Đức Phanxicô được bầu làm giáo hoàng và trước khi tân giáo hoàng ra mắt công chúng tại quảng trường Nhà Thờ Thánh Phêrô và toàn thế giới.

Đức ông cho hay khi Đức Phanxicô rời Nhà Nguyện Sistine để bước về phía bancông, mắt ngài nhìn xuống, không một nụ cười, không nói với ai một tiếng, bước đi như thể một người vác nặng nghìn cân!

Nhưng rồi, Đức Phanxicô bước vào Nhà Nguyện Phaolô, nơi có đặt sẵn một chiếc ngai để ngài sử dụng mà cầu nguyện. Nhưng ngài không dùng ngai đó, mà yêu cầu hai vị Hồng Y đang sánh bước với ngài, là Jean-Louis Tauran (vị sau này sẽ công bố "Habemus Papam", chúng ta đã có giáo hoàng) và Agostino Vallini (Giám quản Rôma), cùng ngồi với ngài ở hàng ghế sau của nhà nguyện.

Đức Giáo Hoàng dành ít phút để thinh lặng cầu nguyện và, theo mô tả của Đức Ông Viganò, "ngài đứng dậy, quay chung quanh, và lúc ấy, ngài là một con người khác hẳn". Đức ông bảo rằng: "dường như Thiên Chúa đích thân ngỏ với ngài rằng: 'Con đừng lo lắng, Cha ở đây với con'". Đức ông quả quyết rằng giây phút ấy đã được quay phim, chỉ là chưa được trình chiếu mà thôi.

Truyện cũ

Nhiều người tỏ ra nghi ngờ việc trên, lý do: từng đã có tường trình tương tự về vị tiền nhiệm của Đức Phanxicô và sau đó, tường trình này bị chính thức bác bỏ. Quả thế, cuối tháng Tám vừa qua, tờ The Guardian (theguardian.com) loan tin: Đức Giáo Hoàng hưu trí Bênêđíctô nói rằng chính Thiên Chúa bảo ngài từ chức. Ngài cho biết đây không phải là một cuộc hiện ra hay ngài nghe thấy chính tiếng Thiên Chúa nói, nhưng là một trải nghiệm huyền nhiệm, trong đó, Thiên Chúa linh hứng nơi ngài một "khao khát tuyệt đối" dành trọn cuộc đời còn lại để cầu nguyện hơn là tiếp tục làm giáo hoàng.

Báo chí hồi đó cho rằng tiết lộ này mâu thuẫn với lời giải thích của chính Đức Bênêđíctô XVI ngỏ với các vị Hồng Y khi tuyên bố từ chức vào ngày 11 tháng Hai: "sức khỏe của tôi, do tuổi già, không còn thích hợp cho việc thi hành thỏa đáng thừa tác vụ Phêrô nữa".

Chính vì thế, Đức TGM Georg Ganswein, thư ký riêng của Đức Bênêđíctô XVI, đã lên tiếng quả quyết rằng câu truyện về "trải nghiệm huyền nhiệm" không đúng sự thật, hoàn toàn bịa đặt "từ alpha tới omega", dù được hãng tin Zenit công bố.

Trường hợp Đức Phanxicô thì có khác, cho tới nay, chưa có lời nào từ Vatican bác bỏ nội dung cuộc phỏng vấn như Scalfari đã tường thuật, kể cả câu truyện bao quanh trải nghiệm huyền nhiệm.

Huyền nhiệm

Câu truyện về Đức Bênêđíctô cho ta biết đôi chút về nội dung cuộc trải nghiệm huyền nhiệm. Câu truyện về Đức Phanxicô chỉ cho ta biết hậu quả của trải nghiệm này: biến đổi nhân bản. Nội dung ra sao, ta không được biết chi tiết. Vậy thế nào là cảm nghiệm huyền nhiệm?

Từ điển Stanford có hai định nghĩa về trải nghiệm này: nó là một trải nghiệm siêu tri giác hay tiềm tri giác giác quan (super or sub sense-perceptual) giúp ta làm quen với các thực tại hay tình trạng sự vật một cách mà tri giác giác quan không thể nào với tới.

Từ điển Standford cho rằng trái với chủ trương của William James, nhà tâm lý học nổi tiếng của Mỹ trước đây, các tác giả huyền nhiệm không coi trải nghiệm huyền nhiệm chỉ là một trải nghiệm thoáng qua rồi tắt ngúm. Trái lại, trải nghiệm này có thể là một trải nghiệm kéo dài. Như mô tả của chính Đức Phanxicô.

Đó là theo nghĩa rộng, còn theo nghĩa hẹp, trải nghiệm huyền nhiệm là một trải nghiệm nên một (unitive) với các thực tại hay tình trạng sự vật theo nghĩa siêu tri giác giác quan hay tiềm tri giác giác quan, một cách mà tri giác giác quan không thể nào vươn tới. Nhờ đó, cá nhân thấy mình nên một với Thiên Chúa của Kitô Giáo chẳng hạn.

Sự nên một với Thiên Chúa này được mô tả nhiều cách. Thánh Bernard thành Clairvaux (1090-1153), chẳng hạn, cho rằng đây là "tính hỗ tương của tình yêu"; Henry Suso (1295-1366) ví việc kết hợp này như giọt nước rơi vào trong rượu, tiếp nhận mầu và vị của rượu; Jan van Ruysbroeck (1293-1381) mô tả sự kết hợp này như "sắt trong lửa và lửa trong sắt". Nói chung, phong trào huyền nhiệm Kitô Giáo

thời Trung Cổ mô tả 3 giai đoạn của trải nghiệm huyền nhiệm: thinh lặng (một giáo đầu cho cuộc kết hợp với Thiên Chúa), kết hợp toàn diện, ngất ngây (như ra khỏi mình).

Còn về đặc điểm của trải nghiệm huyền nhiệm, người ta thường nêu ra các điều sau đây:

1. Khôn tả

William James cho rằng khôn tả là đặc điểm chủ yếu của trải nghiệm huyền nhiệm. Thành thử, phải tránh lời nói và giữ thinh lặng về những gì được mặc khải trong trải nghiệm. Phải chăng vì vậy, Đức Phanxicô không cho biết chi tiết nào về chính trải nghiệm huyền nhiệm của ngài cả. Chính vì thế mà gọi nó là trải nghiệm: không nói về nó được nhưng trải nghiệm về nó được. Và nếu có nói, thì chỉ có thể nói theo thể phủ định (thần học phủ định) như Pseudo-Dionysius (khoảng năm 500), người cho rằng Thiên Chúa là "mầu nhiệm tuyệt đối không thể nào hiểu được hơn hết". Hoặc nói bằng phúng dụ (metaphor), loại suy hay biểu tượng.

2. Nghịch thường

Các học giả hay nhấn mạnh tới bản chất nghịch thường của trải nghiệm huyền nhiệm. Theo nguyên ngữ, nghịch thường chỉ một điều gây ngạc nhiên hay "trái với mong chờ". Đôi khi, nghịch thường còn do việc sử dụng một hình thức ngôn từ không đúng theo luận lý để chuyên chở điều không dự tính là vô lý về luận lý. Điều này có thể do hiệu quả của mỹ từ pháp (rhetorical effect) hay vì sự khó khăn trong việc chuyên chở một tư tưởng nếu không dùng tới xảo thuật ngữ học. Ngoài ra, cũng như trong triết học, một nghịch thường có thể bao gồm một mâu thuẫn luận lý bất ngờ. Thậm chí, có tác giả còn đồng hóa tính nghịch thường với một mâu thuẫn luận lý cố ý nữa.

Nhưng nói chung, không đủ lý do để cho rằng các tường trình về trải nghiệm huyền nhiệm buộc phải hàm nghĩa một phi lý về luận lý. Hai nghĩa sau của nghịch thường có thể phát sinh do việc người ta quá chú trọng tới ngôn từ thoái hóa về luận lý căn cứ nhiều vào nghĩa chiếu tự hơn hết. Trong trường hợp hai Đức Bênêđíctô và Phanxicô trên đây, nghịch thường chỉ có thể có nghĩa ngữ nguyên mà thôi.

3. Tính muôn thuở

Nhiều tác giả đi tìm các trải nghiệm huyền nhiệm chung nhất vượt lên trên các nền văn hóa và truyền thống. Như trải nghiệm hướng ngoại phổ quát (universal extrovertive experience) "nhìn ra ngoài quá bên kia giác quan" để nắm bắt Thể Đơn Nhất hay Tính Đơn Nhất (oneness) của mọi hữu thể trong và qua tính đa phức của vũ trụ, nắm bắt Thể Đơn Nhất ấy như sự sống hay ý thức bên trong của vũ trụ. Tính Đơn Nhất này được trải nghiệm như một thực tại khách quan thánh thiêng, trong một cảm thức "toàn phúc" và "hân hoan". Hay trải nghiệm hướng nội phổ quát nhất nguyên (universal, monistic, introvertive experience), "nhìn vào trong tâm thức" để thực hiện được một "ý thức tinh ròng" nghĩa là về phương diện hiện tượng luận, không trải nghiệm bất cứ điều gì.

Trải nghiệm của hai vị giáo hoàng hiện nay, nếu có, cùng lắm thuộc loại thứ nhất vừa kể, chứ không thuộc loại hai.

4. Tính trí năng

William James lưu ý tới tính trí năng (noetic quality) của trải nghiệm huyền nhiệm. Dù trải nghiệm này tương tự như trạng thái cảm xúc, nhưng những người từng trải nghiệm cho thấy đây cũng là trạng thái của nhận thức: tức trạng thái thông sáng, nhận ra sự thật sâu sắc mà trí khôn biện luận chưa bao giờ thăm dò được. Nó là rọi sáng, là mặc khải, đầy ý nghĩa và tầm quan trọng, nhưng không diễn tả chi tiết được. Điều này thấy rõ nơi trải nghiệm của Đức Phanxicô vì cho tới nay, ngài chưa bao giờ mô tả được nội dung cái nhìn thấu suốt đối với gánh nặng nghìn cân bỗng trở thành nguồn thanh bình và tự do khôn xiết.

5. Tính thụ động

William James cũng đề cập tới đặc tính khác của trải nghiệm huyền nhiệm là tính thụ động. Dù việc xuất hiện của trạng thái huyền nhiệm được hoạt động đầu tiên của ý chí làm cho dễ dàng, như tập chú, hay xuyên qua một thực hành thân xác nào đó, nhưng khi ý thức huyền nhiệm đã xuất hiện, thì nhà huyền nhiệm cảm thấy ý chí mình như thể không còn hiệu lực (in abeyance), con người mình hoàn toàn bị một sức mạnh cao hơn chiếm giữ. Nơi Đức Phanxicô, ta thấy hoạt động của ngài là một tìm kiếm của ý chí sau khi cảm nhận gánh nặng nghìn cân của chức vụ, khiến ngài bước vào Nhà Nguyện Phaolô, nhắm mắt và trải nghiệm huyền nhiệm xảy ra không biết như thế nào, chỉ biết sau đó, "ngài là một người khác hẳn" như mô tả của Đức Ông Viganò.

Tôn giáo và tâm linh

Một số người cho rằng trải nghiệm huyền nhiệm là trải nghiệm phổ quát, nó luôn có tính tâm linh, nhưng không nhất thiết tôn giáo. Tuy nhiên, mọi trải nghiệm tôn giáo có tính bản thân đều bắt nguồn từ trạng thái huyền nhiệm của ý thức, và mọi trải nghiệm huyền nhiệm đều là thành phần của tôn giáo. Theo một cuộc điều tra năm 1987 của Trung Tâm Nghiên Cứu Dư Luận Toàn Quốc (National Opinion Research Center) tại Chicago, thì 43 phần trăm người trưởng thành Hoa Kỳ cho rằng họ đã có một trải nghiệm huyền nhiệm nào đó. Tại Anh, các thăm dò công bố trong các năm 1978 và 1979 trên Tập San Nghiên Cứu Khoa Học Về Tôn Giáo (Journal for the Scientific of Religion), 56 phần trăm người đi nhà thờ cho rằng mình từng có những trải nghiệm loại này. Trong số này, những người cao tuổi, có giáo dục, năng đi nhà thờ hơn thường có nhiều trải nghiệm loại này hơn.

Xem thế, đủ biết trải nghiệm huyền nhiệm đã được hiểu một cách rộng rãi như thế nào. Phần lớn phản ảnh một cái hiểu bất chợt hoặc một điểm "ngộ" nào đó bất ngờ. Nhiều người bỗng hiểu ra ý nghĩa của một châm ngôn hay một công thức bèn phát ra một tiếng "a, ha" và cũng coi đây như một trải nghiệm huyền nhiệm; hoặc là thấy một giấc mộng nào đó bỗng trở thành sự thật dù là một phần, cho rằng mình đã có được một trải nghiệm huyền nhiệm. Và người ta cho rằng điều gì cũng có thể phát sinh ra trải nghiệm huyền nhiệm, bất kể đó là giấc mơ, lời nói, câu văn, âm nhạc, nghệ thuật, âm thanh, mùi vị, giấc mơ màng, ánh sáng kết cấu trên đất, trên biển, thiên nhiên, hay kinh nghiệm suýt chết (near-death experience, NDE). Chính vì thế, họ liệt kê đủ các phương pháp để tạo ra trải nghiệm huyền nhiệm như thôi miên, tự thôi miên, ăn chay, tụng niệm, nhẩy múa, kiểm soát hơi thở, yoga, thiền niệm, thậm chí cả nghi thức tính dục nữa.

Tuy nhiên, đa số các học giả cho rằng muốn chân thực, một trải nghiệm huyền nhiệm phải làm ta thay đổi hẳn lối sống. Hay ít nhất, trải nghiệm đó phải mang lại cho ta một cảm thức an vui, hân hoan, và lạc quan. Xét về mặt nhân bản mà thôi, đó là trải nghiệm của Đức Phanxicô.

Trải nghiệm của ngài chắc chắn không phải chỉ là trải nghiệm tâm linh hay nhân bản mà thôi, mà chủ yếu còn là một trải nghiệm theo nghĩa Kitô Giáo, một trải nghiệm luôn lấy Thiên Chúa làm đối tượng. Theo Thánh Terêxa thành Avila, trong trải nghiệm này, thân xác gần như biến đi. Ngài viết trong "Lâu Đài Nội Tâm" (The Interior Castle): trong trạng thái này, linh hồn "hoàn toàn chết cho sự vật trần thế, và chỉ còn sống cho Thiên Chúa... Tôi không biết trong trạng thái này, linh hồn còn đủ sức sống để thở không nữa. Đối với tôi, xem ra linh hồn không còn đủ; hay ít nhất nếu còn thở, thì linh hồn cũng không còn ý thức được".

Đức Phanxicô và hội chứng "người con trai trưởng"

(Ngày 13/10/2013)

Với cuộc thăm viếng Assisi ngày 4 tháng Mười vừa qua và việc công bố Thượng Hội Đồng Giám Mục bàn về gia đình và hôn nhân, cảm tình và ngưỡng mộ dành cho Đức Phanxicô càng lên cao hơn nữa. Tuy nhiên, song song với cảm tình và sự ngưỡng mộ ấy, Đức Phanxicô đang càng ngày càng phải đối diện hơn với hội chứng "người con trai trưởng".

Hẳn ai cũng nhớ câu truyện người con trai hoang đàng, một dụ ngôn được nhiều quan sát viên cho rằng rất thích hợp nhắc lại trong bối cảnh hiện nay với Đức Phanxicô đứng đầu Giáo Hội. Vì xét trong căn bản, trong 8 tháng qua, ngài liên tục giết nhiều con bê béo cho những con trai con gái hoang đàng của thời hậu hiện đại, qua hành động vươn tay ra với người đồng tính, với phụ nữ, người vô tín ngưỡng và gần như mọi thành phần khác bên trong và bên ngoài Giáo Hội từng cảm thấy mình bị coi như người xa lạ.

Hẳn nhiên, số con hoang đàng này phải thật đông, nên Đức Giáo Hoàng mới được nổi tiếng đến thế.

Nhưng cũng vì vậy, càng ngày càng có những người Công Giáo thấy mình giống người con trưởng trong dụ ngôn, ngỡ ngàng nghĩ rằng điều mình luôn cho là lòng trung thành với Giáo Hội, với ngôi vị giáo hoàng, thực sự đã bị hạ giá một cách "khó lòng chối cãi".

Nhà báo John Allen cho rằng họ thuộc ít nhất ba nhóm người sau đây:

* Một số nhân viên tại Vatican, những người từ trước đến nay luôn làm tất cả những gì mình có thể làm được để phục vụ người kế vị Thánh Phêrô, nay cảm thấy ngã lòng khi nghe Đức Giáo Hoàng mô tả môi trường làm việc của họ nặc mùi duy nghiệp, "qui Vatican", và là "phong cùi" kiểu triều đình vua chúa.

* Một số người Công Giáo phò sự sống, những người từ trước đến nay vốn phục vụ quyền lợi Giáo Hội trong các vấn đề gây tranh cãi và đôi lúc khá không được lòng người như phá thai và hôn nhân đồng tính, nhưng nay bỗng có cảm thức: Đức Giáo Hoàng coi một số cố gắng của họ đặt không đúng chỗ hay quá đáng.

* Một số người Công Giáo có tinh thần phúc âm, cả giáo sĩ lẫn giáo dân, những người vốn cố gắng tái khẳng định một ý thức mạnh mẽ về căn tính Công Giáo chống lại các lực lượng bị họ coi như đang tìm cách hạ giá căn tính này, nay thấy như Đức Giáo Hoàng đang làm họ hụt hẫng. Một số nhà lãnh đạo thuộc thể loại hộ giáo tái sinh Công Giáo, chẳng hạn, đang rất hân hoan trong những ngày vừa qua khi nghe Đức Phanxicô cho rằng cải đạo là chuyện "vô nghĩa một cách long trọng".

Cho đến lúc này, những trực cảm trên có được biện minh hay không và được biện minh tới đâu không hẳn là trọng điểm. Nhưng chúng có đó, và những người với lỗ tai thính trong các giới này xem ra đang rất lo âu.

Hôm thứ Ba vừa qua, văn sĩ Công Giáo Ý nổi tiếng là Vittorio Messori có cho đăng một tiểu luận trên trang nhất tờ báo hàng đầu của Ý là tờ Corriere della Sera, biểu lộ nhiều "hoài cảm nhớ thương" mà nhiều người trong giới của ông dành cho Đức Bênêđíctô XVI. Ông nhắc bạn đọc nhớ rằng đối với các tín hữu, trung thành với Đức Giáo Hoàng, bất kể vị ấy là ai, "được đặt căn bản trên một điều gì đó rất khác với cảm tình cá nhân".

Messori nổi tiếng trước nhất nhờ là tác giả của Phúc Trình Ratzinger, một cuộc phỏng vấn gây chấn động "ông hoàng tín lý" của Vatican lúc ấy, và cũng là người đã cho xuất bản cuốn "Vượt Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng" với Đức GH Gioan Phaolô II năm 1994. Lịch sử ấy đem lại cho ông một khả tín tính rất mạnh, nhất là trong các giới Công Giáo có chút bảo thủ.

Một cách gián tiếp, dường như Messori muốn nhắn gửi bạn đọc rằng: dù thích hay không, nhưng vì Đức Phanxicô là giáo hoàng, nên bạn cũng phải vào hàng ngũ thôi.

Một nhà văn Ý khác, là Andrea Gagliarducci, cũng cho đăng một bài báo bàn tới điều các giới bên trong Vatican đang ưu tư hiện nay.

Ông viết: "Hiện nay, xem ra điều người ngoài Giáo Hội nghĩ quan trọng hơn điều người bên trong Giáo Hội nghĩ. Vatican [dưới thời Đức Phanxicô] hướng về các VIP [những nhân vật nổi tiếng] để cổ

vũ việc mình làm, và không bao giờ nghĩ tới việc trân qúi các nhà chuyên nghiệp cao cấp mình vốn đang có".

Về hiện tượng này, John Allen nhận định rằng nhờ sống phần lớn 3 tuần lễ qua tại Rôma, ông thấy rõ phản ứng bên trong Vatican đối với vị tân giáo hoàng vẫn hết sức tích cực. Phần đông thỏa mãn khi thấy những cải cách hằng mong chờ từ trước nay đã bắt đầu được thực thi; người ta khó có thể cưỡng lại tâm tư này là bạn đang thuộc phe thắng thế.

Tuy nhiên, cùng một lúc, ông cũng nghe được những tiếng lầu bầu đại loại như "ước chi ngài đừng bắn bừa vào chúng tôi nữa". Trên một bình diện nào đó, Đức Phanxicô không việc chi phải bối rối. Cuộc thay đổi nào cũng gặp chống đối cả, trong khi ngài được sự hỗ trợ lớn lao của quần chúng. Tuy thế, vẫn có hai lý do để tin rằng với thời gian, ngài sẽ lưu tâm tới sự nhậy cảm của những người con trai trưởng.

Thứ nhất, hiển nhiên ngài trân qúi sự hợp nhất trong Giáo Hội, do đó đã dành trọn buổi yết kiến chung, ngày 25 tháng Chín, cho chủ đề này. Hôm ấy, ngài cho hay: "Điều quan trọng là phải tìm cách xây dựng hiệp thông, dạy dỗ về hiệp thông, vượt qua các hiểu lầm và chia rẽ, bắt đầu từ gia đình, từ thực tại Giáo Hội. Thế giới chúng ta cần hợp nhất, chúng ta cần hòa giải và hiệp thông, và Giáo Hội là nhà của hiệp thông".

Biết rằng nhiều người Công Giáo cảm thấy mình bị bỏ rơi khi tầu rời sân ga, chắc chắn ngài sẽ tìm cách đem họ lên tầu mà vẫn không phản bội viễn kiến nòng cốt hay ý thức ưu tiên của mình.

Thứ hai, Đức Phanxicô là người đủ khôn khéo chính trị để chẳng chóng thì chầy, sẽ biết rõ mình cần những người con trai trưởng này mới mong thực thi được các chương trình của mình.

Một thành viên trong Hội Đồng 8 Hồng Y của Đức Phanxicô cho Allen hay: Đức Phanxicô tỏ ra quan tâm tới việc chăm sóc mục vụ cho các nhân viên Vatican. Ngài muốn họ thấy họ được trân qúi như những con người chứ không phải như những con ốc trong một cỗ máy. Một trong những việc có thể làm được trong khía cạnh này hẳn là việc ngài sẽ ý tứ hơn tới chiều kích tiêu cực trong ngôn từ sắc cạnh của ngài đối với nền văn hóa hiện nay tại Vatican, dù ngôn ngữ này xem ra rất cần thiết hiện nay.

Trong dụ ngôn người con trai hoang đàng, người cha cuối cùng đã lưu ý tới sự nhậy cảm của người con trai trưởng, nên đã kéo riêng anh ta ra để bảo đảm với anh ta rằng "mọi sự cha có đều là của con". Chắc chắn sẽ tới lúc, Đức Phanxicô làm như thế với các con trai con gái trưởng của ngài.

Nghĩ tới ta

Mục tử tốt chắc chắn không bỏ rơi 99 chiên ngoan, chỉ tạm thời xa chúng sau khi đã tin chắc chúng được an toàn, để đi tìm 1 chiên lạc. Chúa Giêsu từng long trọng tuyên bố rằng Người không để bất cứ người nào Chúa Cha trao cho Người phải "hư mất". Đức Phanxicô, với lửa Kitô bừng cháy trên huy hiệu, chắc chắn cũng đã đoan hứa như thế tại nhà nguyện Sistine và nhất là tại nhà nguyện Phaolô lúc ngài được trải nghiệm huyền nhiệm trong ngày được Hồng Y đoàn trao thừa tác vụ Phêrô cho.

Giáo Hội Việt Nam cũng đang chứng kiến một thay đổi đáng kể về lãnh đạo: Đức Cha Phaolô Bùi Văn Đọc một mạch từ giáo phận Mỹ Tho thăng chức Tổng Giám Mục phó với quyền kế vị tổng giáo phận Sài Gòn, một việc kế vị chắc chắn sẽ diễn ra nay mai, theo cung cách Hội Đồng Giám Mục Việt Nam "cám ơn" Đức Hồng Y Phạm Minh Mẫn dịp họp hội nghị toàn thể vừa qua. Và dù chưa được nhận dây Pallium, ngài vẫn đã được Hội Đồng Giám Mục Việt Nam bầu chọn vào chức chủ tịch của Hội Đồng. Nói theo kiểu phàm nhân, thì ngài thăng chức nhanh như gió. Cái nhìn đức tin thì tin vào một quan phòng đặc biệt.

Còn nhớ dịp cơ mật viện bầu Đức HY Ratzinger làm giáo hoàng, John Allen, lúc đó tường trình cho cả CNN, nhận định rằng: với người Công Giáo, vị nào được bầu cũng đều được họ thương yêu nhận

làm giáo hoàng của họ. Mà đúng như thế. Cảm tình dành cho Đức Bênêđíctô XVI và Đức Phanxicô trong ngày có lời "habemus papam" đều giống nhau. Người Công Giáo nào cũng yêu thương nhận các ngài là giáo hoàng của mình.

Hình như Đức Cha Phaolô Bùi Văn Đọc không được như thế nơi người Công Giáo Việt Nam, nhất là nơi một số người Công Giáo Việt Nam hải ngoại. Khi nghe tin ngài được thăng tổng giám mục phó với quyền kế vị, một số người cho phát tán bài nói của ngài mấy năm trước tại Nhà Thờ Thánh Phaolô Ngoại Thành ở Rôma và một nhận định của một linh mục Việt Nam về bài nói đó, ngụ ý không hoan nghênh việc bổ nhiệm này.

Vết thương cũ mấy năm trước nay hình như lại muốn được mưng lại. Và điều này quả không thích hợp chút nào với bầu khí Phanxicô mới mẻ của Giáo Hội Công Giáo nói chung. Bầu khí này đang mời gọi mọi người con của Giáo Hội Việt Nam, cả giáo phẩm lẫn giáo sĩ và giáo dân hồi tâm nhận trách nhiệm của mình trong việc tạo ra và khoét sâu vết thương kia và tìm mọi cách để nó đừng mưng lại.

Cụ thể là Đức TGM phó Bùi Văn Đọc. Điều ngài quả quyết: Giáo Hội Việt Nam có trách nhiệm phải phúc âm hóa cả người Cộng Sản nữa, không sai chút nào với tinh thần Tin Mừng của Chúa Giêsu thành Nadarét. Người đến cứu mọi người, kể cả người Cộng Sản, không như người Jansenists ngày nào, cho rằng Người chỉ cứu một nhóm người nhỏ xíu, qui tụ dưới đôi tay xuội lơ thu gọn gần thân mình của Người trên Thánh Giá. Nhưng phải tới năm 2013, người đứng đầu Giáo Hội Công Giáo với một sức hấp dẫn vượt bực mới dám công khai nói thế. Đức Cha Đọc nói hơi sớm hơn thế dù không có được sức hấp dẫn của Đức Phanxicô. Vả lại ở Nhà Thờ Thánh Phaolô Ngoại Thành, ngài nói thế nhắm vào ai? Thiển nghĩ nay là lúc các chủ chăn Việt Nam đi theo khuôn thước của Đức Phanxicô và nhất là cung cách cư xử của người cha đối với người con trưởng: lắng nghe và xoa dịu sự nhậy cảm của anh ta. Tình cha con là trọng, xá chi lối ăn nói. Vả lại tương lai Giáo Hội Việt Nam cần cả bàn tay đóng góp của những người con, không hẳn là trưởng, nhưng ưa "lầu bầu" này.

Phần những người con "lầu bầu", thiển nghĩ họ cần nhận phần trách nhiệm của mình trong việc tạo ra và khoét sâu vết thương ngày nào. Là nạn nhân của chế độ bạo tàn Cộng Sản, ta không thể chịu được thái độ của những người bênh vực chủ nghĩa ấy. Phản ứng của ta vì thế không hẳn phi lý. Tuy nhiên, đã có những quá trớn trong phản ứng này. Nhiều người chỉ trích điều họ gọi là "mục vụ xin tiền" của các giáo phẩm và giáo sĩ Việt Nam, nhưng khôi hài một điều là chính họ cũng làm "mục vụ xin tiền", bằng cách bán sách, tổ chức tiệc tùng gây quĩ, không hẳn để xây nhà thờ, phòng giáo lý, mà là nhiều mục tiêu khác, trong đó có mục tiêu chính trị. Dĩ nhiên, có những lạm dụng trong việc quyên tiền ngoại quốc từ Việt Nam. Nhưng phải nói sao về hội chứng nhà giầu, hay hội chứng "Mỹ viện trợ": nhận tiền của tôi phải theo ý tôi, không theo ý tôi, tôi "cúp viện trợ". Kết quả: chỉ Giáo Hội Việt Nam bị thiệt thòi thôi.

Thời gian ấy, nhiều vị giáo phẩm Việt Nam bị công khai mang ra "hành tội" trước công luận "internet" với đủ thứ ngôn từ kiểu đấu tố của Cộng Sản ngày nào. Lạ một điều, dù nay sự thật đã phơi bày, nhiều sự kiện rành rành chứng minh một số vị không làm tay sai cho Cộng Sản. Nhưng cả những ông vênh vang học vị tiến sĩ, cũng chưa có ai can đảm lên tiếng xin lỗi, hay ít nhất để đính chính cả. Ai trong chúng ta cũng nặng tình với Giáo Hội Việt Nam, không ai muốn Giáo Hội ấy bị thương tổn, kể cả thương tổn ta cho là do "thoả hiệp" với Cộng Sản gây ra. Nhưng cung cách phản ứng của ta vô tình càng đẩy những người của ta về phía địch. Thái độ của người cha đã khiến người con "lầu bầu" chịu cùng vào chung vui với gia đình hẳn là bài học quí giá. Hai thái độ này, thái độ của người cha và thái độ sau đó của người con trưởng, nếu được đem áp dụng vào Giáo Hội Việt Nam, chắc chắn sẽ vực Giáo Hội này lên, đủ sức đương đầu với bất cứ thế lực đen tối nào.

Sẽ không thể có ngụy giáo hoàng

(Ngày 28/10/2013)

Không thiếu người hoài nghi khi Đức Bênêđíctô XVI tuyên bố thoái nhiệm. Bóng ma hai, ba vị giáo hoàng tranh chấp nhau thuở nào ám ảnh họ. Đến nỗi có người cho rằng không được gọi vị giáo hoàng

hưu trí là Đức Thánh Cha (His Holiness); ngài không nên ăn vận thế này thế nọ để đừng tạo cảm tưởng có hai vị giáo hoàng cùng tại thế và cùng hiện diện tại Vatican.

Việc Đức Bênêđíctô XVI "thực sự" sống cuộc sống cầu nguyện và suy tư, không hề lên tiếng về bất cứ biến cố thời sự nào của Giáo Hội, nhất là các biến cố liên hệ tới việc quản trị Giáo Hội, đã dần dần đánh tan các hoài nghi và lo ngại trên. Nhất là việc xuất hiện của Đức Phanxicô với một triết lý sống hoàn toàn phục vụ Giáo Hội và cởi mở với mọi người, càng giúp đánh tan các hoài nghi và lo ngại ấy.

Có chăng, các hoài nghi và lo ngại trên chỉ còn phảng phất đâu đó trong đầu óc một vài nhà báo có não trạng hoài nghi thâm căn cố đế. Sự phảng phất này đã được tờ *Il Messagero* phát biểu ngày 22 tháng Mười vừa qua, khi phỏng vấn Đức TGM Georg Ganswein, người hiện đứng đầu phủ giáo hoàng và vừa phục vụ đương kim giáo hoàng vừa vẫn phục vụ giáo hoàng hưu trí trong tư cách thư ký riêng cùng một lúc.

Nhiệm vụ kép trên đây quả là một thách thức lớn vì Đức TGM Ganswein cho rằng trước ngài, chưa có ai đảm nhiệm một lúc hai nhiệm vụ như thế cả. Tuy Đức TGM Ganswein không nói tới tình hình tế nhị của việc một lúc có hai vị giáo hoàng trong Giáo Hội, nhưng khi nói tới thách thức lớn của nhiệm vụ kép này, hẳn ngài ngụ ý muốn nhắc ta nhớ tới tình huống ấy.

Chính vì vậy, *Il Messagero* đã hỏi ngài về khả năng có thể có một giáo hoàng chống đối (anti-pope) và một giáo hoàng trị vì hay không. Đức TGM Ganswein cương quyết cho rằng việc đó sẽ không thể nào có cơ hội xẩy ra được. Ngài nói: "bất cứ ai biết Đức Bênêđíctô XVI đều biết rằng nguy cơ này không hề có. Ngài đã không bao giờ pha mình và hiện cũng không hề pha mình vào việc quản trị Giáo Hội; đó không phải là phong thái của ngài. Hơn nữa, thần học gia Ratzinger biết rằng mọi lời của ngài được công bố ra đều sẽ lôi kéo chú ý, và bất cứ điều gì ngài nói đều sẽ bị hiểu như là ủng hộ hay chống đối người kế vị. Cho nên, ngài sẽ không bao giờ can thiệp một cách công khai. Giữa ngài và Đức Phanxicô, có một mối liên hệ quí mến nhau cách thành thực và một tình âu yếm anh em".

Tình quí mến và âu yếm anh em này đã khiến hai vị giáo hoàng năng liên lạc với nhau không những bằng điện thoại mà còn bằng gặp gỡ đích thân, thậm chí, cùng xuất hiện trước công chúng nữa. Tuy nhiên, không phải chỉ có thế: Đức Phanxicô còn coi Đức Bênêđíctô như người cha trong gia đình, mà hễ có việc chi cần vấn kế, như việc xử lý các vụ giáo sĩ lạm dụng tình dục trẻ em, là chạy đến hay trước khi đi đâu xa, như đi chủ tọa Ngày Giới Trẻ Thế Giới, đều đến chào kính.

Và người cha này luôn được "người con" lợi dụng mọi dịp để ca tụng, đề cao, làm rạng danh. Hãng tin Zenit, khi loan tin cuộc phỏng vấn trên cũng loan tin buổi lễ trao giải thưởng Ratzinger cho hai nhà thần học Richard A. Burridge và Christian Schaller. Burridge là một giáo sư, học giả kinh thánh, khoa trưởng King's College, London và là Mục Sư trong Hiệp Thông Anh Giáo. Schaller là một giáo sư giáo dân, hiện giảng dạy Thần Học Tín Lý và là phó giám đốc Viện Bênêđíctô XVI tại Regensburg. Cả hai được chọn để lãnh giải thưởng Ratzinger năm nay, một giải thưởng hiện được coi như Nobel về thần học. Buổi lễ trao giải thưởng được đặt dưới sự chủ tọa của Đức Phanxicô.

Đức Giáo Hoàng coi việc này như một dấu chỉ "lòng biết ơn và tình âu yếm lớn lao của chúng ta dành cho Đức Giáo Hoàng Hưu Trí Bênêđíctô XVI". Nhân cơ hội này, ngài muốn trình bày một vài suy tư về "món quà thực sự độc đáo mà ngài [Đức Bênêđíctô] đã ban cho Giáo Hội với các cuốn sách về Chúa Giêsu Nadarét".

Đức Phanxicô nói: "tôi còn nhớ lúc cuốn đầu tiên xuất hiện, có người hỏi: chuyện này là chuyện gì đây? Giáo Hoàng đâu có viết sách thần học, ngài chỉ viết thông điệp thôi chứ!... Đức Giáo Hoàng Bênêđíctô chắc chắn cũng đã tự hỏi ngài như thế, nhưng trong trường hợp này, cũng như từ bao giờ, ngài vẫn luôn vâng theo tiếng Chúa trong ý thức trong sáng của ngài. Qua những cuốn sách này, ngài không đưa ra giáo huấn theo nghĩa đúng của nó, và ngài cũng không nghiên cứu theo khoa bảng. Ngài ban tặng Giáo Hội và mọi người điều quí giá nhất đối với ngài, đó là kiến thức của ngài về Chúa Giêsu, thành quả của nhiều năm nghiên cứu, suy tư thần học và cầu nguyện. Vì Đức Bênêđíctô XVI quì gối khi thực hiện công trình thần học; mọi người chúng ta đều biết thế. Và ngài làm cho công trình

ấy đến tay mọi người.

“Không ai có thể đo lường được thiện ích ngài mang lại qua tặng phẩm này; chỉ có Chúa mới biết mà thôi! Tuy nhiên, mọi người chúng ta đều trực cảm điều ấy cách nào đó, vì đã được nghe nhiều người lên tiếng cho biết nhờ các cuốn sách về Chúa Giêsu Nadarét, họ đã nuôi dưỡng được đức tin họ, đã thâm hậu hóa được đức tin ấy hoặc đã thực sự tiếp cận được Chúa Kitô lần đầu tiên theo lối trưởng thành, bằng cách phối hợp nhu cầu lý trí với việc tìm kiếm nhan thánh Thiên Chúa.

“Cùng một lúc, công trình của Đức Bênêđíctô còn kích thích cả một mùa nghiên cứu mới về Tin Mừng giữa lịch sử và Kitô học, những đề tài mà hội nghị chuyên đề của anh chị em cũng tập chú vào...”

tá yêu thương của Đức Cha dành cho Giáo Hội và tôi xin Thiên Chúa thưởng công bội hậu.

Tôi xin Đức Cha đừng quên cầu nguyện cho tôi. Xin Chúa Giêsu chúc phúc cho Đức Cha và xin Nữ Trinh Rất Thánh che chở Đức Cha”

Vatican 7 tháng Mười, 2013

Thân ái,

Phanxicô

Một số nhận định chuyên môn về thông điệp Ánh Sáng Đức Tin

(Ngày 07/11/2013)

Nhân dịp Đức Phanxicô công bố thông điệp đầu tiên của ngài, tạp chí America có yêu cầu một số nhà thần học và lãnh đạo Giáo Hội tại Hoa Kỳ viết lời bình luận. Năm vị sau đây đã đáp lại lời yêu cầu này: Drew Christiansen SJ, Robert P. Imbelli, James Martin SJ, Peter Folan SJ và Christiana Z. Peppard

Biết Đấng chúng ta yêu mến,

Linh mục Drew Christiansen, S. J., cựu chủ bút của America, và hiện là học giả thỉnh giảng của Boston College, thì cho rằng thông điệp Ánh Sáng Đức Tin phần lớn phản ảnh tư duy của Đức Bênêđíctô XVI: nại nhiều tới các tiến sĩ của Giáo Hội, thánh thiêng hóa triết lý Hy Lạp và ưu tư nhiều đối với chủ nghĩa vô thần thế kỷ 19. Song song với những điều đó là việc quan tâm tới chân lý đơn nhất như là đối tượng của đức tin, tới việc bênh vực tính toàn vẹn của kho tàng đức tin, tới ngữ cảnh Giáo Hội của Đức Tin và tới trách nhiệm của huấn quyền trong việc gìn giữ tính toàn bộ của đức tin chống lại sự xâm thực của thời gian.

Dĩ nhiên, vì là bản văn phần lớn do Đức Bênêđíctô XVI soạn thảo, nên Thông Điệp nhiều lần nói tới sự kình chống hiện đại giữa đức tin và lý trí. Đồng thời, Thông Điệp cũng có những đoạn tích cực tuyệt vời nói tới việc con người đi tìm Thiên Chúa và việc ánh sáng đức tin soi sáng cho khoa học.

Nói tới những người không có đức tin nhưng đi tìm Thiên Chúa, Thông Điệp thừa nhận rằng “người có tinh thần tôn giáo cố gắng thấy các dấu hiệu của Thiên Chúa, trong kinh nghiệm của cuộc sống hàng ngày, trong chu kỳ các mùa, trong tính mầu mỡ của trái đất và trong

chuyển động của vũ trụ" (số 35). Thông Điệp còn nói thêm: "Bao lâu họ thành thực mở lòng mình ra đón nhận tình yêu và lên đường với bất cứ thứ ánh sáng nào họ tìm thấy, thì người tìm kiếm đã đang ở trên đường dẫn tới đức tin, dù họ không biết như vậy".

Đàng khác, đức tin chiếu soi trọn sự sống, kể cả việc tìm kiếm của khoa học: "Đức tin khuyến khích nhà khoa học không ngừng cởi mở với thực tại trong mọi nét phong phú khôn lường của nó… Đức tin làm sống dậy ý thức phê phán bằng cách ngăn cản không cho nó tự hài lòng với các công thức của mình và giúp nó hiểu ra rằng thiên nhiên luôn lớn lao hơn. Bằng cách kích thích sự bỡ ngỡ trước mầu nhiệm sâu thẳm của sáng thế, đức tin mở rộng các chân trời của lý trí, dõi nhiều ánh sáng hơn cho một thế giới đang tự cởi mở đối với cuộc tìm hiểu của khoa học" (số 34). Dù trong thần học căn bản, những động lực thúc đẩy cho khoa học tiến bộ này có thể được giải thích như các biểu hiện của đức tin tiềm ẩn bên ngoài Chúa Kitô, nhưng khi nhìn bằng con mắt đức tin bởi những khoa học gia tín hữu như Teilhard de Chardin, chúng có cái chiều sâu Kitô (Christic depth). Chính cái chiều sâu lớn hơn của sự sống trong đức tin này là điều hai vị giáo hoàng tác giả muốn ta chú ý.

Cha Christiansen cho rằng khó nhận ra phần đóng góp riêng của Đức Phanxicô. Ngài nghĩ phần đóng góp này nằm ở chương 3 "tôi trao lại cho anh chị em điều chính tôi đã nhận được" đề cập tới việc thông truyền đức tin, và ở chương 4 "Thiên Chúa chuẩn bị cho họ một kinh thành", đề cập tới vai trò đem lại sự sống của Đức Tin trong gia đình và trong xã hội. Nhưng nếu thế thì ta phải ngạc nhiên vì Giáo Hội học ở đây xem ra không phải là Giáo Hội học phục vụ của Đức Phanxicô (Giáo Hội ở ngoài phố, nơi tai nạn có thể xẩy tới) mà là Giáo Hội học bảo vệ đức tin khỏi sai lầm của Đức Bênêđíctô. Đáng lẽ ở đây, tín hữu nên nhận được một vài tầm nhìn thông sáng của Đức Phanxicô liên quan tới việc dấn thân của Giáo Hội vào một thế giới có khả năng gây chấn thương.

Tuy nhiên, các số 37-39 đã đề cập tới việc chia sẻ Đức Tin và nhấn mạnh tới bản chất cộng đồng và bản chất Giáo Hội của Đức Tin. Phần lớn chương 3 dành để nói về việc thông truyền đức tin qua bí tích. Chương 4 cho thấy nhấn mạnh mục vụ của Đức Phanxicô, nhất là tiết kết thúc (các số 56-57) nói về vai trò ủi an của Đức Tin trước đau khổ và chết chóc.

Cha Christiansen lưu ý sợi chỉ xuyên suốt ba thông điệp *Deus caritas est*, *Caritas in veritate* và *Lumen fidei*. Hai thông điệp kia là của Đức Bênêđíctô. Thông điệp cuối là của chung Đức Bênêđíctô và Đức Phanxicô. Nhưng cả ba cùng đều nhấn mạnh tới tình yêu. Thật vậy, chính tình yêu Thiên Chúa giúp ta tin. Trích lời Thánh Phaolô "tin bằng tâm hồn" (Rm 10:10), thông điệp cho rằng "đức tin biết vì đức tin nối kết với tình yêu, vì tình yêu tự nó đem soi sáng tới". Chính đức tin mở mắt trí khôn. Thông điệp viết: "cái hiểu của đức tin được phát sinh khi ta nhận được tình yêu vô biên của Thiên Chúa, một tình yêu biến đổi ta từ bên trong và giúp ta nhìn sự vật bằng con mắt mới" (số 26). Điều thật đáng lưu ý là dù rất quan tâm tới nội dung chân lý của Đức Tin, Đức Bênêđíctô vẫn phải hướng tới tình yêu để đóng ấn cho luận điểm của ngài về đức tin, mang lại cho nó cái nét thuyết phục nhất. Vì nói cho cùng, Thiên Chúa "là chủ thể tự làm cho Người được biết đến và được nhận thức trong mối liên hệ liên bản vị" (số 36).

Không những thế, ngoài hình ảnh nhìn ra, một hình ảnh làm khởi điểm cho "Ánh Sáng Đức Tin", Đức GH còn nói tới chiều kích nghe, thậm chí cả chiều kích rờ mó nữa của đức tin. Tin

Mừng làm chứng cả ba chiều kích ấy: "điều chúng tôi được nghe, điều chúng tôi được nhìn bằng con mắt và rờ mó bằng tay chân, chính là lời ban sự sống" (1Ga 1:1; LF số 31). Thông điệp cho ta hay: tình yêu đích thực "kết hợp mọi yếu tố trong con người của ta và trở nên ánh sáng mới chỉ đường ta tiến tới cuộc sống vĩ đại và thỏa đáng" (số 27). Tình yêu sản sinh ra hiểu biết vì chỉ có nó mới ôm lấy trọn bản thân ta. Tình yêu ở tâm điểm đức tin là tình yêu kết hợp ta với Chúa Kitô.

Một sự hợp tác phi thường

Linh mục Robert P. Imbelli, thuộc tổng giáo phận New York, hiện dạy thần học tại Boston College, nhấn mạnh tới đặc điểm "bốn bàn tay" hình thành ra *Lumen Fidei*. Thực vậy, trước ngày ban hành thông điệp này, chính Đức Phanxicô tiết lộ đặc điểm này cho báo giới. Và một lần nữa, ở phần nhập đề của thông điệp, ngài viết rõ: Đức Bênêđíctô "gần như đã hoàn tất dự thảo đầu tiên của thông điệp về đức tin. Vì vậy, tôi rất cảm ơn ngài, và vì là anh em của ngài trong Chúa Kitô, tôi đã tiếp nối công trình tốt đẹp của ngài và thêm một số đóng góp của riêng tôi" (số 7).

Đây quả là một hợp tác phi thường khiến ta có thể gọi **Lumen Fidei** là chúc thư của Đức Bênêđíctô và Diễn Văn Đăng Quang của Đức Phanxicô.

Cha Imbelli cũng nhấn mạnh tới tình yêu như là trọng tâm của *Lumen Fidei* khi trích dẫn "Trong tình yêu của Thiên Chúa được mặc khải nơi Chúa Giêsu, đức tin đã nhận thức được nền tảng mà mọi thực tại và cùng đích của chúng dựa vào" (số 15). Đức tin của Kitô Giáo phát sinh từ cuộc gặp gỡ đầy yêu thương với Chúa Giêsu Kitô, Đấng chịu đóng đinh và đã sống lại. Do đó, nó bao gồm trọn con người, cả hiểu biết, lẫn ý chí và xúc cảm.

Thành thử, trước khi được phát biểu thành lời, đức tin là một thực tại cảm nghiệm sâu sắc đặt con người vào con đường mới, giúp họ thấy thực tại dưới một ánh sáng mới, tức ánh sáng của Chúa Kitô, và mở cho họ nhiều chân trời và sứ mệnh mới. "Những ai tin đều được biến đổi bởi tình yêu mà họ vốn mở trái tim ra chào đón trong đức tin" (số 21). Họ được biến đổi qua việc Chúa Kitô cư ngụ trong họ.

Điểm cũng cần nhấn mạnh là khía cạnh cộng đồng của đức tin. Cái "tôi" của người tín hữu được lồng vào cơ thể Giáo Hội của Chúa Kitô: Câu "tôi tin" của cá nhân được định vị trong câu "chúng tôi tin" của cộng đồng. Thông điệp viết một cách súc tích như sau về khía cạnh này "Việc mở ra cái "chúng tôi' đầy tính Giáo Hội này phản ảnh sự cởi mở của chính tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu không những chỉ là mối tương quan giữa Cha và Con, giữa "Con" và "Ngài", mà còn, trong Chúa Thánh Thần nữa, nghĩa là "Chúng ta", một hiệp thông các ngôi vị" (số 39).

Mặt khác, hiệp thông có tính Giáo Hội được cảm nghiệm và vui hưởng không có tính tự khép kín, mà đòi ta phải lãnh trách nhiệm đối với thiện ích chung. "Ánh sáng (đức tin) không chỉ soi sáng bên trong Giáo Hội, cũng không phải chỉ để xây dựng kinh thành vĩnh cửu đời sau; nó còn giúp ta xây dựng xã hội sao đó để xã hội cùng lên đường tiến tới một tương lai hy vọng" (số 51).

Bắt nguồn từ căn cội mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô, đức tin không thể làm ngơ nỗi thống khổ của thế giới. Nó tìm cách đem đến cho ta một phục vụ đầy hy vọng và yêu thương, nhất là cho những người thiếu thốn và bị bỏ rơi hơn cả. "Đức tin không phải là ánh sáng làm tan bóng tối, mà là ngọn đèn dẫn lối ta đi trong đêm và đủ cho suốt hành trình" (số 57).

Lời mời thân ái đối với người tìm kiếm

Linh mục James Martin, S.J., chủ bút toàn quyền của America, thì cho rằng *Lumen Fidei* là lời mời tốt đẹp đối với cả người tin lẫn người không tin. Dù thông điệp này chính thức ngỏ lời với các giám mục, linh mục, tu sị và tín hữu giáo dân, nó cũng thực lòng muốn nói với bất cứ ai đang tìm kiếm Thiên Chúa.

Theo cha Martin, không có gì đáng gọi là "tin tức" trong *Lumen Fidei*, ngoại trừ sự liên kết chặt chẽ giữa đức tin và "công lý, luật pháp và hòa bình" là những điều vốn phản ảnh quan tâm sâu sắc của Đức Phanxicô đối với người nghèo. Thực vậy, có cả một đoạn minh nhiên nói tới các khuôn mặt vĩ đại như Thánh Phanxicô Assisi và Mẹ Têrêxa, những người được đức tin thúc đẩy để trực tiếp làm việc cho người nghèo.

Cha Martin cho rằng ta không nên đoán già đoán non phần nào của thông điệp do Đức Bênêđíctô viết phần nào do Đức Phanxicô viết. Đúng hơn phải đọc thông điệp trong tính toàn bộ của nó, coi nó như công trình của cả hai vị Giáo Hoàng.

Như trên đã nói, Cha Martin cho rằng có những đoạn dành cho các tín hữu Kitô suy niệm cách phong phú, nhưng không thiếu những đoạn có ích cho cả người đang tìm kiếm, người hoài nghi, người bất khả tri và thậm chí cả người vô thần nữa.

Thực vậy, thông điệp có chỗ viết "đức tin phát sinh từ một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa". Nghĩa là, đức tin không phải chỉ là một diễn trình tri thức, hay câu trả lời cho các vấn nạn triết học, mà chủ yếu là một mối liên hệ, với Thiên Chúa, với Chúa Giêsu, và với người khác. Thông điệp cho rằng ta có thể thấy được sự tiến bộ trong mối liên hệ này qua dòng lịch sử, trong câu truyện cứu độ, bắt đầu với Ápraham. Bởi thế, đối với những người tìm kiếm, tha thiết muốn biết đức tin là gì, thay vì một tranh luận triết học hay thần học, *Lumen Fidei* trình bày một con người: đó là Chúa Giêsu. Thông điệp bảo: đức tin là "tham dự vào cách nhìn của Người". Ta tìm cách đi vào mối liên hệ với Người.

Nhưng điều trên không có nghĩa: trí hiểu không quan trọng. Đối với những người sợ rằng trở thành Kitô hữu có nghĩa phải vứt bỏ đầu óc đi, *Lumen Fidei* nhấn mạnh tới giá trị của con đường tri thức, và nhắc nhở ta nhớ tới kinh nghiệm của Thánh Augustinô. Gặp gỡ Thiên Chúa không khiến Thánh Augustinô phải "từ bỏ ánh sáng và việc nhìn" tức lý trí. Tuy nhiên, niềm khát khao chân lý của ta chỉ được thỏa mãn khi "ta thấy và yêu".

Vì "tình yêu là cảm nghiệm về chân lý". Do đó, đối với người vẫn đang tìm kiếm Thiên Chúa, thông điệp khuyến khích họ suy tư về chính cảm nghiệm yêu thương của họ, không phải như một xúc cảm phù du, mà như phương cách nếm thử đức tin và cảm nhận chân lý, cả hai sẽ dẫn tới đức tin. Nhờ suy tư về tình yêu mà Thiên Chúa tỏ cho ta thấy trong cuộc sống ta, như Dân Israel từng làm suốt trong lịch sử, dần dà ta sẽ nắm được đức tin. Dòng sau đây

thiết nghĩ rất hay đối với nhiều người đang tìm kiếm: "Bao lâu họ chịu thành thực mở lòng mình ra đón chào tình yêu và lên đường với bất cứ ánh sáng nào họ tìm thấy, họ đã đang trên đường dẫn tới đức tin rồi, dù không biết".

Chính vì vậy, đức tin là một hành trình. *Lumen Fidei* quả có nói tới "nẻo đường" và "con đường mà Đức Tin mở ra trước ta". Nói cách khác, đừng sợ tiếp tục tìm kiếm. Thông điệp cho hay "Người tôn giáo là người đi đường, họ phải sẵn sàng để được hướng dẫn, để ra ngoài chính họ, và tìm thấy Thiên Chúa luôn gây ngạc nhiên".

Ánh sáng soi đường ta đi

Linh mục Peter Folan, S.J., cha phó Nhà Thờ Chúa Ba Ngôi ở Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, đặc biệt lưu ý tới số 57 của *Lumen Fidei* là số cho rằng "đức tin không phải là ánh sáng xóa tan bóng tối mà là ngọn đèn dẫn lối ta đi trong đêm và đủ cho suốt hành trình". Ta cũng có thể nói như thế về chính thông điệp. Vì thông điệp này quả là ánh sáng cho Giáo Hội, và do đó, cho cả nhân loại, không phải vì nó xóa bỏ mọi thách đố đối với niềm tin, mà vì nó cho thấy đức tin của Giáo Hội sẵn sàng đối mặt với các thách đố đó. Cách riêng, *Lumen Fidei* sẵn sàng giáp mặt với 3 thách đố sau đây:

Thứ nhất, *đức tin là một kế hoạch chống đỡ*(backup). Những người đặt ra thách đố này coi đức tin như một chất trét (caulk) để trám các lỗ hổng giữa cảm nghiệm và giải thích khoa học. Họ cho rằng thời gian và nghiên cứu sâu sắc cuối cùng sẽ cho thấy đức tin là điều không cần thiết, nếu không muốn nói là nguy hiểm. Phần mình, *Lumen Fidei*, một mặt, nhấn mạnh tới tầm quan trọng của nhận thức và chân lý, vì "không có các giá trị này, ta không thể đứng vững, ta không thể tiến tới" (số 24) nhưng mặt khác nhận ra "một mất trí nhớ vĩ đại trong thế giới hiện đại" (số 25). Vì theo thông điệp này, các vấn đề về chân lý và nhận thức, xét trong nền tảng, chính là các vấn nạn về ký ức, vì "chúng liên hệ tới điều gì đó có trước chúng ta" (số 25). Mồi cho ngọn lửa âm ỉ của ký ức cá nhân và ký ức Giáo Hội cháy lên qua cầu nguyện và bí tích sẽ kết hợp chúng ta, trở nên không những một tế bào liên kết các giây phút rời rạc của thực tại, mà là chất cốt của chính thực tại, chỉ đường tiến tới tương lai bằng cách đặt cơ sở vững chắc trong quá khứ.

Cho dù đức tin không phải là một kế hoạch hỗ trợ đi, thì thách đố thứ hai cũng cho rằng *nó chỉ là một theo đuổi cá nhân*. Thách đố này, một thách đố phát sinh từ phong trào "tâm linh chứ không tôn giáo" và "đức tin đòi người ta vâng lời tối mặt", gặp được câu trả lời mạnh mẽ từ *Lumen Fidei*. Trong khi nhắc độc giả nhớ rằng "đức tin không phải là chuyện tư riêng, một ý niệm hoàn toàn cá nhân chủ nghĩa hay ý kiến bản thân", thông điệp nối kết đời sống đức tin với việc nhìn và nghe để kết luận rằng đức tin "nhằm tìm cách phát biểu thành lời và được công bố" (số 22). Đức tin nhận biết do việc nhìn và nghe này khiến mắt và tai ta tập chú "vào cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô" (số 30), một cuộc gặp gỡ "được duy trì sống động trong chủ thể tưởng niệm duy nhất kia là Giáo Hội" (số 38). Như thế, Giáo Hội làm sắc cái nhìn, cái nghe và cái nhớ của cá nhân, tức đức tin của cá nhân, y hệt như cá nhân làm sắc những thứ ấy nơi Giáo Hội.

Cuối cùng, *Lumen Fidei* ngỏ lời với những ai cho rằng *đức tin chỉ là vấn đề nội bộ của Giáo Hội*. Ngược lại thì có, giống như Giáo Hội, đức tin "đặt chúng ta vào cuộc hành trình; nó làm

khả hữu việc làm chứng và đối thoại với mọi người" (số 34). Mục đích của cuộc đối thoại này phải là sự nên một mà Chúa Giêsu từng cầu xin trong Tin Mừng Gioan 17, vì như lời Thánh Lêô Cả, "nếu đức tin không là một, thì nó không phải là đức tin" (số 47). Điều này kêu gọi nhiều hơn cả đại kết. Nó đòi sự hợp nhất của toàn thể nhân loại trong tình anh em, một tình anh em không dựa hoàn toàn vào bình đẳng, mà dựa vào "Cha chung làm nền tảng tối hậu" (số 54).

Ánh sáng đức tin, thứ ánh sáng làm tên và làm nội dung cho *Lumen Fidei*, không như "những tia sáng nhỏ nhoi chiếu sáng những khoảnh khắc mau qua chứ không có khả năng chiếu rọi đường đi" (số 3). Những tia sáng nhỏ nhoi này may ra chỉ giải quyết được một số thách đố trong nhất thời để rồi sau đó tàn lụi. Còn ánh sáng đức tin, như được trình bày trong *Lumen Fidei*, cho ta thấy cả con đường vượt qua các thách thức này và quá cả bên kia chúng nữa, một con đường mà Giáo Hội phải bước qua, không ngừng lữ thứ.

Sự hợp nhất của Đức Tin

Christiana Z. Peppard, một phụ tá giáo sư thần học, khoa học và đạo đức học tại Đại Học Fordham, New York, cho rằng dù những tham chiếu về Nietzche, Justin Tử Đạo, Dante và Dostoevsky có cho thấy văn phong của Đức Bênêđictô XVI; và các chủ đề như tương quan, thiện ích chung, kinh tế và tạo dựng có sắc thái của Đức Phanxicô, nhưng ta không nên đọc *Lumen Fidei* trong não trạng đó. Vì thông điệp không phải là một văn kiện vụn vặt. Dù được viết bởi một ủy ban đi chăng nữa, nó vẫn có sự thống nhất của một tiếng nói có thẩm quyền.

Đồng nhất và đồng thanh (univocality) là các chủ đề quan trọng trong *Lumen Fidei*, một thông điệp cố gắng khẳng định rằng "ánh sáng đức tin là ánh sáng độc đáo, vì nó có khả năng chiếu soi mọi khía cạnh của đời người" (số 4). Hiểu rõ các thực tại hiện nay, thông điệp ưu tư đối với "cuộc khủng hoảng chân lý của thời ta" và "chủ nghĩa duy tương đối", một chủ nghĩa hiện đang hết sức thách thức "câu hỏi về Thiên Chúa" (số 25). Nó nhấn mạnh sự quan trọng của tân phúc âm hóa; nó đặc biệt cho thấy khoa học và đức tin bổ túc cho nhau: "bằng cách kích thích sự bỡ ngỡ trước mầu nhiệm sâu thẳm của tạo dựng, đức tin mở rộng các chân trời của lý trí để nó dõi một ánh sáng lớn hơn trên thế giới vốn tự bộc lộ mình cho các tìm hiểu của khoa học" (số 34).

Nhưng thông điệp cũng khiến người ta tự hỏi: đồng thanh và đồng nhất nói về đức tin có nghĩa gì trong một thời điểm Giáo Hội hoàn vũ càng ngày càng ý thức được tính đa dạng trong nội bộ chính mình? Hai vấn đề sau đây đáng được xem sét thêm.

Thứ nhất, thông điệp coi sự thật của Giáo Hội như một cố gắng thẳng thắn và đồng thanh. Trong cách nhìn này, chân lý có tính huấn quyền; qua truyền thừa tông đồ, "huấn quyền bảo đảm sự tiếp xúc của ta với nguồn nguyên khởi và nhờ thế cung cấp cho ta sự chắc chắn có thể vươn tới lời của Chúa Kitô trong sự toàn vẹn của nó" (số 36). Cái nhìn này không hề là cái nhìn mới lạ. Nhưng nó vẫn đáng lưu ý trong ngữ cảnh những cuộc tranh luận liên tục về vai trò và thế giá của các thần học gia so với huấn quyền phẩm trật.

Thứ hai, phải hiểu sự hợp nhất Công Giáo ra sao? Dĩ nhiên, *Lumen Fidei* cho rằng phụng vụ, các bí tích, chứng tá Thánh Kinh, các kinh nguyện và tuyên xưng đức tin là những phương

thế Giáo Hội dùng để duy trì và truyền bá chủ trương nền tảng cho rằng "lịch sử của Chúa Giêsu hoàn toàn cho thấy sự đáng tin của Thiên Chúa" (số 15). Những thứ ấy bền vững qua mọi không gian và thời gian và là những nguồn căn bản của việc hợp nhất trong Đạo Công Giáo.

Nhưng hình ảnh hợp nhất trong Giáo Hội hoàn vũ là hình ảnh nào? Đây là câu hỏi quan trọng và phức tạp. Giáo Hội có thể hợp nhất trong đức tin, nhưng nhất định Giáo Hội không độc dạng trong thực hành hay trong hiến pháp của mình. Như thế, làm thế nào lồng tính đa dạng trong cảm nghiệm nhân bản của Giáo Hội hoàn cầu và đa nguyên này vào các phát biểu đồng thanh của giáo huấn huấn quyền? Câu hỏi này xem ra không được *Lumen Fidei* bàn tới, nó thường chỉ nhấn mạnh tới tính hợp nhất của Giáo Hội mà làm ngơ tính đa phức. Điều này là một đáng tiếc, vì hợp nhất không thể giản lược thành độc dạng (uniformity).

Quen biết

Linh mục Drew Christiansen, ngày 8 tháng 7, còn nhận xét thêm về *Lumen Fidei* mà cho rằng đức tin nhiên hậu đặt cơ sở trên cái biết của tình yêu Thiên Chúa trong đức Kitô, một cái biết mà người Việt Nam chúng ta gọi là *quen biết* hay cái biết có tính bản vị. Quả vậy, đức tin thuộc lãnh vực nhận thức liên bản vị bởi vì Thiên Chúa là Đấng có bản vị.

Đối với thế hệ học hỏi thần học ở thập niên 1960-1970, chủ trương về cái biết này của đức tin là điều căn bản. Sau khi nắm vững nền nhận thức học về phổ quát thể (universals) tức vấn đề làm thế nào các ý niệm nhân bản nắm bắt được thực tại, các sinh viên thường đọc những cuốn sách như cuốn *Personal Faith* (Herder, 1965) của Carlos Cirne-Lima, một triết gia Ba Tây. Ông chủ trương rằng kinh nghiệm gần gũi nhất với nhận thức đức tin nơi con người là nhận thức liên bản vị của một người được yêu và nhận thức đức tin về Thiên Chúa là một nhận thức bản vị.

Cùng lúc đó, Công Đồng Vatican II cũng đưa ra một chủ trương tương tự trong Hiến Chế Tín Lý về Mặc Khải, *Dei Verbum*, mà cho rằng đức tin là đức tin vào con người Chúa Kitô, Đấng ta yêu mến. Công Đồng tuyên bố rằng "Bởi thế, Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời thành xác phàm, đã được phái tới với 'con người như một con người'. Người 'nói lời Thiên Chúa' (Ga 3:34), và hoàn tất công trình cứu rỗi mà Cha Người đã trao cho Người thực hiện (xem Ga 5:36; 17:4). Thấy Chúa Giêsu là thấy Cha Người (Ga 14:9)" (DV số 4). Việc trình bày có tính qui Kitô về đức tin này của Vatican II đã được nhiều thần học gia phục vụ tại Công Đồng trong tư cách chuyên viên như Henri de Lubac chủ trương trước đó. Và đàng sau họ là công trình của nhà thần học Dòng Tên Pháp đầu thế kỷ 20 tức Pierre Rousselot (1878-1915).

Dù trong lúc "dầu sôi lửa bỏng" của cuộc khủng hoảng duy hiện đại (modernist), Rousselot cũng mạnh bạo trình bày cái nhìn thông sáng của ông về chiều kích tình yêu trong đức tin khiến ông được coi là lý thuyết gia về tình yêu.

Ta biết với triết học Kinh Viện, dù *Bonitas, veritas et pulchritudo convertuntur* (Thiện, chân, mỹ có thể trao hoán lẫn nhau), nhưng vì khuynh hướng nghiêng nhiều về tính hữu lý của Đức Tin và vì cơ cấu Đạo Công Giáo thời ấy vốn tự hào về tư cách tôn giáo tín điều của mình, nên phần đông truyền thống Công Giáo vẫn coi trọng chân lý hơn tình yêu. Khuynh hướng này

kéo dài tới tận Vatican I. Rousselot trái lại cho rằng trong cái hiểu có chiều kích tình yêu, và trong tình yêu có chiều kích chân lý. Các ý niệm của ta sở dĩ truyền đạt được chân lý vì ta vốn tiếp xúc được với những điều có thật. Nói cách khác, tình yêu hướng dẫn trí hiểu, vì tình yêu vốn đã nắm được thực tại trước đó rồi.

Trong bài "Con Mắt Đức Tin" đăng trên Recherches des Sciences Religieuses (1910), Rousselot cho rằng các khẳng định cá thể của đức tin đều bắt nguồn từ sự hợp nhất chân thực của ta trước đó với Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Ta khẳng định các mệnh đề tín lý là thật vì ta đã vốn có mối liên hệ với Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Sự hợp nhất của các chân lý chính là Chúa Kitô.

Scalfari, người phỏng vấn Đức Phanxicô, thú nhận

(Ngày 23/11/2013)

Chủ bút Eugenio Scalfari thú nhận rằng "rất có thể" một số lời của Đức Giáo Hoàng được ông tường thuật trong cuộc phỏng vấn đăng trên tờ La Republica ngày 1 tháng Mười "không được chính Đức Giáo Hoàng chia sẻ".

Cuộc phỏng vấn trên đã dẫn tới nhiều lời phê phán đối với Đức GH Phanxicô, nhất là đoạn Scalfari cho rằng Đức Giáo Hoàng nói về lương tâm: "mọi người đều có ý niệm riêng về điều thiện và điều ác và phải chọn điều thiện và chống điều ác theo nhận định của họ. Điều ấy đủ để làm thế giới nên tốt đẹp hơn".

Theo tường thuật của Scalfari, Đức Phanxicô cũng mô tả Giáo Triều Rôma như "cơn bệnh hủi".

Sau khi cuộc phỏng vấn được đăng tải, giám đốc báo chí của Vatican là linh mục Federico Lombardi cho rằng bản văn xét chung trung thành với tư tưởng của Đức Giáo Hoàng, dù không thể coi đây như một phần huấn quyền của ngài. Bài phỏng vấn cũng được lồng trong số các diễn từ của Đức Giáo Hoàng trên trang mạng của Vatican, và được dịch sang 6 thứ tiếng.

Tuy nhiên, trong các tuần lễ sau đó, bài phỏng vấn tạo ra nhiều lời chỉ trích và người ta nghi ngờ tính chính xác của nó đối với các lời phát biểu của Đức Giáo Hoàng.

Gần đây, bản văn đã bị lấy khỏi trang mạng của Vatican vì "tín liệu trong bài phỏng vấn tuy đáng tin trên bình diện tổng quát, nhưng không đáng tin trên bình diện phân tích từng điểm một". Cha Lombardi nói với các nhà báo như thế vào ngày 15 tháng Mười Một.

Trong một buổi gặp gỡ với các nhà báo thuộc Hiệp Hội Báo Chí Ngoại Quốc ở Rôma, Scalfari cho rằng mọi cuộc phỏng vấn của ông đều tiến hành không có máy ghi âm, cũng như ghi chép gì khi nhân vật được phỏng vấn đang nói. Ông bảo: "Tôi cố gắng hiểu người tôi đang phỏng vấn, và sau đó, tôi viết lại các câu trả lời của họ bằng chính ngôn từ của tôi".

Ông nhìn nhận rằng vì thế rất có thể "một số lời của Đức Giáo Hoàng do tôi tường thuật đã không được Đức Phanxicô chia sẻ".

Scalfari kể rằng sau khi La Republica cho đăng trọn các câu hỏi gửi Đức GH Phanxicô, Đức Tổng Giám Mục Giovanni Becciu của Phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh có viết cho ông và nói rằng Đức GH Phanxicô đã đọc các bài của ông và khi thời gian cho phép, ngài sẽ viết trả lời.

Scalfari phúc đáp thư của Đức TGM Becciu, cám ơn ngài đã quan tâm và viết thêm rằng ông thích được gặp mặt đối mặt với Đức Giáo Hoàng hơn. Sau đó vài tuần, Scalfari nhận được lá thư dài chín trang của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, kèm theo lời giới thiệu của Đức TGM Becciu.

Scalfari điện thoại tới nơi cư ngụ của Đức GH Phanxicô tại Vatican và nói với Đức Ông Alfred Xuereb, thư ký riêng của Đức Giáo Hoàng, rằng ông sẽ cho đăng lá thư nhận được.

Lá thư ấy được đăng trên tờ La Republica ngày 11 tháng Chín. Và rồi ngày 20 tháng Chín, Đức GH Phanxicô điện thoại cho Scalfari và sắp xếp buổi gặp nhau vào chiều ngày 24 tháng Chín.

Scalfari cho hay: cuối buổi đàm đạo dài 80 phút, ông có xin Đức Giáo Hoàng cho phép tường thuật buổi đàm đạo. Đức Giáo Hoàng chấp thuận và Scalfari đề nghị sẽ gửi bản văn cho ngài trước khi cho đăng. Theo Scalfari, Đức Giáo Hoàng bảo ông "đừng mất thì giờ" gửi bản văn làm chi, vì "tôi tin ông".

Scalfari cho hay: tuy nhiên, ông vẫn đã gửi bản văn ghi lại cuộc đàm đạo tới Vatican ngày 29 tháng Chín cùng với một lá thư đính kèm. Trong lá thư này, ông nói ông đã viết rằng "Tôi phải giải thích rằng tôi viết ra cuộc đàm đạo của chúng ta để mọi người hiểu cuộc đối thoại của chúng ta. Xin ngài nhớ cho rằng tôi không tường thuật một số điều ngài nói với tôi nhưng lại tường thuật một số điều ngài không nói với tôi mà là do tôi muốn lồng vào để độc giả hiểu ngài là ai".

Theo Scalfari, hai ngày sau, Đức Ông Xuereb gọi cho ông và nói rằng Đức Giáo Hoàng cho phép đăng tải, và sau đó, nó đã được đăng tải thực sự.

Theo một nguồn tin từ Vatican ngỏ với Hãng Tin CNA ngày 19 tháng Mười Một, cuộc phỏng vấn "phải được gỡ bỏ khỏi trang mạng của Vatican vì nó không tường thuật trung thành các lời Đức Giáo Hoàng nói".

Nguồn tin trên đặc biệt muốn nhấn mạnh rằng: "Đức Giáo Hoàng Phanxicô không bao giờ gọi Giáo Triều là phong cùi cả; ngài chỉ đánh giá tổng quát các triều đình Trung Cổ nói chung mà thôi. Đức Giáo Hoàng Phanxicô rất buồn khi các nhân viên của Giáo Triều cảm thấy khó chịu về các lời ngài nói".

Mười lý do mọi người Công Giáo nên đọc Niềm Vui Tin Mừng
(Ngày 28/11/2013)

Tại Công Đồng

Kể từ thời Trung Cổ, người ta không thể quan niệm được một công đồng mà lại không có sự tham dự của các nhà thần học, những người hành xử như cố vấn cho các giám mục. Vatican II cũng thế. Tuy nhiên, việc các chuyên viên cá nhân khuôn định đường hướng của Công Đồng chính xác ra sao, họ ảnh hưởng thế nào đối với ý kiến các giám mục và nhất là đối với nội dung các văn kiện sau cùng là điều không dễ xác định. Ở đây, sử gia buộc phải dựa hoàn toàn vào các tường thuật của chính các chuyên viên hay của các cá nhân khác có mặt tại Công Đồng. Trong trường hợp Rahner, các phân tích của Karl Heinz Neufeld, Günther Wassilowsky và Herbert Vorgrimmler cung cấp cho ta nhiều cái nhìn thấu suốt về các hoạt động của ngài không những tại Công Đồng mà còn trong giai đoạn chuẩn bị nó cũng như trong lúc Công Đồng không nhóm họp.

Về phần Ratzinger, các đóng góp đặc thù của ngài cho Công Đồng còn đợi những nghiên cứu chi tiết hơn, nhưng một số vẫn có thể được tái dựng nhờ các trước tác của chính ngài cũng như các nguồn đệ nhị đẳng về Công Đồng. Ở đây, chúng ta chủ yếu tập chú vào (a) sự can dự của Rahner và Ratzinger vào các công trình của Công Đồng về mối tương quan giữa Giáo Hội và thế giới, và (b) sự tương tác thực tế giữa họ với nhau tại các nhóm làm việc hay trong lúc Công Đồng không nhóm họp. Bất chấp các khó khăn trước đó với giáo triều và việc Đức HY Ottaviani miễn cưỡng tiếp nhận ngài, Karl Rahner vẫn đã trở thành một thành viên của Ủy Ban Thần Học và can dự một cách tích cực và có ý nghĩa vào việc chuẩn bị các văn kiện *Lumen Gentium, Dei Verbum, Gaudium et Spes*, và *Perfectae Caritatis* .

Nhưng ảnh hưởng của ngài vượt quá Ủy Ban Thần Học. Ngài thực hiện nhiều buổi diễn giảng và thường tham dự các cuộc đối thoại với các nhà thần học và giám mục của nhiều ủy ban khác.

Chắc chắn, việc trên không thể có được, nếu không có mối liên hệ thân hữu giữa các giám mục và các chuyên viên, một mối liên hệ đã có ngay từ những ngày đầu. Chính cha cho hay: “Có lẽ người ta sẽ bảo nếu, không những tôi, mà một số nhà thần học không có được sự hiểu biết thân ái với các giám mục ngay từ buổi đầu của Công Đồng, thì Công Đồng hẳn đã đi theo một đường hướng hoàn toàn khác với đường hướng nó đã chọn”.

Nhưng ngoài liên hệ tốt đẹp giữa các giám mục và các chuyên viên ra, cũng còn yếu tố rất thực tiễn đối với mối liên hệ này. Số giám mục thách thức các sơ đồ do ủy ban chuẩn bị soạn thảo muốn có những bản văn thay thế cũng như các lời phê bình vững chắc về thần học đối với các sơ đồ này. Thành thử nhiều chuyên viên rút cục đã phải soạn thảo các bản văn thay thế để trình cho các nghị phụ. Việc làm của Rahner đối với *Lumen Gentium* bao gồm cả công việc tại ủy ban thần học lẫn các buổi đàm đạo với các giám mục, các buổi diễn thuyết, các phát biểu viết cho Đức HY König để ngài trình bày tại Phòng Công Đồng (aula).

Khi đã thuyết phục được các giám mục Đức và Áo tin rằng sơ đồ *Depositum Fidei* có vấn đề, ngài bèn lập tức bắt đầu cùng Ratzinger chuẩn bị cách đáp ứng. Rahner thường không tới phòng họp khoáng đại, vì ngài cho các thảo luận ở đấy, trong căn bản, chỉ mất thì giờ. Thay vào đó, ngài bắt tay vào sơ đồ. Về sự hợp tác với Ratzinger này, Rahner có viết trong sổ tay của mình như sau: “tôi rất ăn ý với Ratzinger. Và ngài có tiếng tăm tốt với (Đức HY) Frings”.

Xét chung, việc can dự của Rahner chủ yếu thuộc lãnh vực Giáo Hội học. Ngài tham dự tích cực vào việc lên khuôn cho sơ đồ *De Ecclesia*, cố gắng bao gồm vấn đề chức phó tế vào sơ đồ Giáo Hội, vận động để Thánh Mẫu Học được lồng vào văn kiện về Giáo Hội học của Công Đồng, cổ vũ tính hợp đoàn và ủng hộ nền thần học về các Giáo Hội địa phương. Từ tháng Chín năm 1963 trở đi, sự can dự của Rahner chủ yếu vẫn thuộc lãnh vực Giáo Hội học. Ngài tham dự việc soạn thảo sơ đồ XIII, sau này được biết dưới tên *Gaudium et Spes* .

Theo Đức HY König, Rahner đặc biệt lưu ý đến việc khai triển *Lumen Gentium*, nhưng Yves Congar nhớ rằng ảnh hưởng của ngài đối với *Gaudium et Spes* cũng không kém phần quan trọng. Sơ đồ này được đề xuất và chịu ảnh hưởng của đội tiền phong trong nền thần học Pháp. Rahner cố gắng làm dịu nền nhân học hơi quá lạc quan này bằng ngữ cảnh nền thần học thánh giá.

Tuy thế, nền thần học của ngài vẫn là nền thần học nhập thế và tập chú vào quan tâm mục vụ đối với con người nhân bản hiện đại trong thế giới. Giống Rahner, Ratzinger không đơn giản chỉ là một trong khá nhiều chuyên viên chỉ biết thầm lặng làm việc cho các giám mục liên hệ của mình mà thôi. Suốt thời Công Đồng, ngài thực hiện nhiều buổi diễn thuyết về các đề tài có liên quan với Rôma cũng như Đức khi Công Đồng không nhóm họp. Ngài tổ chức các buổi thuyết trình cho các nghị phụ và cho công bố một loạt nhận định nổi iếng về Công Đồng. Như John Allen từng viết: "Dù Ratzinger không lên tiếng tại phòng khoáng đại, ngài vẫn là khuôn mặt công cộng bằng mọi cách khác".

Như trên đã thấy, sự can dự của ngài cũng bao gồm việc làm đối với các văn kiện, như văn kiện thay thế cho văn kiện về mạc khải, một văn kiện ngài soạn thảo với Rahner. Ngày 25 tháng Mười năm 1962, Đức HY Frings gặp các Đức HY Alfrink, Suenens, Liénart, Döpfner, Siri, và Montini, và yêu cầu Ratzinger trình bày với các ngài các gợi ý của hội đồng giám mục nói tiếng Đức.

Nói chung, phản ứng khá tích cực, và lúc đó, hẳn Ratzinger đã gây được ấn tượng sâu sắc nơi các nghị phụ, nhất là Đức HY Montini, người sau này, trong tư cách Đức Phaolô VI, đã cử Ratzinger làm Tổng Giám Mục Munich và cuối cùng nâng ngài lên hàng Hồng Y. Trong khi ấy, Ratzinger cũng lưu tâm không kém tới các vấn đề mục vụ như Rahner. Ngài thực sự quan tâm đến con người, nhưng lưu ý chính của ngài không phải là làm cách nào đem Giáo Hội lại gần thế giới hơn mà đúng hơn là làm cách nào khiến thế giới can dự vào sứ điệp Kitô Giáo. Nên không lạ gì trong các văn kiện của Vatican II, *Dei Verbum* là văn kiện trực tiếp chịu ảnh hưởng của Ratzinger hơn cả.

Sau Công Đồng

Điều làm ta khó đo lường được tác dụng của Công Đồng đối với đời sống Giáo Hội không những chỉ là tính mơ hồ của các văn kiện và các cách khác nhau trong việc thực thi nội dung của chúng, mà còn vì khối lượng khổng lồ các văn bản, các buổi diễn thuyết, các cuộc đàm đạo và thư từ không được bao gồm trong các văn kiện cuối cùng. Như Rahner có lần nói về công đồng: "Nó như việc sản xuất chất radium. Người ta phải làm việc với cả tấn quặng mới sản xuất ra được 0.14 gram radium. Tuy nhiên, vẫn rất đáng công".

Chịu khó lục lọi qua hàng tấn chất quặng này, tức các câu truyện và khai triển bản thân của các nhà tư tưởng chính của Công Đồng, ta mau chóng thấy rằng cách này hay cách khác, Công Đồng quả đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đối với tất cả các nhân vật này. Bất kể họ tới Rôma với ý nghĩ nào, hầu như ai trong số họ cũng đều đã biến đổi quan điểm của mình qua suốt 4 năm của Công Đồng, nhờ rất nhiều cuộc thảo luận và trao đổi. Có thể nói: Công Đồng đã đánh dấu một cuộc hồi tâm nơi phần đông, nếu không muốn nói là tất cả, những người tham dự nó, trong đó có Ratzinger và Rahner. Cả hai đều nhiều lần nói tới trải nghiệm của họ tại Công Đồng và về ý nghĩa của nó đối với chính họ và đối với Giáo Hội nói chung. Khi các thành quả của Vatican II dần dần được thực thi và khi thế giới sống qua những thời khắc xáo trộn, các lượng giá của họ không hẳn về chính Công Đồng, mà về tình trạng Giáo Hội ngày nay đã có những khuôn hình khác hẳn. Chỉ 3 năm sau khi Vatican II kết thúc, sự dị biệt này đã trở thành rõ rệt. Thử hỏi việc gì đã xảy ra? Muốn trả lời, thiển nghĩ, ta nên đặt câu hỏi vào ngữ cảnh lịch sử.

Cả hai nhà thần học này đều là người Đức, sống trong một bối cảnh xã hội đặc thù, được trang bị với những phương thế lượng giá hoàn cảnh và đáp ứng nó do văn hóa lên khuôn, và do đó, điều chủ yếu là phải làm sáng tỏ hoàn cảnh đặc thù của họ mới hòng giải thích được các kết luận của họ. Tại Đức cũng như tại những nơi khác ở tây bán cầu, các năm sau Vatican II là các năm được đánh dấu bằng nhiều bất ổn xã hội. Nhưng không giống ở Hoa Kỳ, nơi sinh viên chĩa mũi dùi tức giận của họ trước nhất vào việc chống lại cuộc chiến tranh mau chóng leo thang tại Đông Nam Á, các sinh viên Đức đối

diện với một vấn đề khác hẳn, thuộc lịch sử gần đó của Đức. Thực vậy, sau Thế Chiến II, rất nhiều người trước đây từng giữ các chức vụ quan trọng trong chế độ cai trị tàn bạo của Hitler nay lại một lần nữa len lỏi vào bộ máy chính quyền, nắm giữ các chức vụ quan trọng không kém, như viện trưởng đại học chẳng hạn.

Trước hoàn cảnh ấy, phong trào sinh viên được đà và mau chóng mang hình thức bạo động. Một phần cũng vì ngày 2 tháng Sáu, 1967, trong một cuộc biểu tình chống quốc vương Ba Tư đến thăm Bá Linh, Benno Ohnesorg, 26 tuổi, đã bị một cảnh sát viên bắn chết. Từ đó, các cuộc biểu tình gần như xảy ra hàng ngày; các sinh viên tẩy chay lớp học, chiếm giữ các giảng đường khiến việc giảng dạy hoàn toàn ngưng trệ. Đối với các giáo sư vốn được sinh viên trọng kính, tình thế này hoàn toàn không có tiền lệ và thật là khó xử. Một số tham gia thảo luận, cố gắng trình bày quan điểm chống lại các sinh viên biểu tình, một số khác tỏ ý ủng hộ nội dung biểu tình nhưng không nhất thiết ủng hộ phương thế thực hiện. Cuộc xáo trộn này ảnh hưởng đến cả phân khoa thần học tại đại học Tübingen, nơi Ratzinger giảng dạy lúc ấy. Herman Häring, một cựu sinh viên tại Tübingen, mô tả tình thế lúc ấy như là mau chóng dẫn tới phân hóa.

Trong một bài báo gần đây, Ronald Modras cho rằng không nên lẫn lộn "cuộc bất ổn của sinh viên" tại Tübingen với cảnh bạo động từng xảy ra ở Paris và Chicago cùng một năm. Còn các sinh viên dự các lớp của Ratzinger thì không giống chút nào với những người theo Mao từng phá phách các lớp học tại các phân khoa khác ở Tübingen.

Tuy thế, các vụ đập phá, ngăn chặn lớp học hay ngồi lỳ trong đó chắc chắn có gây ấn tượng. Năm 1968, các sinh viên thần học có ra một tuyên cáo đòi thần học phải được tự do; bản tuyên cáo này có chữ ký của 1,322 sinh viên. Một năm sau, các sinh viên thần học Tübingen có công bố một lá thư đòi các giám mục phải được bầu chọn và nhiệm kỳ của các ngài tối đa chỉ nên kéo dài 8 năm. Phân khoa đã đáp ứng khác nhau đối với các đòi hỏi của sinh viên. Hans Küng, chẳng hạn, cũng ngỡ ngàng như Ratzinger trước các đòi hỏi của sinh viên, nhưng đã chống đối thẳng thừng bằng cách tham gia thảo luận với các sinh viên. Tuy nhiên, rất may, tiếng tăm ông không hề hấn gì. Những vị khác, như Ernst Käsemann thuộc phân khoa Thệ Phản, thì xử lý tình thế này cách tinh tế hơn và nhờ thế cũng không bị sinh viên công kích gì. Ratzinger, vốn là người trầm lặng và dè dặt hơn, nên đã rút lui và tránh mọi cuộc đàm đạo. Thay vào đó, ngài đã chú tâm vào việc viết lách. Nhờ thế, trong năm 1968, đã cho xuất bản tác phẩm nổi tiếng nhất của ngài là cuốn *Einührung in das Christentum* (Dẫn Nhập vào Kitô Giáo).

Dựa vào các bài diễn giảng trong năm 1967, cuốn sách trên giúp ta nhìn thấu nền thần học của Ratzinger cũng như quan điểm của ngài về tình hình lúc ấy; ngay lời nói đầu cũng đã cho thấy cuốn sách này phải được đọc trong ngữ cảnh đương thời. Ratzinger viết: "Vấn đề nội dung và ý nghĩa thực sự của đức tin Kitô Giáo ngày nay bị chìm vào trong màn sương mù không chắc chắn như chưa từng có trước đây trong lịch sử Kitô Giáo".

Không như những người ngốc nghếch, mù quáng chấp nhận bất cứ những gì mới lạ chỉ vì chúng mới lạ, những ai từng ưu tư theo dõi sự phát triển trong Giáo Hội suốt thập niên qua được nhắc nhở phải nhớ câu truyện "Hans Gặp May" của Anh Em Nhà Grimm. Anh chàng này đổi cả thỏi vàng có được bằng mồ hôi nước mắt lấy những vật càng ngày càng trở nên vô giá trị, cho tới lúc chẳng còn gì khác ngoài miếng đá mài. Khi mất cả miếng đá này, Hans thấy mình hoàn toàn tự do, chẳng còn vướng mắc chi và rất hạnh phúc. Đối với Ratzinger, sự phấn khích trong thái độ tín hữu tiếp nhận Vatican II nhắc người ta nhớ tới niềm hạnh phúc của Hans; mỗi giải thích mới, đối với ngài, giống như một trao đổi trong đó Kitô Giáo đích thực bị thiệt thòi. Người cựu chuyên viên đã trình bày cái hiểu của mình về Kitô Giáo như thế và đã sẵn sàng duy trì điều những người mê say thay đổi sẵn sàng vứt đi. Hans Küng nhận định: "Joseph Ratzinger sợ. Và giống như viên điều tra vĩ đại của Dostoyevsky, ông không sợ điều gì hơn là tự do".

Điều cuốn sách trên cho biết nhiều hơn cả là: suốt trong nó, Ratzinger đã trình bày một nền triết lý theo văn hóa Hy Lạp nằm dưới nền thần học của ngài. Trong một bài điểm sách, Walter Kasper nhận diện được nhiều dấu vết của thuyết nhị nguyên Hy Lạp, xuyên suốt tác phẩm như một sợi chỉ hồng.

Ratzinger cảnh giác trước thuyết tân duy sử học (new historicism), trong đó, sự kiện là nhất và chỉ những sự kiện nào ta có thể giải thích được nguyên nhân mới được nhận là kiến thức, giống hệt gợi ý của Descartes trong khi bóp méo Aristốt.

Theo Ratzinger, điều tiếp theo đó nhất định là quay về với thuyết duy khoa học (scientism) và với nó là "quay về với thực tại bao lâu nó là điều có thể làm được". Ngài tiếp tục nói rằng thần học từng cố gắng trả lời chủ nghĩa duy sử học đầy tính giản lược này bằng cách tái dựng đức tin theo lịch sử, một động thái thoạt đầu khá hứa hẹn nhưng chẳng bao lâu sụp đổ do chính sức nặng của nó và do việc khoa học hạ bệ lịch sử. Và do đó, thay vì sự kiện, thần học cậy nhờ tới điều cần làm (faciendum) và nhập đức tin thành một với hành vi chính trị, như các công trình của những người như Moltmann và Metz đã chứng tỏ. Đối với Ratzinger, cả sự kiện lẫn điều cần làm không hẳn là phi Kitô Giáo; trái lại, chúng là phần thiết yếu đối với mọi Kitô hữu. Nhưng, ở đây, trọn sự sâu sắc trong chủ trương nhị nguyên của ngài ló dạng, vì cuối cùng, chủ trương này cho rằng, dựa vào đức tin, con người chẳng phải là sự kiện mà cũng chẳng phải là điều cần làm. Chủ trương này chỉ có thể dựa vào sự thật để nói lên, nếu không nó sẽ vô nghĩa.

Rốt cục, chính việc hiểu mới quan trọng, chứ không phải việc biết, và việc hiểu không phát sinh từ kiến thức khoa học kỹ thuật, mà lớn lên từ một mình đức tin mà thôi. Từ đó, ngài kết luận: "Đó là lý do tại sao thần học, một khoa nói về Thiên Chúa một cách có hiểu biết, theo cung cách logos (=thuần lý, hữu lý và hiểu biết) là sứ mệnh hàng đầu của Kitô Giáo. Quyền lợi bất hủy tiêu của văn hóa Hy Lạp trong Kitô Giáo đã đặt cơ sở trên sự kiện này. Tôi xác tín rằng trên bình diện sâu sắc nhất, không phải là chuyện tình cờ khi, trong đà hình thành của nó, sứ điệp Kitô Giáo đã đi vào thế giới Hy Lạp trước nhất và tại đây nó hòa hợp với vấn đề hiểu biết và sự thật".

Như Hermann Häring đã chỉ rõ, ở đây, Ratzinger biến văn hóa Hy Lạp thành viên đá thử vàng cho một Giáo Hội lúc ấy đang trở nên phổ quát. Nhưng cùng một lúc, chủ trương này cũng làm cho việc hội nhập văn hóa (inculturation) trở nên khó khăn, một việc chắc chắn được Vatican II vổ vũ, ít là một cách mặc nhiên, và càng ngày càng được thảo luận chung trong Giáo Hội. Đối với Ratzinger, sự thật không phải là chức năng của văn hóa. Như Lieven Boeve từng viết: "Ratzinger cố gắng chứng tỏ rằng có thứ chân lý mãi mãi là chân lý bất chấp mọi giao tiếp văn hóa, chỉ vì nó chân thật".

Đối với một số người, chủ trương có phần tân Platông này là điều lên đặc điểm cho một Ratzinger mới cũng như viễn tượng thần học và Giáo Hội học cứng rắn của ngài. Nhưng dấu vết của việc say mê đối với triết lý Hy Lạp và ảnh hưởng của nó trên Giáo Hội sơ khai đã hiển nhiên ngay trong các trước tác đầu tiên của ngài. Điều làm ngài thất vọng đối với tình hình mới trong Giáo Hội không hẳn là các sinh viên biểu tình cho bằng việc mở cửa hướng ra thế giới, một việc, theo ngài, sẽ làm hại tới các giá trị Kitô Giáo chân thực. Ngay vào năm 1966, hai năm trước khi các cuộc nổi loạn của sinh viên lên tới cao điểm, Ratzinger đã trình bày một số nhận định không mấy lạc quan về thành quả của Vatican II tại Ngày Công Giáo Đức họp ở Bamberg. Ngài than phiền khuynh hướng phát triển hậu Công Đồng về phụng vụ một là bị tê liệt bởi "một số thực hành cổ xưa" hai là bị đẩy quá xa theo tinh thần hiện đại hóa.

Đối với Karl Rahner, cuối thập niên 1960 đánh dấu một thời kỳ quan trọng không kém với đặc điểm tích cực dấn thân vào việc canh tân Giáo Hội, một việc được ngài theo đuổi trong các buổi đàm đạo với những người ngoài Giáo Hội.

Qua các cuộc đối thoại liên khoa, ngài tìm tòi các cách thế mới để giải thích các học lý truyền thống sao cho chúng hoà hợp được với các cái nhìn thấu suốt của các khoa khác, và nhờ thế, trở thành có nghĩa đối với những người vô thần và những ai không phải là Kitô hữu. Điều lên đặc điểm cho phương thức của ngài trong khoảng thời gian này là sự cởi mở, được người viết tiểu sử của ngài mô tả như sau: "Sự cởi mở và sinh khí trong một hạn tuổi mà người khác thì đã về hưu rồi, lòng can đảm đối với những phác thảo mới, những tìm tòi xa hơn, đi vào nhiều khoa và nhiều lãnh vực mới mẻ vốn không quen biết… tất cả những công việc này khiến ngài được ca ngợi và biết ơn, vì nó mang lại cho người ta sự can đảm ở một thời điểm trong đó các phương tiện hướng dẫn cổ truyền đang trên đà thoái hóa".

Hai ấn phẩm vào thời gian này làm điển hình cho sự cởi mở đối với thế giới. Trong một bài báo đồng tác giả với J.B. Metz vào năm 1968, Rahner nhận diện 3 vấn đề chính đặt ra cho Giáo Hội sau Vatican II. Thứ nhất là vấn đề Thiên Chúa đối diện với chủ nghĩa vô thần trong lúc có hiện tượng tục hóa gia tăng. Thứ hai, Rahner thấy các phát triển trong Kitô học là nguồn gây ra nhiều nan đề, trong đó sự cân bằng đúng đắn giữa Kitô học "từ bên dưới" và Kitô học "từ bên trên" cần phải được thương thảo. Sau cùng, là vấn đề cứu rỗi cần được dẫn giải qua câu hỏi: "đối với tôi, trong cuộc hiện sinh độc đáo và cụ thể, có chăng một Thiên Chúa nhân hậu?" Tuy nhiên, đối với Metz, việc này chỉ tạo ra một thứ hộ giáo hướng ngoại (Apologia ad extra); bối rối trước hiện tượng xã hội hiện đại phần lớn tin theo chủ nghĩa nhân bản hậu vô thần, là chủ nghĩa ít khi đặt câu hỏi về Thiên Chúa, ông nhấn mạnh tới sự quan trọng của nền hộ giáo hướng nội (apologia ad intra). Rahner đồng ý, nhất là vì nền hộ giáo hướng nội này giúp ngăn ngừa các tân lạc giáo khỏi xuất hiện trong Giáo Hội, một việc ngài cho là khó tránh trong diễn trình canh tân. Hơn nữa, đây cũng là phương thế mang lại tính đa nguyên cho thần học và đời sống Giáo Hội, một điều rất khẩn thiết. Dù cho rằng tính đa nguyên là điều quan trọng, và do đó sự thật cần được thương thảo, Rahner vẫn chủ trương rằng một số sai lạc cần được tuyên bố như thế. Thí dụ, trong trường hợp một nền Kitô học nào đó quá nhấn mạnh tới nhân tính của Chúa Giêsu mà sao lãng thần tính của Người, thì Giáo Hội có trách nhiệm phải can thiệp. Ý muốn thương thảo một cái hiểu về Thiên Chúa và Giáo Hội nhưng không rơi vào thuyết duy tương đối quả là rất khác với cuộc tìm kiếm chân lý tuyệt đối và vô tận của Ratzinger.

Trong một tiểu luận khác, Rahner gọi Vatican II là công đồng đầu tiên của Giáo Hội Thế Giới và tìm hiểu các hệ luận của biến cố này. Hiển nhiên hạn từ Giáo Hội Thế Giới này chịu ảnh hưởng nặng nề bởi ý niệm "hội nhập văn hóa" mà theo Rahner đã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết sau Vatican II. Không điều gì phản ảnh khai triển này cho bằng phụng vụ. Đối với Rahner, phụng vụ không hẳn chỉ được phiên dịch từ tiếng La Tinh qua tiếng phổ thông mà đúng hơn đã trở thành một phát biểu địa phương về việc thờ phượng do các nền thần học địa phương lên khuôn.

Rahner cũng cho rằng dù tính đa nguyên Kitô Giáo, vốn hàm nghĩa trong các văn kiện của Vatican II, được xem như một cố gắng tha thiết muốn thỏa hiệp với thế giới thế tục hiện đại, nhưng chiều hướng hạn chế lạm quyền vốn đã nằm sẵn ngay trong bản chất của Giáo Hội rồi. Rất có thể một số giám mục hay giáo dân bị cám dỗ muốn áp đặt lên người khác, cả bên trong lẫn bên ngoài Giáo Hội, các quan điểm của họ về chân lý bất biến. Nhưng sau Vatican II, các khuynh hướng "phátxít giáo sĩ" này, nhằm hạn chế tự do của tín hữu nhân danh thứ chân lý do một mình chính thống chủ trương không còn khả hữu nữa. Với Công Đồng, Giáo Hội đã tự ý và bất phản hồi từ bỏ quyền lực tuyệt đối để ủng hộ tính đa nguyên không thể tránh né vì đây chính là bản chất đích thực của Giáo Hội. Rahner thừa nhận rằng Bộ Giáo Lý Đức Tin thường hay đáp ứng thay đổi bằng một nền thần học chống chế (defensive theology) nhằm "cảnh cáo và ngăn cấm". "Nhưng" theo ngài "Bộ không nên hành xử mãi mãi như hiện nay, và nhờ thế, toàn thể Giáo Hội khỏi bị kéo lui trở lại phía sau các hạn chế từng bị vượt qua tại Vatican II".

Thần học sẽ biến hóa và từ từ biến đổi từ việc xuất cảng các ý niệm của Âu Châu qua một nền thần học thế giới thực sự, như thần học giải phóng chẳng hạn. Rahner không coi các nền thần học phi Âu châu của địa phương này như một nguy cơ đối với trách vụ thần học của Cựu Thế Giới; trái lại, tình thế hiện thời đòi ta phải hướng về những người đang từ bỏ đức tin ở Phương Tây, đang ra xa lạ với Kitô giáo. Điều cần chấp nhận là các quan tâm của Giáo Hội không còn như nhau khắp trên thế giới nữa. Sau cùng, Rahner hướng về đại kết và nhấn mạnh rằng Giáo Hội đã tiến một bước thật xa ra khỏi quan niệm "massa damnata" (trầm luân hàng loạt) của Thánh Augustinô. Thay vào đó, ơn cứu rỗi có tính phổ quát và ơn thánh Chúa được đề xuất cho mọi con người nhân bản tự do, cho dù họ quyết định không chấp nhận nó. Với Rahner, ơn cứu rỗi đã thắng thế.

Kết luận

Mục đích bài này muốn tìm hiểu mối liên hệ giữa Karl Rahner và Joseph Ratzinger cũng như sự thay lòng đổi dạ mà vị sau bị coi là đã kinh qua sau thời Vatican II. Nó cố gắng chứng minh rằng dù Đức Bênêđíctô chắc chắn chịu ảnh hưởng của Công Đồng và các thay đổi do nó tạo nên, nhưng các quan

điểm về sau của ngài, trong yếu tính, không khác bao nhiêu so với những quan điểm ngài có trước Công Đồng. Rhaner và Đức Bênêđíctô chắc chắn có chung nhiều quan tâm đối với ý nghĩa của Công Đồng, vai trò của hàng giám mục, và mối lo lắng trước nền thần học quá thiên tri thức của chủ nghĩa tân kinh viện. Nhưng cuối cùng, họ khác nhau trong các quan điểm về mối liên hệ của Giáo Hội với thế giới ngày nay. Sau Công Đồng, các dị biệt này đã xác định ra hướng đi đối nghịch nhau trong các khai triển sau này của hai người. Trong khi Rhaner nhấn mạnh tới nhu cầu Giáo Hội phải thay đổi để hướng tới việc cởi mở với thế giới và những ai "muốn tin nhưng nghĩ mình không thể tin", thì Đức Bênêđíctô đòi hỏi phải đem Giáo Hội trở về với ý nghĩa chân thực của Kitô Giáo. Đối với Đức Bênêđíctô, cách nhiều người giải thích Công Đồng thật khác xa với ý hướng chân thực của Công Đồng, là phục hưng Giáo Hội đích thực. Việc hiện nay, người ta giải thích sự hợp tác của hai người tại Công Đồng như là một đồng điệu hoà hợp toàn diện chỉ là hậu quả phát sinh từ quan điểm thơ mộng về Công Đồng. Người ta dễ rơi vào chỗ coi Chúa Thánh Thần đã biến Công Đồng thành một mặt trận thống nhất ngay từ đầu, động viên được đa số tham dự viên dấn thân vào việc cùng nhau thay đổi Giáo Hội từ căn cội. Tuy nhiên, cả Rahner lẫn Ratzinger đều cảm thấy không thoải mái với cái nhìn này, bởi họ thấy Công Đồng chỉ đóng vai phụ trợ chứ không hẳn là nơi mà mọi đặc sủng của Giáo Hội đều hoạt động. Ngày nay, khi ta cố gắng tìm hiểu sức sinh động tại Công Đồng, ta cần tới một trình độ nào đó trong ý thức lịch sử và cảm giới và nên nhớ rằng ta làm thế là dựa vào lời của chính các nghị phụ. Các vị này, trong suốt thời gian Công Đồng, cho thấy các ngài cảm nghiệm được điều có thể giải thích là Thần Khí nội tại (immanence of the spirit). Rahner và Ratzinger là hai nhà thần học Đức Tại Vatican II. Chính hậu cảnh văn hóa này đã tiền định để họ có những đáp ứng đặc thù đối với Công Đồng và các vấn đề của nó. Hình như Rahner rất ý thức được chủ trương giải thích đặc thù này, trong khi Đức Bênêđíctô, cho tới nay, vẫn nhấn mạnh tới tính thượng đẳng của nền thần học La Tinh, phần lớn chịu ảnh hưởng của Thánh Augustinô.

Về phương diện này, Đức Bênêđíctô rất đúng; không phải ngài là người thay đổi. Điều thúc đẩy nền thần học của ngài không phải là lòng can đảm và tín thác rất đặc trưng nơi Rhaner, mà đúng ra là mối lo ngại, lo ngại rằng Giáo Hội có thể lâm vào một hướng đi sai lầm, quá thiên về trần thế. Ratzinger, vì thế, đã đưa ra các biện pháp nghiêm ngặt để duy trì nguyên trạng và trở về với một Giáo Hội tâm linh hơn. Các biến cố năm 1968 có thể đóng một vai trò xúc tác nào đó, nhưng chắc chắn không phải nguồn gốc cho chủ trương hậu công đồng của ngài. Rahner, ngược lại, coi thay đổi như điều cốt yếu của bất cứ truyền thống liên tục nào. Thành thử, các quan điểm của ngài về Giáo Hội học vẫn kinh qua việc tái lên khuôn không ngừng. Người ta chỉ cần nhớ trước Công Đồng, dù vẫn quả quyết tính hợp đoàn, nhưng tính dân chủ trong Giáo Hội là điều Rhaner chưa bao giờ nghĩ tới. Tuy nhiên, sau này, ngài rất thích ý niệm dân chủ, cho dù chỉ là một ý niệm, và rất sẵn sàng đi quá những gì ngài vốn suy nghĩ hồi năm 1962.

Nếu một trong hai người đã kinh qua một hồi hướng sâu xa và thay đổi đáng kể, thì người đó hẳn là Rahner. Và con đường Đamát của ngài chính là Công Đồng Vatican II. Dù sao, thiển nghĩ sẽ không công bằng nếu ta giản lược Ratzinger, một nhà thần học sâu sắc và thông minh, chỉ còn là một chính khách ham quyền. Các quan tâm của ngài rất chân thực và phát xuất tận đáy lòng. Nhưng việc họ đối nghịch nhau về những gì phát xuất từ Vatican II thực ra vẫn chưa phải là một tận điểm, như chính Rahner nhấn mạnh, mà chỉ là một quá độ hướng tới một điều gì mới mẻ. Công Đồng có lẽ cũng không dự ứng được đâu là phản ứng đối với các quyết định của mình và chính nó cũng làm cho việc nhận định đúng sai của hậu thế khó khăn hơn. Nhưng xét cho cùng, nó đã giúp Giáo Hội một lần nữa bước mạnh vào thế giới và tích cực dấn thân cho Nước Trời.

Viết theo Oliver Putz, "I Did Not Change; They Did!" Joseph Ratzinger, Karl Rahner and the Second Vatican Council, http://www.academia.edu/470398/

Một số nhận định về tông huấn Evangelii Gaudium của Đức Phanxicô

(Ngày 29/11/2013)

1. Phẩm giá của những người yếu thế

Trên tạp chí Công Giáo America ngày 27 tháng Mười Một, Meghan Clarke, giáo sư thần học luân lý

tại Đại Học St John, khi trích dẫn câu "Phẩm giá con người nhân bản và thiện ích chung được xếp cao hơn tiện nghi của những người từ khước không chịu từ bỏ các đặc ân của họ" (218) trong tông huấn *Evangelii Gaudium* của Đức Phanxicô, đã cho rằng: trong một câu đơn giản, ngài đã tóm tắt được nền tảng của học thuyết xã hội Công Giáo: nhân phẩm, thiện ích chung và ưu tiên chọn người nghèo và người yếu thế. Dù ngài cho rằng "Evangelii Gaudium" không phải là một văn kiện xã hội, nhưng nó quả đã đưa ra một nền linh đạo có thể nối kết giáo huấn xã hội với việc phúc âm hóa, vì "Đức tin của chúng ta vào Chúa Kitô, Đấng đã trở nên nghèo và luôn gần gũi với người nghèo và người bị ruồng bỏ, là căn bản cho các quan tâm của ta đối với việc phát triển toàn diện các thành viên bị quên lãng nhất của xã hội" (185). Dài 85 trang, tông huấn này bàn nhiều tới nghèo đói qua các chủ đề như loại trừ, bất bình đẳng, nghèo đói và bạo lực, cơ cấu kinh tế bất công và việc thờ tiền bạc… Tất cả các vấn đề này được nhấn mạnh vì sứ mệnh hàng đầu của phúc âm hóa là tin mừng, mà tin mừng chính là tình yêu Thiên Chúa dành cho mọi người.

Ngài viết rõ hơn: "Làm thế nào lại có chuyện không coi là tin tức khi một người cao niên vô gia cư chết ngoài trời, trong khi thị trường chứng khoán chỉ mất 2 điểm đã đưa tin rối rít? Đây quả là một thứ loại trừ. Liệu ta có thể cứ tiếp tục bàng quan khi thực phẩm bị ném bỏ trong lúc người người chết đói? Đây quả là chuyện bất bình đẳng" (53). Như ngài vốn thường làm, Đức Phanxicô thách thức ngài và thách thức ta nhìn vào tấm gương soi. Tại New York, "những đường phát bánh mì" (Breadlines Return) và nạn vô gia cư đang lên cao và còn lên cao hơn nữa. Tại Los Angeles, Hội Đồng Thành Phố đang nghĩ cách ngăn cấm việc nuôi ăn người vô gia cư tại nơi công cộng. Ta thấy ai khi nhìn vào gương soi? Và ta thấy ai khi bước chân ra ngoài phố? "Thiếu liên đới với các nhu cầu của họ là trực tiếp tác động lên mối liên hệ của ta với Thiên Chúa" (187). Dửng dưng với người vô gia cư ở New York là làm hại tới mối liên hệ của tôi với Thiên Chúa. "Nếu ai đó nói 'tôi yêu Thiên Chúa' và ghét anh em mình, người đó nói láo; vì ai không yêu người anh em mình là người họ thấy, thì không thể yêu Thiên Chúa là Đấng họ không thấy" (1 Ga 20). Ngữ cảnh thì hiện đang có, do đó mới mẻ, nhưng sứ điệp thì không. Từ Thánh Kinh, Thánh Chrysostom và Thánh Tôma tới các vị tiền nhiệm cận kề của ngài, Đức Phanxicô nhắc lại việc phải quan tâm tới phẩm giá của người yếu thế, là phẩm giá được Thiên Chúa hết sức quan tâm, do đó, cũng phải là quan tâm của ta.

Nghèo đói là bị loại trừ và "những ai bị loại trừ không còn là những người dưới lề hay bên lề hay ngoài lề xã hội nữa, họ không còn là thành phần của xã hội. Người bị loại trừ không còn là kẻ 'bị bóc lột' mà là kẻ bị ruồng bỏ, 'một thứ dư thừa'" (53). Vi phạm tối hậu tới nhân phẩm là không coi người ta như một con người nhân bản nữa. Đáp ứng thái độ đó tất nhiên phải là bao gồm và tham dự. Trong bài diễn văn trước nhóm làm việc của Liên Hiệp Quốc về việc phát triển hợp lý, Đức TGM Chullikatt nhấn mạnh rằng "bao gồm có nghĩa là mời người nghèo tham dự vào các hệ thống kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa như những người hợp tác đầy đủ, vun đắp các khả năng của họ ngõ hầu họ có thể xứng đáng được một chỗ ngồi tại bàn ăn dành cho mọi người, như những người ngang hàng…". Do đó, Đức Phanxicô kêu gọi phải triệt để tái lượng giá các cơ cấu kinh tế và trở về với nền đạo đức học lấy con người làm trung tâm để lên sinh khí cho các cơ cấu này.

Công lý, nền tảng của tham gia, lên sinh khí cho sứ mệnh xã hội của Giáo Hội, một sứ mệnh được sống thực từ nơi giáo xứ tới việc cổ vũ nó tại Liên HIệp Quốc. Và đây là trách nhiệm của mọi người chúng ta. "Tôi ưa thích một Giáo Hội bị bầm tím, bị thương tích, và vấy bẩn vì sống ở đường phố, hơn là một Giáo Hội không khỏe khoắn vì bị giam hãm và bám chặt vào cảnh an toàn riêng" (49).

Như thế, "Evangelii Gaudium" đã đặt Chiến Dịch Công Giáo Chiến Đấu Cho Sự Phát Triển Con Người và Sở Cứu Trợ Công Giáo làm trung tâm cho việc phúc âm hóa. Làm như thế, tất cả chúng ta được mời sống thực "một đức tin chân chính tức một đức tin không bao giờ thoải mái hay hoàn toàn cá nhân, nhưng luôn bao gồm một hoài mong sâu xa muốn thay đổi thế giới, muốn thông truyền các giá trị, muốn để lại một thế giới phần nào tốt đẹp hơn lúc ta thấy nó" (183).

2. Trên đường lữ hành của ta

Amanda C. Osheim, giáo sư thần học thực tiễn tại Cao Đẳng Loras ở Dubuque, Iowa, thì lưu ý tới viễn kiến của Đức Phanxicô về Giáo Hội "trước nhất và trên hết như một dân tộc đang trên đường lữ

hành hướng về Thiên Chúa (số 111). Hình ảnh dân Thiên Chúa là một hình ảnh nặng chất Thánh Kinh, từng được Vatican II sử dụng để mô tả mầu nhiệm Giáo Hội trong tương quan với thế giới. Năm mươi năm sau, trong một thế giới được nhiều người gọi là hậu hiện đại, việc Đức Phanxicô gợi nhớ tới cuộc lữ hành trong tương quan với việc phúc âm hóa thúc đẩy ta biện phân đường đi mới nhờ cảm thức đức tin (sensus fidei).

Tiếp nhận và đáp ứng, nhập thân và văn hóa: đó là nẻo đường của truyền thống sống động luôn được dân lữ hành của Thiên Chúa bước đi. Tiếp nhận Chúa Thánh Thần trong Phép Rửa, mỗi tín hữu đồng thời cũng tiếp nhận cảm thức đức tin như một hồng ân. Không hề là hàn thử biểu thụ động của đức tin, cảm thức này giúp ta "biện phân điều thực sự thuộc về Thiên Chúa" (số 119). Sự sống trong Chúa Thánh Thần luôn luôn sinh động, đòi hỏi thời gian, chú tâm và lớn mạnh.
Sự biện phân của đức tin không phải là một việc tư riêng, nhưng đúng hơn đòi một đối thoại. Qua đối thoại và qua nhau, ta biện phân được cách đáp lại Thiên Chúa, cả theo nghĩa bản thân lẫn theo nghĩa cộng đoàn. Đức Phanxicô cho thấy: mọi người đã chịu phép rửa đều là "các môn đệ truyền giáo" và "tác nhân của phúc âm hóa" (số 120). Lời đáp trả được ơn thánh tác động của ta là một trách nhiệm tập thể. Nếu Giáo Hội, giống như Chúa Kitô, được sai tới thế gian, thì ta phải có khả năng biện phân ra tình yêu Thiên Chúa dành cho thế gian ấy. Thiếu khả năng nhận ra lòng thương xót của Thiên Chúa, Giáo Hội sẽ không bao giờ có khả năng đáp trả Thiên Chúa cả; sự tham dự có tính cộng đoàn của ta vào sứ vụ của Thiên Chúa cũng chết theo.

Cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô và việc tiếp nhận Chúa Thánh Thần biến đổi tín hữu thành chứng nhân của Tin Mừng. Nhờ cảm thức đức tin, Giáo Hội trở thành bí tích cứu rỗi cho thế gian. Đức Phanxicô nói rằng "ơn thánh giả thiết văn hóa, và Thiên Chúa trở nên xác thân trong nền văn hóa của những ai tiếp nhận ơn thánh" (số 115). Sứ mệnh chúng ta đã được nhập thân vào lịch sử. Khi tiếp nhận được Chúa Thánh Thần và biện phân được Thiên Chúa qua cảm thức đức tin, ta cũng được lớn lên trong khôn ngoan, một khôn ngoan giúp ta nhập thể được Tin Mừng. Thiên Chúa là duy nhất, nhưng các tác nhân của phúc âm hóa học hỏi cách làm truyền giáo của mình trong nhiều ngữ cảnh khác nhau; những ngữ cảnh này tạo nên "tính Công Giáo chân thực" (số 116). Ở bên ngoài văn hóa, người ta không thể biết được Tin Mừng. Và cảm thức đức tin là điều chủ yếu để chỉ cho Giáo Hội thấy "các khía cạnh mới mẻ của mạc khải và đem lại cho Giáo Hội một khuôn mặt mới" (số 116). Chính nhờ các nền văn hóa đa dạng, chứ không phải nhờ tách xa các nền văn hóa ấy, ta biện phân được sự hiện diện của Thiên Chúa và đưa đáp ứng của ta vào hành động.

Khi cảm thức đức tin đã nhập thân vào văn hóa rồi, thì truyền thống của Giáo Hội không còn là một đền đài đứng yên một chỗ nữa, mà là một hành trình tín trung bên trong lịch sử. Con đường này không hề dễ dàng, nó rất có thể làm ta "bị bầm tím, bị thương tích và vấy bẩn" (số 49). Ấy thế nhưng ta vẫn khám phá ra niềm vui khi cùng nhau biện phân được lời Thiên Chúa mời gọi ta tiến bước dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, dự phần vào sứ mệnh yêu thương nhân từ của Chúa Kitô dành cho thế gian.

3. Một viễn kiến mới cho Giáo Hội

Linh mục James Martin, SJ, thì cho rằng chưa bao giờ lại có một văn kiện giáo hoàng khiến người ta phải suy nghĩ, ngạc nhiên và lên tinh thần bằng tông huấn "Niềm Vui Tin Mừng".

Theo ngài, tông huấn của Đức Phanxicô nêu lên 3 câu hỏi hết sức gắn bó với nhau. Thứ nhất, tại sao không nhìn sự việc từ một viễn ảnh mới? Thứ hai, tại sao không thực hiện sự việc theo lối mới? Và thứ ba, tại sao không có một viễn kiến mới về Giáo Hội? Nhưng viễn kiến của Đức Phanxicô về Giáo Hội là gì?

Là một cộng đồng hân hoan gồm các tín hữu hoàn toàn không sợ thế giới hiện đại, hoàn toàn không sợ thay đổi và hoàn toàn không sợ thách đố. Không phải ai ai cũng thích Tông Huấn "Evangelii Gaudium". Một số người còn thấy nó đáng sợ nữa. Vì nó đặt ra nhiều thách thức dữ dằn đối với nguyên trạng. Ngài viết minh nhiên trong phần gọi là "Cuộc Canh Tân Giáo Hội" rằng "Trong bí quyết truyền giáo, thừa tác mục vụ luôn tìm cách từ bỏ thái độ tự mãn, một thái độ cho rằng 'chúng

tôi đã luôn làm cách đó rồi'".

Sứ điệp toàn bộ của Tông Huấn là người Công Giáo đừng nên sợ những cách thế mới trong việc công bố Tin Mừng và những cách thế mới trong việc suy nghĩ về Giáo Hội. Thực vậy, các cách thế mới này là điều chủ yếu nếu ta muốn truyền bá Tin Mừng. Điều này nghe như sao lại nguyên văn mà người ta cho rằng một văn kiện về "Tân Phúc Âm Hóa" hay vướng phải. Tuy nhiên, không phải như thế. Vì trong Tông Huấn này, Đức Phanxicô nhận diện nhiều phạm vi ngưng đọng trong Giáo Hội, những phạm vi ngài muốn thấy có thay đổi thực sự.

Điều trên không có nghĩa "Evangelii Gaudium" tìm cách thay đổi các giáo huấn cổ truyền của Giáo Hội. Thay vào đó, nó tìm cách thay đổi cung cách hành động của ta, và thay đổi một cách không sợ hãi. Thí dụ, dù tái khẳng định chính sách không truyền chức cho phụ nữ làm linh mục, ngài vẫn mời gọi Giáo Hội suy nghĩ về vị thế của họ trong Giáo Hội một cách mới mẻ, tưởng nghĩ ra "vai trò có thể có của phụ nữ trong việc đưa ra quyết định ở các lãnh vực khác nhau trong đời sống Giáo Hội".

Đức Phanxicô rất nhiều lần lên án những cản trở lâu đời khiến Giáo Hội không phát triển, như "tự mãn" (complacency), "chủ nghĩa giáo sĩ trị quá trớn", và cả những người Công Giáo hành xử "mặt mày cau có khó coi" (sourpusses, một kiểu nói trong tiếng Anh). Về cản trở sau cùng vừa nói, ngài cho rằng có những Kitô hữu sống như "Mùa Chay Mà Không Có Phục Sinh".

Đức Phanxicô cũng không đủ nhẫn nại đối với những người luôn "muốn đi tìm xin lỗi và khiếu nại". Trong yếu tính, ngài muốn tương phản cái nét u sầu và bi quan đó với niềm vui sống cuộc sống lấy Chúa Kitô làm trung tâm và tập chú vào niềm trông cậy phục sinh. Đây quả là một cái nhìn đầy hy vọng, tích cực và đầy năng lực về một Giáo Hội tích cực dấn thân với đời.

"Evangelii Gaudium" rất khó để tóm tắt, vì nó có phạm vi khá rộng. Oái oăm thay, một điều thoạt nhìn xem ra có vẻ chỉ là một chủ đề nhỏ hẹp, làm thế nào để truyền bá Tin Mừng vào lúc này, thực thực ra, đã cung cấp cho Đức Phanxicô một không gian thật rộng để ngài bàn về nhiều chủ đề trong phong thái cởi mở hết sức đặc trưng của ngài. Tông huấn nhẹ nhàng di chuyển từ việc nói tới niềm vui như một điều kiện của phúc âm hóa, qua việc phải đối thoại bản thân ra sao để mời gọi người ta tiến tới đức tin, nỗi khó khăn làm một Giáo Hội như thế nào khi người Công Giáo "gây chiến" lẫn nhau, việc các linh mục và phó tế phải có những bài giảng tốt hơn ra sao, tới việc phải quan tâm thế nào đối với người nghèo trên thế giới, và điều sau cùng được Đức Phanxicô lưu ý hơn cả.

Để đạt các mục đích trên, ai cũng ngạc nhiên khi thấy Đức Phanxicô cổ vũ một ý niệm mà gần đây ít còn ai ưa thích nữa, đó là việc Giáo Hội "ưu tiên chọn" người nghèo. Ngài viết: "Trái tim Thiên Chúa có một chỗ đặc biệt dành cho người nghèo". Nhưng chỉ nói rằng Thiên Chúa yêu thương người nghèo cách đặc biệt, rồi để đó, thì không đủ. Ta cũng phải năng nổ trong việc chăm sóc và biện hộ cho họ nữa. Ngài cho rằng ai cũng phải làm điều đó. "Không ai trong chúng ta có thể nghĩ rằng mình được miễn chước việc quan tâm tới người nghèo và tới công bằng xã hội".

Và sợ rằng có người hiểu lầm chăng, nên sau khi phê phán việc tôn thờ tiền bạc như một ngẫu thần và nền kinh tế loại trừ, Đức Phanxicô nói rõ: "Đức Giáo Hoàng yêu thương mọi người, cả người giầu lẫn người nghèo, nhưng, nhân danh Chúa Kitô, ngài bắt buộc phải nhắc nhở mọi người rằng người giầu phải giúp đỡ, tôn trọng và thăng tiến người nghèo. Tôi khuyên nhủ anh chị em hãy có tình liên đới đại lượng và hướng kinh tế cũng như tài chánh về một phương thức hợp đạo đức có lợi cho con người nhân bản".

Tuy nhiên, đấy không hẳn chỉ có nghĩa là chăm sóc người nghèo mà thôi, đúng hơn nó còn có nghĩa phải giải quyết các cơ cấu hiện đang giam hãm con người trong cảnh nghèo: "ta không thể trì hoãn việc cần phải giải quyết các nguyên nhân có tính cơ cấu của cảnh nghèo".

Niềm vui và niềm tin tưởng cần thiết để đương đầu với các thách đố trên, cả bên trong lẫn bên ngoài Giáo Hội, bắt nguồn và đặt cơ sở trên mối liên hệ sâu xa với Chúa Giêsu Kitô. Không có cuộc gặp gỡ bản thân với Chúa Giêsu này, cố gắng loan truyền Tin Mừng chỉ là điều vô ích. Ta phải có được điều

Đức Giáo Hoàng gọi là "một kinh nghiệm luôn đổi mới trong việc vui hưởng tình bạn của Chúa Kitô và sứ điệp của Người".

Phần lớn người Công Giáo hăng hái đọc tông thư này. Nhưng vẫn có một số người cho rằng Đức Giáo Hoàng đang cố gắng thay đổi quá nhiều trong Giáo Hội, dù chưa thay đổi gì về tín lý. Một số người Công Giáo không những chỉ chỉ trích, thậm chí còn sợ ngài nữa. Thay đổi hình như lúc nào cũng đáng sợ cả, thậm chí kể cả thay đổi cho tốt hơn! Nhưng muốn lớn mạnh, Giáo Hội cần thay đổi, không thay đổi trong các tín điều nòng cốt, nhưng trong cung cách sống và chia sẻ các tín điều ấy.

Thiển nghĩ người Công Giáo nên đọc trọn bản văn Tông Huấn. Hãy để nó phấn chấn mình và cầu nguyện với nó, nhất là mở lòng mình ra trước lời kêu gọi của Đức Thánh Cha "Lên thuyền đi vào một trang phúc âm hóa mới đánh dấu bằng niềm vui, trong khi chỉ ra những nẻo đường mới cho cuộc lữ hành của Giáo Hội trong những năm sắp tới"

Cuối cùng, như lời Chúa Giêsu dạy, "các con đừng sợ". Ta có thể thay đổi cung cách hành động của ta trong Giáo Hội. Việc loan truyền Tin Mừng đòi ta phải làm điều đó. Nên ta phải tin tưởng rằng chính Thiên Chúa muốn thấy Giáo Hội lớn mạnh và thay đổi. Vả lại, như Đức Phanxicô viết trong Tông Thư "Không ai lên đường ra trận tuyến mà lại không hoàn toàn tin chắc vào chiến thắng trước mặt".

4. Làm mọi sự ra mới và bắt đầu lại

Daniel P. Horan, OFM, một biên tập viên của tạp chí America, thì lưu ý tới đoạn kết thúc của Tông Huấn trong đó, Đức Phanxicô trích dẫn Sách Khải Huyền rằng "Chính Chúa Kitô Sống Lại đã dạy ta, với một sức mạnh làm ta tràn trề tin tưởng và hy vọng không nao núng: 'Này đây Ta đổi mới mọi sự'" (Kh 21:5).
Sứ điệp của Đức Phanxicô không chỉ nhằm kêu gọi người khác sống lối sống mới, mà còn kêu gọi chính ngài cởi mở hơn đối với thay đổi, hồi hướng. "Vì tôi được mời gọi đem ra thực hành điều tôi yêu cầu người khác, nên tôi cũng phải nghĩ tới việc hồi hướng chính ngôi vị giáo hoàng. Nhiệm vụ làm giám mục Rôma của tôi là phải cởi mở đối với các gợi ý giúp làm cho việc thi hành thừa tác vụ của tôi trung thành hơn với ý nghĩa mà Chúa Giêsu Kitô từng muốn đưa lại cho nó và với các nhu cầu hiện nay của việc phúc âm hóa". Cử tọa của tông huấn vì thế quả không phải chỉ là "anh chị em" mà là "chúng ta".

Việc làm mới này không chỉ áp dụng cho việc phúc âm hóa: tân phúc âm hóa, mà áp dụng vào chính chúng ta, như những cá nhân và như là Giáo Hội: chính ta là người cần được làm mới lại, cần bắt đầu lại, "trong mọi hành động đảm trách". Sự mới mẻ này là sự mới mẻ trong tâm hồn, trong quan điểm, trong cung cách liên hệ với những người ta gặp.

Là Giáo Hội, ta "đang có những cơ cấu gây trở ngại cho việc phúc âm hóa". Cả thừa tác mục vụ cũng cần được làm mới lại. "Vấn đề lớn nhất là khi sứ điệp ta giảng dạy xem ra chỉ đồng nhất với những khía cạnh phụ thuộc, dù là quan trọng, nhưng tự chúng không chuyên chở được tâm điểm sứ điệp Chúa Kitô". Tâm điểm ấy chính là niềm vui vì cuộc đời, sự chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu Kitô, được trình bày không phải như những tín lý rời rạc mang ra áp đặt, mà dựa vào các thực tại và hoàn cảnh của toàn bộ Nhiệm Thể Kitô, trong đó, có những chi thể đau đớn, nghèo nàn và bị cho ra rìa.

Hai điểm nổi bật của Niềm Vui Tin Mừng
(Ngày 03/12/2013)

Dành nhiều độc lập hơn cho các hội đồng giám mục các nước và dành nhiều không gian hơn cho các nền văn hóa, đó là hai điểm nổi bật của Tông Huấn Niềm Vui Tin Mừng vừa được Đức Phanxicô công bố.

Điểm thứ nhất cũng là điểm gây chú ý giới truyền thông hơn cả. Nó đề cập tới cả việc thi hành quyền

tối thượng của giáo hoàng lẫn thẩm quyền của các hội đồng giám mục. Điểm thứ hai liên quan đến mối liên hệ giữa Kitô Giáo và các nền văn hóa.

1. Ngôi vị giáo hoàng và Giáo Hội các nước

Về vai trò Đức Giáo Hoàng, Đức Phanxicô cho rằng Đức Gioan Phaolô II có công dọn đường cho một hình thức mới của việc thi hành quyền tối thượng. Nhưng ngài than phiền rằng "chúng ta thực hiện được rất ít tiến bộ trong phương diện này" và hứa rằng ngài có ý định tiến hành mạnh mẽ hơn nữa để có được một hình thức giáo hoàng "trung thành hơn với ý nghĩa mà Chúa Giêsu Kitô vốn muốn đem lại cho nó và với các nhu cầu hiện nay của công cuộc phúc âm hóa".

Tuy nhiên, trong khi tỏ ra vẫn mập mờ phần nào đối với ngôi vị giáo hoàng và từ trước đến nay xem ra vẫn tự đưa ra phần lớn các quyết định, Đức Phanxicô đã dùng Niềm Vui Tin Mừng để nói khá rõ về thẩm quyền của các hội đồng giám mục các nước.

Tại đoạn 32, ngài viết như sau: "Công Đồng Vatican II tuyên bố rằng, giống các Giáo Hội thượng phụ ngày xưa, các hội đồng giám mục đang ở vị trí 'đóng góp nhiều cách có hiệu quả vào việc thể hiện một cách cụ thể tinh thần hợp đoàn'. Ấy thế nhưng ước nguyện này vẫn chưa được thể hiện hoàn toàn, vì địa vị pháp chế của các hội đồng giám mục, một địa vị muốn thấy chúng như chủ thể của những đặc qui chuyên biệt, trong đó có thẩm quyền thực sự về tín lý, vẫn chưa được chi tiết hóa đầy đủ. Việc tập trung quyền hành thái quá, thay vì đem lại lợi ích, đã làm phức tạp đời sống Giáo Hội và việc vươn ra truyền giáo của Giáo Hội".

Trong một ghi chú, Đức Phanxicô nhắc đến tự sắc *Apostolos Suos* năm 1998 của Đức Gioan Phaolô II liên quan tới "bản chất thần học và pháp chế của các hội đồng giám mục". Nhưng nếu đọc kỹ văn kiện này, ta sẽ thấy nó chỉ đặc qui cho hội đồng giám mục các nước một chức năng hoàn toàn có tính thực tế, có tính hợp tác, của một cơ phận đơn giản chỉ có tính phụ thuộc, làm trung gian giữa hợp đoàn giám mục toàn thế giới với Đức Giáo Hoàng một bên, (chỉ "có hợp đoàn tính" mới được tuyên bố là có nền tảng thần học), và từng giám mục riêng rẽ với thẩm quyền đối với giáo phận của ngài một bên.

Trên thực tế, tự sắc *Apostolos Suos* mạnh mẽ giới hạn "thẩm quyền thực sự về tín lý" mà Đức Phanxicô cho biết ngài muốn ban cho các hội đồng giám mục. Nó ấn định rằng nếu thực sự cần phải ban hành các tuyên bố về tín lý, thì việc này phải được thực hiện với sự chấp thuận nhất trí và trong sự hiệp thông với Đức Giáo Hoàng và toàn thể Giáo Hội, hay ít nhất "với đa số thực chất" sau khi được Tòa Thánh xét duyệt và cho phép.

Tự sắc *Apostolos Suos* có cảnh giác nguy cơ này: các hội đồng giám mục rất có thể ban hành các tuyên bố về tín lý mâu thuẫn nhau và mâu thuẫn với huấn quyền phổ quát của Giáo Hội.

Một nguy cơ khác mà tự sắc muốn tránh là việc tạo ra ly cách và xung khắc giữa từng Giáo Hội quốc gia và Rôma, như đã xảy ra trước đây tại Pháp với "Pháp Giáo" (Gallicanism) và như đang xảy ra trong Chính Thống Giáo với nhiều Giáo Hội quốc gia tự trị.

Tự sắc trên tuy mang chữ ký của Đức Gioan Phaolô II, nhưng khuôn khổ của nó là của người từng là bộ trưởng tín lý đầy tin tưởng của ngài, tức Đức Hồng Y Joseph Ratzinger.

Như ai cũng biết, Đức HY Ratzinger từ lâu vốn chỉ trích mạnh mẽ các siêu quyền mà một số hội đồng giám mục tự gán cho mình, nhất là tại một số quốc gia, trong đó có quê hương Đức của ngài.

Trong cuộc phỏng vấn gây chấn động vào năm 1985, được đăng tải dưới tên "Phúc Trình Ratzinger", ngài cương quyết chống lại ý niệm cho rằng Giáo Hội Công Giáo nên trở thành "một thứ liên bang các Giáo Hội quốc gia".

Ngài tố cáo rằng thay vì "dứt khoát nhấn mạnh một cách mới mẻ tới vai trò của các giám mục" như Vatican II mong muốn, thì các hội đồng giám mục đã "bóp nghẹt" các giám mục với các cơ cấu bàn

giấy nặng nề của chúng.

Ngài cho biết thêm: "quyết định chung lúc nào cũng là điều kỳ diệu", nhưng "sự thật không thể được tạo ra bằng các lá phiếu" cả vì "tinh thần phe nhóm và thậm chí có lẽ cả ước muốn có được một sinh hoạt thầm lặng êm ả hay chủ nghĩa tòng phục (conformism) sẽ dẫn đa số tới việc chấp nhận các chủ trương của một số thiểu số làm đủ cách để theo đuổi cho bằng được các mục tiêu rõ rệt" lẫn vì "việc tìm kiếm thỏa thuận giữa các khuynh hướng khác nhau và việc cố gắng làm trung gian thường đẻ ra những văn kiện vô hồn trong đó các chủ trương cương quyết (tại nơi chúng có thể thật cần thiết) bị làm yếu đi".

Theo Sandro Magister, Đức Gioan Phaolô và Đức Bênêđíctô XVI sau ngài thường gán cho các giám mục và phần lớn các hội đồng giám mục thế giới một vai trò khiêm nhường. Và các ngài hành động theo suy tư ấy. Các ngài coi mình như người lãnh đạo và trong một số trường hợp, như tại Ý chẳng hạn, đã không ngần ngại can thiệp để thay đổi cấp lãnh đạo và lệnh lạc hành động.

Với Đức Phanxicô, các hội đồng giám mục có thể được thừa nhận nhiều thẩm quyền lớn hơn. Điều đáng lưu ý là các giám mục Đức gần đây đã công khai có những động thái khác lạ về một số vấn đề, từ tiêu chuẩn quản trị giáo phận tới việc cho các cặp ly dị tái hôn rước lễ. Riêng vấn đề sau, ta hy vọng sẽ được hai Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới trong các năm 2014 và 2015 đem ra thảo luận và đưa ra nhiều quyết định theo chiều hướng thêm quyền cho các hội đồng giám mục địa phương.

2. Kitô Giáo và các nền văn hóa

Trong các đoạn từ 115 tới 118 của Tông Huấn Niềm Vui Tin Mừng, Đức Phanxicô nhấn mạnh tới ý niệm này: "Kitô Giáo không đơn giản chỉ có một lối phát biểu văn hóa" vì kể từ lúc khai sáng, "nó đã được nhập thể vào mọi dân tộc trên mặt đất, mỗi dân tộc đều có nền văn hóa riêng của họ".

Nói cách khác, "Ơn thánh giả thiết văn hóa, và ơn phúc của Thiên Chúa đã thành xác thân trong nền văn hóa của những ai tiếp nhận nó". Hệ luận là "dù một số nền văn hóa quả có liên hệ gần gũi với việc rao giảng Tin Mừng và với việc triển khai tư tưởng Kitô Giáo, nhưng sứ điệp mạc khải thì không đồng nhất với bất cứ nền văn hóa nào; nội dung của nó có tính vượt trên văn hóa (transcultural)".

Khi chủ trương điều trên, Đức Phanxicô xem ra muốn ủng hộ những ai chủ trương rằng việc công bố Tin Mừng có sự tinh tuyền tinh khôi riêng của nó, tách biệt hẳn đối với bất cứ vấy độc văn hóa nào. Một sự tinh tuyền cần được tái lập cho nó, giải thoát nó một cách chủ yếu khỏi các ràng buộc "Tây Phương" của ngày qua và của hôm nay, và cho phép nó tự "hội nhập" vào các tổng hợp mới với các nền văn hóa khác.

Nhưng đặt trong các hạn từ trên, mối liên hệ giữa Kitô Giáo và các nền văn hóa không lưu ý mấy tới mối liên kết vô hình giữa đức tin và lý trí, giữa mạc khải Thánh Kinh và văn hóa Hy Lạp, giữa Giêrusalem và Nhã Điển, mà Đức Gioan Phaolô II đã dành thông điệp "Fides et Ratio" để nói tới, còn Đức Bênêđíctô XVI thì đã hướng trọn bài diễn văn tại Regensburg ngày 12 tháng Chín năm 2006, tựa là "Đức Tin, Lý Trí và Đại Học", để nói về.

Đối với Đức Bênêđíctô XVI, mối nối kết giữa đức tin Thánh Kinh và triết lý Hy Lạp là "một thiết yếu nội tại" đã hiển thị không những trong tự ngôn đầy ngạc nhiên của Tin Mừng Thánh Gioan "từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời" mà còn trong cả Cựu Ước, trong lời huyền nhiệm "Ta là Đấng Tự Hữu" của Thiên Chúa nơi bụi gai rực lửa: "một thách thức đối với ý niệm huyền thoại, một thách thức mà cố gắng tiêu diệt và vượt qua huyền thoại của Socrate là một tương tự rất gần gũi".

Đức Bênêđíctô cho rằng cuộc gặp gỡ "giữa tinh thần Hy Lạp và tinh thần Kitô Giáo" diễn ra "một cách có tính quyết định đối với việc khai sinh và truyền bá Kitô Giáo". Và đây là một tổng hợp, theo ngài, cần được bảo vệ chống lại mọi cuộc tấn công mà trong suốt nhiều thế kỷ qua, cho tới tận thời ta, đã nhắm triệt hạ nó, nhân danh việc "phi Hy Lạp hóa Kitô Giáo"

Trong bài diễn văn tại Regensburg, Đức Bênêđíctô nhận định rằng thời ta, cuộc tấn công này được đưa ra "dưới ánh sáng trải nghiệm của ta với chủ nghĩa đa nguyên văn hóa". Ngài nói: "Ngày nay, người ta hay nói rằng cuộc tổng hợp với văn hóa Hy Lạp trong Giáo Hội sơ khai là cuộc hội nhập văn hóa khởi đầu không có tính trói buộc đối với các nền văn hóa khác. Các nền văn hóa này được quyền trở lại với sứ điệp đơn giản của Tân Ước trước lúc có cuộc hội nhập kia, để hội nhập nó như mới vào nền văn hóa ngay trong môi trường đặc thù của họ. Luận đề này không những sai lạc, mà còn thô thiển và thiếu chính xác nữa. […]Đã đành, có những yếu tố trong diễn biến của Giáo Hội sơ khai không nên hội nhập vào mọi nền văn hóa. Tuy thế, các quyết định căn bản được đưa ra liên quan tới mối liên hệ giữa đức tin và việc sử dụng lý trí nhân bản vốn là thành phần của chính đức tin; chúng là các phát triển phù hợp với bản tính đức tin".

Ta thấy về chủ đề chính này, Niềm Vui Tin Mừng không nhất thiết trái ngược với huấn quyền của Đức Gioan Phaolô II và của Đức Bênêđíctô XVI, nhưng chắc chắn nó có điểm khác. Vì ở đây, Đức Phanxicô rõ ràng có thiện cảm đối với tính đa nguyên trong các hình Giáo Hội, dựa theo mẫu các nền văn hóa địa phương.

Viết theo Sandro Magister, The Federalist Option of the Bishop of Rome, www.chiesa.esspessonline.it, 3.12.2013

Báo Time: Đức Phanxicô, Vị Giáo Hoàng của Dân

(Ngày 11/12/2013)

Khi chọn Đức Phanxicô làm người của năm 2013, Báo Time, qua hai ký giả Howard Chua-Eoan và Elizabeth Dias , đã vắn tắt mô tả ngài như sau: "Ngài lấy tên của một vị thánh khiêm nhường và rồi kêu gọi một Giáo Hội hàn gắn. Vị giáo hoàng không phải người Âu Châu đầu tiên trong 1,200 năm sẵn sàng biến đổi một nơi vốn đo lường thay đổi bằng hàng thế kỷ".

Hành Lang C

Đây là tên một con phố lầy lội ở ngoại ô Buenos Aires dẫn tới một khu ổ chuột, nơi hoạt động thường xuyên của các băng đảng ma túy, với những chữ như *asesino* (sát nhân) nguệch ngoạc trên tường. Chó mèo lang thang kiếm ăn bên dưới những chiếc xe hơi vứt bỏ. Trẻ em nô dỡn không cần lưu ý tới lưu thông, vì chả có chiếc xe nào dám tăng tốc độ ở con đường lồi lõm lầy lội này. Chỉ có điều Hành Lang C vẫn có thể dẫn tới Rôma.

Bởi lúc còn là Hồng Y và tổng giám mục Buenos Aires, một thành phố với 13.5 triệu linh hồn, Jorge Mario Bergoglio hàng năm vẫn dành thì giờ hiếm hoi của mình tới thăm mục vụ khu này. Ngài thường cuốc bộ tới trạm xe lửa ngầm gần Nhà Thờ Chánh Tòa nhất, ngôi chánh tòa với những hàng cột và chiếc tháp vòm cân xứng với trung tâm quyền lực Á Căn Đình. Đi một mình, ngài thường đổi qua chiếc xe điện nguệch ngoạc hình vẽ để tới Mariano Acosta, tới một nơi xe lửa ngầm không thể tới. Ngài hoàn tất cuộc hành trình bằng chân, nặng nề lê bước trong đôi giầy đen chỉnh hình cồng kềnh dọc theo Hành Lang C. Vào những ngày khác, ngài tới thăm các khu ổ chuột khác khắp trong thành phố - biết bao khu vực thiếu thốn biết bao điều, nhưng chẳng có khu vực nào quá nghèo và quá dơ bẩn đối với một cuộc viếng thăm của ông hoàng lang thang này của Giáo Hội. *Reza por mí*, ngài xin mọi người ngài gặp như thế, xin cầu cho tôi.

Ngày 13 tháng Ba, khi Bergoglio thừa hưởng ngôi tòa Phêrô, người giữ chìa khóa nước trời, ngài cũng đã xin thế giới như vậy. Xin cầu cho tôi. Lá thư từ nhiệm của ngài, một đòi hỏi đối với mọi giám mục từ 75 tuổi trở lên, đã nằm sẵn tại Vatican, chờ được chấp thuận. Bạn bè ở Á Căn Đình đã thấy ngài có phần giảm tốc, như một người mất sức. Nhưng bỗng chốc, ngài trở thành một con người mới, tự gọi mình là Phanxicô, theo tên vị thánh khiêm nhường tại Assisi. Trong tư cách giáo hoàng, ngài bỗng trở thành nguyên thủ của Thị Quốc Vatican và đứng đầu một định chế quá đông đúc (đông

không khác Trung Quốc), quá đóng khung trong trật tự, quá rối mù về hành chánh, quá bao la trong hoạt động bác ái, quá è cổ vì tai tiếng, quá nhiều phân cực (polarising) đối với những ai nghiên cứu giáo huấn của nó, quá mầu nhiệm đối với những người không mầu nhiệm, đến nỗi khoảng cách giữa ngài và các khốn cùng hàng ngày của người nghèo thế giới xem ra khó lòng có thể bắc cầu qua được. Cho tới lúc vị giáo hoàng thứ 266, trong đôi giầy cồng kềnh, bước vào trả tiền trọ khách sạn.

Biến ông già 70 thành siêu sao

Ngôi giáo hoàng là một điều mầu nhiệm và kỳ diệu: nó biến một ông già 70 thành một siêu sao trong khi hầu như không tiết lộ điều gì về chính con người của ngài. Nó còn gợi lên nhiều hy vọng ở mọi ngõ ngách trên thế giới, những niềm hy vọng chẳng bao giờ được nên trọn, đơn giản chỉ vì chúng quá trái ngược nhau. Những người duy truyền thống cao niên chỉ những mong một thánh lễ La Tinh. Người đàn bà trẻ tuổi đạo hạnh chỉ ước mong trở thành linh mục. Tất cả đều hy vọng. Ông đức ông đầy tham vọng ở Giáo Triều Rôma và ông phó tế truyền giảng Tin Mừng ở Phi Luật Tân xa xôi, tất cả đều hy vọng. Chẳng có ông giáo hoàng nào thoả mãn họ cùng một lúc được.

Nhưng điều biến vị giáo hoàng này thành quan trọng như thế chính là vận tốc trong việc ngài nắm bắt được óc tưởng tượng của hàng triệu người từng hết còn hy vọng chút nào nơi Giáo Hội nữa. Người ta mỏi mệt trước các thất bại vô tận của đạo đức tính dục, những tranh chấp nội bộ khôn nguôi giành quyền giành chức trong khi, nói theo kiểu Milton, "Đoàn chiên đói meo trông nhìn, mà không được một miếng". Chỉ trong vòng vài tháng, Đức Phanxicô đã nâng sứ vụ hàn gắn của Giáo Hội, một Giáo Hội phục vụ và an ủi những con người bị thương tổn trong một thế giới quá khắc nghiệt, lên trên việc kiểm soát tín lý là việc được các vị tiền nhiệm gần đây coi trọng. Đức Gioan Phaolô II và Đức Bênêđíctô XVI đều là các giáo sư thần học. Đức Phanxicô là một cựu coi nhà, một cựu an ninh hộp đêm, một cựu kỹ thuật viên hóa chất và một cựu thầy giáo văn chương.

Và phía đàng sau dáng dấp tự xóa bỏ mình, ngài là một người hành động khôn khéo. Ngài vận dụng một cách bậc thầy các khí cụ của thế kỷ 21 để thi hành chức vụ có từ thế kỷ thứ nhất của mình. Ngài được chụp hình đang rửa chân cho các nữ tù nhân, đứng tự chụp hình (selfies) với các du khách trẻ tới Vatican, ôm người dị hình trên khuôn mặt. Ngài được trích dẫn nói về các phụ nữ toan phá thai vì nghèo hay vì bị hiếp dâm: "Ai có thể không cảm động trước hoàn cảnh đau lòng như thế?" Nói về người đồng tính "nếu một người đồng tính có thiện chí và biết tìm kiếm Thiên Chúa, thì tôi là ai mà dám phê phán họ?" Với người Công Giáo ly dị và tái hôn, những người, theo luật, không được Rước Lễ, ngài nói rằng nghi thức chủ yếu này "không phải là phần thưởng cho những người hoàn thiện mà là món thuốc và của ăn mạnh mẽ cho những người yếu đuối".

Qua việc cố ý và khéo léo nhắc lại các thời khắc trong thừa tác vụ của Chúa Giêsu, như đã được kể trong các Tin Mừng, vị tân giáo hoàng này rất có thể đã tìm được lối thoát ra khỏi cuộc chiến tranh văn hóa của thế kỷ 20, từng làm cho Giáo Hội hấp hối tại phần lớn các nước Tây Âu và phải lui vào thế bào chữa suốt từ Dublin tới Los Angeles. Nhưng nghịch lý của ngôi giáo hoàng là: mỗi thành công của người mới đều bị đè nén bởi nhiều thành công rạng rỡ của các tiền nhiệm. Sức nặng của lịch sử, của tín lý và tín điều từng đan kết chặt chẽ với nhau hết thế kỷ này qua thế kỷ nọ, hết thiên tài này tới thiên tài khác, vừa là nguồn vừa là giới hạn đối với quyền lực giáo hoàng. Nó toả ra từ mọi bức tượng, mọi căn hầm và bản văn da thú vẽ tay ở Rôma, và ở các nhà thờ, các thư viện, các bệnh viện, các đại học và viện bảo tàng khắp thế giới. Một giáo hoàng chỉ có thể định được hướng đi của mình nếu hướng đi này phù hợp với những nẻo đường đã được lựa chọn.

Và do đó, Đức Phanxicô cho thấy dấu hiệu một thay đổi lớn lao trong khi vẫn đưa ra những câu trả lời tương tự như xưa cho các câu hỏi không thoải mái. Về vấn đề nữ linh mục: "Ta cần phải làm nhiều hơn nữa để khai triển một nền thần học sâu sắc về phụ nữ". Điều này có nghĩa: không! Không đối với phá thai, vì sự sống cá thể bắt đầu từ lúc thụ thai. Không đối với hôn nhân đồng tính, vì mối liên kết nam nữ là do Thiên Chúa thiết lập. Ngài vốn nói: "giáo huấn của Giáo Hội… rất rõ, và tôi là con cái Giáo Hội, nhưng", và tại đây, ngài thêm lời cầu nguyện cho chính ngài "không cần lúc nào cũng phải nói về các vấn đề này".

Nếu lời cầu nguyện trên được đáp ứng, nếu cách nào đó, nhờ gương sáng sống động của mình, Đức Phanxicô có thể đem Giáo Hội vào mối tương quan mới với những người phê phán và bất đồng với Giáo Hội, nghĩa là chịu nhất trí bất đồng (agree to disagree) về các vấn đề đang chia rẽ nhưng sẵn sàng hợp tác trong sứ vụ khẩn cấp loan truyền lòng cảm thương, thì ngài đã đem lại một điều tốt chưa từng được ai nói tới. "Tranh luận ít đi, thực hiện nhiều hơn lên" rất có thể sẽ là khẩu hiệu hàn gắn của thời ta. Chúng ta có quá nhiều vấn đề cần giải quyết. Đức Phanxicô nói bằng gương sáng, Đừng cãi cọ nữa hãy xắn tay áo lên. Đừng để người hoàn hiện trở thành kẻ thù của người tốt, một điều quan trọng mà thế giới cần nghe, nhất là vì người nói câu này đang nắm giữ một chức vụ được coi là vô ngộ.

Một ngôi giáo hoàng đang thay đổi

Đức đương kim giáo hoàng là vị đầu tiên lấy tên Phanxicô, là tên vị thánh ở thế kỷ 13, từng rời bỏ gia đình giầu có đi sống với người nghèo. Phanxicô còn là vị thánh xây dựng hòa bình, vì ngài là nhà lãnh đạo Công Giáo đầu tiên qua tận Ai Cập để cố gắng chấm dứt các cuộc thập tự chinh. Vị thánh này đặt lòng thương xót làm nòng cốt cho đời mình.

Nguyên tên gọi cũng nói lên phần lớn nghị trình của Đức Phanxicô. Trong cuộc phỏng vấn của Cha Antonio Spadaro, chủ bút tờ Civiltà Cattolica, ngài thưa với cha rằng ngài coi "Giáo Hội như một bệnh viện dã chiến". Viễn kiến của ngài rõ ràng nặng về mục vụ, chứ không tín lý, chú trọng tới người nghèo, người tan nát và cô đơn về linh đạo. Ngài khai triển viễn kiến này hơn nữa trong tông huấn Niềm Vui Tin Mừng. Ngài viết: "tôi thích một Giáo Hội bị bầm tím, bị thương và lấm láp vì ở ngoài đường phố, chứ không phải một Giáo Hội không khỏe mạnh vì bị giam hãm và bám víu vào chính sự an toàn của mình". Ngài nói rõ ngài không muốn nói xuông, ngài cần thay đổi thực sự.

Ngài hãm cái thói quen ban tước đức ông cho các linh mục như phương cách dẹp bỏ đầu óc ham hố nghề nghiệp, thay vào đó, kêu gọi họ đặt nặng mục vụ. Theo ngài, các ứng viên giám mục phải là "người hiền từ, nhẫn nại và thương người, được thúc đẩy bởi sự nghèo khó bên trong, bởi sự tự do của Chúa và bởi tính đơn sơ bề ngoài và cuộc sống khắc khổ". Đối với Đức Phanxicô, nghèo khó không phải chỉ vì đức bác ái, mà còn vì đức công bằng nữa. Giáo Hội không nên phản ảnh Rôma, mà nên phản ảnh người nghèo.

Việc này giúp ta hiểu tại sao ngài đã biến chức Bố Thí (Almoner) của Vatican, trước đây vốn không ai biết tới, thành một cơ quan quan trọng và ủy thác cho một tổng giám mục là Konrad Krajewski, người Ba Lan, 50 tuổi, điều khiển với lời dặc dò "Đức Cha có thể bán bàn giấy đi, vì không cần tới nữa. Đức Cha cần ra ngoài Vatican. Đức Cha đừng chờ người ta tới bấm chuông. Đức Cha cần ra ngoài tìm kiếm người nghèo". Đức TGM Krajewski đã phân phát nhiều món tiền nhỏ cho người túng thiếu trong đó có việc tặng 1,600 thẻ điện thoại để những người di dân bị chìm xuồng gọi về cho gia đình ở Eritrea. Hình thức giúp đỡ lặng lẽ này đã khiến có lời đồn chính đức Phanxicô cũng giả dạng linh mục thường để đích thân ra đường phố Rôma tìm kiếm giúp đỡ người nghèo. Việc này khiến Tòa Thánh đã phải đính chính.

Tờ *Time*, sau đó, đề cập tới cố gắng cải tổ Ngân Hàng Vatican của Đức Phanxicô qua việc thiết lập ủy ban điều tra nhưng sau đó, công việc được trao cho một công ty độc lập ở bên ngoài. Lần đầu tiên trong lịch sử 125, ngân hàng này vừa công bố phúc trình hàng năm của mình.

Tháng Tư, ngài thiết lập hội đồng 8 Hồng Y khắp thế giới. Hội đồng này sẽ họp nhiều lần mỗi năm để cùng ngài xem sét các vấn đề khó khăn trong Giáo Hội. Ngài cho biết "tôi không muốn các tham vấn cho có lệ, mà là các tham vấn thực sự". Ngày 5 tháng 12 vừa qua, với đề nghị của hội đồng, một ủy ban đặc biệt về lạm dụng tình dục đã được thành lập, để nghiên cứu các phương cách tốt hơn nhằm bảo vệ trẻ em… Ủy ban sẽ không chú ý tới các thách thức về luật lệ mà chú trọng tới các vấn đề về tác phong hơn trong phạm vi lạm dụng tình dục này.

Phương cách Á Căn Đình

Trong bốn năm giữa lúc khám phá thấy mình có ơn gọi làm linh mục và lúc thực sự gia nhập chủng

viện, Jorge Mario Bergoglio thú thực ngài "quan tâm tới chính trị nhưng chưa bao giờ đi quá việc tìm hiểu trí thức mà thôi". Ngài nhận có và thích đọc các ấn phẩm của Đảng Cộng Sản nhưng cho biết chưa bao giờ là đảng viên cả. Nhiều nhà quan sát Á Căn Đình cho rằng quan tâm của ngài đối với người thiếu thốn phát sinh một phần từ kinh nghiệm của Á Căn Đình đối với chủ nghĩa Peron, một thứ pha trộn kỳ quặc giữa xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa từng diễn biến tại xứ sở này từ thập niên 1940 và được củng cố nhờ chính sách ve vãn giai cấp công nhân. Thứ ý thức hệ này tác động lên mọi chuyện ở Á Căn Đình, cả lúc đó lẫn bây giờ.

Các giới hạn đối với việc cải cách

Time cho rằng câu có thể định nghĩa được cả các hứa hẹn lẫn các giới hạn của triều đại Đức Phanxicô là câu "tôi là ai mà dám phê phán?". Câu này là câu ngài trả lời hồi tháng Bảy, khi được hỏi về người đồng tính luyến ái. Nhiều người cho rằng, với câu này, ngài đã thay đổi tín lý của Giáo Hội. Nhưng thực ra, ngài chỉ thay đổi cung giọng mà thôi, nhằm tìm ra con đường thực tiễn đưa tới việc gặp gỡ những người bị Giáo Hội hay đúng hơn bị sự nhấn mạnh thái quá của Giáo Hội đối với những điều được làm và những điều không được làm, bác bỏ. Qua kinh nghiệm mục vụ lâu năm với nhiều linh mục chánh xứ, ngài biết Giáo Hội hình như thoải mái trong các vấn đề hẹp hòi hơn là sự phức tạp của con người nhân bản và chính vì thế đã mất cả tín hữu lẫn khả tín tính của mình. Chính vì thế ngài khuyên mọi người suy nghĩ bao quát hơn: "Ta không thể chỉ nhấn mạnh tới các vấn đề liên quan tới phá thai, hôn nhân đồng tính và việc sử dụng các phương pháp ngừa thai".

Điều trên dường như không phải là một tiến bộ có ý nghĩa đối với Hoa Kỳ và các nước mở mang khác. Nhưng sự nhạy cảm của Đức Phanxicô đối với xu hướng đồng tính có một tác dụng khác nơi các quốc gia đang phát triển, vì tại đây việc kỳ thị đồng tính đã thành định chế hóa, khá phổ biến và bị ngăn cấm. Tương tự như thế, ngài cũng biết thế giới giầu có Tây Phương chú ý nhiều tới việc phong chức cho nữ giới. Nhưng theo ngài, tín lý Công Giáo không cho phép việc này. Tuy nhiên, trong tông huấn gần đây, ngài muốn giảm nhẹ tính trỗi vượt của chức linh mục toàn nam giới, cho rằng việc họ độc quyền về bí tích không có nghĩa phái tính của họ là phái tính duy nhất được dành quyền trong Giáo Hội.

Điều trên không hẳn sẽ mang ngang quyền lại cho phụ nữ, nhưng tại những nơi số phận phụ nữ vẫn còn rất ảm đạm, thì viễn kiến này quả là một khích lệ lớn lao, vượt lên trên quan tâm phong chức cho phụ nữ. Khi một giám mục như Đức TGM Berhaneyesus Souraphiel của Addis Ababa nói tới phụ nữ trong Giáo Hội, ngài không nghĩ tới chuyện phong chức cho họ, mà nghĩ tới cuộc khủng hoảng tại các vùng hạ Sahara của Phi Châu, nơi họ vẫn còn phải chịu cảnh cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ. Cho nên ngài cố gắng vận động người Công Giáo mở một đại học dành cho phụ nữ để giải thoát họ khỏi cuộc khủng hoảng này. Ngài cho rằng lời tuyên bố của Đức Phanxicô là một tiến bộ lớn lao: "Lời ấy giúp ta nhiều lắm, vì ngài cho hay phụ nữ có một vai trò lớn lao trong Giáo Hội và trong xã hội".

Time nhận định rằng tuy có đôi chút tiến bộ trong hai phạm vi đồng tính luyến ái và vai trò phụ nữ, nhưng phá thai thì tuyệt nhiên không. Đức Phanxicô nói rất rõ: "Đây không phải là việc để cải cách hay hiện đại hóa. Không phải là 'chuyện tiến bộ' khi cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách loại trừ sự sống nhân bản". Dù thế đi nữa, giọng điệu thay đổi tín lý của Đức Phanxicô vẫn gây bất an cho những người bảo thủ trong Giáo Hội. Con số những người này khó có thể ước lượng nhưng không ai chối cãi sự hiện hữu của họ. Họ cho rằng ngài tiến quá nhanh ra khỏi phong cách truyền thống của Đức Bênêđíctô về phụng vụ, về việc cử nhiệm các giáo phẩm.

Nhiều người cũng lên tiếng phê phán việc ngài nhấn mạnh tới vai trò của giáo hoàng chỉ như một giám mục khác, dù là giám mục Rôma, chứ không phải Giáo Chủ Thượng Phẩm (Supreme Pontiff). Họ cho rằng điều này sẽ dẫn tới việc kết liễu ngôi vị giáo hoàng như thế giới đã biết đến cả hàng bao thế kỷ qua. Đầu tháng Mười vừa rồi, Mario Palmaro, một nhà đạo đức sinh học bảo thủ vốn làm việc cho Radio Maria dám đi xa đến nỗi là đồng tác giả một tiểu luận tựa là "Chúng Tôi Không Thích Vị Giáo Hoàng Này" ("We Do Not Like This Pope"). Tiểu luận này ngụ ý cho rằng Đức Phanxicô là một Ngụy Kitô vì ngài biết khôn khéo sử dụng truyền thông để phổ biến các tư tưởng không chính thống. Palmaro đặc biệt ngỡ ngàng trước cuộc phỏng vấn ngài dành cho chủ bút vô thần của nhật báo Ý La

Republica, trong đó ngài được cho là đã nói "Tôi tin Thiên Chúa, không phải Thiên Chúa Công Giáo". Đài phát thanh Maria đã sa thải Palmaro vì việc này. Nhưng qua tháng 11, khi Palmaro mắc chứng tê liệt, Đức Phanxicô đã điện thoại an ủi ông. Palmaro nói với các phóng viên "Tôi bị cú điện thoại gây xúc động đến nỗi chẳng nói năng được gì trong cuộc điện đàm. Ngài chỉ muốn cho tôi hay ngài cầu nguyện cho tôi". Tuy nhiên, ông vẫn cho hay ông không thay đổi quan điểm của ông đối với chính sách của Đức Phanxicô.

Phần lớn các chỉ trích của giới bảo thủ cho rằng lời lẽ và cử chỉ của Đức Phanxicô không thể ăn nhập với di sản của các vị tiền nhiệm của ngài. Rõ ràng ý thức được điều này, nên Đức Phanxicô đã khôn khéo trích dẫn các trước tác của các vị tiền nhiệm để minh chứng sự liên tục. Là giáo hoàng đầu tiên được thụ phong linh mục sau Vatican II, ngài rất ca tụng các ý kiến của Đức Gioan XXIII, vị giáo hoàng đã triệu tập công đồng này. Nhưng quả là một trách vụ tế nhị khi Đức Phanxicô có một điều mà không vị giáo hoàng nào từ thế kỷ 15 có: đó là một vị tiền nhiệm còn sống. Dù sống hoàn toàn ẩn dật trong Vườn Vatican, Đức Bênêđíctô vẫn là điểm hội tụ có thể có cho tất cả những ai sợ rằng Đức Phanxicô quá nới lỏng sợi dây cương tín lý. Từ trước đến nay, hai Đức Phanxicô và Bênêđíctô khá ăn ý với nhau: cả hai vị ca tụng lẫn nhau và Đức Phanxicô đã hậu hĩnh trích dẫn vị tiền nhiệm trong tông huấn đầu tiên của mình. Dù gì, ngài cũng phải giữ Đức Bênêđíctô về phía mình, vì Đức Bênêđíctô là người cơ chế hóa các quan điểm bảo thủ của Đức Gioan Phaolô II, người được đa số người Công Giáo, nhất là phía hữu, coi là anh hùng.

Đức Phanxicô sẽ tiếp tục chính sách của cả Đức Gioan Phaolô II lẫn Đức Bênêđíctô về hoà dịu và liên hệ anh em với Do Thái Giáo. Ngài dự định qua thăm Israel vào tháng Năm tới. Nhưng với kinh nghiệm làm việc với người di dân Hồi Giáo tại Á Căn Đình, chắc chắn ngài sẽ mở rộng liên hệ tốt với Hồi Giáo hơn Đức Bênêđíctô, người có lần đã làm giới Hồi Giáo xôn xao vì bài diễn văn tại Regensburg. Ngài cũng tỏ ra mềm dẻo hơn với lòng đạo đức Thệ Phản, lòng đạo đức tin lành; ngài từng làm người Công Giáo ở Á Căn Đình ngỡ ngàng khi qùy gối nhận phép lành của các mục sư Thệ Phản tại một hội trường ở Buenos Aires.

Lúc còn ở quê nhà, vị giáo hoàng tương lai cũng đã nói rằng việc độc thân của giáo sĩ chỉ là một triển khai gần đây (khoảng năm 1000) và xem ra có thể thay đổi được. Và cũng tại Á Căn Đình, ngài từng tham dự đám tang của một cựu giám mục phản loạn, từng rời bỏ Giáo Hội để kết hôn. Trong đám tang này, ngài đã yên ủi quả phụ của giám mục phá giới. Ngài cũng có thiện cảm với những người tan vỡ hôn nhân: chính người em gái duy nhất còn sống sót tức María Elena Bergoglio cũng là một người ly dị. Ở Á Căn Đình, ngài làm việc gần gũi với những người Công Giáo ly dị và tái hôn, một số trong số này vẫn tiếp tục rước lễ. Là giáo hoàng, ngài đã cho triệu tập một Thượng Hội Đồng Đặc Biệt vào tháng 10 năm 2014 để thảo luận các thách thức mục vụ đối với các gia đình hiện đại, trong đó có vấn đề đạo đức tính dục, ly dị, sống chung và sinh sản.

Time có một dè dặt: Đức Phanxicô mới chỉ làm giáo hoàng chưa đầy một năm, nên ngôi vị giáo hoàng vẫn có thể thay đổi sau đó. Năm 1846, Đức Piô IX lên ngôi giáo hoàng với hy vọng lớn sẽ đem đạo Công Giáo tới chỗ tự do hơn, nhưng kết cục, đã trở thành quán quân của bảo thủ: tín điều vô ngộ và cực lực chống lại các thế lực thế tục.

Một ngày trong cuộc sống

Đức Phanxicô bắt đầu ngày sống của ngài bằng cầu nguyện. Ngài thức giấc lúc 5 giờ sáng và cầu nguyện cho tới 7 giờ trước khi cử hành Thánh Lễ buổi sáng tại nhà nguyện Nhà Thánh Marta. Sau Thánh Lễ, ngài cầu nguyện và cầu nguyện nữa trước khi ăn sáng. Rồi ngày làm việc bắt đầu vào lúc 8 giờ sáng. Ngài đọc giấy tờ cho tới 10 giờ, rồi gặp các thư ký, các Hồng Y, giám mục, linh mục và giáo dân tới trưa, sau đó là ăn trưa và nửa giờ nghỉ trưa. Tiếp theo là 6 giờ làm việc, rồi ăn tối và cầu nguyện trước Thánh Thể. Ngài thú nhận đôi khi ngủ gục vào lúc này, nhưng cho hay "ngủ gục trước nhan Chúa là điều tốt". Ngài thường đi ngủ khoảng lúc 10 giờ.

Vào các Thứ Tư, ngài có buổi yết kiến chung khoảng giờ ăn trưa tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, với đông người tham dự. Vào một ngày tháng Mười Hai trời đẹp, đám đông đã lên tới 30,000

người. Đây là mùa của ánh sáng, nên ngài nói tới Phục Sinh. Hình như ngài bị cảm cúm; ngài cần tới chiếc khăn lau vẫn dấu trong tay áo. Nhưng tiếng ngài mạnh mẽ, dù có hơi cao hơn người ta mong chờ, và cũng có vẻ réo rắt (musical), giống giọng nói của người kể truyện, với hết ngữ cảnh và đặc điểm, khiến bạn lắng nghe.

Ngài có bản văn soạn sẵn trong tay, vì khi ngài kết thúc bài nói, các linh mục bèn nhắc lại bằng tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Anh và tiếng Ả Rập. Tuy nhiên, đôi khi bản văn rơi khỏi tay ngài, ngài cúi xuống, vừa nhìn đám đông vừa nói, hai tay trong không khí, giọng nói mạnh hơn bao giờ hết, thao thao "tự biên tự diễn". Ngài bảo họ: Chúa Giêsu đã sống lại, và chúng ta một ngày kia cũng thế. Rồi sợ đám đông không nắm được hệ luận, ngài thúc giục họ: "tôi không nói láo đâu! Đúng như vậy đó! Anh chị em có tin Chúa Giêsu đang sống không?" Đám đông thưa lại "Có!", và ngài hỏi lại "Há anh chị không tin sao?" Họ hô lên "Có". Thế là ngài thuyết phục được họ. Họ trở thành một phần của sứ điệp. Ngài nói với họ rằng tình yêu của Chúa Kitô giống như người kia tìm được của qúy và chẳng còn muốn gì khác hơn là được chia sẻ nó. "Người đang chờ đợi chúng ta". Đức Phanxicô nói thế. Và khi đến lúc sắp kết thúc bài nói chuyện, bản văn lại rơi mất lần nữa, ngài vẫn tiếp tục nói: "ý nghĩ này đem hy vọng lại cho ta! Ta đang trên đường tới Phục Sinh. Và đây là niềm vui của ta: một ngày kia được thấy Chúa Giêsu, được gặp Chúa Giêsu và mọi người với nhau, mọi người với nhau, không phải ở đây, ở công trường này, mà ở chỗ khác, nhưng rất hân hoan với Chúa Giêsu. Đó là cùng đích của chúng ta".

Khi buổi yết kiến đã xong, ngài rời khỏi bục, tới chào các Hồng Y, rồi xuống gặp người bệnh và các khách qúy. Nhiều người tặng ngài đồ kỷ niệm hay một tặng phẩm nào đó: một tượng nhỏ Chúa Giêsu vui tươi trên một bàn thờ lụa vàng, một bức tranh về Chúa Kitô, một cuốn sách hình từ Áo. Một người đàn ông tự chụp hình với ngài; những người khác thì không nỡ rời tay ngài ra. Các nhân viên giữ trật tự và an ninh cố gắng giữ đường để ngài tiếp tục bước, nhưng ngài còn nhiều lời để nói, còn nhiều khách hành hương phải gặp và còn nhiều sứ vụ phải phát động trước khi ngày chấm dứt.

Michael Novak đồng quan điểm với Đức Phanxicô

(Ngày 13/12/2013)

Phe hữu tại Hoa Kỳ, trong những ngày gần đây, cực lực chỉ trích Đức Phanxicô về nội dung của tông huấn "Niềm Vui Tin Mừng" khi đề cập tới kinh tế. Có người gọi ngài là người theo chủ nghĩa Mác. Có người thậm chí còn bảo ngài đừng nên pha mình vào lãnh vực kinh tế là lãnh vực ngài không những không hiểu biết mà còn chẳng ăn uống gì tới thừa tác vụ của ngài cả. Họ khuyên ngài, trong lãnh vực này nên nhường bước cho những người Công Giáo như Michael Novak.

Điều nghịch thường là ngày 7 tháng Mười Hai vừa qua, Michael Novak, trên National Review Online (www.nationalreview.com), có một bài tựa là "Agreeing with Pope Francis: The exhortation looks very different read through the lens of Argentine experience" (Đồng Ý Với Đức Giáo Hoàng Phanxicô: Tông Huấn Có Dáng Rất Khác Khi Đọc Qua Lăng Kính Kinh Nghiệm Á Căn Đình". Ta biết Novak là một người Hoa Kỳ cánh hữu, và vì thế, vẫn cho rằng hình thức tư bản của Hoa Kỳ "bao gồm" người nghèo hơn mọi quốc gia khác và giải quyết tốt nhất nền kinh tế chính trị, cực lực chỉ trích bất cứ ai nói ngược lại, kể cả tông huấn của một vị giáo hoàng. Nhưng ông đồng ý rằng tình yêu là nguyên tắc tối hậu của tư tưởng xã hội Công Giáo, một tư tưởng đặt người nghèo ở tâm điểm, không giúp đỡ người nghèo là không yêu mến Thiên Chúa. Một cách mặc nhiên, ông thừa nhận Đức Phanxicô đúng cả trong việc phê phán chủ nghĩa tư bản, trên quan điểm mục tử, vì ngài đâu có đứng trên quan điểm kinh tế chính trị, cũng không nói về kinh tế chính trị, mà nói về ***Niềm Vui Tin Mừng****. Sau đây là bài nhận định của ông.*

Đọc tông huấn mới của Đức GH Phanxicô sau các trình bày hết sức sai lạc về nó của *Guardian* và *Reuters* (cả hai đều thuộc phe tả của báo giới Anh), và đọc nó bằng lỗ tai ngôn ngữ Hoa Kỳ, thoạt đầu tôi rất ngỡ ngàng về việc có tới 5 hay 6 câu của nó sao mà phe phái và vô căn cứ về thực nghiệm đến thế.

Nhưng đọc tông huấn trong bản dịch tiếng Anh đầy đủ của nó, và đọc nó bằng con mắt của vị giáo sư – giám mục – giáo hoàng từng lớn lên ở Á Căn Đình này, tôi bắt đầu có cảm tình hơn với các câu chữ được Đức Giáo Hoàng Phanxicô sử dụng.

Bởi một lẽ, tôi từng nghiên cứu cẩn thận các trước tác đầu tiên của Đức GH Gioan Phaolô II, tức các trước tác phát sinh từ kinh nghiệm sống lâu dài với chế độ cộng sản hà khắc, một chế độ tự cho mình là người hoàn toàn tranh đấu cho "bình đẳng" nhưng lại cưỡng chế việc kiểm soát hoàn toàn chính sách cai trị, kinh tế, và văn hoá bằng một nhà nước toàn trị và tàn ác. Từ 1940 (dưới sự chiếm đóng của Quốc Xã và Xô Viết) cho tới 1978 (khi ngài di chuyển về Vatican), Karol Wojtyla hầu như không có bất cứ một kinh nghiệm nào về nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và chính sách cai trị dân chủ/cộng hòa. Để có thể hiểu được các ý niệm đứng đàng sau thứ kinh tế chính trị này, ngài đã phải thận trọng lắng nghe và học hỏi thứ ngữ vựng hoàn toàn khác biệt này.

Các kinh nghiệm buổi đầu của hai vị giáo hoàng này rất khác nhau. Thành thử, sau khi đã thuyết trình lâu năm tại Á Căn Đình và tại Chilê từ cuối thập niên 1970, tôi đọc toàn bộ tông huấn này bằng một lỗ tai từng có được các vang vọng của đời sống kinh tế và chính trị hàng ngày tại Á Căn Đình.

Trong các cuộc viếng thăm Á Căn Đình của mình, tôi nhận thấy một phân rẽ hết sức rõ nét giữa giai cấp thượng trung lưu và giai cấp nghèo hơn hẳn bất cự sự phân rẽ nào tại Hoa Kỳ. Tại Á Căn Đình, tôi thấy rất ít nẻo đường để người nghèo theo đó thoát khỏi cảnh nghèo của họ. Tại Hoa Kỳ, nhiều người, hiện nay giầu có hay thuộc giai cấp trung lưu, trước đây từng đến (hay cha mẹ họ từng đến) Mỹ Châu này khố rách áo ôm, nhiều người trong chúng ta còn không nói được tiếng Anh, được đi học rất ít, và chủ yếu chỉ có kỹ năng tay chân. Nhưng trước mặt chúng ta trải dài nhiều nẻo đường đi lên. Như Hernando de Soto của Peru từng nhấn mạnh, Hoa Kỳ có thượng tôn pháp luật và các quyền tư hữu rõ ràng, dựa vào đó, người ta có thể an tâm xây dựng tương lai qua nhiều thế hệ.

Hầu như mọi người tôi quen biết lúc lớn lên đều trải nghiệm cảnh nghèo ở buổi đầu. Cha ông chúng ta có thể làm nghề may vá, thợ sắt, thư ký cửa tiệm, làm vườn, làm thợ sửa vặt, công nhân cổ xanh đủ loại, không có bảo hiểm xã hội, Medicaid, phiếu thực phẩm, phụ cấp nhà ở, hay những thứ tương tự. Nhưng họ chịu khó làm việc và phần nào đã có khả năng gửi con cái tới cao đẳng và đại học. Bây giờ thì con cái họ là bác sĩ, luật sư, giáo sư, chủ bút, chủ nhân tiểu thương khắp nước.

Trong cuốn *Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations* (1776), Adam Smith so sánh lịch sử kinh tế của Châu Mỹ La Tinh với lịch sử kinh tế Bắc Mỹ. Ông nhận định rằng ở Châu Mỹ La Tinh vẫn còn nhiều định chế của một Âu Châu phong kiến: các chủ đất lớn, các đồn điền lớn, các nhân công đồn điền. Ở Bắc Mỹ, chỉ các tiểu bang miền Nam Hoa Kỳ mới có các đặc điểm này.

Ở khắp Châu Mỹ La Tinh, trong suốt gần hai thế kỷ cho tới lúc Smith viết tác phẩm trên, các quyền lực và giấy phép kinh tế đều được ban hành bởi các viên chức chính phủ tận mãi Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha xa xôi vạn dặm. Tại Cộng Hòa Dominican, chẳng hạn, một nông gia muốn lập một xưởng nấu sắt nhỏ phải đợi hàng tháng hay hàng năm mới có quyết định từ Tây Ban Nha. Buôn bán với giặc biển dễ dàng hơn nhiều. Trong khi ấy, tại các khu khai phá nói tiếng Anh ở Bắc Mỹ, một nông gia có thể lập một xưởng nấu sắt bất cứ lúc nào, không cần phải xin phép bất cứ ai. Thậm chí, cả sau khi một số nước giành được độc lập, thói quen chờ phép tắc của nhà nước vẫn còn nguyên tại đó như một tục lệ muôn đời bất biến.

Vả lại, kinh nghiệm trong thế giới nói tiếng Anh đã dẫn tới việc không tin tưởng vua chúa và các triều đình của họ, cũng như các vương bá sau này và giới qúy tộc nói chung, vì những người này không được ai coi là lưu tâm tới và phục vụ ích chung. Ngược lại, tại khắp thế giới nói tiếng La Tinh, thói quen ngược lại đã đâm rễ rất sâu. Ở đấy, các viên chức nhà nước thường xuyên được ủy thác việc chăm sóc ích chung, bất chấp thành tích dài thượt đủ các phản bội nhiệm vụ, các bột phát bạo tàn, và sử dụng tài nguyên kinh tế để làm giầu cho tầng lớp lãnh đạo nhà nước liên tiếp nhau. Ở Châu Mỹ La Tinh, khu vực tư có tính đa nguyên bị người ta ngờ vực, nhưng nhà nước thì được tín nhiệm.

Ngược lại, ở Hoa Kỳ, dưới một chính phủ bị giới hạn bởi luật lệ nghiêm khắc, quyền tư hữu cá nhân

phát triển hầu như phổ quát (ngoại trừ dưới cái định chế nô lệ ác ôn, được coi như tội nguyên tổ tại Mỹ Châu), có sự hiện diện của nhiều tiểu xí nghiệp, và rất nhiều tiểu nông gia phồn thịnh. Smith mô tả việc tạo ra thịnh vượng tại Bắc Mỹ giống như vọt lên từ bên dưới, từ dưới đáy, nơi các thói quen tằn tiện đã dẫn tới nhiều đầu tư khôn ngoan vào đường rầy, vào kinh đào, và vào các doanh thương lớn lao khác.

Non 70 năm sau khi Smith viết tác phẩm trên, một người con của một nông trại tiền phong ở trung Illinois, Abraham Lincoln, đã hùng hồn nói tới các chứng cớ của một doanh thương hoàn cầu, thấy rõ trong các căn hộ ở khắp vùng thảo nguyên: thuốc lá, bông vải, hương liệu, rượu mạnh, đường, trà, đồ thủy tinh, đồ bằng bạc. Ông gán việc buôn bán đem lại giầu có này cho óc mạo hiểm của các thủy thủ Hoa Kỳ (như Tocqueville đã nhất trí).

Lincoln cũng viết về điều lệ cầu chứng và tác quyền trong hiến pháp Hoa Kỳ, là điều lệ bảo đảm quyền các nhà sáng chế được hưởng thành quả các sáng chế của họ bằng tiền bạc. Lincoln cho rằng cái điều lệ nhỏ nhoi này thực là một trong sáu đóng góp to lớn nhất cho tự do trong lịch sử thế giới. Ông nghĩ rằng điều cực kỳ quan yếu là giải phóng con người nhân bản ở khắp nơi khỏi lầm than và bạo chúa.

Cái câu duy nhất ấy, trong đó hạn từ "quyền" được sử dụng trong toàn bộ Hiến Pháp, đã phát động cho thế giới cả một mô thức kinh tế hoàn toàn mới, không dựa vào đất đai (như đã diễn ra cả hàng mấy ngàn năm trước) mà dựa vào ý tưởng sáng tạo, vào sáng chế,vào khám phá, đều là những điều đẩy nhanh cả một dòng thác cải tiến mới và sản phẩm mới làm phong phú cuộc sống của người dân thường. Các cải tiến này càng giúp đỡ được nhiều người bao nhiêu, càng làm cho tiền tác quyền (royalties) của người sáng chế cao hơn. Bằng cách phục vụ người khác, họ gặt hái được phần thưởng cho chính mình. Những phần thưởng này càng thăng tiến ích chung hơn.

Vị giáo hoàng người Ba Lan, Gioan Phaolô II, thừa nhận sự thay đổi xã hội lớn lao này trong *Centesimus Annus* (*Năm Thứ Một Trăm*, 1991). Đoạn 32 của văn kiện này mở đầu như thế này "Ở thời đại ta, cách riêng, có một hình thức sở hữu khác không kém phần quan trọng như đất đai: đó là sở hữu kỹ thuật, hiểu biết và kỹ năng. Sự thịnh vượng của các nước kỹ nghệ hóa đặt căn bản trên loại sở hữu này nhiều hơn trên các tài nguyên thiên nhiên". Phần còn lại của đoạn này khá súc tích trong việc đào sâu các nguyên nhân của thịnh vượng và vai trò của con người và hiệp hội nhân bản trong đức tính liên đới, mà việc hoàn cầu hóa chính là biểu thức bên ngoài.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II mau mắn thừa nhận rằng ngày nay "nhân tố có tính quyết định [trong sản xuất] càng ngày càng chính là con người, nghĩa là, kiến thức của họ, nhất là kiến thức khoa học, khả năng tổ chức rất liên quan và khắng khít với nhau của họ, cũng như khả năng nhận thấy nhu cầu của người khác và thỏa mãn các nhu cầu này.

Rồi trong đoạn 42, Đức Gioan Phaolô II định nghĩa chủ nghĩa tư bản lý tưởng của ngài một cách ngắn gọn như một hệ thống kinh tế phát sinh từ óc sáng tạo, dưới sự thượng tôn pháp luật, và "cốt lõi của nó là đạo đức và tôn giáo". Mười năm trước đó, trong thông điệp xã hội đầu tiên của ngài, tựa là *Laborem Exercens* (*Về Lao Công Con Người*, 1981), khi trực tiếp bác bỏ ngôn ngữ Mácxít chính thống về lao công, Đức Gioan Phaolô II cũng đã dự phóng dự án "thần học sáng thế" để thay thế cho nền "thần học giải phóng". Sau đó không lâu, ngài đạt tới ý niệm "vốn nhân bản" (human capital). Từng bước, tư duy của ngài vươn tới viễn kiến riêng về nền kinh tế tốt đẹp nhất đối với con người nhân bản, không hẳn hoàn hảo trong thung lũng nước mắt này, nhưng tốt đẹp hơn bất cứ nền kinh tế nào, cả Cộng Sản lẫn truyền thống. Đức Gioan Phaolô II coi nó như "mô thức cần được đề xuất cho các nước Thế Giới Thứ Ba đang đi tìm con đường tiến bộ về kinh tế và dân chính".

Đầu thế kỷ 20, Á Căn Đình được xếp hàng 15 trong các nước kỹ nghệ hàng đầu, và càng ngày, nền thịnh vượng của họ càng phát sinh từ các sáng chế hiện đại hơn là từ đất đai cày cấy. Rồi một hình thức kinh tế chính trị có tính hủy hoại, lúc ấy lan tràn như một bệnh dịch phát xuất từ Âu Châu, tức chủ nghĩa phátxít mị dân với việc chính phủ kiểm soát chặt chẽ nền kinh tế, đã làm đà tiến bộ của Á Căn Đình về kinh tế và chính trị khựng lại. Bất ổn về thượng tôn pháp luật đã phá nát óc sáng tạo về

kinh tế. Lạm phát gia tốc lên tới cao độ không thể tưởng tượng được. (Đầu thập niên 1980, tôi mang từ Á Căn Đình về một tờ giấy bạc mệnh giá 1 triệu *pesos* Á Căn Đình, nhưng chỉ còn đáng giá 2 xu Mỹ lúc ấy).

Trong 3 thế hệ, rất ít tài nguyên quốc gia và cơ hội thăng tiến xã hội được dành cho người nghèo. Khả thể thăng tiến từ dưới đi lên đã và vẫn còn bất thường xuyên. Ngày nay, số phận người nghèo ở Á Căn Định vẫn bất động. Người nghèo nhận được rất ít huấn giáo bản thân để quay trở lại với óc sáng tạo và sáng kiến tự lập. Rất ít đạo luật, rất ít định chế cho vay cũng như các sắp xếp thực tiễn khác hỗ trợ họ trong việc vươn lên. Các năng lực nhân bàn bị cạn kiệt vì tinh thần lệ thuộc vào phúc lợi của nhà nước. Kết quả trông thấy là cả một xã hội phần lớn trì trệ, với rất ít cơ may để người nghèo thoát khỏi cảnh nghèo của họ. Quả là một nỗi nhục nội tâm đối với người nghèo khi họ thấy mình hoàn toàn lệ thuộc, không tự tạo được một thành quả bản thân nào. Nếu đây là điều Đức Phanxicô tượng hình một cách đau đớn khi viết tông huấn này, thì đó chính là điều được con mắt nhiều nhà quan sát khác nhận thấy.

Chỉ một chữ "chủ nghĩa tư bản" mà thôi cũng đã có nhiều nghĩa rất khác nhau rồi, dựa trên các kinh nghiệm rất khác nhau. Tại nhiều quốc gia Châu Mỹ La Tinh, các lãnh tụ công ty ngày nay thường là cháu chắt của những chủ đất vĩ đại ngày trước. Trong số này, một số người có viễn kiến, có óc sáng chế, có sáng kiến bản thân tự tạo cơ sở riêng cho chính mình. Ấy thế nhưng cho tới nay, phần lớn người Hoa Kỳ không thể kể tên bất cứ món hàng nổi danh nào do Nam Mỹ sáng chế cả.

Đúng, trong một số lãnh vực mới, óc sáng tạo và sáng chế đang lớn mạnh tại Châu Mỹ La Tinh. Các máy phản lực Embraier của Ba Tây (được sử dụng trong đoàn máy bay của nhiều công ty vận chuyển Hoa Kỳ), chẳng hạn, là những nguyên phẩm hết sức hữu dụng. Tuy thế, hệ thống kinh tế của Á Căn Đình và của các nước Châu Mỹ La Tinh khác vẫn là một hệ thống thị trường truyền thống tĩnh tại, chứ chưa có tính tư bản chủ nghĩa trong sáng chế và trong óc làm ăn.

Bất cứ ai nhận định về các chủ đề kinh tế của *Niềm Vui Tin Mừng* nên ghi nhận từ đầu rằng điều Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh trong văn kiện này chưa nói đầy đủ trọn các quan điểm của ngài về nền kinh tế chính trị, mà chỉ nói lên quan tâm mục vụ của ngài mà thôi. Trong đoạn 51, Đức Phanxicô viết rằng: "Đức Giáo Hoàng không có nhiệm vụ trình bày một phân tích chi tiết và toàn diện về những thực tại đương thời, nhưng tôi mời gọi tất cả các cộng đồng 'luôn luôn tỉnh táo để phân biệt các dấu chỉ của thời đại'. Đó là một nhiệm vụ quan trọng, bởi vì một số thực tại hiện nay, nếu không tìm ra những giải pháp tốt đẹp, có thể gây ra những tiến trình phi nhân bản là điều sau đó rất khó mà đảo ngược lại được. Chúng ta cần phải phân biệt rõ ràng những gì có thể là hoa quả của Nước Thiên Chúa và những gì đi ngược lại kế hoạch của Thiên Chúa. Điều này có nghĩa là chúng ta không những chỉ nhận ra và giải thích những tác động của thần lành và thần dữ, - và đây là điều quyết định - nhưng chọn những tác động của thần lành và loại bỏ những tác động của thần dữ. Tôi bao hàm các phân tích khác nhau đã được đề ra trong các tài liệu khác của Huấn Quyền phổ quát, cũng như những điều mà các Giám Mục quốc gia và vùng đã đề nghị. Trong Tông Huấn này, tôi có ý chỉ bàn đến một cách ngắn gọn với nhãn quan mục vụ về một số khía cạnh của những thực tại có thể ngăn chặn hoặc làm suy yếu động lực canh tân truyền giáo của Hội Thánh, hoặc vì chúng có ảnh hưởng đến sự sống và nhân phẩm của dân Thiên Chúa, hoặc vì chúng cũng liên quan trực tiếp đến các cơ cấu của Hội Thánh và đến việc thực thi sứ vụ loan báo Tin Mừng của Hội Thánh".

Nhưng có khoảng sáu "cú đấm" (swipes) của ngài có tính phe phái và thiên vị đến độ hình như vượt ra ngoài sự thanh thản và tinh thần đại lượng thông thường của ngài. Nói một cách chính xác, những kiểu nói có tính phe phái (partisan) này tự nhiên bị những cơ sở truyền thông như *Reuters* và *Guardian* túm lấy. Trong số này, có "các lý thuyết nhỏ giọt" (trickle-down theories), "những bàn tay vô hình", "thờ ngẫu thần tiền bạc", "bất bình đẳng" và lòng tin vào nhà nước "được trao cho việc canh chừng ích chung".

Mary Anastasia O'Grady, một trong các quan sát viên sắc sảo nhất về Châu Mỹ La Tinh hiện nay, nêu câu hỏi: nếu thế thì tại sao "phần lớn người nghèo cùng cực nhất hiện nay lại tập trung ở những nơi nhà nước chiếm một vai trò quá cỡ trong nền kinh tế chính vì dựa trên những cơ sở như thế?" Kể từ

thời Max Weber, tư tưởng xã hội Công Giáo đã bị qui lỗi cho phần lớn sự nghèo khó tại các quốc gia Công Giáo. Đức Phanxicô vô tình đã thêm bằng chứng cho luận đề của Weber.

Đúng, ta sẽ công bình hơn nếu có được một sử gia kinh tế biết đặt mỗi chủ đề có tính nổ bùng và có tính phe phái này vào ngữ cảnh của nó, để giải thích mỗi chủ đề này có nghĩa gì đối với tác giả viết ra nó, ngược với cách dùng có tính phe phái của giới truyền thông ngày nay. Ở đây, tôi chỉ xin phép tập chú vào các thiếu sót của một trong các chủ trương vội vàng của Đức Giáo Hoàng mà thôi: ngài đã bất cẩn nhắc tới "các lý thuyết nhỏ giọt". Thực ra sự lầm lẫn ở đây hình như đã bị cường điệu hóa bởi lối dịch nghèo nàn, như thấy rất rõ giữa bản dịch Anh Ngữ chính thức của Vatican và nguyên bản Tây Ban Nha của Đức Giáo Hoàng.

Nguyên bản Tây Ban Nha viết như sau: "*En este contexto, algunos todavía defienden las teorías del "derrame," que suponen que todo crecimiento económico, favorecido por la libertad de mercado, logra provocar por sí mismo mayor equidad e inclusión social en el mundo*".

Bản bất hạnh bằng tiếng Anh là "*In this context, some people continue to defend trickle-down theories which assume that economic growth, encouraged by a free market, will inevitably succeed in bringing about greater justice and inclusiveness in the world*" (trong ngữ cảnh này, một số người tiếp tục bênh vực các lý thuyết nhỏ giọt là các lý thuyết cho rằng phát triển kinh tế, được thị trường tự do khuyến khích, sẽ nhất thiết thành công trong việc tạo ra sự công bình và tính bao hàm lớn hơn trên thế giới).

Đầu tiên xin bạn đọc chú ý: chữ "nhỏ giọt" (trickle-down) không hề có trong nguyên bản Tây Ban Nha, như thể Đức Giáo Hoàng có ý nói tới khẩu hiệu xung trận của Đảng Dân Chủ Hoa Kỳ chống lại Đảng Cộng Hòa Mỹ! Các thông dịch viên chuyên nghiệp tiếng Tây Ban Nha cho rằng lối dịch đúng của chữ *derrame* là "spillover" hay "overflow" (tràn ra từ cái gì đã đầy, dư tràn?). Thay vào đó, bản dịch tiếng Anh đã đưa vào đoạn này cả một ý nghĩa khác hẳn lẫn một cung giọng mới khó nghe. Chỉ những ai thù nghịch với chủ nghĩa tư bản và các cải cách thành công của Reagan, và với các chính sách của Đảng Cộng Hòa nói chung sau chính sách đi xuống của thời Carter, mới sử dụng kiểu nói châm chọc "nhỏ giọt" mà thôi, nhằm hí hoạ hóa điều thực sự xẩy ra dưới thời Reagan, tức chính sách đi lên đáng kể. Về phương diện này, xin xem bài của tôi tựa là "The Rich, the Poor, & the Reagan Administration" (Người Giầu, Người Nghèo và Chính Phủ Reagan).

Những ai nhấn mạnh tới các thành công của chủ nghĩa tư bản trong việc nâng người nghèo ra khỏi cảnh nghèo không sử dụng hạn từ này. Họ cho rằng chuyển động có tính cổ điển của các nền kinh tế tư bản là chuyển động đi lên dành cho người nghèo: tỷ lệ nhân dụng cao hơn, lương bổng cũng cao hơn, sáng kiến cá nhân và các thương sở mới có thể đo lường được, cơ may chưa từng có để người nghèo tiến lên, các di dân có thể thoát khỏi cảnh nghèo trong vòng chưa tới 10 năm, giai cấp "vô sản" lao công trở thành các thành viên vững vàng của giai cấp trung lưu, có thể sở hữu căn nhà riêng và hỗ trợ nền học vấn cao đẳng của con cái họ.

Niềm Vui Tin Mừng cho rằng không có chứng cớ thực nghiệm nào đối với niềm tin vào các thành quả kinh tế này. "Đó là một niềm tin thô thiển và ngây thơ vào tính tốt bụng của những người nắm giữ quyền lực kinh tế và vào cơ chế được thánh thiêng hóa của hệ thống kinh tế đương thịnh". Ở Á Căn Đình và ở các hệ thống bất động khác vốn không có chính sách đi lên (upward mobility), nhận định này có thể hiểu được. Ở những quốc gia với nhiều thế hệ của chính sách đi lên đáng tin cậy, nó không đúng chút nào.

Chuyển động đi lên được một số hệ thống tư bản cổ vũ là một *trải nghiệm*, chứ không phải là "niềm tin thô thiển và ngây thơ", của đại đa số người Hoa Kỳ. "Nhỏ giọt" không phải là một mô tả thích hợp cho những điều đang xẩy ra tại đây; đúng hơn, điều vốn được trải nghiệm xưa nay là sự giầu có "vọt lên từ bên dưới". Chính xác đó là điều vẫn tiếp tục lôi cuốn hàng triệu di dân tới nền kinh tế của ta.

Ngoài ra, bản dịch tiếng Anh của *Niềm Vui Tin Mừng* nhấn mạnh rằng có những người tin rằng phát triển kinh tế sẽ *nhất thiết* tạo ra sự công bình và tính bao hàm lớn lao hơn (*equidad e inclusión sociál*). Nhưng bản tiếng Tây Ban Nha không sử dụng chữ ta có thể dịch đúng là "nhất thiết" (inevitable).

Kiểu nói khiêm tốn hơn và chính xác hơn được sử dụng là *por si mismo*, hay "tự nó". Không như bản dịch tiếng Anh, nguyên bản tiếng Tây Ban Nha viết đúng như thế này: Cần nhiều hơn phát triển kinh tế mới có thể làm cho một hệ thống trở nên "công bằng" (equitable). Ta cần có việc thượng tôn pháp luật, việc bảo vệ các quyền tự nhiên, và sự quan tâm kiểu Do Thái /Kitô Giáo đối với quả phụ, cô nhi, người đói khát, người bệnh tật, người ngồi tù, tóm lại, quan tâm một cách hữu hiệu đối với mọi con người yếu thế và khốn khó.

Bất chấp một số sai lạc rõ ràng, nhất là trong khu vực giải trí: âm nhạc thời thượng tục tĩu và khiêu dâm, các hình ảnh và chủ đề sa đoạ trong phim ảnh, hệ thống Hoa Kỳ luôn "bao hàm" người nghèo hơn bất cứ quốc gia nào trên thế giới.

Có hai điều tôi đặc biệt trân quí trong *Niềm Vui Tin Mừng*. Toàn thể vũ trụ và trọn bộ sự sống con người đều là những ngọn lửa bùng lên từ sự sống bên trong của Đấng Tạo Hóa, từ *caritas*, tức tình yêu sáng tạo, hướng ra ngoài là chính Thiên Chúa. Như Đức Giáo Hoàng Bênêđíctô XVI rất thông thái và nổi bật từng cho thấy qua thông điệp đầu tiên của ngài,tức Thông Điệp *Deus Caritas Est*, mọi sự có tính chủ yếu đối với sự sống con người đều bắt đầu từ trong *caritas* của Thiên Chúa. Qúy bạn hãy nghĩ điều này trong cuộc sống của mình: há tình yêu bạn dành cho người phối ngẫu, con cái thân yêu cũng như bạn thân của mình không phải là trải nghiệm "thần thánh" nhất qúy bạn từng biết đó sao?

Đó là một lý do tại sao tư tưởng xã hội Công Giáo bắt đầu từ trong *caritas*. Đó cũng là lý do tại sao người nghèo lại ở gần tâm điểm các quan tâm của Kitô Giáo đến thế, và cả trong việc thờ phượng của họ nữa.

Điểm thứ hai được tôi trân quí nhất chính là sự tập chú mà *Niềm Vui Tin Mừng* đã đặt vào nhiệm vụ thực tiễn chính yếu của thế hệ chúng ta: bẻ gẫy xiềng xích cuối cùng trói buộc cảnh nghèo xưa. Năm 1776, chỉ non tỉ người sống trên mặt đất. Đại đa số những người này nghèo, lại phải sống dưới các chính quyền bạo chúa. Chỉ hai thế kỷ sau, thế giới có hơn 7 tỉ người. Các khám phá và sáng chế y khoa dồn dập đã giúp tăng tuổi thọ trung bình lên hơn hai lần, giảm tử suất trẻ sơ sinh rất nhiều, và chữa lành hàng trăm thứ bệnh khác nhau. Nhờ tiến bộ kinh tế, sáu phần bẩy loài người đã thoát khỏi cảnh nghèo: hơn một tỉ từ năm 1950 tới năm 1980 và một tỉ nữa từ năm 1980. Còn một tỉ nữa vẫn còn sống trong xiềng xích này. Nhiệm vụ người Do Thái Giáo, người Kitô Giáo và mọi người nhân đạo là phá xiềng xích nghèo khổ cho số người còn lại này.

Bất cứ ta cầu gì trong việc thờ phượng ngày Chúa Nhật cũng chỉ có được thực chất của nó qua điều người Kitô hữu chúng ta làm trong đời sống hàng ngày để giúp đỡ người nghèo. Không tới giúp đỡ người nghèo, là ta không yêu mến Thiên Chúa.

Thánh Gioan, trong thư thứ nhất của ngài, từng viết rằng "Không ai từng trông thấy Thiên Chúa, nhưng nếu ta yêu mến nhau, thì Thiên Chúa sống trong ta, và tình yêu của Người nên trọn vẹn trong ta" (1Ga 4:12). Còn Chúa Giêsu thì dạy ta "Bất cứ các con làm gì cho một trong những anh chị em bé nhỏ này của Ta, là các con làm cho Ta" (Mt 25:40).

Tông huấn không hẳn là một văn kiện giáo huấn nhằm trình bày một luận điểm cẩn thận, đây là trách vụ của một thông điệp. Đúng hơn, nó giống một bài giảng hơn, một dịp phần nào không chính thức để Đức Giáo Hoàng trình bày viễn kiến của ngài như một mục tử, và trình bày nó như một lời mời gọi đạt tới một lòng đạo đức và sùng kính tận đáy lòng. Đức Giáo Hoàng Phanxicô rất trổi vượt trong ngôn từ có tính bản vị này.

Trong tương lai, Đức Phanxicô sẽ trình bày đầy đủ hơn các luận điểm của ngài về một nền kinh tế chính trị tốt nhất có thể giúp người nghèo thoát khỏi cảnh nghèo. Tôi chỉ có thể nghĩ rằng các tham khảo về đề tài này đã được bắt đầu rồi.

Tôi hy vọng các phụ tá của Đức Giáo Hoàng sẽ bắt đầu với câu kết luận do kinh nghiệm thúc đẩy, tiến bộ một cách hơi miễn cưỡng, nhưng trình bày một cách hữu lý ở số 42 thông điệp *Centesimus Annus*

của Đức Gioan Phaolô II: "Có lẽ có thể nói được chăng là sau thất bại của Chủ Nghĩa Cộng Sản, chủ nghĩa tư bản là hệ thống xã hỗi chiến thắng và chủ nghĩa tư bản nên được coi là mục tiêu của các quốc gia hiện đang cố gắng tái thiết nền kinh tế và xã hội của họ? Phải chăng chủ nghĩa này là kiểu mẫu cần được đề xuất với các quốc gia của Thế Giới Đệ Tam đang tìm kiếm con đường tiến bộ thực sự về kinh tế và dân chính?"

Với câu hỏi này, Đức Gioan Phaolô trả lời cả có lẫn không. Ngài viết tiếp: "Câu trả lời hiển nhiên là phức tạp. Nếu hiểu 'chủ nghĩa tư bản' là một hệ thống kinh tế biết nhìn nhận vai trò nền tảng và tích cực của kinh doanh, của thị trường, của quyền tư hữu và trách nhiệm từ đó mà ra đối với các phương tiện sản xuất, cũng như óc sáng tạo nhân bản tự do trong lãnh vực kinh tế, thì câu trả lời chắc chắn là khẳng định, mặc dù có lẽ sẽ thích hợp hơn nếu gọi đây là "kinh tế kinh doanh", "kinh tế thị trường" hay đơn thuần là "kinh tế tự do". Nhưng nếu hiểu 'chủ nghĩa tư bản' là một hệ thống trong đó tự do trong lãnh vực kinh tế không bị qui định trong một khuôn khổ pháp chế mạnh mẽ biết đặt nó vào việc phục vụ tự do con người trong tính toàn bộ của nó, và coi nó như một khía cạnh đặc thù của tự do mà cốt lõi chính là tự do đạo đức và tôn giáo này, thì câu trả lời chắc chắn là phủ định.

"Giải pháp Mácxít đã thất bại, nhưng các thực tại chèn ép (marginalization) và bóc lột vẫn tồn tại trên thế giới, nhất là tại Thế Giới Đệ Tam, cũng như thực tại tha hóa con người, nhất là tại các nước tiến bộ hơn. Giáo Hội mạnh mẽ lên tiếng chống lại các hiện tượng này. Số rất đông người vẫn đang sống trong các điều kiện nghèo khổ lớn lao về vật chất và tinh thần. Việc sụp đổ của hệ thống Cộng Sản tại nhiều quốc gia chắc chắn sẽ loại bỏ một trở ngại đối với việc đương đầu với các vấn đề này một cách thoả đáng và thực tiễn, nhưng mang lại giải pháp mà thôi không đủ. Thực vậy, vẫn còn nguy cơ là ý thức hệ triệt để tư bản còn đang tràn lan sẽ bác bỏ không xem sét các vấn đề này, vì tiên thiên tin rằng bất cứ mưu toan nào nhằm giải quyết vấn đề cũng chắc chắn sẽ thất bại, và mù quáng ủy thác cách giải quyết chúng cho việc phát triển tự do các lực lượng của thị trường".

Mặc dù phát triển kinh tế không hẳn là mục đích duy nhất của các xã hội tự do, nhưng các phúc lợi của nó về giáo dục, cải thiện y tế, triển nở tự do lương tâm, và việc tài trợ tư cho cuộc sống dân chính và nhiều hình thức nhân đạo không phải là không chủ yếu đối với ích chung.

Hơn nữa, không phải chỉ có các hệ thống thị trường mới đem lại chính sách đi lên, tiến bộ kinh tế cho mọi người và cơ hội kinh tế rộng mở. Á Căn Đình luôn luôn có nền kinh tế thị trường. Cũng vậy, hầu hết các dân tộc trong lịch sử nhân loại đều có nền kinh tế này. Giêrusalem thời Thánh Kinh từng trân trọng quyền tư hữu ("chớ lấy của người", "chớ tham của người"), và sống còn nhờ một thị trường sinh động (như một giao diện thương mãi của ba lục địa). Nhưng trong suốt 1,800 năm sau Chúa Kitô, không một thị trường thế giới nào, hay tổng hợp của chúng, đã tạo ra được nhiều phát triển kinh tế. Các nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục tương đối tĩnh tại vì phải đương đầu với một chu kỳ tàn nhẫn gồm những năm "mập mạp" tiếp theo những năm "gầy yếu". Trước khi chủ nghĩa tư bản xuất hiện, các hệ thống thị trường truyền thống kinh qua nhiều trận đói kém và bệnh dịch giết người hàng loạt hầu như trong mọi thế hệ.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã nhìn ra thực tế lịch sử đó. Cái nhìn thấu suốt của ngài vẫn còn là kho báu đối với giáo huấn xã hội Công Giáo, và dĩ nhiên, nó đã được Đức Giáo Hoàng Phanxicô lưu ý vì ngài dành trọn một tiết của *Niềm Vui Tin Mừng* cho chủ đề "Thực tại mạnh mẽ hơn ý niệm".

Sau cùng, tôi muốn đưa ra một đánh cuộc: rất nhiều con người nhân bản hơn nữa sẽ thoát khỏi cảnh nghèo nhờ các phương pháp dân chủ và tư bản chủ nghĩa hơn hẳn bất cứ phương thế nào khác.

Chứng cớ thực nghiệm hết sức áp đảo nếu ta xét tới đà đi lên nhanh chóng của những nền kinh tế bị chiến tranh san bằng trong các năm 1946-1948, tức các nền kinh tế của Nhật và của Đức, và cả các nền kinh tế của Tân Gia Ba, Hồng Kông, Đài Loan, và Nam Hàn nữa, tất cả các nước này đều hướng về dân chủ và hình thức này hay hình thức nọ của chủ nghĩa tư bản. Nhưng cũng có chứng cớ từ phần lớn chúng ta tại Hoa Kỳ là những người có ông bà vốn là "những đồ phế thải đang thương" của quả địa cầu, thế mà nay, trong một thời gian ngắn, gia đình họ đã được kể vào số những người giấu có nhất thế giới. Chuyện ấy làm sao có thể có được? Nhờ hệ thống nào việc đó được thực hiện và đâu là

các bí quyết có thể bắt chước được?

Những ai muốn thực tiễn và thành công trong việc bẻ gẫy các xiềng xích nghèo khó còn tồn đọng trên thế giới, nên học hỏi những gì đã thành đạt từ trước tới nay, ngay trước mắt ta.

Đức Phanxicô và lòng sùng kính Đức Mẹ

(Ngày 15/12/2013)

Trong khi nền văn hóa bình dân tiếp tục hào hứng đối với những tiết lộ nho nhỏ cho thấy phần nào cá tính của Đức Phanxicô, như chi tiết cho rằng trước đây ngài từng là một nhân viên an ninh của một hộp đêm chẳng hạn, thì vào hôm Chúa Nhật trước, ta còn phải háo hức hơn nữa trước một điều có tính căn bản hơn nhiều dù không được báo chí thời thượng lưu ý. Đó là lòng sùng kính tuyệt vời của ngài dành cho Đức Mẹ.

Ngày 8 tháng 12 vốn là ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, mà tiếng Ý gọi tắt là ngày Immacolata. Ngày ấy, Đức Phanxicô thực hiện chuyến đi truyền thống tới Piazza di Spagna thuộc Rôma để tôn kính đài kỷ niệm tượng Đức Mẹ dựng năm 1857 để ghi nhớ tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội, do Đức Piô IX tuyên bố ba năm trước đó.

Dịp này, Đức Phanxicô có soạn một bản kinh đặc biệt mà trọng tâm là lời tha thiết van xin rằng "tiếng kêu của người nghèo đừng bao giờ để chúng con dửng dưng, nỗi đau khổ của người bệnh tật và của những ai túng thiếu đừng bao giờ thấy chúng con sao lãng, nỗi cô đơn của người cao tuổi và sự mỏng dòn của trẻ em luôn luôn làm chúng con xúc động và mọi sự sống nhân bản luôn được tất cả chúng con yêu thương và tôn kính".

Đây quả là chuyến tông du cổ điển của Đức Phanxicô. Ngài xuất hiện trong chiếc Ford Focus mầu xanh, chứ không phải chiếc Mercedes sang trọng, không ngồi ở phía dưới nhưng ngồi ở đàng trước để tán gẫu với tài xế. Ngài dừng lại ít phút để chào hỏi các người bán hàng, rồi bỗng quyết định cuốc bộ quãng đường còn lại. Ngài dừng lại chào hỏi người địa phương và du khách, chú ý đặc biệt tới trẻ em và người đau ốm. Nhiều người ném những bó bông mang theo để tôn kính Đức Mẹ dọc đường Đức Giáo Hoàng đi qua. Ngài cúi xuống lượm chúng lên và mang theo tới đài kỷ niệm.

Sau đó, ngài băng qua thành phố, tới thăm Nhà Thờ Đức Bà Cả, đền Đức Mẹ đầu hết của Rôma, để dừng lại dăm ba phút trước bức ảnh thời danh Đức Mẹ *Salus Populi Romani*, "Phù Hộ Dân Rôma". Ngài không đọc diễn văn, cũng không có đoàn chụp hình và quay phim truyền hình vì Đức Phanxicô muốn đây là một hành vi tư riêng, thân mật.

Từ ngày lên ngôi giáo hoàng, đây là lần thứ sáu Đức Phanxicô tới thăm Nhà Thờ Đức Bà Cả. Lần đầu ngài tới đây là ngày 14 tháng Ba, non 24 giờ sau khi được bầu. Đây là địa điểm ngài dễ lui tới nhất để viếng thăm ở bên ngoài Vatican. Nhưng điều này cho thấy vương cung thánh đường này và lòng sùng kính Đức Mẹ quan trọng như thế nào đối với linh đạo của Đức Phanxicô.

Như nhà báo Á Căn Đình Elisabetta Piqué nhận định trong cuốn tiểu sử về ngài mới đây, đức cựu Hồng Y Jorge Mario Bergoglio cố tình cho thấy mỗi lần có việc phải tới Rôma, ngài đều tới viếng Nhà Thờ Đức Bà Cả. Điểm duy nhất khác nhau vào lúc này là ngài xuất hiện ở đấy trong bộ áo chùng trắng chứ không còn trong bộ áo linh mục tầm thường. (Đáng lẽ bà cũng nên nhận định rằng ngài không còn đi xe buýt nữa).

Nhà báo John Allen Jr cho rằng trong thuật ngữ bình dân, "Vatican" là cách nói khác chỉ ngôi vị giáo hoàng. Tuy nhiên, ta có thể cho rằng trung tâm linh đạo thực sự của triều giáo hoàng này nằm ở phía bên kia thị quốc, ở Nhà Thờ Đức Bà Cả.

Điều này đúng nếu ta chịu khó lần rở lại việc sùng kính Đức Mẹ trong suốt cuộc đời Đức Phanxicô. Thí dụ, ta biết rằng khi Bergoglio gần như bị đầy ải ở Đức năm 1986, do nhiều căng thẳng trong nội bộ Dòng Tên tại Á Căn Đình, vị giáo hoàng tương lai đã tìm được nguồn an ủi nơi bức ảnh Đức Mẹ mà ngài tìm thấy tại Augsburg. Đó là bức ảnh thời danh "Maria Cởi Nút" thuộc thế kỷ 18, một danh hiệu khiến ta nhớ tới Thánh Irênê, người từng viết rằng "nút cột bất tuân của Evà đã được sự vâng lời của Maria tháo cởi"

Có lẽ vì cảm nhận được sự nối kết giữa ý nghĩa bức ảnh với những nút thắt trong chính đời mình, Bergoglio đã thấy mình được an ủi nhiều bởi bức ảnh và đã quyết định truyền bá lòng sùng kính nó tại Á Căn Đình. Ngài khuyến khích việc xây dựng một bàn thờ để đặt bản sao bức tranh này tại Nhà Thờ San José del Talar, trong khu Agronomía thuộc Buenos Aires.

Không nơi nào sự sâu sắc về xúc cảm trong lòng sùng kính Đức Mẹ của vị giáo hoàng này được biểu lộ rõ ràng bằng ở Ba Tây, nơi Đức Phanxicô đã dành hẳn một ngày để kính viếng Đền Đức Mẹ Aparecida. Đó là địa điểm họp hội nghị của các giám mục Châu Mỹ La Tinh năm 2007, trong đó, Bergoglio là soạn giả hàng đầu của "Văn Kiện Aparecida", tức văn kiện chủ trương Giáo Hội phải là một Giáo Hội truyền giáo. Có thể coi đây là một hiến chương đối với triều đại giáo hoàng của ngài.

Lúc qùy cầu nguyện trước bức ảnh Đức Maria, Đức Phanxicô gần như chẩy nước mắt khi phó thác trọn triều đại giáo hoàng của mình cho Đức Bà Aparecida.

Nếu để ý, không ai có thể bỏ qua các dấu chỉ của lòng sùng kính này. Các giáo sĩ từng đồng tế Thánh Lễ với ngài tại Nhà Thánh Marta, chẳng hạn, tường thuật rằng: Đức Phanxicô luôn yêu cầu họ, sau Thánh Lễ, cùng ngài hát một thánh ca tôn kính Đức Mẹ trước bức tượng Thánh Mẫu.

Lòng sùng kính Đức Mẹ cũng giúp ta hiểu lối suy nghĩ của Đức Phanxicô đối với một số vấn đề gây tranh cãi bậc nhất trong Giáo Hội. Thí dụ, Đức Phanxicô thường xuyên nhắc đi nhắc lại rằng dù vấn đề phong chức cho phụ nữ đã bị đóng lại rồi, ngài vẫn muốn họ có vai trò mạnh mẽ hơn trong Giáo Hội. Một số người có thể coi đây là một mâu thuẫn, nhưng ngài dựa vào Đức Maria để nói thế vì tuy chưa bao giờ là linh mục, Đức Mẹ vẫn đóng một vai trò có tính quyết định trong lịch sử cứu rỗi.

Ngài trình bày sự nối kết trên trong cuộc họp báo trên không, trên đường từ Ba Tây trở lại Rôma: "một Giáo Hội không có phụ nữ giống như Hợp Đoàn Tông Đồ mà không có Đức Maria. Vai trò phụ nữ trong Giáo Hội không phải chỉ là chức phận làm mẹ, làm mẹ gia đình, mà mạnh mẽ hơn: thực vậy, nó là hình ảnh Đức Nữ Trinh, hình ảnh Đức Mẹ, đấng giúp Giáo Hội lớn lên! Nhưng anh chị em hãy nghĩ rằng Đức Mẹ quan trọng hơn các tông đồ! Ngài quan trọng hơn… Vai trò phụ nữ trong Giáo Hội không được chấm dứt ở chỗ chỉ là người mẹ, người làm, hạn chế mà thôi. Không! Nó phải là một điều gì khác… Tôi nghĩ ta phải đi xa hơn nữa trong việc làm cho vai trò và đặc sủng của phụ nữ được minh nhiên hơn".

Nói cách khác, đối với một nhà tư tưởng Thánh Mẫu, phong chức và ảnh hưởng là hai việc hoàn toàn khác nhau. Khía cạnh Thánh Mẫu cũng có thể giúp lên khuôn cho viễn tượng mà Đức Phanxicô muốn đem vào cuộc thảo luận về những người Công Giáo ly dị và tái hôn cũng như những người hiện sống trong các liên hệ bất hợp lệ. Chắc chắn ngài lưu tâm tới sự kiện Đức Maria, khi thụ thai con trẻ Giêsu, vẫn chưa phải là người đã kết hôn về phương diện kỹ thuật của từ ngữ này.

Ngài nhắc tới điểm trên vào ngày Chúa Nhật, trong bài nói chuyện khi đọc kinh Truyền Tin, trước khi lên đường tới Piazza di Spagna. Ngài nói: "Khi Thiên Thần của Chúa gọi ngài là đấng 'đầy ơn phúc', Đức Maria 'rất bối rối' bởi vì trong đức khiêm nhường của ngài, Đức Maria thấy mình không là gì cả trước mặt Thiên Chúa. Việc loan báo (rằng ngài sẽ có thai) càng làm ngài bối rối hơn nữa, một phần

vì ngài chưa kết hôn với Thánh Giuse".

Khó có thể tưởng tượng được rằng các suy niệm của ngài lúc đó không có tác động gì đối với lối suy nghĩ của ngài về các áp lực mà phụ nữ và các cặp vợ chồng trong mọi hoàn cảnh sống đang phải đương đầu.

Tóm lại: muốn hiểu Đức Phanxicô cách thấu đáo, bạn không nên nhìn nhiều vào các quán bar tại Buenos Aires nơi Bergoglio quen ném người ra ngoài cho bằng nhìn vào các đền Đức Mẹ, nơi ngài hân hoan chào đón người ta bước vào.

Nguyên văn cuộc phỏng vấn Đức Phanxicô của báo La Stampa

(Ngày 17/12/2013)

Gần đây, Đức Phanxicô đã dành cho tờ La Stampa và Vatican Insider, một cuộc phỏng vấn dài 1 giờ 30. Không như Scalfari, một nhà báo vừa vô thần vừa tay không đến gặp Đức Phanxicô, người ghi lại cuộc phỏng vấn lần này là nhà báo kỳ cựu và rất thành thạo về Tòa Thánh là Andrea Tornielli. Sau đây là bài ghi của ông.

"Đối với tôi, Giáng Sinh là hy vọng và dịu dàng…" Đức Phanxicô nói thế với hai tờ báo trên nhân dịp Giáng Sinh đầu tiên của ngài trong tư cách Giám Mục Rôma. Chúng tôi có mặt tại Casa Santa Marta trong Vatican; lúc đó là 12 giờ 50 chiều Thứ Ba, ngày 10 tháng 12. Đức Giáo Hoàng tiếp chúng tôi trong căn phòng sát bên phòng ăn. Buổi gặp gỡ kéo dài 1 giờ 30 phút. Hai lần trong cuộc phỏng vấn này, nét mặt thanh thản đã thành thân quen với toàn thể thế giới của Đức Phanxicô bỗng biến mất khi ngài nói tới nỗi đau đớn của các trẻ em và thảm họa nghèo đói trên thế giới.

Trong cuộc phỏng vấn này, Đức Giáo Hoàng cũng nói tới nhiều vấn đề khác như mối liên hệ với các hệ phái Kitô Giáo khác và nền "đại kết bằng máu" vốn kết hợp họ lại với nhau trong bách hại, vấn đề gia đình, một vấn đề sẽ được thảo luận tại Thượng Hội Đồng sắp tới, các lời chỉ trích tại Hoa Kỳ cho rằng ngài là một người Mácxít, và mối liên hệ giữa Giáo Hội và chính trị.

Lễ Giáng Sinh có nghĩa gì với Đức Thánh Cha?

"Nó là cuộc gặp gỡ Chúa Giêsu. Thiên Chúa luôn đi tìm dân của Người, dẫn dắt họ, chăm sóc họ và hứa ở gần họ luôn mãi. Sách Đệ Nhị Luật nói rằng Thiên Chúa đồng hành với ta; Người nắm tay ta như người cha nắm tay con cái mình. Đây là điều thật tươi đẹp. Giáng Sinh là cuộc họp mặt của Thiên Chúa với dân của Người. Nó cũng là niềm an ủi, mầu nhiệm an ủi. Nhiều lần sau Thánh Lễ nửa đêm, tôi dành cả giờ hay gần như thế ở một mình trong nhà nguyện trước khi cử hành Thánh Lễ hừng đông. Tôi cảm nhận được một cảm xúc an ủi và thanh bình hết sức sâu sắc. Tôi nhớ đêm cầu nguyện sau Thánh Lễ tại nhà cư trú Astalli dành cho người tị nạn ở Rôma, tôi nghĩ đó là lễ Giáng Sinh năm 1974. Đối với tôi, Giáng Sinh luôn là về việc này: suy ngắm việc Thiên Chúa viếng thăm dân của Người".

Lễ Giáng Sinh nói gì với con người thời nay?

"Nó nói tới sự dịu dàng và niềm hy vọng. Khi gặp ta, Thiên Chúa muốn nói hai điều. Điều thứ nhất Người nói là: hãy hy vọng. Thiên Chúa luôn mở cửa, Người không bao giờ đóng chúng lại. Người là người cha luôn mở cửa cho ta. Điều thứ hai Người nói là: đừng sợ sự dịu dàng. Khi quên mất hy vọng và dịu dàng, Kitô hữu sẽ trở thành một Giáo Hội lạnh lùng, mất hết hướng đi và bị giam hãm bởi ý thức hệ và tác phong trần thế, trong khi, sự đơn giản của Thiên Chúa nói với bạn rằng: hãy tiến lên phía trước, Ta là một người Cha biết vuốt ve các con. Tôi rất sợ khi Kitô hữu mất hy vọng và khả năng biết ôm lấy và thương yêu vuốt ve người khác. Có lẽ đây là lý do tại sao khi hướng về tương lai, tôi hay nói tới trẻ em và người cao niên, về những người kém tự bảo vệ nhất. Suốt đời làm linh mục, đi tới các giáo xứ, tôi luôn tìm cách truyền bá sự dịu dàng này, nhất là đối với trẻ em và người cao niên. Điều đó mang lại ích lợi cho tôi và khiến tôi nghĩ tới sự dịu dàng mà Thiên Chúa hằng tỏ ra với chúng ta".

Làm thế nào có thể tin được rằng Thiên Chúa, Đấng được mọi tôn giáo coi là vô hạn và toàn năng, lại tự làm cho mình ra nhỏ hèn như thế?

"Các Giáo Phụ Hy Lạp gọi điều đó là *syncatabasis*, sự tự hạ của Thiên Chúa: Người xuống để ở với chúng ta. Đây là một trong các mầu nhiệm của Thiên Chúa. Năm 2000, tại Bêlem, Đức Gioan Phaolô II nói rằng Thiên Chúa trở thành một hài nhi hoàn toàn lệ thuộc sự chăm sóc của một người cha và một người mẹ. Chính vì thế Giáng Sinh đem lại cho ta niềm vui lớn như thế. Ta không còn cảm thấy cô đơn nữa; Thiên Chúa đã xuống ở với chúng ta. Chúa Giêsu trở thành một người của chúng ta và chịu cái chết tồi tệ nhất vì ta, tức cái chết của một tội nhân trên Thánh Giá".

Giáng Sinh thường được mô tả như chuyện thần tiên bọc đường. Nhưng Thiên Chúa sinh vào một thế giới đầy đau khổ và bất hạnh.

"Sứ điệp được loan báo cho ta trong các Tin Mừng là sứ điệp vui mừng. Các soạn giả Tin Mừng mô tả một biến cố hân hoan đối với ta. Các ngài không thảo luận về một thế giới bất công và làm thế nào Thiên Chúa lại có thể sinh ra trong một thế giới như thế. Tất cả những điều sau đây đều là thành quả từ các suy niệm của ta: người nghèo, con trẻ sinh trong hoàn cảnh éo le. Giáng Sinh đầu tiên không phải là việc lên án bất công xã hội và nghèo đói; nó là việc loan báo niềm vui. Mọi sự khác đều là các kết luận do chúng ta đưa ra. Một số đúng, một số không đúng lắm và một số bị ý thức hệ hóa. Giáng sinh là vui tươi, niềm vui tôn giáo, niềm vui Thiên Chúa, niềm vui bên trong của ánh sáng và bình an. Khi không thể hay ở trong hoàn cảnh nhân bản khiến người ta không thể hiểu được niềm vui này, họ sẽ cảm nghiệm lễ này bằng niềm vui thế tục. Nhưng giữa niềm vui sâu xa và niềm vui thế tục, có cả một dị biệt lớn lao".

Đây là Giáng Sinh đầu tiên của Đức Thánh Cha trong một thế giới đầy tranh chấp và chiến tranh…

"Thiên Chúa không bao giờ ban cho ai một ơn phúc mà họ không có khả năng tiếp nhận. Nếu Người ban cho ta ơn phúc Giáng Sinh, chính là vì ta có khả năng hiểu và tiếp nhận nó. Tất cả chúng ta từ người thánh thiện nhất trong hàng các thánh đến người tội lỗi nhất trong hàng tội lỗi; từ người trong trắng nhất đến người sa đọa nhất trong chúng ta. Ngay cả một người sa đọa cũng có khả năng này: thương cho họ, có lẽ hơi rỉ sét một chút nhưng họ có khả năng ấy. Giáng Sinh thời tranh chấp này là một lời mời gọi của Đấng Thiên Chúa đã ban cho ta ơn phúc này. Ta muốn tiếp đón Người hay thích tiếp đón các ơn phúc khác hơn? Trong một thế giới bị đau khổ vì chiến tranh, Giáng Sinh này khiến tôi nghĩ tới sự kiên nhẫn của Thiên Chúa. Thánh Kinh chứng minh cho ta cách rõ ràng: nhân đức chính của Thiên Chúa là nhân đức này: Người là tình yêu. Người chờ đợi ta; Người không bao giờ mỏi mệt chờ đợi ta. Người ban ơn phúc cho ta rồi chờ đợi ta. Điều này xảy ra trong đời mỗi người và mọi người chúng ta. Có những người làm ngơ Người. Nhưng Thiên Chúa vẫn kiên nhẫn và sự bình an và thanh thản của ngày Vọng Giáng Sinh chính là một phản ánh lòng kiên nhẫn của Thiên Chúa đối với ta".

Tháng Giêng tới đánh dấu 50 năm cuộc viếng thăm Đất Thánh có tính lịch sử của Đức Phaolô VI. Đức Thánh Cha có sẽ tới đó không?

"Giáng Sinh luôn khiến ta nghĩ tới Bêlem, và Bêlem là địa điểm chính xác tại Đất Thánh nơi Chúa Giêsu từng sống. Vào đêm Giáng Sinh, tôi nghĩ trước nhất tới các Kitô hữu sống tại đó, tới những người đang gặp khó khăn, tới nhiều người từng rời bỏ mảnh đất ấy vì nhiều vấn đề khác nhau. Nhưng Bêlem thì vẫn là Bêlem. Thiên Chúa đã đến trong một thời điểm chuyên biệt trên một mảnh đất chuyên biệt; đó chính là nơi, sự dịu dàng và ơn thánh Thiên Chúa đã xuất hiện. Ta không thể nghĩ tới Giáng Sinh mà lại không nghĩ tới Đất Thánh. Năm mươi năm trước đây, Đức Phaolô VI đã có can đảm ra đi và đi tới đó và việc này đánh dấu sự khởi đầu của thời đại giáo hoàng du hành. Tôi cũng muốn được đi tới đó, để gặp gỡ người anh em của tôi là Đức Báctôlômêô, Thượng Phụ Constantinốp, và để kỷ niệm năm thứ 50 này với ngài, để làm mới lại cái ôm hôn đã diễn ra giữa Đức GH Montini và (Thượng Phụ) Athenagoras tại Giêrusalem năm 1964. Chúng tôi đang chuẩn bị cho chuyến đi này".

Đức Thánh Cha đã nhiều lần gặp gỡ các trẻ em bị bệnh nặng. Đức Thánh Cha có gì để nói về những người đau khổ thơ ngây này?

"Người chỉ bảo suốt đời của tôi là Dostoevskij và câu hỏi vừa minh nhiên vừa mặc nhiên của ông 'tại sao trẻ em đau khổ?' luôn luẩn quẩn trong trái tim tôi. Hiện chưa có lời giải thích. Nhưng hình ảnh sau đây đã xuất hiện trong đầu óc tôi: vào một thời điểm nào đó trong đời em, đứa trẻ bỗng "thức tỉnh", chẳng hiểu gì mấy nhưng cảm thấy bị đe dọa, nó bắt đầu hỏi mẹ, hỏi cha nhiều câu hỏi. Đấy là tuổi của "những tại sao". Nhưng khi hỏi một câu hỏi, em bé không đợi nghe hết câu trả lời, mà lập tức dồn dập hỏi nhiều câu tại sao khác. Điều em thực sự kiếm tìm, không hẳn là một giải thích, cho bằng cái nhìn trên khuôn mặt cha mẹ giúp các em an tâm. Khi tôi gặp một trẻ em đau khổ, lời cầu nguyện duy nhất xuất hiện trong đầu tôi là lời cầu nguyện "tại sao". Lạy Chúa tại sao? Người không hề giải thích cho tôi điều gì cả. Nhưng tôi cảm thấy Người đang nhìn tôi. Bởi thế tôi thưa với Người: Chúa biết tại sao, con thì con không biết mà Chúa cũng chẳng cho con hay, nhưng Chúa nhìn con nên con tin tưởng Chúa, lạy Chúa, con tin tưởng cái nhìn của Chúa".

Nói về nỗi đau khổ của trẻ em, ta không thể quên thảm kịch của những người đang chịu đói khát

"Với những thực phẩm dư thừa và bị ném đi, ta có thể nuôi sống nhiều người. Nếu ta có khả năng chấm dứt việc hoang phí và bắt đầu tái chế biến thực phẩm, thì nạn đói trên thế giới sẽ giảm đi rất nhiều. Tôi ngỡ ngàng trước con số thống kê cho rằng cả mười ngàn trẻ em chết vì đói mỗi ngày trên khắp thế giới. Hiện có quá nhiều trẻ em đang kêu than vì đói. Trong một buổi yết kiến hôm thứ tư trước đây, có một bà mẹ trẻ đứng phía sau hàng rào cản, tay bồng đứa con sơ sinh chừng vài tháng. Đứa trẻ gào khóc đến lòi con ngươi ra lúc tôi bước qua. Người mẹ vuốt ve em. Tôi nói với bà: thưa bà, tôi nghĩ đứa trẻ đang đói bụng. Bà trả lời: "Vâng, có lẽ đã đến giờ…". Tôi bảo: "Xin bà cho em thứ gì để ăn đi!". Bà mắc cỡ và không muốn vạch vú cho con bú ở nơi công cộng, trong khi giáo hoàng đứng đó. Tôi muốn nói với nhân loại cùng một điều ấy: cho người ta thứ gì đó để họ ăn đi! Người đàn bà đó có sữa để cho con mình; chúng ta có đủ thực phẩm trên thế giới để nuôi sống mọi người. Nếu ta chịu làm việc với các tổ chức nhân đạo và có thể nhất trí đừng phí phạm thực phẩm nhưng gửi nó tới những người cần nó, ta đã làm rất nhiều để giúp giải quyết vấn đề đói khát trên thế giới. Tôi muốn nhắc lại với nhân loại điều tôi nói với người đàn bà kia: hãy cho người đói thực phẩm họ cần! Ước chi niềm hy vọng và sự dịu hiền của Ngày Giáng Sinh Chúa sẽ lay tận gốc sự dửng dưng của chúng ta".

Một số đoạn trong "Niềm Vui Tin Mừng" lôi kéo lời chỉ trích của những người cực hữu tại Hoa Kỳ. Là Giáo Hoàng, Đức Thánh Cha có cảm giác gì khi bị gọi là "người Mácxít"?

"Ý thức hệ Mácxít sai lầm. Nhưng tôi đã gặp nhiều người Mácxít trong đời, họ rất tốt, nên tôi không thấy bị xúc phạm".

Phần gây ngạc nhiên nhất trong Tông Huấn là phần nói về nền kinh tế "giết chết"…

"Không điều gì trong Tông Huấn mà lại không thể tìm thấy trong học thuyết xã hội của Giáo Hội. Tôi không nói theo quan điểm kỹ thuật, điều tôi cố gắng làm là đưa ra một bức tranh của những gì đang diễn ra. Trích dẫn chuyên biệt duy nhất tôi sử dụng là trích dẫn liên quan tới "các lý thuyết nhỏ giọt" là các lý thuyết giả định rằng tăng trưởng kinh tế, do thị trường tự do khuyến khích, sẽ nhất thiết thành công trong việc tạo ra công bằng và bao gồm xã hội nhiều hơn trên thế giới. Hứa hẹn là khi chiếc ly đã đầy, nó sẽ tràn ra, đem lợi lại cho người nghèo. Nhưng điều thực sự xảy ra là khi chiếc ly đầy, nó lại phình to hơn một cách đầy ảo thuật nên chẳng có chi tràn tới người nghèo cả. Đó là câu duy nhất nhắc đến lý thuyết chuyên biệt này. Tôi xin nhắc lại, tôi không nói theo quan điểm kỹ thuật nhưng theo giáo huấn xã hội của Giáo Hội. Điều này chắc chắn không có nghĩa (tôi) là một người Mácxít".

Đức Thánh Cha loan báo một "cuộc hồi tâm của ngôi giáo hoàng". Có con đường chuyên biệt nào xuất phát từ các cuộc gặp gỡ của Đức Thánh Cha với các Thượng Phụ Chính Thống không?

“Đức Gioan Phaolô II thậm chí đã nói một cách minh nhiên hơn về cung cách thi hành quyền tối thượng một cách cởi mở hơn trong tình thế mới. Không phải theo quan điểm liên hệ đại kết mà thôi mà cả liên hệ với Giáo Triều và các Giáo Hội địa phương nữa. Trong suốt chín tháng đầu tiên này, tôi đón tiếp các cuộc viếng thăm của nhiều anh em chính thống giáo: Báctôlômêô, Hilariô, thần học gia Zizioulas, giáo chủ Coptíc Tawadros. Vị sau cùng là một nhà huyền nhiệm, nên vừa vào nhà nguyện là ngài cởi giầy và đến thẳng chỗ cầu nguyện. Tôi cảm thấy ngài như người anh em của họ. Họ có truyền thừa tông đồ; tôi tiếp đón họ như các giám mục anh em. Quả đau lòng khi chúng ta chưa có thể cử hành Thánh Thể với nhau, nhưng đã có tình thân hữu. Tôi tin rằng con đường tiến tới là: tình thân hữu, làm việc và cầu nguyện chung cho hợp nhất. Chúng tôi chúc lành cho nhau; người anh em này chúc lành cho người anh em kia, người anh em này tên là Phêrô, người anh em kia tên Anrê, Máccô, Tôma…”

Hợp nhất Kitô Giáo có là một ưu tiên đối với Đức Thánh Cha không?

“Có, với tôi, đại kết là một ưu tiên. Ngày nay có thứ đại kết bằng máu. Tại nhiều nước, người ta giết Kitô hữu vì đã đeo Thánh Giá hoặc mang Thánh Kinh và trước khi giết họ, người ta không hỏi xem họ là người Anh Giáo, Luthêrô, Công Giáo hay Chính Thống. Máu họ đã hòa lẫn với nhau. Với những người sát hại, ta đơn thuần chỉ là các Kitô hữu. Ta hợp nhất bằng máu, dù ta chưa lo liệu để bước những bước cần thiết hướng tới hợp nhất giữa ta với nhau và có lẽ thời giờ chưa tới. Hợp nhất là một ơn phúc ta phải cầu nguyện mới có. Tôi biết một cha xứ tại Hamburg. Ngài có liên hệ tới án phong thánh cho một linh mục Công Giáo bị Quốc Xã trảm quyết vì dạy giáo lý cho trẻ em. Theo ngài, trong danh sách các cá nhân bị kết án, có một mục sư Luthêrô bị giết vì cùng một lý do. Máu của các vị này quả đã được hòa lẫn với nhau. Cha xứ này nói với tôi rằng ngài tới gặp Đức Giám Mục và thưa với Đức Giám Mục rằng “con sẽ tiếp tục xử lý án phong thánh, nhưng cả hai án phong thánh, chứ không riêng án phong thánh của linh mục Công Giáo”. Đại kết bằng máu là thế đấy. Ngày nay nó vẫn hiện hữu; ông chỉ cần đọc báo chí sẽ thấy. Những người sát hại Kitô hữu không yêu cầu được xem căn cước của ông xem ông được rửa tội ở Giáo Hội nào. Ta cần xem sét các sự kiện này".

Trong Tông Huấn, Đức Thánh Cha kêu gọi các phương thức mục vụ khôn ngoan và mạnh bạo đối với các bí tích. Đức Thánh Cha muốn nói điều gì?

“Khi đề cập tới khôn ngoan, tôi không nghĩ tới thái độ làm tê liệt mà tới nhân đức của nhà lãnh đạo. Khôn ngoan là nhân đức của cai trị. Thành thử nó chính là bạo dạn. Ta phải cai trị cách bạo dạn và khôn ngoan. Tôi đã nói tới việc rửa tội và chịu lễ như lương thực thiêng liêng giúp ta tiến tới; nó phải được coi như thuốc chữa chứ không phải phần thưởng. Nhiều người nghĩ ngay tới các bí tích dành cho người ly dị tái hôn, nhưng tôi không ám chỉ bất cứ trường hợp chuyên biệt nào; tôi chỉ muốn đưa ra một nguyên tắc. Ta phải cố gắng làm dễ đức tin của người ta, hơn là kiểm soát nó. Năm ngoái ở Á Căn Đình, tôi đã lên án thái độ của một số linh mục không chịu rửa tội cho con cái các bà mẹ không kết hôn. Não trạng này quả là bệnh hoạn”.

Còn về những người ly dị tái hôn thì sao?

“Việc loại bỏ những người ly dị nay kết ước cuộc hôn nhân thứ hai ra khỏi việc rước lễ không hẳn là một chế tài. Điều quan trọng là phải nhớ như thế. Nhưng tôi đã không nói về điều này trong Tông Huấn”.

Vấn đề này có được bàn tới tại Thượng Hội Đồng Giám Mục sắp tới hay không?

“Tính công nghị của Giáo Hội rất quan trọng: chúng ta sẽ thảo luận toàn diện vấn đề hôn nhân tại Cơ Mật Viện vào tháng Hai tới. Vấn đề này cũng sẽ được thảo luận tại Thượng Hội Đồng Đặc Biệt vào tháng Mười năm 2014 và một lần nữa tại Thượng Hội Đồng Thường Lệ vào năm sau đó. Nhiều yếu tố sẽ được xem sét một cách chi tiết hơn và được minh xác trong các cuộc họp này”.

Công việc của tám “cố vấn” của Đức Thánh Cha về việc cải cách Giáo Triều đang diễn tiến ra sao?

“Có nhiều việc phải làm. Những ai muốn đưa đề nghị và nêu ý kiến đã làm như thế. Đức Hồng Y Bertello đã thu thập quan điểm của mọi sở bộ của Vatican. Chúng ta đã tiếp nhận các gợi ý của các giám mục khắp thế giới. Tại phiên họp mới đây nhất, tám Hồng Y cho tôi hay đã đến lúc phải dành cho các đề nghị cụ thể và trong phiên họp tới vào tháng Hai, các ngài sẽ đệ trình các gợi ý của các ngài cho tôi. Tôi luôn hiện diện tại các phiên họp, ngoại trừ các buổi sáng thứ Tư khi tôi có buổi Yết Kiến Chung. Nhưng tôi không lên tiếng, tôi chỉ lắng nghe và điều này tốt cho tôi. Mấy tháng trước đây, một Hồng Y cao niên bảo tôi: “Đức Thánh Cha đã khởi sự cải cách Giáo Triều rồi bằng các Thánh Lễ hàng ngày tại Nhà Thánh Mácta”. Câu nói này làm tôi nghĩ: cải cách luôn bắt đầu với các sáng kiến thiêng liêng và mục vụ trước các thay đổi về cơ cấu”.

Đâu là mối liên hệ đúng đắn giữa Giáo Hội và chính trị?

“Mối liên hệ này cần phải song song và hội tụ cùng một lúc. Song song vì mỗi chúng ta đều có đường riêng và các trách vụ riêng của mình. Chỉ hội tụ trong việc giúp đỡ lẫn nhau. Khi các liên hệ đã hội tụ từ trước mà không có người ta, hay không lưu ý tới người ta, thì đó là lúc liên minh với quyền lực chính trị đã thành hình, dẫn Giáo Hội tới chỗ thối nát: kinh doanh, thỏa hiệp… Mối liên hệ cần phải diễn tiến theo lối song song, mỗi bên có phương pháp, trách vụ và ơn gọi riêng, chỉ hội tụ trong ích chung mà thôi. Chính trị là việc cao trọng; nó là một trong những hình thức đức ái cao nhất, như Đức Phaolô VI thường nói với ta. Ta sẽ bôi lọ nó khi ta trộn lẫn nó với việc làm ăn. Mối liên hệ giữa Giáo Hội và quyền lực chính trị cũng có thể bị hủ hóa nếu ích chung không phải là điểm hội tụ chung”.

Con có được phép hỏi Đức Thánh Cha liệu trong tương lai, Giáo Hội sẽ có các Hồng Y phụ nữ hay chăng?

“Tôi không biết do đâu nẩy ra ý tưởng này. Phụ nữ trong Giáo Hội phải được trân trọng chứ không bị giáo sĩ hóa. Bất cứ ai nghĩ tới việc phụ nữ làm Hồng Y là mắc chứng hơi giáo sĩ trị đấy”.

Chiến dịch làm sạch Viện Các Công Trình Tôn Giáo (IOR) hiện diễn tiến ra sao?

“Các ủy ban để tham chiếu đang thực hiện được tiến bộ tốt. Moneyval vừa cho chúng ta một phúc trình tích cực và ta đang đi đúng đường. Còn về tương lai của IOR, ta sẽ thấy. ‘Ngân hàng trung ương’ của Vatican, chẳng hạn, sẽ là APSA (The Administration for the Patrimony of the Holy See, Cơ Quan Quản Trị Gia Tài Của Tòa Thánh). IOR được thiết lập để hỗ trợ các công trình về tôn giáo, công việc truyền giáo và các Giáo Hội nghèo. Nhưng sau đó, nó đã trở thành như ngày nay”.

Một năm trước đây, Đức Thánh Cha có tưởng tượng sẽ cử hành Giáng Sinh 2013 tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô không?

“Tuyệt đối không”.

Đức Thánh Cha có mong được bầu không?

“Không, tôi không mong vậy.Tôi không bao giờ mất bình an khi số phiếu tăng lên. Tôi vẫn thanh thản. Và sự bình an đó vẫn còn đó, tôi coi nó như một hồng ân của Chúa. Khi việc đầu phiếu cuối cùng chấm dứt, tôi được đưa tới giữa Nhà Nguyện Sistine và được hỏi xem tôi có chấp nhận hay không. Tôi nói có và tôi chọn tên Phanxicô. Chỉ lúc đó, tôi mới rời khỏi. Tôi được đưa tới căn phòng kế bên để thay bộ áo chùng. Rồi trước khi xuất hiện trước công chúng, tôi qùy gối cầu nguyện mấy phút tại Nhà Nguyện Pauline cùng với các đức Hồng Y Vallini và Hummes”.

Món quà sinh nhật bất ngờ cho Đức Phanxicô: Lời chúc mừng của người theo Mao và người Cộng Sản Nepal
(Ngày 19/12/2013)

Theo tin AsiaNews ngày 18 tháng 12, các lãnh tụ của các đảng theo Mao, Mác-Lênin và bảo thủ của Nepal vừa gửi điện văn chúc mừng sinh nhật Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Họ cũng công bố ý định thắng vượt các đố kị và dị biệt từng làm xã hội Nepal điêu đứng mấy năm qua.

Tin trên xẩy ra một tháng sau cuộc bầu cử ngày 19 tháng 11 trong đó Đảng Quốc Đại Nepal (NC) thắng đa số với nhiệm vụ canh tân Quốc Hội Lập Hiến. Kể từ khi nền quân chủ cáo chung vào năm 2008, nước này không có hiến pháp.

Lãnh tụ NC là Ram Chandra Poudel tuyên bố rằng "trong năm nay, Đức Giáo Hoàng nhiều lần nói tới hòa giải giữa các nhà lãnh đạo các tôn giáo, các ý thức hệ và các nhóm. Chúng tôi sẵn sàng tiến hành các bước để dẹp bỏ các phân cách trong xã hội chúng tôi, thành lập một tân chính phủ và soạn một hiến pháp đem lại ổn định lâu dài cho xứ sở. Đây là lời cầu chúc và tôn kính chúng tôi ngỏ cùng Đức Giáo Hoàng, người mà chúng tôi đoan hứa sẽ hoàn thành các kết quả trước Lễ Giáng Sinh".

Đảng Cộng Sản Đoàn Kết theo Mao của Nepal (UCPN-M) và Đảng Cộng Sản Nepal Đoàn Kết theo Mác và Lênin (CPN-UML) cũng hoan nghinh lời kêu gọi hòa bình và hòa giải của Đức Giáo Hoàng trong mấy tháng qua.

Mặc dù đảng của ông chịu một cú hơi đau trong cuộc tổng tuyển cử vừa qua, lãnh tụ của UCPN-M là Posta Bahadur Bogati vẫn nhấn mạnh nhu cầu phải "chấm dứt giai đoạn chuyển tiếp của xứ sở bằng cách thắng vượt các dị biệt giữa các đảng với nhau". Ông nói thêm "Ta nên tận dụng ngày sinh nhật của Đức Giáo Hoàng Phanxicô để nhất trí làm việc với nhau trong diễn trình hoà giải".

Nhân danh Đảng Cộng Sản Nepal (Đoàn Kết Mác-Lênin), phó tổng bí thư Bam Dev Gautam hôm nay tuyên bố rằng đảng của ông sẽ gửi thông điệp chúc mừng tới Đức Giáo Hoàng và mọi Kitô hữu ở trong nước cũng như ở ngoại quốc. Ông nhận định "Sinh nhật Đức Phanxicô đã đem mọi đảng phái lại với nhau quanh mục tiêu chung là đem lại cho đất nước một tân hiến pháp thế quyền".

Cuộc tổng tuyển cử đã được tổ chức ngày 19 tháng 11, năm năm sau các hỗn loạn chính trị với 4 chính phủ liên minh. Năm 2006, Nepal thoát được cảnh nội chiến kéo dài cả một thập niên, một cuộc chiến đã lật đổ chế độ quân chủ theo Ấn Giáo. Tuy nhiên, việc lật đổ nhà vua không chấm dứt các chia rẽ trong xã hội Nepal.

Trong những năm gần đây, nước này bị xâu xé bởi nhiều cuộc đụng độ giữa các cựu du kích quân theo Mao, là đảng chiến thắng trong cuộc tuyển cử Quốc Hội Lập Hiến năm 2008, và các đảng bảo thủ, khiến xứ sở lâm vào thế liều mình gây ra cuộc nội chiến mới.

Sau cuộc tổng tuyển cử vừa rồi, đảng theo Mao từ chối không tham gia Quốc Hội mới, tố cáo Quốc Đại và chính phủ có âm mưu chống lại họ. Hy vọng với hình ảnh hòa giải và yêu hòa bình của Đức Phanxicô, thái độ của họ sẽ thực sự thay đổi như lời lãnh tụ của họ hứa hẹn.

Một Giáng Sinh rất Phanxicô
(Ngày 29/12/2013)

Theo ký giả John L. Allen, Giáng Sinh 2013 mang dấu ấn rõ ràng của Đức Phanxicô trên căn bản ba "cột trụ" rất đặc trưng của ngài: lãnh đạo là phục vụ, Tin Mừng xã hội và lòng nhân từ thương xót.

Lãnh đạo là phục vụ
Trong bài diễn văn ngắn đọc trước Giáo Triều Rôma ngày 21 tháng 12, Đức Phanxicô nhấn mạnh tầm quan trọng của tinh thần phục vụ tại Vatican. Ngài nói rằng không có tinh thần phục vụ này, Vatican

sẽ trở thành "một nhà hải quan nặng nề bàn giấy".

Ngài khuyến khích các viên chức Tòa Thánh cố gắng sinh động hóa việc làm của họ bằng việc tận tâm phục vụ, nhất là phục vụ các Giáo Hội địa phương trên khắp thế giới, hơn là liên tục "thanh tra và tra vấn" người khác.

Sau đó vào buổi chiều, Đức Phanxicô đã đưa ra một hình ảnh cụ thể cho thấy tinh thần phục vụ nghĩa là gì bằng cách chính ngài dành gần 3 tiếng đồng hồ để thăm viếng các trẻ em bệnh tật và gia đình chúng tại Bệnh Viện Bambini Gesu tại Rôma.

Điều đáng lưu ý là Thánh Lễ Vọng Giáng Sinh chỉ kéo dài hơn 1 giờ rưỡi, trong khi diễn văn *Urbi et Orbi* vào ngày Giáng Sinh, tức diễn văn trước khi ban phép lành cho Thành Phố Rôma và cho Thế Giới, cũng chỉ kéo dài 1 tiếng đồng hồ. Do đó, Đức Phanxicô quả đã dành nhiều thì giờ tại bệnh viện Bambino Gesu hơn tại bất cứ biến cố đơn độc nào khác trong Mùa Giáng Sinh năm nay.

Trong khi các nhiếp ảnh viên và các nhân viên quay phim truyền hình được phép chụp hình quay phim lúc Đức Giáo Hoàng tới và lúc ngài rời nơi đó, phần còn lại của cuộc viếng thăm hoàn toàn tự do. Do đó, phần lớn bản tường trình dành cho các bệnh nhân và gia đình họ phát biểu cảm tưởng về cuộc viếng thăm của Đức Giáo Hoàng. Như thế, điều thực sự khiến cuộc viếng thăm này gây ấn tượng mạnh chính là nó không bị đóng khung trong những tấm hình chính thức.

Một thoáng nhìn khác cho thấy tình âu yếm đặc biệt của Đức Phanxicô dành cho trẻ em là vào cuối Thánh Lễ Vọng Giáng Sinh khi một nhóm các em, đại diện 5 châu, dâng lên ngài tượng Chúa Hài Đồng. Đức Phanxicô đã dừng đoàn rước trong ít phút để chuyện trò và ôm hôn các em.

Trong căn bản, điều Đức Phanxicô muốn thực hiện là tái xác định thước đo dư luận quần chúng đối với việc lãnh đạo trong Giáo Hội. Khi người ta thấy huy hiệu chỉ chức vụ nào đó trong Giáo Hội, như cổ cồn Rôma hay Thánh Giá đeo ngực, ngài muốn họ liên hệ các biểu tượng này với việc phục vụ hơn là uy quyền.

Phần lớn thời gian trong chín tháng qua là để lên cung giọng cho việc đó, và việc này thấy rất rõ trong cung cách tiếp cận của ngài đối với mùa Giáng Sinh.

Tin Mừng xã hội

Trong lúc đọc kinh Truyền Tin vào hôm Chúa Nhật 22 tháng 12, khi thoáng thấy một nhóm người Ý biểu tình phản đối nạn thất nghiệp và việc cắt giảm các dịch vụ xã hội, tay cầm biểu ngữ với hàng chữ "Người nghèo không thể chờ được nữa!", Đức Phanxicô bèn chỉ vào tấm biểu ngữ mà nói lớn: " Hết sức đẹp!" rồi ngẫu hứng nói về nạn vô gia cư và việc nó tác động ra sao đối với cuộc sống gia đình, dù đồng thời vẫn khuyên các người biểu tình không nên bạo động.

Trong bài giảng lễ Giáng Sinh, Đức Phanxicô đặt để căn bản thiêng liêng cho Tin Mừng xã hội. Ngài nhấn mạnh tới "thân phận yếu thế" hàm ẩn trong việc Thiên Chúa chọn sinh ra trong một gia đình nghèo. Ngài cũng nhận định rằng những người đầu tiên tiếp nhận sứ điệp giáng sinh của Chúa Kitô là các mục đồng, "vì họ là những người chót hết, bị coi thường".

Giống các vị giáo hoàng tiền nhiệm, Đức Phanxicô đã dùng bài diễn văn *Urbi et Orbi* để làm nổi bật một số điểm nóng trên thế giới, bắt đầu với Syria và từ đó nhắc tới Cộng Hòa Trung Phi, Nam Sudan, Nigeria, cuộc tranh chấp Israel/Palestine, và Iraq. Các nhận định của ngài được nói lên trước các cuộc ném bom vào nhà thờ tại Baghdad sát hại 38 người vào ngày Giáng Sinh. Những cuộc ném bom này cho thấy các đe dọa đặc biệt đối với số dân Kitô Giáo ít ỏi và mỗi ngày mỗi ít ỏi hơn tại đó.

Nhiều người cũng lưu ý đặc biệt khi Đức Phanxicô nhắc đến Lampudesa trong bài diễn văn của ngài. Đó là hòn đảo của Ý phía nam Địa Trung Hải, được dùng như điểm đến chính cho các di dân khốn cùng của Phi Châu và Trung Đông muốn tới Âu Châu. Chính tại hòn đảo này, hàng chục ngàn di dân

đã chết khi cố gắng vượt qua eo biển này. Và mới đây, các trang nhất báo chí một lần nữa lại nhắc đến nó vì vụ tai tiếng liên quan tới việc đối xử tàn tệ tại trung tâm tạm giam ở đây.

Đức Phanxicô thực hiện chuyến đi ra ngoài Rôma lần đầu tiên tại Lampudesa vào ngày 8 tháng Bẩy và nó trở thành mối lo âu lớn đối với ngài từ đấy. Ngài nói: "Mong sao các di dân đi tìm một cuộc sống xứng đáng hơn được chấp nhận và trợ giúp… Ước chi những thảm họa như các thảm họa ta chứng kiến năm nay, với quá nhiều người chết tại Lampudesa, sẽ không bao giờ xẩy ra nữa!".

Một dấu chỉ khác cho thấy ảnh hưởng của Đức Phanxicô không phải chỉ là lời nói xuông: một nhóm di dân người Marốc và Tunisia hiện bị giữ tại một trung tâm tạm giam ở Rôma đã tự khâu miệng để phát động cuộc tuyệt thực tại đó nhưng đã bằng lòng tạm ngưng cuộc phản đối của họ vào ngày Giáng Sinh khi một linh mục hứa sẽ trình thư của họ lên Đức Giáo Hoàng. Dù đa số không phải Công Giáo, họ đã viết trong lá thư rằng họ tin Đức Phanxicô sẽ "bảo đảm là tiếng nói của chúng tôi sẽ được nghe".

Vị linh mục đứng làm trung gian, Cha Emanuele Giannone, giám đốc cơ quan Caritas địa phương, cho hay: Đức Phanxicô thực sự đã cứu nhiều mạng người,vì cuộc tuyệt thực này cộng với lời thề của di dân nhất định ngủ ngoài trời giá băng chắc chắn sẽ đe dọa tới tính mệnh họ.

Lòng nhân từ thương xót

Đức Phanxicô, về nhiều phương diện, quả là "vị Giáo Hoàng của lòng nhân từ" vì ngài luôn coi lòng nhân từ là nguyên tắc tâm linh nòng cốt của đời ngài và của triều giáo hoàng của ngài. Ý niệm nhân từ hiện diện trong chính huy hiệu của ngài và là khẩu hiệu ngài rất ưa chuộng: "Chúa không bao giờ mệt mỏi tha thứ!"
Mới đây, khi truyền cho các Hồng Y và các giới chức cao cấp của Tòa Thánh dành nhiều thì giờ hơn cho việc giải tội, Đức Phanxicô đã cho thấy ngài trân qúy ra sao đối với nghi thức hàng đầu chỉ lòng nhân từ của Giáo Hội.

Sự nhấn mạnh về lòng nhân từ này một lần nữa đã tỏa sáng nhân dịp mùa Giáng Sinh. Các suy tư của ngài về mùa lễ này đã bắt đầu một cách không chính thức với cuộc phỏng vấn của tờ La Stampa vào giữa tháng 12, trong đó, một lần nữa, ngài kêu gọi Giáo Hội đừng bao giờ sợ nhấn mạnh tới "sự dịu dàng" của Thiên Chúa.

Ngài trở lại điểm này vào ngày Vọng Giáng Sinh, lúc ngài rời khỏi bản văn soạn sẵn ở cuối bài diễn văn. Đang nói tới việc ngày sinh của Chúa Kitô đã biểu lộ lòng lân tuất vô biên của Thiên Chúa ra sao, Đức Phanxicô bỗng thêm câu nói đã trở thành rất quen thuộc đối với ngài: "Chúa luôn tha thứ cho ta!".

Trong bài diễn văn *Urbi et Orbi*, Đức Phanxicô cũng đề cập tới cùng một ý tưởng như trên. Ngài nói: "Ta hãy để trái tim ta được đụng tới… Ta hãy để sự dịu dàng của Thiên Chúa sưởi ấm ta. Ta cần sự vuốt ve của Người".

Theo quan điểm linh đạo, ta có thể đọc mọi sự Đức Phanxicô làm trong tư cách giáo hoàng, từ các chi tiết liên quan tới việc cải tổ Ngân Hàng Vatican tới các vấn đề tế nhị như chính sách đối với người Công Giáo ly dị tái hôn, như là một cố gắng nhằm bảo đảm rằng Giáo Hội Công Giáo thực sự là một cộng đồng của lòng nhân từ xót thương.

Dĩ nhiên, Đức Phanxicô không ngây thơ. Ngài biết rõ: các thừa tác viên của Tin Mừng Kitô Giáo phải nói lên cả phán xét của Thiên Chúa lẫn lòng nhân của Người đối với thế giới sa ngã: thiếu một trong hai đều là việc đơn giản hóa thái quá.

Tuy nhiên, chính sách của ngài hình như muốn nói: thế giới đã nghe quá rõ lời phán xét của Giáo Hội rồi, nay là lúc họ muốn nghe, muốn cảm nghiệm được lòng xót thương của Giáo Hội. Chắc chắn đó là

điều Đức Phanxicô muốn hiểu khi ngài nói vào hồi tháng Bẩy rằng thời hiện tại là một *kairos*, nghĩa là giờ phút hồng ân, của lòng nhân từ xót thương.

Một năm mới với hai vị giáo hoàng
(Ngày 31/12/2013)

Năm nay là năm ta có hai vị giáo hoàng, và nó kết thúc với "hình ảnh" hai vị giáo hoàng gặp mặt nhau. Thực vậy, ngày 23 tháng 12, Đức Phanxicô tới thăm Đức Giáo Hoàng hưu trí Bênêđictô XVI và mời ngài dự bữa ăn trưa. Dĩ nhiên là Đức Bênêđictô "vâng lời" như lời ngài đoan hứa lúc đọc diễn văn từ giã vào ngày 28 tháng Hai và lúc được Đức Phanxicô gọi chào kính sau ngày được bầu làm giáo hoàng.

Bởi thế, ngày 27 tháng 12 vừa qua, Đức GH hưu trí đã tới Nhà Thánh Marta dự bữa cơm trưa do Đức Phanxicô khoản đãi. Bộ trưởng ngoại giao thuộc phủ Quốc Vụ Khanh là Đức TGM Dominique Mamberti, và Lượng Giá Viên Phủ Quốc Vụ Khanh là Đức TGM Peter Bryan Wells cũng dự buổi ăn trưa với hai vị Giáo Hoàng, và hai thư ký riêng của các vị.

Điều đáng lưu ý là cả hai nhân vật số 1 và số 2 của Phủ Quốc Vụ Khanh là Quốc Vụ Khanh, TGM Pietro Parolin, và Phó Quốc Vụ Khanh, TGM Angelo Becciu, đều vắng mặt trong bữa ăn trưa này. Theo suy diễn từ một thông báo ngắn do Đài Phát Thanh Vatican loan tải, thì cả hai vị đều không có mặt tại Rôma. Bản thông báo chỉ vắn tắt cho rằng hai Đức TGM Mamberti và Wells được mời vì "đang ở Rôma".

Điều cũng đáng lưu ý là cuộc viếng thăm Đức Phanxicô của Đức Bênêđictô không được loan báo trên kênh thông tin thông thường tức qua cuộc họp báo với các hãng thông tấn và trên tờ Bolletino của Văn Phòng Báo Chí Tòa Thánh, mà là qua Đài Phát Thanh Vatican. Đây là cách qua đó tin tức được thông truyền mà Vatican không muốn chúng nổi bật lắm.

Chiến thuật truyền thông này đến nay đã được chứng nghiệm khá đầy đủ. Xem ra, truyền thông đã trở thành tác vụ quan trọng nhất hiện nay ở Vatican. Chiến thuật này trở nên quan trọng từ thời có vụ tai tiếng Vatileaks (rì rỏ), lúc Tòa Thánh nhận thấy nhu cầu phải thuê một cố vấn về truyền thông cho Phủ Quốc Vụ Khanh. Người được chọn chính là Greg Burke.

Chiến thuật truyền thông tỏ ra hết sức chủ yếu trong lúc có các cuộc họp trước cơ mật viện bầu giáo hoàng, và, theo tiết lộ của tờ *Wall Street Journal*, đó là lý do khiến các vị Hồng Y trong cơ mật viện bầu giáo hoàng "thay đổi lối thuật sự" dựa vào cuộc nói chuyện với bốn vị Hồng Y khác nhau.

Chiến thuật này chủ yếu đến nỗi đã phải yêu cầu McKinsey nghiên cứu một chiến thuật truyền thông mới cho Vatican.

Với các đặc sủng và cung cách giao tiếp rất tự nhiên đối với đám đông của ngài, Đức Phanxicô là "viên đá góc tường" đối với chiến thuật truyền thông mới này. Có điều đáng ngại là người ta quá chú ý tới các điệu bộ và cử chỉ của Đức Phanxicô, đến nỗi ít chú ý tới lời ngài nói.

Như trong thông điệp *Urbi et Orbi* vào ngày Lễ Giáng Sinh vừa qua, chẳng hạn, Đức Phanxicô liệt kê các quốc gia đang gặp tranh chấp hay những nơi Kitô hữu đang bị bách hại. Ngày hôm sau, tức ngày 26 tháng 12, Đức Phanxicô lại đề cập tới các Kitô hữu bị bách hại một lần nữa, nhấn mạnh tới vấn đề này y như Đức Bênêđictô XVI từng làm. Nhưng các sứ điệp này không nhận được hàng tít lớn nào của các báo chí lớn, trong khi các cử chỉ và điệu bộ của ngài luôn được nhấn mạnh.

Xét cho cùng, vấn đề là: truyền thông chuyên nghiệp có thích đáng để công bố Tin Mừng hay không? Thông điệp của Giáo Hội Công Giáo chú trọng tới sự thật, trong khi truyền thông cần nhấn mạnh tới xúc cảm và hình ảnh nếu muốn hữu hiệu. Người ta cho rằng kế hoạch truyền thông có thể không hữu hiệu trong việc công bố Tin Mừng, nhưng khá hữu hiệu trong việc đem lại một hình ảnh mới cho Giáo

Hội.

Dù sao, hình ảnh mới có nguy cơ không đúng sự thật. Thí dụ, Đức Phanxicô không đi ngược lại truyền thống của Giáo Hội. Việc làm và cam kết của ngài bắt nguồn từ việc làm và cam kết lâu dài của các vị giáo hoàng tiền nhiệm. Các cải cách mà Đức Phanxicô đang thực hiện kể từ khi được bầu làm giáo hoàng vốn đã được khởi sự dưới triều giáo hoàng trước. Và lời lẽ của Đức Phanxicô dù sao cũng rất liên tục với truyền thống của Giáo Hội, như chính ngài nhiều lần nhấn mạnh.

Từ Rio de Janeiro dự Ngày Giới Trẻ Thế Giới trở về và khi trả lời một câu hỏi, Đức Phanxicô giải thích tại sao, trong cuộc viếng thăm Brazil, ngài không nói tới các thay đổi trong xã hội, phá thai, hôn nhân đồng tính. Ngài nói:

"Giáo Hội đã nói về những vấn đề ấy cách rõ ràng rồi. Không cần phải trở lại nó nữa, cũng như tôi không nói tới lừa đảo, gian dối hay các vấn đề khác mà giáo huấn Giáo Hội đã nói rõ! Không cần nói về nó nữa, nhưng đúng hơn nên nói tới các điều tích cực có thể mở đường cho giới trẻ. Há không đúng sao! Vả lại, giới trẻ hoàn toàn biết rõ đâu là chủ trương của Giáo Hội".

Khi được hỏi về chủ trương của ngài, Đức Phanxicô trả lời: đó là chủ "Chủ trương của Giáo Hội. Vì tôi là một người con của Giáo Hội".

Sau này, trong cuộc phỏng vấn của tờ *La Civiltà Cattolica*, Đức Phanxicô giải thích cặn kẽ hơn lý do tại sao ngài không nói tới các chủ đề trên. Ngài bảo: Giáo Hội "không thể chỉ nhấn mạnh tới các vấn đề liên hệ tới phá thai, hôn nhân đồng tính và việc sử dụng các phương pháp ngừa thai… khi nói tới các vấn đề này, ta phải nói về chúng trong ngữ cảnh của chúng".

Ngài nói tiếp: "thừa tác mục vụ của Giáo Hội không thể bị ám ảnh với việc truyền lan một mớ tín lý rời rạc để được áp đặt một cách nặng nặc. Việc công bố theo phong thái truyền giáo chỉ nên chú mục vào những điểm chủ yếu, những điều thật cần thiết: đây cũng là những điều làm người ta say mê và bị lôi cuốn nhiều hơn, những điều làm trái tim họ bừng nóng, như đối với các môn đệ trên đường Emmau xưa… Các đề xuất của Tin Mừng phải đơn giản hơn, sâu sắc hơn và tỏa sáng hơn. Các hậu quả luân lý phát sinh từ các đề xuất này".

Lời lẽ trên của Đức Phanxicô quả là những vang vọng lời lẽ của vị tiền nhiệm là Bênêđíctô XVI. Ngày 9 tháng 11 năm 2006, Đức Bênêđíctô tiếp các giám mục Thụy Sĩ tới thăm Vatican. Ngài ứng khẩu vì cho hay không có thì giờ soạn bài nói sẵn, nhưng nhấn: ngài không muốn nói tới những chuyện vụn vặt, mà là những chủ đề lớn. Ngài nói: "Còn nhớ, trong các thập niên 1980 và 1990, lúc tôi hay đi thăm Đức, người ta thường yêu cầu được phỏng vấn tôi. Trong các cuộc phỏng vấn này, tôi luôn biết trước các câu hỏi. Các câu hỏi này liên quan tới việc phong chức cho nữ giới, ngừa thai và nhiều vấn đề khác luôn được người ta nêu ra. Nếu ta bị kéo vào những cuộc tranh luận loại này, thì Giáo Hội đã bị đồng hóa với một số điều răn hay lệnh cấm rồi; ta tạo cho người khác cảm tưởng ta chỉ là những nhà đạo đức học với một mớ xác tín khá lỗi thời, không một chút dấu chỉ nào cho thấy nét cao cả thực sự của đức tin. Bởi thế, tôi cho rằng điều chủ yếu là luôn luôn làm nổi bật nét cao cả của đức tin ta, một cam kết mà ta không được để cho tình thế trên làm ta sao lãng".

Rồi Đức Bênêđíctô XVI nói thêm: "Trong Giáo Hội, định chế không phải chỉ là cơ cấu bề ngoài còn Tin Mừng thì hoàn toàn có tính tâm linh. Thực ra, Tin Mừng và định chế là hai điều không thể tách biệt nhau được vì Tin Mừng có một thân xác, Chúa có một thân xác trong thời gian của ta. Thành thử, các vấn đề thoạt nhìn xem ra chỉ có tính định chế thực sự đều có tính thần học và tính trung tâm, vì nó đều là vấn đề thể hiện hóa và cụ thể hóa Tin Mừng trong thời đại ta".

Chắc chắn Đức Phanxicô đã đọc lại các lời lẽ trên khi có những tin tức nói về việc cải tổ Giáo Triều Rôma. Chủ trương mục vụ của Đức Phanxicô và nền thần học của Đức Bênêđíctô kết hợp lại sẽ giúp Giáo Hội thoát khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay. Hai tâm hồn này không thể tách biệt nhau. Điều này được chứng minh rõ qua việc Đức Phanxicô liên tục tìm gặp Đức Bênêđíctô, một tìm gặp nói lên tính liên tục và tình huynh đệ giữa hai vị giáo hoàng. Nói như Đức Gioan Phaolô II, người tiền nhiệm của

cả hai vị, Đức Phanxicô và Đức Bênêđíctô đang là hai lá phổi của nhiệm thể Giáo Hội, rất nhịp nhàng hít thở sự sống Thiên Chúa cho nhiệm thể này.

Người ta có thể cho rằng nhu cầu chứng tỏ tính liên tục nói trên là một phần trong chiến thuật truyền thông, nhằm tránh được các chỉ trích đối với triều giáo hoàng Phanxicô, nhất là vì triều giáo hoàng này bị nhiều người cho là thiếu tính định chế. Rất có thể như thế. Dù sao, năm mới với hai vị giáo hoàng này chắc chắn sẽ cho thấy tín lý của Giáo Hội không có gì thay đổi. Phần Đức Phanxicô, ngài đang duyệt lại cuộc cách mạng của ngài: một cuộc cách mạng không hẳn cắt đứt với quá khứ, như giới truyền thông thế tục vốn nghĩ.